

TỬ VI NHẬP MÔN TOÀN KHOA

TẬP 1

TRẦN ĐOÀN VÀ TỬ VI

Đầu thế kỷ 10, đầu nhà Tống, Trần Đoàn lão tổ rút kinh nghiệm của hàng mấy chục thế kỷ và công phu học tập của bản thân sáng lập ra khoa Tử Vi Đẩu Số. Đây cũng là cuộc canh cải hà đồ với 8 quẻ tiên thiên bát quái. Với 8 quẻ thì 2 quẻ tượng trưng cho cha mẹ và 6 quẻ kia chia thành 3 trai 3 gái. Đây cũng là một cảnh trong gia đình bán khai của loài người nên cần phải có sự cải cách rộng rãi thêm lên với 12 Cung số của Tử Vi Đẩu số vào thế kỷ 10, văn hóa óc châu đã có tiến hóa rõ rệt để thấy đầy đủ nào là cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh chị em, bạn hữu, địa vị trong xã hội, tiền bạc, nhà cửa ruộng đất phúc đức tiền nhân để lại, tai ách bệnh tật của mình phải gánh chịu. Trần Đoàn lão tổ lại uyên thâm về cả Phật – Lão và cả Nho giáo nên khoa Tử Vi Đẩu số cũng đượm mùi học thuyết của ba đạo lớn đang thịnh hành ở Trung Quốc vào đời nhà Tống.

Đạo Phật, đạo Lão, đạo Nho ăn khớp với 3 vòng Sao Trừng Sinh, Lộc Tồn và Thái Tuế. Mỗi nhóm có 12 Sao để an vào 12 Cung, mỗi Cung 1 Sao, vì Cung nào cũng có 3 Sao của vòng này. Đó là các khung nòng cốt của mỗi Cung, còn các Sao khác an theo năm tháng ngày giờ sinh vào các Cung để làm cảnh cho các khung.

Trong Tử Vi Đẩu số như đã nói ở trên có 12 Cung số trước hết là Cung Mệnh. Bất cứ Mệnh ở Cung nào thì bên mặt phải là Cung phụ mẫu và Cung bên trái là Cung bào (anh chị em). Đó là thời thơ ấu sống với cha mẹ anh chị em. Rồi đến Cung phúc đức và Cung phối (vợ chồng), đó là khi lớn lên phải lập gia đình, lấy được vợ hiền đảm hay lẳng lơ là nhờ phúc đức tổ tiên ông bà để lại vì Cung phúc đức là đối với Cung phúc và Cung phối là đối Cung của Cung phúc đức. Sau khi lấy vợ lấy chồng thì đẻ con và tậu nhà cửa ruộng vườn cho nên đến Cung tử tức và Cung điền trạch. Hai Cung này cũng ăn khớp với nhau cho nên người ta thường nói : tậu nhà cửa ruộng vườn để sau này để lại cho con cháu. Rồi đến Cung tài bạch và Cung quan lộc có ý nghĩa là sau khi có vợ có con thì ta cầu tài lộc cầu công danh để kiếm tiền nuôi vợ con. Kế Cung tài bạch là Cung tật ách, kế Cung quan lộc là Cung nô bộc cũng có nghĩa là vì tiền bạc mà gây nên nhiều tai vạ, hận thù, bệnh tật và dừng nên quá tham lam mà gây ra sự tổn thọ. Xung chiếu Cung Mệnh và Cung thiên di có nghĩa là sống trong xã hội hàng ngày phải di chuyển và trực tiếp giao thiệp với đủ mọi hạng người.

Chưa nói tới hàng trăm Sao khác, chỉ mỗi có 3 vòng lộc tồn – trừng sinh – thái tuế và cách bố trí của 12 Cung trong Tử Vi Đẩu số cũng đã thấy Trần Đoàn lão tổ đã đem hết khả năng của người để sáng lập ra khoa Tử Vi.

Trần Đoàn lão tổ sau 30 năm học dịch hiểu rằng vũ trụ ảnh hưởng đến nhân sinh rất nhiều và ông phổ biến sự hiểu biết cho hậu thế bằng cách lấy 36 thiên can và 72 Sao địa sát có sẵn cộng thêm mặt trời và mặt trăng (thái Dương – thái Âm) phân phối thành 31 dây Sao. Do ảnh hưởng của cát hung, thần thoại của các Sao mà phân phối như sau :

23 dây an theo niên canh (trong đó 3 dây an theo hàng can và 15 dây an theo hàng chi).

3 dây an theo tháng.

2 dây an theo ngày.

3 dây an theo giờ.

Khi an Mệnh trong Tử Vi cũng phải dựa vào dịch lý thiên khai ư tí, địa tích ư sủ, nhân sinh tại dân.

Lấy Tử Vi an Mệnh phải khởi từ Cung dân là theo nghĩa ấy. Do những sự kiện ấy mà ta biết rằng nguyên lý của Tử Vi là dịch lý.

Trần Đoàn lão tổ đã chế ra 36 thiên can tinh và 72 địa sát tinh cũng phải học dịch hàng mấy chục năm mới hiểu được lẽ huyền vi của tạo hóa chi phối đến đời sống con người và sau khi cân nhắc về ảnh hưởng cát hung, lão tổ đã phân phối thành 31 dây Sao và tạo ra một số định lý hay công thức để an các Sao này, để sau này hậu thế cứ theo những định lý hay công thức định lý đó mà tìm hiểu vận mạng con người. Ông đã quá hiểu dịch lý và đã dùng phần dịch lý này để áp dụng cho Tử Vi Đẩu số.

Khoa Tử Vi dịch lý đã được truyền vào Việt Nam từ đời Trần Thái Tôn (1257). Trong quá trình lịch sử khoa Tử Vi Việt Nam lại tinh vi hơn khoa Tử Vi tại Trung Quốc, không khác gì Phật giáo ra đời tại Ấn Độ mà lại cực thịnh ở vùng Đông Nam Á.

Các hệ phái Tử Vi : đến đời Mãn Thanh giữa thế kỷ 17 thì Trung Quốc khoa Tử Vi chia làm 3 hệ phái rõ rệt :

Phái Triệu gia (con cháu nhà Tống).

Phái Hà lạc (học trò Trần Đoàn lão tổ đi về hướng Bắc).

Phái Âm Dương (học trò Trần Đoàn lão tổ đi về hướng Nam).

Khoa Tử Vi hệ phái Triệu gia chỉ truyền cho con cháu nhà Tống và có tư cách. Sau khi nhà Tống mất ngôi, con cháu nhà Tống vẫn giữ được tính chất đặc biệt của hệ phái Triệu gia.

Sau khi Trần Đoàn lão tổ qui tiên một nhóm chịu ảnh hưởng về dịch lý gọi là hệ phái Hà lạc đi về hướng Bắc. Phái này đa số dựa vào Tử Vi để làm kế sinh nhai nên họ giữ bí mật, ít khi truyền lại cho nhau hết các bí quyết, bao giờ họ cũng giữ lại một số bí thuật vì vậy hệ phái này lâu ngày mất hẳn gốc.

Một số đệ tử Trần Đoàn lão tổ đi về hướng Nam đã bị ảnh hưởng của Âm Dương và ngũ hành, hệ phái này quá chú trọng về Âm Dương và ngũ hành sinh khắc nên quên mất chính yếu của Tử Vi là thiên vận. Về đời Minh thì hệ phái này rất được trọng dụng. Lưu Bá Ôn vị vua khai sáng nhà Minh (Minh thái tổ) cũng là một nhân vật xuất thân trong hệ phái Âm Dương. Môn phái Âm Dương để lại cho hậu thế bộ Tử Vi Âm Dương chính nghĩa.

CÁCH LẬP THÀNH MỘT LÁ SỐ TỬ VI

Việc đầu tiên phải làm để lập thành một lá số Tử Vi là phải biết rõ năm tháng ngày giờ sinh và bao giờ cũng dùng Âm lịch để tính tuổi. Không nhớ ngày Âm lịch thì phải đổi ngày Dương lịch ra ngày Âm lịch. Sau đó lập thiên bàn chia ra làm 12 ô, mỗi ô là 1 Cung, và bất cứ một lá số Tử Vi nào cũng lập theo căn bản đó. Vùng ghi 12 Cung được gọi là thiên bàn để ghi tên các Cung, ví dụ Mệnh phụ phúc ... chính tinh, phụ tinh và các thập niên. Khoảng giữa lá số gọi là địa bàn để ghi họ tên ngày giờ tháng năm sinh, tuổi Âm hay Dương, bản Mệnh hàn gì, cục gì và tên các tiểu hạn. Nếu người phái nam tuổi Dương gọi là Dương Nam, nếu người phái nữ tuổi Dương gọi là Dương Nữ, tuổi Âm gọi là Âm Nữ. Ghi rõ tuổi Dương nam, Âm nam, Dương nữ, Âm nữ vào địa bàn lá số.

Thế nào là can : can là con số $5 \times 2 = 10$ được đặt tên theo thứ tự : giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhân, quý, gọi chung 10 tính danh này là thần của can, trong đó có thần (can) Dương là giáp, bính, mậu, canh nhân và 5 thần (can) Âm là ất, đinh, kỷ, tân, quý.

Thế nào là chi : chi là con số $6 \times 3 = 12$ được đặt tên theo thứ tự : Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

5 và 6 là con số của dịch số, tuy nhân với 2 là 10 và 12 nhưng thực ra chỉ có 5 Âm và 5 Dương (can), 6 Âm và 6 Dương (chi). Âm Dương là 2 mặt của tất cả mọi sự vật. Can giáp là dương mộc, ất là âm mộc, bính là dương hỏa, đinh là âm hỏa, mậu là dương thổ, kỷ là âm thổ, canh là dương kim, tân là âm kim, nhâm là dương thủy, quý là âm thủy. Chi tí là dương thủy, Sửu là âm thổ, dần là dương mộc, Mão là âm mộc, Thìn là dương thổ, Tỵ là âm hỏa, Ngọ là dương hỏa, Mùi là âm thổ, Thân là dương kim, Dậu là âm kim, Tuất là dương thổ, Hợi là âm thủy.

Tháng : theo sự sinh hóa của trời đất thì đầu năm là tháng tỵ, tức tháng 11 lá cây rụng hết và bắt đầu chứa nhựa mới từ đầu tháng 11. Tuy nhiên mãi đến tháng dần (một âm lịch) lộc mới bắt đầu trở ra ngoài và khí trời mới bắt đầu ấm áp. Cổ nhân dùng tháng dần làm tháng đầu năm hợp lý hóa là dùng tháng tí (tháng 11 âm lịch). Vậy tháng giêng âm lịch là tháng dần, tháng 2 âm lịch là tháng Mão, tháng 3 âm lịch là tháng Thìn ... tháng 12 âm lịch là tháng Sửu.

Năm : mỗi năm lại luân lưu một can và một chi, nếu năm đầu là can giáp và chi tỵ tức là năm giáp tí thì năm kế tiếp sẽ là can ất và chi Sửu (ất Sửu), cứ như thế đi mãi hết 60 năm rồi trở lại tiếp. Tháng : cũng 60 tháng (tức là $5 \times 12 = 60$) thì tên tháng trùng hợp can chi trở lại một lần. Ngày : ngày cũng giống như tháng, cứ 60 ngày thì tên ngày để can chi giống nhau trở lại. Giờ : giờ cũng vậy cứ 60 giờ (âm lịch) tức 5 ngày hay 12 giờ (dương lịch) thì tên can chi giống nhau trở lại một lần, giờ Tử Vi là giờ theo can chi, một ngày âm lịch chỉ có 12 giờ âm lịch = 24 giờ dương lịch.

Phép tính tháng : theo âm lịch đầy đủ cả can chi (vì trên lịch thì chỉ đề có can và chi của ngày). Còn tháng thì tính theo cách : năm giáp kỷ khởi tháng giêng là tháng bính dần, năm ất canh khởi tháng giêng là tháng mậu dần, năm bính tân khởi tháng giêng là tháng canh dần, năm đinh nhâm khởi tháng giêng là tháng nhâm dần, năm mậu quý khởi tháng giêng là tháng giáp dần.

Phép tính giờ : phải xem lịch ngày đó là can gì ?

Ngày can giáp kỷ thì giờ khởi đầu là giờ bính dần.

Ngày can ất canh thì giờ khởi đầu là giờ mậu dần.

Ngày can bính tân thì giờ khởi đầu là giờ canh dần.

Ngày can đinh nhâm thì giờ khởi đầu là giờ nhâm dần.

Ngày can mậu quý thì giờ khởi đầu là giờ giáp dần.

Tính giờ âm lịch khác với giờ dương lịch, giờ âm lịch kéo dài tiếng đồng hồ.

Khi xác định được rõ ràng năm tháng ngày giờ rồi thì hãy ghi vào địa bàn.

Về ngày giờ thiếu chính xác : ngoại trừ trường hợp không thể tìm được ngày giờ sinh chính xác hoặc vì cha mẹ đã mất hay họ hàng chẳng còn ai để hỏi, còn mọi người thì có thể hỏi cha mẹ hoặc người thân. Nếu có đầy đủ rõ ràng năm tháng ngày giờ sinh thì có thể lấy được một lá số Tử Vi chính xác. Vì nếu lấy Tử Vi sai ngày sai giờ thì người đoán sẽ đoán sai bản số ngay từ lúc đầu làm người xem mất tin tưởng, người đoán sẽ cũng nản lòng. Nhiều nơi không có đồng hồ chỉ nhớ lúc chạng vạng tối, gà lên chuồng, gà gáy sáng, đồng hồ nhà bảo sanh chưa chắc đúng, chưa kể sinh nhầm giữa hai giờ (ngọ mùi chẳng hạn) rồi cha mẹ hay thân nhân ghi đại vào giấy để làm tài liệu, sau nữa từ 1943 riêng ở Việt Nam cũng đã có 6 lần thay đổi giờ giấc do lịch sử chi phối cũng làm điên đầu người lấy số Tử Vi, 6 lần đổi giờ là :

Trước 1943

Kể từ 01/01/1943

Kể từ 01/04/1945

Kể từ 01/04/1947

Kể từ 01/07/1955

Kể từ 01/01/1960

Kể từ 01/05/1975 (dương lịch)

Khoa Tử Vi chia làm 12 Cung số là :

1. Mệnh để chỉ mạng số của chính mình.
2. Bào để chỉ mạng số của anh chị em mình.
3. Phối (phu thê) để chỉ mạng số của vợ, chồng mình.
4. Tử tức để chỉ mạng số của con cái mình.
5. Tài để chỉ tiền bạc của cải.
6. Tật ách hay giải ách để chỉ bệnh tật tai nạn.
7. Thiên di để chỉ đối ngoại hay xuất ngoại.
8. Nô bộc để chỉ bạn hữu vợ lẽ hay gia nhân.
9. Quan lộc để chỉ nghề nghiệp công danh.
10. Điền trạch để chỉ nhà cửa ruộng vườn.
11. Phúc đức để chỉ phúc đức tổ tiên mồ mã.
12. Phụ mẫu để chỉ cha mẹ.

Hạn trẻ con : để xem số Tử Vi cho trẻ từ 1 – 12 tuổi : 1 tuổi xem hạn ở cung Mệnh, 2 tuổi xem hạn ở Cung giải ách, 4 tuổi xem hạn ở Cung phối, 5 tuổi xem hạn ở Cung phúc đức, 6 tuổi xem hạn ở Cung quan lộc, 7 tuổi xem hạn ở Cung nô bộc, 8 tuổi xem hạn ở Cung thiên di, 9 tuổi xem hạn ở Cung tử tức, 10 tuổi xem hạn ở Cung bào, 11 tuổi xem hạn ở Cung phụ mẫu, 12 tuổi xem hạn ở Cung điền.

Hạn tam tai : mỗi tuổi bất cứ tuổi gì, mỗi người có 3 năm trong một giáp 12 năm gặp hạn tam tai. Các hạn có nhiều thứ nhưng người nào mà Cung Mệnh thuộc những chính tinh nào đó khi đến hạn gặp hung tinh phá là hạn xấu. Tuy nhiên không cứ gặp hạn xấu mà bị xấu, nếu gặp những Sao giải thì lại không bị xấu nữa hoặc đỡ đi phần nào. Cho nên khi nói đến hạn tam tai không phải cứ đến hạn đó là xấu mà còn phải xét xem những cái xấu có được giải đi hay không nữa.

Cách tính những năm gặp hạn tam tai : những người tuổi thân tí thìn thì hạn tam tai vào những năm dần mao thìn, những người tuổi tỵ, dậu, Sửu hạn tam tai vào những năm hợi, tí, Sửu tuổi dần ngọ tuất hạn tam tai vào những năm thân, dậu tuất, những người tuổi hợi mao mùi hạn tam tai vào những năm tỵ, ngọ mùi. Để cho dễ nhớ, những năm gặp hạn tam tai cho mỗi tuổi chỉ cần nhớ các bộ tam hợp và phải nhớ cho đúng thứ tự của mỗi bộ tam hợp (rất quan trọng) thế rồi trở về Cung địa bàn trên lá số và cứ lấy 3 Cung vẫn theo chiều thuận trên lá số rồi đi tới Cung cuối cùng của bộ tam hợp tuổi đó là Cung thuộc về ba năm ứng vào các năm gặp hạn tam tai. Không phải là hạn tam tai là ba tai nạn trong kinh Phật. Gặp hạn tam tai thì làm ăn thất bại hoặc nhẹ thì gặp khó khăn, nặng thì thất bại lủng củng tang tóc, sự làm ăn thất bại bao gồm các yếu tố gây nên sự thất bại, có thể vì ốm đau mà thất bại. Vì thế tuy gặp hạn tam tai nhưng vẫn tốt tuy bị giảm sút. Vậy gặp hạn tam tai nên đề dặt thận trọng trong công việc làm ăn.

Năm sinh và giờ sinh : tuổi dần ngọ tỵ dậu mà sinh vào giờ thìn tuất Sửu mùi thì xấu, tuổi dần hợi tí mà sinh giờ ngọ dậu thân hợi thì khắc cha phải ngoài 16 tuổi mới tránh khỏi sự hình khắc đó. Tuổi thìn tuất Sửu mùi sinh vào giờ tí ngọ mao dậu, tỵ hợi dần thân thì khắc mẹ.

ÂM DƯƠNG VÀ NGŨ HÀNH

Ngũ hành trong Tử Vi rất cao xa và rắc rối cho nên Tử Vi mà bỏ ngũ hành sẽ là sự thiếu sót vô cùng trầm trọng và cạy nệ quá cũng dễ lâm vào mê hồn trận. Nói tổng quát bao giờ các Sao sinh cho bản Mệnh cũng gia tăng được sự ứng nghiệm tốt hay xấu. Ví dụ hai người cùng có Tử Vi thiên phủ ở Cung dần hay Cung thân thì người nào mạng kim cũng được hưởng độ số tốt

gia tăng hơn những người mạng khác (xấu nhất là người mạng thủy hay mạng mộc). Nếu không xét đến ngũ hành thì làm Sao so sánh được hai người với nhau, đây là một điểm sơ đẳng tổng quát. Còn có những trường hợp phức tạp hơn như người mạng thủy gặp các Sao kim tại Mệnh ai lại chẳng cho là tốt vì kim sinh thủy (ví dụ như có vũ khúc) vì kim là một khối kim khí bao giờ chảy ra thành nước để nói rằng thủy vượng, do đó cần có thêm các Sao hỏa làm chảy kim ra thì mới có lợi cho bốn mạng, nếu có thái dương hỏa tinh địa không chiếu cũng được. Nếu cứ thấy Sao thủ Mệnh sinh cho bốn mạng mà vội mừng thì đó là sự sai lầm, còn về phương diện Sao khắc bản Mệnh hoặc mạng khắc lại đương nhiên là bất lợi, nhưng cũng không vì thế mà coi như không có Sao để thủ mạng (như nhiều thầy thường nêu ra và cho là lúc đó Mệnh dù có chính tinh cũng coi như là vô chính diệu). Cũng có nhiều lý thuyết gia không đồng ý và đặt vấn đề là nếu chẳng may mạng mình gồm toàn Sao khắc với mạng thì không lẽ mạng trống rỗng và sẽ chỉ đoán theo Cung thiên di. Hoặc nói một cách khác thực tế chẳng hạn như mình có 2, 3 người con ngũ hành khắc với bản Mệnh mình thì có thể coi như không có con được không? cùng lắm là cha con không hợp tính nhau hoặc khi trưởng thành thì các con ở xa cha mẹ chứ chắc gì dám quả quyết rằng chúng bỏ bê cha mẹ. Về Tử Vi cũng vậy, có nhiều lá số chính tinh thủ Mệnh khắc bản Mệnh từ hình dáng cho đến tính tình, khả năng. Ví dụ, người có cơ lương thủ mạng ở thìn hay tuất thì dù bản Mệnh thuộc ngũ hành nào cũng có thể đoán là người đó cao lớn mặt tròn xoe, tính tình tháo vát nhiều mưu trí, nếu khác chỉ ở mức độ thành công trên đường đời mà thôi.

Nếu quá câu nệ ngũ hành thì dễ dàng đoán sai lầm, vậy tốt hơn hết nên giới hạn ngũ hành theo phạm vi hiểu biết của mình chứ đừng nên xét tỉ mỉ từng chính tinh, từng trung tinh bằng tinh rồi tính toán đến sự sinh khắc của những Sao đó ra Sao, sau đó lại đem so với mạng xem sinh Sao nào và khắc Sao nào, sau đó lại xem đến khía cạnh âm dương, nam bắc đầu tinh, nghĩa là đủ mọi khía cạnh một lúc. Vì vậy sự quyết đoán đâm ra lúng củng, lúng túng và lộn xộn.

Nói tóm lại ngũ hành là con dao hai lưỡi biết sử dụng thì có lợi, ngược lại rất tai hại, thà không áp dụng còn hơn là áp dụng bừa bãi.

Có 4 tam hợp là : thân tí thìn thuộc thủy, dần ngọ tuất thuộc hỏa, tỵ Dậu Sửu thuộc kim, Hợi Mão Mùi thuộc mộc. Nhìn thế tam hợp tuổi để xem sinh khắc của ngũ hành từ chỗ an Mệnh thân đến các Cung đại vận để biết sự thuận lợi hay nghịch cảnh.

Người tuổi thân tí thìn Mệnh thân cần đóng ở các Cung thân tí thìn mới là trùng cách đồng hành (vòng thái tuế), nếu Mệnh thân đóng ở các Cung dần ngọ tuất là hành khắc (xuất hay nhập) là cuộc đời có sự bất mãn khó khăn, nếu ở tỵ Dậu Sửu hay Hợi Mão Mùi là gặp hành sinh nhập hay sinh xuất là cuộc đời luôn có sự hạn chế như sinh nhập (lại gặp thiên không), còn sinh xuất thì hay bị nhầm lẫn thiệt thòi.

Luận về ngũ hành tương ngộ : khoa lý học đông phương coi lẽ âm dương như sinh lý biến dịch và lấy ngũ hành làm lý luân sinh khắc, chu trình ngũ hành sinh khắc đều là chu trình khép kín :

- + Kim sinh thủy, thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim.
- + Kim khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim.

Luân lý đó ai cũng biết rõ ràng và không có thắc mắc, nhưng trường hợp đồng hành của ngũ hành thì rất phức tạp. Những ý kiến thì trái ngược nhau (tốt có, xấu có). Theo Dương Quân Tùng đời Minh thì trường hợp ngũ hành tương ngộ tạo ra 3 hình thái như :

- Đồng hành mộc (mộc giáp mộc) thắng, tốt tuổi.
- Đồng hành kim (kim gặp kim) thắng, phong phú.

Đồng hành thổ (thổ gặp thổ) hòa, vừa phải.

Đồng hành hỏa (hỏa gặp hỏa) bại, khẩu thiệt.

Đồng hành thủy (thủy gặp thủy) thái quá.

Lý thuyết trên đây đem áp dụng vào lý đoán các Sao các Cung trên tính cách bản hành nhất là vào đại vận của thái tuất sẽ thấy rõ mức độ thành bại của mỗi người.

Ví dụ : người mạng thổ nhập hạn thái tuế ở Cung mùi (thổ) thì không thể thoải mái bằng người mạng kim mà gặp thái tuế Cung thân hay Cung dậu (kim).

ÂM DƯƠNG : không nên xao lãng vấn đề âm dương vì luật âm dương là đầu dây mối nhợ của mọi sự giải thích Tử Vi như 12 Cung trên lá số bao giờ cũng có âm dương xen kẽ không bao giờ có 2 Cung âm hay 2 Cung dương liền nhau cả. Vấn đề 14 chính tinh cũng phải nhận định đâu là âm đâu là dương là thể lưỡng nghi.

+ Một bên là Tử Vi thiên phủ thiên tướng liêm trinh tham lang vũ khúc thất sát và phá quân.

+ Một bên là thiên cơ thái âm thiên lương cự môn thiên đồng thái dương.

Nhìn vào 12 Cung của mỗi lá số thì mỗi nhóm Sao dương hay âm bao giờ cũng xen kẽ mà đứng chứ không bao giờ có trường hợp chỗ của nhóm này lại có Sao của nhóm kia đứng lẫn vào nhau. Cung dần có Tử Vi thiên phủ thì 5 Cung tí thìn ngọ tuất thân có nhóm Sao tử phủ vũ tướng và sát phá liêm tham chia nhau mà đứng. Trái lại nếu Cung dần có thiên đồng thiên lương thì cũng ở 5 Cung tí thìn ngọ thân tuất nhóm Sao cơ nguyệt đồng lương và cự nhật cũng dàn ra ở 5 Cung đó mà an vị chứ chẳng bao giờ đóng ở Cung khác được. Không thể nào có trường hợp một Sao của nhóm này lại được an ở các Cung Sửu Mão Tỵ Mùi Dậu và Hợi được vì ở các Cung đó đã là cứ địa của hai nhóm Sao tử phủ vũ tướng và sát phá liêm tham rồi.

Đã có sự sắp xếp trật tự như vậy rồi Sao lại còn có Cung vô chính diệu ? vì trong 12 Cung chỉ có 14 chính tinh. Trường hợp nhiều Cung có 2 chính tinh đứng cặp với nhau trong 1 Cung như Tử Vi thất sát ở Tý thì phải có liêm trinh phá quân ở Dậu thiên đồng thái âm ở Tí, cự môn thái dương ở Dần, thiên cơ thiên lương ở Thìn, vũ khúc tham lang ở Sửu, tức là 6 cặp Sao đóng ở 6 Cung, chỉ còn Sao thiên phủ đóng một mình ở Hợi và thiên tướng một mình ở Mão thì còn lại 4 Cung không có nhóm Sao nào an vị, như vậy phải có đến 4 Cung vô chính diệu. Nhưng dù vô chính diệu mỗi Cung chịu ảnh hưởng của một nhóm Sao xem như địa phận thuộc quyền của nó, không thể coi như đứng trung lập không theo nhóm nào được. Tử Vi thất sát ở Tý Cung ngọ vô chính diệu phải coi như là đất của nhóm Sao có nguyệt đồng lương, cự nhật ở Dần. Cung Mão vô chính diệu phải coi như là thuộc địa của nhóm Sao tử phủ vũ tướng, sát phá liêm tham. Cung thân vô chính diệu là căn cứ của nhóm cơ nguyệt đồng lương cự nhật, và Cung Dậu có liêm trinh phá quân thì Cung tuất (cũng coi như cùng thân) được coi là đất của nhóm cơ nguyệt đồng lương cự nhật.

Vậy khi đã nhận định được rõ ràng thế âm dương rồi ta sẽ không còn hiểu mù mờ một số sách vô căn cứ áp dụng một cách máy móc không cần hiểu nguyên do tại sao lại thế, cứ thấy Cung vô chính diệu là lôi kéo chính tinh của xung chiếu lên lấp chỗ trống vô chính diệu. Biết rằng Cung tam hợp, Cung chiếu hay xung chiếu tam hợp đều là đất dụng võ của nhóm âm hay nhóm dương. Nếu cứ áp dụng một cách máy móc như thế không hẳn là đúng vì trong cách tử phủ vũ tướng, sát phá liêm tham, cơ nguyệt đồng lương và cự nhật mỗi bộ đó đã có sự khác biệt gần như phân nửa vì bộ sát phá liêm tham thì 100% thực hành, bộ tử phủ vũ tướng chỉ còn 60% thực hành, 40% lý thuyết ; bộ cơ nguyệt đồng lương thì 100% lý thuyết còn bộ cự nhật thì 60% lý thuyết và 40% thực hành (theo cự thiên lương).

Ví dụ : Cung thân vô chính diệu, Cung xung chiếu là dần có 2 sao thái dương và cự môn, trên nguyên tắc có thể mượn 2 sao cự môn ở dần để tô điểm cho Cung thân vì tam hợp thân tỵ là thủy khắc xuất với tam hợp dần ngọ tuất là hỏa, cự môn có thể xem như chiến lợi phẩm của kẻ thắng đem về bồi đắp cho mình. Trái lại nếu Cung dần vô chính diệu mà Cung thân có cự môn mà cứ áp dụng một cách máy móc mang cự môn ở thân về lấp chỗ trống ở Cung dần vô chính diệu thì không hợp lý vì dần đã bị thân khắc nhập, người bại trận không thể đoạt chiến lợi phẩm của kẻ thắng. Nếu cứ để cự môn ở thân thay mặt cho dần vô chính diệu, các sự đại diện đó là đại diện của một khuôn mặt cường quyền để lập lên trên đầu trên cổ kẻ bị trị. Cái chính xác luôn ở trong tam hợp, tức là phải lấy đồng âm ở ngọ và cơ lương ở tuất mới là anh em ruột thịt của vô chính diệu. Để ra khỏi bế tắc này thì ta chỉ áp dụng vô chính diệu đâu là tử phủ vũ tướng, sát phá liên tham, đâu là cơ nguyệt đồng lương, đâu là cự môn.

Ngoài ra khách quan mà nhìn vào lá số Tử Vi, người ta nhận thấy 14 chính tinh được chia làm 2 phái âm dương rõ rệt nhưng sau lại chia ra đến tứ tượng. Bên dương như trên đã trình bày gồm hai bộ tử phủ vũ tướng và sát phá liên tham. Trái lại bên âm gồm 6 sao có tinh thần đoàn kết hơn nhiều, nhờ ở cặp thái dương thái âm mà thiên lương nêu cao đạo lý để cự môn theo dõi thiên cơ, thiên đồng lên tiếng để phê bình. Nói tóm lại nhóm sao âm gồm 2 nhóm cơ nguyệt đồng lương và nhóm cự môn.

Nghịch lý âm dương : vậy khi gặp phải cảnh nghịch lý âm dương ắt phải có cảnh không hợp cách, vì thế lá số Tử Vi phải trình bày thêm nhị hợp để cảnh giác sự hơn thiệt giữa tư cách quân tử nên thêm tinh thần suy tính tùy lúc. Cũng như lục hại, trường hợp nào cũng phải e dè. Về nhị hợp và lục hại sẽ có một mục riêng ở mục dưới để trình bày khúc triết hơn.

Tử Vi nhị hợp cự môn : uy thế phải e dè, nể sự phê bình.

Thiên tướng nhị hợp thiên cơ : cương quyết nhưng phải tùy theo sự tổ chức.

Thất sát nhị hợp thái dương : nhẹ dạ nên cần sáng suốt.

Trường hợp nghịch lý âm dương thường xuyên cho thấy có mặt sao phúc tinh như thiên quan thiên phúc thiên ất quý nhân, thiên đức nguyệt đức long đức phúc đức. Với bộ sao quan phúc và thiên ất quý nhân luôn luôn che chở cho những hoàn cảnh đáng được cứu vớt, nhất là thiên ất chỉ dẫn những người dấn đảm đang gánh vác vai trò quan hệ từ gia đình đến xã hội, còn tứ đức là con đường vẽ rạch cho những người đang ở trong tình trạng thiên không kiếp sát đào hoa, nếu đường quá tham vọng thì sẽ hy vọng được cứu vớt phần nào khi ngã đau.

Đứng đầu một đoàn ác sát tinh trong tình trạng nghịch lý âm dương là cặp lưu hà kiếp sát gọi là hà sát do can chi phối hợp xếp đặt bởi đào hoa một mình một chợ và thiên không cũng vào hòa. Trường hợp vắng bóng lưu hà là một hoàn cảnh suy bại nhưng đánh chính cho những người giáp dần, giáp ngọ, giáp tuất, ất hợi, ất mão, ất mùi, canh thân, canh tí, canh thìn, tân tỵ, tân dậu, tân Sửu.

Tiếp theo có hai sao địa không địa kiếp không cần biết đến tuổi nào dù là thái tuế. Hai sao này khinh mạn đứng theo giờ nghịch lý âm dương (giờ tí ở âm, giờ Sửu ở dương) làm cho điên đảo những kẻ sinh bất phùng thời.

Rồi đến kinh dương đà la thì rất nghiêm khắc với sự lạm dụng của 4 tuổi giáp ất canh tân đứng nghịch lý để canh chừng. Những người tuổi bính mậu (dần ngọ tuất) và nhâm (thân tí thìn) nên khiêm nhường vì gặp kinh dương ở tí ngọ rất nghiêng ngã trong vấn đề nghiệp quả.

Còn lại 2 sao hỏa linh thì âm thầm đứng theo hàng chi gây nhiều bất hạnh như vi trùng xâm nhập cơ thể. Tuổi dần ngọ tuất (hỏa cục) thì hỏa linh phát khởi ở âm Cung, tuổi thân tí thìn (thủy cục) thì hỏa linh phát khởi ở dương Cung, còn lại tuổi tỵ dậu Sửu hợi Mão Mùi thì hỏa linh phát

khởi từ 2 mặt kể cả âm dương như quan phúc đã canh chừng cả 5 tuổi bính đinh canh kỷ quý (trường hợp có châm chế giảm khinh).

Hai nhóm ác sát tinh và phúc tinh đều có phận sự khác nhau như long phượng tả hữu xương khúc theo năm tháng và giờ khởi từ 2 Cung dương (thìn tuất) mà hợp cách âm dương theo phương diện thời gian (thìn thuộc thái dương, tuất thuộc thái âm) để nâng cao tư cách con người.

Mỗi 60 năm cho thấy hàng can đứng trước làm gốc, hàn chi đứng sau chỉ làm phụ (ngọn) thời gian biến đổi cho thấy có phần nào lành mạnh. Trái lại khi bị sinh xuất hay khắc nhập thì có vẻ khó khăn, những số lẻ 5, 9 tốt ; 3, 7 xấu tức là dương gặp dương và âm gặp âm, không hề có âm dương nghịch lý là tại sao vậy ?

Hàng can tuy là gốc nhưng nếu nạp âm thì mới đầy đủ. Mỗi khi sự đầy đủ được hoàn toàn (nạp âm được sinh nhập) hàn có bị suy bại cũng không đến nỗi nào. Trong 60 năm hoa giáp luôn luôn mỗi hành có 2 hoa liên tiếp tức là dương và âm như giáp tý (dương kim) thì có ất sửu (âm kim).

Thời gian thiên khắc địa xung không phải chỉ đề phòng có dương hay một âm mà còn phải để ý đến thời gian trước hay sau vì nghịch lý âm dương và sự nạp âm ở trong tình trạng sinh hay khắc, nhập hay xuất.

Vịn vào 4 yếu tố năm tháng ngày giờ để lập thành lá số Tử Vi (chỉ có trên nửa triệu lá số khác nhau) vậy sao vẫn thấy mỗi cá nhân một số mạng chẳng ai giống ai. Những sao diễn tiến trên địa bàn lá số cho thấy những điểm phước điểm họa của một tư thế, phúc tinh và ác sát tinh đứng ở hai đòn cân so sánh lực lượng. Vậy phải tìm cách nào biết cách nào để thực thi.

Số mạng con người có âm có dương, thân luôn luôn có liên lạc với Mệnh và Mệnh thì luôn luôn có liên hệ với các Cung phúc đức, quan lộc, thiên di, tài bạch và phối.

Bản tính của dương là chu đáo phải hành động làm sao cho hợp cách thì chữ thọ mới ở nội tộc (phúc), nghề nghiệp (quan), ngoại giới (di) và ngoại tộc (phối).

Người âm Mệnh thì buông thả dễ dãi nên chu đáo trong nội gia (hiếu cha mẹ), tài sản (điền), bạn hữu (nô), anh em (bà con), con cái (tử) và bệnh hoạn (ách).

Sự khác biệt chỉ ở chỗ người khôn kẻ dại người làm nhiều kẻ làm ít trong mức độ nào cũng được quan phúc thiên ất hợp cùng thương sử quyết định kết cuộc để sau có giao cho bọn ác sát tinh thì hành nghĩa vụ ác ôn.

Về tứ sinh và tứ tuyệt : trong 12 Cung số Tử Vi tuy mang chỗ khác nhau nhưng các Cung số lại có những gấn bó kỳ lạ, nếu giải từng Cung theo luật ngũ hành của từng Cung trên các bản : 4 tứ sinh là dần thân tỵ hợi, 4 tứ tuyệt là tỵ ngọ mao dần ta thấy 4 Cung tứ sinh và 4 Cung tứ tuyệt khắc chế nhau từng đôi một :

Cung tỵ (hỏa) đối lập với Cung hợi (thủy).

Cung thân (kim) đối lập với Cung dần (mộc).

Cung ngọ (hỏa) đối lập với Cung tỵ (thủy).

Cung mao (mộc) đối lập với Cung dậu (kim).

Vậy khi các Cung nói trên mang chủ đề gì (trong 12 chủ đề Mệnh phụ phúc điền ...) thì chúng xung khắc lẫn nhau như bản chất của chúng.

Ví dụ : tuổi âm nam Mệnh tại dậu ta có : tiền bạc (Cung tỵ) khắc chế với phúc đức (hợi) ; huynh đệ (thân) khắc chế với bạn bè (Cung dần), nhà cửa (tý) không hợp với con cái (Cung ngọ) ; bản Mệnh (Cung dậu) không hợp với tha nhân (Cung mao). Các sự xung khắc trên là sự cảnh báo cho đương số để mà tùy nghi lựa chọn một trong hai điều, lựa chọn tiền bạc hay phúc đức hoặc muốn con cái an toàn hay nhà cửa khang trang.

Về sinh vượng bại tuyệt địa : đối với thân thì tỵ, nhị hợp với thìn thì dậu là nhị hợp và với tý thì Sửu là nhị hợp. Vậy tại hợp tỵ dậu Sửu là nhị hợp của thân tý thìn, cho nên phải nói rằng bản Mệnh thuộc thân tý thìn mà Cung Mệnh đóng ở tại dậu Sửu là hợp. Để kết luận :

Tuổi là tam hợp thân tý thìn khi : Cung Mệnh ở thân tý thìn sinh địa, Cung Mệnh ở tỵ dậu Sửu là vượng địa, Cung Mệnh dần ngọ Tuất là bại địa, Cung Mệnh ở Hợi Mão Mùi là tuyệt địa.

Tuổi là tam hợp tỵ dậu Sửu khi : Cung Mệnh ở tỵ, dậu Sửu sinh địa, Cung Mệnh ở thân tý thìn là vượng địa, Cung Mệnh Hợi Mão Mùi là bại địa, Cung Mệnh ở dần ngọ Tuất là tuyệt địa.

Tuổi là tam hợp dần ngọ Tuất khi : Cung Mệnh ở dần ngọ tuy là sinh địa, Cung Mệnh ở Hợi Mão Mùi là vượng địa, Cung Mệnh ở thân tý thìn là bại địa, Cung Mệnh ở tỵ dậu Sửu là tuyệt địa.

Tuổi là tam hợp Hợi Mão Mùi khi : Cung Mệnh ở Hợi Mão Mùi là sinh địa, Cung Mệnh ở dần ngọ Tuất là vượng địa, Cung Mệnh ở tỵ dậu Sửu là bại địa, Cung Mệnh ở thốn tý thìn là tuyệt địa.

Nhiều sách cho rằng Cung Mệnh ở sinh địa thì rất tốt vượng địa thì nhiều lợi ích, bại địa là xấu, còn tuyệt địa thì giảm thọ đáng e ngại. Đó chỉ là cách giải đoán thô sơ mộc mạc vì còn phải bù trừ những cách tốt xấu khác. Trong quyển Tử Vi Đẩu số tân biên của vụ Vân Đằng Thái Thứ Lang có giải thích rằng Cung Mệnh ở tuyệt địa rất cần có chính tinh miếu vượng đắc địa sáng sủa tọa thủ hoặc khoa quyền lộc hội hợp để cứu giải, như vậy thì tuy ở tuyệt địa thì cũng có cách để cứu giải được. Chính tinh cứu giải phải sinh được bản Mệnh (luận theo ngũ hành). Nếu Cung Mệnh là tuyệt địa được chính tinh tọa thủ sinh được bản Mệnh thì lại thành cách tuyệt sự phùng sinh như cánh hoa tuy mỏng manh nhưng lâu tàn cũng chẳng có gì đáng lo ngại.

Về sinh vượng bại tuyệt địa đã luận giải ở trên cho tất cả các tuổi và các Cung vị trí của Mệnh.

LUẬN VỀ THIÊN CAN – ĐỊA CHI :

Tuổi của mỗi người là một tiểu thái cực do lưỡng nghi (địa chi, thiên can) đúc kết được để nạp âm.

Thiên can là phần quan trọng đứng trên như cây có gốc.

Địa chi là nhánh là cành là phần phụ.

Mọi sự việc diễn tiến xảy ra trải qua ngày tháng do can ẩn định. Chi trình bày sự hợp xung có đúng cách hay không ?

Nạp âm phần chính xác của Mệnh phụ họa với lại mức để quyết định như : tuổi giáp tý (kim) gặp năm canh ngọ phải phân tích can canh khắc can giáp, chi ngọ xung chi tý. Tuy là xung nhưng kém thế vì tý (thủy) khắc ngọ (hỏa) có ý nghĩa thiên khắc địa xung như khắc xuất kẻ là nhẹ.

Thành phần thứ ba nạp âm canh ngọ (thổ) sinh nhập cho tuổi giáp tý (kim) đem lại kết quả toàn bộ cho tuổi giáp tý gặp năm canh ngọ (thiên khắc địa xung) báo hiệu một thời gian nguy hiểm, đương số chỉ gặp thị phi bệnh họa nhưng cũng chỉ qua loa mà thôi.

Thành phần thứ ba nạp âm năm canh ngọ (thổ) sinh nhập cho tuổi giáp tý (kim) đem lại kết quả toàn bộ cho tuổi giáp tý gặp năm canh ngọ (thiên khắc địa xung) báo hiệu một thời gian nguy hiểm, đương số chỉ gặp thị phi bệnh họa nhưng cũng chỉ qua loa mà thôi.

Phải để ý 5 cặp hàng can (giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm quí) đứng cùng nạp âm của Mệnh đồng hành như canh thìn tân tỵ có canh tân đều là can kim mà nạp âm cũng là chi kim. Hai tuổi này khi gặp sát tinh trùng cách sát là khắc toàn vẹn như hỏa linh chẳng hạn. Đương số (2 tuổi canh thìn tân tỵ) phải cẩn thận ảnh hưởng của thời gian đó. Trường hợp có thiên thời (thái tuế) sự tốt đẹp bị chiết giảm 50% nhưng mỗi khi gặp khó khăn vẫn có cái may mắn giải cứu.

Vậy thì có thể trình bày sự sắp xếp :

Những tuổi giáp ất và mạng mộc phải đề phòng thiên hình (kim).

Những tuổi bính đinh và mạng hỏa phải đề phòng hóa kỵ (thủy).

Những tuổi canh tân và mạng kim phải đề phòng và e ngại hỏa linh (hỏa).

Những tuổi mậu kỷ và mạng thổ phải cẩn thận sao đường phú (mộc).

Những tuổi nhâm quý và mạng thủy phải đề phòng 2 sao cô quả (thổ).

Có 5 trường hợp gặp là :

Người giáp ất và mộc mạng dễ bị thiên hình mổ xẻ, có sẹo trong thân thể hoặc yếu gan.

Người bính đinh hay hỏa mạng phải đề phòng sông nước (hóa kỵ) và bệnh tim (thừa thiếu máu) hoặc thân danh bị kiềm chế. Người mậu kỷ hay thổ mạng sự nghiệp hay bị trôi sụt và bệnh tiêu hóa (khó tiêu hay đau bụng).

Người canh tân và kim mạng phải đề phòng nạn lửa và nhất là bệnh phổi.

Người nhâm quý hay thủy mạng thường làm ơn nên oán khó gây tình cảm hay bệnh nội thương hoặc bệnh về thận.

Để bảo tồn sinh mạng và tránh sự khắc hãm cổ nhân có bày nên cách dùng màu như sau

Mộc mạng nên dùng màu xanh lá cây (sơn nhà cửa hay quần áo).

Hỏa mạng hợp với màu đỏ.

Thổ mạng hợp với màu vàng.

Kim mạng hợp với màu trắng.

Thủy mạng hợp với màu xám, màu đen hay màu xanh thẫm.

Trong 5 hành chỉ có những can bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý là có hàng can đồng hành với nạp âm. Còn giáp ất thì không có một tuổi giáp ất nào là hành mộc.

Giáp tý (kim), giáp dần (thủy), giáp thìn (hỏa), giáp ngọ (kim), giáp thân (thủy), giáp tuất (hỏa) nên những tuổi này phải lấy nạp âm của mình mà dùng màu sắc.

Những sao thiên hình hóa kỵ hỏa linh đường phú cô quả thủ vai trò đao phủ tác hại còn hơn cả không kiếp. Thấy người Mệnh thái tuế bị không kiếp đứng kèm là cả một cuộc đời buồn tủi, dẫu ở trường hợp nào hoàn cảnh nào cũng là người lỡ hành trên sa mạc. Luật bù trừ của tạo hóa không thể sai lệch cán cân của nghiệp báo nhân quả.

NGUYÊN TẮC TAM HỢP

Mọi người đều nhận thấy rằng trên thiên bàn lá số tử vi là Cung từ tý đến hợi với các hành kim mộc thủy hỏa thổ nằm những vị trí cố định và các vị trí cố định được an ở các Cung Mệnh phụ lục phúc điền ... phân định các Cung và các biểu tượng là số thành những tam hợp ta có ví dụ :

Thân tý thìn biểu tượng Mệnh tài quan.

Tỵ dậu Sửu biểu tượng là Mệnh tử nô.

Dần ngọ tuất biểu tượng là phối phúc di.

Hợi mao mùi biểu tượng là điền bào ách.

Xét ngũ hành (kim mộc thủy hỏa thổ) ta thấy những hành liên nhau là sinh, những hành cách nhau là khắc. Vậy sinh là liên nhau thì có những tác dụng mạnh cho nhau, còn khắc là gián đoạn có tác dụng xô đẩy và xa rời. Khảo sát các hiện tượng vật lý cũng cho phép ta kết luận tương tự. Hơn nữa khoa Tử Vi được xem là một khoa học có căn bản vẫn dựa theo phước thiện của mỗi người. Nho giáo có câu “nhân chi sơ tính bản thiện” cái khắc chỉ là do con người tạo ra hoặc là từ kiếp này hay kiếp khác, chẳng qua chỉ là cái quả của một cá nhân sinh ra. Do đó người ta cho rằng cái sinh là gốc của căn bản đến với mình và cái khắc là cái phụ xuất hiện từ cái sinh. Đi giải đáp khắc cũng có ảnh hưởng như khắc xuất khắc nhập. Trường hợp này khi đã đi vào chi tiết xếp hành của các sao hoặc hành chung của một tam hợp như tam hợp của thái tuế quan phù

bạch hổ, chẳng hạn để xem chúng có chung đưng với nhau được không. Đây chỉ là xét các hành nguyên thủy mục đích tìm chiều vận hành của các Cung để xem trong một tam hợp Cung nào chịu ảnh hưởng Cung nào, thứ tự các ảnh hưởng và ảnh hưởng ra sao ? Xét hành của các tam hợp ta thấy :

Thìn (thổ) sinh thân (kim) sinh tý (thủy).

Tý (hỏa) sinh sửu (thổ) sinh dậu (kim).

Dần (mộc) sinh ngọ (hỏa) sinh tuất (thổ).

Hợi (thủy) sinh mao (mộc) khắc mùi (thổ).

Thứ tự trên cho phép ta kết luận nếu Cung Mệnh và 11 Cung khác nằm trong 3 tam hợp đầu các biểu tượng sẽ ảnh hưởng nhau và thứ tự các ảnh hưởng hay chiều tác dụng sẽ được trình bày sau đây với các ví dụ. Nếu các biểu tượng này lọt vào trường hợp tam hợp thứ tư (hợi mao mùi) thì ta thấy ngay chỉ có biểu tượng Hợi và Mão là chịu ảnh hưởng nhau.

Sự sinh khắc các hành vận chuyển theo một chiều nhất định và không có chiều ngược lại. Khi người ta nói ảnh hưởng nhau chỉ vì người ta đã giải thích theo khoa học rằng Cung sinh thì bị hao hụt, chung được sinh thì được bồi dưỡng cả cái tốt lẫn cái xấu tùy theo đặc tính của từng tinh đầu.

Tóm lại hành thuận lợi theo chiều sinh có nhiều tác dụng, hành khắc chiều sinh không có tác dụng. Ví dụ : tam hợp thân tý thìn khi xét cát hung của Cung thìn ta cần chú trọng nhiều nhất đến Cung thìn, riêng đối với Cung tý thủy được thân kim là giảm cường độ của các đầu tinh tại Cung thân trước khi tính cường độ và đặc tính của đầu tinh nơi Cung thìn chiếu nhập vào mà khỏi cần để ý đến tính chất của đầu tinh nơi Cung tý. Khi xét đến Cung thìn ta chỉ cần giảm cường độ của đầu tin cư nơi Cung này và của Cung thân chiếu xuống, Cung tý thì không kể đến.

Kết luận : Mệnh chỉ vận hành trên 12 Cung thiên bàn vậy ta có thể dựa trên 4 đặc tính sinh khắc của 4 tam hợp kể trên để lập thành một bản vị trí tương ứng với các biểu tượng của Mệnh với các Cung thiên bàn để loại bớt sự phức tạp khi xét một tam hợp. Về cách thức giải đoán tam hợp như trên, nếu ai thích có thể phối kiểm chiều tác dụng tam hợp, với phương pháp này cần giải ảnh hưởng tam hợp.

Trường hợp 1 : người tuổi mậu dần có Mệnh đóng tại sửu chiều sinh đi từ quan đến Mệnh, từ điền đến ách đến bào, từ phụ đến nô đến tử, từ thê đến phúc gián đoạn ở thiên di, gián đoạn thê. Trên thực tế người này được thanh thoi, tiền của không phải làm việc mà có, tiền của phần nhiều do cha mẹ để lại hoặc vì trúng số mà có. Các chuyện rắc rối tai họa thường do nhà đất gây nên. Tuy nhiên khi có hoạn nạn anh em trong nhà đến giúp đỡ và không khi nào vì anh em mà gặp tai ương hay bệnh hoạn và cũng không vì bệnh hoạn tai ương mà sản nghiệp bị tiêu hao. Bận bề của người này lúc nào cũng sốt sắng giúp đỡ.

Trường hợp 2 : cũng tuổi dần và người này có chức tước kiếm được tiền nhờ ảnh hưởng chức vụ nhưng Mệnh lại không được hưởng vì thường bị mất cắp hay bị người lừa gạt vì Mệnh bị gián đoạn với tài ở mao và quan ở Hợi. Đối với Cung ách bào và điền (thuận chiều sinh), người này nhờ anh em gánh chịu hết tai ương và nhờ anh em mà tậu được nhà cửa, ngược lại không bao giờ bị rắc rối về nhà cửa ruộng vườn. Đối với Cung thê di phúc (thuận chiều sinh) thường xa nhà vì thê có sao khắc với đương số và ra ngoài hay được người giúp đỡ.

Trường hợp 3 : người tuổi mao có Mệnh đóng ở dần cũng là người có địa vị, đặc biệt Cung tài bạch rất tốt, trên thực tế lại không được hưởng tiền bạc mà lại sử dụng nó vào việc giữ vững địa vị của mình. Đối với ách bào điền anh em thường gánh chịu tai họa và cũng do anh em phá tán sản nghiệp đương sự. Các Cung thê phúc và di thì vì Cung phúc xấu nên mỗi lần ra đi là gặp

chuyện không vừa ý, tuy nhiên Cung thê cũng không chịu ảnh hưởng của di và phúc bởi vì người này luôn luôn gặp may mắn. Đối với các Cung nô phụ tử, con cái luôn luôn được bạn bè giúp đỡ. Trường hợp 4 : người này tuổi Dậu Mệnh đóng tại tý có chức tước và nhờ đó mà kiếm ra nhiều tiền, luôn luôn lo nghĩ đến tiền bạc, ngược lại tiền bạc không giúp đỡ cho địa vị được thăng tiến, và người này cũng không thích địa vị hiện tại của mình, lúc nào cũng nghĩ đến chuyện đổi sang nghề khác. Đối với nô phụ tử vì ở xa nên thường nhờ bạn bè giúp đỡ cha mẹ. Đối với các Cung di thê và phúc thì cũng nhờ bạn bè giúp đỡ cho vợ được khá giả. Đối với các Cung điền bào và ách thì người này nhờ anh em mà có ruộng vườn nhà cửa, nhưng các rắc rối trên đường đời thì không liên hệ gì đến anh em và sự nghiệp.

Chính chiếu hay xung chiếu : xung chiếu là thế luôn luôn chỉ có khắc (khắc nhập hay khắc xuất) với Mệnh. Nếu có khắc nhập thì phải luôn luôn tranh đấu với tha nhân để sinh tồn. Nếu khắc xuất thì được hưởng những gì mà Mệnh có.

Ý nghĩa của xung là đối diện để đụng chạm. Trong lý họ Tử Vi ngoài cái thế tam hợp tức là liên minh tương trợ lẫn nhau để trường tồn, còn thế xung khắc thế đối diện để ganh đua ngăn trở kiềm hãm đối phương thi thố tài năng.

Với 12 Cung số chia thành 6 cặp : tý xung ngọ, Sửu xung mùi, dần xung thân, Mão xung Dậu, Thìn xung Tuất, Tỵ xung Hợi nhưng trên thực tế chỉ có tý Hợi (thủy) xung khắc tý Ngọ (hỏa), thân Dậu (kim) xung khắc dần Mão (mộc), còn 4 Cung Thìn Tuất Sửu Mùi đồng hành thổ được coi như là xung nhẹ. Chỉ còn thế âm dương đối diện với nhau (từ dần đến thân thuộc thái dương và từ thân đến dần thuộc thái âm). 12 Cung đó lại chia thành 3 thế đứng cũng là đặc cách nòng cốt của mỗi vị trí dần thân tỵ Hợi là tứ sinh phục vụ bồi đắp và tiếp tế cho tứ chính tý Ngọ Mão Dậu để rồi một ngày nào đó sẽ tàn tạ ở nơi tứ Mão Thìn Tuất Sửu Mùi đây là phần thuộc về không gian.

Còn thời gian thì kể từ giáp tý đến quý Hợi, mỗi chữ hán chi thì có 5 lần như tý thì có 5 lần như giáp tý, bính tý, mậu tý, canh tý và nhâm tý tức là cuộc đời của người sống đến 60 tuổi thì có 5 lần gặp thế xung. Có phải là tuổi nào cũng thế khi đến thời gian gặp xung cũng phải chịu những rủi ro như sao không ? muốn biết vậy phải phân tích từng cội rễ mới thấy được diễn biến dị biệt.

4 tuổi tứ sinh là dần thân tỵ Hợi ở trong tam hợp cục luôn luôn đóng vai hậu cần tiếp tế cho tứ chính tý Ngọ Mão Dậu nên công lao bù đắp đó không phải là nhỏ nên hay có sự tự kiêu phô trương những gì mà mình đã đặc cách. Khi gặp xung thì thấy mọi sự bị phản bội. Còn người tứ chính tý Ngọ Mão Dậu đóng vai trò chính trong ngũ hành tính tình khảng khái và bất khuất mọi việc hành động đều tự vạch lấy, hiên ngang thẳng tiến. Gặp xung là thấy người bị chống đối ngăn chặn bước đi. Còn người tứ mộ Thìn Tuất Sửu Mùi thì ví như cuộc đời đã về chiều, sức khỏe có phần yếu kém nên khi gặp xung thì hay đau ốm. 3 thế đứng trong 60 năm cuộc đời gặp 5 lần xung tất nhiên mức độ hung hãn thì có khi bị nhiều có khi bị ít, đó là phần thời gian giải quyết.

Mỗi tuổi có mộ can một chi phối hợp xung do chi làm việc còn can là nguồn gốc chính rồi nạp âm, phân tích thêm sẽ thấy mức độ nào của thế xung. Can của tuổi và can của xung giống nhau như tuổi giáp tý gặp xung giáp ngọ cho thấy can và nạp âm của hai bên đều giống nhau, chi tý của tuổi thì khắc xuất chi ngọ của xung, cái xung này chỉ qua loa không đáng kể. Trái lại nếu tuổi giáp ngọ thì nchi ngọ bị chi tý xung khắc nhập phải có buồn phiền thua thiệt phần nào.

Trường hợp tuổi nhâm tý xung mậu ngọ trước hết ta thấy mậu khắc nhâm là quan hệ dù rằng chi tý khắc chi ngọ. Bồi thêm nhâm tý là mộc, mậu ngọ là hỏa, mộc sinh hỏa phải có là nặng. Đây là trường hợp thiên khắc địa xung, trường hợp đó được coi là gần đất xa trời, nếu xung là bính ngọ thì ba thế xung đều yếu kém cả. Tý khắc ngọ, nhâm khắc bính, nhâm (mộc), bính ngọ (thủy), thủy sinh mộc, trường hợp xung này kể như không có gì ngoài những rủi ro không đáng kể và không gây trở ngại gì đến bản mạng.

Cuộc đời của mỗi cá nhân cứ 12 năm thì lại có 1 năm xung trực tiếp, với những năm đó phải xét chi tiết can và chi, nạp âm cho kỹ, phối hợp với đại vận 10 năm đang nằm trong hoàn cảnh nào, thái tuế hay thiên không ? Trong vận hạn thái tuế tam hợp dù gì đi nữa vẫn gặp sự may mắn. Nếu gặp hạn thiên không nên chấp nhận mọi sự thua thiệt trước là hơn.

Tuy trong 60 năm gặp 5 lần xung nhưng có 2 lần xung là phải thận trọng cho mọi tuổi là năm 43 và 67 tuổi bị can khắc nhập vừa là giai đoạn tiếp cận với thiên lương thiên sứ.

Những người mà đại hạn đang ở thiên di mà là thái tuế vào năm 67 tuổi gặp năm xung là xung thiên khắc là xung nguy hiểm nhất. Hạn này lại giáp thiên thương thiên sứ liên quan đến tài thọ từng ngày từng tháng. Kết quả cho thấy người hiền lương vội vui nơi chốn tuyền đài mà kẻ gian ác thì phải lộ nguyên hình bản chất rồi mới được chết.

Tóm lại trên địa bàn Tử Vi năm xung luôn luôn đứng trong tam hợp thái tuế tức tay trên đóng vai tạo hóa gò ép. Năm tuổi thì thường xuyên đương số đóng vị trí tuế phá kém thế. Cả hai trường hợp xung và tuổi nếu thành quả thấy bệnh hoạn đau ốm đó là trường hợp được giảm khinh cho biết đương số đã tránh khỏi vấp phải những gì gọi là khủng hoảng tinh thần hay vật chất.

Nhị hợp : nhị hợp là thế tương trợ của Mệnh thân, luôn luôn chỉ có xung (nhập hay xuất) liên hệ đến nội cảnh của Mệnh. Một lá số Tử Vi có 12 Cung số chia làm 4 tam hợp là dậu sửu (kim), hợi mao mùi (mộc), dần ngọ tuất (hỏa), thân thìn (thủy). Các Cung Mệnh và thân nằm trong một bộ tam hợp thuộc hạn nào đó đem so với Cung nhị hợp thuộc bộ ba thuộc hành khác, đem so hành thì biết Cung Mệnh thân sinh cho Cung nhị hợp hay Cung nhị hợp sinh cho Cung Mệnh thân, do đó mà giải đoán được một nét quan trọng cho cuộc đời. Các Cung Mệnh và thân bao giờ cũng có nhị hợp là một trong các Cung bàn tử tức giải ách nô bộc điền trạch phụ mẫu và bao giờ cũng sinh nhau chứ không bao giờ khắc. Hoặc là Cung Mệnh thân sinh cho Cung nhị hợp (sinh xuất) hoặc là Cung nhị hợp sinh cho Cung Mệnh thân (sinh nhập).

Nhị hợp là thế tương tự của Mệnh thân liên hệ đến nội cảnh của Mệnh. Toán Tử Vi tùy thuộc vào luật âm dương.

Tam hợp là một thế liên minh 3 Cung có thể đứng chân vạc (sinh chính mộ) đồng lao cộng tác để tranh đấu với đối cực là thế xung cùng lẫn lộn thiếu dương và thiếu âm.

Nhị hợp chỉ là một lực lượng dương hay âm hoàn toàn. Nhị hợp bổ túc những gì nêu rõ bản lãnh tiềm tàng trong nội tâm mà tam hợp không phơi bày và phân tích nổi.

Điển hình 14 chính tinh cho ta thấy trừ 4 sao có tính cách khẳng định còn lại 10 sao, trường hợp nào cũng nêu rõ âm dương như hình với bóng. Bốn sao không có nhị hợp là : Tử Vi đầy đủ tư cách tài năng, thất sát nông nổi, thiên tướng oai hùng, cự môn mồm miệng đánh thép. Trường hợp nào thiên phủ cũng có thái dương đầy đủ ý nghĩa, thiên phủ sáng suốt tùy theo thái dương đóng ở Cung dương hay Cung âm. Vũ khúc luôn luôn sống nhu thuận theo thái âm để lập nghiệp. Thiên lương không những đôn hậu mà còn liêm chính vì nhị hợp với một ngôi sao mặt sắt và đen sì là liêm trinh. Tham lang vọng động nhưng biết hối cải nhờ thiên đồng.

Trái lại thái dương thái âm thiên cơ liêm trinh và thiên đồng ở trường hợp nào nhị hợp cũng đi đôi với ý trung nhân như có ý nhắc nhở người có ý cuộc đời dài dài (tràng sinh) phải tự dẫn dắt mình đi trên con đường quang minh chính đạo hợp lý âm dương. Tuy rằng tam hợp là phần chính nhưng không bỏ qua nhị hợp được.

Trường đời đã cho thấy những tật xấu để xâm nhập bành trướng còn đức hạnh liêm chính thì khó lòng nhập tâm. Nhìn vào một lá số Tử Vi những sao liêm tham vũ sát và tử phá đều đóng ở Cung âm dễ sinh xuất sang Cung dương để tiêm nhiễm những nọc độc xấu xa sang Cung này.

Trong khi đó những sao cự nhật đồng lương cơ rất chặt chẽ treo cao ảnh hưởng cho âm Cung được nhận những sự tốt đẹp.

Các Cung Mệnh và thân nằm trong một hệ tam hợp thuộc hành nào đó đem so với Cung nhị hợp thuộc bộ tam hợp có hành khác đem so sánh thì biết Cung Mệnh thân sinh cho nhị hợp hay là nhị hợp sinh cho Mệnh thân do đấy mà giải được một nét quan trọng cho cuộc đời. Các Cung Mệnh và thân bao giờ cũng có nhị hợp là một trong các Cung bào, tử tức, giải ách nô bộc điền trạch, phụ mẫu và bao giờ cũng sinh nhau chứ không bao giờ khắc. Hoặc là Cung Mệnh thân sinh cho Cung nhị hợp (sinh xuất) hoặc là Cung nhị hợp sinh cho Cung Mệnh hay thân (sinh nhập).

CÁCH GIẢI ĐOÁN TỔNG HỢP : nếu là Mệnh hay nếu là thân, Mệnh ứng vào trọn cuộc đời, thân ứng vào lúc tuổi 3 trở đi. Nếu là Cung Mệnh sinh nhập hay sinh xuất với Cung nhị hợp sự giải đoán theo Cung nhị hợp do đó ứng trọn vào cuộc đời. Nếu là thân sinh xuất hay sinh nhập với Cung nhị hợp ứng vào đương số lúc lớn tuổi.

Mệnh thân và Cung bào : thế của Mệnh thân sinh cho Cung bào nhị hợp, đương số giúp cho anh em hay chăm sóc cho anh em hay ít ra biết lo lắng đến anh em. Thế của Cung bào sinh cho Cung Mệnh hay thân là anh em của đương số trợ giúp và săn sóc cho đương số, lo lắng cho đương số.

Mệnh thân và tử tức : thế của Mệnh thân sinh cho Cung tử tức nhị hợp, đương số săn sóc nhiều cho con cái và lo âu cho con cái đủ mọi chuyện. Thế của Cung tử tức sinh cho Cung Mệnh thân tức là con cái của đương số chăm sóc lo toan nhiều cho đương số, nói cách khác là đương số được con cái chăm sóc lo toan đầy đủ vì có con hiếu tử.

Mệnh thân và giải ách : thế của Mệnh và thân sinh cho Cung giải ách nhị hợp thì có nghĩa là đương số mất nhiều sức lực vì bệnh tật, phải bận tâm nhiều đến vấn đề sức khỏe, vóc người gầy ốm vì bệnh tật. Ngược lại Cung giải ách nhị hợp sinh cho Cung Mệnh thân tức là đương số được tật ách nuôi, cũng phải bận tâm nhiều đến vấn đề bệnh tật nhưng lại được cái may là tai nạn được qua khỏi dễ dàng.

Mệnh thân và nô bộc : thế của Mệnh thân sinh cho Cung nô bộc nhị hợp nghĩa là đương số giúp đỡ nhiều cho bạn hữu và người làm công nghĩa là lo toan chăm sóc tận tâm cho những người đó. Cung nô bộc nhị hợp ở thế tam hợp sinh cho Mệnh thân : đương số được hưởng nhiều về bè bạn và người làm, những người này hết lòng lo toan chăm sóc cho đương số.

Mệnh thân và điền trạch : thế của Mệnh thân sinh cho Cung điền trạch nhị hợp, đương số phải lo toan thắc mắc nhiều về điền trạch, phải đuổi theo các vấn đề về nhà cửa ruộng vườn đến mệt người, gặp nhiều chuyện bức mình tán tài hoặc kiện tụng vì nhà cửa ruộng vườn. Cung điền trạch nhị hợp sinh cho Mệnh thân đương số được yên ổn về vấn đề nhà cửa ruộng vườn, nhà cửa được yên vui.

Mệnh thân và phụ mẫu : thế của Mệnh thân sinh cho Cung phụ mẫu nhị hợp, đương số biết lo toan chăm sóc và để tâm vào việc phục vụ cha mẹ tức là đương số là người con có hiếu. Cung phụ mẫu nhị hợp sinh cho Cung Mệnh thân đương số được cha mẹ lo toan chăm sóc xây dựng cho đầy đủ.

Những trường hợp đặc biệt : trong bản giải đoán lá số ông Tạ Thu Thâu cụ Thiên Lương có viết : còn nội cảnh của Mệnh thân (ở nhị hợp ta thấy Mệnh ở mùi là cảnh trí sinh xuất cho bào, thân ở tỵ sinh xuất cho phụ mẫu) người này nặng óc gia đình dù ở hoàn cảnh nào cũng muốn trợ lực cha mẹ và nâng đỡ anh em chứ không phải vì vợ giỏi quán xuyến đảm đang (thiên tướng ở thê, thân cư thê).

Lá số Mệnh tại Cung thân, thân cư quan lộ tại tỵ. Mệnh tại thân thuộc tam hợp thân tỵ thìn (thủy). Tử tức nhị hợp tại tỵ thuộc tam hợp tỵ Dậu Sửu (kim), kim sinh thủy, đương số có những người con có hiếu chăm sóc cho mình. Thân cư quan lộ tại tỵ (thủy), nhị hợp là nô bộc tại Sửu thuộc tam hợp tỵ Dậu Sửu là kim, kim sinh thủy, đương số được bạn bè hết lòng giúp đỡ và nâng lui tới.

Lá số Mệnh tại Sửu nhị hợp là Cung bào tại tỵ, thế tam hợp Mệnh là kim sinh cho thế tam hợp bào là thủy, kim sinh thủy, người nâng chăm sóc từng ly từng tí cho anh em. Nhưng Cung Mệnh lại quá kém vì nghèo còn Cung bào lại tốt vì anh em giàu có. Như thế làm sao đương số giúp đỡ bảo bọc được cho anh em. Đây là một yếu tố để phối kiểm thêm và nếu không có khả năng giúp đỡ anh chị em về vấn đề tiền bạc nhưng vẫn nghĩ đến anh chị em và cố gắng giúp đỡ trong phạm vi có thể làm được trong những việc thông thường.

Lại một người có Mệnh tại Sửu, thân cư thê tại Hợi, tam hợp Hợi Mão Mùi thuộc mộc, nhị hợp là phụ mẫu tại Dần, tam hợp Dần Ngọ Tuất thuộc hỏa, mộc sinh hỏa. Vậy đây là trường hợp con có hiếu với cha mẹ nhưng nếu cha mẹ người này đã chết làm sao phụng dưỡng. Tất phải luận là dù đương số mồ côi cha mẹ nhưng vẫn một lòng nhớ đến cha mẹ, cúng giỗ cẩn thận và chân thành tưởng niệm công ơn người đã khuất.

VÒNG THÁI TUẾ

Có lẽ đây là vòng sao quan trọng nhất đối với người nghiên cứu Tử Vi bởi vì vòng sao này diễn tả tính khí phẩm hạnh của đương số cũng như nó cho biết chu kỳ thăng trầm của cuộc đời cho nên một lần nữa ta lại phải phân tích hành của tam hợp : dần Ngọ Tuất là hỏa, thân tỵ thìn là thủy, tỵ Dậu Sửu là kim, Hợi Mão Mùi là mộc.

Vòng thái tuế có 12 sao là thái tuế, thiếu dương, tang môn, thiếu âm, quan phù, tử phù, tuế phá, long đức, bạch hổ, phúc đức, diêu khách và trực phù ; 12 sao đó chia thành 4 nhóm Mệnh danh như sau :

- + Nhóm chính phái : thái tuế, quan phù, bạch hổ.
- + Nhóm tả phái : tuế phá, diêu khách, tang môn.
- + Nhóm thiên hữu : thiếu âm, long đức, trực phù.
- + Nhóm thiên tả : thiếu dương, tử phù, phúc đức.

Những người tuổi dần Ngọ Tuất, các Cung Mệnh tài quan đóng ở 3 Cung dần Ngọ Tuất tức là có nhóm sao chính phái đóng ở 3 Cung dần Ngọ Tuất tức là có nhóm sao chính phái đóng thì là những người đảm lược, anh hùng quảng đại. Tiếp tục luận như tên thì những người thuộc tuổi tỵ Dậu Sửu, thân tỵ thìn Hợi Mão Mùi mà 3 Cung Mệnh tài quan đóng ở 3 Cung trên đều là chính phái cả. Giai đoạn tuổi ở 1 trong 3 Cung thái tuế, quan phù, bạch hổ đến là thời vận tốt nhất cho đương số. Khi Cung Mệnh của đương số thuộc nhóm tả phái tức là có những sao tuế phá diêu khách tang môn ở Cung Mệnh tài quan thì đó là những người bất mãn và hay gặp chuyện trái ý phật lòng. Cung Mệnh thuộc nhóm thiên hữu tức là ở Cung Mệnh tài quan có sao thiếu âm long đức trực phù là những người bản chất hiền lành nhu nhược hay bị lợi dụng. Cung Mệnh thuộc nhóm thiên tả tức là ở Mệnh tài quan có các sao thiếu dương tử phù phúc đức là những người khôn vặt lạnh lợi hay toan tính chuyện lấn lướt người khác.

Ta cần ghi nhận rằng Tử Vi được hình thành trong cơ cấu của dịch lý qua 2 động lực căn bản âm dương và ngũ hành do đó cần tìm nguồn tương quan lý học để từ đó có thể dò dẫm ra bước đường sáng tạo của cổ nhân. Sau khi nguồn căn bản đã có việc cần nêu lên cho chúng ta là phải giản dị khi áp dụng một cách trực tiếp từ dịch học sang Tử Vi, vì vậy ta không thể quá câu nệ vào các câu phú để rồi nhiều khi mâu thuẫn nhau vào những lời giải đoán phức tạp.

Tương quan của vòng thái tuế qua Cung Mệnh, nhị hợp và xung chiếu, để đề cập vào phạm vi này cần lưu ý đến liên hệ trên biểu kiến (bề ngoài) và nội tại (bên trong) cũng như xét qua lại vòng thái tuế ứng dụng vào sự tiêu biểu mặt trái ở đó so với Cung nhị hợp, Cung chính (xung) chiếu, ngoài ra để do áp dụng xin trình bày vài ví dụ điển hình dưới đây :

+ Tính tình bề ngoài và nội tâm : hàng ngày chúng ta được tiếp xúc với nhiều hạng người, tính tình mà chúng ta thấy họ biểu lộ hàng ngày không hẳn là đích thực tình trạng bên trong nội tâm của họ. Đó cũng là một hiện tượng ý nghĩ tương phản lời nói. Hai trạng thái ngoại biểu (hay biểu kiến) và nội tại sẽ được phơi trần ra trước ánh sáng của vòng thái tuế và mới là điều phúc lợi. Ví dụ : Mệnh ở tý có quan phù, hợp là sữu (phụ mẫu) ta thấy về phương diện nội tại đương số được cha mẹ bảo bọc nuông chiều giúp đỡ, do bởi căn nguyên là sự khôn ngoan lời nói lễ phép dè dặt (đặc tính của quan phù) mà đương số được hưởng phúc này. Thế tam hợp Mệnh và thiên di cũng như thế, nhược điểm chính yếu chính là số ngoại biểu và nội tâm chưa được ai đề cập đến vì khái niệm vòng thái tuế chưa được triển khai rộng rãi theo khoa tâm lý học, vòng thái tuế cần phải phân tích ra hai trạng thái tĩnh và động, tĩnh trong động và động trong tĩnh. Phương diện tĩnh tượng trưng cho tư tưởng tính tình hoặc tinh thần qua vòng thái tuế ở Mệnh, động là phương diện cần an bài đúng vị thế. Do đó vòng thái tuế ở Mệnh chỉ nói riêng về tư tưởng còn là nói thái độ được sắp xếp theo 12 sao của vòng thái tuế theo tiêu chuẩn sau đây :

1. Thái tuế : Mệnh có thái tuế là người có tư tưởng tự tôi theo lý tưởng ngay chính nghiêm nghị, tự cho mình có thiên Mệnh để thi hành. Do đó thường cảm thấy không có ai xứng với mình về những phương diện tư cách hòa hảo. Ý nghĩa trên xuất phát từ người thái tuế tượng trưng cho ngôi vua là thiên, tử là con trời, vì ở xa dân ngay cả đến quần thần nên người có thái tuế thường cảm thấy cô độc ít tri kỷ.
2. Quan phù : tính chất quan phù ở Mệnh mang lại cho đương số một sự khôn khéo biết tiến thoái tùy lúc mà vẫn không mất tư cách ngay thẳng chính trực của mình. Đó là một điểm khó khăn ít người dung hòa được. Người có quan phù thủ Mệnh rất giỏi lý luận, biết người biết ta nên rất tế nhị, chinh phục người khác bằng tư tưởng chính phái của mình.
3. Bạch hổ : tính tình có vẻ sắt đá gan dạ, nóng nảy với hậu thuẫn là mình thuộc chính phái. Người có bạch hổ thủ Mệnh dễ làm mất lòng người khác vì lời nói thật hay mất lòng. Nhưng nếu cứ ở miếu địa (đậu) là cách bạch hổ khiêu tây phương thì lời nói thẳng nhưng rất có oai làm người khác nể sợ.
4. Thiếu dương : là tùy tính mang tính chất của sự biến dịch của tứ tượng bát quái, tuy sáng suốt nhưng là sự sáng suốt sa chân vào hố sâu, cần có nghị lực siêu phàm mới sử dụng được nó. Trước tiên nếu có đồng Cung hay chính chiếu với hồng loan thì nó có đặc tính quên mình bỏ cái ta đi để gánh vác việc đời. Ngược lại nếu nó đi với đào hoa thì trở nên vị kỷ chỉ nghĩ đến mình, vì mình tất cả. Còn vị trí thiếu dương thiên không ở tứ mộ thì phần hay ít dở nhiều, tuy nhiên cũng có trường hợp ngoại lệ. Tóm lại người mang cá tính thiết dương dù vị kỷ hay vị tha cũng là một người sáng suốt hơn người, vượt lên trên mọi người.
5. Phúc đức : cũng nằm trong tam hợp thiếu dương nên âm hưởng của sao này đem lại cho đương số sự sáng suốt hơn người nhưng dù sao tính tình vẫn giữ được chữ đức làm đầu. Người có sao phúc đức là người thích vươn lên với đời trong sự sòng phẳng tương quan đối chác song phương hưởng lợi.
6. Tử phù : không như hai sao thiếu dương và phúc đức, thế của sao tử phù cũng là sáng suốt nhưng là thứ sáng suốt để lừa lọc người ta với tính tình ma mãnh dám làm điều xằng bậy nếu có dịp, vì từ lời nói tư tưởng đến hành động đối với những người này cách nhau không xa.

7. Trực phù : do tính chất của địa chi thì vòng trực phù long đức thiếu âm bị sinh xuất hoặc bị khắc xuất do đó nhóm này bị nhiều thua thiệt ở đời vì thế tương quan trong tam hợp thì chịu nhiều thiệt thòi nhưng riêng vị thế trực phù thì cá biệt mà nói mang sao này trong các công việc dù công hay tư không được đãi ngộ tương xứng với khả năng của mình.

8. Long đức : tuy cùng chi phối với trực phù nhưng cũng như phúc đức, vị thế long đức còn chịu sự chi phối của nhóm tứ đức. Vì vậy thua thiệt người long đức thường hiền hậu an phận không thích mạo hiểm bon chen, cuộc đời thụ động quá mức đến bị quan.

9. Thiếu âm : là vị thế của vòng trực phù nhưng cũng nằm trong chu trình tiến hóa của dịch lý và tương phản với thế thiếu dương nên người thiếu âm thường bị thua thiệt để quan niệm chủ quan lắm lúc tự lừa dối mình. Quá hiền hậu, quá hào phóng hoặc quá tự tin người khác dễ trở nên khờ dại dễ mắc lừa.

10. Tang môn : có người cho rằng thế tang môn phải được ghép với thế bạch hổ hoặc ngược lại vì đó là một cặp trong lục bại tinh. Nếu luận theo lẽ biến dịch ngũ hành với 12 Cung so với ý nghĩa các Cung như tam hợp nhị hợp chính chiếu hoặc giáp xung thì sẽ không lạ gì có sự phân cách riêng biệt giữa từng cặp sao dù là một bộ như tang hổ, song hao, tướng binh. Vị thế của tam hợp tang môn điều khách tuế phá là vị thế đối nghịch hoàn toàn của tam hợp tuổi ; chính đây là một điểm xung sát để tạo thành. Thời thế tạo anh hùng gây dựng nên thời cuộc là sự biến ảo của mầu chốt này. Cá biệt sao tang môn cho thấy người có sao này thường gánh nhiều mối ưu tư phiền toái bận tâm ; nếu suy luận thì bất cứ làm việc lớn hay nhỏ người này cũng suy tư lo lắng. Người này không thích đùa với ai và cũng không thích ai đùa với mình, trong tâm trạng suy bụng ta ra bụng người làm người này trở nên dè dặt tế nhị.

11. Điều khách : khoác lên mình một gánh nặng chống đối việc ở đời, người có sao điều khách thường thích đả kích người khác, thích tranh luận bần cãi và thuyết phục người khác. Vì thế có người đã không ngần ngại gán cho những người có sao điều khách là sẽ làm nghề thầy cãi (luật sư) vì mã khốc khách, cũng như đã không nề hà gì mà gán chức vị thẩm phán cho những người có quan phù thủ Mệnh thân. Đành rằng sự gán ghép này có căn bản riêng của nó nhưng về nghề nghiệp là có một sự phức tạp vì nó còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố không phải chỉ đơn thuần ở vòng sao thái tuế.

12. Tuế phá : cũng tương tự như đặc tính sao điều khách nhưng ở đây sao tuế phá là một nét dị biệt, một trạng thái của sao đối lập (chống đối người khác) có thể làm được những việc phi thường nếu được thêm vài yếu tố ở thân.

Vài ví dụ thực tế :

Người có bạch hổ thủ Mệnh ở Dậu, nhị hợp là giải ách ở Thìn thiên di ở Mão, chỉ cần mấy yếu tố này chúng ta sẽ phác họa ra bề mặt và bề sau của tâm hồn một người. Như đã trình bày trên qua hai yếu tố biểu kiến và nội tại mà ta gọi giản dị hơn một bề ngoài bề trong đã có sơ lược giải khái quát về tính tình đương số : Bề trong lúc nào cũng canh cánh trong lòng về những bất trắc ở đời, nhiều khi quá bận tâm về hậu quả của một mình làm dù việc này không có gì đáng bận tâm (Mệnh sinh xuất cho giải ách). Bề ngoài có vẻ sắt đá gan lì với hậu thuẫn chính nghĩa lẽ phải của mình. Tổng kết lại là dù bề trong có e dè nhưng khi giới hạn e dè đã bị vượt qua thì người này dám bất chấp làm bất cứ việc gì không cần nghĩ đến hậu quả với niềm tin là lẽ phải về phần mình mà coi thường đối phương.

Mệnh có tang môn ở Tuất, nhị hợp là nô ở Mão, thiên di ở Thìn : Bên trong : đương số thích được bạn bè yêu mình, thích được người khác chiều chuộng nể vì mình. Bề ngoài : mang tâm trạng tế nhị, mang một mối lo âu, có nhiều sự bận tâm không thích những trò đùa dai. Do đó đương số dễ mang nét âu sầu trên gương mặt hay bị quan trước cuộc sống.

Tương quan của vòng thái tuế qua Cung thân nhị hợp xung chiếu :

Mối tương quan cũng giống như chương I nhưng nếu xét kỹ thì thấy có điểm khác biệt duy nhất mà ta đã xét khái lược ở trên, đó là vòng thái tuế chỉ về tư tưởng ngược lại thì ở thân vòng thái tuế lại chỉ về hành động vật chất. Nội dung của phần hai đã vạch sẵn như vậy ta có thể xét theo từng mục hành vi biểu kiến mặt trái ở đời. Những thí dụ điển hình :

+ Hành động biểu kiến về tiềm ẩn : ở đây phương cách lý luận cũng như phần 1 nhưng đổi vị trí lại, một đằng là Cung Mệnh và Cung nhị hợp của nó, một đằng là hành động tiềm ẩn, tức là cứu cánh khác với phạm vi nội tâm. Cứu cánh sau cùng của hành vi là do Cung nhị hợp thân sinh nhập hay sinh xuất với Cung an thân, phải được sinh nhập mới tốt. Thí dụ : thân có quan lộc ở Sửu có điền trạch nhị hợp ở Tý thì hành động cứu cánh của đương số chính thức là do về nhà cửa hay nói bao quát hơn là lo về việc nhà việc gia đình.

+ Bên ngoài có phối hợp Cung số mà thân cư với vị thế vòng thái tuế thì mới hiểu rõ hành động bên ngoài chịu ảnh hưởng gì và đặc điểm gì ? Trước tiên ta phải xét thân cư Cung số nào trong các Cung số : Mệnh (thân Mệnh đồng Cung phú quan đi tài phối) để từ đó ta có thể biết hành động bên ngoài chịu ảnh hưởng gì trong 6 Cung số trên. Về điều này không có gì mới lạ, các sách đều có nêu ra. Sau khi đã được rõ Cung an thân ta mới so sánh với Cung số nhị hợp xem sinh nhập hạn sinh xuất cho Cung an thân. Cần phải biết rằng hành vi bên ngoài là phương tiện còn hành vi tiềm ẩn là cứu cánh biện minh cho phương tiện. Ví dụ thân cư quan lộc ở Sửu nhị hợp Cung điền trạch là Cung Tý, có thái tuế chính chiếu ở Mùi, ta có thể phối hợp các dữ kiện bên ngoài và bên trong để xét hành vi một cá nhân :

* Bên ngoài : thân có thái tuế chính chiếu thuộc thế mộc thuộc thế tam hợp của thân thuộc nhóm kim (tỵ Dậu Sửu) do đó bề ngoài đương số có vẻ tự cao tự đại. Nếu có nhiều nhóm sao quá khích như hỏa linh kinh đà thì sẽ biến ra kiêu căng kênh kiệu bề ngoài, khi bắt tay vào việc đương số dễ dàng thắng hoàn cảnh vượt qua trở ngại để đạt mục tiêu.

* Bên trong : thế tam hợp là kim bị sinh xuất cho thế nhị hợp thế thủy của Cung điền trạch đương số là người biết lo cho gia đình nhà cửa. Tổng kết có thể phối hợp như sau : người năng hành động thường tỏ ra tự tôn, không có bạn tri kỷ tri bỉ, thường hành động một mình trong mọi vấn đề liên quan đến nghề nghiệp và những thắng lợi về khoa cử công danh. Và phương diện biểu kiến có vẻ háo danh, cố tìm phương tiện nhưng tất cả nhắm tới hành động sau cùng (cứu cánh) là cho nhà cửa ruộng đất cho gia đình mình.

Vòng thái tuế và hành động của mỗi cá nhân : 12 sao của vòng thái tuế được ghi nhận ở Cung an thân như là một thế động mà tĩnh ứng với nguyên lý âm dương của biến dịch. Trong phần trên đã viết về vòng thái tuế trong trạng thái tĩnh, do đó phần này chỉ viết trong phạm vi động.

Thí dụ : Mệnh có bạch hổ thì tính tình có vẻ sứt đá nóng nảy dễ làm mất lòng người khác. Thân có bạch hổ thì hành động dũng mãnh đôi lúc hành động làm thiệt hại hay làm người khác sợ hãi vì hành vi ngang tàng của mình.

Thí dụ thực tế : thân có tuế phá ở Ngọ cư quan lộc, nô bộc cư Cung Mùi, phối ở Cung Tý, Mệnh ở Dần có tang môn nhị hợp là tử tức ở Hợi, thiên di đóng ở Cung thân. Ở trường hợp này ta phải phối hợp hai phần 1 và 2 để tổng luận đương số là người hay lo lắng bất cứ điều gì nhưng trong thâm tâm rất yêu thương con cái. Ngoài ra đương số ở trong môi trường chống đối mới tạo lập được cuộc sống hợp với bản tính tể nhị, chăm sóc con cái cẩn thận, lúc nào cũng nghĩ đến đàn con đại nhưng bề ngoài đương số lại phải chống cự với hoàn cảnh, cần phải ghi rằng các thế nhị hợp chính chiếu vòng thái tuế có thể bị suy giảm ý nghĩa do sự hiện diện của tuần triệt hay hung tinh. Nhưng dù thế nào ý nghĩa chính cũng vẫn tập trung bao gồm những điểm bao quát trên. Thân đương số đóng ở Cung quan lộc có tuế phá lại được Cung nô bộc sinh nhập là một dịp gỡ

gạc cho đương số, tuy rằng Cung phối cũng lấn lướt nhưng nhẹ nhàng. Mệnh và thân đương số cùng một phe lý thuyết đi đôi với việc làm thì còn gì tốt cho bằng. Đương số bắt tay vào việc do tính tình tế nhị của mình và hành động đả phá của mình, tuy không đạt đến tuyệt đỉnh, hơi muộn màng nhưng cũng đã thành công trên đường đời. Sự thành công này bắt nguồn từ bạn bè, người dưới giúp đỡ. Đây là một chứng minh quan niệm vòng thái tuế quan trọng nhất với cá tính, nhờ cá tính mà đi đến thành công.

Ví dụ : thân Mệnh đồng Cung tại Ngọ có bạch hổ, nhị hợp là phụ mẫu ở mùi, thiên di ở tý (lá số Hàn Tín) đương số là người lời nói đi với việc làm, có nhiều hoài bão to lớn, tính tình lý lợm, hành vi cũng không kém phần lý lợm. Hành động dũng cảm chỉ có người trí dũng ôm ấp nhiều giấc mộng đập đất và trời để từ đó tùy cơ hội mà dựng nên nghiệp lớn. Thái độ và hành động đầy chính nghĩa dù có đôi chút vị kỷ vì có sao hóa lộc thủ Mệnh hội cùng đầu quân được bà phiếu mẫu hiệu thấy và bao bọc trong lúc hoàn cảnh cơ hàn (được phụ mẫu ở họ nhị hợp). Tiếc thay một tài hoa hiếm có như Hàn Tín mà bị trời đặt cho một Cung thiên di thua sút cho nên ra đời đã gặp nhiều hoàn cảnh thử thách, may mà thân và Mệnh đồng Cung mới đủ sức chống chọi để vươn lên với đời, nhưng rồi chung cuộc vùng vẫy cho lắm để rồi cũng thất bại với hoàn cảnh (chết vì tay mù Lã Hậu).

Tam hợp Mệnh tài quan phối hợp qua vòng thái tuế : thế tam hợp luôn luôn đóng vai trò chủ chốt trong khoa Tử Vi, thế tam hợp kết hợp ra ngũ cục (kim mộc thủy hỏa thổ cục) cho đến các vị trí tiểu hạn an theo từng tam hợp tuổi. Rõ rệt hơn cả là thế tam hợp Mệnh tài quan là câu nói đầu tiên của người biết xem Tử Vi. Đó là một bình diện của yếu tố địa chi trong 4 yếu tố : can chi, tuổi, Mệnh, cục của 2 thành tố gia đình và xã hội. Trong lãnh vực tâm lý học với vòng thái tuế vai trò của tam hợp rất quan trọng, nó đã cho ta các vị thế để biết bề mặt trái của các vấn đề. Ở Mệnh thân đồng Cung thái tuế tác động nhiều ở trong thế tam hợp Mệnh tài quan sự kiện này đặt cho ta một vài dữ kiện phải giải quyết như : thân Mệnh đồng Cung thân cư tài bạch hay quan lộc.

Thân Mệnh đồng Cung : tư tưởng và hành động cùng là một, lời nói đi đôi với việc làm. Người thân Mệnh đồng Cung dù ở vị thế nào của vòng thái tuế cũng vậy, luôn luôn cố phấn đấu với hoàn cảnh. Vì vậy trong trường hợp này vòng thái tuế có ý nghĩa : trời cho cha, cho hình hài để hồn nhập vào, mẹ cứu mang những đặc thái của một cá nhân, đặt để ra trong môi trường mà kể từ lúc mới sinh cho đến lúc nhắm mắt lìa đời. Hành động tức cái ta lúc nào cũng đối kháng môi trường (hoàn cảnh) sẵn có của ta. Là người quyết tâm chống lại hoàn cảnh dù thành hay bại.

Thân an tại tài bạch hay quan lộc ở đây cũng cùng một thế tam hợp với Mệnh cũng như về vòng thái tuế có vị thế đặc biệt cần ghi lại. Nếu vị thế đặc biệt tức Cung thiên di thì vị thế tam hợp Mệnh hay thân ở vị thế lấn lên hay chống đối thì mới đủ khả năng hành động vươn lên với đời. Về các điểm này xin xem các ví dụ dẫn giải ở trên và nên áp dụng một cách linh động trong tương quan bề ngoài hay nội tâm thì mới nắm được yếu quyết của vòng thái tuế. Thiệt ra mối quan hệ về vòng thái tuế qua các mối liên hệ giữa các Cung số nói trên được dẫn giải bằng đường lối dung hòa hai quan niệm dùng dịch lý trở về nguyên khoa Tử Vi và khoa học hóa cho dễ diễn đạt thích ứng vào đời sống hiện đại.

Sau hết vòng thái tuế tức là hạn, các cụ thầy bói cao niên từ xưa vẫn thường nói : hạn thái tuế. Có thể nói rằng theo lối nhận xét trên đây cho nên trong nhiều lá số ngày xưa để lại người ta thấy rằng khi an sao trên 12 Cung thì 3 vòng sau trảng sinh thái tuế và lộc tồn đều an ở phía bên dưới như trảng sinh ở giữa, thái tuế bên phải, lộc tồn bên trái.

Ý niệm về vòng thái tuế và cùng Mệnh thân : vòng thái tuế tượng trưng cho các chính thống của mình, vòng Mệnh tượng trưng cho tư tưởng của mình, vòng thân tượng trưng cho hành động của

mình. Vòng thái tuế là tên của tam hợp ba Cung có tên giống địa chi năm sinh. Vòng Mệnh là tam hợp 3 Cung Mệnh tài quan. Vòng thân là tên tam hợp 3 Cung có liên quan đến Cung thân. Sau đó ta ghi nhận ngũ hành của mỗi vòng : thân tý thìn thủy, dần ngọ tuất hỏa, tỵ Dậu Sửu kim, Hợi Mão Mùi mộc.

Vòng Mệnh cùng hành với vòng thái tuế, còn vòng thân ở thế ngũ hành xung khắc là người nguy quân tử nói ngon lành mà hành động ác độc. Vòng Mệnh và vòng thân căn cứ trên luật tam hợp. Khi Cung Mệnh đóng ở vị trí nào so với vòng thái tuế là phải nhìn vào thế tam hợp của Cung an Mệnh như vòng tha nhân đối với vòng bản tính của đương số là vòng thái tuế. Tam hợp của Cung an thân là vòng hành động của đương số biện chứng quy luật ngũ hành ta vạch trần được tác phong đương số một cách rõ ràng. Thí dụ người tuổi tỵ (vòng thái tuế là tỵ Dậu Sửu), Cung an Mệnh đóng ở tuất vòng tha nhân là dần ngọ tuất là hỏa, Cung an thân đóng ở tý vòng hành động là thân tý thìn là thủy. Ta lý giải ngay số người này là mẫu người ra đời bị chèn ép ngược đãi (hỏa đốt kim), chịu nhiều thua thiệt vất vả (kim sinh thủy). Vòng Mệnh cùng hành với vòng thân nhưng được vòng thái tuế sinh xuất là người hiền lành nhu nhược an phận. Vòng Mệnh sinh nhập vòng thái tuế và vòng thái tuế lại sinh xuất vòng thân là người nói hay như làm dở, nói nhiều làm ít, nhiều lý thuyết ít thực hành, dốt hay nói chữ. Nếu trong vòng thái tuế không có địa không địa kiếp đà la là người chính nhân quân tử. Nếu trong vòng thái tuế có thêm kỵ đà không kiếp là người số phận hẩm hiu, có tài mà không có thời. Nếu hai sao tả hữu đứng ở thế đối lập vòng thái tuế hay ở thế sinh nhập vòng thái tuế là hạn hữu tài vô hạn làm điều khuấy đảo thiên hạ. Thí dụ tuổi ngọ vòng thái tuế là hỏa có hai sao tả hữu đồng Cung ở mùi thì dù có không kiếp địa kỵ hay không cũng là hạn lưu manh lừa đảo.

Chữ thời với vòng thái tuế : vòng thái tuế ngoài ý nghĩa cho biết thời may vận tốt 10 năm, nó còn Cung cấp một đức tính quý báu là tìm biết tính của con người, cũng như thử thách đương số trong sinh hoạt hàng ngày. Ta cần để ý về tuổi âm nam dương nữ như sau : trước khi tới thời kỳ 10 năm của thái tuế thì đã gặp 10 năm của vòng thiếu dương phúc đức tử phù. Tuổi dương nam và âm nữ lại gặp 10 năm của vòng thiếu dương sau khi đã được hưởng 10 năm của vòng thái tuế quan phù bạch hổ.

Cả hai cách cùng cho ta thấy : xét luật ngũ hành thì vòng thiếu dương phúc đức tử phù ở thế lấn so với vòng thái tuế quan phù bạch hổ. Thí dụ tuổi tuất dương nam thì vòng thái tuế là hỏa, còn vòng của thiếu dương là mộc, mộc sinh hỏa có nghĩa là mình đang gặp thuận lợi để lấn tới, lấy thời gian mộc để dưỡng cái ta, hỏa lợi thì có lợi thật nhưng luật thừa trừ đã xuất hiện để ổn định sự bất công. Cho nên ai bước vào thời kỳ này (vòng thiếu dương) sẽ gặp phải sao thiên không ở đồng Cung với thiếu dương, đó là một nét thâm thúy và đầy nhân văn tính nhất của khoa Tử Vi. Ở đời không nên tham vọng điều gì quá đáng vì sẽ gặp thiên không ở cuối đường hầm (hạn thiên không ai biết xem Tử Vi đều biết rõ tác dụng khủng khiếp của nó).

Cụ Thiên Lương đã triển khai vòng thái tuế về tầm quan trọng của nó giúp cho người xem cũng như người học Tử Vi nhận biết đại vận hên xui. Đại cương Cung nào chứa vòng tam hợp của thái tuế quan phù bạch hổ thì đại hạn 10 năm của Cung đó là thời vận tốt.

Thí dụ như Mệnh tại Dậu, tuổi Mão âm nam kim cục thì theo chiều nghịch Cung Dậu từ 4 – 13, Cung thân 14 – 23, Cung mùi 24 – 33 (vòng thái tuế), do đó 10 năm đại vận 24 – 33 là lúc thịnh thời gặp nhiều may mắn. Tuy nhiên tùy theo tam hợp của vòng thái tuế, nếu gặp đầu Cung có thái tuế là đắc thời một cách chính đáng, quan phù là đắc thời trong sự tính toán và bạch hổ là đắc thời trong sự làm việc vất vả. Cho nên người có số Tử Vi thấy đến đại vận của vòng thái tuế kể như đến hồi thái lai thoải mái. Nhưng có một đặc điểm lý kỳ là nếu tiểu vận tới cung chứa

vòng thái tuế lại phải đề phòng sự thiệt thòi đưa tới : tiểu vận đến Cung chứa sao quan phù đề phòng thị phi miệng tiếng ; tiểu vận đến Cung chứa sao bạch hổ đề phòng đau ốm tai nạn. Nói tóm lại đại vận của vòng thái tuế là hên, tiểu vận là xui.

VÒNG TRÀNG SINH

Chỉ một chữ sinh thôi cũng đủ thấy đó là trời sinh ra Mệnh mình và do đó Trần Đoàn Lão Tổ đặt ra 12 sao ở 12 Cung đủ ngũ hành : kim mộc thủy hỏa thổ. Tính ra từ lúc sinh đến lúc chết và sau khi chết thì hóa sinh ra kiếp sau là thuyết luân hồi của nhà Phật.

Vòng tràng sinh có 12 sao, có đủ mặt trên 12 Cung số. Ý nghĩa của vòng sao này được coi như là dữ kiện sinh tồn của đương số. Do đó khi Cung an Mệnh, Cung phúc đức (tiền kiếp), Cung tật ách (hậu kiếp) có những sao cùng hành với bản Mệnh thì luận ra tính cách thọ yếu, mạnh khỏe hay đau yếu.

Đối với sao tràng sinh là thủy, sao sinh bản Mệnh là đắc cách. Thí dụ : người hành mộc, Mệnh an tại dậu (kim), tuổi âm nam dương nữ, Cung Mệnh sinh sao, sao khắc bản Mệnh là sống không khỏe mạnh, Cung Mệnh khắc sao, sao sinh bản Mệnh là cách bất đắc kỳ tử.

Đối với sao thai (thổ) thì phải đóng ở phúc đức để chứng tỏ tiền kiếp đã kết tụ tinh anh phát ra kiếp hiện tại thì lẽ tự nhiên cuộc sống phải bền để ý nghĩa của sao thai hiện hữu như một căn bản không phản hồi được. Trường hợp Cung Mệnh có sao mộ, Cung quan có tràng sinh tức có đế vương là cách của người ngu si hưởng thái bình.

Đối với sao đế vương cần phải tụ hội ở Cung tật ách (hậu kiếp) để chứng minh ngày ra đi sang kiếp sau được tiếp đón như một thành tích tuyệt đỉnh. Trường hợp này là của người có sao tuyệt ở Mệnh (khôn ngoan ở đời).

Vòng trang sinh bắt đầu từ : tràng sinh : khôn lớn ; mộc dục : dậy thì ; quan đới : sự nghiệp ; lâm quan : hãnh diện ; đế vương : oanh liệt ; suy : suy nhược ; bệnh : tàn tạ ; tử : mãn kiếp ; mộ : chôn vùi ; tuyệt : đứt đoạn ; thai : tái sinh ; dưỡng : bồi đắp.

Nhìn vào hệ thống vòng tràng sinh, từ tràng sinh đến dưỡng ta nhận thấy hiện ra một chuỗi thời gian kế tiếp nhau lần lượt diễn biến nên nhiều vị học giả Tử Vi như cụ Thiên Lương không dùng đến tam hợp để luận xét mà chỉ dùng hành của Mệnh xung khắc với hành của Cung hòa hợp với sao của vòng này đóng ngay tại đó để biết thân thế người đó sống ở địa hạt ấy, tình cảnh ra sao, biến dịch theo thời gian qua các Cung khác vậy. Nhưng cái quan trọng tóm tắt nhiều ý nghĩa vẫn là sao (thuộc vòng tràng sinh) ở Mệnh làm căn bản.

Tràng sinh là hình bóng hợp chất của hai thể thái tuế và lộc tồn.

Lộc tồn là hạnh phúc của cá nhân do thiên can là cha sinh tạo truyền cho.

Thái tuế là tư cách bẩm sinh do địa chi là mẹ nuôi dưỡng bồi đắp dạy dỗ mất nhiều thời gian từ lúc thai nghén đến lúc ra đời nên sự quan hệ của thái tuế ở vị trí đóng Mệnh rất quan hệ mật thiết đến đương số.

Tứ Mộ Trong Vòng Tràng Sinh : vòng tràng sinh tiêu biểu cho Mệnh, vòng lộc tồn tiêu biểu cho thân và vòng thái tuế tiêu biểu cho hạn. Trong 3 vòng này thì vòng tràng sinh cũng rất quan trọng vì muốn an lộc tồn chỉ cần biết chi của năm sinh, còn muốn an tràng sinh thì phải biết tháng sinh giờ sinh để an Mệnh rồi theo vị trí Mệnh ở Cung nào của năm sinh mà tính ra cục để an tràng sinh. Cũng như vòng tràng sinh, vòng sao Tử Vi thiên phủ cũng quan trọng hơn các vòng sao khác còn lại. Vì muốn an Tử Vi sau khi biết cục còn phải biết cả ngày sinh của đương số nghĩa là cần phải 4 điểm năm tháng ngày giờ sinh. Trong khi đó thì vòng tả phù bật chỉ cần biết tháng sinh, vòng xương khúc chỉ cần biết giờ sinh, vòng ân quang thiên quý chỉ cần biết

ngày sinh, vòng long trì phượng các chỉ cần biết địa chỉ năm sinh và khôi viết chỉ cần biết thiên can năm sinh.

Sách có câu : nạp âm mộ khố khán hà Cung nghĩa là phải dùng vòng tràng sinh theo bản Mệnh (ngũ hành) rồi tùy theo chiều thuận chiều nghịch mà an các sao vòng tràng sinh, khi thấy mộ ở đâu đó là mộ khố. Người nào tốt số Mệnh an vào Cung mộ thì gọi là thiên khố (cái kho tàng trời cho). Nếu Cung tài bạch an đúng mộ khố thì gọi là quan khố (kho tiếp tài tiếp lộc) và nếu Cung thiên di an ở mộ khố thì gọi là kiếp số (cái kho tàng của người đi nước ngoài). Mộ khố gặp hóa lộc, lộc tồn là số tử phú, nếu gặp lục sát tinh hội hợp thì kém tài.

Các nguyên tắc vòng tràng sinh : xem Mệnh thì chỉ xem một sao thuộc vòng tràng sinh tại Mệnh. Nếu Mệnh có tràng sinh thì chỉ đoán một sao tràng sinh chứ không xét các sao hợp chiếu và xung chiếu là mộ và đế vương.

Vòng tràng sinh cũng dùng để xem hạn (đại hạn). Khi xem đại hạn thì cũng chỉ tính đến một sao tại Cung hạn và theo sự kết hợp của sao đó với các sao khác tại Cung hạn, xem hạn có các yếu tố hành của Cung phải dưỡng Mệnh (tuyệt xứ phù sinh).

Như thế Mệnh đóng tại Dậu thì chỉ một sao thuộc vòng tràng sinh gây ảnh hưởng. Sang Cung khác thì sao thuộc vòng tràng sinh tại một Cung chỉ ảnh hưởng vào đại hạn và hợp với các sao khác mà đoán. Khi đó phải xét về Cung đại có dưỡng Mệnh không ? hoặc có trùng hợp tuyệt xứ phù sinh không ? Rồi xem các cách giao thoa giữa các sao mà đoán.

Hành của các sao trong vòng tràng sinh : theo cụ Thiên Lương tràng sinh mộc dục thuộc thủy, quan đới lâm quan đế vượng thuộc kim, suy bệnh tử thuộc thổ dưỡng thuộc mộc. Cụ Việt Viêm Tử cũng điểm như vậy trừ 2 sao suy thì cụ cho là thuộc kim, tuyệt thuộc hỏa. Theo cụ Vân Đăng Thái Thứ Lang thì như sau : tràng sinh mộc dục thuộc thủy, quan đới lâm quan đế vượng thuộc kim, suy thuộc thủy, bệnh hỏa, tử thủy, mộ tuyệt thai thổ.

Ý nghĩa từng sao đóng tại Mệnh : có sao tốt có sao xấu nhưng ảnh hưởng của một sao tại Mệnh không phải là tuyệt đối mà tình trạng của cuộc đời như thế nào còn phải nhập với các cách khác mà đoán. Như vậy yếu tố của sao tràng sinh cũng chỉ là một yếu tố bên cạnh các yếu tố của vòng thái tuế, vòng lộc tồn, Mệnh Cung tương sinh, cục sinh Mệnh, ...

Tràng sinh tại Mệnh thì mạnh khỏe ít tai nạn, ra đời ở bậc khá ngay (sao ở vòng tràng sinh chỉ trạng thái sống trong cuộc đời vào lúc ra đời).

Mộc dục : sinh ra ở trạng thái như tuổi dậy thì đối với cuộc đời có ý nghĩa là có nhiều hy vọng để làm việc mà tiến lên với đời.

Quan đới lâm quan đế vượng : 3 sao này tại Mệnh đều tốt có nghĩa là con người ở trạng thái đã khá, trong đời có thể tiến mạnh. Quan đới : học hành đỗ đạt, lâm quan : ra làm quan, đế vượng : trạng thái tối đa của cuộc đời.

Cuộc đời mỗi người thế nào thì mỗi người có một mạng số giàu nghèo sang hèn thọ yếu để mỗi người còn trạng thái Cung cách sống từ nhỏ đến lớn có được phát triển đầy đủ hay không ? Thấy cái sống của mình có trọn vẹn hay không ? Như một người tuy nghèo mà ở cấp thấp nhưng có đế vượng thủ Mệnh thì vẫn có thể phát triển đời sống của mình để thành đời sống trọn vẹn, đáng sống được thỏa mãn. Ngược lại dù có ở ngôi vị cao mà gặp phải tuyệt ở Mệnh thì cuộc đời u tối khó phát triển, khó thành công và ít được đời biết đến.

Suy : suy chỉ cuộc đời sút kém nhưng sút kém ít thôi vì trạng thái sút kém xảy ra sau khi ở giai đoạn tốt đỉnh của cuộc đời tức là mới suy không đến mức độ nào vì còn phải xem đến nhiều cách khác mà cộng vào như có nhiều cái tốt mà suy thì chỉ bị ít, còn như bị nhiều cái xấu mà gặp suy thì bị suy nhiều. Mạng lớn như quân sư Khổng Minh nhưng gặp suy tại Mệnh khiến ông khó đạt được mục đích dù có tài năng xuất chúng.

Bệnh cũng như suy, cuộc đời suy kém đi hoặc là có bệnh hoạn (một yếu tố suy kém). Nhưng sự suy kém đó là so với Mệnh vốn có của mình và có thể kể như khó tránh bệnh tật. Như Mệnh có thái tuế xương khúc khoa quyền y riêu là trường hợp một được sĩ nhưng có suy hay bệnh tại đây thì vẫn là được sĩ, vẫn sống cuộc đời được sĩ nhưng bị suy giảm nghề nghiệp hoặc bị bệnh nào đó khiến cho cuộc đời mình bị suy giảm đối với các đồng nghiệp.

Tử : cuộc đời chẳng còn nghĩa lý gì, bị suy giảm nhiều.

Mộ : cuộc đời ở yên không vùng dậy được (nếu có ở yên trong bóng tối là hạnh phúc thì đây cũng có thể là một hình thức của hạnh phúc).

Tuyệt : cuộc đời nằm trong bóng tối ít được nhắc tới.

Thai : cuộc đời hé mở ở mầm để phát triển nếu thai đóng tại Mệnh ở Cung tam hợp tuổi thì đây là một cách rất hay.

Dưỡng : được tốt để ở tu tâm dưỡng tính (không phải là cách có cha nuôi).

Sự quan trọng của vòng tròng sinh trong khoa Tử Vi : mỗi bản số Tử Vi cho ta thấy có cả một tiểu thái cực cân phân giữa hai thế lưỡng nghi : dương tý dần thìn ngọ thân tuất, âm sửu mao tỵ mùi dậu hợi. Bao gồm tứ tượng để phân định thành cực : kim ty, dậu sửu, mộc hợi mao mùi, thủy thân tý thìn, hỏa dần ngọ tuất. Tất cả đều chuyển biến đến nơi cuối đường là thổ nên mới có 4 hành để chứng minh ngũ hành.

Đã biết rằng Tử Vi là một ngành của dịch số mà căn bản của dịch là âm dương ngũ hành. Tại sao không lập 2 vòng theo âm dương và 5 vòng theo ngũ hành, lại lấy số 3 để ấn định bằng lộc tồn theo can, thái tuế do chi và tròng sinh do nạp âm trong lá số Tử Vi.

Bản Tử Vi lập thành cho thấy vai trò của một cá nhân, cá nhân đó thành hình do sự phối hợp âm dương vũ trụ (sinh thiên, thành địa) chỉ là định Mệnh cộng thêm tư tưởng hành động của đương nhân mới thành kết cuộc.

Cung Mệnh cho biết đại cương chung thân cuộc đời như thế nào trong xã hội, học hành ra sao, công danh thế nào. Về phần đại cương Cung mạng cũng cho biết về phần nửa trên của cuộc đời người (30 năm đầu) mà xây dựng được khá thì phần sau cũng theo đà đó mà được khá. Mệnh là gốc của 12 Cung số, cần phải tốt đẹp vì như cây có gốc rễ lớn bền chặt mới không sợ gió bão và mới sinh được hoa thơm quả ngọt. Có thể cây to lớn xanh tốt nhưng sinh hoa quả xấu vì như Mệnh và thân. Nếu Mệnh tốt thân xấu thì là Mệnh cường thân nhược thời cuộc thay đổi, tuy phú quý nhưng gặp nhiều vận hạn rủi ro. Mệnh xấu thân tốt thì là Mệnh nhược thân cường cuộc đời tuy đầy đủ có tiền bạc nhưng ngu dốt bệnh hoạn vì như cây có hoa thơm quả ngọt nhưng gốc rễ bị sâu đục, không thể trường thọ được. Mệnh thân là duyên nợ của ta từ bao kiếp trước như thuyết nhân quả của Phật giáo nên trong cuộc sống hiện tại có bao nhiêu người giỏi giang có học thức mà vẫn thất bại trên đường đời và có những kẻ vô học lại một bước lên ông hiển đạt là bởi công tội của cha ông kết hợp lại thành cái rủi ro hay cái may mắn của đời ta. Cung Mệnh có ảnh hưởng chung cho cuộc sống nhưng mạnh mẽ nhất là thời gian của nửa đời trước nên Tử Vi phân định 30 năm trước xem Cung Mệnh, 30 năm sau xem Cung thân.

Lộc tồn do thiên định mức thụ hưởng. Thái tuế do địa chi bồi đắp tư thế. Tròng sinh thì do chính đương nhân hành động trên bước đường dài của cuộc sống.

Tất cả ba vòng có khác gì Mệnh (định Mệnh) với thân (tư thế hành động) tóm lược bằng 2 chữ thọ tài.

Tại sao vòng lộc tồn và tròng sinh lại đi hai chiều khi đi xuôi (dương nam âm nữ) khi đi ngược (âm nam dương nữ) mà thái tuế chỉ có một chiều theo chiều thuận.

Một khi đã là âm nam dương nữ tức là người đó gặp hoàn cảnh nghịch lý âm dương ngay từ lúc ra đời vì thế mức thụ hưởng phải giảm sút nên phải chịu đựng gặp thiên không trước khi gặp lộc

tồn và bước đường đời cũng không thể ngang nhiên hưởng tâng sinh đế vương như ở trường hợp thuận lý âm dương nên tràng sinh đế vương bị xáo trộn. Còn lại mộ ở đúng thìn tuất Sửu Mùi nơi căn bản chính cách dư âm (hoa cái) nếu biết tự mình tạo cho mình một thế đứng trong xã hội.

Ngay trong mỗi cục diện đã quy định rõ ràng (sinh : tứ, sinh : dần thân tỵ Hợi. Thiên chính : tứ chính : tỵ Ngọ Mão Dậu. Nhân mộ : tứ mộ : thìn tuất Sửu Mùi).

Chính đóng vai trò tranh đua nhưng không thể hội ý vượt quyền của sinh đế mà phảo gần mộ.

Vòng thái tuế thì chẳng bao giờ phải thay đổi bởi tam hợp đứng trước thái tuế luôn luôn có ưu thế, sự hạn chế bắt buộc phải hạ thấp cho kém thái tuế bằng thiên không phòng hờ đào hoa, kiếp sát. Trường hợp cực chẳng đã phải dùng biện pháp góp đủ lưu hà hay kinh dương để chứng minh thái tuế ở ngôi cao tuyệt đỉnh (long phượng). Nếu cũng đi ngược như hai vòng tràng sinh và lộc tồn sẽ làm luật bù trừ thiếu sót giữa thiếu dương và thiếu âm so với thái tuế.

Đã cho thấy không thể một tuổi nào trong 60 hoa giáp, một khi đã gặp vận tràng sinh đế vương mộ thì đương số như đường mây thuận bước, vậy có cần phải phân định mức độ nào hơn mức độ nào kém không.

Luật âm dương ngũ hành thường xuyên theo dõi trường hợp nào thuận lý thì đương nhiên mức độ cao, trái lại nghịch lý thì bị thua kém như :

Tràng sinh đế vương mộ của kim cục phải là những tuổi tỵ Dậu Sửu.

Tràng sinh đế vương mộ của mộc cục thuộc những tuổi Hợi Mão Mùi.

Tràng sinh đế vương mộ của thủy cục thuộc những tuổi Thân Thìn.

Tràng sinh đế vương mộ của hỏa cục thuộc những tuổi Dần Ngọ Tuất.

Có nghĩa là thuận lý âm dương ngũ hành thì được đắc cách long phượng. Thuận âm dương mà trái ngũ hành thì phải hứng chịu 3 sao phá mã hư (thiên mã – phá toại – thiên hư). Trái cả âm dương ngũ hành tất cả thuộc thành phần thiếu (thiếu âm hay thiếu dương).

Ngôi vị tràng sinh đế vương tựa mây khói mây mù nên cần có hoa cái. Những sự sắp xếp này thường được ghi là tiền cái hậu mã, có biết đâu là trường hợp đế vương nằm ở trong khuôn khổ thiếu âm được hồng loan hay thiên hỉ an ủi. Hoa cái và thiên mã đóng ở vị trí khác âm dương, mỗi sao có một nhiệm vụ riêng giúp đế vương ở giữa một phần nào mà ta nói cường vị giáp hai bên cũng như giáp tả hữu, giáp nhật nguyệt có cái đắc địa có cái hãm địa.

Những lá số của các danh nhân lưu danh hậu thế đều dựa trên lá số Mệnh có tràng sinh hay đế vương cặp đôi trùng cách với tam hợp tuổi dù mỗi người có một vài điểm yếu kém khác nhau.

Mỗi khi nhìn vào lá số Tử Vi lập thành thấy cả 3 vòng tràng sinh thái tuế và lộc tồn hợp tác đúng mức âm dương ngũ hành thì người đoán số mừng tượng thấy ngay đương số sẽ có những thành tích xây dựng quý giá.

VÒNG LỘC TỒN

Sau hết đến vòng lộc tồn Cung 12 sao an ở 12 Cung nhưng tính theo thiên can và lộc tồn chỉ đóng ở tỵ Ngọ Mão Dậu và dần thân tỵ Hợi chứ không bao giờ đóng ở tứ mộ thìn tuất Sửu Mùi cả.

Bào thai thọ mạng đức năng thắng số, hai câu này có ý nghĩa là khi bào thai ra khỏi lòng mẹ là con người phải chịu cái số Mệnh mà trời đặt ra và sống ở cõi đời là đã mang sẵn cái án lộc tồn rồi, suốt đời mình phải tu thân cần cù làm việc và tự nhiên tích đức, khi đã có đức hạnh cao động cảm đến trời thì sẽ được hưởng an nhàn và dù có tai nạn đi nữa cũng hy vọng tránh được hoặc chỉ bị tai ách nhẹ mà thôi, cuộc đời có lắm than cực khổ thì cũng thành an nhàn sung sướng lúc tuổi đời đã về chiều đó là đức năng thắng số và theo luật nhân quả của nhà Phật.

Đã làm kiếp con người ai cũng cần có phương tiện thuận lợi tối đa để hưởng hạnh phúc (dù chỉ là một thứ hạnh phúc tạm bợ) nên trong khoa Tử Vi đầu số vòng lộc tồn được coi là những yếu tố để tạo nên sự hưng thịnh. Vòng lộc tồn như đã nói ở trên cũng có đủ 12 sao đủ 12 Cung số, tuy nhiên ta nên lưu ý đến 4 Cung dần mao thân dậu nhiều nhất.

Tuổi giáp lộc tồn an ở dần, tuổi ất an lộc tồn ở mao, tuổi canh an lộc tồn ở thân, và tuổi tân an lộc tồn ở dậu.

Cho nên những người sinh năm dần ngọ tuất mà tuổi giáp (giáp dần, giáp ngọ, giáp tuất) cũng như những người sinh năm ất (ất mao, ất mùi, ất hợi), sinh năm canh (canh tý, canh thìn, canh thân), sinh năm tân (tân sửu, tân tỵ, tân dậu) đều được hưởng cái lộc này lâu dài đúng nghĩa là lộc tồn. Còn các tuổi khác nếu Cung Mệnh Cung Tài Cung Quan mà có lộc tồn thì lộc tuy có nhưng không bền lâu được (chỉ được hưởng một giai đoạn ngắn mà thôi).

Thế tam hợp của lộc tồn : lộc tồn bao giờ cũng ở thế tam hợp với tướng quân và bệnh phù, sau đó là :

Quan phủ tiểu hao hỷ thần

Thanh long phục binh phi liêm

Đại hao lực sĩ tấu thư

Nếu được Cung có lộc tồn là ảnh hưởng thuần túy (tài lộc yên lành hạnh phúc). Nếu được Cung có tướng quân thì có lộc tồn từ Cung tam hợp chiếu tới là được lộc tồn thêm ảnh hưởng của tướng quân (cũng được hưởng luôn cả quốc ấn : oai dũng anh hùng tranh đấu). Nếu được Cung có bệnh phù cũng có lộc tồn từ Cung tam hợp chiếu tới và cũng được hưởng lộc nhưng đó là một thứ lộc yếu kém, lộc bị bệnh.

Mạng không ở trong Cung có lộc tồn hay tam hợp với lộc tồn thì không được hưởng ảnh hưởng của lộc tồn. Mạng có tấu thư là được cách văn chương nhưng không có lộc tồn nên bổng lộc cũng kém. Ngoài ra lẫn lên một Cung so với Cung có lộc tồn hay Cung tam hợp với lộc tồn thì gặp thiên không.

Tùy theo Cung mạng có một sao trong vòng lộc tồn mà không phải là Cung có lộc tồn tướng quân bệnh phù mà giải đoán, mỗi sao có một ý nghĩa đem lại cho mạng. Cung mạng đã không có lộc tồn tướng quân bệnh phù là đã thiếu mất yếu tố về tài lộc, ấy là các Cung có lực sĩ thanh long tiểu hao tấu thư phi liêm hỷ thần đào hoa phục binh và quan phủ. Mỗi sao có một ý nghĩa riêng biệt của nó.

Lộc tồn bác sĩ, tướng quân, bệnh phù ở thế chủ chốt quang minh, nhân hậu (bác sĩ), hiền ngang (tướng quân), dẫu có bị suy tàn (bệnh phù).

Kinh dương lực sĩ tấu thư đại hao là tư thế của kẻ ăn no vác nặng (kinh lực), dù có cố gắng học hỏi (tấu thư), cũng không đi đến đâu (đại hao).

Đà la quan phủ hỷ thần tiểu hao là tư thế của kẻ lăm lè ra vẻ hào phóng (hỷ thần) nhưng cũng chỉ trong đom đóm ngoài bó đuốc (tiểu hao) cho thiên hạ thị phi đàm tiếu (quan phủ).

Thanh long phi liêm phục binh là tư thế của kẻ gặp vận may (thanh long), làm việc như vũ bão để cướp thời gian (phi liêm), nhưng cũng chỉ là nhất thời (phục binh).

Ý nghĩa của vòng lộc tồn trong lá số Tử Vi : ai nghe đến lộc tồn cũng tưởng tượng đến những sự may mắn về vật chất. Lộc tồn có nghĩa là chứa dồn cô đọng. Cả hai chữ lộc tồn được hàng can phân phối cùng những chuyển biến trên 12 Cung địa bàn và có ý nghĩa tinh thần nhiều hơn vật chất như thiên quan quý nhân, thiên phúc quý nhân, thiên ất quý nhân (khôi việt). Trạng sinh trong Tử Vi không khác gì ngôi thứ sáu chữ giáp. Sau khi đã phân định âm dương còn lại 3 là tam tài (thiên địa nhân) để lập thành nạp âm cho 60 năm hoa giáp.

Giáp thìn, giáp tuất : thiên : hỏa

Giáp dần, giáp thân : địa : thủy

Giáp tý, giáp ngọ : nhân : kim

Được dẫn ra để hàng chi phối hợp với 5 can tùy theo thuộc dương hay âm để sắp xếp cho đủ ngũ hành.

Giáp tý : kim Ất hợi : hỏa Bính tý : thủy

Đinh hợi : thổ Mậu tý : hỏa

Kỷ hợi : mộc Canh tý : thổ Tân hợi : kim

Nhâm tý : mộc Quý hợi : thủy

Giáp thìn dương, giáp tuất âm thay mặt cho thiên có tác dụng sinh nhưng có báo hiệu canh chừng và khuyên răn. Giáp thân dương giáp dần âm thay mặt cho địa có tính cách thành mà nuôi dưỡng. Giáp tý âm, giáp ngọ dương là hình ảnh của nhân nên phải tranh đấu theo hình ảnh bản thân.

Vòng lộc tồn đã được thiên can định hướng không phải là một khối vòng ban cho đương số muốn sao cũng được. Căn cứ theo 12 Cung số mà lộc tồn đã được an từ lộc tồn bác sĩ lực sĩ thanh long đến quan phủ người ta thấy rằng vòng lộc tồn không giống như vòng thái tuế và vòng tràng sinh. Thái tuế ai cũng biết là gồm có 4 tam hợp :

* Thái tuế quan phù bạch hổ có ý nghĩa là đương số có nghĩa vụ đã vạch sẵn ở bậc cao hay thấp trong xã hội cũng phải gánh vác suốt đời với tư cách riêng của mình.

* Tuế phá tang môn diếu khách (vòng thế âm dương) người có thế này ở Mệnh thì nhiều nghị lực lắm công phu nhưng rốt cục cũng phải than thân trách phận mình (khốc hự).

* Thiếu dương phúc đức tử phù : có cách này không nên kiêu hãnh tự đắc để rồi lại có thể bị như Từ Hải (tử phù) nếu không cũng hữu công vô lao.

* Thiếu âm long đức trực phù : có cách này cần phải nhẫn nại vì công lao của mình tu thân tích đức (long đức) thì dù thua thiệt đến đâu cũng sẽ được đền bù an ủi (hồng loan hay thiên hỷ).

Vòng tràng sinh thì biến chuyển theo thế thịnh suy (âm dương) đi từ dưỡng đến vượng (dưỡng, tràng sinh, mộc dục, quan đới, lâm quan, đế vượng) bước đường lần hồi có hướng đi lên, nhưng từ suy đến thái thì xuống vực thẳm dốc sâu, nên tỉnh táo hành động cương nhu cho hợp với tình người.

Vòng lộc tồn cũng chia làm 4 cảnh trí không xuôi một chiều như vòng thái tuế. Ở đây cảnh trí biến dịch ra thiên hình vạn trạng khác nhau và bao giờ cũng đậm lời khuyên nhủ nên thận trọng.

Vậy lộc tồn được hàng can xếp đặt đúng ngũ hành, những điều mầu nhiệm vẫn là lý âm dương. Ngoài 4 tuổi giáp ất canh tân được hưởng 100% từ âm dương đến ngũ hành. Còn 6 tuổi bính đinh mậu kỷ và nhâm quý phần gốc bị lệch hẳn còn thêm nhiều nhánh mọc chằng chịt như ký sinh trùng của vòng lộc tồn như những sao quốc ấn đường phù kinh dương đà la lưu hà kiếp sát đều sẵn sàng can thiệp hoặc gây khó khăn. Trường hợp 2 tuổi mậu thìn mậu tuất đến hạn thái tuế vẫn bị đường phù báo hiệu như là dừng nên đắp mộng kê vàng vì sẽ gặp lưỡi kiếm bén nhọn (kinh dương ở ngọ) kê sẵn trước mặt. Bởi thế nên thiên quan quý nhân và thiên phúc quý nhân, thiên ất quý nhân (khôi việt) đều quay quần ở mùi và ở mao để hóa giải thương sứ ở 2 Cung nô bộc và giải ách để hoặc là cứu được đương số hoặc là đưa đương số lên cỗ xe thiên cổ.

Bốn vị trí của vòng lộc tồn nhằm khuyên nhủ đương số dù thuộc hoàn cảnh nào cũng suy nghĩ cho kỹ để mà hướng dẫn chính bản thân mình.

Bác sĩ (lộc tồn) tướng quân bệnh phù được ở vị trí sáng suốt và thông minh vì thế nên hành động thẳng thắn nếu có bị suy yếu hay tàn tạ cũng vẫn được danh dự hơn người.

Lực sĩ tấu thư đại hao : mặc dù có sức hơn người nhưng nếu kiêu căng và lạm dụng thì khó tránh ảnh hưởng suy sụp và nguy hiểm.

Thanh long phi liêm phục binh : nếu cứ hưởng thụ một cách tự nhiên mà không gắng sức xây dựng và vị tha giúp đỡ thì sớm chiều cũng nguy khốn.

Tiểu hao hỷ thần quan phủ : chịu hy sinh lúc đầu, sau sẽ được đền bù đúng mức.

Những điều khuyên nhủ trên đây là tùy theo vị trí đóng ở Cung sinh, chính là mộ. Đã học Tử Vi thì phải biết rằng lộc tồn không bao giờ đóng ở tứ mộ (thìn tuất Sửu Mùi). Vậy vai trò của bác sĩ sẽ chỉ đóng ở 4 Cung sinh thì phải vị tha và ở 4 Cung chính thì phải ăn ở sao cho danh chính ngôn thuận. Còn lại 11 sao như tướng quân chẳng hạn nếu rơi đúng các Cung tứ mộ có nghĩa là khẳng khái được lưu danh muôn thuở.

Tóm lại lộc tồn là một kho tàng quý báu tạo hóa đã chọn mặt mà tạo cho quản lý (hợp Mệnh hay nhập Mệnh) để chăm lo mà làm ăn. Người quản lý phải làm đầy đủ bốn phận nếu lạm dụng thì sẽ bị trừng phạt và tiền nong tích lũy cũng trở thành mây khói. Vậy căn cứ vào Tử Vi của đương số người xem Tử Vi có thể cho biết là người quản lý có thi hành đúng đắn sự giao phó của tạo hóa hay không.

Vòng lộc tồn do hàng can sáng lập tức là sinh (dương) phụ cộng tác với vòng thái tuế do chi hun đúc là thành (âm) sao thấy ngay chân giá trị của con người đặc lực đến mức độ mà do vòng tràng sinh khiến công việc được hoàn tất hay dở dang, một phần cũng do nhân quả (nghiệp báo). Điều chắc chắn phải được xác nhận là một công nhân khi đã được tuyển dụng thì không thể không có khả năng nhưng còn kết quả như thế nào thì còn phải tùy thời gian.

Ở những trường hợp lộc tồn một khi đã ở vị trí âm dương nghịch lý như ở 6 tuổi bính đinh Mậu Kỷ nhâm quý thì lưu niên vẫn tinh lại sáng giá vô cùng. Ở những tuổi bính Mậu gặp thân Tý Thìn, tuổi nhâm gặp dần Ngọ Tuất, tuổi đinh Kỷ gặp tỵ Dậu Sửu và tuổi quý gặp Hợi Mão Mùi thì đều là những thành phần phần bạch diện thư sinh (nguyệt đồng lương hay tả hữu gặp khoa) nếu chịu nhẫn nại và cố gắng thì sự nghiệp tinh thần có thể trở lên lớn lao dần dần theo thời gian.

BA VÒNG THÁI TUẾ TRÀNG SINH LỘC TỒN hun đúc thế : vũ trụ là một thế thái cực hoàn hảo toàn thiện chứa đựng hai thế lưỡng nghi âm và dương. Mỗi tình trạng phải do 3 vòng tràng sinh thái tuế và lộc tồn ấn định đến mức độ nào là do phần tứ tượng (lưỡng nghi sinh tứ tượng) trình bày ngũ hành sẽ chứng minh đâu là chính đáng, đâu là hợp lý.

Địa bàn của lá số Tử Vi là một thế thái cực vẹn toàn âm dương giới hạn từ mao đến thân thuộc dương, từ Dậu đến dần thuộc âm. Trong phần dương bao giờ cũng có âm xen kẽ (tý là dương, Sửu là âm, Tuất là dương, Hợi là âm).

Vòng lộc tồn do can ấn định (thiên).

Vòng thái tuế do chi ấn định (địa).

Vòng tràng sinh do cục diện của Mệnh an vị (nhân).

Bất cứ Cung Mệnh đâu đứng ở Cung nào cũng phải chịu ảnh hưởng của 3 vòng trên ấn định vì thế biến dịch bởi thiên thời, địa lợi và nhân hòa mang đến các sự thay đổi.

Tư thế của con người bao giờ cũng bị 3 vòng tràng sinh thái tuế và lộc tồn chi phối phức tạp. Hóa giải được định Mệnh hay không là phần của thân, liên quan đến căn quả, phần việc thuộc tính thần xử thế.

Khả năng của hai vòng lộc tồn và thái tuế kể như điều kiện tiên quyết hoạch định một khi soạn thảo hạnh phúc và tư cách cho con người. Còn vòng tràng sinh dù ở trong tam hợp nào vẫn bao hàm trong một việc xử thế vuông tròn. Bên tam hợp của vòng tràng sinh xưa nay vẫn thừa nhận vị trí có tư cách chủ quan nhất là 3 vòng sao tràng sinh để vượng và mộ. Vì thế trên địa bàn Tử Vi mới phân định ra 3 thế tứ sinh tứ chính và tứ mộ. 12 Cung này lại chia ra làm 4 tam hợp để ganh đua mà trường tồn. Mỗi tam hợp có một cái chính bản ngã của mình là kim (dậu), mộc

(mão), thủy (tý), hỏa (ngọ). Dân thân tỵ hợp là tứ thế tiếp tế tài bồi lẫn nhau của tứ chính, còn tứ mộ thìn tuất Sửu Mùi là nội dung kết để lại khi đã tàn cuộc.

Công bồi đắp tứ sinh, khi thành công đắc thế là tứ chính nên để vượng đắc cách ở tỵ ngọ mão dậu. Đây là trường hợp thuận lý âm dương (dương nam âm nữ theo chiều thuận). Trái lại nghịch lý âm dương (dương nam âm nữ theo chiều thuận). Trái lại nghịch lý âm dương đi theo chiều nghịch thì vòng tràng sinh lại ở tứ chính mà để vượng lại ở tứ sinh, chứng minh đây là nghịch cảnh, tất nhiên mọi sự kiện phải thua kém những gì là thuận lý. Còn tứ mộ có hai bình diện, khi đã về nơi tụ hợp chung của ngũ hành, mộ chỉ là nắm đất để dựa dẫm ngũ hành. Lúc đắc thời khi còn ở thiên trần thế hoa cái là danh dự cho người tứ mộ (thìn tuất Sửu Mùi).

Bộ ba tràng sinh để vượng mộ khi đắc cách thì người được hưởng tràng sinh phải là ở 4 tuổi dân thân tỵ hợp sự nghiệp sẽ được lâu dài bền vững. Để vượng chỉ có 4 tuổi tỵ ngọ mão dậu được hưởng bước thang mây nghênh ngang vông lọng. Còn người ở 4 tuổi thìn tuất Sửu Mùi thì được dành danh dự cho hoa cái.

Cung Mệnh đóng trong một Cung (trong 12 Cung) trên địa bàn, công việc của mỗi vòng (tràng sinh, thái tuế, lộc tồn) chỉ tô điểm công việc theo khả năng của mình mà thôi. Nhưng một khi cả 3 vòng gặp nhau trên một khía cạnh như đắc cách liên lạc với nhau tất nhiên trạng thái đó phải là một sự vượt mức khác thường tốt đẹp hơn người như các tuổi sau đây :

Người dương nam, giáp tỵ, Mệnh đóng ở tỵ.

Người âm nữ, tuổi tân mão, Mệnh đóng ở mùi.

Người ta sẽ thấy ngay ở 2 người này Mệnh cùng thái tuế đắc địa vượng tứ chính (vòng tràng sinh), thanh long (vòng lộc tồn) ở Cung quan và bạch hổ (vòng thái tuế) ở Cung tài. Để vượng ở ngay tứ chính nhập Mệnh được tả thanh long hữu bạch hổ phù trợ không còn gì đẹp hơn.

Hai tuổi giáp tỵ và tân mão cho thấy sự phấn đấu đem đương số vào địa vị để vượng đứng chỗ phải có nghị lực hơn người, nhất là người tuổi tân mão (can khắc chi). Còn người giáp tỵ được hưởng phần nào nhờ sự may mắn (chi sinh can). Người giáp tỵ Mệnh đóng ở tỵ Cung cũng đắc để vượng sự nghiệp có thể lên đến tuyệt đỉnh. Trái lại người tuổi mão dù ở mão Cung làm tứ chính nhưng hiểm vì mộc Mệnh nên để vượng không dễ gì an được ở đó.

Ba vòng thái tuế tràng sinh lộc tồn diễn trong lá số Tử Vi mỗi vòng vòng một khía cạnh khác nhau.

Vòng lộc tồn do thiên can ấn định về phần quản lý tiền bạc đến mức độ nào cho mỗi cá nhân.

Vòng thái tuế do địa chi sắp xếp xây dựng tư cách của mỗi hạng người.

Vòng tràng sinh được coi như phần chính yếu của mỗi cá nhân dù ở hoàn cảnh nào cũng phải hành động làm sao cho chữ đức được vẹn toàn thì Mệnh mới có năng lực để hóa cải. Các sao quan phúc và thương sứ sẽ tùy nghi nương tay hay mạnh tay sau đó.

Tại sao lại đặt hai sao thai dưỡng ở cuối vòng tràng sinh ? Lý do là do sự hiểu biết của người trần mắt tục (thế nhân) thì mỗi cá nhân do bào thai đức kết nuôi dưỡng rồi khôn lớn lên tranh đấu với đời, lần hồi đến chỗ suy tàn bệnh tật, rốt cục theo thời gian cũng chỉ còn là nắm mồi và sau đó là thai dưỡng cuối vòng tràng sinh để làm dây xích nối tiếp với tràng sinh với nghĩa luân hồi kiếp này sang kiếp khác luân chuyển.

Lộc tồn là cái mỗi phú quý chỉ dành cho cá nhân nào đắc cách có nghĩa là đã ở một cái kiếp nào đó với nhân quả của nó. một khi đã có suy bệnh tử ở Mệnh thì đừng mong được ngang hàng với lâm quan để vượng. Phúc đức tốt thì được hưởng Cung Mệnh với trạng thái thai dưỡng tràng sinh. Còn nghịch lý âm dương hay duyên kiếp bề bồng thì lộc tồn chỉ là mồi béo nức cá, miếng thịt thơm trên cái bẫy đánh lừa đàn chuột nhắt, đánh hơi thấy thơm nhào đầu vào lưới câu, cho

thân vào bầy chuột, đưa thân thể đến chỗ bị dao phanh thây hay bị ném xác ngoài đường cho xe cán.

Vòng thái tuế và vòng lộc tồn là 2 thế âm dương tam hợp của vòng trạch sinh, kiếp người khi nhập thế cuộc cùng với thời gian quy định năm tháng ngày giờ, vị trí thân Mệnh sẽ phán quyết số phận.

+ Người thiếu âm là phần số của những người chân thật tưởng ai cũng như mình, không phải là cứ chịu thiệt thòi mãi mãi, cũng có lúc nở mày nở mặt nhưng phải biết tự an ủi cho kiếp sống được yên vui như một triết nhân không tham sân si, có cố lắm cũng chẳng lấy được bao nhiêu. Đành rằng định Mệnh là một việc, cái ta cũng phải cố gắng một chút tất nhiên không phải mãi mãi dừng chân dậm chỗ ở một nơi.

+ Người tuế phá là mẫu người thất vọng gặp nhiều việc không vừa ý không phải mình quật khởi trái với lương tâm mà thành công như ý muốn được, mà cũng không phải cứ ngồi than thân trách phận mà đem lại sự tốt đẹp.

+ May mắn được sáng suốt như người thiếu dương tinh khôn hơn người nhưng không qua mặt được lý công bằng của tạo hóa. Vậy khôn ngoan thì nên biết lẽ phải đừng làm ai bị thiệt thòi hay tai họa vì không phải chỉ có một mình mình đáng sống.

Với 3 mẫu người trên vẫn có lúc đắc thời gặp bước vinh hoa (đại vận gặp thái tuế quan phù bạch hổ) nhưng biết mình biết người là tri thiên Mệnh không nên đưa thân thể đến chỗ quá thất vọng để rồi làm những việc ô danh thiên cổ.

Trên đường đời không phải là những người thái tuế quan phù bạch hổ sinh ra là đắc ý ngay, vẫn phải trải qua 3 đại vận (30 năm) nếu không cũng 2 đại vận để rèn luyện nên con người có đủ kinh nghiệm.

Đó là những người đáng trọng nhưng lại buồn phiền cho ai mà Mệnh thân đồng Cung tam hợp tuổi bị không kiếp kỳ đà cản mũi nếu lại thêm cặp tả hữu nữa thì thành hữu tài vô dụng. Lại đáng thương cho người bị phá quân thìn tuất thủ Mệnh đóng trong tam hợp thái tuế.

Vòng lộc tồn và hai sao kinh dương đà la

Lộc tồn di chuyển đến đâu thì hai sao kinh dương đà la cũng di chuyển theo ở hai Cung giáp lộc tồn theo chiều hướng tiên kinh hậu đà (căn cứ vào vị trí của lộc tồn).

Bộ sao quốc ấn đường phù cũng luôn luôn di chuyển theo lộc tồn một hướng khác (thuận cửu nghịch bát).

Vì vậy vòng lộc tồn gồm cả thấy 17 sao : 4 cung thìn tuất sửu mùi là miếu địa của kinh dương đà la, 4 cung tý ngọ mao dậu là hãm của kinh dương, đắc địa ở dần thân tỵ hợi (theo cụ Đỗ Văn Lưu thì kinh đà cùng đắc địa tại cung tý).

Trong vòng lộc tồn thì thanh long và bệnh phù luôn luôn xung chiếu nhau. Gặp bệnh phù ở cung chính thì ít ng chú ý mà chỉ tập trung cái nhìn vào thanh long ở từ ngoài chiếu vào vì bệnh phù và thanh long cùng ở trong 1 vòng sao và luôn luôn đối chiếu nhau. Vì sao lại bỏ bệnh phù mà lại vọng thanh long cùng ở trong một vòng sao và lại luôn luôn đối chiếu nhau ? Vì sao lại bỏ bệnh phù mà lại vọng thanh long ở bên ngoài ? Ấy cũng chỉ vì thói quen vội vã thông qua những tên sao có vẻ rắc rối khó hiểu và không có cảm tình mà cứ nhìn vào những sao nào dễ hiểu có vẻ hiền lành và hấp dẫn hơn. Bệnh phù là cái gì mơ hồ như bệnh hoạn, thanh long thì nghe sáng sủa hấp dẫn hơn. Vì thế nên nhiều người khi xem cung thìn là chính thấy bệnh phù cũng bỏ đó luận về thanh long ở tuất chiếu vào.

Có tìm hiểu về ý nghĩa dị biệt giữa kinh dương và đà la thì mới thấy cái lý là kinh dương luôn luôn đứng chung với lực sĩ (dương nam âm nữ). Khi tính tiền kinh hậu có tìm hiểu ý nghĩa khác

nhau giữa kinh dương và đà la thì mới hiểu được và chiêm nghiệm được trường hợp của người tuổi tân :

Dương nam âm nữ thì kinh dương tại tuất.

Âm nam dương nữ thì đà la tại tuất.

Kinh dương tại tuất hay đà la tại tuất cũng đều nhập miếu.

Vị trí của cung mạng trong vòng lộc tồn : những người được hưởng lộc tồn là một khi lộc tồn đóng tại một cung tam hợp tuổi. Lộc tồn tại mạng hay chiếu mạng mà mạng đó lại không ở trong một cung cũng thuộc tam hợp tuổi thì có vẻ lộc tồn bất thường và không bền tức là dương số không được hưởng lâu dài.

Lộc tồn đóng tại một cung tam hợp tuổi nhất là cung tuổi thì dương số được hưởng lộc trời, tiền của dồi dào bền bỉ và được sung mãn cả đời, giảm được nhiều tai nạn và được hưởng phúc.

Lộc tồn nhị hợp với cung mạng cũng ảnh hưởng nhưng ít hơn. Lộc tồn là lộc trời, hóa lộc là lộc do bàn tay mình làm ra.

Ngoài ra tùy cung tuổi hay cung mạng có một sao nào đó trong vòng lộc tồn mà có ý nghĩa thêm như là ngoài cái nghĩa lộc trời bền bỉ (nếu ở cung tuổi) và lộc bất thường và không lâu dài (nếu ở cung mạng). Cung mạng có :

- + Lộc tồn : được hưởng lộc trời.
- + Tướng quân : được hưởng lộc trời lại thêm công danh.
- + Bệnh phù : có lộc trời nhưng bị suy giảm.
- + Tấu thư : có văn chương nhưng không lộc.
- + Lực sĩ : không có lộc.
- + Đại tiểu hao : đã không có lộc còn bị hao tán.

Nói chung là được lộc tồn trong một cung tam hợp tuổi là được lộc. Không được lộc tồn trong một cung thuộc tam hợp mạng là không được hưởng lộc dù là lộc bất thường. Lộc tồn nằm đâu cũng đủ ảnh hưởng, không bị hãm nhưng xét thêm hành của lộc tồn sinh hay khắc hành của mạng.

ÂM DƯƠNG VÀ BẢN TÍNH

Khoa tử vi đầu số ngoài việc đoán công danh sự nghiệp thọ yếu giàu nghèo mỗi con người còn có khoa tâm lý thực nghiệm khá chính xác. Ta có thể luận đoán bản tính sơ lược của mỗi con người bằng cách áp dụng luật tính âm dương cho bản mệnh với cung mệnh là :

- + Người âm đóng cung âm : thể lưỡng âm nên thái quá, bản tính nhu nhưng thâm trầm khôn ngoan.
 - + Người dương đóng cung dương : thể lưỡng dương nên quá cường rất nóng nảy.
 - + Người dương đóng cung âm : có thực lực nhưng nhún nhường kín đáo, biết mình biết người.
 - + Người âm đóng cung dương : con người kém thực lực, sống giả tạo nhiệt tình vay mượn.
- Ví dụ : Người tuổi quý mùi mệnh đóng tại dần (dương), âm nam nhưng chưa cần phải nhìn sao ta có ngay một ý niệm là con người không bản lãnh biết ít mà phô trương nhiều, sống tạm bợ với nhiệt tình vay mượn giả tạo.

LUẬT ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH VÀ CHÍNH TINH

Luật âm dương ngũ hành là đầu dây mối nhợ cho sự giảng giải của khoa tử vi. Như 12 cung số trên địa bàn tử vi có cung âm và cung dương xen kẽ nhau, không bao giờ có 2 cung dương liền nhau cũng như không bao giờ có 2 cung âm liền nhau. Vấn đề 14 chính tinh cũng phải nhận định đâu là âm đâu là dương tức là thể lưỡng nghi.

Sát phá liên tham, tử phủ vũ tướng một bên.

Cơ nguyệt đồng lương, cự nhật một bên.

Nhìn 12 cung trên lá số thì thấy rằng nhóm sao âm và nhóm sao dương bao giờ cũng đứng xen kẽ nhau chứ không bao giờ chỗ của sao nhóm này lại có sao của nhóm kia được.

Cung dần có tử vi thiên phủ thì 5 cung dương là tý thìn ngọ thân tuất, nhóm sao dương là tử phủ tướng và sát phá liên tham chia nhau mà đứng. Trái lại nếu cung dần có thiên đồng lương thì cũng 5 cung dương tý thìn ngọ thân tuất nhóm sao âm cơ nguyệt đồng lương cự nhật cũng dần ra ở 5 cung đó mà an vị. Không thể có trường hợp một sao này của nhóm sao dương mà lại đứng vào chỗ của 6 cung âm (sửu mao tỵ mùi dậu hợi) là cứ địa của nhóm sao âm cơ nguyệt đồng lương và cự nhật được.

Trong 14 chính tinh đầu nào phải sắp xếp đâu là dương đâu là âm tức là thế lưỡng nghi của tử vi. Ta đã trong cái âm đã có mầm của cái dương (thiếu dương) và trong cái dương đã có mầm của âm (thiếu âm) như đôi mắt của người đời đã có 2 cái tròng, ở trong tức mầm phát từ tứ tượng cứ thế mà sinh chia đến bát tuyệt.

Vậy thì tử vi thiên phủ thiên tướng thất sát phá quân liên trinh tham lang là cái thế dương thực hành và thiên cơ thiên lương thái âm thiên đồng cự môn thái dương là thế âm lý thuyết của lưỡng nghi trong tử vi.

Chia ra tứ tượng tức bộ tử phủ vũ tướng, sát phá liên tham, cơ nguyệt đồng lương, cự nhật là đã biết đến mức độ pha trộn phân hóa đến mức độ điều hòa nào rồi. Còn chia ra nữa như từng cặp phủ tướng, nhật nguyệt, cự cơ, liên phá ... xuống đến một sao cốt cán của mệnh ảnh hưởng ra sao và đối với vận hành của cuộc đời ra sao và đối với vận hành của cuộc đời từ phía dương gặp phía âm hay trái lại phía âm gặp phía dương thì tính ra sao ?

Như người mạng sát phá tham gặp vận tử phủ vũ tướng thì sự cách biệt không bao nhiêu vì tử phủ vũ tướng cùng trong phe lưỡng nghi, nhưng nếu gặp vận cự nhật hay cơ nguyệt đồng lương thì dĩ nhiên sự khác biệt phải đáng kể.

Vị trí âm dương và các chính tinh :

Nhìn vào vị trí các sao trên thiên bàn cứ sắp xếp lấy các sao ở cung dương để một bên và các sao ở cung âm để một bên sẽ thấy thế âm dương luôn luôn riêng biệt, không bao giờ sao âm đứng chung với sao dương, cũng như sao dương không bao giờ đứng chung với sao âm như đã trình bày.

Ý NGHĨA 12 CUNG SỐ

MẠNG : cung mạng cho biết về đại cương chung thân cuộc đời thuộc hạng nào trong bậc thang xã hội, học hành ra sao, công danh thế nào. Về đại cương cung mạng cũng cho biết về phần nửa trên của cuộc đời người (30 năm đầu) mà xây dựng được khá thì phần sau cũng theo cái đà đó mà được khá. Mệnh là gốc 12 cung số cần phải tốt đẹp ví như cây có gốc rễ lớn bền chặt mới không sợ gió bão và mới sinh được hoa thơm quả ngọt. Có thể cây to lớn xanh tốt nhưng sinh hoa quả xấu ví như mệnh và thân. Nếu mệnh tốt và thân xấu là mệnh cường thân nhược thời cuộc thay đổi, tuy phú quý nhưng gặp nhiều vận hạn rủi ro. Mệnh xấu thân tốt là mệnh nhược thân cường thì cuộc đời tuy đầy đủ có tiền bạc nhưng ngu dốt bệnh hoạn ví như cây có hoa thơm quả ngọt nhưng gốc rễ bị sâu đục chắc không thể trường thọ được. Mệnh thân là duyên nợ của ta từ bao kiếp trước như thuyết nhân quả của Phật giáo nên trong cuộc sống hiện tại có bao nhiêu người giỏi giang học thức mà vẫn thất bại trên đường đời mà có những người vô học lại một bước lên ông hiển đạt (xin nhắc lại phần trên).

THÂN : muốn xem nửa cuộc đời sau thì xem cung thân, cung thân không phải là cung riêng mà ghép vào trong các cung mệnh, phúc đức, quan lộc, thiên di, tài bạch và phối (phu thê). Cung thân có 2 hướng :

+ Nhìn các sao ở đó và các sao chiếu thấy được tốt xấu của thân (lúc mãn đời về sau).

+ Thân ghép vào một cung và tùy theo sự ghép vào cung nào tức là thân chịu ảnh hưởng của cung đó. Ví dụ : thân ở quan lộc quen gọi là thân cư quan lộc tức là nửa đời sau của mình có nhiều liên quan đến công danh trói vào công danh sự nghiệp. Thân cư tài bạch là cuộc đời mình có nhiều thắc mắc về tiền bạc. Thân cư thê là cả cuộc đời mình cả mệnh lẫn thân bị trói buộc vào người vợ, cũng có những trường hợp gọi là sợ vợ, nếu đàn bà là thân cư phu người đàn bà này chịu nhiều hệ lụy vì chồng, chăm sóc cho chồng từng chút. Những người thân cư phúc đức thì thân là kết quả trực tiếp các sự thanh thản nhàn hạ. Có thể nói mệnh là nhân còn thân là quả của mệnh. Mệnh chi phối cả cuộc đời lại gồm thân thêm sự thọ yếu mà thân chỉ có nửa đời sau. Mệnh quan trọng hơn thân, cũng không thể nói mệnh hảo bất như thân hảo được. Thân hảo thì tuy có làm nên nhưng nếu mệnh yếu vong thì cũng hỏng. Cũng như thân hảo bất như hạn hảo thì nên nhận xét hạn là thời vận mà mệnh thân là căn bản thì nên nhận xét hạn là thời vận mà mệnh thân là căn bản gốc rễ khi đã được phú quý rồi ; nếu thân mệnh xấu thì dù có gặp hạn tốt đi nữa thì cũng giống như cơn mưa mát mặt lúc ấy thôi sau lại bại vong ngay vì mệnh thân xấu thì làm sao giữ được phú quý bền lâu.

THIÊN DI : chỉ về các biến cố từ bên ngoài ảnh hưởng vào mình như có người giúp đỡ (quý nhân), có bạn tốt, có sự di chuyển thay đổi xuất ngoại. Phần nhiều ảnh hưởng đến công danh sự nghiệp, thay đổi chỗ ở công việc làm ăn.

QUAN LỘC : chỉ về nghề nghiệp và bước công danh. Nhìn vào lá số ở cung quan người ta có thể biết đại khái là đương số làm nghề gì.

TÀI BẠCH : chỉ về đường tiền tài giàu hay nghèo, tài tán hay tụ. Nên nhớ sự kiện ba cung di tài quan cùng chiếu mệnh và mỗi cung lại có một trong các cung đó chiếu lại để thấy rõ có sự ràng buộc xã hội giữa mạng, tiền tài, công danh và tha nhân (những người khác).

PHỐI (phu thê) : ngày nay không còn vấn đề thiếp nên thê cũng đủ. Nếu là đàn bà thì ghi chữ phu, nếu tính tiện việc thì ghi chữ phối. Cung thê để chỉ vào vợ, vợ hay dở xấu đẹp. Nếu là phu thì cũng tương tự như vậy. Có thể đọc cả ở cung đó đại cương về công danh của người chồng hay người vợ. Kể như cung phối cũng là quan trọng vì có 3 cung quan lộc, thiên di và phúc đức chiếu sang. Đời người ta sướng hay khổ thường thường do người vợ người chồng. Đối với người đàn bà thì cung phu rất quan hệ. Theo quan niệm cổ : đàn bà nhờ chồng và hay hay dở trong số mạng cũng do nhà chồng.

PHÚC ĐỨC : cung phúc đức chủ về phần mộ tổ tiên và về phần phúc đức con người sinh ra đã mang sẵn. Người có cung phúc đức tốt thì đỡ được rất nhiều cho mạng. Giả sử như cung mạng xấu mà cung phúc đức tốt thì con người có thể lướt qua được các vận hạn vào những lúc vận đen và nguy kịch, nếu cung phúc đức tốt thì cứu được, phúc đức xấu thì khó lòng qua.

PHỤ MẪU : cung này coi về phần cha mẹ khá hay kém, giàu hay nghèo, thọ hay yếu, cha mất sớm hay mẹ mất sớm. Nhiều người hay thử các ông thần về cung phụ mẫu nhưng thực tế cung phụ mẫu không cho biết điều ấy một cách chính xác vì cùng là anh em ruột chẳng lẽ tất cả đều có cung phụ mẫu giống nhau.

ĐIỀN TRẠCH : chỉ về nhà cửa ruộng vườn, có nhà đất hay không, nhiều hay ít, những nhà đất đó có tính chất gì, có gặp trở ngại gì không, có bền vững không.

NÔ BỘC : nói chung chỉ về những người ở dưới quyền và cả những bạn hứa bồ bịch vợ lẽ nhân tình ... Đối với những người thường đó là những người làm công việc trong nhà (gia nhân) với chủ nhân đó là các người làm, với giám đốc công sở đó là những người dưới quyền.

GIẢI ÁCH : cũng gọi là cung tạt ách, cung này chỉ về cuộc đời mình có những tai nạn tật bệnh ra sao, có giảm đi được hay không.

TỬ TỨC : chỉ về đường con cái nhiều hay ít, học hành và thành đạt ra sao.

HUYNH ĐỆ : chỉ về đường anh em, có thể được bao nhiêu anh em, anh chị em có ly tán, có đối xử với nhau tốt có thành đạt không.

PHÚC ĐỨC : người ta thường có quan niệm là cung phúc đức rất quan trọng. Cung phúc đức có đẹp thì mới khá, nếu cung phúc đức xấu thì cuộc đời cũng xấu. Trong tử vi thì mệnh có một cung, phúc đức có một cung. Thân cư cung nào thì luận mệnh cung ấy, có giới hạn rõ ràng. Mệnh thân phải tốt mới làm nên được, nếu mệnh thân xấu thì không thể hiển đạt được. Cung thân chỉ để luận với các cung khác mà thôi. Nếu phúc đức tốt thì tăng thêm, xấu thì bị chiết giảm. Cung phúc đức được dùng để xem cho cả dòng họ, đại gia tộc và con cháu về sau này, gặp các môi trường phúc họa trong cung phúc đức mà chịu liên hệ cũng như mệnh thân chịu ảnh hưởng của cung phúc đức. Phúc đức là hệ lụy của bao kiếp trước, cùng với phúc ảm tổ tiên là nhân của mệnh do thiện ác kết hợp nên. Mệnh thành tốt hay xấu là do kết quả của phúc đức tổ tiên để lại cho hưởng, còn phúc bạc thì mệnh sẽ xấu. Mệnh thân cùng xấu thì hiển nhiên phúc ảm lưu truyền quả xấu nên không thể hiển đạt được. Mệnh thân tốt là kết quả của phúc đức tốt kết hợp lại. Nếu một dòng họ quyền quý nhiều người làm nên danh phận có sinh ra một người ngu muội học hành dang dở như cũng được nhờ tài sản của cha mẹ để lại và sự giúp đỡ của anh em họ hàng mà được ấm thân thì lá số tử vi có cung mệnh và thân tốt đẹp như cung phúc đức thì không đẹp lắm. Các cung tử tức, huynh đệ, phụ mẫu, mệnh thân nên hợp với ảnh hưởng cung phúc đức để mà xét đoán, nếu thấy cung phúc đức tốt thì ví như sẵn có duyên phước căn bản để gia tăng thêm sự tốt đẹp. Riêng hai cung mệnh thân nếu xấu thì chỉ đủ ăn đủ mặc chứ không thể nói quý hiển được. Nếu đã hiểu lẽ tiện tích đức hậu tàm long thì ăn ở lấy phúc đức làm trọng để sau này con cháu được hưởng cái quả tốt. Không nên làm những điều thất đức, thất nhân tâm, ai oán, nếu không thì sau này con cháu lại lãnh những tai vạ theo luật nhân quả.

Trong môn tử vi người ta thường nói sinh đồng niên đồng nguyệt đồng thì, tại sao lại bất đồng phú quý ? Là vì xem hai trẻ sinh đồng giờ tất độ số cha mẹ của hai đứa trẻ lại để xem, nếu đứa trẻ làm nên thì mệnh thân có các sao truyền tinh cung phúc đức hay cung mệnh của cha mẹ nó. Còn đứa trẻ không làm nên tuy các sao ở cung mệnh của nó cũng giống đứa kia nhưng cung mệnh và cung phúc đức không có sự truyền tinh với cung mệnh và cung phúc của cha mẹ nó.

Một gia đình đã vượng phát mấy đời khi đem các lá số đối chiếu cũng thấy các sao của phúc và mệnh truyền tinh mãi cho nhau. Khi thấy các sao ở mệnh và ở phúc không truyền tinh nữa là dấu hiệu dòng họ bắt đầu suy tàn rồi. Cũng một định luật của tử vi, lá số mà không có truyền tinh là bại trừ khi thấy cát diện hội chiếu đẹp hơn so với các lá số trong gia đình tất nhiên có sự vượt lên hay bắt đầu hưởng phúc mới phát.

Tương quan giữa cung mệnh và cung tài : phải luôn luôn coi mệnh là chủ ví như người cha trong một gia đình không thể yếu hèn suy nhược được. Quy luật :

Mệnh cường tài nhược thường phát phúc.

Mệnh nhược tài cường năng chiêu họa.

Vậy tiền tài đến tay chưa chắc đã là phúc vì nếu không đủ tài ba mẫn cán quản trị sẽ là người tai họa vì tiền.

CUNG PHU THÊ : cũng như so đôi tuổi.

Phu khắc thê : nghi tác, nghi tử, nghi phú, nghi quý.

Thê khắc phu : nghi bại, nghi vong.

Có nghiên cứu tử vi mới thấy được sự huyền diệu, vợ chồng là duyên kiếp, nếu có sự hòa hợp bách niên giai lão thì tất nhiên có sự truyền tinh ở cung phu thê.

CUNG NÔ BỘC : các sao ở cung mệnh dù cát tinh hay hung tinh cũng phải tốt đẹp hơn các sao ở cung nô bộc thì mới mong điều khiển được gia nhân hay người dưới quyền, giữ gìn kỷ luật cho người dưới quyền tuân lệnh để phù trì cho sự nghiệp. Nếu các sao ở mệnh yếu hơn sao ở nô bộc thì mình lại là kẻ giúp việc cho người khác.

CUNG ĐIỀN TRẠCH : nếu các sao ở cung điền trạch là tả hữu thai tọa khoa quyền lộc thì hiển nhiên mình sẽ là gia nhân nhà quyền quý. Nếu các sao ở cung mệnh quá yếu so với cung điền thì không nên luận cung điền tốt lắm mà lắm khi thấy cung mệnh mình yếu.

CUNG PHỤ MẪU : ngay như phụ mẫu là đấng sinh thành ra mình các sao cũng nên yếu hơn cung mệnh thân vì cung mệnh thân là chủ 12 cung. Nếu các sao đẹp ở cung khác thì đâu còn sao tốt cho mệnh thân. Vả chẳng còn hơn cha là nhà có phúc cho nên cung mệnh tốt hơn cung phụ mẫu là điều đáng mừng. Cung mệnh phải là chủ, thứ đến cung thân, cung tài, cung quan không được yếu hơn các cung khác. Cũng như ở nữ mệnh các cung mệnh thân phụ là trọng còn các cung khác là thứ.

CUNG TỬ TỨC : vậy dù nam hay nữ ngoài cung mệnh thân tài quan phu phải đặt cung tử tức thành một vấn đề để hiệp thêm cung phúc đức mà luận xét vì cuộc đời tuy có bốn ba lao lực nhưng vẫn hiển, con cái thành đạt tất nhiên sẽ hưởng phúc lúc tuổi già.

GIẢI ÁCH : cung giải ách được coi như là cung mệnh thứ hai như bóng với hình vì cung này tạo hạnh phúc hay tai nạn tật bệnh cho cả cuộc đời. Giải ách là căn cứ để xem mà biết được sự phú quý có trường tồn không. Nếu các sao tượng trưng cho một cuộc ma chay lớn cũng biết được dấu hiệu của sự vinh hiển tới mức nào lúc chết. Phải căn cứ vào ngũ hành của sao ở cung giải ách mà luận xét tật bệnh cũng như tính tình, tìm nguồn gốc bệnh thì căn cứ vào hành của bản mệnh (mệnh sao để tìm bệnh) cũng như đắc vận hành niên nguyệt thuộc hành nào để tìm bệnh gì gọi là vận bệnh (theo dịch lý sinh khắc). Nếu biết được nguồn gốc bệnh và tính được vận bệnh thì sự phòng bệnh sẽ giúp ta không nhỏ trong cuộc sống, vả chẳng đã có sự ngăn ngừa tất nhiên sẽ dùng được các phương thuốc để mà trấn át thì khó mà lâm trọng bệnh được. Nhân thân là tượng, thiên địa tạo nên lục phủ ngũ tạng, người ta được phân định theo ngũ hành và các sao cũng có ngũ hành nên căn cứ vào ngũ hành của bản mệnh là căn bản để luận xét về các bệnh trạng.

TƯƠNG QUAN GIỮA 12 CUNG :

Nên quan niệm mệnh và thân là duyên là nợ của mình nên trong cuộc sống hiện tại có biết bao nhiêu người trí tuệ học thức uyên bác mà cuộc đời bị vất vả trên cả hai phương diện tinh thần và vật chất. Trái lại có những người ngu si mà lại sung sướng, cuộc đời an nhàn đó là do ảnh hưởng phúc đức từ bao nhiêu kiếp của mình cộng với phúc đức và tội ác của cha ông hợp lại thành sự may mắn hay tai họa cho mình.

Mệnh là gốc 12 cung số cần phải tốt đẹp, gốc rễ có to lớn bền chặt mới không sợ gió bão và mới sinh hoa thơm quả ngọt, có thể có cây to lớn xanh tươi lại sinh trái xấu ví như mệnh và thân, nếu mệnh tốt thân xấu là mệnh cường thân nhược thì cuộc đời tuy phú quý nhưng hay gặp tai nạn rủi ro, nếu mệnh xấu thân tốt là mệnh nhược thân cường thì cuộc đời tuy phú quý đầy đủ nhưng lại ngu dốt bệnh hoạn và hình khắc ví như cây có hoa thơm quả ngọt nhưng gốc bị sâu đục chắc không thể trường thọ được. Cung mệnh là ảnh hưởng toàn thể cuộc sống nhưng mạnh nhất vào nửa thời gian trước (từ sơ sinh đến 30).

Tương quan giữa mệnh và thân : thân là kết quả trực tiếp các đức tính các nghiệp quả của mệnh mà thành nên mệnh (là nhân) và thân (là quả). Phải lấy mệnh là chủ luận với thân cũng như mệnh thân với phúc đức.

Tương quan giữa mệnh thân và phúc đức : cung phúc đức rất quan trọng. Phúc đức có đẹp mới khá được, nếu phúc đức xấu là số xấu hẳn đi. Mệnh thân phải tốt mới làm nên được,. Nếu mệnh xấu thì không phú quý hiển đạt được. Cung thân chỉ để luận với các cung khác, nếu phúc đức tốt thì tăng thêm sự tốt, phúc đức xấu thì sự tốt bị chiết giảm. Ở các môi trường phúc thiện hung họa trong cung phúc đức mà chịu ảnh hưởng.

Tương quan giữa mệnh và thân : mệnh là phần hữu thức, thân là phần vô thức. Các sao ở thân rất quan hệ về phần hậu vận của ta. Nhưng mệnh và thân là ngoại và nội phải tương ứng với nhau, nếu nghịch nhau là cả một đời đau khổ phiền não.

Ví dụ : mệnh có sao thiên tướng mà thân có phá quân thì xấu vì lòng mình (phần hữu thức) muốn làm việc ngay chính nhưng thân (là phần vô thức) lại dùng thủ đoạn gian manh và một cuộc nội chiến luôn luôn diễn ra ở tâm mình, dù phú quý giàu sang đến đâu vẫn luôn luôn đau khổ, không bao giờ tâm hồn được thư thái vì thiên tướng là sao quân tử, phá quân là sao tiểu nhân. Người như vậy sẽ suốt đời đau khổ nhất là chơi với ai rồi sau cũng dùng thủ đoạn lưu manh rồi đau khổ, thà rằng mệnh thân có sao phá quân là sao tiểu nhân dù có xù người rồi ngủ chết không hối hận. Chỉ nhìn mệnh và thân sẽ rõ cuộc đời người ấy, cả cái nghiệp trước của họ vì cái vô thức là cái tiền kiếp của họ.

Vòng thuận vòng nghịch của các sao : sự kiện mà các sao dương tính theo chiều thuận và các sao âm tính theo chiều nghịch bắt nguồn từ chiều thuận và chiều nghịch trong dịch số và chiều âm dương trong dịch số.

Tính chiều âm dương để biết tuần triệt chặn đầu hay vượt đuôi. Tính vòng tiểu hạn của dương nam âm nữ theo chiều thuận và âm nam dương nữ theo chiều nghịch. An các trung tinh và lá số, trong một cặp trung tinh có một sao dương và một sao âm, sao dương tính theo chiều thuận và sao âm tính theo chiều nghịch để an. Cứ theo cách an sao trong tử vi thì các cặp trung tinh dưới đây sao nào tính theo chiều thuận là dương, chiều nghịch là âm : kinh đà, không kiếp, hỏa linh, tả hữu, đại tiểu hao, khốc hự, cô quả, xương khúc, khô việt, long phượng, thai tọa, quang quý, đào hồng, phụ cáo, quan phúc.

Các cặp trung tinh cứ một sao âm đi với một sao dương và phải có một cặp có đủ âm dương mới ảnh hưởng. Nếu chỉ có một sao thì không đủ ảnh hưởng ngoại trừ những trường hợp đặc biệt.

CÁCH GIÁP SAO :

Những sao giáp mệnh thân rất quan hệ có khi còn quan hệ hơn sao chiếu nhưng mọi sự còn tùy. Sao giáp có thể kém sao chiếu trong một vài trường hợp và kể trong những trường hợp mà không bị sao khác phá đi. Vì các sao giáp đóng ngay giáp vách nơi mình ở mới là quan trọng. Nếu sao tốt ở ngay khít vách mới có hiệu quả nhất, nếu là sao xấu sẽ từ ngay khít vách nhà mình mà tác hại thì còn tai hại hơn là bị chúng chiếu từ ngoài vào, tức là từ xa tới mà tác hại còn có thể biết mà chống đỡ.

Giáp tả hữu thì được hai sao này ở bên vách mà phù trợ thì hay hơn là đứng từ xa chiếu vào. Tiền cái hậu mã thì cung giáp vách trước có hoa cái và giáp vách sau có thiên mã là cách giáp vách có ảnh hưởng lớn lao tạo dựng công danh sự nghiệp.

Nhiều sách nói rằng mệnh giáp kinh đà hay không kiếp là không hay. Kinh đà đi trước và sau lộc tồn vì thế mà mạng có lộc tồn chẳng ăn thua gì cả. Cái cách đó là như vậy nhưng cũng tùy theo các điều kiện khác mà đoán. Cách mệnh giáp kinh giáp đà chỉ xấu nếu là lộc tồn độc thủ

và không còn sao tốt nào khác và kinh đà này lại lạc hãm. Nếu kinh đà giáp mệnh đắc địa và ở mệnh lại có thêm những sao tốt khác : liêm trinh thiên tướng thì giáp kinh đà lại càng tốt. Trong trường hợp này kinh đà được coi như là hai anh gác giữ gìn cho lộc tồn khỏi bị tẩu tán, người có cách kinh đà như trên cứ ngồi mà hưởng lộc.

Cách không kiếp giáp mệnh cũng vậy, không phải cứ không kiếp giáp mệnh là ăn mày đầu. Nhưng mệnh tốt có những sao tốt giáp không kiếp chỉ có nghĩa là giảm độ sốt tốt thôi.

Giáp khô việt tốt nhưng kém tọa khô hướng việt. Tuy nhiên ảnh hưởng của khô việt là cho công danh bất ngờ. Có khi con người không cần học hành và theo đường khoa cử thế mà tự nhiên có công danh. Nhưng cũng cần phải gặp thêm những cách tốt khác mới thật là tốt.

TƯƠNG QUAN GIỮA BỐN MẠNG VÀ CHÍNH TINH :

Theo nguyên lý thì cung an mệnh phải sinh ra được bản mệnh, nếu khắc là bại địa, ngược lại nếu bản mệnh sinh ra cung an mệnh cũng không tốt.

Quan trọng thứ hai là sao chính tinh tọa thủ phải sinh ra bản mệnh mới tốt. Xin nhớ là bản mệnh lúc nào cũng đóng vai trò thụ động để hưởng hoặc chịu tai hại sự khắc chế này.

Cung an mệnh.

Sao chính tinh đóng tại bản mệnh.

Sao chính tinh được ghi là miếu hay vượng địa chưa đủ để kết luận là số tốt, còn phải xem sao đó là nhập miếu như tử vi cư ngọ (vua ở chính ngôi), như thái âm cư hợi (nguyệt lãng thiên môn) mặt trăng mọc giữa đêm sáng tỏ rực rỡ. Sau lại xem sao tử vi thuộc hành thổ miếu địa ở ngọ (hỏa) vì hỏa sinh thổ ...

Còn sinh hay khắc với bản mệnh ra sao ? (năm sinh). Sinh năm giáp tý giáp ngọ được sự sinh ra sao tử vi (thổ sinh kim). Nên ghi nhớ ất Sửu cũng là hành kim nhưng lại không tốt vì nếu mệnh đóng tại ngọ thuộc dương cung lại thành âm dương tương phản.

Tuổi giáp tý giáp ngọ mà tử vi cư ngọ (mệnh) là tốt, có thể người xem tử vi chỉ cần có yếu tố này là đủ kết luận nhưng nếu tuổi ất Sửu thì phải xét nhiều sao sáng sửa hay mình có ở dương cung không rồi mới xét đoán được.

Cung mệnh có nhiều sao xấu ít sao tốt và tuy tốt mà hung, nhiều sao tốt ít sao xấu, tuy xấu mà tốt. Xem cung mệnh ở 3 phương tam hợp chiếu có sao tốt xấu miếu vượng hay lạc hãm mà đoán :

+ Mệnh có sao tốt mà gặp sao quan phủ và tứ sát tọa thủ hay ở cung đối chiếu là người cũng vào hàng viên chức nhưng lao đao khổ cực.

+ Mệnh cư hãm địa hạn lại gặp hung tinh ất bị hình thương xung khắc.

+ Mệnh bình thường, 3 phương có sao tốt, đến hạn tốt được phúc như mầm non được mưa tưới.

+ Mệnh gặp hung tinh như cây liễu xanh đào hồng màu tàu cỏ lá. Mệnh gặp hung tinh mà được các sao miếu vượng là phát nhưng hung tinh mà lạc hay khắc hãm là hung hãn.

+ Thân mệnh mà có cát tinh suốt đời được hưởng phú quý yên vui.

+ Mệnh hung mà thân có cát tinh miếu vượng thì về già được an nhàn sung sướng.

+ Mệnh mà suy nhược thân ở cường tuy kiếm được nhiều tiền của nhưng bản mệnh suy kém không đủ lực (sức khỏe) để giữ được tiền của như nước tràn đầy trong hồ đất, hũ sành ất có ngày bể vỡ chứ nếu để trong hồ gang hồ xi măng thì nước để bao lâu cũng không hao mòn.

Khi xét đến mối tương quan giữa bản mệnh và cung an mệnh nếu ta thấy mệnh đóng vào bại địa thì đừng vội cho là xấu mà còn phải xét thêm tính chất của chính tinh ra sao để mong có sự giải cứu, có tìm thấy nguồn sinh lực nào trong nơi tuyệt địa không ?

Thí dụ : mạng thủy mà mệnh lại cư cung ty là hỏa là tuyệt địa rồi. Tuy nhiên nếu sao chính tinh lại là một sao hành kim thì có thể cứu giải được. Sao hành kim cũng nhiều nhưng phải là sao chính tinh như vũ khúc, cự môn, thiên tướng, phá quân, nhưng các sách chỉ ghi có sao vũ khúc mà thôi, ghi thêm phá quân có thể cho là hiểu ngầm là có cả phá quân đồng cung vì hai sao này bao giờ cũng đồng cung.

Trước khi xét đến các chính tinh ta cần xem xét mạng có ảnh hưởng chính tinh hay không chịu ? Ảnh hưởng của chính tinh nào ? Như vậy phải xét đến yếu tố ngũ hành.

Nếu mạng hình khắc chính tinh thủ mạng hoặc thân thì phải coi như không bị ảnh hưởng gì của chính tinh thủ mệnh hoặc thân khắc với bốn mạng thì trái lại vẫn bị ảnh hưởng nhưng không thuận lợi. Thí dụ : mệnh hoặc thân có phá quân (thủy) nếu gặp mạng hỏa thì vẫn là người thủ đoạn phản phúc nhưng hễ hành động đúng ý nghĩa đó thì bị họa hoặc chỉ về người ăn ngay ở thẳng nhưng lại gặp môi trường thúc đẩy để trở thành bất lương ngoài ý muốn. Dù sao vẫn phải kết luận là người không tốt.

Nếu chính tinh được bốn mạng sinh thì ảnh hưởng cũng mạnh mẽ như trường hợp trên nhưng chỉ có một điểm hơi khác là người đó không có lập trường vững cứ thay đổi theo hoàn cảnh của môi trường. Riêng về điều này cần phải phối hợp với các cung khác như thiên di nô bộc tùy theo ảnh hưởng nổi bật nhất.

Về chính tinh tọa thủ tại mệnh thân : sau khi đã nhận định rõ tương quan giữa bốn mạng và chính tinh tọa thủ tại mệnh và thân hoặc xung chiếu (nếu mệnh và thân vô chính diệu). Lại cần phải tách vấn đề mệnh thân và chỉ xét ảnh hưởng của chính tinh thủ mệnh và thân.

THIÊN PHỦ : tính tình nổi bật nhất của sao này là kín đáo, ít nói, hay suy tính sâu xa nhưng rất trung hậu, xử thế ra người quân tử, ăn nói bao giờ cũng chừng mực không bao giờ hứa hẹn bừa bãi hoặc làm điều gì liều lĩnh và do đó dễ bị cho là lạnh lùng, không sốt sắng mặc dù trong thâm tâm rất vị tha. Có lẽ vì vậy là phá quân không bao giờ được hạn hạnh đồng cung với thiên phủ theo cách bố cục của các chính tinh. Thiên phủ còn hơn tử vi ở chỗ không có cung nào làm cho thiên phủ bất lương. Trong khi đó tử vi đi với tham lang hoặc tử vi cư thìn tuất lại trở thành thủ đoạn. Người có thiên phủ thủ mệnh dù nam hay nữ người ta có thể kết thân với họ mà không sợ phản phúc nhưng nếu tìm người cộng tác dám mạo hiểm thì họ hoàn toàn bất lực.

THIÊN TUỔNG : cũng như thiên phủ, thiên tướng ở bất cứ vị trí nào ảnh hưởng cũng không mất được. Đặc tính là quân tử trượng phu cao thượng ngay cả khi đồng cung với tử vi ở thìn tuất cũng mặc cho tử vi hội với phá quân để trở thành bất nhân chứ thiên tướng cũng thúc thủ và không dám qua mặt thiên tướng. Tuy nhiên trong sự giao thiệp với người thiên tướng ta cũng nên chịu lép vế một chút cho nó thuận hòa vì sao này thích chỉ huy, hơi kiêu căng tự đắc và nhất là nhiều tự ái.

THIÊN CƠ : trong các chính tinh không sao nào khôn ngoan bằng sao này. Những người có thiên cơ thủ mệnh mà mạng mộc hay mạng hỏa là những người kinh doanh giỏi và họ biết tính toán có lợi cho họ một cách công khai. Vì thế không ai biết họ là lưu manh tàn nhẫn mặc dù chơi với họ là bị thiệt thòi chút ít khi có lợi. Tuy nhiên thiên cơ đi với thái âm thì sẽ bớt tính toán khôn ngoan mặc dầu thái âm ngộ thái dương vẫn là cách kinh doanh lớn nhưng với thiên cơ lại khác. Nếu thiên cơ đồng cung với thiên lương ở thìn tuất thì như điều gặp gió, họ càng mưu trí linh động hơn nữa và lúc đó ít ai qua mặt được mặc dầu người cơ lương bề ngoài tỏ ra hiền lành, khờ khạo dễ dãi nhưng trong thâm tâm họ có cả một chương trình kế hoạch tinh vi khéo léo để trục lợi một cách đàng hoàng công khai.

THAM LANG : sao này bị chê là biểu tượng của dâm dục và dục vọng. Đối với phụ nữ tham lang thủ mệnh thì quá xấu vì phái nam có quyền thụ hưởng ăn chơi công khai nên đã có môi

trường sử dụng được khá nhiều khía cạnh bề bối của tham lang chứ không tiềm tàng như phái nữ. Ngoài ra người đàn ông thường trực tiếp tham gia vào cuộc sống cộng đồng chính trị để mưu đồ thực hiện tham vọng của mình nên tham lang càng được hoạt động dễ dàng khiến cho tâm hồn cởi mở hàng hoàng hơn nhất là khi có thêm các trung tinh như thiên quan thiên phúc thiên khôi thiên việt. Tuy nhiên người nào hợp với tham lang (như người mạng thủy, mạng mộc) mà cứ ở trong sạch cuộc sống sẽ thiếu thốn vì như thế là trái với sao tham lang. Đó là nói về tham lang độc thủ còn như đồng cung với vũ khúc hay liêm trinh thì ý nghĩa không còn như trên nữa.

TỬ VI : tử vi độc thủ tại mệnh ở ngọ (nhất là cho người mệnh thổ hay kim) là tốt nhất vì nguyên một sao này đã kết hợp gần hết những đặc tính hay của đàn ông. Những người có sao này rất lịch sự đẹp trai và lả lướt. Nếu lại có thêm khôi việt hồng đào thì càng gia tăng sự tốt đẹp, đương số có thể thành công tuyệt vời công danh hiển hách. Còn trường hợp có tuần triệt án ngữ hoặc không kiếp xâm nhập thì mất hết cách cách hay đi và đương số lại còn tỏ ra gàn dở ngang bướng và lảm cẩm. Sau cách tử vi cư ngọ thì tử vi đồng cung với thiên phủ tại dần thân cũng tốt. Tử vi ở cung thân hay hơn về phương diện khác nhưng cũng với điều kiện là không bị tuần triệt án ngữ hoặc không kiếp xâm nhập. Tử phủ đồng cung không hơn tử vi cư ngọ vì tử phủ đồng cung thì tính tình đạo mạo đứng đắn, nếu lại thêm lộc tồn cô quả tăng cường thì lại thành người thâm trầm ít nói. Tử vi thất sát đồng cung ty hợp cũng tốt con người đủ tư cách đứng đắn chỉ lo làm ăn.

THIÊN LƯƠNG : có thể nói là bất cứ ở đâu thiên lương đều tốt, tốt nhất là ở ngọ, thứ đến là ở dần hay ở thân. Thiên lương đồng cung với thiên cơ ở thìn tuất cũng rất tốt. Thiên lương độc thủ tại ngọ dù có gặp đào hồng cũng không tệ vì chế ngự được tính lẳng lơ của đào hồng nhất là lại có hóa quyền và thiên hình đồng cung. Thiên lương đồng cung với thiên đồng thì lại thiếu nghị lực quả cảm thành nhu nhược nhưng nếu hai sao này có hóa quyền vì tính chất mưu trí khôn ngoan của cặp sao này. Người có thiên lương đồng ngoài tính chất nhu nhược lại còn ham chơi, nếu có thêm mộc dục đào hồng thì thành con người ham mê nhục dục.

THÁI DƯƠNG – THÁI ÂM : phân nửa những người có thái dương thái âm thủ mệnh thường hay có hoài bão lớn lao, trừ trường hợp âm dương hãm địa. Những người có thái dương ở ngọ thì lúc nào cũng có những giấc mộng thực hiện những kế hoạch hoặc độc đáo phi thường. Thái dương thái âm hay làm cho con người sống mơ mộng ít đi sát với thực tế nên dễ bị thiếu thốn về vật chất. Nếu có nhiều cách khác làm giảm cái hay của âm dương, có những trường hợp được nhật nguyệt mà không được thông minh nhưng lại có tài kinh doanh lo lắng bon chen trên đường danh vọng. Nếu người mệnh nhật hay nguyệt có hữu tả song lộc thì buôn bán trở thành cự phú. Thái dương tức là mặt trời chủ về quan lộc công danh. Người có thái dương thủ mệnh sinh ban ngày thì tốt đẹp, có thái dương thủ mệnh ở miếu vượng hay đắc địa là người thông minh nhân hậu có công danh sự nghiệp tài lộc uy quyền. Thái dương gặp đào hồng hỷ hỏa linh như mặt trời thêm mây ngũ sắc lại càng tốt. Thái dương gặp riêu đà kỵ hoặc kinh đà không kiếp thì cái tốt bị chiết giảm đi khá nhiều. Ở miếu địa gặp tuần triệt thì bị chế bớt, nhưng nếu ở hãm địa mà gặp tuần triệt thì lại tốt trở lại. Đàn bà có thái dương thủ mệnh không được tốt bằng đàn ông.

Thái âm thủ chủ về công danh tài lộc điền Trạch nhưng thiên về tài sản nhiều hơn. Thái âm là mặt trăng nên người sinh ban đêm thì tốt, tốt nhất là những người sinh từ mùng 1 đến rằm, gặp thêm đào hồng hỷ thì rất tốt, gặp kỵ đồng cung lại tố như thêm đám mây ngũ sắc. Gặp riêu đà kỵ không kiếp thì công việc làm ăn bị cản trở bế tắc. Ở miếu địa mà gặp tuần triệt thì bị xấu (bị che lấp). Ở hãm địa gặp tuần triệt lại tốt đẹp trở lại. Mệnh có thái âm thì con người khoan hồng bác ái có nhiều may mắn, có tài sản nếu ở miếu địa. Nếu ở hãm địa cũng nhân hậu nhưng hay bị suy bại. Thái âm ở điền Trạch và tài bạch là tốt nhất.

CỰ MÔN : chủ về thị phi tai nạn. Ở miếu địa thì có địa vị công danh tiền bạc. Mệnh có cự môn miếu địa làm cho có uy quyền và tài lộc thuận hảo vui vẻ. Ở hãm địa thì cự môn kém sáng suốt thành gian tham hay có thị phi miệng tiếng kiện cáo tai nạn. Tại hai cung tý ngọ cự môn là viên ngọc quý đặt trong đá cần có song hao hay tuần triệt đồng cung hoặc hóa lộc đồng cung thì mới phá vỡ được đá và làm cho giàu có. Cự môn hãm địa thì hay có tai nạn nhưng nếu có hóa khoa đồng cung thì chẳng có gì đáng lo ngại.

THẤT SÁT : chủ về uy lực và sát phạt tại mệnh miếu địa là người uy quyền dũng mãnh nóng nảy. Ở hãm địa thì hung bạo và hay gặp tai nạn. Nếu thất sát cùng kinh dương đồng cung thì càng hay gặp tai nạn lớn.

PHÁ QUÂN : hung tinh chủ về uy quyền. Nếu ở miếu địa thủ mệnh thì tính tình can đảm nhưng gian manh. Ở hãm địa thì hung bạo gian ác sẵn sàng hại người nhưng hay bị tai nạn. Phá quân thủ mạng ở thìn tuất là người dũng mãnh nhưng không có tình nghĩa. Nếu được thêm lương hỷ lộc thì phá quân bị chế ngự bớt ảnh hưởng xấu.

BẢN MỆNH VÀ CUNG AN MỆNH :

Đa số các vị tử vi lão thành đều cho là cung mệnh phải sinh cho bản mệnh mới tốt nhưng lại có người cho rằng có trường hợp sinh lại xấu mà khắc mới hay. Đó là trường hợp người âm nam dương nữ cần phải có cung mệnh khắc bản mệnh mới tốt, chỉ vì lẽ thuận nghịch mà ra, vì với người âm nam dương nữ thì dĩ nhiên phải ghi đại hạn nghịch và vòng lộc tồn vòng tràng sinh cũng sẽ nghịch, do đó có lý thuyết cho rằng cung mệnh cần khắc với bản mệnh cũng không có gì là mâu thuẫn vì thế mới là thích hợp cũng là do theo lẽ nghịch cả.

Mệnh nhập cách : theo cụ Vân Đằng Thái Thứ Lang thì nếu mệnh nhập cách miếu vượng tụ hội các sao tốt như khoa quyền lộc là thượng thượng chi cách. Nếu mệnh không nhập miếu gia thêm các tinh khoa quyền lộc là thượng thứ chi cách. Nhập miếu không có gia thêm cát tinh là trung hạ chi cách. Cư hãm địa lại gặp sát kỵ không kiếp là hạ đẳng cách. Không nên căn cứ vào sự nhập cách mà luận, nhập cách mà không hóa cát lại hóa hung thì là vô ích. Nếu là mệnh thuộc thượng cách thì các sao cũng được liệt vào hàng thượng cách là lá số thượng đẳng là số của các bậc vua chúa chủ tịch tổng thống, ... Nếu sao được liệt vào hàng thượng cách mà mệnh số được tính là trung cách thì bậc nhì, đó cũng là lá số của các ông lớn trong chính quyền, thường dân là đại thương gia đại kỹ nghệ gia tỷ phú ... Nếu sao được liệt vào hàng thượng cách mà mệnh số là trung hạ cách thì nếu làm việc cho chính phủ cũng phải từ hàng cục trưởng tỉnh trưởng, thường dân cũng là đại thương gia nhà giàu có lớn. Nếu sao được liệt vào hàng thượng cách mà lá số là hạ cách thì cũng vẫn là công chức cao cấp, thường dân cũng là người buôn bán lớn nhà giàu.

Nếu sao được liệt vào hạng trung cách mà số là thượng cách là hàng thứ tư, cũng phải từ chánh sở trở lên, quận trưởng, sĩ quan cấp tá, ty trưởng, thương gia thì có tiếng tăm và giàu có. Nếu sao được liệt vào hạng trung cách mà số cũng là hạng trung cách thì cũng là hàng chánh sự, trưởng phòng sĩ quan cấp úy, thương gia thì có tiếng tăm giàu có vào bậc trung. Nếu sao được liệt vào hạng trung mà số là hạ cách thì cũng ở cấp địa phương, chủ sự, chánh phòng, buôn bán khá giả, theo con đường khác cũng hưởng cuộc sống đầy đủ.

Nếu sao là hạ cách mà mệnh số thượng cách cũng được phong phú giàu có, sống lâu, con cháu khá giả. Sao hạ cách mà mệnh số trong cách là người có mức sống tạm đầy đủ, không công danh sự nghiệp buôn bán nhỏ, tiểu thủ công nghệ, công chức hạng trung. Sao hạ cách mà mệnh số hạ cách là hạng chót bao gồm những người thiếu may mắn, cô độc bệnh hoạn tật nguyên bản cùng. Những điểm dị đồng giữa mệnh số đàn ông và đàn bà : bao giờ cũng có ảnh hưởng khác biệt giữa số mạng đàn ông và số mạng đàn bà.

+ Số đàn ông xem trước nhất 2 cung mệnh thân rồi đến tài bạch quan lộc và thiên di nếu được miếu vượng thì tốt, bị hãm địa hay bị hung sát bại tinh tụ hợp là xấu. Sau xem đến cung phúc đức, các sao khoa quyền lộc miếu hãm cát hung ra sao ? Rồi xem đến cung điền trạch thế thiếp giải ách cát hung thế nào rồi đoán. Sau đến phụ mẫu nô bộc nếu có cô quả không kiếp thì là hạng người cô độc bản cùng.

+ Số đàn bà : cũng xem trước trên 2 cung thân mệnh xấu tốt như thế nào, nếu gặp các sao tham lang thất sát kinh dương thì không tốt vì các sao này kỵ với mạng số đàn bà. Sau xem đến cung phúc đức, nếu gặp thất sát độc thủ ở cung này thì chỉ làm vợ lẽ con hát hay làm điếm. Thứ đến xem cung phu và tử tức, nếu hai cung này có đào hoa thiên hình và kiếp sát thì là bại tuyệt không tốt, nếu được sao miếu đắc vượng thì đời mới khá giả, vượng phu ích tử. Luận số đàn bà cung phu và mệnh có quý cách thì mới là tốt, nếu không là vô dụng. Ở số đàn bà 3 cung phúc phu và tử tức cung là cường cung. Cung điền tài quan (ngày xưa không có quan niệm đàn bà đi làm việc nên cung quan bị liệt là nhược cung. Nhưng ngày nay đàn bà đi làm các ngành chẳng kém đàn ông nên cung quan lộc phải được nâng lên chẳng kém gì cung tài bạch là cường cung, còn các cung khác là nhược cung).

THÂN CỬ :

Thân cư cung nào thì sự quan trọng của cung đó càng tăng thêm :

Thân cư phúc đức :

Sáng sửa : tránh được nhiều tai nạn, sống lâu, hạnh phúc.

Mờ ám : hay bị tai ách, bị giảm thọ dù cung mệnh có sáng sửa tốt đẹp đến đâu cũng không sống lâu được.

Thân cư quan lộc :

Tuần triệt án ngữ, kỵ kiếp hội hợp chiếu đàn ông muộn đường công danh, nếu có thêm nhiều hung tinh đắc cách cũng phải ngoài 40 tuổi công danh sự nghiệp mới vững.

Tuần triệt án ngữ nhiều sát tinh hội chiếu, đàn bà khó giữ tiết hạnh. Nếu có tang hỷ hội hợp thì góa bụa cô độc, nếu không muộn đường chồng con hay không chịu làm kế làm lẽ thì không tránh được mấy lần lên xe hoa rồi lại theo xe tang.

Thân cư thiên di : nhiều chính tinh trung tinh đắc cách hợp chiếu, lập nghiệp ở phương xa và rất thịnh vượng. Tuần triệt án ngữ hay có nhiều sát tinh hội chiếu, chết xa nhà.

Thân cư tài bạch :

Cơ nguyệt đồng lương miếu vượng hay sát phá liên tham tốt đẹp sáng sửa hội hợp hay tử vi miếu vượng tọa thủ, có danh giá trên tiền đến sau.

Đại tiểu hao, quyền lộc, kiếp hỏa hợp chiếu, nhờ buôn bán mà trở nên giàu có. Nếu có thêm phục binh hay kinh dương hợp chiếu thì không nên buôn hàng bông hàng vải hàng giấy, phải luôn luôn đề phòng hỏa hoạn.

Lưu hà kiếp sát hội chiếu : nếu làm nghề đánh cá hay buôn bán trên sông hồ thì khó tránh nạn chết đuối.

Thân cư thê (phu) : nguyệt tọa thủ sợ vợ thường nhờ vợ. Tuần triệt án ngữ trắc trở về hôn nhân, mấy lần đường tơ chưa dứt.

Tương quan ngũ hành cung và sao : nếu không được sự tương đồng một hành với cung thì nên được hành của cung sinh ra cho. Ví như sao kim ở cung thổ vì thổ sinh kim. Sao mộc cư cung thủy, sao thủy cư cung kim, sao hỏa cư cung hỏa.

Người sinh âm nam dương nữ nhóm bắc đẩu tinh thì ứng hợp 5 năm đầu trước đối với đại hạn và 6 tháng về trước đối với tiểu hạn.

Người sinh dương nam âm nữ gặp sao nam đẩu tinh thì ứng hợp 5 năm về sau đối với đại hạn và 6 tháng về sau đối với tiểu hạn.

Nếu mệnh thân bị các hung tinh cư chiếu đẩu hạn gặp thêm hung tinh và các sao xấu của ba vòng thái tuế lộc tồn tràng sinh thì phải đề phòng những tai ương sắp xảy ra đến nơi.

***** HẾT TẬP I *****

TỬ VI NHẬP MÔN TOÀN KHOA

TẬP 2

LUẬN VỀ CÁC CÁCH CỦA SAO (CHÍNH TINH) :

Vị trí chính tinh ở 3 cung mệnh tài quan được chia ra thành các cách : tử phủ vũ tướng cách, sát phá liên tham cách, cơ nguyệt đồng lương cách, cự nhật cách, nhật nguyệt cách.

1. Tử phủ vũ tướng cách : thí dụ 3 cung mệnh tài quan ở 3 cung dần ngọ tuất có các sao tử vi thiên phủ vũ khúc và thiên tướng gọi là tử phủ vũ tướng cách. Tử phủ vũ tướng cách được coi là cách của những người làm lớn vì trong cách này có sao tử vi là dương đế tinh và sao thiên phủ là âm đế tinh, 2 sao lớn nhất của tử vi đầu số. Có cách tử phủ vũ tướng miếu vượng và được cát tinh phò trợ và hợp chiếu thì được hiển đạt. Bộ tử phủ vũ tướng rất cần 2 sao tả hữu phò tá vì đều thuộc hành thổ, cần nhất là xem mệnh có sao nào tọa thủ, mệnh có tử vi thiên phủ hay có cả tử vi thiên phủ đồng cung thì hành của bản mệnh phải là thổ tùy theo dương thổ đi với tử vi, âm thổ đi với thiên phủ thì mới được hưởng trọn vẹn tử vi thiên phủ đó. Mệnh thuộc hành kim có vũ khúc tọa thủ thì hợp đó nhưng cách tử phủ đã bị kém tốt chút ít. Mệnh thuộc hành thủy có thiên tướng thủ mệnh thì kém người mệnh thổ, nếu không phải chỉ đồng cung với thiên tướng mà là người thủy mạng thì là cách mượn bộ vô tử phủ ví như người có lúc đang lên nhưng sự hiển đạt chỉ nhất thời không bền vững lâu dài nhất là khi lưu niên vận hạn gặp những cung và sao thuộc hành thổ thì lại còn gặp tai họa là khác. Phải định miếu hãm các sao hợp thành cách tử phủ vũ tướng như khi bộ tử phủ ở 3 cung dần ngọ tuất thì sự tốt mới là tốt thật vì tử vi cư ngọ là miếu địa, thiên phủ ở tuất là miếu địa, vũ khúc hãm ở dần, thiên tướng hãm ở dần. Người mạng thổ có cách này là hợp, người mạng thủy hay mạng kim dù được cách tử phủ cũng kém người mạng thổ nhiều.

Thí dụ : tử phủ vũ tướng cách tại thân tí thìn (mệnh tài quan ở 3 cung đó). Người mạng thổ có tử vi ở thân là đẹp nhất. Người mạng kim có vũ khúc ở thìn cung là hợp cách, người mạng thủy mệnh đóng ở tí là cách tốt nhất của toàn thể cách tử phủ khi đóng ở các tam hợp khác lại không được miếu địa như thiên tướng đóng ở tí tốt hơn người mạng thủy có thiên tướng đóng ở dần hay thân. Người mạng kim có vũ khúc đóng ở tí là tốt cũng như người mạng thủy có thiên tướng đóng ở thìn, người mạng thổ có tử vi ở thìn và thiên phủ ở tí là hãm. Người mạng kim có vũ khúc lộc tồn là cách đôi kim tích ngọc (vàng chôn ngọc giấu).

Khi 2 cung dần thân có tử phủ thì đương nhiên thiên tướng đồng cung với liên trinh ở ngọ hay ở tí. Người mạng hỏa có liên trinh đồng cung với thiên tướng ở ngọ tốt hơn người mạng hỏa có thiên tướng đồng cung với liên trinh ở tí.

Tử phủ vũ tướng cần nhất phải có 2 sao tả phù hữu bật, thiếu 2 sao này ví như vua không có bày tôi. Sao tả phù nên đồng cung với tử vi hay thiên phủ và tử vi thiên phủ không nên đồng cung với hữu bật vì hữu bật là vô cách, đồng cung sẽ thành loạn tướng và vua sẽ mất hết uy quyền. Tả hữu nên cư tam hợp, chiếu hay giáp thân mệnh.

Tử vi thiên phủ cư ở quan lộc cần có đào hồng mới phú quý, thiếu 2 sao này thì công danh trắc trở. Đào hồng trái với tả hữu lại không nên cư ở 2 cung mệnh và thân vì tính chất đâm đặng đâm mê sắc dục sẽ làm hại đến sự nghiệp.

Khôi việt cũng được coi là cần thiết cho bộ tử phủ vũ tướng vì tính cách tinh khiết và có uy quyền hiển hách được sự tôn trọng của mọi người. Cách tử phủ nếu thiếu một trong 3 bộ trên thì sự nghiệp kém đi nhiều.

Riêng thiên tướng nếu đồng cung với hữu bật thì lại hợp cách vì cả 2 đều là võ tướng. Nếu lại có tướng quân ở cung thiên di hay cung quan lộc xung chiếu thì thành cách xuất tướng nhập tướng.

Bộ tử phủ tối kỵ không kiếp nhưng không sợ tuần triệt lắm. Riêng thiên phủ nếu cư cung tài bạch thì sợ tuần, nếu ở mệnh thân thì không sợ. Thiên phủ là tài tinh chủ về tiền bạc biểu tượng kho trời nếu ngộ tuần thì ví như kho rỗng không có tiền của không người coi giữ nên phú có câu :

“Phủ phùng không sử tài suy

Thủy chung nan bảo tư cơ lưu truyền”

Thiên phủ mà bị tuần xâm phạm thì không giữ được sự nghiệp tự tay làm ra hoặc của ông bà cha mẹ để lại.

Xem về thọ cách của các tử phủ vũ tướng thì xem cung mệnh và 3 cung mệnh tài quan và di có 4 sao kể trên lập thành cách này nhưng không phải có cách tử phủ vũ tướng là thọ, phải xem cung an mệnh có hợp với mệnh không. Thí dụ cung an mệnh là ngộ (thuộc hỏa quẻ ly), người xem số tuổi kim (kim mệnh), ở ngộ có tử vi, ở tuất có thiên phủ, ở dần có vũ khúc thiên tướng, 4 sao này đều miếu vượng hoặc Đắc Địa cả. Nhưng cung an mệnh lại khắc với mệnh của đương số (mạng kim) tất nhiên tuổi thọ cũng bị chiết giảm. Hơn nữa là phải xem các sao phụ có nhiều sao xấu không. Thí dụ cung dần có vũ khúc thiên tướng lại có sao thiên hình thiên khôi kinh dương hay kiếp sát lại phải đoán khác vì thiên khôi là đầu, thiên tướng là ông tướng ngộ kinh dương kiếp sát thì thành đầu ông tướng bị người ta chém. Nếu không có các sao giải như thiên quan thiên phúc giải thần thiên giải địa giải hóa khoa thì dĩ nhiên người đó bị ám hại ở đầu hay bị té bể sọ còn lấy đầu mà thọ nữa. Nếu có thêm tả hữu là người tay chân giúp việc của mình hại mình vậy.

Cách là một điểm nhưng cần phải vay mượn thì mới đoán ra lẽ được.

Có cách tử phủ đồng cung mà mệnh lập ở dần thân, tuổi dần tí ngộ thì là thọ cách.

2. Sát phá liên tham cách : ứng về ngành võ hơn là các ngành khác và cũng cần phải xét ngũ hành của bốn mạng hợp với sao nào khi cư mệnh và các vị trí miếu hãm để định mức tốt xấu đến độ nào.

Người mạng kim thất sát đóng ở cung thân là miếu, đây là đệ nhất cách của sát phá liên tham. Tuy cũng là thất sát triều đầu ở 2 cung dần thân nhưng người có thất sát ở dần kém hơn người có thất sát ở thân cũng mạng kim. Người mạng kim nếu có sát phá liên tham nếu hội với vũ khúc là cách hay đẹp vì tam hợp tý dậu Sửu thuộc kim là được sự ủng hộ đắc lực của 3 cung này ví như được ở nơi nhà cao cửa rộng. Người mạng kim có thất sát ở thân hơn người mạng kim có thất sát ở tí.

Người mạng thủy phá quân thuộc thủy mà đóng ở cung tí là cách tốt nhất, tốt hơn người có phá quân ở ngộ. Nếu phá quân ở ngộ cần hội thêm văn khúc nữa mới được hoàn toàn như người có phá quân ở tí.

Người mạng mộc có tham lang ở mùi là bộ tham vũ đồng hành ở Sửu mùi là cách tốt nhất của sát phá liên tham cho người mạng mộc vì mùi là một trong tam hợp Hợi Mão Mùi thuộc mộc. Có cách này thì sao tham lang là sao hóa khí được thủy nếu có hình kỵ đà nữa thì thành một bộ sao bút nghiên và đao kiếm, nếu lại được hỏa linh hợp thì là thượng cách vì hỏa linh hợp tham lang (mộc) thành một khối lửa được thành triệu phú hoặc tướng lãnh. Cách tham vũ đồng hành nếu là thân (thân cư) là xấu phải được mạng tốt thì mới được sung túc, nếu mạng xấu mà thân lại tham vũ Sửu mùi không có cát tinh hội hợp thì cả đời đối khó cực khổ và về già lại gặp

nhiều tai nạn. Khi tham vũ đồng hành ở 4 cung thìn tuất Sửu Mùi cần gặp đả hình kỵ hóa khí thì mới tốt được.

Liên trinh tham lang đồng cung tại tỵ hợi là cách rất xấu. Tử vi có câu phú : “liêm tham tỵ hợi hình ngục nan đào”. Nhiều vị tử vi lão thành nhận xét thấy có nhiều trường hợp rất đúng cũng như có nhiều trường hợp sai hẳn mặc dầu giờ sinh rất đúng. Liêm tham tỵ hợi là các nam đa lãng đãng nữ đa dâm lại luôn luôn đi tới cửa công cò bót tòa án và ngục tù khó tránh. Liêm tham tỵ hợi rất cần có tuần triệt giải cứu. Gặp một trong hai sao này là phản vì kỳ cách trở lại là người đứng đắn đàng hoàng và có văn tài lỗi lạc vì tính lý của liêm trinh là thanh bạch và nghiêm trang. Liêm tham tỵ hợi gặp khoa quyền lộc tam phương tứ chiếu là người có cơ mưu nhưng rất cần có 1 sao tuần trấn ngự thì mới được hưởng phúc trọn vẹn và không nên gặp triệt vì triệt sẽ giảm tính chất hay của bộ tam hóa đi.

Có tác giả kinh nghiệm cho rằng : người có liêm tham tỵ hợi là mẫu người ưa mạo hiểm, ưa làm liều, rất can đảm, nhận những công việc khó khăn bí mật và làm việc gì cũng mau mắn, giải quyết lẹ làng. Vì những đặc tính này người liêm tham tỵ hợi lại hay có năng khiếu về máy móc điện khí và dễ bị vướng vào vòng pháp luật hoặc liên lụy hoặc tình nghi nhưng còn tùy theo các sao phụ mới có thể quyết đoán như vậy được. Nếu có sao bổ túc thì họ cũng rất giỏi về ngành tư pháp (như làm thẩm phán luật sư hoặc xoàng cũng học sự thư ký...)

Vì những đặc điểm trên muốn tránh được tù tội, liêm tham tỵ hợi cần xa lánh cô thần quả tú, không kiếp, kinh đà, tuế phá, phục binh. Nếu quả thực mà gặp 70% những sao này thì câu phú ở trên rất đúng. Có nhiều vị lại sợ hóa kỵ thiên không đồng cung với liêm tham nhưng trái lại 2 sao này lại là cứu tinh giải hết được mọi tai ách tù tội. Ngoài ra nếu liêm tham lại gặp được tả hữu lộc tồn thì thực là rất hay (chưa cần thêm những sao tốt khác) nghĩa là sẽ thành 1 con người nổi bật trong quần chúng về tài năng chứ không hẳn về văn hóa hay bằng cấp.

Nếu chỉ có liêm tham tỵ hợi không thôi nghĩa là tránh được các sao xấu kể trên và cũng không có cách tốt nào khác phụ thêm nữa thì đương số chỉ làm được những công việc về chân tay như thợ máy thợ mộc, tiểu công nghệ chứ không đảm đương được việc gì có tính cách quy mô lớn lao, còn việc ngục tù thì tuyệt nhiên không có gì ứng nghiệm.

Cách sát phá tham cũng cần có tả hữu nhưng không cần thiết như bộ tử phủ nên với cách sát phá liêm tham thì giáp tả hữu tốt hơn là đồng cung và củng chiếu.

Hai sao tam thai bát tọa hợp với các sao thai phụ phong cáo, bình hình tướng ấn là các sao phò trợ đắc lực cho cách sát phá liêm tham. Tử vi phá quân đồng cung Sửu Mùi với thai tọa lại có giáp tả hữu hay tả hữu đồng cung tại Sửu Mùi xung chiếu cho nhau là được nhiều chất thổ khắc chế hết nước của phá quân nên trở lại là người anh hùng có mưu trí vì thai tọa là văn võ kết hợp bình hình tướng ấn thai phụ phong cáo là toàn vi hảo cách.

Cũng một phá quân của bộ sát phá liêm tham nếu ở 2 cung thìn tuất hợp được kinh dương, người mạng kim hay mạng thủy không thể bảo là trai bất nhân được vì kinh dương phá quân 2 sao ấy hợp với hành của bản mệnh lại là những người tay trắng làm nên sự nghiệp và rất có mưu cơ tài trí.

Thất sát của bộ sát phá liêm tham cư dần thân nếu ngộ triệt ở thân Dậu, tuần tại dần Mão là tối kỵ ví như cây kiếm thần đã bị triệt ra từng mảnh (khi gặp triệt) hay đã bị hỏa thiêu tiêu đi mất (khi gặp tuần). Thất sát này trở thành không còn uy lực gì nữa mà còn là người chung thân bất mãn vì triệt đáo kim cung, tuần lâm hỏa địa áp chế rồi.

Tham lang thì tối kỵ ngộ triệt và không sợ ngộ tuần cho lắm vì hành mộc kỵ triệt, nếu ngộ triệt ví như bị chặt nát ra từng khúc. Phá quân không sợ ngộ triệt tuần ví như hồ nước bị ngăn ra thành 2-3 hồ nhỏ cũng chỉ hao đi chút ít cuối cùng cũng vẫn là hồ nước. Nếu tuần xung chiếu

với phá quân thì ví như nước được lửa đun bốc lên thành hơi nóng nhiều khi có sự đặc dụng của nó.

Bộ sát phá liên tham không sợ sát tinh cho lắm vì bản chất của bộ sao này đã là hung tinh nên đôi khi gặp sát tinh ngược lại còn phù trì đắc lực là khác. Riêng 2 sao tham lang và thất sát kỵ ngũ tuần triệt nhưng tùy vị trí. Tham lang vũ khúc đóng đô tại Sửu Mùi là cách tham vũ đồng hành nửa đời trước bôn ba vất vả, nửa đời sau về già lại giàu có ung dung, nếu cứ mệnh còn hợp chữ cư thân mà mệnh xấu là bất hạnh chung thân lao khổ.

Tham vũ đồng hành ở Sửu Mùi rất cần gặp hình kỵ đà thì mới toàn mỹ, khi lâm vào Hãm Địa thì ảnh hưởng sát phá liên tham trở nên vô cùng nguy hiểm nên gọi là trúc la tam hạn. Nếu mệnh cung bị sát phá liên tham Hãm Địa, lưu hạn đến cung vô chính diệu hội hung sát tinh phải cẩn thận đề phòng tai họa mạng phá gia vong cũng như người mệnh vô chính diệu lưu hạn ngộ sát phá liên tham Hãm Địa gia ác sát tinh chắc chắn sẽ gặp họa vô đơn chí.

Cách sát phá tham gặp hóa khoa phù trì thì tăng thêm nhiều sự may mắn. Nếu sát phá tham Hãm Địa thì rất cần gặp hóa khoa giải cứu.

Tóm lại cách sát phá liên tham thường là những người lập nghiệp gian nan nhưng thành công lừng lẫy, tính tình quả cảm thường thiên về võ nghiệp hoặc công nghiệp, sự phát đạt tốt đỉnh thì thường những người mạng kim mạng mộc được hưởng còn người mạng thổ thì không thể nào vinh hiển được vì người mạng thổ đã được hưởng cách tử phủ vũ tướng rồi.

3. Cơ nguyệt đồng lương cách : cách cơ nguyệt đồng lương thường là những con người an phận thủ thường, ôn hòa, trung hậu, có đời sống mực thước, lo bốn phận làm con làm cha mẹ làm vợ làm chồng và đa số là những công chức chuyên nghiệp. Tuy nhiên cũng còn tùy vị trí các sao miếu hãm với bốn mạng để xét mức độ tốt xấu thế nào.

Người mạng mộc : thiên lương (mộc) cư cung dần là cách hay nhất, tốt hơn người mạng mộc thiên lương cư cung thân nhiều.

Người mạng thủy thiên đồng thủ mệnh ở thân đồng cung với tràng sinh là người thông kim bác cổ, có cơ mưu sáng suốt và sống lâu vì tam hợp thân tí thìn hợp với tràng sinh nên được phú cách. Thiên đồng thiên lương hội tràng sinh ở cung thân cũng miếu địa và là cách rất tốt.

Người mạng mộc có thiên cơ thủ mệnh ở dần cũng chỉ được trung bình cách. Hai sao thiên cơ và thái âm đồng cung ở dần cũng đỡ bị khắc chế hơn ở thân. Nếu mạng mộc hay thủy mà cư ở tại cung Dậu gặp được khoa quyền lộc thì 2 sao cơ âm chính là dây oan nghiệt khó gỡ được bất kể cung số nào cũng đều xấu cả, huynh đệ thì ly tán, phúc đức thì kém, vợ chồng hình khắc, con cái chẳng ra làm sao. Nếu không có tuần triệt án ngữ thì nam lãng đãng nữ đa dâm, hình ngục khó tránh.

Người mạng mộc hợp thiên lương cư Ngọ hơn là thiên lương cư tí.

Người mạng kim mạng thủy cung mệnh có thiên đồng thái âm tốt hơn là 2 sao đó cư ở tí vì sự ám hợp tinh đầu. Vì kinh dương cư Ngọ được hỏa khắc thành thủy như nguồn nước cho thiên đồng thái âm chảy mãi bất tận nên ở Ngọ hợp hơn ở tí. Thái âm Hãm Địa ở Ngọ nếu phạm kinh dương thì ít khắc chế hơn là ở tí là cung miếu địa.

Người mạng mộc cơ lương tại thìn tốt hơn là cơ lương tại Tuất. Khi hai chính tinh cư cùng 1 cung thì sự ám hợp hay khắc chế là do ở số tinh đầu và cung có sao thuộc hành nào để luận đoán sự hợp khắc của hành của mệnh. Thí dụ người mạng thổ có cơ lương ở Tuất tốt hơn là cơ lương ở thìn, người mạng thủy có cơ lương ở thìn tốt hơn là cơ lương ở Tuất vì cung thìn ám hợp sao (cung thìn thuộc tam hợp thân tí thìn : thủy).

Hạn cơ lương ngũ tuần triệt là bị phạm nặng vì 2 sao đó thuộc hành mộc, gặp tuần triệt thì như bị chặt gãy, đốt cháy. Thiên đồng không sợ tuần triệt vì thuộc thủy.

Cách cơ nguyệt đồng lương cần tam hóa quang quý long phượng nhưng tối kỵ gặp hỏa linh xung phá. Cơ lương gặp hỏa linh cũng như bó củi gặp lửa, cũng như nhật nguyệt tối kỵ không kiếp.

Người có sao thiên lương thủ mệnh Hãm Địa gặp thái âm chiếu hay ngược lại là người có máu giang hồ như người thủy thủ. Mệnh có thiên lương gặp đại tiểu hao và sát tinh nhất là kiếp sát thì khó tránh tai họa về đao thương súng đạn, nếu có sao giải thì đỡ. Mệnh đàn bà có thiên lương ngộ thiên mã (tọa thủ xung chiếu hay đồng cung) là người đàn bà dâm dật, chỉ có lộc tồn hay hóa lộc mới hóa giải được.

Thiên cơ thủ mệnh Hãm Địa lại gặp nhiều ác sát tinh đồng cung là người gian trá xảo quyết, trộm cướp bất lương.

Thiên đồng ngộ thái âm ở tí tọa thủ nữ mệnh là người quốc sắc thiên hương, nếu ngộ tang hồ khốc riêu là số sát chồng.

4. Cự nhật cách : có 4 loại

Cự môn ở ty, thái dương ở hợi.

Thái dương ở ty, cự môn ở hợi.

Cự môn thái dương đồng cung ở dần.

Cự môn thái dương đồng cung ở thân.

Cự môn ở hợi tốt hơn cự môn ở ty.

Nhật ở ty tốt hơn là nhật ở hợi ngoại trừ hai trường hợp đó có tuần triệt án ngữ.

Cự nhật đồng cung ở dần mà cung mệnh đóng ở đó và không bị địa không địa kiếp kinh dương đà la linh tinh hỏa tinh là thượng cách, ba đời kế tiếp làm quan và khá giả. Nếu cự nhật an tại cung thân là thứ cách.

Bàn chung về hai cách cơ nguyệt đồng lương và cự nhật : 2 thế âm dương như 4 cách đã trình bày ở trên đã được phân định thành qui tắc tại tính cách biệt dị như sáng và tối, như trắng với đen.

Vì vậy 14 chính tinh bên dương có tử phủ vũ tướng, xác phá liên tham thường xuyên tranh đấu để lấn nhau từng bước. Trái lại bên âm với những sao cơ nguyệt đồng lương và cự nhật cả 6 sao đứng thành một khối liên kết hành động chung rất mật thiết.

Hai sao thái dương thái âm sáng suốt chỉ dẫn bà con đường quang minh chính đại, đâu là hố sâu tội lỗi để sau thiên lương tượng trưng cho luân thường đạo lý theo dõi. Sau thiên đồng tính ưa cạnh cải kiến tạo và sao thiên cơ có tài tổ chức xếp đặt để cho sao cự môn được tiến là mồm mép đứng lên ngoại giao.

Bài toán tử vi không phải là một phép toán tìm hiểu hưng thịnh hay suy vong của mỗi số mạng là một giáo lý để trình bày căn quả để hướng dẫn con người trên bước đường đời dài hay ngắn làm sao để dư âm được lưu truyền mãi mãi.

Tại sao lại chia hai phái cơ nguyệt đồng lương và cự nhật? Sao lại xếp cơ đứng đầu và lương đứng cuối? Theo phép âm dương lưỡng nghi chia xuống là phải tứ tượng bên dương đã chia làm hai thì bên âm cũng chia làm hai để cự nhật có nghĩa là sự phê bình cương trực sáng láng như vầng thái dương, bên kia thiên lương đáng lẽ đứng làm trưởng đoàn mà lại nhường chỗ cho thiên cơ để khiêm nhượng giữ vị trí đèn đỏ. Đây cũng là trường hợp như phá quân nếu đóng ở 2 cung thìn tuất bị coi như là kẻ bất nhân, thiên lương khinh rẻ những kẻ sĩ : cơ đồng âm chỉ là 1 phường ngu nhơ nông cuồng chỉ ngồi suy nghĩ nông cạn với mớ lý thuyết rẻ tiền mà chẳng làm nên trò trống gì. Thiên lương ở cuối danh sách để làm cố vấn cùng chỉ đạo chứ không phải là đàn em trong nhóm bị nhét xuống cuối danh sách.

Thiên cơ và thiên đồng là 1 đằng mưu mô giỏi xoay sở, 1 đằng thì luôn luôn thay đổi ý kiến cũng là giếng mối chính phải được tôn trọng.

Trên vị trí của địa bàn thiên lương và cự môn theo qui phạm áp dụng luân phiên chia nhau sát nút thiên cơ và thiên đồng như thiên cơ và thiên lương (thìn tuất), thiên lương và thiên đồng (dần thân), cự môn và thiên cơ (mão dậu), cự môn thiên đồng (sửu mùi). Với thái dương thì có thái dương thiên lương mao dậu và cự môn thái dương thiên lương mao dậu và cự môn thái dương dần thân.

3 trường hợp dưới đây chứng minh cũng như các trường hợp khác thấy khối thống nhất (nhật nguyệt lương cư đồng cơ) luôn luôn liên lạc mật thiết chu đáo với nhau.

+ Tử vi ở ngọ với liêm trinh thiên phủ là văn ban ở tuất, vũ khúc thiên tướng là võ ban ở dần thì thái dương ở mao dẫn đường cho tham lang phối hợp với thái âm ở hợi, tuy rằng âm dương tịnh minh nhưng sự thật thái âm đặc cách hơn. Phần tổ chức có thiên cơ rất khéo léo nhưng không che lấp được cái sự cải cách không hợp tình trạng (thiên đồng hãm ở sửu). Đây chỉ là sự dàn bày các chính tinh còn phần lớn tùy thuộc ở tuổi (thái tuế), ở cục (tràng sinh), phụ tinh, các trung tinh và sát tinh để luận lá số rộng rãi hơn.

+ Phá quân tí cung, tham lang ở thìn, thất sát ở thân hiện thân của cuộc liên minh bất khuất. Trong khố đó thì thiên lương ở mùi được thái âm ở mao thái dương ở hợi đồng chiếu cho biết mọi sự còn chưa được minh bạch phải từ từ thì mới rõ ràng. Sự tổ chức (thiên cơ) tạm thời trúng cách ở sửu nhưng sự canh cải còn bế tắc (thiên đồng hãm ở dậu), cự môn ở cung tỵ cũng bị hãm không thể mạnh mẽ lên tiếng để bổ khuyết.

+ Tử vi thiên tướng ở thìn, phá quân ở tuất một hình ảnh quyết liệt chống chọi nhau thì thiên lương ngao ngán tình đời đi tản du sơn thủy (tỵ cung) cuộc xáo trộn chưa phân định trắng đen (thái âm thái dương đồng cung tại sửu), cự môn nắm chắc thiên cơ và thiên đồng (cả 3 cự cơ đồng đều đặc địa) lên tiếng hòa giải để cho mọi sự đều êm đẹp. Kết quả phải trái cũng nhờ thái tuế mới phân định hẳn bên nào chịu trách nhiệm về tình trạng đã xảy ra.

5. Nhật nguyệt cách : 2 sao thái dương và thái âm hợp lại thành cách nhật nguyệt. Cách nhật nguyệt tùy theo vị trí miếu hãm của 2 sao và ngũ hành của bản mệnh hợp lại mà xét định xấu tốt.

Luận cách nhật nguyệt chỉ so sánh khi mà thái dương ở cung hãm địa thì cung dương hợp hơn cung âm. Thí dụ thái dương ở thân tốt hơn ở dậu vì lý nhất dương sinh. Thái âm ở mao tốt hơn ở thìn vì lý nhất âm trưởng.

Người có cự nhật cách hay nhật nguyệt cách mà mạng hỏa ưa tranh đấu vì hợp với thái dương là hỏa. Người mạng thủy thì thâm trầm hơn vì hợp với thái âm là thủy. Nói chung cách nhật nguyệt và cự nhật ưa tranh đấu, ưa xoay sở trong chính trường hoặc thương trường nhưng thành hay bại còn tùy theo vị trí miếu hãm và các bộ sao phù trì.

Cách nhật nguyệt tí ngọ : người mạng hỏa có cự nhật cách của nhật nguyệt vì đây là cách nhật nguyệt trung thiên (mặt trời ở giữa trời) tỏ rạng hết cái ánh sáng của mình. Người mạng thủy mà có thái âm cư tí là đệ nhất cách của nhật nguyệt vì đó là cách nguyệt cư thương hỏa là ban đêm giờ tí mặt trăng chiếu sáng trên biển cả mênh mông, mặt nước biển sẽ thành một vũ trụ bao la mênh mông.

Cách nhật nguyệt hợi mao : nhật cư mao là cách nhật xuất lôi môn (lôi môn nghĩa là cửa nhà trời là nơi xuất nhập của thần linh trên thiên đình nhận lệnh). Giờ mao cũng là thời gian khí hậu còn ôn hòa, người mạng hỏa có cách này cũng hợp nhưng không hiển hách bằng cách nhật lệ trung thiên.

Nguyệt cư hợi là cách nguyệt lãng thiên môn, thiên môn là cửa ngõ của thái cực, hợi là nơi cực thịnh của âm khí nên người mạng thủy có cách này là hợp nhưng cũng không bằng nguyệt cư tí.

Nhật ở mao nguyệt ở hợi mà mệnh lập tại mùi vô chính diệu thì cần căn cứ vào hành của mệnh để luận đoán. Mệnh thủy hợp với thái âm, mệnh hỏa hợp với thái dương. Nên khi 2 sao nhật nguyệt cùng hợp chiếu về cung vô chính diệu, nếu không căn cứ vào ngũ hành để phân định thì không sao biết được.

Đối với cách nhật nguyệt ở tại chính cung thì không tốt đẹp bằng ở cung tam hiệp chiếu hay ở cung xung chiếu. Nhật mao nguyệt hợi mệnh lập tại mùi có sao thiên hư đóng ở đó là cách nhật nguyệt chiếu hư không chi địa tức là khoảng hư không thăm thăm không có một đám mây hay vật gì cản trở nên thông minh tuyệt đỉnh học 1 biết 10.

Nhật nguyệt đồng cung Sửu Mùi là cách nhật nguyệt tranh huy thời gian thuộc giờ Sửu thì nhật hãm cũng như giờ Mùi thì nguyệt hãm nhưng vào giờ Sửu thì cũng sắp tới lúc nhật được sáng sửa trở lại và giờ Mùi thì cũng sắp tới lúc nguyệt được sáng nên mới gọi là nhật nguyệt tranh huy để giành nhau chiếu sáng.

Quy luật của nhật nguyệt là chính bất như chiếu. Nếu mệnh đồng cung với nhật nguyệt mà không gặp trung tinh tốt là khó lòng giữ được quý hiển nên phú có câu :

“Những người bất hiển công danh

Chỉ vì nhật nguyệt đồng tranh Sửu Mùi”.

Trái lại nếu mệnh lập ở Mùi mà nhật nguyệt đồng cung ở Sửu xung chiếu thành cách nhật nguyệt chiếu bích, bích là bức tường mà Sửu Mùi thuộc thổ. Nhưng cần phải có hóa kỵ đóng ở Mùi chứ không phải đồng cung với nhật nguyệt thì thành cách tường vôn áp nhật nguyệt cách chiếu này rất cần một sao không nhất là tuần không thì đắc cách nhất vì tuần sẽ bao vây ánh sáng lại để hóa kỵ gặp được ánh sáng của nhật nguyệt tỏa hào quang ra thì thật là toàn mỹ vì như vậy thì nhật nguyệt Sửu Mùi này là cách được chung thân quý hiển.

6. Vô chính diệu cách : khi mệnh không có chính tinh nào ở cung đó thì gọi là mệnh vô chính diệu. Cung mệnh không có chính tinh thì thường coi là không tốt, phi yểu tắc bần nhưng không hẳn thế. Trước hết phải xem trong mệnh có sao nào tương đồng với vi hành của mệnh không. Thí dụ các sao thiên không kinh dương địa kiếp đà la bạch hổ tuần cư ở các cung miếu địa trong cung mệnh tránh được triệt và các ác sát tinh cư đồng cung. Như vậy là được cách hung tinh độc thủ nhập miếu tức là cách tốt nhất, cuộc đời sau này ví như anh hùng tung mây lướt gió thành công rực rỡ bao nhiêu là tùy các trung tinh phò tá mà luận đoán. Được khoa quyền lộc tam phương củng chiếu, hung tinh miếu chấn ngự tam hợp là thượng cách. Nếu cung mệnh không có hung tinh độc thủ nhập miếu đồng một hành với bản mệnh mà lại có hung tinh hãm địa tại mệnh khắc hành của mệnh, cung tam hợp và cung xung chiếu có hung sát tinh là cách hình thương mà yếu vong. Trong cung mệnh vô chính diệu có tam phương hợp cát hung cư chung với nhau mà cung mệnh không gặp triệt để phá hung là cách sinh lai bần tiện suốt đời nghèo hèn.

Bản mệnh vô chính diệu được một không thủ ở mệnh, 2 sao không ở tam hợp chiếu về là đắc cách nhất. Mệnh vô chính diệu đắc tam không nhi phú quý khả là cách được công danh thành đạt, cuộc đời suông sẻ vì 3 sao không cùng thuộc hỏa cả.

Mệnh vô chính diệu một không ở tam hợp, 1 không thủ mệnh và 1 không ở cung xung chiếu cung mệnh hay 1 cung tam hợp có hung tinh là cách mệnh vô chính diệu đắc tam không như mộng ảo hoàn lương, phú quý như giấc mộng không thể trường tồn lâu được.

Mệnh vô chính diệu trong cung mệnh có hung tinh có hành khắc đối với hành của bản mệnh, 3 cung tam hợp xung chiếu có 3 sao không cũng chiếu là cách mệnh vô chính diệu ngũ tam không phi yếu tắc bản vì cả 3 sao không sẽ hợp đẳng với hung tinh trong cung mệnh thì thế nào cũng bản hèn hay yếu vong.

Cách mệnh vô chính diệu không có sao đồng hành với bản mệnh rất cần gặp tuần triệt án ngữ nếu trong cung mệnh có hung tinh hãm địa, ở tam phương xung chiếu có ác sát không vong chiếu chắc chắn sẽ bị ác bệnh hay hình thương mà chết.

7. Tiếp theo bộ tử phủ vũ tướng và sát phá liêm tham cách :

Đây là 2 bộ sao quan trọng nhất trong khoa tử vi, 2 cách này ấn định toàn bộ cuộc đời và từng đại vận.

Tử phủ vũ tướng là bộ sao chỉ huy chuyên về lý thuyết, lý tưởng cũng là một bộ phận sao bảo thủ. Tử phủ vũ tướng là bộ sao âm phải đóng ở cung miếu vị và phải có tay chân thì bộ sao này mới hay, hãm thì hỏng. Còn nếu không có tay chân ví như vua không có quần thần thì tiến sang hành động không được.

Sát phá liêm tham là bộ sao dương chủ về hành động cấp tiến, chủ về vật chất nhưng nếu hành động mà không chỉ huy lý tưởng thì lạc lõng, có thể sẽ hỏng cả. Bởi thế 2 bộ sao đó phải bổ túc cho nhau mới hay :

Tử phủ vũ tướng : tĩnh trong động : thuộc âm.

Sát phá liêm tham : động trong tĩnh : thuộc dương.

Theo dịch lý âm dương phải hợp tác với nhau là việc mới đắc lực. Theo luân lý thường thì tử phủ vũ tướng là bảo thủ trong cách mạng và sát phá liêm tham là cách mạng trong bảo thủ, cả 2 cách phải cộng tác với nhau làm việc mới thành công, người lý thuyết cần có bàn tay hành động, người hành động cần có khối óc lý tưởng chỉ huy.

Vì thế khi giải đoán một lá số đại vận phải ghi nhớ : Mệnh sát phá liêm tham miếu gặp đại vận tử phủ vũ tướng thì rất hay vì có bộ óc phi thường chỉ huy.

Mệnh sát phá liêm tham gặp đại vận sát phá liêm tham thì ở thế bình hòa (không có người chỉ huy) không lý tưởng, lý thuyết thiếu cân bằng âm dương.

Mệnh tử phủ vũ tướng miếu đến đại vận sát phá liêm tham thì tiến bộ mạnh mẽ vì khối óc điều khiển được bàn tay hành động tích cực ấy là cách quần thần khánh hội hay phi thường cách.

Có thể nói rằng 2 cách tử phủ vũ tướng và sát phá liêm tham tiết chế nhau điều hòa nhau mới tiến hòa; còn đứng một mình thì chỉ ở thế bình hòa dậm chân một chỗ vô thưởng vô phạt, dẫu có thăng tiến cũng chỉ phần nào thôi khó lòng đại phá được.

NHỮNG PHẬN ĐỊNH CƠ BẢN KHI XEM SỐ

Trước khi giải đoán một lá số : cần phải nhận định quan sát trên lá số những điểm sau đây :

+ Thuận lý hay nghịch lý giữa năm sinh với tháng sinh, giữa ngày sinh với giờ sinh (tốt nhất là thuận dương thuận âm).

+ Tương sinh hay tương khắc giữa năm sinh với tháng sinh, giữa ngày sinh với giờ sinh.

Thí dụ năm sinh thuộc mộc, tháng sinh thuộc hỏa là năm tháng tương sinh. Ngày sinh thuộc thổ, giờ sinh thuộc thủy là ngày giờ tương khắc. Theo cụ Vân Đằng Thái Thứ Lang thì quý nhất sinh năm hỏa tháng thổ ngày kim giờ thủy.

+ Xem can chi của năm tháng ngày giờ sinh để xem hợp hay phá giữa năm sinh với tháng sinh, giữa ngày sinh với giờ sinh.

- + Tương sinh tương khắc giữa bản mệnh và cục. Thí dụ mộc mệnh hỏa cục là tương sinh vì mộc sinh hỏa, ngược lại cục sinh bản mệnh như mộc cục hỏa mệnh thì tuy vẫn được coi là tốt nhưng vẫn không bằng bản mệnh sinh cục. Bản mệnh khắc cục rất xấu dù toàn thể là số có tốt đến đâu cũng bị chiết giảm độ số đi phần nào. Cục khắc bản mệnh thì đỡ hơn (xấu vừa).
- + Thuận lý hay nghịch lý giữa năm sinh và cung an mệnh. Thí dụ : sinh năm ngọ thuộc dương là hợp lý.
- + Chính diệu phủ mệnh : các sao trong vòng tử vi thiên phủ miếu vượng đắc hay hãm địa có hợp mệnh không, sinh mệnh hay khắc mệnh. Thí dụ thủy mệnh, chính diệu thủ mệnh cũng thuộc thủy cũng là hợp, nếu chính diệu thuộc kim là chính diệu sinh mệnh lại càng tốt. Ngược lại lại thủy mệnh mà chính diệu thủ mệnh thuộc mộc là mệnh sinh chính diệu rất xấu. Thủy mệnh chính diệu thủ mệnh thuộc thổ là mệnh khắc chính diệu lại càng xấu hơn nữa. Nếu cung mệnh không có chính diệu gọi là mệnh vô chính diệu cần phải xem chính diệu xung chiếu và trung tinh bằng tinh tọa thủ và hợp chiếu.
- + Cung mệnh và cung an thân tốt xấu ra sao?
- + Vị trí các chính cung trên 12 cung : miếu vượng đắc địa hay hãm địa, có đúng vị trí không (phúc tinh đóng tại cung phúc đức, quý tinh ở cung quan lộc, tài tinh ở cung tài bạch là đúng vị trí).
- + Vị trí của tứ hóa trên 12 cung có đúng vị trí không?
- + Cung phúc đức tốt hay xấu.
- + Vị trí của lục sát tinh : kinh đà linh hỏa không kiếp.
- + Đại hạn 10 năm vận hành trên 12 cung, xem lần lượt từng đại hạn một để biết đại hạn nào tốt đại hạn xấu.

KINH NGHIỆM VỀ CUNG MỆNH VÀ CUNG AN THÂN : mỗi là số đều hưởng 10 năm thuận lợi đắc ý nhất ở cung tam hợp với sao thái tuế (gọi là vòng thái tuế).

Thí dụ người tuổi tỵ, vậy khi đến đại hạn 10 năm ở trong 3 cung tỵ dậu Sửu là được hưởng vòng thái tuế. Nhưng có một điều cần nhắc cẩn thận về cường độ của sự thoải mái nghĩa là xem sự đắc ý đến chừng nào thì phải xét đến 2 cung : cung mệnh và cung an thân có chính diệu tọa thủ không? Đồng thời cung nhập hạn của vòng thái tuế có chính tinh không? Sự đắc thắng vẻ vang hay chiến thắng trong gian lao là tùy thuộc vào các điều kiện sau đây :

- . Cung mệnh và cung an thân có chính tinh đắc địa, hạn gặp vòng thái tuế ở cung vô chính diệu thì chỉ đắc lợi một cách tương đối.
- . Cung mệnh và cung an thân có chính diệu hãm địa, hạn gặp vòng thái tuế ở cung vô chính diệu thì chỉ đắc lợi một cách tương đối.
- . Cung mệnh và cung an thân vô chính diệu, hạn gặp vòng thái tuế ở cung chính diệu thì vẻ vang trong gian khổ (sinh phùng bất thời).
- . Cung mệnh và cung an thân vô chính diệu, hạn gặp vòng thái tuế ở cung có chính diệu tọa thủ nhất là bộ sát phá liên tham thì chiến thắng vẻ vang.
- . Trường hợp cung mệnh trùng với 1 cung của vòng thái tuế không tốt bằng cung an thân trùng hợp với cung của vòng thái tuế vì thân chủ về hành động, còn mệnh là lý thuyết nên chỉ có làm mới hưởng.

Nhận định về cung mệnh và cung an thân :

Từ lúc sơ sinh cho đến năm 30 tuổi phải căn cứ vào cung mệnh để luận đoán vận hạn và xem mọi sự tốt xấu. Còn ngoài 30 tuổi phải căn cứ vào cung thân. Nhưng dù sao cũng phải chú ý đến cung mệnh vì cung mệnh vẫn là gốc.

Dương cư dương vị là năm sinh thuộc dương. Âm cư âm vị là năm sinh thuộc âm, cung mệnh cũng thuộc âm là thuận lý độ số gia tăng. Dương cư âm vị là năm sinh thuộc dương cung mệnh thuộc âm hay âm cư dương vị là năm sinh thuộc âm cung mệnh thuộc dương là nghịch lý, độ số bị suy giảm.

Cung mệnh sinh được chính diệu tọa thủ, chính diệu tọa thủ lại sinh được bản mạng, như vậy là thuận lý độ số gia tăng. Thí dụ cung mệnh an tại mao thuộc mộc có thái dương tọa thủ, bản mệnh lại thuộc thổ như vậy là thuận lý và cung mệnh là mộc sinh được chính tinh thuộc hỏa, chính tinh thuộc hỏa lại sinh được thổ mệnh, như vậy chắc chắn độ số được gia tăng.

Chính tinh thủ mệnh sinh cung mệnh hay bản mệnh sinh chính tinh phủ mệnh. Thí dụ cung mệnh an tại ngọ thuộc hỏa có thiên cơ thuộc mộc như vậy chính tinh thủ mệnh sinh được cung mệnh (ngọ hỏa) là nghịch lý nên độ số tốt giảm đi phần nào.

Cung mệnh khắc chính tinh tọa thủ hay chính tinh thủ mệnh khắc bản mệnh như vậy cũng là nghịch lý, độ số giảm thiểu đáng lo ngại hơn trường hợp trên.

Cung mệnh có nhiều sao sáng sửa nhưng lại gặp nhiều sát tinh bại tinh xâm phạm thì tuy cũng được hưởng phú quý nhưng như nước thủy triều lúc lên lúc xuống và hay phải lao tâm khổ trí.

Cung mệnh không có chính diệu tọa thủ gọi là mệnh vô chính diệu rất cần có tuần triệt án ngữ và thiên không địa không hội hợp. Nếu không thì phải có nhiều chính diệu sáng sửa tốt đẹp hợp chiếu và nhiều chung tinh rực rỡ quần tụ như vậy mới mong sống lâu được. Mệnh vô chính diệu mà không được sự giải cứu của các sao kể trên thì rất đáng lo ngại và muốn được tồn tại thì phải sống xa gia đình và làm con nuôi.

Cung mệnh và cung thân đều sáng sửa tốt đẹp lúc thiếu thiếu vất vả nhưng về già được đền bù xứng đáng sung sướng.

Cung mệnh sáng sửa tốt đẹp cung thân xấu lúc thiếu thời sung sướng về già lại túng thiếu vất vả.

Cung mệnh tốt có nhiều sao tốt đẹp tọa thủ nhưng cung thân có nhiều sao tốt đẹp hơn hội hợp. Như vậy gọi là mệnh nhược thân cường, suốt đời cũng thành đạt nhưng không thành công lớn lao được.

Thân mệnh đồng cung :

+ Tái tử mộ (thìn tuất sửu mùi) lại vô chính diệu số nghèo khó yếu tử. Rất cần tuần triệt án ngữ hay nhiều trung tinh tốt đẹp tọa thủ hay hợp chiếu để cứu giải thì mới mong được đầy đủ cơm áo và sống lâu.

+ Tại tý ngọ : vô chính diệu nếu có nhiều bại tinh và sát tinh hãm địa tọa thủ hay hợp chiếu thì nghèo khổ cũng như hoa mới nở đã bị gió mưa vùi dập phủ phàng. Nếu có hóa lộc tọa thủ thì mới giàu nhưng không được thọ mà không có hóa lộc thì nghèo nhưng sống lâu.

Cung mệnh có tuần án ngữ, cung thân có triệt án ngữ là mệnh tuần thân triệt. Cung mệnh hay cung thân phải có cơ nguyệt đồng lương miếu vượng hay đắc địa hội hợp. Có được như vậy thì suốt đời mới được đắc ý và về già mới được an nhàn thoải mái.

Cung mệnh có triệt án ngữ, cung thân có tuần án ngữ gọi là mệnh triệt thân tuần. Cung mệnh và cung thân cần phải vô chính diệu có như vậy cuộc đời mới được đắc ý thêm tuổi thọ và về già mới được an nhàn sung sướng.

Cung mệnh có địa không tọa thủ, cung thân có địa kiếp tọa thủ gọi là mệnh không thân kiếp. Người mệnh không thân kiếp rất khôn ngoan sắc sảo nhưng trong đời lại vui ít buồn nhiều, mưu sự thì thành bại thất thường. Nếu cung mệnh vô chính diệu lại có đại tiểu hao hợp chiếu thì tuy là người ít học nhưng cũng lập được công danh sự nghiệp. Nếu cung mệnh hay cung thân lại có chính tinh như thiên đồng thiên lương hay phá quân thì bị yếu vong.

Cung mệnh có địa kiếp tọa thủ, cung thân có địa không tọa thủ gọi là mệnh kiếp thân không. Đây cũng là mẫu người khôn ngoan sắc xảo cuộc đời ít vui buồn nhiều thành bại thất thường làm gì cũng chẳng được lâu bền. Nếu cung mệnh vô chính diệu lại có hồng đào sát tinh hội chiếu thì số chết non nếu không lúc thiếu thời cũng vô cùng vất vả gian truân. Nếu mệnh kiếp thân không lại có nhật nguyệt hay tử vi miếu vượng tọa thủ thì cũng được đặc ý và sự nghiệp cũng có để lại cho đời đôi chút tiếng vang.

NGUYÊN TẮC GIẢI ĐOÁN TỬ VI 1

Cần có những bảng lập thành những sao để người mới học tử vi dò đến luôn luôn về sau mới quen và không cần đến bảng nữa. Sau những yếu tố đầu tiên để nắm vững bản mệnh theo những kinh nghiệm cổ điển.

Người âm hay dương mà mệnh đóng cung dương hay âm.

Mệnh cục tương sinh hay tương khắc.

Chính tinh miếu vượng đắc hay hãm và có sinh cho mệnh hay khắc mệnh.

Trước khi đưa ra những thứ tự để giải những nguyên tắc cho thật rõ, cần nên hội đầy đủ những nguyên tắc hay những cách chính yếu để xác định về mạng của một lá số. Bởi vì luận về cung của một lá số không phải bằng một nguyên tắc hay 1 cách mà bằng nhiều cách nhiều sao nhiều thế hợp lại. Lại phải luôn luôn quan niệm rằng một cách hay có thể biến thành một sự dở, hay một cách dở có thể biến thành sự hay nếu có một yếu tố nào khác phối hợp vào.

Nên ghi thêm rằng phải nắm vững yếu tố âm dương và sinh khắc ngũ hành để luận cho được đúng. Nhờ nắm vững nguyên tắc và kinh nghiệm nên luận giải được và đoán đúng.

Những yếu tố để xét cung mạng: mấy yếu tố đầu (người âm hay dương và mạng cư dương vị hay âm vị) mệnh và cục tương sinh hay tương khắc chỉ là những yếu tố rất đại cương để cho thấy đương số khá hơn hay kém hơn chứ chưa hẳn cho phép ta đoán được chi tiết nào. Thí dụ một lá số tốt nếu được âm cư âm vị dương cư dương vị nhưng mệnh cục tương khắc là bị hạ thấp xuống một bậc.

Những yếu tố ấy rất đại cương và mệnh còn những yếu tố khác hơn để đi vào chi tiết nhờ những yếu tố khác ngoài những sự kiện thông thường như người ta thường giải đoán về công học vấn, sự thông minh, giàu nghèo thọ yếu còn những yếu tố không quan trọng như sự ngay thẳng hay sảo quyệt, thế ăn người hay phục vụ người, sự thành đạt dễ dàng tương đối hay gặp phải những khó khăn, những may mắn con đường tài lộc tốt xấu để mở ra một con đường cho đương số có thể lựa chọn mà cải số chứ không phải cứ nhắm mắt chịu thua vận mạng, hoặc là nêu ra những hướng đi để đương số có thể xem là ngọn đuốc sáng về một nhân sự để nhân đó mà tìm ra khả năng của một con người. Thí dụ như là cầm trên tay lá số của một con người nào đó có thể biết chắc người đó là thanh liêm hay tham nhũng, có 7 yếu tố là:

Vị trí cung mạng và vòng thái tuế.

Vị trí cung mạng và vòng lộc tồn.

Vị trí cung mạng và vòng tràng sinh.

Chính tinh và hai vòng chính tinh hoặc là các bộ chính tinh tại mạng. Những yếu tố làm sai lệch ảnh hưởng chính tinh.

Các yếu tố chính tại cung mệnh, những bộ trung tinh tốt, những bộ hung tinh có tính cách đặc biệt.

Cung mệnh liên hiệp với các cung khác nhất là cung thiên di, tài bạch, quan lộc, phúc đức...

Cung an thân.

Vị trí cung mạng và vòng thái tuế: cung mạng quan hệ cho cả đời người. Từ 30 tuổi trở đi cung an thân mới trở về cuộc đời những cũng cần có căn bản là cung mệnh.

Xem cung mạng ngoài những yếu tố đã kể còn phải xét vị trí của mạng trên 12 cung của lá số xem có đắc lợi cho tuổi của mình hay không, hay là bị giảm kém mà giảm kém như thế nào, và nhân đó cũng biết luôn những mặt căn bản của cuộc đời về lý tưởng sự nghiệp, sự làm ăn dễ dàng hay khó khăn cùng một số tính tình căn bản, mỗi tuổi có một vị trí cung mạng. Tốt nhất là cung mạng rơi đúng vào cung có tam hợp tuổi của mình tức là có thái tuế quan phù bạch hổ và được hưởng luôn bộ sao long phượng hổ cái tức là bộ tứ linh chủ về đường công danh và lý tưởng công chính.

Nếu cung mạng rơi vào một cung đối diện với 1 trong 3 cung trên thì đó là thế bất mãn, con người tuy cố gắng nhưng không thành đạt như sự mong muốn của mình hay tương xứng với tài năng của mình hoặc là phải phấn đấu nhiều ở đời mới đạt được một địa vị.

Nếu cung mạng rơi vào một trong cung lấn lên một cung tức là đứng trước theo chiều thuận so với 3 cung thuộc tam hợp tuổi thì hay lấn lên để ăn người (tính hay chiếm đoạt) nhưng lại cũng dễ thất bại vì đồng thời cũng gặp thiên không (thiên không được an ở cung kế tiếp với cung tuổi).

Nếu cung mệnh rơi vào một cung đi liền sau một cung trong tam hợp tuổi thì dương số hay nhẹ dạ bị gạt gẫm.

Ngoài ra cũng phải ghi những đặc tính phân biệt sau đây cho mỗi vị trí ở cung mệnh.

+ Mạng ở tam hợp tuổi :

- . Có thái tuế : đời lên nhẹ nhàng, dễ dàng tự hào với số mạng.
- . Có quan phù : cố gắng làm việc theo lẽ phải có tính toán.
- . Có bạch hổ : cứ hùng hục làm việc hăng say.

+ Mạng ở thế đối cung :

- . Có tuế phá : gặp khó khăn hay chống đối.
- . Có điều khách : gặp khó khăn hay phàn nàn.
- . Có tang môn : gặp khó khăn hay lo buồn.

+ Mạng ở thế lấn lên một cung :

- . Có thiếu dương : thông minh và láo cá.
- . Có phúc đức : khôn ngoan nhưng không bon chen, biết tu tỉnh.
- . Có tử phù : sáng dạ láu cá nhưng hay bị kẹt.

+ Mạng ở thế đi sau một cung :

- . Có thiếu âm : tối tăm hay hỏng việc.
- . Có long đức : bị thiệt thòi nên tu.
- . Có trực phù : bị thiệt thòi đào giếng cho người khác hưởng.

Nguyên tắc luận đoán : phân tích các nguyên tắc chính yếu về tinh đầu tại định thân.

Nguyên tắc luận đoán mệnh và thân : đoán cung mệnh và cung thân phải xét nhiều yếu tố rồi phải phối hợp lại tất cả. Như các yếu tố đều tốt thì lá số rất tốt (nhưng hầu như không ai được như thế) cho nên xét được một yếu tố tốt cũng là khá rồi. Phải xét kỹ về yếu tố các sao chính tinh và trung tinh quan trọng vì ảnh hưởng các sao đó trực tiếp và rất quan hệ còn các yếu tố khác làm cho độ số gia tăng hay chiết giảm phần nào.

Âm dương của mệnh và thân : sinh các năm tí dần thìn ngọ thân tuất là dương, sửu mao tỵ mùi dậu hợi là âm. Sinh dương mà cung mệnh là dương, sinh âm mà cung mệnh là âm thì tốt độ số gia tăng. Trái lại sinh dương mà cung mệnh đóng ở cung âm hay sinh âm mà cung mệnh đóng ở cung dương là giảm kém phần nào.

Hành của mệnh và hành của cục sinh khắc nhau : hành tức là ngũ hành kim một thủy hỏa thổ. Mệnh có 1 hành, cục cũng có 1 hành. Hành của mệnh và hành của cục tương sinh thì độ số gia tăng, nếu khắc nhau thì giảm đi. Thí dụ những kim mệnh thổ cục là được mệnh cục tương sinh vì thổ sinh kim. Người kim mệnh mộc cục là mệnh cục tương khắc vì kim khắc mộc.

Sinh : kim sinh thủy, thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim.

Khắc : kim khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim.

Xét về các chính tinh thủ mạng, trừ những mệnh vô chính diệu (tức là không có chính tinh thủ mệnh), còn các lá số đều có chính tinh thủ mệnh. Một chính tinh là hay hay dở là do 2 yếu tố cùng quan trọng như nhau là :

. Chính tinh có đóng đúng chỗ không? Tức là hành của cung có sinh được cho hành của chính tinh không, tức là có được miếu vượng đắc địa không?

. Chính tinh có được sinh mệnh hay là khắc mệnh, tức là hành của chính tinh sinh được mệnh là tốt, nếu khắc hành của mệnh là xấu.

Vậy khi xét các chính tinh thủ mệnh để đoán cuộc đời (cung an thân chỉ về 30 năm hậu vận cũng thế) phải xét xem chính tinh có tốt hay không?

Các sách tử vi đều có ghi bảng về âm dương và các hành chính tinh trung tinh hung tinh và bàng tinh. Có thể dựa theo đó mà luận sự tốt xấu của các sao.

Cung mệnh sinh chính tinh thì tốt nhất. Thí dụ thái âm là thủy ở cung kim là Dậu, kim sinh thủy là bậc tốt nhất, nếu lại hợp cả âm dương, thái âm là âm ở cung Dậu là âm như thế lại càng tốt hơn gọi là thái âm được miếu ở cung Dậu.

Hành của chính tinh cùng một hành với cung thì chính tinh được tốt. Thí dụ cự môn thuộc thủy ở cung Hợi cũng là cung thủy tức là miếu vượng địa hay đắc địa.

Nếu hành của cung khắc hành của chính tinh thì chính tinh không còn được ảnh hưởng gì nữa, có cũng như không ấy cũng chính là chính tinh bị khắc. Thí dụ thái dương là hỏa ở cung Hợi (thủy) thủy khắc hỏa; vậy thái dương bị hãm chính tinh bị hãm thì không còn ảnh hưởng tốt hoặc chỉ còn ảnh hưởng xấu. Gặp chính tinh thủ mạng hãm địa thì cần gặp tuần hay triệt án ngũ ngay cung để làm tốt trở lại. Nếu chính tinh đã hãm lại không có tuần triệt, không có trung tinh tốt lại bị thêm nhiều hung tinh là cực xấu.

Được chính tinh ở chỗ tốt (miếu vượng hay đắc địa) cũng chưa nên vội mừng. Phải xét xem chính tinh đó có khắc mệnh hay không mới được. Nếu chính tinh miếu vượng mà hành lại khắc hành của mệnh thì lại chẳng ăn thua gì.

Cầm chính tinh mình miếu vượng đắc địa sinh được mệnh mới tốt. Thí dụ vũ khúc thuộc kim tại Sửu là miếu rất tốt, nhưng nếu đương số mạng mộc thì lại bị kim của vũ khúc khắc là được sao miếu mà bị khắc. Liêm trinh thuộc hỏa ở Ngọ là vượng địa là sao tốt nhưng nếu người mệnh kim thì hỏa lại khắc kim lại bị hỏng.

Nếu hành chính tinh thủ mệnh cùng 1 hành với mệnh là hòa (khá tốt).

Nếu hành của mệnh sinh cho hành của sao thì đó là sinh xuất, mệnh bị chiết giảm độ tốt và là xấu vừa.

Nguyên tắc về giải đoán mệnh thân và phúc đức : mệnh là cung chủ cuộc đời và nặng nề 30 năm đầu, mệnh là cái số mệnh đã được ghi sẵn của con người. Đó là cái mệnh được ấn định tùy theo cái nghiệp mà mỗi người mang sẵn khi ra đời.

Thân cũng là cung chủ về vận mạng 30 năm sau (hậu vận) cho nên cung thân cũng chỉ về cố gắng của mỗi con người để hoán cải số mạng (cố gắng xây dựng, cố gắng làm việc phúc đức) nhiều người cho rằng cung thân chỉ về cái tâm trạng và sự cố gắng hoạt động của mình. Thân

nằm cung nào là hậu vận của mình có liên hệ đến những sự kiện thuộc cung đó (thân đóng tại mệnh hoặc tại phúc đức quan lộc thiên di tài bạch và phối).

Thân hơn mệnh là tốt vì tỏ rằng con người có cố gắng và tiến triển. Thân kém mệnh là xấu vì tỏ rằng con người kém cố gắng và kém yếu tố phúc đức về nội tâm vì cái lẽ rằng những sự cố gắng 30 năm đầu tạo cho vận mạng 30 năm sau.

Xem đại cương vận mạng của cuộc đời lại phải xem thêm cung phúc đức vì 1 người gặp vận hạn xấu mà được cung phúc đức tốt cũng có thể được cứu giải. Thí dụ gặp các cách ở mệnh để nghĩ là sống non yếu thì cần phải xem phúc đức, nếu cung này thật tốt thì không thể đoán là yếu vong.

Xem các chính tinh khác trong 12 cung : vận mạng của con người tốt xấu không thể chỉ xét có cung mệnh và cung thân. Như được mệnh và thân tốt nhưng vợ cho mọc sừng, bạn bè phản bội... thì không thể gọi là số tốt. Ngược lại người có mệnh thân (cư tài bạch chẳng hạn) kém nhưng nhờ cung tử tức thật tốt thì con cái làm ăn khá giả và nuôi dưỡng cha mẹ đàng hoàng như thế cuộc đời cũng dễ chịu.

Xem các chính tinh khác là để tìm xem chính tinh miếu vượng đắc địa hoặc bị hãm hay là sinh phò hoặc là khắc mệnh nghĩa là có đủ ảnh hưởng không. Lại còn phải xét xem an vị có đúng chỗ không? Tài tinh mà ở cung quan lộc hay chính tinh chủ về quan lộc lại đóng ở cung tài bạch cũng không được hưởng đủ.

Xem các hung tinh : Ấn định về cuộc đời không phải chỉ xét các yếu tố kể trên là đủ, các trung tinh cũng rất quan trọng. Trong số các trung tinh cũng có những trung tinh tốt trung tinh xấu. Các trung tinh lại còn phân ra những trung tinh mạnh và trung tinh yếu. Các trung tinh yếu chỉ ảnh hưởng nhỏ hoặc bị các sao lớn đáng bật ảnh hưởng đi. Các trung tinh tốt và mạnh là khoa quyền lộc tử hửu xương khúc khôì việt long phượng lộc tồn đào hồng mã tướng ấn. Các hung tinh mạnh là kinh đà không kiếp hỏa linh thiên không hoa ly song hao tang hổ khóc hư hình cô quả kiếp sát.

Không nên cứ thấy sao tốt mà khen tốt, sao xấu mà chê xấu. Trung tinh tốt cũng phải đứng ở vị trí (miếu đắc vượng hay hãm địa) có phù trợ cho chính tinh không. Còn hung tinh mà đắc địa thì lại được tốt làm cho vận mạng bộc phát nhanh chóng (phát dã như lôi).

Mặt khác được chính tinh tốt mà lại bị 1 lũ hung tinh đến xâm chiếm thì hỏng cả một cuộc tốt. Được chính tinh tốt phải được những trung tinh tốt mới thật là tốt. Thí dụ được tử vi miếu thật là tốt, nhưng tử vi phải được các trung tinh tốt khác đến phò trợ mới được cách quân thần khánh hội. Nếu lại bị lũ sao không kiếp kinh đà hỏa linh thì chẳng khác gì ông vua bơ vơ trong rừng bị lũ cướp lột sạch (đế ngộ hung đồ). Phải có chính tinh như thiên tướng (tướng nhà trời) mới không sợ bọn trộm cướp.

Chính tinh miếu tốt nhưng lại bị tuần triệt thì cũng bị kém đi. Trái lại chính hãm gặp được tuần triệt địa không thiên không, không có những sao này cũng cần có những trung tinh tốt.

Xét về cung mệnh nên bỏ thái độ chủ quan, không phải là cứ thấy cách tốt rồi cho là tốt mà phải xem có những sao xấu nào phá bớt cách tốt đi.

Xét các sao sinh khắc lẫn nhau :

Lại còn phải xét các sao sinh khắc lẫn nhau như thế nào. Sao lại chính cung mạng có ảnh hưởng mạnh nhất, kể đó là các sao ở 3 cung chiếu lại (3 cung đó là cung xung chiếu và 2 cung tam hợp). Cũng phải xét đến sao ở 2 cung giáp mệnh (chỉ có một số sao ở 2 cung giáp là có giá trị mà thôi) và ở cung nhị hợp là cung đối diện theo hàng ngang như tí sữu, dần hợi, mão tuất, thìn dậu, tỵ thân, mùi ngọ.

Các sao lại khắc chế hóa lẫn nhau như mệnh được 2 chính tinh cùng miếu và cùng sinh cho mệnh nhưng 2 sao đó lại có hành khắc nhau thì ảnh hưởng cũng bị giảm, các trung tinh cũng vậy, có hành khắc nhau thì sẽ giảm kém sự tốt đi, lại có những sao mạnh lấn át ảnh hưởng các sao khác và dù có bị khắc cũng không đáng sợ. Hành của trung tinh phải sinh phò cho hành của chính tinh mới là tốt.

Có một số trung tinh thường đi cặp đôi, thường trong một cặp có một sao dương và 1 sao âm. Phải đủ cặp mới có ảnh hưởng, không đủ cặp thì không có ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng yếu kém đi. Các cặp đó là : xương khúc, khôi việt, tả hữu, long phượng, thai tọa, quang quý, đào hồng, phụ cáo. Hung tinh thì có các cặp kình đà không kiếp hỏa linh song hao khốc hư cô quả (nên nhớ thêm kình đà không kiếp hỏa linh là lục sát tinh song hoa khốc hư cô quả là lục bại tinh). Cùng với các sao hóa kỵ thiên hình thiên không kiếp sát. Những sao sát và bại xâm chiếm mệnh thân. Nếu không phải là sao miếu vượng thì dễ phá mất cách tốt.

Nguyên tắc chấm sao : không phải cứ sao tốt là tốt, sao xấu là xấu. Trong tử vi đầu số sao được coi là tốt có thể trở thành xấu nếu nó ở vị trí hãm địa hoặc nếu hành của nó khắc hành của mạng. Ngược lại một sao hung có thể trở thành tốt nếu nó ở vị trí miếu vượng đắc địa và hành của nó sinh phò cho hành của mạng. Hành của cung dưỡng cho hành của sao là tốt, hành của cung khắc hành của sao là xấu.

Nếu sao đóng ở một vị trí nào đó đạt được mấy yếu tố kể trên là nó được tất cả những ảnh hưởng tốt, cung đó gọi là cung miếu địa. Chỉ được một hai yếu tố là vượng địa đắc địa. Nếu không được yếu tố nào lại còn bị hành của cung khắc lại thì kể là hãm địa và không có ảnh hưởng tốt chỉ có ảnh hưởng xấu.

Sao hung mà ở miếu địa cũng có ảnh hưởng tốt nó thường làm cho đương số phát đạt công danh sự nghiệp tiền bạc một cách bất ngờ.

Ngoài ra còn phải xét hành của sao có dưỡng cho mệnh không? Nếu có dưỡng là tốt nhất. Thí dụ : sao hành mộc dưỡng cho mệnh hỏa. Mệnh sinh cho hành của sao thì xấu. Thí dụ : mệnh kim sao thủy thì xấu vì mệnh sinh sao. Hành của sao khắc hành của mệnh, thí dụ sao kim khắc mạng mộc là xấu nhất. Còn nếu mệnh và sao cùng hành với nhau thì bình hòa.

Còn vài yếu tố như thái dương ở cung ban ngày thì đắc địa, thái âm ở cung ban đêm thì đắc địa.

NGUYÊN TẮC GIẢI ĐOÁN 2 : các nhà tướng số theo các sách vở thường nêu lên một yếu tố lấy trong tử bình (bát tự) : lấy can chi của năm tháng ngày giờ sinh rồi xét âm dương ngũ hành. Cùng dương cùng âm cả là tốt (nhất là cùng âm thì cuộc đời an lành ít thăng trầm) không được như thế thì năm âm tháng âm cũng được. Năm tháng ngày giờ sinh đều có hành (kim mộc thủy hỏa thổ) sinh nhiều thì tốt, khắc nhiều thì xấu. Muốn xác định lại yếu tố đó phải xem lại vạn niên lịch và theo nguyên tắc tử bình (bát tự) thì rất phức tạp cho nên về sau tiên nhân bỏ mấy yếu tố đó và chỉ xét đến mấy yếu tố khác :

- . Mệnh cục tương sinh hay tương khắc.
- . Mệnh an tại cung dương hay cung âm.
- . Chính tinh phủ mệnh tốt hay xấu, sinh hay khắc bản mệnh.
- . Mệnh và thân.
- . Mệnh và phúc đức.
- . Các trung tinh và hung tinh quan trọng.
- . Các vị thế để đoán bệnh.
- Vòng đại hạn.

2 yếu tố đầu không xác định vào chi tiết chỉ nêu lên sự kiện, tốt hơn nên giảm bớt đi. Các yếu tố dưới đi vào chi tiết cho phép xác định nhiều sự kiện trong cuộc đời về hình tướng sức khỏe, tính tình, công danh và thế đứng trong bậc thang xã hội.

Mệnh và cục : mệnh có hành và cục cũng có hành :

- . Hành của mệnh sinh cho hành của cục thì tốt nhiều.
- . Hành của cục sinh cho hành mệnh thì tốt vừa.
- . Hành cục khắc hành mệnh thì xấu vừa.
- . Hành mệnh khắc hành cục thì xấu nhiều.

Thí dụ người mệnh kim cục thủy thì tốt nhiều vì kim sinh thủy. Người mệnh thủy hỏa cục thì xấu nhiều vì thủy khắc hỏa.

Được tốt hay xấu có nghĩa là giảm đi cái hay cái tốt hơn so với những giai đoạn trên lá số tử vi. Sự giảm đi cái tốt hay cái xấu không được chính xác là bao nhiêu phần trăm. Ở địa hạt này còn tùy ở kinh nghiệm các viện nghiên cứu tử vi, nhiều vị ít chú trọng đến yếu tố này.

Vị trí cung mệnh : người ta nói mệnh dương cư dương vị, mệnh âm cư âm vị là rất tốt. Mệnh dương cư âm vị, âm cư dương vị là kém tốt.

- . Tuổi dương mà mệnh đóng cung dương trên lá số tử vi : tí dần thìn ngọ thân tuất là tốt.
- . Tuổi âm mà mệnh đóng ở cung âm trên lá số sửu mao tỵ mùi dậu hợi là tốt.

Chính tinh thủ mệnh : ở cung mệnh có 1 hay 2 chính tinh thủ mệnh chỉ về đại cương cuộc đời đương số (vị trí cao thấp trong xã hội, hình tướng, tính tình có thể luôn sự giàu nghèo, hưởng đi trong đời, nghề nghiệp...) đó cũng là cung quan trọng nhất.

Mỗi chính tinh có một vị trí trên lá số, vị trí đó tốt giúp cho chính tinh đó có tất cả hiệu lực, trái lại ở vị trí hãm thì mất hết hiệu lực hay. Tùy theo vị trí chính tinh có thể :

- . Nhập miếu : tốt nhất, sáng nhất, có nhiều ảnh hưởng nhất.
- . Vương địa : tốt vừa, có ảnh hưởng khá nhiều.
- . Đắc địa : tốt vừa, có ảnh hưởng trung bình.
- . Hãm địa : bị ảnh hưởng xấu hoặc bị vùi dập, không ảnh hưởng.

Thí dụ sao thiên lương thuộc thủy cư 2 cung thân dậu thuộc kim thì được tốt vì kim sinh thủy. Nếu ở cung hỏa thì bị khắc xuất vì thủy khắc hỏa. Đó là nguyên tắc ngũ hành.

Tuy nhiên vì một chính tinh còn âm dương phương hướng và lại còn những kinh nghiệm cho nên việc ấn định miếu hay hãm lại không hẳn theo ngũ hành.

Trên nguyên tắc thì sao thiên tướng thuộc hành thủy, miếu địa tại cung dần thân, vượng địa tại ngọ thìn tuất, đắc địa tại sửu mùi tí hợi và hãm địa tại dậu.

Có thể so sánh một chính tinh như một ông quan đi trọng nhậm ở một địa phương. Địa phương đó thuận tiện thích hợp thì ông quan có thực quyền (nhập miếu), địa phương đó xấu gặp nhiều người lớn hơn chèn ép thì ông quan đó chỉ có chức không có quyền.

Nhưng chưa phải mệnh gặp chính tinh miếu là được ảnh hưởng tốt cũng không phải gặp chính tinh hãm là xấu. Còn phải xét âm dương các chính tinh nữa, tùy theo âm dương mà chính tinh có ảnh hưởng không?

Người tuổi dương mà chính tinh là dương thì chính tinh không ảnh hưởng vào mình, không khắc không hãm không sinh kể như chính tinh trung lập với mình. Nhưng nếu chính tinh là âm sẽ có trọn ảnh hưởng (nếu nhập miếu, vượng hay đắc địa) để ảnh hưởng tốt có nghĩa là sinh dưỡng cho mệnh.

Cụ Hoàng Hạc có giải thích sự kiện âm dương theo dịch lý cũng tương tự như các cực của cục nam châm : cục dương và cục dương thì đẩy nhau, cục âm cục âm đẩy nhau tức là không biết nhau, không ảnh hưởng vào nhau.

Như thế thì một chính tinh có tốt cho mình không cần phải xem vị trí của chính tinh đó có tốt hay không?

(miếu vượng đắc hãm), chính tinh có âm dương để đặt ảnh hưởng vào đương số hay không? Và chính tinh có hành khắc mệnh hay sinh phù cho mệnh.

Vậy thì một chính tinh miếu địa phải có âm dương khác với âm dương của tuổi và phải có hành sinh cho hành của mệnh mới là tốt. Thí dụ người tuổi mùi tức là tuổi âm, chính tinh là vũ khúc tại sửu (vũ khúc là kim) âm kim đồng với tuổi âm thì vũ khúc không có ảnh hưởng với tuổi mùi. Người tuổi mao tức âm, mạng hỏa chính tinh ở cung mệnh tại dần là thiên tướng thuộc dương thủy, chính tinh miếu địa thuộc dương thì có ảnh hưởng với tuổi âm nhưng hành thủy lại khắc với mạng hỏa. Vậy thiên tướng ở đây tuy là miếu nhưng lại khắc mệnh.

Để xác định một mệnh là tốt hay xấu và tốt xấu nghiêng về hướng nào (tốt là giàu, có công danh; xấu là nghèo hèn, bị lên voi xuống chó). Sau đó chúng ta lần lượt xét các yếu tố sau trên cung mệnh.

Chính tinh miếu vượng hay đắc địa có hành sinh cho mệnh hay hòa với mệnh là tốt nhất, chính tinh hãm là kém, chính tinh tốt mà có hành khắc mệnh là xấu. Tuy nhiên chính tinh hãm mà gặp nhiều tuần triệt hay đào thì lại tốt trở lại (thái âm thái dương hãm gặp tuần triệt hay đào hồng hỷ thì lại rực rỡ sáng sủa trở lại). Nói tóm lại chính tinh thủ mệnh tốt thì cần thêm những bộ trung tinh tốt thì cuộc đời mới thật là tốt, nếu gặp những bộ hung sát tinh hãm xấu thì cuộc đời bị giảm kém. Nếu chính tinh xấu còn bị nhiều hung tinh xấu thì cuộc đời tăm tối, ngoài những nguyên tắc chính ấy còn có những cách nêu lên những sự giải đoán cá biệt :

+ Mệnh tốt : có mệnh tốt cuộc đời được hưởng giàu sang, học hành và công danh khá. Nếu chính tinh miếu vượng hay đắc địa không bị hung tin xâm chiếm và được những bộ sao tốt như khôi việt xương khúc ứng vào học hành đỗ đạt cao. Khoa quyền lộc ứng vào công danh lớn, đỗ cao và hưởng nhiều lộc. Hóa lộc chỉ về tài lộc do tay mình làm ra. Long phượng chỉ về đời sống cao sang. Tả hữu 2 sao này chỉ tăng ảnh hưởng cho các sao tốt, trong trường hợp có nhiều cặp sao tốt nếu có thêm nhiều cặp sao xấu mà lại thêm cặp tả hữu càng không tốt. (càng được nhiều càng tốt).

+ Mệnh xấu : không có chính tinh tốt và hợp mạng lại gặp những bộ sao xấu thì mệnh xấu, kém, nhiều rủi ro tai nạn, cuộc đời tầm thường. Những sao đó là : kinh đà, linh hỏa, không kiếp, song hao, khốc hư, tang hổ, hóa kỵ.

+ Những cách để xác định mạng (vị trí 2 cung mệnh thân) : phải xét xem vị trí cung mệnh so với các sao thuộc vòng thái tuế. Nếu được thái tuế quan phù bạch hổ là người ngay thẳng, hoạt động thẳng thắn quan minh, dễ gặt hái kết quả tốt. Mệnh ở đối diện với 3 sao trên thì thường gặp nghịch cảnh, khó đạt sở nguyện. Cung mạng ở một cung sau cung thái tuế quan phù bạch hổ theo chiều thuận là người kém thế, làm cho người khác hưởng. Cung mạng ở trước một cung có thái tuế quan phù bạch hổ thì hay lấn lướt ăn người trên người nhưng phải coi chừng vì rồi mình cũng gặp thất bại vì gặp thiên không chiếu mệnh hay thủ mệnh.

+ Yếu tố lộc tồn : phải quan sát xem đương số có được hưởng lộc tồn không? Thí dụ người tuổi tí thì xem thân tí thìn, 3 cung chiếu về có lộc tồn không? Không có lộc tồn là không được hưởng lộc trời (lộc tự nhiên và bền vững) và hạnh phúc với cuộc sống an lành không tai nạn. Cũng có thể là lộc tồn ở cung mạng hay ở tam hợp chiếu cũng được hưởng lộc tồn nhưng hạn chế.

+ Yếu tố tràng sinh : phải nhìn xem mệnh được sao gì trong vòng tràng sinh. Được các sao tràng sinh, mộc dục, quan đới, lâm quan, đế vượng, thai, dưỡng là tốt, gặp các sao khác là xấu.

+ Yếu tố đào hồng thiên không : phải nhìn cặp đào hồng và thiên không đứng với nhau tại mạng thế nào? Nếu mạng tại dần thân tỵ hợp có hồng loan và thiên không là người lành hưởng vào việc tu nhân tích đức, tu được là phúc, nếu gặp kiếp sát thì càng phải ráng tu để tránh tai nạn. Nếu có đào hoa tại tỵ ngọ mao dậu thì ngoài tính chất đa tình của đào hoa còn có một ít tính xảo quyệt. Nếu mạng có thiên không tại thìn tuất Sửu Mùi là cuộc đời sẽ đi đến một thời kỳ sa sút nặng nề khi hạn đến.

+ Yếu tố thời vận : mỗi lá số đều hưởng 10 năm thuận lợi đặc ý nhất ở cung tam hợp với sao thái tuế (gọi là vòng thái tuế). Thí dụ người tuổi tỵ thì khi đến đại hạn 10 năm ở 1 trong 3 cung tỵ dậu Sửu là được hưởng vòng thái tuế. Nhưng có một điều cần nhắc cẩn thận về cường độ của sự thoải mái nghĩa là xem đặc ý đến cỡ nào thì phải xem cung mệnh (và cả cung an thân) có chính tinh tọa thủ không? Sự đắc thắng về vang hay chiến thắng trong gian lao là tùy thuộc vào những điều kiện sau đây :

. Cung mệnh và cung an thân có chính diệu đắc địa gặp hạn thái tuế ở cung vô chính diệu thì về vang trong gian khổ.

. Cung mệnh và cung an thân vô chính diệu hạn gặp vòng thái tuế ở cung có chính tinh tọa thủ là bộ sát phá liên tham thì chiến thắng về vang như ý muốn.

. Cung mệnh và cung an thân có chính tinh hãm địa, hạn gặp vòng thái tuế ở cung vô chính diệu thì chỉ đắc ý một cách tương đối.

. Trong trường hợp cung mệnh có một cung trùng với một cung của vòng thái tuế không tốt bằng cung an thân trùng với một cung của vòng thái tuế vì thân chủ về hành động còn mệnh chủ về lý thuyết và tư tưởng nên chỉ có làm mới có hưởng.

KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐỂ ĐOÁN SỐ TỬ VI.

Nhìn vào một lá số tử vi hãy theo dõi các dữ kiện (sao) sau đây :

Dữ kiện nghị lực : sao thiên mã.

Dữ kiện sinh tồn : các sao vòng trạch sinh.

Dữ kiện hưng thịnh : các sao vòng lộc tồn.

Dữ kiện tính tình : các sao vòng thái tuế.

Dữ kiện bản chất : các sao đào hoa hồng loan thiên không.

Dữ kiện thời vận : các sao tuần triệt.

Dữ kiện hoạt động : vòng mệnh và vòng thân.

Dữ kiện phù trợ : các sao tả hữu, lực sĩ, bác sĩ, hóa quyền.

Mệnh vô chính diệu.

Ngoài các dữ kiện sao kể trên ta cần phối hợp ngũ hành để thích nghi luận lý :

Tương sinh : mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc.

Tương khắc : mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc.

Bình hòa : thổ gặp thổ dù là thổ gì cũng vậy.

Bất cập : hỏa gặp hỏa thì dù hỏa gì cũng vậy.

Thái quá : thủy gặp thủy thì dù thủy gì cũng vậy.

Phát triển : kim gặp kim và mộc gặp mộc.

Có nhiều sách ghi thêm tính chất của nhiều loại thổ, nhiều loại hỏa để cố gắng phân tích sự chiết giảm xung đột hoặc tăng thêm sự hòa hợp. Điều này có phần biện bạch để an ủi những người gặp cảnh ngộ xấu hoặc để tăng bốc những người ưa nịnh mà thôi. Vì đã ở trong thế cùng hành tức là ở trong tình trạng ngưng trệ hơn là ảnh hưởng với nhau (lý thuyết nhất nguyên tính trạng).

Dữ kiện yếu tố nghị lực (sao thiên mã) người đông phương ưa cảm thông với sự vật hơn là phát triển sự vật nên việc dùng từ ngữ chỉ có ý nghĩa tượng trưng chứ không có tính cách chủ quan nào cả như tây phương. Cho nên sự dữ kiện nghị lực được gọi là sao thiên mã chỉ nên hiểu là nghị lực của con người trong bản số tử vi đầu số. Tùy theo vị trí thiên mã đóng ở 4 cung dẫn thân ty hợi mà ta hiểu ý nghĩa như sau :

. Thiên mã ở cung dần : đứng ở cấn thiên mã rất hợp cho người mạng mộc, lợi cho người mạng hỏa, bạc nhược cho người mạng kim, vất vả cho người mạng thủy, làm hại cho người mạng thổ.

. Thiên mã ở cung ty đóng ở cung tốn (hỏa) nên rất hợp với người mạng hỏa, làm lợi cho người mạng thổ, làm hại cho người mạng kim, vất vả cho người mạng mộc, bạc nhược người mạng thủy.

. Thiên mã ở cung thân : đóng ở cung kim, thiên mã rất hợp với người mạng kim, lợi cho người mạng thủy, vất vả cho người mạng thổ, bạc nhược cho người mạng hỏa, hại người mạng mộc.

. Thiên mã ở cung hợi đóng ở cung càn (thủy) rất hợp với người mạng thủy, lợi cho người mạng mộc, hại cho người mạng hỏa, vất vả cho người mạng kim, bạc nhược cho người mạng thổ.

Dữ kiện sinh tồn (vòng tràng sinh) vòng tràng sinh có 12 sao đóng ở cả 12 cung trên địa bàn lá số, ý nghĩa của vòng này người ta coi như là dữ kiện sinh tồn của đường số. Do đó, khi cung an mệnh, cung phúc đức, cung tật ách (hậu kiếp) có những sao cùng hành với bốn mạng thì luận ra tính cách thọ yếu, mạnh khỏe hay đau yếu của đường số.

Đối với sao tràng sinh là thủy : cung mệnh sinh sao, sao tinh bản mệnh là đặc cách. Thí dụ, người hành mộc, an tại dậu, tuổi âm nam dương nữ, cung mệnh sinh sao, sao khắc bản mệnh chết non, cung mệnh khắc sao, sao sinh bản mệnh bất đắc kỳ tử.

Đối với sao thai (thổ) thì cần đóng ở cung phúc đức để sáng tỏ tiền kiếp đã kết tụ tinh anh và đã kết phát ra kiếp hiện tại thì lẽ tự nhiên cuộc sống phải bền để ý nghĩa của sao thai hiện hữu như một căn bản không phản hồi được. Trường hợp này cung mệnh có sao mộ, cung quan có tràng sin, cung tài có đế vượng có ý nghĩa là ngu si hưởng thái bình.

Đối với sao đế vượng (kim) cần phải tụ hội ở cung tật ách (hậu kiếp) để minh chứng ngày ra đi sang kiếp sau được đóng tiếp như một thành tích tuyệt đỉnh vì trong chu kỳ sinh hóa của vòng luân hồi của một con người. Trong trường hợp này người có tuyệt thủ ở mệnh (khôn ngoan ở đời).

Dữ kiện yếu tố thịnh suy (vòng lộc tồn) : trong tử vi đầu số vòng lộc tồn được coi là những dữ kiện của sự hưng thịnh. Vòng lộc tồn có 12 sao để an 12 cung số. Tuy nhiên ta cần lưu ý đến các cung dẫn mao thân dậu nhiều nhất.

. Tuổi giáp lộc tồn an ở dần.

. Tuổi ất lộc tồn an ở mao.

. Tuổi canh lộc tồn an ở thân.

. Tuổi tân lộc tồn an ở dậu.

Những người sinh năm dần ngộ tuất mà tuổi giáp (giáp dần, giáp ngọ, giáp tuất) thì được hưởng lộc lâu dài cho đúng nghĩa lộc tồn, cũng như những người tuổi ất (ất mao, ất mùi, ất hợi). Tuổi canh (canh tý, canh thìn, canh thân), tuổi tân (tân ty, tân dậu, tân sửu) cũng được hưởng sự may mắn nói trên.

Còn các tuổi khác nếu cung mệnh cung tài cung quan có lộc tồn thì ty được hưởng lộc nhưng cũng không được lâu dài (chỉ một thời gian ngắn thôi).

Dữ kiện tính tình (vòng thái tuế) : đây là vòng hệ trọng nhất đối với những người nghiên cứu tử vi đầu số vì vòng ngày diễn tả khí phẩm hạnh của đương số cũng như nó cho biết các chu kỳ thăng trầm của cuộc đời, cho nên ta phân biệt ngũ hành và các sao, dần ngộ tuất là hành hỏa, hội mao mùi là hành mộc, thân tí thìn là hành thủy. Những sao đó được chia thành 4 nhóm mệnh danh như sau :

- . Nhóm chính phái : thái tuế quan phù bạch hổ.
- . Nhóm tả phái : tuế phá điều khách tang môn.
- . Nhóm thiên hữu : thiếu lâm long đức trực phù.
- . Nhóm thiên tả : thiếu dương phúc đức tử phù.

Cung an mệnh thuộc nhóm nào sẽ giúp ta nhìn thấy cá tính của đương số ngay.

Những người tuổi dần ngộ tuất mà mệnh tài quan đóng ở 3 cung dần ngộ tuất có nhóm chính phái đóng là những người đang hoàng anh hùng đảm lược.

Tiếp tục lý luận như kiểu trên thì những người tuổi tỵ Dậu Sửu, thân tí thìn, hội mao mùi mà 3 cung mệnh tài quan đóng ở 3 cung thái tuế quan phù bạch hổ đều là chính phái. Giai đoạn đại vận đóng ở 3 cung thái tuế quan phù bạch hổ đều là thời vận tốt nhất cho đương số.

Khi cung mệnh thuộc nhóm phái thì đó là người bất mãn lang bạt và đau khổ. Cung mệnh thuộc nhóm thiên hữu là những người hiền lành nhẹ dạ bản chất nhu nhược. Cung mệnh của nhóm thiên tả là người khôn ngoan lạnh lợi tính chuyện ăn người.

Yếu tố thời vận (luật của tuần triệt) : đời người được ví như là cái xe, sao triệt được coi là cái thắng trước. Thắng trước còn mới nguyên thì hữu hiệu trong việc hãm bánh xe khi đang chạy (thắng gấp cũng nguy hiểm vì có thể làm cho xe bị lật) nên dưới 3 tuổi bị ảnh hưởng của triệt thật là mạnh mẽ. Còn tuần thì ít bộc phát nhưng lại ảnh hưởng bền vững suốt đời người, thắng của bánh xe sau có tác dụng điều hòa bánh xe khi đang chạy.

Luật hóa giải tuần triệt được áp dụng cho những người có bản số mà cung mệnh có 1 trong 2 sao triệt hay tuần trấn đóng thì đến giai đoạn đại hạn ở cung số có sao còn lại đứng thì thời vận đã tới. Mệnh đóng tại tỵ có triệt, cung quan lộc có tuần vậy khi đến giai đoạn của cung quan lộc thì phát huy danh phận tiền bạc dù không thuộc vòng thái tuế quan phù bạch hổ. Lý do khi xe đang chạy mà người tài xế điều hành tốt được 2 cái thắng thì tất nhiên xe đi được an toàn đến nơi đến chốn.

Điều kiện bản chất (bộ ba : đào hoa hồng loan thiên không) ai cũng biết đào hoa thuộc mộc, hồng loan thuộc thủy, thiên không thuộc hỏa. Bản chất các sao hỏa là gieo rắc tai ương cho nên mỗi khi 3 cung mệnh tài quan của 1 bản số tử vi có một thiên không đào hỏa có nghĩa là mộc dưỡng cho hỏa để hỏa tàn phá thiệt dữ dội khốc liệt, tượng trưng cho sự khôn ngoan quá quắt của đương số. Người có cách này là mấu người lẩn tránh hay ăn hiếp người. Thiên không hồng loan cặp đôi có nghĩa là hỏa của thiên không đã bị cái thủy của hồng loan chế ngự đành bó tay chịu trận nên cung mệnh có cách đó là người thoát tục, thích cảnh tĩnh hơn cảnh động.

Thiên không độc thủ ở cung 4 thìn tuất Sửu Mùi có hồng đào chiếu thì người có bụng dạ thất thường. Người âm nam dương nữ là ngọn lửa ngầm, người dương nam âm nữ là người có ngọn lửa bùng. Tất cả đều thủ đoạn vật hoặc không bộc lộ hoặc phát ra ngoài công khai.

Dữ kiện hoạt động (vòng mệnh và vòng thân) căn cứ trên luật tam hợp (dần ngộ tuất, thân tỵ thìn, tỵ Dậu Sửu, hội mao mùi) thì khi an cung mệnh đứng ở vị trí nào so với dòng thái tuế ta phải nhìn thế tam hợp của cung an mệnh là vòng tha nhân (của người khác). Đối với vòng thái tuế tam hợp của cung an thân là vòng hành động của đương số.

Thí dụ người tuổi dậu, vòng thái tuế là tỵ dậu sửu (kim), cung an mệnh đóng ở tuất, vòng tha nhân là dần ngọ tuất (hỏa), cung an thân ở tị (thủy). Vậy người này là mẫu người ra đời bị người ta chèn ép (hỏa đốt kim), chịu nhiều thua thiệt vất vả (kim sinh thủy).

Dữ kiện thú tính : nhóm hung tinh chiếu ta gọi là lục sát tinh (kình dương đà la hỏa tinh linh tinh địa không địa kiếp) là những hung tinh có bộ mặt thú tính và man dã nhưng hóa giải được khi đều hướng đúng chỗ.

. 2 sao địa không địa kiếp khi đứng trong nhóm tam hợp thái tuế thì dù đắc địa (tỵ hợp) hay hãm địa cũng xuất hiện lực phá hoại của nó để trở nên ý nghĩa của một người có tài mà không có thời. Mặt khác nếu đương số hành thổ thì đã làm tính chất của không kiếp bị tiết khí nên sự vùng vẫy yếu kém hẳn đi.

. Kình dương đóng ở ký mộ (thìn tuất sửu mùi) và đà la đóng ở dần thân tỵ hợp lại có vòng thái tuế ở đây thì không còn là những sao giáng họa mà trở thành bộ hồi chánh tinh đoái công chuộc tội phát võ hiển vinh, đàn bà thì vượng phu ích tử.

. Còn hỏa tinh linh tinh nếu đứng trong vòng thái tuế tạo thành những cái thất bại anh hùng vô cùng dưng cảm của đương số. Người có cách này dù có chết cũng được người đời kính phục. Nói cách khác đây là cách của những người chết vinh hơn sống nhục.

Dữ kiện (yếu tố) phù trợ : phù thịnh chứ không phù suy là quan niệm của nhóm sao phù trợ : tả hữu, lực sĩ, bác sĩ, hóa quyền. Nếu các sao này lọt vào trong vòng thái tuế thì thành những bất lương đồng công thần giúp cho đương số thăng tiến thành đạt trên đường đời. Trái lại nếu những sao này nhảy sang vòng tả phái (tang môn điều khách tuế phá) thì chẳng khác nào thả hổ về rừng, sức phá hoại sẽ phát triển hết sức lớn lao làm cho đương số vô cùng vất vả. Đặc biệt cung mệnh có cách này và vòng thái tuế không tam hợp với cung mệnh thì rõ ràng là lưu manh côn đồ.

Yếu tố về vô chính diệu : những người mệnh vô chính diệu nói chung là những người sắc sảo quyền biến có nhiều cảm ứng bén nhạy hơn người có chính diệu thủ mệnh. Xem số tử vi của những người mệnh vô chính diệu rất khó vì càng hung tinh bại tinh đắc địa thủ mạng càng có lợi cho đương số. Tuy nhiên vẫn còn vòng thái tuế tam hợp với cung an mạng hoặc cung an thân để có thể hưởng cái chính nghĩa về cho nhóm ác tinh này, bằng không đương số sẽ trở thành những người bản tính dã thú sẽ tạo ra những nghiệp ác để rồi đền tội một cách mau chóng (bất đắc kỳ tử).

Kết luận : nếu nắm vững được những dữ kiện trên thì khoa tử vi sẽ không còn là những bí quyết riêng ai nữa. Tất cả chỉ còn là những tương quan ngũ hành sinh khắc chế hóa, chỉ còn là những lý giải minh bạch cho các dữ kiện (yếu tố) gọi là sao của bản số tử vi mà người nghiên cứu luôn luôn phải khách quan.

CĂN BẢN ĐỂ XÉT MỆNH SỐ

Xem mệnh và thân, lộc tồn và thiên mã không bị lạc và không vong : thiên ko hay tuần không, nhất là gặp triệt. Trước hết phải xem cung mệnh những sao tọa thủ cát hung miếu hay lạc hãm, kỵ sát tinh khắc chế nào. Cung thân cũng xem như cung mệnh.

Sau đến xem những cung tam hợp và xung chiếu với mệnh là cung quan lộc, tài bạch, thiên di, tam phương cũng chiếu xem hình xung khắc hại và tốt đẹp đến thế nào.

Sau nữa xem đến cung phúc đức các sao khoa quyền lộc, không kiếp miếu hãm ra sao, thấy cung tài bạch xung chiếu với cung phúc đức thế nào.

Mệnh thân tài quan di phúc đức là 6 cung cần thiết nếu được nhập miếu tụ được nhiều cát tinh thì cuộc đời được thọ, phú quý vĩnh viễn. Nếu 6 cung này ở vào hãm địa và có nhiều hung tinh

hội tụ kỵ khắc thì số phận hẩm hiu cô bản yếu vong. Người sinh mao dậu nên xuất ngoại thì hợp cách.

Nếu 3 cung phụ mẫu phối và tử tức đều có không kiếp sát kỵ thì nên xuất giá nếu không thì cả cuộc đời cô độc bản hàn.

Nếu mệnh vô chính diệu nhưng được cung tài bạch và cung quan lộc có cát tinh củng chiếu thì được vinh hoa phú quý. Nếu tam phương có hung tinh củng chiếu thì nên là con nuôi hoặc sớm xuất ngoại thì mới được sống lâu và có cơ nghiệp.

Nếu cung mệnh có chính tinh cát tinh miếu vượng, có tam hóa và tam phương có cát tinh hội hợp là thượng thượng chi mệnh.

Mệnh vô chính diệu tam phương có cát tinh chiếu lại là thượng thứ chi mệnh.

Nếu cung mệnh không có sao hung sao cát hoặc hung các tinh bằng nhau là tam phương cũng chỉ có sao trung bình chiếu là trung bình chi cách.

Cung mệnh có sao miếu vượng nhưng tam phương củng chiếu lại có ác tính là một loại phá cách.

Cung mệnh có sao lạc hãm phản bối gia hình kiếp kỵ nhưng lại được lộc tồn và hóa các chiếu lại cũng được liệt vào loại trung đẳng trước lớn sau nhỏ nhưng cũng không được lâu bền, rốt cục cũng bị thành bại yếu chiết.

Cung mệnh an tại cung hãm đại gặp hung tinh, tam phương hội tụ với kinh đà không kiếp hỏa linh là hạ cách làm con nuôi mang 2 họ thì mới mong sống lâu, nếu không thì yếu vong.

VỀ MỆNH VÔ CHÍNH DIỆU

Vì quá quan trọng nên mệnh vô chính diệu phải dành nhiều chỗ để giải thích tổng quát về cung mệnh cung phúc đức cung giải ách cung tài cung quan vô chính diệu...

Mệnh vô chính diệu : khi nào chính tinh xung chiếu được coi nhu chính diệu thỏa thủ ở cung vô chính diệu. Chỉ khi nào vòng tam hợp của cung vô chính diệu có hàng khắc chế được tam hợp của cung xung chiếu có chứa chính diệu. Thí dụ mệnh vô chính diệu tọa thủ ở cung dậu (vòng tam hợp là tỵ dậu Sửu Kim) cung xung chiếu là mao (trong vòng tam hợp Hợi Mão Mùi Mộc) có chứa 2 chính diệu cự môn thiên cơ. Vậy Kim khắc Mộc nên mệnh vô chính diệu ở dậu chiếm đoạt được 2 chính tinh thiên cơ và cự môn về cung dậu mà sử dụng. Ngược lại nếu hành của cung vô chính diệu bị hành của cung xung chiếu áp đảo thì kể như hư không hoàn toàn. Thí dụ mệnh ở mao vô chính diệu, cung xung chiếu là dậu có thái dương và thiên lương (mao ở tam hợp Hợi Mão Mùi Mộc, dậu ở tam hợp Tỵ Dậu Sửu Kim) Mộc bị Kim khắc chế nên không thể lấy 2 chính tinh của cung dậu mà sử dụng được. Lúc này cung vô chính diệu càng lâm nguy và dễ dàng bị hung sát tinh áp đảo hoành hành.

Ưu và khuyết của mệnh vô chính diệu :

. Khuyết điểm : có nhiều hơn là ưu điểm. Căn bản không vững : căn bản không có nghĩa là tài năng mà là môi trường của mình. Vô chính diệu bao giờ cũng phải tùy thuộc vào chính tinh ở cung xung chiếu và khi đã tùy thuộc nghĩa là không có căn bản vững chắc nghĩa là không có gốc. Nếu không được cung xung chiếu có sao tốt lại phải hướng về 2 cung hợp chiếu là tài và quan mà ảnh hưởng sẽ yếu hơn nhiều và do đó môi trường của mệnh càng gặp rắc rối hơn nữa. Vì vậy cho dù người vô chính diệu có tài năng thông minh (do các yếu tố tử vi khác cho hưởng) thì cũng rất dễ bị thăng trầm về sự nghiệp khi gặp đại tiểu hạn giao động thì mệnh

không khác gì căn nhà trống không có cửa bị cơn gió thổi thốc vào. Trong trường hợp này nếu có tuần hay triệt án ngữ thì đỡ hơn nhiều.

Khó đóng vai trò chính : mệnh vô chính diệu không khác gì căn nhà không có cửa bị ảnh hưởng của thời tiết cũng như ngoại cảnh, do đó mệnh vô chính diệu dù đắc tam không cũng không thể và không bao giờ nên giữ vai trò chính trong bất cứ lãnh vực nào cảnh ngộ nào của xã hội gia đình cho đến hôn nhân (chính cụ Hoàng Hạc cũng gặp trường hợp này và cam chịu làm phó để được yên thân). Trong gia đình người vô chính diệu là con thứ hoặc nếu là con trưởng thì phải là con của bà vợ sau của cha mình như thế mới có thể sống lâu và có công danh khá được. Thậm chí đến hôn nhân người mệnh vô chính diệu nên chịu làm kẻ đến sau thì cuộc sống mới dễ thịnh vượng hơn. Còn trường hợp vợ mình là chính duyên thì đương nhiên sẽ bị thiệt thòi về sự nghiệp. Kể ra cũng không có gì là khó hiểu vì căn nhà trống (vô chính diệu) thì ta cần có một vật gì đó che bớt cho đỡ gió tuy hơi trở ngại nhưng đỡ tan tác khi có mưa to gió lớn. Về người cũng vậy khi có kẻ khác đứng mũi chịu sào thì gặp trách nhiệm lớn lao, mình làm phó đầu chịu nhiều trách nhiệm hoặc gánh vác nhiều dù cho mình có nhiều khả năng đi nữa. Còn về hôn nhân tuy không đặt vấn đề trách nhiệm nhưng phải có vấn đề án ngữ như tuần triệt.

Khó phát sớm : trừ một vài trường hợp những người mệnh vô chính diệu khó phát khi còn trẻ, không khác gì một cây non mới nảy mầm nơi đất xấu, phải trông cây vào mưa nắng hay phân bón mới dần vươn cao rồi mới có lá hoa có trái. Vì vậy mệnh người vô chính diệu đừng bao giờ thất vọng khi thấy công danh sự nghiệp của mình bị chậm miễn là những đại hạn từ trung vận trở đi không quá tệ. Nếu người đó phát sớm thì cũng không nên vội mừng và tự tin vì không khác gì đóa hoa sớm nở tối tàn. Về công danh cũng như về tuổi thọ. Thí dụ như một đứa trẻ sơ sinh mới lọt lòng mẹ ra nếu cho uống đủ các thứ thuốc bổ để mau mập mạp thì không đúng cách bằng nuôi nấng đúng cách bình thường và điều độ cũng lớn và khỏe mạnh. So với tử vi cũng vậy nếu mệnh vô chính diệu mà gặp ngay đại hạn kế tiếp thật tốt rồi những đại hạn sau xấu thì không thể hay bằng đại hạn kế tiếp kém những đại hạn sau tốt đẹp để cho mệnh đủ thời gian hấp thụ các sao thuộc các xung chiếu và hợp chiếu. Như thế mới đủ khả năng sử dụng các đại hạn tốt một cách vững bền.

Nghị lực kém : khuyết điểm chót của người vô chính diệu là họ khó lòng có can trường hay tinh thần dũng mạnh cương nghị dù có tài ba lỗi lạc đến đâu cũng vậy. Điều này cũng rất dễ hiểu vì khi mình nhờ vả ai (tức là mệnh nhờ các cung xung chiếu và hợp chiếu) thì mình phải chịu ảnh hưởng của người đó nếu không muốn nói là lệ thuộc và khi đã ở cảnh ngộ như thế thì làm sao giữ vững được lập trường. Tuy nhiên nếu mệnh chịu ảnh hưởng của tài quan nhiều hơn thì việc lệ thuộc cũng nhẹ đi nhiều, chỉ ngại cung thiên di nếu có các chính tinh dừng cho mệnh được nhiều thì sự lệ thuộc vào ngoại giới sẽ mạnh mẽ hơn vì cung thiên di tiêu biểu cho giới giao thiệp tiếp xúc trong xã hội. Vậy nên chú ý đến điểm này khi cân nhắc đến nghị lực của người mệnh vô chính diệu.

Ưu điểm : có mệnh vô chính diệu sau khi đã đọc những điểm trên đừng nên thất vọng vì còn có những sự bù trừ còn có những điểm độc đáo mà các lá số có chính tinh thủ tọa tại mệnh không có :

Đa năng miễn tiếp : tuy mệnh đã bỏ ngõ tuy dễ bị ảnh hưởng của những sao xấu bên ngoài thì mệnh của tiếp nhận dễ dàng những tinh hoa của các cách tốt chiếu về nếu có. Vì thế người mệnh vô chính diệu khi lớn tuổi thành công dễ dàng nhưng tuần tự trong mọi lĩnh vực do khả năng tìm hiểu học hỏi kiên nhẫn của mình. Mức độ thành công tùy theo cách tốt xấu trong lá số tử vi. Vì thế cụ Vân Đằng Thái Thứ Lang cho rằng người mệnh vô chính diệu khôn ngoan

sắc sảo là thế. Nếu là chủ nhân giám đốc một cơ xưởng 1 hãng 1 công ty thì sẽ tuyển dụng những người có mệnh vô chính diệu vì họ rất chịu khó học hỏi, có lương tâm nghề nghiệp, có óc cầu tiến nhưng đừng bao giờ dùng họ trong vai trò chỉ huy hoặc chủ chốt như đã nói trên để họ khỏi bị mất chức. Đến như gia cát Khổng Minh mệnh vô chính diệu tuy tài ba phi thường như thế mà cũng đành làm quân sư cho Lưu Bị chứ đâu nghĩ đến chuyện lập nghiệp cho chính mình.

Ít tai nạn : người có mệnh vô chính diệu bớt được nhiều tai nạn chứ không phải chẳng bao giờ gặp tai nạn. Sở dĩ họ được điều này là vì mệnh vô chính diệu khi gặp đại tiểu hạn có sát phá tham và hung tinh đắc địa lại phát mạnh; trong khi mệnh có chính tinh lại không hợp và con có khi bị nguy hại. Như vậy là mệnh vô chính diệu đã bớt được một số tai nạn vì đã quen với hung tinh, vì theo nguyên tắc thì chỉ có hung tinh mới gây ra tai nạn nhiều hơn các sao khác, các bại tinh chỉ gây thất bại hoặc bệnh hoạn chứ ít khi đem đến tai nạn như hung tinh. Như vậy kể ra cũng công bằng vì người mệnh vô chính diệu thường hay bị khổ về tinh thần thì ít ra họ cũng bớt nhiều tai ách.

Dễ thích nghi với hoàn cảnh : mệnh vô chính diệu chẳng khác gì mệnh trung lập gặp đại hạn nào cũng thích nghi được không bị chèo cẳng ngồng như mệnh có chính tinh, do đó đỡ bị gặp bước đường cùng. Không cần bàn đến thọ yếu mà chỉ bàn đến công danh sự nghiệp vì lẽ tất nhiên gặp đại vận xấu là phải chết. Thí dụ hạn gặp tuần triệt hoặc tiên không đối với mệnh có chính tinh nhất là tử phủ thì rất là tai họa và bất lợi nhưng đối với mệnh vô chính diệu lại hay vì không khác gì nhà đang trống trải bị gió thổi tứ phía nay lại được lấp cửa hàng hoàng tức là gặp tuần triệt và tiên không thì còn gì quý bằng, căn nhà lại trở nên ấm cúng.

Những điểm phức tạp về mệnh vô chính diệu :

+ Đắc tam không : thường thường các người xem tử vi đều cho là mệnh vô chính diệu chỉ tốt khi đắc tam không tức là có tuần triệt tiên không địa không. Nếu mệnh có nhiều trung tinh hội hợp mà lại có một không án ngữ và 2 không chiếu về thì đừng nên ham đắc cách tam không này vì các trung tinh sẽ mất hết hiệu lực. Trong trường hợp này thì chỉ nên có tam không ở một phương chiếu về là hơn, nếu không thì chẳng nên cần đủ tam không mới khỏi tai hại cho bản mệnh.

Khi nào mệnh không có trung tinh bàng tinh bại tinh không quan hệ mới cần có một khoảng không án ngữ nhưng lại có một điểm thiệt thòi là các cách hay ở bên ngoài khó bổ túc cho mệnh vì bị không ngăn cản thành ra chưa chắc đã là có lợi. Trong trường hợp này thì cần có tiên không hoặc địa không hơn tuần triệt vì tiên không địa không ngăn cản sự xâm nhập hoặc ảnh hưởng các sao bên ngoài.

+ Không đắc tam không : trường hợp mệnh vô chính diệu không đắc tam không (tức là chỉ có nhất nhị không, có khi không có không nào) chưa hẳn là kém tam không mà cũng không ngại phi yếu tắc bần vì còn thuộc nhiều yếu tố khác. Chỉ có điểm cần nhất là cung phúc đức không được xấu vì mệnh yếu sẵn rồi cần nhờ vào cung phúc đức để tránh vấn đề kém thọ trước đã rồi mới tính đến công danh và sự nghiệp qua các cung hợp chiếu và đại hạn. Nhiều lá số chỉ đắc có nhất không mà vẫn phú quý mà chẳng hề chết non vì những lá số này đều có cung phúc đức tốt cả.

Nhật nguyệt chiếu hư không chi địa : cần phân biệt như sau để tránh sự sai lầm: khi mệnh vô chính diệu có sao xấu như địa kiếp hỏa linh phục binh... thì không nên có nhật nguyệt chiếu hư không chi địa tức mệnh được nhật nguyệt sáng sửa chiếu vì như thế không khác gì vạch áo cho người xem lưng. Tuy vẫn thành công nhưng mọi người thấy rõ bộ mặt thật của mình như vậy

cũng chẳng có gì là hay. Gặp trường hợp này thì không có nhật nguyệt hoặc nếu có thì phải hãm địa (tức là không sáng sủa) là hay hơn để đỡ bị chê cười.

Nếu mệnh vô chính diệu có tuần triệt án ngữ mà lại có nhật nguyệt tinh minh chiếu thì không còn được hưởng cách này nữa nếu có được hưởng thì cũng chỉ là cái vỏ phú quý vinh hoa mà thôi.

Nếu được đúng cách nhật nguyệt tức mệnh không có tuần triệt và cũng không có sao xấu thì nên có thiên không hoặc thiên hư để khoảng chân không được thăm thẳm có chiều sâu để mặt trăng với trời chiếu vào. Như thế công danh phú quý mới phi thường và óc thông minh mới siêu việt nhưng vẫn nên đóng vai trò phò thì mới bền.

+ Đại tiểu hạn : đối với mệnh vô chính diệu việc giải đoán đại tiểu hạn khác hẳn với mệnh có chính tinh vì mệnh vô chính diệu có khả năng hấp thụ đủ mọi cách, từ tử phủ vũ tướng, sát phá liên tham, cơ nguyệt đồng lương đến cự nhật cùng với các hung tinh chẳng bao giờ không ăn khớp với cách này. Tuy nhiên chỉ ngại khi đi đến đại hạn cũng vô chính diệu lại không có không nào thì khác gì cái nhà trống không cửa ngõ lại ở trên một cái đồng không mông quạnh thì làm sao chống được mưa gió hoặc bị ảnh hưởng bên ngoài, như thế làm ăn thất bại dễ dàng, sự nghiệp suy sụp mạnh mẽ và mau chóng.

Nói tóm lại dù sao vô chính diệu vẫn phải chịu nhiều thiệt thòi bất lợi nhất là đối với ai tham danh vọng quyền chức lớn mặc dù họ có nhiều tài năng đôi khi rất xuất chúng nhưng tài năng đó chỉ để phục vụ cho người khác (nhiều khi kém mình) thì cũng không phải là điều hấp dẫn. Chỉ đối với người có óc triết nhân ưa sống về tinh thần, ưa nghiên cứu học hỏi biết an phận thì mới may ra hợp với cách mệnh vô chính diệu đặc tam không hay không đặc không nào.

Những cách mệnh vô chính diệu :

+ Rất cần nhật nguyệt tinh minh chiếu : mệnh vô chính diệu tức là cung mệnh không có chính tinh cần phải có thái dương và thái âm cùng sáng sủa chiếu đến thì mới hay, vừa thông minh tài giỏi vừa được vận mạng tốt đẹp. Nếu gặp tuần triệt thiên không địa không thì bị giảm kém hẳn. Nếu có một không kèm bên thái dương thái âm thì lại yếu hẳn.

+ Rất cần được hung tinh đắc địa : đây là một cách của mệnh vô chính diệu và được tốt. Mệnh vô chính diệu nhưng tại cung mệnh phải có hung tinh đắc địa và hung tinh này phải hợp với hành của mệnh, đó là hung tinh làm nòng cốt của mệnh. Nhưng phải không có tuần triệt mới được, nếu có tuần triệt lại bị giảm tốt đi. Thí dụ người mạng kim mệnh vô chính diệu tại thân có đà la thuộc kim đắc địa đồng hành với mệnh như vậy là đắc cách; mệnh vô chính diệu này thật tốt phát công danh lớn thường gọi là đà la độc thủ. Người mạng hỏa mệnh vô chính diệu có thiên không, đây là trường hợp có một không mà người mạng hỏa gặp thiên không cũng là hỏa rất tốt. Lá số ông Nguyễn Văn Vĩnh mệnh tại thân vô chính diệu có đại hoa tang môn địa kiếp và tuần, mạng là mộc thoát nhận thấy tang môn là mộc đồng hành với mệnh là tốt, nhưng theo cách trên tang môn ở thân không đắc địa ngoài ra còn có tuần triệt và theo cách trên không phải cứ có tuần triệt là tốt, tuy nhiên tuần ở đây lại đóng vai trò đặc biệt (tuần làm cho tang môn hãm địa được tốt ra) ngoài ra hao và kiếp là hỏa có thể gây hại cho mệnh mộc và chế ngự tang môn nhưng lại có tuần ở đó chế ngự 2 sao kiếp hao. Thành thử cuối cùng có tuần làm cho tang môn sáng láng đồng hành với mệnh làm cho vận số ông Nguyễn Văn Vĩnh được tốt.

Vậy về mệnh vô chính diệu được tang môn, cách hung tinh đắc địa hợp thành với mệnh thủ mệnh và không có tuần triệt có thể thay đổi ở chỗ tuần triệt làm cho sáng hung tinh thủ mệnh ra và dập tắt những sao đắc địa khác mà có thể làm hại mệnh.

Cần ghi thêm : hung tinh tại mệnh vô chính diệu và thủ mệnh phải đồng hành với mệnh thì mới tốt, còn như sinh cho mệnh thì không tốt bằng. Có những hung tinh khác chiếu mệnh cũng chỉ là phụ, chỉ kể đến hung tinh đồng hành với mệnh mà thôi.

+ Đắc tam không nhưng phải là mệnh hỏa : bản mệnh có một không đắc địa thủ mệnh, có 2 không ở tam hợp chiếu là cách đắc tam không nhi phú quý khả kỳ. Nhưng phải là hỏa mệnh thì mới được ăn vì các sao không đều thuộc hỏa.

+ Có hung tinh tốt nhưng lại gặp tam không là phù vân : bản mệnh vô chính diệu có hung tinh đắc cách hay nhiều trung tinh tốt là đẹp nhưng lại có tam không (1 không thủ và 2 không chiếu) thì lại kém đi nhiều vì đó là cách phù vân chẳng ăn thua gì.

+ Hung tinh khắc mệnh và có không chiếu : bản mệnh vô chính diệu có hung tinh khắc mệnh và hợp chiếu lại có không chiếu nữa thì đây chính là trường hợp bản yếu của mệnh vô chính diệu. Giải thích : mệnh đã bị khắc mà còn không chiếu vào thì ra ảnh hưởng xấu chồng chất nhau thành ra cách bản và yếu.

+ Đắc nhất triệt nhi khả bằng : mệnh vô chính diệu không có hung tinh đắc cách hợp thành là kém, hợp chiếu lại có hung sát tinh chiếu về lại càng xấu nhưng trong trường hợp này nếu được triệt đóng ngay tại mệnh thì lại gỡ được hết. Phải là triệt đóng ngay tại mệnh mới giải tỏa được xung sát từ tam phương chiếu đến. Đây chính là trường hợp tam phương xung sát đắc triệt nhi khả bằng. Nếu triệt ở ngoài thì chế ngự được cái xấu ở trong một cung mà thôi.

+ Mệnh vô chính diệu kiến tam không : mệnh vô chính diệu có một không thủ mệnh, 1 ở tam hợp và 1 ở xung chiếu cung mệnh hay 1 ở cung tam hợp có hung tinh là cách mệnh vô chính diệu kiến tam không, như giấc mộng hoàn lương, phú quý như giấc mộng không bền.

+ Mệnh vô chính diệu ngộ tam không : mệnh vô chính diệu, cung mệnh có hung tinh và hành khắc chế với mệnh (hành của bản mệnh) 2 cung tam hợp và xung chiếu có 3 không cũng chiếu là cách mệnh vô chính diệu ngộ tam không phi yếu tắc bản vì cả 3 sao không sẽ hợp đảng với hung tinh trong cung mệnh là cách bản hàn và yếu vong.

+ Được tốt mà gặp phải triệt : mệnh vô chính diệu được hung tinh đắc cách hợp thành là tốt (như trường hợp 1). Nếu hợp chiếu có cách hung tinh đắc cách lại càng tốt. Nhưng nếu đã được tốt như vậy mà lại gặp tuần triệt đóng ngay tại mệnh thì kể như bị phá đi rất nhiều (những cái tốt đã bị tuần triệt giảm mất).

+ Chỉ mệnh hỏa và kim vô chính diệu : trường hợp mệnh vô chính diệu đắc cách chỉ có mệnh hỏa và mệnh kim là được hưởng lớn. Các mệnh khác cũng được hưởng nhưng tương đối ít đi.

Phú : Hỏa phù không tắc phát.

Kim phù không tắc minh.

Sao không phải đóng ngay ở cung mệnh mới tốt cho người mạng hỏa và kim, người mạng mộc sao hỏa không phải sao mình thì không tốt có khi còn bị họa, mộc sinh hỏa : mộc gặp hỏa sẽ bị cháy tiêu tan. Vậy mạng mộc gặp sao hỏa thân thể bị điều linh.

+ Trung tinh tốt không có không : mệnh vô chính diệu không có không nào (không có không ở mệnh, không có không ở tam hợp và xung chiếu) không có hung tinh đắc cách nhưng được nhiều trung tinh tốt thì được khá. Có trung tinh tốt mà lại gặp không thì cái tốt bị phá đi làm kém tốt. Ghi chú tam không là tuần không thiên không và địa không (triệt không không phải là không mà triệt lộ : cắt đứt) tuy xét các cách của mệnh vô chính diệu theo những cách trên nhưng cũng nắm vững vòng thái tuế mà suy luận.

Mệnh vô chính diệu là số mạng hay thay đổi vì không có chính tinh đúng. Như vậy cần phải lấy vị trí mệnh vô chính diệu. Thí dụ như lá số Nguyễn Văn Vĩnh có tang muôn thủ mệnh là

người toan tính. Thân có bạch hổ là người rất thực tế. Vua Lê Lợi mệnh vô chính diệu nhưng mệnh đóng tại tam hợp thái tuế nên cố đánh đến cùng rồi thành công.

+ Phú giải : mệnh vô chính diệu đắc tam không nhi phú quý khả kỳ : cách này nếu chỉ hiểu thuần như vậy (có nghĩa là chỉ có 3 không) thì chẳng nên trờ chống gì cả. Cần phải có song lộc hội chiếu và nhất là phải là con trong một gia đình không có anh chị em trai (có thể có chị em gái) và dù có được như vậy cũng không lâu bền mặc dù ít ai bằng mình nhưng như thế mới đúng nghĩa chữ khả kỳ ngoài ra còn cần cộng tác với một hoặc nhiều người khác và mình nên nhận vai trò cố vấn hoặc cộng tác thì mới thành công lâu bền.

CUNG PHÚC VÔ CHÍNH DIỆU : trong tử vi cung phúc không đủ ý nghĩa để ứng đến tất cả các phương diện về hạnh phúc. Một người gặp hạn chắc chết, liệu có chết không? Nếu cung phúc đức có khá thì mới có thể cứu vãn được. Một người nghèo khổ có thể đem phúc đức ra xem tương lai có sáng sửa được không? Cung phúc đức có thể sửa đổi được mệnh, mệnh xấu mà phúc đức tốt có thể bớt xấu, mệnh tốt mà phúc đức xấu thì kém tốt đi nhiều. Cung giải ách cũng có thể nhờ phúc đức mà giải bớt các sự xấu đi phần nào.

Cung phúc đức vô chính diệu vùng hư không tượng trưng cho một cái phúc thật cao quý nhất là khi hư không bị phá mà con được nhật nguyệt sáng sửa chiếu vào. Bởi vậy, cung phúc đức mà vô chính diệu thì rất tốt. Phúc vô chính diệu cũng như phúc được tử vi ở ngọ hoặc tử phủ đồng cung có khoa quyền lộc cũng chiếu. Nên phúc vô chính diệu mà lại được thêm nhật nguyệt sáng sửa chiếu nữa thì lại càng tốt nữa. Đương số sẽ không gặp nhưng tai nạn nặng nề nào mà cứ đều đặn thăng tiến, cuộc đời kể như hoàn hảo.

Những cách chiếu của nhật nguyệt sáng sửa:

+ Nếu cung phúc vô chính diệu lại có nhật nguyệt hãm nhưng lại có tuần hay triệt án ngữ làm cho sáng sửa trở lại hoặc bị nhật nguyệt hãm chiếu nhưng lại được đào hồng hỷ làm cho sáng lên thì cũng rất tốt nhưng không được lâu một cách điều hòa mà lại hưởng những cơn bộc phát bất bình thường, bộc phát rồi vẫn giữa được cái tốt, bộc phát có khi thật mạnh một bước nhảy lên cảnh sung sướng sang giàu. Những cách trên được đơn thuần như vậy hay được thêm những sao tốt khác là rất tốt, tức là chưa kể đến những sao xấu khác. Nhưng dù có gặp sao xấu cũng không bị phá cách và xấu hẳn đi mà chỉ có nghĩa là bớt tốt đi thôi. Hay nói cách khác những cách xấu nếu gặp cũng bị cách của cung phúc vô chính diệu có nhật nguyệt sáng sửa làm giảm cái xấu đi.

Phú tử vi có câu vô chính diệu không bản thì yếu, có nghĩa là chỉ sự yếu kém của vô chính diệu, coi như một thửa ruộng hoang, một khu rừng hẻo lánh tuy có chủ nhưng chủ ở xa ít khi đến nên hoa lợi chẳng có là bao. Như vậy cái hay cái tốt của vô chính diệu hẳn là sơ sài. Có 1 vài trường hợp lại là vô địch không cái gì có thể sánh bằng cái tốt đẹp của nó.

Đó là cung phúc đức vô chính diệu như ta thấy một người học hành hiền đạt làm ăn khá giả, giữ chức vụ này nắm địa vị kia thì ai ai cũng khen người đó phúc tốt. Vậy phải kể phúc đức là vô hình thuộc về tinh thần không có gì là hình thức để người ta có thể nắm hoặc lôi kéo về làm của mình được.

Trong tử vi dù cung phúc đức cư ngọ có tử vi tọa thủ đắc khoa quyền lộc người ta vẫn thấy rằng cái tốt đẹp đó nằm trong một khuôn khổ chứ nếu cung phúc vô chính diệu đắc tuần câu hút nhật nguyệt sáng sửa còn gấp bội.

Dù là vua tổng thống bộ trưởng tử phú có quyền hành tiền bạc đầy kho có thể là vinh hiển nhưng người đó vẫn tùy thuộc vào cái vô hình thiêng liêng là phúc đức điều khiển. Cung phúc

đức vô chính diệu ở ngọ được nhật ở dần nguyệt ở tí chiếu có tuần ở chính cung thì còn gì sáng sửa đẹp để cho bằng.

CUNG GIẢI ÁCH VÔ CHÍNH DIỆU : cung giải ách vô chính diệu cũng rất tốt có nghĩa là thoát được các tai ách. Sự tốt đó (ở cung giải ách) có khi còn tốt hơn cả cách được triệt ở giải ách. Về cung ách cứ gặp những sao nào xấu là gặp những tai ách tương xứng. Như gặp cự môn thiên hình chiếu ách thì có thể mấy lần vào tù ra khám khi đến hạn.

Một kinh nghiệm quan trọng nữa là cung ách mà thuộc cơ nguyệt đồng lương thì đương số hay bị nội thương. Cung ách thuộc sát phá liên tham đương số hay bị tai nạn. Nếu cung ách vô chính diệu mà lại có cơ lương chiếu điều đó có nghĩa là đương số hay gặp tai nạn nhưng đều thoát nạn.

Một người có cung giải ách như sau : giải ách vô chính diệu có cơ nguyệt đồng lương hợp chiếu thì người đó có những tai nạn tưởng chết thế mà qua khỏi được, lớn lên hay bị những cơn áp huyết cao nhưng vẫn sống nhăn. Một người khác có cung ách vô chính diệu có sát phá liên tham hợp chiếu, cuộc đời vẫn là chuỗi dài tai nạn có những lần tưởng chết thế mà vẫn thoát nạn.

Nói đến cung vô chính diệu trên 12 cung số chỉ có 2 cung phúc đức và giải ách là được tốt, còn các cung khác (không kể cung mệnh) gặp vô chính diệu đều là bị xấu hay bị giảm kém. Vô chính diệu ở cung giải ách là tờ giấy trắng để cho bệnh tật xâm nhập và cũng dễ thoát khỏi như đã trình bày ở trên, xung chiếu hay khắc nhập cái chính vẫn là tam hợp và thế lưỡng nghi của 14 chính tinh nghĩa là : tử phủ vũ tướng, sát phá liên tham, cơ nguyệt đồng lương, cự nhật. Sát phá liên tham và cự nhật có tính nhạy cảm xảy đến cấp kỳ bất thường và thường nghiêng về ngoại ách tai nạn. Còn tử phủ vũ tướng và cơ nguyệt đồng lương thì trì chậm và hay có nội thương cơ thể. Dẫu là sát phá liên tham cự nhật hay tử vũ tướng cơ nguyệt đồng lương đối với vô chính diệu ở giải ách vẫn dễ gặp thầy thuốc hay tai nạn có xảy đến vẫn dễ được cứu thoát.

CUNG TÀI CUNG QUAN VÔ CHÍNH DIỆU.

Trái với các phúc đức và giải ách cung tài và cung quan vô chính diệu là giảm kém. Cung tài và cung quan là thế chính của tam hợp mệnh cần có cái gì thực tế đến mức độ nào đó mà đưa mệnh lên với đời. Dù ngành nghề nào tài sản của mệnh phải được thực sự có một giá trị thì đời mới có hướng đi lên.

Cung quan vô chính diệu là nghề nghiệp không có căn bản đương số thường đứng cuối trong các ngành nghề của mệnh. Nếu là công chức thì công việc của người này rất khiêm tốn ít khi được giao phó cho gánh vác những công việc quan trọng so với các bạn đồng nghiệp cùng ngành. Cung tài bạch cũng vậy, sự giàu có chỉ ở một mức độ nào đó thôi chứ không thể giàu có lớn được.

Các cung khác vô chính diệu đều kém cả nhưng không tai hại cho đương số bằng cung tài và cung quan vô chính diệu. Điều quan trọng hơn hết là khi thấy cung nào vô chính diệu thì phải nhận định thế âm dương ngũ hành sinh khắc đâu là người (xung), đâu là mình (tam hợp) mới rõ giá trị thực tế ở mức độ nào. Ở đây chỉ trình bày cái thế chung phải thêm bớt tùy theo trung tinh sát tinh và tuần triệt. Sự gia giảm vào mỗi cách lớn nhỏ nhiều ít sự tốt xấu còn tùy ở người đoán sao cho phải cách là nguyên tắc căn bản, mọi người xem số phải liệu mà cân nhắc xem cho đúng đường lối.

Các cách vô chính diệu được nhật nguyệt hội chiếu sáng sửa có 2 vị trí được hoàn hảo là :

+ Vô chính diệu ở ngọ được nhật ở dần và nguyệt ở tí chiếu lên.

+ Vô chính diệu ở thìn được nhật ở mao và nguyệt ở hợi chiếu lên.

Trường hợp vô chính diệu ở Sửu tức là nhật ở Dậu và nguyệt ở Tý phải có đào hồng hỷ hay xương khúc long phượng quang quý tô điểm cho nhật nguyệt được khởi sắc là tình trạng của các danh nhân bất thần quật khởi lên làm những việc phi thường. Cả 3 trường hợp này nếu ở phúc đức phải có tuần hay ít ra cũng phải có triệt câu hút mới được.

Vô chính diệu ở tài là một yếu tố xấu cho vấn đề tiền tài. Nếu các cách khác tại tài bạch đều tốt cả nhưng cung tài vô chính diệu thì người ta đoán đương số phải túng thiếu.

Vô chính diệu ở tài làm cho kém về tiền bạc cũng như có những người được quá nhiều cái tốt và được nhiều tiền thì vô chính diệu làm giảm đi bằng cách này hay cách hay làm giảm về số lượng hoặc giảm bằng cách tăng nhu cầu khiến cho vẫn túng thiếu.

Vô chính diệu ở quan : vô chính diệu ở quan cũng làm giảm hẳn những cách tốt nó làm cung quan lộc bị giảm hẳn đi rất nhiều. Bình thường với các cách tốt ở cung quan lộc người ta đoán là người có chức vụ cao, quyền hành lớn, nhưng cung quan lộc vô chính diệu thì người ta phải đoán trái lại là người đó chỉ là một viên chức thường, chỉ được giao những chức vụ nhỏ. Cũng có thể gặp hạn tốt mà người đó bốc mạnh nhưng rồi lại xuống vì căn bản cung quan lộc người đó là chức vụ thấp. Nói tóm lại cung quan lộc vô chính diệu chỉ giữ nhưng chức vụ trung bình.

Vô chính diệu ở những cung khác : các cung khác vô chính diệu thì đều bị giảm sút độ tốt. Sự giảm sút này chỉ bị ảnh hưởng một phần nào chứ không bị giảm nặng. Nhưng các sự sút giảm đó còn tùy theo các sao khác.

Vô chính diệu có lấy chính tinh đối cung được không : theo cụ Vân Đàng Thái Tứ Lang thì 1 cung vô chính diệu có thể lấy chính diệu đối cung làm sao của mình. Thí dụ cung giải ách vô chính diệu thì lấy chính tinh cung xung chiếu tức cung phụ mẫu làm chính tinh của cung giải ách. Trường hợp như vậy thì đúng hay sai? Vì có trường hợp chính tinh đối chiếu là của mình nhưng cũng có thể không phải là của mình.

Mỗi cung nằm trong thế tam hợp thuộc một hành : thân tí thìn là hành thủy, dần ngọ tất là hành hỏa, tỵ Dậu Sửu là hành kim, hợi mao mùi là hành mộc.

Một chính cung và một cung xung chiếu mỗi cung thuộc một bộ tam hợp như cung thân vô chính diệu thì có thể lấy chính tinh ở cung dần vì cung thân nằm trong tam hợp thân tí thìn thuộc thủy, còn dần thì ở tam hợp dần ngọ tất thuộc hỏa. Thủy khắc hỏa vậy chính cung thân khắc được cung xung chiếu dần. Trường hợp này có thể coi chính tinh của cung dần như của cung thân (vô chính diệu).

Ngược lại cung chính là dần vô chính diệu thì không thể lấy chính tinh ở cung xung chiếu là thân được vì dần thuộc hỏa, thân thuộc thủy, thủy khắc hỏa như vậy tức hính tinh ở cung xung chiếu khắc lại mình thì không thể lấy chính tinh ở đối cung gắn vào chính cung được vì kẻ thua trận không thể chiếm đoạt tài sản của kẻ chiến thắng làm chiến lợi phẩm cho mình được.

ẢNH HƯỞNG CỦA 2 SAO TUẦN TRIỆT.

Đối với người âm nam âm nữ : người sinh âm thì lấy hướng đi theo chiều nghịch. Cứ theo chiều đó mà xét vị trí của tuần hay triệt. Tuần triệt chặn đầu cung thì ảnh hưởng nặng, vượt đuôi thì ảnh hưởng nhẹ (nặng 8/10, nhẹ 2/10).

Một cách khác để nhận định cũng đi đến kết quả trên là : người sinh dương thì tuần triệt ảnh hưởng nặng vào cung dương nơi trấn đóng 7/10 và ảnh hưởng nhẹ vào cung âm 3/10. Người sinh âm thì ảnh hưởng tuần triệt mạnh vào cung âm 8/10 và ảnh hưởng nhẹ vào cung dương 2/10.

Ảnh hưởng vào cung xung chiếu và tam hợp chiếu cứ theo các cách tính của âm dương như vậy mà xét các cung chiếu (1 cung xung chiếu và cung hợp chiếu). Nếu tuần triệt ảnh hưởng nặng vào các cung chính nó đóng thì nó cũng ảnh hưởng nhẹ vào các cung chiếu và tùy theo các cung này cùng âm hay cùng dương với cung chính.

Qua những điều trên người ta nhận thấy rằng âm dương là rất quan trọng trong tử vi. Trong việc giải đoán lý âm dương còn quan trọng ở các trung tinh đi cặp đôi tức là chỉ âm dương thì cặp tinh mới có ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng rất yếu.

Luật về ngũ hành của tuần triệt và của các chính tinh. Triệt thuộc kim đới thủy, tuần thuộc hỏa đới mộc. Vậy nhưng sao mà hành độn với hành của tuần triệt và bị khắc chế là những sao bị tuần triệt chế ngự. Hành kim bị hỏa của tuần khắc, hành hỏa bị thủy của triệt khắc, hành mộc bị kim của triệt khắc và cũng bị hành của hỏa tuần khắc.

Các sao có hành thủy và thổ không sợ tuần triệt. Trong bộ sát phá liên tham thì thất sát là kim nên sợ tuần, tham lang thuộc mộc nên sợ cả triệt lẫn tuần, phá quân thuộc thủy nên không sợ nên không sợ tuần triệt (cũng có ảnh hưởng nhưng ít thôi), liên trinh thuộc hỏa nên sợ tuần.

Trong bộ tử phủ vũ tướng bị tuần triệt : tử vị thuộc thổ, thiên tướng thuộc thủy, thiên phủ thuộc thổ ít sợ tuần triệt (nhưng ảnh hưởng nhiều lúc cũng sâu đậm) chẳng hạn như thiên tướng ngộ tuần triệt, thiên phủ ngộ tuần, riêng vũ khúc thuộc kim nên sợ tuần triệt.

Cát thành hung thành cát là đặc tính của tuần triệt. Ở các cung có tuần triệt đóng có các chính tinh lạc hãm thì ảnh hưởng nguy hại của các chính tinh lại biến thành ảnh hưởng tốt đẹp. Các chính tinh miếu vượng đắc địa là tốt gặp tuần triệt là bị hồng cả. Các chính tinh từ 3 cung hợp chiếu về cũng bị cản lại. Hung tinh miếu địa là tốt (cách của những người làm dữ mà thành công) nhưng gặp tuần triệt là hồng.

Tuần triệt đương đầu thiếu niên tân khổ : đương đầu nghĩa là án ngữ ngay tại mệnh nhưng cũng có người cho rằng tuần triệt ở cung chiếu hay tam hợp chiếu cũng là đương đầu, còn ý nghĩa của câu phú thì đã quá rõ ràng. Nếu chỉ chấp trường hợp tuần triệt án ngữ tại mệnh mới gọi là đương đầu cần phải phân biệt mệnh có chính tinh và vô chính diệu. Trường hợp có chính tinh bị tuần triệt thì không phải lúc nào cũng tai hại vì chỉ có tử phủ thiên tướng cơ lương vũ khúc là sợ tuần triệt nhất; còn thất sát (nếu hãm địa gặp triệt thì hay hơn gặp tuần) thì lại trở nên hữu hiệu tốt đẹp vô cùng. Nhưng nếu trái lại thất sát ở miếu địa lại cần tránh tuần triệt mới hay. Còn trường hợp mệnh vô chính diệu trung tinh tốt đẹp tọa thủ hay hay mà phải để ý xem có nhiều trung tinh tốt đẹp tọa thủ hay không. Nếu có thì cần tránh tuần triệt nhất là vì triệt; tuần chỉ bao vây không cho trong ngoài liên lạc với nhau để phát huy khả năng phối hợp; còn triệt thì chặt gãy phá vỡ hẵn mọi sao hay khiến cho mất hẵn yếu tố tốt có sẵn tại mệnh và các sao bên ngoài chiếu về không cứu vãn nổi.

Trường hợp không có trung tinh tốt thì chỉ kỵ có tuần chứ không sợ triệt vì mệnh xấu mà còn không nhờ cậy được các sao tại cung tam hợp (bị tuần bao kín) sẽ khiến cho đương sự thật sự tân khổ trong khi triệt án ngữ lại thuận lợi vì không những phá vỡ được yếu tố tốt xấu tại mệnh mà lại còn không cản trở sự giúp đỡ từ bên ngoài.

Nếu chấp nhận tuần triệt ở cung xung chiếu hoặc tam hợp cũng gọi là đương đầu chắc có nhiều người thắc mắc không hiểu tại sao tuần triệt chiếu cũng gây ảnh hưởng mạnh mẽ như án ngữ. Điều này rất dễ hiểu vì có bao giờ người ta chỉ căn cứ vào nguyên cung mệnh để giải

đoán đầu mà phải kết hợp với các sao khác ở cung xung chiếu và tam hợp (nhất là xung chiếu). Do đó nếu như mệnh có tử phủ (dần thân) rất cần vũ tướng và các bộ trung tinh khác như tả hữu thai tọa khôi việt mới thành các quân thần khánh hội. Nếu các sao này ở ngoài lại bị tuần triệt án ngữ thì làm sao kết hợp được với tử phủ khiến cho 2 sao này bị cô đơn và trở thành vô hiệu lực, thành ra vấn đề tân khổ cũng rất hợp ngay cả mệnh vô chính diệu cũng vậy bất luận có trung tinh tốt tại mệnh hay không cũng cần có sự hỗ trợ bên ngoài, không khác gì một nước chậm tiến cần sự việc trợ từ nước ngoài. Nếu bị tuần triệt ngăn chặn thì làm sao có chỗ nương tựa khiến cho đã xấu lại càng xấu thêm, tai hại hơn cả trường hợp có chính tinh nhiều.

Các dương số mệnh vô chính diệu trong trường hợp này sẽ cảm thấy đương đầu theo cách chiếu cũng hiệu nghiệm vô cùng.

Sau hết tại sao tuần triệt đương đầu tại mệnh hay tại các cung tam hợp chỉ hành hạ lúc thiếu thời chứ lại không gây trở ngại cho tuổi trưởng thành trở đi. Có người cho rằng triệt từ năm 30 tuổi trở đi sẽ yếu đi, nhưng nói đến tuần thì hơi khó trả lời vì tuần ảnh hưởng suốt cả đời hoặc mạnh mẽ từ 30 tuổi trở đi. Lại có lý thuyết cho rằng lúc ít tuổi chịu đại hạn đầu nằm ngay tại mạng, nhưng qua đại hạn kế tiếp tránh được tuần triệt rồi và tuổi còn trẻ sao vẫn tân khổ (trường hợp tuần triệt án ngữ tại mệnh còn có lý do vì 2 sao đó đề lên 2 cung. Những trường hợp ở các cung xung chiếu thì đầu ảnh hưởng gì cho đại hạn kế tiếp).

ĐẠI HẠN – TIỂU HẠN

Đại hạn : xét vận mạng con người có cung mệnh cung thân cung phúc cung di cung tài cung quan... và luôn cả các cung khác. Ngoài ra về thời gian cuộc đời có chia ra thành từng khoảng 10 năm một, ai học tử vi đều biết cách đặt các cung đại hạn. Đặt số đầu là số cực và cứ mỗi cung thêm 10 kể từ cung mạng theo chiều thuận nếu là dương nam âm nữ và theo chiều nghịch nếu là âm nam dương nữ. Thí dụ thủy nhĩ cực âm nam dương nữ thì đề số 2 tại cung mệnh và theo chiều nghịch các cung sau là các số 12, 22, 32, 42... Như vậy có nghĩa là xem đại hạn 2-11 tuổi tại cung mệnh, 12-21 tuổi tại cung bào, 22-31 tuổi tại cung thân... (dĩ nhiên phải xem cung chính và 3 cung chiếu (xung và tam hợp). Nếu là thủy nhĩ cực dương nam âm nữ thì đề số 2 tại cung mệnh và theo chiều thuận các cung sau là các số 12, 22, 32, 42... như vậy có nghĩa là xem đại hạn 2-11 tuổi cung mệnh, 12-21 tuổi tại cung phụ mẫu, 22-31 tuổi tại cung phúc...

Tiểu hạn : tiểu hạn là vận hạn trong 1 năm, cách ghi tiểu hạn thì mỗi năm ăn vào 1 cung và 3 cung chiếu. Cách tính :

Nếu sinh năm dần ngọ tuất thì đề năm sinh của mình vào cung thìn ở khoảng vành trong thiên bàn.

Nếu sinh năm tỵ dậu Sửu thì đề năm sinh của mình vào cung mùi cũng ở khoảng vành trong thiên bàn.

Nếu sinh năm thân tí thìn thì đề năm sinh của mình vào cung tuất.

Nếu sinh năm hợi mao mùi thì đề năm sinh của mình vào cung Sửu.

Rồi cứ lần lượt mà ghi các năm theo đúng hàng địa chỉ mỗi cung một năm. Nam theo chiều thuận, nữ theo chiều nghịch bất kể dương nam âm nữ hay âm nam dương nữ. Thí dụ đàn ông tuổi kỷ mùi thì ghi chữ mùi ở cung Sửu rồi viết tiếp thân dậu tuất hợi tí Sửu dần.. theo chiều thuận theo hàng địa chỉ mỗi cung một tên cho đủ 12 năm. Như thế năm tí ngọ, muốn xem tiểu hạn thì xem cung chính ngọ và 3 cung chiếu. Đàn bà tuổi kỷ mùi thì ghi chữ mùi ở cung Sửu rồi viết tiếp thân ở cung tí,

Tính đại hạn : cũng biết tính đại hạn là từ cung mệnh đó là cách tính theo phái ma thị Việt Nam đã có hàng năm sáu trăm kinh nghiệm và cho là đúng hiện nay 99% người đoán tử vi vẫn theo cách đó.

Nhưng cũng có người nêu lên cách tính đại hạn bắt đầu từ cung phụ mẫu hay cung huynh đệ (tử vi Đài Loan) khiến nhiều người ngỡ ngàng. Giữa hai cách đó cách nào đúng. Chẳng lẽ có sự mâu thuẫn để sai lệch đại vận đến 10 năm như vậy thì tử vi còn giá trị gì nữa. Sự thật thì ở mỗi cách ghi đại hạn có 1 nguyên tắc giải đoán và ta không được lẫn lộn. Lại có thêm điểm chiêm nghiệm về mùa để xem xét cách ghi đại hạn nào đúng hơn. 2 cách ghi đại hạn đều đúng nếu ta biết những cách giải đoán tích hợp cho mỗi cách ghi đại hạn.

Tính tiểu hạn : tiểu hạn ở mỗi năm được xác định ở một cung. Người xem tử vi có thói quen lấy cung tam hợp và cung nhị hợp với các sao lưu niên để đoán vận hạn tốt xấu của 1 năm cũng giống như đại hạn 10 năm. Thật ra muốn tìm hiểu thời kỳ đại hạn 1 năm phải bám sát các sao ngũ trong cung lưu niên. 1 năm cũng có thời kỳ riêng trong ngũ hành.

2 tháng rưỡi mỗi đầu xuân : mộc

2 tháng rưỡi mỗi đầu hạ : hỏa

2 tháng rưỡi mỗi đầu thu : kim

2 tháng rưỡi mỗi đầu đông : thủy

15 ngày cuối mùa chung cho cả 4 mùa : thổ

Rồi từ căn bản này mà đối chiếu với các hành của sao trong cung niên hạn muốn xem và phải để ý đến các tính chất sao thuộc hành nào sẽ hành động vào thời gian ấy (chứ không thể có sự hành động nhất loạt của các sao trong suốt 1 năm). Thí dụ người mệnh thổ lưu niên tại cung tí có các sao :

Thuộc hành mộc : đào hoa ân quang hóa quyền.

Thuộc hành hỏa : thiên khôi thiên đức địa kiếp phi liêm

Thuộc hành thổ : phúc đức tuyệt thiên tài tả phù.

Thuộc hành thủy : tham lang hồng loan.

Thuộc hành kim : thiên khôi tả phù hồng loan.

Có những yếu tố đó thì sự giải đoán niên hạn của được số được dễ dàng như sau :

Mùa xuân có quý nhân giúp đỡ thăng tiến công danh mau lẹ.

Mùa hạ may rủi liên nhau, càng cao danh vọng càng nhiều gian lao.

Mùa thu trả lại sự bình yên, có bạn tốt giúp đỡ.

Mùa đông tình cảm thỏa mãn yên vui.

Riêng 15 ngày cuối mỗi quý (mùa) là hành thổ thì gặp các sao phú đức tuyệt thiên tài tả phù nên hay có chuyện lo nghĩ nhưng nhờ thiên tài hóa giải nhóm hung tinh tuyệt và sao phù thịnh tả hữu nên cũng qua khỏi vào phút chót. Khi áp dụng ngũ hành sao theo mùa ta không nên quên so sánh ngũ hành của sao với ngũ hành của cung để thấy rõ hơn cường độ hoạt động của các sao bị ảnh hưởng như thế trong mùa hoạt động của nó. Qua thí dụ trên cung tí là thủy đương nhiên các sao hỏa đã kém hiệu lực, các sao mộc tăng cường lực, các sao kim suy nhược, các sao thổ bị trở ngại và các sao thủy khởi sắc nhất (giang sơn nào anh hùng đó).

“ KHÔNG NHÌN THẤY NÊN KHÔNG ĐÁNH ”

Thí dụ hạn gặp cách tử phủ vũ tướng khoa quyền lộc sáng sửa thành đẹp dễ thế mà có người gặp cách này lại khốn đốn chứ không nói là bình thường vì mạng người đó có không kiếp hãm địa hoặc sát phá liên tham hội hợp. Chắc có người không đồng ý vì nghĩ rằng nếu gặp cách tốt không hợp thì tốt ít chứ có khi nào trở nên xấu được. Nhưng nếu so sánh nhóm sao tại mệnh như những nhóm côn đồ trộm cướp và những như những nhân vật cao cấp đứng đắn uy quyền thấy là đương nhiên nhóm trên bị nhóm sao sau áp đảo không dung nạp cũng như trường hợp này nếu nhóm sao tử phủ vũ tướng bớt mất khoa quyền lộc lại thêm tuần triệt án ngữ thì lại bị hư vì các nhân vật đó bị giảm uy quyền tức là thiếu bộ khoa quyền lộc lại còn bị gò bó bởi 2 sao tuần triệt làm sao át được nhóm hung tinh bất hảo kia đành để chúng mặc sức tung hoành. Nếu bình thường thấy cách tử phủ vũ tướng bị tuần triệt (nhất là tử vì tối kỵ tuần triệt) thì người ta khó lòng dám cho là hay nhưng gặp trường hợp dưới đây là tốt.

Một bệnh nhân đau ốm liệt giường chỉ chờ ngày chết, người bệnh cũng đã già (khi xem số cần để ý xem đại tiểu hạn của người đó thật xấu không). Nếu hơi xấu hay xấu thì phải đoán là người bệnh chưa thể chết được, còn phải chịu đựng một thời gian nữa cho đến khi gặp tiểu hạn tốt có quan phúc đào hồng hỷ khôi việt tả hữu khoa quyền lộc thì mới có thể quyết đoán là đương số đã mãn số vì lúc đó trời phạt (quan phúc khôi việt) mới giúp (tả hữu) bệnh nhân mới dứt được mọi đau khổ để ngậm cười nơi chín suối.

Nếu bệnh nhân mới đau yếu độ đôi ba ngày hay vài tuần lễ thì sự giải đoán lại xem như thường nghĩa là thấy đại tiểu hạn xấu mới chết được. Có nhiều lá số trẻ sơ sinh có những mâu thuẫn sau đây :

Con của một người lưu manh chuyên lường gạt nếu có một lá số tử vi thật tốt nghĩa là từ cung mệnh phúc thân cho đến sinh khắc ngũ hành đều tốt đẹp và cũng không phạm giờ xấu nào thì thường thường lại không nuôi được mới lạ. Phải chăng phú đức của người đó quá mỏng không dung nạp được một quý tử như vậy nên đứa nhỏ phải ra đi vĩnh viễn để đầu thai vào nhà khác mới thích hợp.

Cho nên mỗi khi xem tử vi cho trẻ sơ sinh cần thiết phải biết rõ gia thế cha mẹ đứa nhỏ thì mới có thể quyết đoán vấn đề nuôi dưỡng được hay là không, ngoài ra cũng phải chú ý đến cái đức của gia đình đứa trẻ chứ không cần chú trọng đến sự giàu sang vì thiếu gì các lãnh tụ lừng danh và nhân vật lỗi lạc đã xuất thân từ một gia đình nghèo khó. Chỉ có một điều khó là làm sao biết được chính xác âm đức của gia đình đứa trẻ được tới mức độ nào. Khi xem số trẻ sơ sinh không nên hấp tấp đoán khi thấy có những yếu tố cực kỳ tốt vì chính những điểm đó là con dao 2 lưỡi đối với đứa trẻ. Nếu gặp một gia đình có âm đức thật tốt đương nhiên nó sẽ nên người có công danh sự nghiệp huy hoàng. Còn trường hợp sinh ra trong một gia đình thiếu âm đức thì phải xét lại.

Tuy khía cạnh này chỉ là tâm lý và hoàn cảnh cá nhân nhưng vẫn có thể áp dụng chúng.

Thêm một ví dụ nữa : một người hội đủ các sao thanh nhân như thai tọa, quan phúc, đào hồng hỷ song lộc và bộ tứ đức lại gặp một đại tiểu hạn có đủ các sao hoạt động hăng say thành công vượt bậc uy quyền hiển hách thì đương nhiên nếu không cân nhắc thì sẽ quyết đoán là đương số được hưởng một giai đoạn huy hoàng hạnh phúc sung sướng thực sự nhưng đối với đương số lại có thể là chuyện không ham vì bị gò ép vào một môi trường trái với sở nguyện của mình mặc dầu trước nhảnh quang của thiên hạ đó là điều đáng mơ ước :

Xem hạn có 2 yếu tố cần biết đến :

+ Xét đại cương hạn tốt hay xấu, xét về sự sinh khắc chế hóa giữa cung và bản mệnh, sự hội tụ sao tốt hay xấu trong hạn lại phải liên quan đại hạn với tiểu hạn.

+ Xét các yếu tố có thể xảy ra, phải tìm sự giao nhau của các tinh đầu và ảnh hưởng vị trí các sao lưu (phi tinh)

Để biết rằng một đại hạn tốt hay xấu phải xem xét các yếu tố sau đây : cung nhập hạn tức là cung của đại hạn hay là cung của tiểu hạn phải có hành sinh cho mệnh. Thí dụ người mạng kim hạn đến cung thổ là tốt (phải cung dưỡng cho mệnh thì mới tốt) nếu không được như vậy thì cũng phải hòa là khá, tức là cung hạn thuộc hành nào thì mạng cũng thuộc hành đó. Nếu mạng của hạn lại dưỡng cho hành của cung hạn xấu. Thí dụ người mạng thổ mà hạn đến cung kim là xấu vì mạng bị tiết (tức là bị sinh xuất). Nếu hạn của cung khắc hành của mạng là xấu nhất. Thí dụ người mạng hỏa hạn đi đến cung thủy thì mạng bị hạn khắc vì thủy khắc hỏa. Đây là yếu tố quan trọng :

. Chính tinh phải miếu vượng đắc địa mới tốt, nếu hãm địa là xấu, hãm địa phải có tuần triệt án ngữ thì mới trở thành tốt.

. Hành của chính tinh phải dưỡng cho hành của mệnh theo nguyên tắc để xem cung mệnh và thân.

. Bộ chính tinh và âm dương tại cung nhập hạn phải phù hợp với bộ chính tinh tại mạng mới là tốt. Thí dụ tại mệnh có bộ sát phá liên tham thì tốt. Mệnh có tử phủ cự nhật cơ nguyệt đồng lương hạn đi đến các sao thuộc bộ đó là đẹp. Dĩ nhiên chính tinh tại hạn cũng phải miếu vượng đắc địa và có hành dưỡng cho mệnh mới thật là tốt.

Nếu ngược lại mệnh có các sao thuộc bộ sát phá liên tham mà hạn gặp các sao thuộc bộ cự nhật cơ nguyệt đồng lương hay ngược lại mệnh các sao thuộc bộ sau mà hạn gặp các sao thuộc bộ trước thì xấu. Như các chính tinh được đắc miếu vượng địa lại dưỡng cho mạng thì cũng được tốt nhưng đương số phải đề phòng những sự bức mình không toại ý và không may mắn.

Ảnh hưởng đại cương của các sao : cần xét đến toàn bộ các sao ở trong cung hạn kể cả chính tinh trung tinh và hung tinh. Thấy các sao tốt đắc cách kể cả hung tinh miếu vượng là được đắc cách hạn tốt. Thấy các sao xấu hãm là hạn bị xấu. Nếu hạn có sao tốt sao xấu lẫn lộn thì phải cân nhắc tốt xấu như thấy sao tốt nhiều hơn thì kể là hạn tốt, sao xấu nhiều hơn thì là hạn xấu.

Ảnh hưởng các sao lưu : ngoài ra phải tính các sao lưu tức là những sao lưu động hàng năm gồm các sao lưu : thái tuế, lưu tang môn, lưu bạch hổ, lưu thiên khốc, lưu thiên hư, lưu lộc tồn, lưu kinh dương, lưu đà la, lưu thiên mã. Tùy theo vị trí các sao đó và những cách mà các sao đó gặp mà thêm tốt hay thêm xấu cho hạn. Cách này chỉ tính cho tiểu hạn.

Nhận xét các cung mệnh thân và phúc đức, để đoán sát hơn cũng phải đoán các cung khác để liên hợp vào. Như một người có cung mệnh thân thật tốt thì những cung hạnh có bộc phát nhẹ cũng có thể là phát tốt nhiều. Một người đến hạn phát tài lớn, nhưng xét cung mệnh và cung tài quá kém cũng không thể phát tài lớn được. Một người gặp hạn quá xấu (đại và tiểu hạn) bình thường phải đoán là hạn chết nhưng xét cung mệnh và cung phúc đức tốt không phải là cách của người yếu vong thì không thể đoán là hạn chết được.

Tóm lại xem các cung mệnh thân phú đức và tài bạch để gia giảm các cách tốt xấu của bạn.

Nhận xét về sự liên quan của đại hạn và tiểu hạn : đại hạn tốt mà gặp tiểu hạn xấu thì cái xấu đó cũng dựa vào cái tốt mà được giảm đi. Đại hạn xấu mà tiểu hạn tốt cũng bị đưa vào cái xấu của đại hạn mà giảm đi nghĩa là không được tốt lắm. Trong đại hạn đã xấu vì các bộ sao xấu cộng thêm với các tiểu hạn lại bị các bộ sao xấu khác thì lại càng xấu. Nếu các bộ sao ở đại hạn và tiểu hạn đem lại càng xấu. Nếu các bộ sao ở đại hạn và tiểu hạn đem cộng lại thấy các tính chất tốt càng nhiều hơn thì kể là hạn được tốt nhiều hơn.

Tóm lại đó là sự bù trừ nhau giữa tốt và xấu ở đại hạn và tiểu hạn.

Sự kiện những biến cố xảy ra trong hạn tìm sự tốt xấu trong hạn chưa phải là đi vào chi tiết trong hạn nghĩa là tìm xem những biến cố nào có thể xảy ra. Muốn tìm các biến số trong hạn phải tìm các yếu tố sau :

. Y nghĩa của các sao gặp trong hạn : thí dụ gặp xương khúc thì có công danh thi đậu, gặp thiên quan thiên phúc thì có quý nhân gặp đỡ, gặp lộc tồn thì được phát tài hay được giải nạn, gặp song hào thì tán tài, gặp bạch hổ thì có tang mất của hoặc đau ốm. Lại còn những cách tính đầu giao nhau có thể gây nên các sự may rủi khác.

. Tiểu hạn ở cung nào (tài bạch quan lộc...) thì thường thường biến cố xảy đến cho phạm vi của các cung đó. Thí dụ tiểu hạn ở cung tài bạch thì các biến cố xảy ra thường liên quan đến vấn đề tiền bạc; tiểu hạn ở tử tức thì có biến cố xảy ra thường về chuyện con cái.

. Tìm ảnh hưởng các sao lưu : các sao gây họa hay cho sự tốt : ngoài các sự kiện chúng gây hạn xấu hay cho hạn tốt cho đương số có sao lưu động ở cung nào trong tiểu hạn thường gây ra các biến cố liên quan đến phạm vi cung đó. Thí dụ lưu kinh dương vào năm nào đó đến đóng tại cung quan lộc thì biến cố do kinh dương gây ra (mất chức tai nạn hồng việc) có thể gây ra cho công ăn việc làm của mình. Tóm tắt :

_ Để xét vận hạn tốt hay xấu :

+ Xét cung có dưỡng cho mệnh không? (quan trọng).

+ Xét cung tinh có miếu vượng không? Có dưỡng cho mệnh không? Có thuộc bộ sao hợp với bộ sao ở mệnh không?

+ Nhiều sao tốt đại hạn tốt, nhiều sao xấu thì đại hạn xấu.

+ Các sao lưu tốt hay xấu.

+ Mệnh thân phú đức tốt hay xấu, làm gia tăng hay giảm sự tốt sự xấu của hạn (tiểu hạn).

_ Để xét các biến cố xảy ra trong hạn :

+ Tìm ảnh hưởng các sao hay bộ sao, các cách của sao gặp trong hạn.

+ Tiểu hạn ở cung nào thì biến cố xảy ra liên quan đến phạm vi cung đó.

+ Tìm ảnh hưởng các sao lưu vào niên vận rồi xem sao lưu đóng ở cung nào thì ảnh hưởng vào phạm vi của cung ấy.

PHÂN TÍCH ĐẠI VẬN : đại hạn tốt hay xấu gồm có :

+ Hành của bộ tam hợp cung đại hạn hạn sinh cho hành cung tuổi hay đồng hành là tốt, khắc là xấu (đó là yếu tố thiên thời) được thiên thời được vận động tốt là được khá hơn đại vận khác.

+ Hành của cung đại vận sinh hay khắc cho mệnh của mình, sinh là tốt khắc là xấu. Đây là yếu tố chủ về thế thắng và vận tốt. Đây cũng là yếu tố chốt để giải đoán tử vi.

+ Sự thích hợp hay không thích hợp của bộ sao đại vận đối với bộ sao tại cung mệnh. Có những bộ sao như tử phủ vũ tướng sát phá liêm tham cơ nguyệt đồng lương cự nhật mà ai cũng biết. Thí dụ như mệnh có bộ sao này đến cung đại vận gặp bộ sao này thì tốt hay xấu. Yếu tố thứ 3 gọi là yếu tố nhân hòa, yếu tố tuần triệt sẽ nhắc đến sau. Còn các trung tinh và hung tinh thêm vào các yếu tố chính và chỉ rõ thêm về các trường hợp cá biệt như đại vận nặng về gì? Hạn về phương diện gì? Thí dụ được cả 3 yếu tố thiên thời địa lợi nhân hòa là được đại vận rục rở. Nếu lại được các trung tinh tốt và thoát các hung tinh hãm thì càng rục rở thêm. Bị cả 3 yếu tố thiên thời địa lợi nhân hòa cùng xấu là đại vận xấu. Nếu lại bị nhóm hung tinh xâm nhiễm thì đó là đại vận rất xấu gặp nhiều thất bại có thể đi đến cái chết.

3 yếu tố thiên thời địa lợi nhân hòa :

+ Thiên thời : khi học tử vi đừng bao giờ quên yếu tố tam hợp : thân tí thìn là thủy, Hợi mao mùi là mộc, tỵ dậu Sửu là kim, dần ngọ Tuất là hỏa.

Trước hết ghi nhận hành của tam hợp tuổi như người tuổi tỵ thuộc tam hợp thân tí thìn là thuộc thủy. Rồi sau xét đoán cho mỗi đại vận cứ xét hành của tam hợp của đại vận đem so sánh 2 hành (hành của tam hợp cung tuổi, hành cung đại vận) thấy sự sinh khắc chế hóa thế nào thì biết thiên thời của đại vận là tốt hay xấu.

Hành tam hợp đại vận sinh cho tam hợp tuổi tốt là được hưởng thiên thời. Hành tam hợp đại vận đồng hành với tam hợp tuổi (đây là trường hợp thái tuế quan phù bạch hổ) tốt có thiên thời. Hành tam hợp đại vận khắc hành tam hợp tuổi (trường hợp mình bị khắc nhập : xấu nhất). Thời gian và hoàn cảnh liên minh đánh vào mình và thắng mình : bị nhiều thất bại thua thiệt. Hành tam hợp đại vận được tam hợp tuổi sinh (trường hợp sinh xuất) tuy sinh nhưng sinh xuất nên lao đao như người mất sức lực tiền bạc. Các trường hợp đó là :

Tuổi thân tí thìn (tam hợp thủy)

Đại hạn đến cung thân tí thìn được thiên thời tốt nhất.

Đại hạn đến cung Hợi mao mùi bị sinh xuất

Đại hạn đến cung dần ngọ Tuất bị khắc xuất

Đại hạn đến cung tỵ dậu Sửu được sinh nhập có thiên thời.

Tuổi dần ngọ Tuất (tam hợp hỏa)

Đại hạn đến cung thân tí thìn xấu nhất, bị khắc nhập.

Đại hạn đến cung dần ngọ Tuất tốt nhất, có thiên thời.

Đại hạn đến cung tỵ dậu Sửu khắc xuất, phải chật vật.

Đại hạn đến cung Hợi mao mùi được sinh nhập, có thiên thời.

Tuổi Hợi mao mùi (tam hợp mộc)

Đại hạn đến cung Hợi mao mùi tốt nhất, có thiên thời.

Đại hạn đến cung thân tí thìn tốt, có thiên thời.

Đại hạn đến cung dần ngọ Tuất bị sinh xuất, lao đao.

Đại hạn đến cung tỵ dậu Sửu bị khắc nhập, xấu nhất.

Tuổi tỵ dậu Sửu (tam hợp kim)

Đại hạn đến cung tỵ dậu Sửu tốt nhất có thiên thời.

Đại hạn đến cung thân tí thìn bị sinh xuất, lao đao vất vả.

Đại hạn đến cung dần ngọ Tuất bị khắc nhập xấu nhất.

Đại hạn đến cung Hợi mao mùi bị khắc xuất xấu.

Địa lợi :

Hành của cung đại vận sinh cho mệnh của mình là sinh nhập được kể là tốt nhất và coi như được địa lợi.

Hành của cung đại vận đồng hành với mệnh của mình cũng là tốt nhất và cũng coi như được địa lợi.

Hành của mệnh sinh cho hành của đại vận là sinh xuất lao đao.

Hành của mệnh khắc xuất hành của cung đại vận bị chật vật nhưng cũng có thể thành công.

Hành của cung đại vận khắc nhập hành của mệnh xấu thất bại gian nan bệnh hoạn.

Nhân hòa : xét đến chính tinh tại cung đại vận có 3 yếu tố chính về chính tinh và các bộ chính tinh :

Chính tinh phải miếu vượng hay đắc địa mới tốt. Nếu hãm địa là xấu, hãm địa phải có tuần triệt mới trở nên tốt.

Hành của chính tinh phải dưỡng cho hành của mạng (cùng nguyên tắc như để đoán cung mạng và cung thân)

Bộ chính tinh và âm dương tại cung nhập hạn phải phù hợp với bộ chính tinh tại mạng mới tốt. Như mệnh có sát phá liên tham đi đến đại hạn sát phá liên tham là tốt tức là có nhân hòa. Mệnh có tử phủ vũ tướng, cự nhậ, cơ nguyệt đồng lương đi đến các cung gặp các sao có cùng bộ đó là đẹp tức là có nhân hòa. Dĩ nhiên chính tinh tại hạn cũng phải được miếu vượng đắc địa và có hành dưỡng cho mệnh mới được coi là thật tốt, trái lại là xấu. Như các chính tinh không cùng bộ được tốt nhưng cũng đề phòng những sự không may.

Phải xác định rõ vận mạng tài bạch quan lộc phú đức. Vận hạn xảy ra ở mức độ nào còn tùy theo những điểm căn bản như đến đại hạn phát tài lớn nhưng ở người mạng xấu tài bạch kém thì sự phát tài lớn chỉ có nghĩa là mức độ mua nổi cái xe đạp, xe gắn máy, sắm cho vợ con bộ quần áo mới. Còn ở người mạng cao tài bạch sức tích thì có nghĩa là phát hàng vạn hàng triệu trở lên. Nếu gặp hạn xấu có thể chết thì trước hết phải xem mạng và phú đức người đó thế nào, nếu phú đức tốt mạng sống lâu thì chưa thể đoán là hạn chết được.

Phải xác định đại hạn gốc 10 năm : trên lá số tử vi tùy theo âm dương nam nữ và tùy theo theo thủy nhị cục, mộc tam cục kim tứ cục, thổ ngũ cục, hỏa lục cục, ở mỗi ô trên 12 cung thiên bàn mỗi con số đó là số tuổi bắt đầu của đại vận trong 10 năm, con số 32 là con số chỉ đại vận từ 32 đến 41 tuổi, con số 52 chỉ đại vận từ 52 đến 61 tuổi.

Phải xem gốc đại hạn chủ về cái gì rồi tiểu hạn (một năm) mới ăn từ gốc ấy mà ra. Thí dụ đại hạn phát tài thì các tiểu hạn hưởng về phát tài, đại hạn chủ về công danh. Xem gốc đại hạn phải cộng cung chính và 3 cung xung hợp chiếu.

Cứ xem các tiểu vận dần ra trên 12 cung là thấy các tiểu hạn cứ diễn ra đúng như trước. Vậy vận số một năm như thế nào là do cung của tiểu hạn cho biết nhưng phải tùy theo mạng và phú đức cùng những cung chính và cũng tùy theo đại hạn. Một trong những cách giải đoán vận hạn một năm là nhập các sao tiểu hạn và đại hạn vào mà đoán.

Phải xem lưu đại hạn : lưu đại hạn là một cung cho biết cái hưởng của vận hạn trong năm đó và tính từ gốc đại hạn giống như tài xế hay đỗ thế nào. Vậy phải nhập cả cung lưu đại hạn vào mà đoán. Xem lưu đại hạn phải đủ cung chính và 3 cung chiếu. Các tính lưu đại hạn như sau : Người dương nam âm nữ chiều chính là chiều thuận, bắt đầu cung đại hạn là năm đầu của đại hạn sang cung chính chiếu là năm kết lụi một cung theo chiều nghịch là năm nữa rồi trở lại chiều thuận cứ mỗi cung một năm, các cung vào năm kế tiếp nhau đến lúc hết các năm của đại hạn.

Thí dụ 1 cho người dương nam âm nữ thủy nhị cục. Đại hạn 22 ở ngọ thì lưu đại hạn 22 ở ngọ, 23 ở tí, 24 ở hợi, 25 ở tị, 26 ở sửu, 27 ở dần, 28 ở mão, 29 ở thìn, 30 ở ty, 31 ở ngọ.

Thí dụ 2 cho người dương nam âm nữ thủy nhị cục. Đại hạn 42 ở dậu thì 43 ở mão, 44 ở thìn, 45 ở mão, 46 ở dần, 47 ở sửu, 48 ở tị, 49 ở hợi, 50 ở tuất, 51 ở dậu. Như vậy muốn đoán vận hạn của người vừa kể vào năm 44 tuổi phải xem gốc đại hạn ở dậu, lưu đại hạn ở thìn (44 tuổi) và cung của tiểu hạn, 2 yếu tố kết hợp nhau mà đoán.

Cung tiểu hạn ghi những biến cố xảy ra trong năm, địa chi của năm có ghi ở mỗi cung (tí sửu dần mão...) đoán vận hạn trong năm phải tùy theo các cung gốc : mạng thân tài bạch quan lộc phú đức.

Như đại hạn mà thật tốt về công danh nhưng xem các cung mạng quan lộc không thấy có báo hiệu công danh tốt. Đại hạn không phải là đại hạn công danh thì công danh trong năm tiểu hạn cũng khó khăn hoặc chỉ có công danh trong năm tiểu hạn cũng khó khăn hoặc chỉ có công danh nhỏ. Ngược lại thấy tiểu hạn xấu nhưng đại hạn tốt đẹp, lưu đại hạn tốt đẹp thì cũng

không có gì đáng lo ngại bởi vì đại hạn là nền gốc. Xem tiểu hạn cũng phải xem cung chính và 3 cung chiếu.

Cung nguyệt hạn : là để xem cho từng tháng. Dĩ nhiên nguyệt hạn cũng phải bắt đầu từ tiểu hạn. Tiểu hạn tốt thì nguyệt hạn xấu cũng không đáng lo. Còn tiểu hạn mà xấu dù nguyệt hạn có đẹp cũng không có nghĩa là đẹp nhiều vì gốc chính cũng đã xấu rồi. Có 3 cách tính nguyệt hạn :

Cách thứ nhất : khởi từ cung tiểu hạn kể là từ tháng giêng đếm theo chiều nghịch đến tháng sinh bắt đầu từ đó kể là tí, theo chiều thuận tính giờ sinh lại bắt đầu từ đấy kể là tháng 1, tháng 2...

Cách thứ hai : khởi từ cung tiểu hạn đếm theo chiều thuận từ tháng giêng đến tháng sinh rồi từ đó giờ tí vẫn đếm theo chiều thuận đến giờ sinh kể từ đó là tháng giêng (cung nguyệt hạn tháng giêng) đếm tiếp là tháng 2 tháng 3 tháng 4 tháng 5...

Cách thứ ba : cung tiểu hạn kể là tháng giêng rồi cứ theo chiều xuôi mà kể các cung sau là các tháng kế tiếp.

Xem nguyệt hạn cũng xem cung chính và 3 cung chiếu.

Y nghĩa cách ấn định các cung nguyệt hạn : tại sao có 3 cách ấn định cung nguyệt hạn. Đó là do kinh nghiệm của mọi người. Như trọn cách nào thì cứ theo cách đó mà thu thập kinh nghiệm trong cách đó. Cách thứ nhất được nhiều người sử dụng, có lẽ nên chọn cách thứ nhất mà áp dụng.

Cung nhật hạn : xem đến tháng rồi có thể tính xem đến ngày. Như tháng 5 năm sửu chẳng hạn thì cách thứ nhất tính nguyệt hạn, tính tháng 5 ở cung tí, lấy cung tí là mùng một, cứ thế theo chiều thuận mà tính đi mỗi ngày một cung. Xem nhật hạn cũng xem đủ cung chính và 3 cung chiếu.

Xem thời hạn (giờ) : còn có thể tính đến giờ xảy ra và biến cố đến ngày nào đó gọi là giờ tí rồi cứ thế theo chiều thuận mà tính mỗi cung một giờ. Như vậy ngày mùng chín tháng năm năm sửu giờ tí ở cung thân. Xem giờ thì gọi cung thân là giờ tí rồi cứ tính tiếp theo chiều thuận.

Ảnh hưởng các sao lưu : các sao lưu động hàng năm, gồm các sao lưu thái tuế, lưu tang môn, lưu bạch hổ, lưu thiên hỷ, lưu thiên khốc, lưu lộc tồn, lưu kinh dương, lưu thiên mã. Tùy theo vị trí những sao đó và những cách mà các sao đó gặp mà thêm tốt hay thêm xấu cho tiểu hạn.

***** HẾT TẬP I*****

TỬ VI NHẬP MÔN TÒAN KHOA

TẬP 3

TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC SAO (nhất là chính tinh)

Tại mệnh thân và đại tiểu hạn : nhiều khi đại tiểu hạn thật tốt cũng chưa chắc là tốt. Có người có tử phủ vũ tướng hội tả hữu thai tọa khôi việt khoa quyền lộc ở đại hạn mà vẫn lận đận bất mãn chỉ vì mệnh thân có phá quân không kiếp kinh đà. Nhóm sao này thuộc loại dữ dần thủ đoạn lưu manh không dung hòa được với nhóm sao thuộc loại quân tử. Phải chi đại hạn có hỏa tinh thất sát dễ thành công hơn tuy rằng trước nhân quang của thiên hạ kẻ đó thật là đáng khinh.

Trong trường hợp không cần đến sự ngang hàng cân xứng gồm các sao mà cần đến sự cân ứng cho đủ bộ hoặc đủ năng lực của nhóm sao. Ví dụ mệnh có bạch hổ hoa cái thì khi tiểu hạn có long trì phượng các sẽ tạo thành bộ tứ linh (long phượng hổ cái) và như thế trong đại tiểu hạn đó tương đối dễ hoạt động dễ thành công hiển hách nếu lại có thêm một cách tốt khác nữa như khoa quyền lộc. Mệnh có tử phủ (dần thân) tức là cách tử phủ vũ tướng chiếu mệnh thì đại tiểu hạn nên có khôi việt tả hữu xương khúc khoa quyền lộc để tạo thành triều đình riêng. Trường hợp mệnh có sát phá tham vũ thì nên không kiếp miếu ở tỵ hợi hoặc kinh đà cũng phải miếu vượng hỗ trợ mới hay chứ khôi việt thai tọa nhập hạn kể như vô ích nhiều khi còn gây trở ngại. Nếu mệnh có hỏa linh khi gặp đại tiểu hạn có thiên việt thiên hình dễ bị nạn lửa điện hoặc nạn sét đánh có nguy hại đến tính mạng hay không còn tùy yếu tố khác. Nếu mạng có tang hổ thiên mã mà gặp đại tiểu hao nhất là ở cung giải ách có khốc hư không kiếp hỏa linh thì dễ sinh chứng ho hen đàm suyễn hoặc ho lao.

Nhiều khi trong đại tiểu hạn có nhiều sao tốt hợp với các sao ở mệnh nữa mà không thấy được hạnh thông cũng chỉ vì thiếu một sao nào đó trong đại tiểu hạn khiến cho nhóm sao liên hệ chưa có thể thúc nhích được. Thí dụ có khoa quyền nhưng thiếu hóa lộc, có văn xương lại vắng văn khúc, có thiên khôi lại tìm không ra thiên việt hoặc có sát phá tham lại thiếu liêm trinh hay vũ khúc. Do đó có cảnh xã hội người thỏa mãn về công danh lại than văn tiền tài thiếu thốn, người có tiền lại buồn về hạnh phúc gia đình cũng chỉ vì nhóm sao liên hệ, có nhóm không hoặc chưa đủ bộ (về cung mạng cũng như đại tiểu hạn). Khi thấy nhóm sao nào tạm cho là tương xứng với sao thiếu khả dĩ giúp cho đám sao đó đủ bộ được. Thí dụ có khoa quyền mà thiếu hóa lộc thì có thể tạm xét đến lộc tồn, nếu có long trì mới nên chuyển lại kiếm không ra thì phải dùng đến thanh long thế vào. Hoặc khi thiếu địa kiếp mà có kiếp sát thì chuyển hung tất nhiên, nhiều khi dùng gượng như vậy thì cũng không đúng mức cho vận hạn (đại tiểu hạn) về cả 2 phương diện tốt cũng như xấu.

QUÂN BÌNH GIỮA MỆNH THÂN VÀ ĐẠI TIỂU HẠN

Nhiều khi gặp đại tiểu hạn nhất là đại tiểu hạn trùng phùng rất tốt đẹp và hợp với các sao tại mệnh thân mà tại sao vẫn khốn khổ và có khi còn mạng vong nữa. Thí dụ một đứa trẻ ở một gia đình nghèo thường ăn uống kham khổ năm này qua năm khác, bất ngờ cha mẹ nó trở nên giàu sang và vì thương con nên ngày nào cũng cho ăn đủ món cao lương mỹ vị lại thêm đủ các thứ thuốc bổ, chỉ một thời gian ngắn sau đứa trẻ sẽ đau ốm và có khi chết vì được tắm bổ quá mức cơ thể nó không hấp thụ nổi. Về tử vi cũng vậy khi mệnh mình quá kém quá yếu như cự đồng hãm địa ngộ song hao hỏa linh không kiếp mà hạn gặp sát phá liêm thanh hội khoa

quyền lộc, tứ linh, tả hữu, xương khúc thì đừng nên ham vì như thế sức mình tiêu nhận không nổi có khi đâm ra chết yểu hoặc quá vất vả không khác gì đưa ngay một người đập xích lô làm tổng trưởng chỉ huy cả về phương diện nhân sự lẫn chuyên môn. Ta không thể ngại biện là có người nghèo nàn trở nên giàu sang để cho rằng gặp hạn tốt vẫn cứ lên như điều. Nhưng về tử vi có điều khó là làm sao ta tìm được mệnh thân có thể dung nạp nổi đại tiểu hạn không vì có trường hợp đại tiểu hạn tốt vẫn dùng được nhưng có đại tiểu hạn quá tốt thì trở nên nguy hại.

Quân bình của các sao nhập hạn với các sao thủ mệnh và thân :

Thường thường khi xem tử vi ta hay ngại khía cạnh ngũ hành của các sao nhập hạn, nhất là các chính tinh khắc với mệnh nhưng như thế nhiều khi cũng tai hại vì như trường hợp mạng hỏa và các sao tọa thủ tại mệnh hầu hết thuộc hỏa cả thì khi gặp đại tiểu hạn mà có nhiều sao thủy kể cả trung tinh lẫn bàng tinh là hạnh thông vì đó là tượng trưng cho cách lưỡng nghi nhưng với điều kiện là các sao thủy đừng trội hơn các sao hỏa tại mệnh (đương nhiên phải đếm sao). Ngoài ra còn trường hợp nhiều sao nhập hạn sinh mệnh quá cũng chưa hẳn là hay nếu không được một yếu tố ngũ hành khác hỗ trợ. Thí dụ mạng thủy đi đến cung kim lại gặp thật nhiều sao kim thì vẫn vô dụng vì kim tự nhiên đâu có thành ra nước mà phải cần có yếu tố nhiều sao hỏa (thái dương hỏa linh không kiếp thiên không) để làm (khắc) khối kim chảy thành nước. Cũng trong trường hợp này người mạng mộc gặp nhiều sao kim cũng chẳng sao vì kim đã bị chảy thành nước không còn chút nào cứng để mà khắc mộc.

Xem họa phước đại hạn 10 năm : nếu ở cung đại hạn các sao đều là cát tinh miếu vượng Đắc Địa không bị kinh đà không kiếp hỏa linh thì chủ về 10 năm được yên tĩnh nhàn hạ toàn mỹ. Nếu trong hạn có không kiếp kinh đà hỏa linh thì sự thành bại bất nhất. Gặp đại hạn tương xuất có nhiều cát tinh ắt không gặp tai nạn.

Đại hạn đi đến các cung dần thân ty Hợi hoặc tí Ngọ gặp tử vi thiên phủ thiên tướng nhật nguyệt xương khúc lộc tồn thì được nhân tài hưng vượng thiên định vui vẻ. Đại hạn đi đến cung thìn tuất Sửu Mùi, Mão Dậu gặp ác sát tinh như liêm trinh, thiên sứ, hỏa linh, kinh đà, không kiếp chủ về người ly tán, tử sắc hôn mê, nghèo khổ, sinh ly tử biệt. Nếu gặp xương khúc tả thì chức phận lên cao, sinh thêm con cái, làm ăn phát tài, đàn bà gặp hy sự.

Phạm đại tiểu hạn chỉ sợ đến chỗ thái tuế gặp thương sứ hay không kiếp giáp, sợ đi đến cung kinh đà xung chiếu ắt gặp hung họa, lại cũng sợ thương sứ đương đà kiếp không đều giáp. Như năm ở cung Sửu, thiên sứ ở cung dần là giáp vậy. Sao kinh đà thủ chiếu mệnh còn là vô dụng hướng chi là giáp, nếu gặp như vậy thì xem thọ tinh như thiên đồng tử vi thiên lương tham lang thì có thể giải cứu được, lại xem nhật nguyệt có bị ác sát tinh chiếu hợp đại tiểu hạn tháng năm ngày giờ xem các hung tinh cân nhắc xấu tốt mà đoán.

Thái tuế đi đến cung có tướng quân trực phù thiên thương thiên sứ kinh đà hỏa linh không kiếp, kỵ gặp 1, 2 sao ấy thì chủ sự ly tán tài tán bệnh hoạn là triệu chứng hung hại lo buồn.

Nếu năm hạn gặp nhiều sao phạm kể trên như nhật nguyệt gặp một hai hung tinh kể trên gặp thêm hóa kỵ nữa thì thường dân lười thôi, người bệnh gặp nguy kịch, đàn bà sẩy thai. Nếu có ác sát tinh lại lạc hãm thù tai ương tác họa đến nhanh như vũ bão. Nếu đại tiểu hạn không có cát tinh, mệnh không có cứu tinh thì chắc chết.

LIÊN HỆ GIỮA ĐẠI VÀ TIỂU HẠN

Nếu đại hạn 10 năm rực rỡ tốt đẹp mà gặp tiểu hạn xấu cũng không đáng quan tâm vì cái tốt của đại hạn 10 năm đã giải cứu cho tiểu hạn xấu của năm ấy một phần lớn.

Nếu đại hạn 10 năm xấu mà gặp tiểu hạn tốt cũng bị chiết giảm đi khá nhiều. Cũng như tiểu hạn 1 năm tốt mà lưu nguyệt hạn gặp tháng xấu cũng chẳng đáng ngại. Trái lại tiểu hạn xấu mà lưu nguyệt hạn gặp tháng tốt cũng không được lợi mấy.

Liên hệ giữa mạng và năm tuổi : khi xem đại hạn hay tiểu hạn mà gặp năm tuổi căn cứ vào vòng thiên bàn bên trong địa bàn. Ví dụ 49 tuổi là năm cung tuổi của mình vậy phải coi xem năm ấy có những sao gì. Nếu gặp cát tinh hội hợp hay hung tinh đắc cách thì phải tốt hơn những năm tốt khác. Nhất là đại tiểu hạn trùng phùng thì tốt hay xấu gia tăng kinh khủng. Thí dụ cung thìn mà đại tiểu hạn cùng về cung thìn trên địa bàn.

Hạn chết : tìm trong các đại hạn của đương số đại hạn nào xung khắc tuổi nhất và các hung tinh hãm địa nhiều nhất để cân nhắc thật kỹ đại hạn ấy rồi sau mới tìm đến tiểu hạn.

Tiểu hạn nào bị coi là xấu nhất mờ ám nhất trong vòng đại hạn đó được coi là vào năm đó về với ông bà ông vải.

Khi hết tiểu hạn rồi phải lưu nguyệt hạn để xem tháng và lưu nhật hạn để tìm ngày. Khi lưu nên chú trọng vào ngày tháng nào khắc với tuổi của người xem số thì sự đoán mới xác thực.

Khi biết đại hạn chết muốn tìm hiểu hạn phải căn cứ ở thiên bàn (vòng bên trong) tính tuổi khi đến giáp nào gặp tuổi ở đại hạn xấu thì phải tính tiếp từ đó từng năm lẻ. Đến cung nào gặp phải kinh đà cự kỵ kiếp sát thiên không thì phải chú ý lưu niên thái tuế và xem kỹ đến các trung tinh tả hữu hồng đào vì tả hữu hồng đào về già gặp rất xấu, cứ thế xem thật kỹ. Sau đó đến lưu nhật và lưu nguyệt đến cung xấu ấy thì thấy rõ thời gian chết.

XEM LƯU NIÊN VẬN HÀNH

Đại tiểu hạn : khi xem một lá số nên xem các cung mệnh tài quan hợp lại xem được bộ sao nào. Xem chính tinh thủ mệnh và thân hợp với hành của bốn mạng là tốt, khắc hành của bốn mạng và thân là xấu.

Xem các chính tinh thủ mệnh tài quan được cách nào. Thí dụ cách tử phủ vũ tướng cách sát phá liên tham, cách cơ nguyệt đồng lương hay cách cự nhật để khi xem đại hạn hay xem tiểu hạn thì hạn ấy có cách gì mới tính ra được mức độ tốt xấu của lá số.

Đại hạn là 10 năm và tiểu hạn là 1 năm. Sự ứng hợp các cách với vận hành sinh khắc. Nên phân biệt mệnh tài quan có tử phủ vũ tướng gặp không kiếp thì tối kỵ.

Mệnh có nhật nguyệt tối kỵ kinh đà.

Mệnh tài quan có sát phá tham tối kỵ tuần triệt.

Mệnh tài quan có cơ nguyệt đồng lương kỵ hỏa linh.

Các bộ tứ hung tứ sát lục bại cần phải xét xem ở cung miếu vượng hay hãm địa để phân định mức tốt xấu.

Bộ tử phủ vũ tướng hợp với người mạng thổ đến những năm giáp kỷ thì tốt về tài lộc.

Bộ nhật nguyệt gặp năm canh đinh cũng rất tốt.

Bộ cơ nguyệt đồng lương hạn đến năm bính đinh thì thăng tiến. Còn bộ cự nhật dần thân thì hạn đến năm canh năm tân thì tiến triển.

Hạn hành các cung và sao : xem cung hạn có khắc chế hành của mạng không ? Ví dụ mạng hỏa đi đến cung thủy là xấu vì thủy khắc hỏa. Các sao cư ở các cung cũng rất cần xét về ngũ hành xem có được phù trợ tương sinh với các cung không. Ví như sao kim mà cư cung hỏa là xấu (kim bị hỏa thiêu cháy), sao hỏa cư cung thủy, sao thủy cư cung thổ, sao thổ cư cung mộc, sao mộc cư cung kim.

Tương quan ngũ hành cung và sao : nếu không được sự tương đồng một hành với cung thì cũng nên được hành cung sinh cho sao. Ví như sao kim cư cung thổ vì thổ sinh kim, sao mộc cư cung

thủy, sao thủy cư cung kim, sao hỏa cư cung mộc, sao thổ cư cung hỏa, như vậy là có sự tương sinh.

Người âm nam dương nữ gặp nhóm bắc đẩu tinh thì ứng hợp 5 năm đầu đối với đại hạn và 6 tháng trước đối với tiểu hạn.

Người dương nam âm nữ gặp nhóm bắc đẩu tinh thì ứng hợp 5 năm sau đối với đại hạn và 6 tháng cuối đối với tiểu hạn.

Mệnh thân được các sao cư chiếu tốt gặp hạn xấu cũng ít phải lo ngại. Nhưng nếu mệnh thân đã gặp các hung tinh cư chiếu đẩu hạn gặp thêm hung sát tinh và 3 vòng thái tuế lộc tồn tràng sinh thấy các sao xấu của 3 vòng này hội thêm vào hạn hung nữa thì phải đề phòng những tai ương sắp xảy ra.

Phép lưu hạn hành hung cát : muốn biết hạn hành hung cát ra sao phải biết an các sao thuộc nhóm phi tinh :

Vòng thái tuế gồm có thái tuế (mộc) và tiền hậu thái tuế là 2 sao thiên không (hỏa) và trực phù (hỏa).

Vòng lộc tồn có lộc tồn thuộc thổ kèm 2 bên lộc tồn là kinh dương và đà la thuộc kim.

Vòng tràng sinh thì tràng sinh thuộc thủy.

Thiên mã là dịch mã để chỉ sự gặp gỡ thay đổi.

Khôi việt chỉ phương vị quý nhân và gặp được quý nhân giúp đỡ.

Khốc hư chỉ tang tóc.

Lưu tiểu hạn 1 năm : thái tuế tùy theo năm hiện hành, năm nào an thái tuế vào cung đó, tiếp tục theo chiều thuận an 11 sao của vòng thái tuế và thiên không trước trực phù sau thái tuế.

An lộc tồn theo can của năm hiện hành, xét hành can âm hay dương để an thuận nghịch và an luôn 2 sao kinh đà sau khi đã an xong 11 sao còn lại của vòng lộc tồn.

Vòng tràng sinh cũng an tùy theo can hiện hành của hạn, xét xem nếu can thuộc dương thì an thuận vòng, nếu can thuộc âm sẽ an khởi từ tí ngọ mao dậu và khởi nghịch rồi tiếp tục an 11 sao còn lại của vòng tràng sinh.

Vòng tràng sinh là chủ sự lưu niên vận hành và thành sinh đại diện cho toàn thể trong gia đình, người thân thiết, con trai con gái, từ trưởng đến út, hên xui, vận hạn ra sao. Nếu thiếu vòng tràng sinh thì không biết được gia đình sẽ gặp tai nạn hay hạnh phúc.

An thiên mã tùy theo tam hợp năm hiện hành. An khôi việt tùy theo hàng can của năm lưu hạn. An khốc hư cũng khởi từ cung ngọ là tí, tính nghịch đến năm tiểu hạn sẽ biết lưu khốc ở cung nào và cũng từ ngọ là tí tính thuận đến năm tiểu hạn cũng biết lưu hư ở cung nào. Cách lưu niên cũng như cách an chỉ khác là khi an thì tính năm sinh còn khi lưu thì tính năm tiểu hạn đang xem số.

Khi lưu về năm tiểu hạn mà gặp 2 sao khốc hư xấu có thêm hung tinh thì năm ấy tai họa tang tóc triển miên.

Sau khi an lưu các phi tinh rồi hợp lại mà xét đơn thuần các sao phi tinh thuộc cung xung chiếu và tam hợp.

Cách 1 : có hỷ thần đế vượng thai là có tin vui gia đình, có hỷ sự thiên định và thăng tiến.

Cách 2 : có tuế phá thiên mã đà la quan phủ tang môn là có khẩu thiệt kiện tụng rắc rối thất bại còn tùy ở các số ở lá số đã lập thành tổng hợp lại để quyết đoán.

Lưu hạn thái tuế : xem cung đại hạn tốt xấu ra làm sao, cung tiểu hạn cũng xấu tốt thế nào, sao thái tuế ở cung nào tốt xấu ra sao. Nếu nhị hạn (đại tiểu hạn) đều gặp hung sát tinh thì rất xấu. Lại xem đại tiểu hạn gặp nhau tốt xấu ra làm sao, xung kinh đà tốt xấu ra làm sao rồi mới tính được tốt xấu của đại tiểu hạn đó.

Lưu niên thái tuế : xem lưu niên thái tuế thì xem 3 phương đối chiếu có sao tốt xấu thế nào. Thái tuế ở cung mệnh thì sự họa phúc lại hơn ở các cung khác. Như thái tuế an tại mệnh ở tí, tuổi cũng là tí lại là người sinh năm giáp gặp cát tinh thì tốt, gặp hung tinh thì xấu.

Thái tuế cũng gọi là tuế quân thuộc hỏa gọi là lưu niên thái tuế tinh quân, hội với hung tinh thì không nên gặp hóa kỵ, nếu gặp ắt bị thương tổn về người trong nhà. Hai hạn tương xung lại gặp xương khúc tả hữu khôi việt cát tinh cứu trợ thì tai nạn ít chỉ nên đề phòng súc vật nuôi trong nhà mất hay chết. Nếu gặp không kiếp kinh đà hỏa linh thương sứ ắt lo chuyện tài phá thân vong. Đàn bà gặp hạn này thì dễ khó mà có khi nguy đến tính mạng, có cứu được cũng bị nhiều sự nguy hại. Gặp sao thái tuế trong hạn ít khi đương nổi ảnh hưởng của nó trong hạn, làm công việc cần phải suy tính kỹ càng. Nếu không có cát tinh cứu trợ ít khi tránh được tai ách.

NHẬN ĐỊNH ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC SAO LƯU

Khi xem vận hạn phải xem gốc đại hạn 10 năm, lưu đại hạn 1 năm và lưu niên tiểu hạn và xem đến ảnh hưởng của các sao lưu động vận hành trên các cung tùy theo từng năm xem hạn. Nhưng sự lưu động đó đã nói nhiều ở các chương trên : thái tuế tang môn bạch hổ thiên khốc thiên hư lộc tồn kinh dương đà la và thiên mã. Trong địa bàn lá số cũng đã có an những sao ở trên rồi nhưng đó là những sao cố định. Khi xem hạn một năm phải áp dụng cách tìm các sao lưu động. Để khỏi nhầm với những sao cố định mỗi sao lưu động nên đánh dấu thêm chữ lưu hay chữ L.

+ Lưu thái tuế : tiểu hạn năm nào thì lưu thái tuế tại cung có tên của năm đó theo thứ tự của 12 chi. Thí dụ : tiểu hạn năm dần thì có lưu thái tuế tại cung dần, lưu thái tuế tại cung nào thì chú ý đến cung đó. Mọi sự trong năm hay dở, xem hạn đều có liên quan mật thiết đến cung có lưu thái tuế. Thí dụ lưu thái tuế tại cung dần cũng là cung quan lộc, vậy trong năm dần những dự hay dở xảy ra đều có liên hệ đến công danh sự nghiệp hay công việc làm ăn. Lưu thái tuế gặp nhiều sao sáng sửa đẹp đẽ thì hạn tốt đẹp may mắn, nếu gặp nhiều sao xấu mờ ám thì hạn xấu.

+ Lưu tang môn bạch hổ : lưu thái tuế tại cung nào thì cách cung thái tuế 1 cung theo chiều thuận thì lưu tang môn ; lưu thái tuế tại dần thì lưu tang môn tại thìn và lưu bạch hổ tại cung xung chiếu với lưu tang môn (xung chiếu thìn là tuất). Nơi lưu tang môn lưu bạch hổ gặp nhiều sát tinh hay bại tinh thì trong hạn sẽ gặp nhiều sự chẳng lành như ốm đau tang tóc. Nguy hiểm nhất là lưu tang môn gặp tang môn cố định hay lưu bạch hổ gặp bạch hổ cố định đồng cung. Gặp trường hợp này nếu gốc đại hạn xấu và không gặp sao giải lại mà gặp thêm nhiều sao xấu (sát bại tinh), tiểu hạn cũng xấu nếu không gặp sao giải thì tất ồm nặng có thể đi đến chỗ mạng vong.

+ Lưu khốc hư : 2 sao lưu thiên khốc và lưu thiên hư gặp nhiều sát tinh và bại tinh (thường gây bệnh tật ốm đau phiền não). Cũng như lưu tang môn lưu bạch hổ nguy hiểm nhất là lưu thiên khốc lại gặp thiên khốc đồng cung, lưu thiên hư lại gặp thiên hư cố định đồng cung thì khó tránh bệnh nan y hay tai ương bất ngờ nếu không gặp nhiều sao tốt đẹp cứu giải.

+ Lưu lộc tồn kinh dương đà la : nếu lưu lộc tồn gặp nhiều quý tinh quyền tinh sáng sửa đẹp đẽ hội hợp nhất là lộc tồn và thiên mã cố định thì mọi sự trong hạn đều hưng vượng hạnh thông nhưng nếu gặp nhiều sát tinh và bại tinh như không kiếp song hao thì gặp nhiều bất mãn phiền muộn, hao tán tiền bạc. Nếu lưu kinh dương và đà la gặp kinh dương và đà la cố định đồng cung thì khó tránh được những tai nạn khủng khiếp. Đáng ngại nhất là lưu kinh dương hay lưu

đà la gặp nhiều sát tinh hay bại tinh cũng gặp tai họa trong hạn nếu không gặp cát tinh cứu giải.

+ Lưu thiên mã : lưu thiên mã tại cung nào thì trong hạn có sự di chuyển thay đổi liên hệ đến cung đó. Thí dụ tiểu hạn năm dần lưu thiên mã tại cung thân là cung phối (phu thê). Vậy trong năm dần có sự di chuyển duyên duyên hay thay đổi nghề nghiệp đều có liên quan đến vợ hay chồng.

Ý NGHĨA CÁC SAO NHẬP HẠN

Nguyên tắc để giải đoán đại hạn và tiểu hạn : trước hết xem cung hạn hợp hay trái âm dương với mạng không. Các chính tinh tại hạn phải cùng nhóm với chính tinh tại mạng mới tốt (nhóm tử phủ đi với tử phủ, cự nhật đi với cự nhật).

Những thiên can của năm xem hạn hợp hay phá nhau với thiên can của năm sinh.

Những sao nhập hạn tức là những cách gặp sao nào tại hạn hoặc chính tinh trung tinh gặp nhau thì tạo nên những ảnh hưởng nào đó và những qui định về hạn tam tai.

Ac tinh (miếu) + quang quý tướng ấn : thi đậu.

Ac tinh (miếu) + đào hồng tả hữu khôi việt : thi đậu.

Ac tinh (miếu) + long phượng khúc xương tam hóa : thi đậu.

Ac tinh (hãm) + hổ tang điếu kinh đà : có tang.

Ac tinh (hãm) + riêu hình kinh đà tang hổ : tai nạn nặng hay tù.

Ac tinh (hãm) + hình riêu hao hổ tang : hạn chết hay tù nặng.

Ac tinh + thất sát quan đới phá toái : hạn tự vẫn.

An phá tướng quân : bị ám hại.

An quang thiên quý : hạn tốt.

Quang quý sửu mùi : trừ hung, thi đậu.

Quang quý thanh long thiên việt hoa cái hồng loan : hạn tốt.

Ac tinh hình riêu toái bình kiếp sát nhị hao : có tang bị cướp hay bị tù.

Bạch hổ tang đại hao : có tang.

Bạch hổ tang không kiếp tuế ở la vông : hạn nặng sông nước.

Bạch hổ tang môn nhị hao phủ tướng : có tang.

Bạch hổ tang môn nhị hao cơ nguyệt đồng lương : đại tang.

Bạch hổ kinh dương thiên hình : té gãy xương.

Bạch hổ ngộ khốc hư : có tang hay chó cắn.

Bệnh phù hổ linh hỏa tang tuế : đau ốm hay có tang.

Bình kỵ không kiếp : tranh tụng.

Bạch hổ tang môn riêu hình song hao : hạn tù nặng.

Cơ cự kỵ kinh đà không kiếp trực phù : hạn nặng về sông nước.

Nhiều cát tinh ngộ kỵ : phát lớn trước, sau cũng sôi hồng bổng không.

Cái kinh đà : lên ban đỏ hay lên trái.

Cái kinh địa kiếp : lên ban hoặc bị đánh.

Cô quả hỏa linh nhật nguyệt : hạn đau hay hư mắt.

Cơ hãm ngộ hình : hạn đau ốm.

Cơ kỵ thương sử : hạn bị đánh.

Cơ nguyệt đồng lương không kiếp : hạn nặng có tật, tang.

Cơ kỵ kinh đà kiếp sát thiên không : có thể chết.

Cơ lương tang tuế sử : hạn nặng tai nạn nguy hiểm.

Cơ nguyệt đồng lương gặp 2 – 4 sát tinh hãm : hạn nặng.
 Cơ lộc mã loan vũ khúc : hạn thành hôn.
 Cơ khốc (hư) tang : hạn đau ốm.
 Cơ cự kinh hỏa thương sứ : đau ốm có tang.
 Cơ cự nhị hao miếu : thành công thành tài.
 Cơ kỵ tứ sát (4 sát tinh) thiên không : hạn chết.
 Cơ thương : hạn đau ốm hay đánh nhau.
 Cự đồng ở tứ mộ : chậm vợ chồng con cái.
 Cự đồng : thay đổi chỗ ở canh cải công việc.
 Cự lộc tồn : cát xử tàng hung, hạn nặng.
 Cự đồng toái kiếp sát : hạn tán tài hay bị trộm cướp.
 Cự kỵ hồng : duyên tình lỡ làng.
 Cự quyền : đến hạn được phục hồi.
 Cự kinh hình linh hỏa : bị méo miệng.
 Riêu hình hổ tuế : bị tù.
 Riêu hình đấu : bị lửa.
 Riêu kỵ không kiếp gặp nhật nguyệt hội tuần triệt : hạn đau mất nặng nhưng qua khỏi.
 Riêu kỵ tham : hạn sông nước.
 Riêu phá toái : đau ốm cãi cọ.
 Riêu hình : bị đau ốm lở gẻ.
 Kinh đà hổ tuế đấu hình : hạn tù.
 Kinh đà hao kinh kỵ không tuế gặp triệt ở tuất : có tang hay có kiện cáo nhưng không có việc gì.
 Kinh đà hỏa kỵ : đau ốm hay có tang hoặc tù.
 Kinh đà kiếp sát : bị trộm cướp.
 Kinh đà hình kỵ kiếp : ốm nặng.
 Kinh đà kỵ lộc mã nhật nguyệt : đau mất.
 Kinh đà hỏa linh liên tham ty hội : hạn tù và bị đối.
 Kinh đà mã : bốn ba thay đổi chỗ ở.
 Kinh đà ty hội : có chuyện buồn.
 Kinh đà không kiếp tang : hạn có tang.
 Kinh đà địa kiếp : hạn đau thương.
 Kinh kỵ nhật : mất đau hay cha ốm nặng.
 Kinh đà phá tuế : bị kiện cáo.
 Không kiếp hay kỵ gặp đào hoa như hoa bị bùn.
 Đào tồn thiên không : về già gặp hạn là chết.
 Đấu quân : bị lường gạt.
 Đấu hình hổ tuế : bị tù.
 Đào hồng lộc long phượng phủ vũ (miếu) tài lộc vượng bền.
 Đã Đắc Địa + hỏa linh chiếu : mắc tai vạ.
 Đà mã thay đổi chỗ ở, nay đây mai đó.
 Đà đào hồng không kiếp hỏa linh : hạn chết non.
 Đà kỵ thiên không nhật nguyệt : có tang.
 Điều khách quan phủ : hạn cãi nhau.
 Điều tang tuế : té ngã tai nạn xe cộ.

Điều tang hỏa linh tử phủ vũ tướng : có tang hoặc bị giáng chức.
 Địa kiếp ngộ tử vi : đau ốm hoặc bị lừa.
 Địa kiếp hồng loan : có tang hay hôn nhân trắc trở.
 Thiên đức nguyệt đức : hạn tốt trừ hung.
 Hao ngộ thiên không : hạn đói và chết nếu không có sao giải.
 Hao ngộ hình song kiếp : ốm đau tán tài.
 Hao ngộ phá quan : tán tài.
 Nhị hao ngộ tham lang : trắc trở tình yêu hoặc tán tài.
 Hao quyền không kiếp : bị gièm pha.
 Hổ tang hình : bị chó cắn.
 Hỏa mộc dục tang môn : hạn bị phỏng hay cháy nhà.
 Hỏa liêm phá : bị tán tài hay bị tù.
 Hỏa linh (tỵ hội sửu mùi) : bị lừa.
 Hỏa linh (thìn tuất sửu mùi) + tham lang hoạn phát danh tài.
 Hồng đào tham : gặp gỡ người yêu thành gia thất, thi cử dễ dàng.
 Hổ phục binh tham lang ở dần tuất : bị thú vật cắn.
 Hóa kỵ riêu tham lang : hay bị tai nạn về sông nước, nếu thêm đà là mở mồm nói bị người ta ghét.
 Song hao tham : buồn vì tiền, thất vọng vì tình.
 Hóa kỵ thiên lương tham lang : gỗ hay đá rơi vào người gây thương tích.
 Hóa kỵ thiên cơ tham : bị tai nạn máy móc.
 Hồng hỷ long trì tham : bị tai nạn bất ngờ.
 Kỵ hình kiếp : mắc tai nạn về súng đạn hay bị mổ xẻ.
 Kỵ phá kinh : đánh nhau bị thương.
 Kỵ sát đà : đau nặng, đi xa bị nạn bị nhục nhã.
 Kỵ hao mộc : bệnh phải mổ.
 Kỵ tấu : thừa kiện.
 Kỵ đà hổ bị tai nạn khủng khiếp do tai nạn xe cộ gây ra.
 Kỵ đà riêu nhật nguyệt mất mờ.
 Kinh không kiếp : rất xấu, tật bệnh, mất của, bị lừa đảo, nếu thêm hình hay tuần triệt thì khó tránh yếu tử.
 Kiếp hình kỵ lưu hà : bị rình rập ám sát đâm chém.
 Kinh đà mã : bị đổi đến chỗ không vừa ý hay bị tai nạn ở chân tay.
 Kinh hình : hạn bị đánh đập.
 Kinh tuế : thừa kiện.
 Kinh hỏa linh : tranh chấp ẩu đả hay mang bệnh bốc hỏa hoặc bệnh thần kinh.
 Kinh lực sĩ : lập được công nhưng trắc trở, bị gièm pha ganh ghét.
 Hỏa linh xương vũ nhập hạn vào đúng cung thìn : tù tội chết đuối.
 Hỏa linh hao : thua bạc, tiền của danh vọng tiêu tan.
 Hư khốc hổ tang : đau phổi ho, nếu thêm sao thủy hen suyễn, công việc không thành, đau ốm buồn phiền.
 Điều tang hình không : mất cấp, thay đổi công việc chỗ ở.
 Không kiếp quan phù : lo buồn bị kiện thưa.
 Không kiếp quyền : công danh trắc trở, bị gièm pha nói xấu.
 Không kiếp sát : bị trộm rình nhà.

Không kiếp sát tuế phục hao kinh đà : tính mạng khó an toàn nếu đại hạn xấu hoặc trái ngũ hành.

Không kiếp hỏa linh kỵ tuế hao phục : bị cướp của và nguy hiểm, đại hạn xấu bị giết.

Không kiếp tả hữu : chính mình đi lừa người ta.

Không kiếp tham hao : tán tài, mọi sự bế tắc.

Không kiếp tử phủ khôi việt : tin người nên bị lừa.

Song hao : tán tài tưng thiếu.

Đại tiểu hao tham : ai oán vì tiền, thất vọng vì tình.

Đại tiểu hao ở 2 cung thương sử : bị đối kiếm không ra tiền.

Nếu gặp tử vi thiên cơ trong hạn : chết đói.

Đại tiểu hao ngộ tuyệt : phá sản.

Đại tiểu hao mộc kỵ nhập hạn năm nào thì năm đó phải mổ xẻ.

Đại tiểu hao hình kỵ kiếp : đau yếu bị mổ xẻ hoặc bị trộm cướp.

Lương hỏa : ốm đau tai vạ, làm ăn suy sụp bị kiện tụng.

Lương sát nếu gặp thêm bại tinh : khánh tận gia tài.

Hóa quyền tham vũ : uy quyền hiển hách, danh tài hưng vượng.

Hóa quyền gặp tuần triệt án ngữ trong hạn : công danh trắc trở có người phá hoại gièm pha, uy quyền bị giảm.

Hoá khoa khôi việt xương khúc : đi thi thế nào cũng đỗ.

Hỏa linh phi liêm nhập hạn : bị bệnh xung máu nhức đầu.

Bạch hổ phi liêm : phát võ.

Hình hổ phi : bị tù một cách nhanh chóng.

Kỵ riêu liêm phá phi nhập hạn thì bốn ba vất vả tự nhiên sinh ra ác tâm bất chính.

Phá hỏa hình : chết vì ác tật.

Hỷ thần phá toái : có người âm mưu phá hoại nhưng không thành.

Bệnh phá toái : đau cống họng.

Hóa kỵ tràng sinh kiếp sát thiên mã nhập hạn làm ăn buôn bán khá nhưng luôn luôn gặp trở ngại.

Hóa kỵ thiên mã tràng sinh : ruột dư hay mổ chân tay.

Mộc dục xương khúc : hạn năm nào thì năm đó sinh ra dâm dật ưa chơi bởi trai gái.

Mộc dục riêu y hoa cái đào hồng : mắc bệnh do sự dâm dục gây ra.

Mộc dục ngộ phong cáo nhập hạn : mở tiệm kim hoàn phát tài.

Đế vượng kinh đà tuần triệt : bị cản trở trong hạn đó chỉ đi lẫn trốn.

Đà kỵ linh hỏa suy : bị tai nạn tù tội hoặc bệnh hoạn.

Không kiếp có suy lại khá ăn nên làm ra.

Bệnh nhập hạn gặp sát phá tham vũ : ít bệnh tật.

Mộ nhập hạn cùng tham vũ quyền trở nên giàu có.

Mộ gặp không kiếp riêu trong hạn trở nên ngu đại bản tiện, tính việc không ra lúc nào cũng bản thân.

Mộ gặp thái dương nhập hạn chỉ cho biết bệnh nặng có thể chết.

Tuyệt nhập hạn gặp tam không hay nhật nguyệt miếu : học hành tấn tới.

Thai phong cáo : thăng quan tiến chức mở cửa tiệm.

Thai riêu cái nhập hạn năm đó thì vợ hay chồng ngoại tình.

Nữ mệnh nhập hạn thai ngộ hồng đào dễ bị mang bầu hoang, nam mệnh thì dục tình quá độ.

Thai tử phủ : đứng đắn nhưng đa dâm ngầm.

Thai riêu tướng phá phục : tình duyên rắc rối hay bị lừa vì tình.
Mã ngộ thiên hình tai nạn xe cộ trong khi di chuyển.
Mã bệnh : có bệnh ở chân tay.
Mã không kiếp : tai nạn ốm nặng nếu thêm tử phù mà không có sao tốt có thể chết trong hạn.
Hóa khoa ngộ hóa kỵ : thi cử lận đận nhưng sau cũng đậu (hay bị rớt các kỳ thi đầu).
Hóa khoa tuần hay triệt thi nhiều lần mới đậu hoặc lớn tuổi thi mới đậu.
Khúc xương nhập hạn thiên đồng tả hữu : danh tài đắc ý.
Khúc xương vũ : công danh thành đạt.
Khúc xương tuế : công danh lên như diều, nói có người nghe, viết văn thì được nổi tiếng.
Khúc xương liêm kinh đà : tai ương dồn dập.
Khúc xương kỵ tham : tai nạn nguy hiểm, đau ốm nặng.
Khúc xương thiên lương : hạn đến yếu tử. Tuổi sửu mệnh ở dần, xương khúc ở sửu mùi nếu năm hạn gặp kinh đà thất sát thì khó thọ.
Khúc xương ở ngộ hay ở sửu ngộ tham lang : phòng chết đuối.
Thiên khôi hình : hạn bị đánh, bị đao thương, có thương tích ở đầu.
Thiên khôi tuần hay triệt : bị giáng chức, tai nạn, buôn bán thua lỗ.
Cơ khôi việt tuế : hạn gặp làm lớn, đi ngoại giao có lợi.
Lộc tồn không kiếp : đau ốm mắc lừa mất của.
Lộc tồn không kiếp thái tuế : nguy hiểm, nếu cả đại hạn và tiểu hạn cùng xấu thì tính mạng lâm nguy.
Lộc tồn mộ : tiền bạc tự dưng được hưởng.
Kình hình : bị người ta đánh.
Kình tuế hay cự : bị đánh chửi kiện cáo.
Kình kiếp cái : đánh nhau gây tai họa.
Kình đà mã : đi xa thay đổi chỗ ở làm ăn dù mình không muốn.
Kình kiếp kỵ : bị đâm chém.
Kình kiếp lưu hà : bị lưu manh côn đồ sát hại, đề phòng tai nạn sông nước.
Kình linh nhập hạn tuổi nhâm kỷ : phòng chết đuối hoặc chết xa nhà.
Phá quân xương khúc khôi việt : danh tài hưng vượng, nếu gặp nhiều sao mờ ám : công danh trắc trở, nếu thân có hao ngộ kỵ thì tính mạng khó an toàn. Cùng tình trạng này nếu đại tiểu hạn trùng phùng thì cũng nguy hiểm tính mạng.
Phá liêm hòa : phá tán cơ nghiệp, có khi gặp nạn.
Phá linh hỏa việt : cẩn thận sét đánh, điện giật, tai nạn do kim khí gây ra.
Phá linh sát : bị tù.
Phá phục tướng riêu thai : đàn bà bị lừa vì ái tình, đàn ông bị mất tiền vì tình.
Phá phượng đà : bị oán trách.
Phá cô quả : bị lâm nạn dọc đường.
Phá tuế cự : cãi nhau, kiện tụng.
Thiên tướng không kiếp nhập hạn gặp rắc rối khó khăn, bị lường gạt nhưng cũng không đáng lo ngại.
Tướng kình hỏa linh tai nạn nguy hiểm đến tính mạng nếu các sao này hãm địa.
Tướng tuần triệt : bị tiểu nhân mưu hại công danh trắc trở.
Tướng phá ấn có tiểu nhân vu khống ám hại.
Vũ khúc lộc tồn hỷ loan : lấy vợ lấy chồng nhanh chóng.
Vũ tả hữu xương khúc : làm ăn khá giả, có người giúp đỡ.

Vũ tham sừ mùi âm dương đồng cự : công danh sáng lạng đắc ý.

PHÂN KẾT LUẬN VỀ HẠN : để kết luận khi xem vận hạn cần chú ý đến những điểm sau :

Liên hệ giữa đại hạn và tiểu hạn.

Liên hệ giữa tiểu hạn và nguyệt hạn.

Liên hệ giữa hạn và mệnh thân.

Liên hệ giữa bản mệnh và cung nhập hạn.

Năm kỵ của các tuổi (phần sau).

Cân nhắc vận hạn nếu có nhiều sự tương sinh là tốt.

Tại cung nhập hạn nếu được nhiều sao tốt đẹp là hay nhất, nếu quá nửa số sao bị tối hãm là xấu.

Phải chú ý đến cả các sao lưu động và ảnh hưởng của các sao đó. Ví dụ hạn 10 năm ở cung tài, hạn 1 năm ở cung quan lộc, cần chú ý trong 10 năm có sự liên hệ đến tài bạch và trong năm hạn có gì xảy ra đến công danh sự nghiệp.

Kết hợp tính chất của các sao nhập hạn, cân nhắc sự tốt xấu ra sao để quyết đoán sự may mắn tốt lành hoặc những tai ách hoạn nạn.

Hạn đến cung nào phải chú ý đến sự hay dở và những việc xảy ra trong phạm vi cung đó (tùy theo đại hạn 10 năm hay lưu niên 1 năm) thường có việc xảy đến liên quan đến tiền bạc tài lộc nếu hạn đi đến cung tài bạch.

Cần xem lại cung phúc đức mệnh thân để thêm vào sự xét đoán hạn. Nếu hạn tốt mà ở cung này xấu thì độ số tốt của hạn cũng bị chiết giảm.

NĂM KỶ CỦA CÁC TUỔI

Tuổi tí kỵ năm dần thân tí ngọ.

Tuổi sừ my năm sừ ngọ và kỵ sao thất sát.

Tuổi dần mao kỵ năm tỵ hội mao dậu.

Tuổi thìn kỵ năm thìn, kỵ cả cung thìn tuất.

Tuổi tỵ kỵ năm tỵ và hạn đến cung tỵ.

Tuổi ngọ kỵ năm sừ ngọ và sao thất sát.

Tuổi mùi kỵ năm dậu hội và sao kinh dương.

Tuổi thân kỵ năm dần ngọ và hạn hỏa linh.

Tuổi dậu kỵ năm mao dậu và 2 sao kinh đà.

Tuổi tuất hội kỵ năm thìn tuất và hạn kinh đà và hạn đến cung thìn tuất.

LUẬT TƯƠNG QUAN TƯƠNG ĐỐI TRONG TỬ VI

Nếu quan niệm năm tháng ngày giờ sinh trong một lá số để quyết định chặt chẽ từng sinh hoạt tiểu tiết và vận hạn của một người thì cuộc sống của nhân loại từ xưa đến nay ắt không có gì thay đổi tiến hóa nữa vì cứ hết 1 vòng hoa giáp 60 năm thì lại trở lại những ngày giờ sinh 60 năm về trước hoặc về sau. Thế mà cuộc sống của nhân loại thay đổi rất nhanh. Cùng một lá số tử vi có cung điền trạch thật tốt, thế hệ trước có người có cả trăm mẫu ruộng thẳng cánh cò bay, ngày nay các sự cải cách ruộng đất bất chấp các sao trong lá số tử vi trong cung điền trạch vì không còn là sở hữu chủ hàng trăm mẫu ruộng nữa. Đến đây chúng ta nhận thấy rằng vận số tử vi của mỗi cá nhân chịu ảnh hưởng tương quan của vận nước, chỉ có thể luận tương đối về số lượng mà thôi (có một cái nhà gạch to bán đi có thể đổi thành 2, 3 cái nhà nhỏ hoặc 10 cái nhà tôn).

Luận về phân lượng của sự giàu nghèo tiền tài nhà cửa địa vị cũng cần so sánh lá số của đương số với các cung phúc đức quan lộc tài bạch điền trạch của cha mẹ để có thêm một hình ảnh về phân lượng vậy thôi. Cha mẹ đã ở vào bậc tử phú, người coi có lá số trung cách thì sự giàu sang của người này cũng có hạng lắm.

Do ảnh hưởng tương quan giữa 2 cung phúc đức trong lá số cha mẹ họ hàng đã nhiều đời bần hàn mà đến đời đương số được trung bình thì sự giàu có cũng không mấy khá trong xã hội. Luận cho những người ấy nghe rằng số của họ được phong lưu trung phú thì trong 2 người ấy người nào nghe thấy xuôi tai có lý vì người nào cũng có cảm quan riêng về mức trung phú.

Quanh đi quẩn lại cũng chỉ có ngần ấy năm tháng ngày giờ sinh, mỗi con người còn chịu nhiều ảnh hưởng tương quan như gia đình, dòng dõi, xã hội, địa lý, có những đứa trẻ giỏi xuất sắc nhưng cũng có những đứa trẻ khác cũng sinh cùng ngày, cùng giờ, cùng tháng, cùng năm nhưng ở nhà suốt ngày cha mẹ lại cãi lộn thành ra thằng bé chẳng học hành gì được cả. Chính vì biết bao yếu tố tương quan như ảm phúc địa lý, dòng dõi, hoàn cảnh gia đình mà xưa nay có biết bao nhiêu người sinh cùng năm cùng tháng cùng ngày cùng giờ với Khổng Minh, Trương Lương mà chẳng có cuộc đời giống như 2 người này được.

Tử vi chỉ nói lên tính cách của cuộc đời của vận hạn chứ không có qui định phân lượng một cách tuyệt đối. Nếu không xét đến luật tương quan tương đối thì không đưa ra một chiều hướng nghiên cứu tử vi theo đúng công dụng của môn lý học Đông Phương này.

Chúng ta cần định rõ công dụng của tử vi rồi mới có thể phê phán tử vi, giá trị của tử vi được.

Nói rằng cùng ngày giờ tháng năm sinh mà vận số của 2 người còn có thể sai biệt vì biết bao yếu tố tương quan rồi lại dùng tử vi để tính đến ngày tháng giờ qua đời thì quả thật tử vi là môn lý học không thể làm công việc của một môn toán học thuần túy cũng như không thể dùng y lý Đông Phương để luận về chiều dài của vi trùng nhằm thỏa mãn cái tinh thần khoa học phân tích của Tây Phương.

Đoán thời vận chỉ là một khía cạnh tương đối của tử vi.

VAI TRÒ CỦA CÁC SAO LƯU TRONG TIỂU HẠN

KINH DƯƠNG : sao kinh dương làm hầu hết mọi người đều sợ ngay khi nó cố định hoặc nhập hạn vì đọc sách nào về tử vi cũng thấy sao này bị chê là xấu. Nhưng theo kinh nghiệm thì thấy rằng hạn gặp một kinh dương cố định chưa có gì đáng ngại trừ khi có thêm một vài yếu tố khác (xấu) tăng cường. Trái lại khi tiểu hạn có kinh lưu niên ở mao đậu tí ngọ dù không có thêm yếu tố xấu khác thường thường vẫn có chuyện không hay xảy ra nặng hay nhẹ tùy theo sự chế hóa và liên hệ đến chính mình hay thân như tùy theo cung nhập hạn hay các cung tam hợp. Nói cho dễ hiểu và dễ nhớ là có thể ví kinh cố định như con cọp đang ngủ, còn kinh lưu như con cọp đang kiếm mồi. Như vậy cọp ngủ tuy vẫn là cọp nhưng không nguy hiểm bằng cọp thức. Tuy nhiên cần lưu ý là tiểu hạn đã có kinh lưu rồi thì tất ngại khi gặp kinh cố định tọa thủ vì cũng như cọp thức làm cọp ngủ phải tỉnh dậy khiến cho sức phá hại mạnh mẽ thêm. Nhưng nếu kinh cố định xung chiếu với kinh lưu niên và ngược lại thì đừng tưởng rằng sự nguy hiểm giảm đi mà trái lại còn đáng ngại hơn vì mình đang ở thế gọng kìm hoặc 2 mặt giáp công không có đường tẩu thoát. Nếu chẳng may tiểu hạn lại ở 2 cung thiên la địa võng hội thêm cô quả hình linh thì thực là đại họa. Còn trường hợp kinh lưu niên ở cung xung chiếu với cung nhập hạn và không có thêm kinh cố định vẫn phải cẩn thận như thường vì ảnh hưởng của nó vẫn mạnh mẽ ngay cả khi kinh nhập hạn chỉ ở 1 cung tam hợp với cung nhập hạn mà vẫn có gây chút đỉnh ảnh hưởng. Còn vấn đề liên hệ tới chính mình hay người thân như cha mẹ vợ con anh chị em thì cần phải nhận định như sau :

Thí dụ tiểu hạn đi đến cung giải ách có kinh lưu niên ngay tại cung này. Nếu đại hạn nhìn không thấy ở cung mệnh và cung giải ách thì lại tốt vì đương số gần như an toàn nhưng cha mẹ và anh em bị ảnh hưởng vì cung phụ mẫu xung chiếu với cung giải ách và cung huynh đệ ở thế tam hợp. Nếu thấy cung phụ có nhiều yếu tố khác xấu hơn cung huynh đệ (cần để ý đến các sao lưu nơi 2 cung này như xem có tang hủ lưu niên hay không ?) thì cha mẹ gánh chịu. Cũng trong trường hợp trên nếu mệnh đương số xấu lại gặp đại hạn cũng xấu và nhìn thấy cung nhập tiểu hạn thì đương nhiên đương số lãnh hết ảnh hưởng của kinh niên. Ít khi cha mẹ hoặc anh chị em chịu lấy.

Trường hợp tiểu hạn đến cung điền trạch chẳng hạn nếu có kinh lưu niên nhập hạn mà đại tiểu hạn không trùng phùng thì dù mệnh đương số không tốt cũng không đáng ngại vì cung điền không gây ảnh hưởng trực tiếp cho bản mệnh mà trái lại gây ảnh hưởng cho tử tức và cung huynh đệ ở thế tam hợp. Lúc đó chỉ cần xem cung tử tức và cung huynh đệ cung nào chịu nhiều yếu tố khác xấu trong năm để quyết đoán. Thí dụ như cung tử tức có kinh đương trong khi cung huynh đệ có quan phúc hóa khoa khôi việt thì chắc chắn con cái bị ảnh hưởng nguy hiểm còn anh em lại không việc gì.

THIÊN MÃ : thiên mã lưu niên là sao thường đem lại sự thay đổi quan trọng và ứng nghiệm mạnh mẽ hơn cả thiên mã cố định nhiều vì đã là ngựa cần có sự di chuyển mới đúng công dụng của nó chứ suốt ngày ở trong chuồng hay dậm chân một chỗ thì làm gì đáng gọi là ngựa. Nếu cứ câu nệ thiên mã cố định để đoán tiểu hạn thì sự thay đổi cuộc sống như cái máy vì thiên mã chỉ ở 4 góc trên lá số. Tuy nhiên mã lưu niên cũng ở 4 góc trên lá số nhưng nó luôn luôn thay đổi vị trí nên vẫn được coi là hợp lý vì uyển chuyển hơn. Bởi vậy khi gặp tiểu hạn có thiên mã cố định đừng nên tin ngay là có sự thay đổi bất luận với bản thân mình hay thân nhân nhà cửa xe cộ mình và cần nói thêm là thiên mã không ảnh hưởng gì nhiều cho hạn. Thí dụ thiên đi có đà la thiên hình thiên mã tức là ra đường dễ bị tai nạn xe cộ thì chẳng lẽ cứ 12 năm ta lại bị tai nạn xe cộ một mình hay sao ? Trong nhiều lá số có trường hợp như trên thì chỉ khi nào gặp đại tiểu hạn trùng phùng mới ứng nghiệm, còn ngoài ra chẳng hề nhìn thấy tai nạn nhưng khi nào thấy lưu thiên mã gặp ngay cung đó thì y như là có chuyện dù đại hạn có lệch qua cung khác. Điều này cũng không có gì là lạ vì con người cũng giống như chiếc xe bất luận xe gì khi không chạy làm sao có thể bị đụng hoặc gây ra tai nạn. Xem như vậy mới thấy thiên mã lưu niên mới đáng lưu ý tới nhưng khi có lưu thiên mã nhập hạn rồi cũng đừng nên hấp tấp nói rằng có sự thay đổi cũng liên hệ và vẫn phải tùy thuộc đại hạn và cung mệnh thân.

Thí dụ như thấy thiên mã lưu niên nhập hạn ở cung quan lộc thế nào chẳng tưởng đến sự thay đổi công danh địa vị nhưng khi thấy đại hạn toàn là yếu tố cố định bền vững mà mệnh hoặc thân chứng tỏ đương số không có nằm trong yếu tố hay môi trường bị thay đổi thì phải liền suy luận sang việc khác. Chẳng hạn như khi đại hạn có khoa quyền lộc hội long phượng thai tọa không có vướng vào thiên đồng thiên mã cố định thiên không địa không và mệnh hoặc thân có thiên phủ lộc tồn thì sẽ chẳng có gì thay đổi như thế thiên mã lưu niên ứng vào chuyện gì ? Thường thường ứng vào chuyện xe cộ (bất cứ xe gì) đừng vào công danh sự nghiệp của mình xe lớn hay xe nhỏ đẹp hay xấu tùy theo có khôi việt đào hồng hỷ hay không. Thực ra thiên mã không những chủ về thay đổi còn tượng trưng cho cả xe cộ tàu bè nữa.

Bàn về thiên mã lưu niên nhiều người đã căn cứ vào sách này sách nọ để đoán ra những chuyện khá độc đáo. Thí dụ có một người gặp tiểu hạn ở cung thiên di có mã lưu đà hình đã được quyết đoán là đương số không thể bị tai nạn xe cộ mà chỉ gây tai nạn cho người khác và phải bồi thường thiệt hại. Tại sao lại đoán như vậy ? Đó là nhờ sự phối hợp nhiều yếu tố khác trong đó có cả những phi tinh khác nên mới có thể đi đến kết luận như vậy được. Vì đại hạn

của đương số quá tốt đẹp không có gì khả nghi về thương tích cho bản thân, đồng thời cung mệnh và cung giải ách cũng khá vững vàng và năm đó lưu đại tiểu hạn lại nhập tiểu hạn hội cùng hóa lộc tại mệnh khiến cho đương số phải bồi thường cho người đi đường (tức là ở thiên di). Cũng trong trường hợp này nếu đương số gặp đại hạn xấu thì sẽ đoán là đương số tốn tiền chạy chữa thuốc men vì thương tích dù cung mệnh cung giải ách có tốt đi chăng nữa.

LỘC TỒN : đừng bao giờ nghĩ rằng lộc tồn lưu tại cung nhập hạn là có tiền. Ta cần phải biết và nhận định xem tài lộc đưa đến ai được hưởng hoặc tới bằng cách nào. Mình sẽ được hưởng khi nào cung nhập tiểu hạn liên quan trực tiếp với mình tức là cung phúc tài quan điền mệnh thân và còn cần tương phù với một đại hạn thuận lợi hay ít ra cũng được mệnh thân có môi trường được hưởng.

Trường hợp lưu lộc tồn nhập tiểu hạn ở cung huynh đệ hoặc phụ mẫu rất ít khi ta được tài lộc may mắn lắm là được hưởng gián tiếp nếu được đào hồng hỷ quan phúc nhập hạn tức là cha mẹ anh chị em cho. Còn nếu khi lưu lộc tồn ở cung tài bạch lại gặp lộc tồn cố định ở cung xung chiếu là cung phúc đức tức là liên quan trực tiếp đến mình và vẫn chẳng có một chút lộc nào nhưng trên lý thuyết vẫn thấy đúng vì lộc tồn vẫn ứng tiền bạc chỉ khác một ít điều là tiền mình lãnh về để không xét đến mệnh đương số có địa kiếp hội phá quân là không xét đến mệnh đương số địa kiếp hội phá quân là số có tài lộc nhưng không cho hưởng thụ nên cứ tưởng năm đó đương số có tài lộc nhưng đến cuối mới biết là suốt cả năm đương số lãnh tiền về để phát cho thiên hạ mà mình chẳng được hưởng đồng nào. Ngoài ra đại hạn song hao hội thiên không phá toái và tương phù với tiểu hạn cho nên yếu tố hưởng thụ bị vô hiệu hóa hoàn toàn thành ra 2 sao lộc (một cố định một lưu niên) đã chuyển hướng vào sự thanh tra cứu xét nên càng ứng vào công việc làm ăn của đương số là hồ sơ các nạn nhân để bồi thường hoặc giúp đỡ. Do đó suốt cả năm đương số chẳng có dịp nào nắm chút tiền trong tay cả.

Còn một điều tổng quát về lưu lộc tồn là thường thường ai cũng ưa lưu lộc tồn gặp lộc tồn cố định đồng cung nhưng thực ra 2 sao này nên xung chiếu thì tiền bạc dồi dào hơn vì tiền cứ luân chuyển mạnh mẽ có lợi tức dồi dào chứ tiền cất vào một chỗ (quỹ tiết kiệm) thì cùng lắm chỉ ăn lời bình thường.

Ngoài ra lộc tồn cần gặp sao lưu thiên mã chứ không cần gặp thiên mã cố định vì lộc tồn tượng trưng cho tiền bạc hàng hóa nếu đem chất lên một chiếc xe (thiên mã) không chạy đi đâu cả thì vô ích.

THẾ NÀO LÀ PHÁ CÁCH

Có tử vi cư ngụ tại cung thiên di hội cả khôi việt hóa quyền tại sao không có chức phận lớn ?
 Trả lời : cung thiên di không phải của mình mà là của thiên hạn nhất là thân của mình không cư ở thiên di mà lại cư cung khác ; do đó đương số là người có liên lạc mật thiết với giới quyền cao chức trọng trong xã hội và không dựa được vào họ để mà lên cao vì những sao đó chứng tỏ thiên hạ quá tài giỏi sáng suốt và nhiều quyền. Vậy đương số chỉ có thể theo chân thiên hạ để tính chuyện riêng tư theo kiểu theo voi hốt bã mía mà thôi nhất là nếu thân cư tài bạch có phá quân là sao chuyên môn thu lợi và mạng có tham lang là sao có nhiều tham vọng.

LÁ SỐ XUẤT NGOẠI, BẤT ĐẮC KỲ TỬ

Những lá số hay xuất ngoại : đứng Khổng Tử sinh ngày 1 tháng 11 năm canh tuất giờ tí. Ngài có một lá số dẫn đầu về xuất ngoại : mạng kim gặp thiên mã phượng các hợp mệnh (phượng kim, mã kim) nhưng vì đối cung thiên di bị triệt nên không có nơi đến nhất định.

Số cụ Phan Thanh Giản sinh ngày 12 tháng 10 giờ tí, cặp phượng các thiên mã hợp mệnh lại nằm vào thế sinh xuất mạng thổ phượng mã lộc. Cụ Phan Thanh Giản chẳng khác gì một đại sử lưu động thời nay. Chỉ vì phượng mã ở thế sinh xuất với bản mệnh nên bao lần đi sứ để xin chuộc lại 3 tỉnh miền đông cũng không thành.

Lá số tuổi canh dần sinh ngày 8 tháng 4 giờ dậu mạng mộc phượng các hội với thiên mã tràng sinh và phi liêm, sao này thuộc hỏa và cung thiên di có thái dương tọa thủ. Như vậy một là đi Nhật, hai là đi Mỹ (Nhật là con cháu thái dương, Mỹ thuộc hỏa da đỏ). Xem lá số thấy hạn vào năm 1968 đương số đi du học ở Mỹ.

Những lá số hay bất đắc kỳ tử : các người xem tử vi khi chấm một lá số chỉ so mức những điều tốt đẹp : bao giờ giàu có thăng quan tiến chức, lấy vợ lấy chồng sinh con ; ít người đặt ra câu hỏi đương số có vào tù không ? Đương số có bất đắc kỳ tử không ?

Trong hàng chính tinh có các sao sát phá liêm tham nhật nguyệt (khi bị lạc hãm) và các sao hung ác như kinh đà không kiếp thiên không, kiếp sát, phục binh, bệnh phù, thiên riêu, tang môn, bạch hổ, thiên khốc, thiên hư, tuần triệt, hóa kỵ, tuế phá, thiên hình, đầu quân, thiên sứ, lưu hà, mộc dục... nếu gặp đại hạn tiểu hạn có nhiều sao trên hội chiếu có thể đem đến những tai nạn tùy theo sự phối hợp mà cổ nhân đã thành câu phú cho con cháu rút kinh nghiệm, hạn không kiếp phải đề phòng trộm cướp hoặc tai nạn dọc đường... Thí dụ về một lá số bất đắc kỳ tử : đương nữ sinh giờ tí ngày 15 tháng 5 năm mậu tí, khi an sao nhận thấy thân mệnh đồng cung tại ngọ có cự môn ngọ tuần và nhiều hung tinh hội chiếu như linh hỏa linh hội chiếu chủ về bất đắc kỳ tử. Đại hạn 26-35 tại cung phu ở thìn hạn la vông nhật nguyệt hãm gặp linh kỵ đà la bạch hổ tử, lưu niên 27 tuổi ở cung tuất cũng bị cách nhật nguyệt hãm la vông kinh đà linh hỏa tang diếu khốc hư tuế phá. Tiểu hạn năm dần gặp tang môn lưu trùng phùng tang hổ hỏa tinh hóa kỵ đà la lại thêm sao tử. Bao nhiêu hung sát dồn ở cung mệnh thân đại tiểu hạn phúc đức nên làm sao đương số thoát khỏi móng vuốt tử thần.

Những số mệnh đã an bài dù có biết trước được trong lòng chỉ thêm lo xa khắc khoải đến ngày Phật Chúa gọi về cũng phải tuân theo.

TAI NẠN CỘNG ĐỒNG : trong những tai nạn cộng đồng tức là có nhiều người cùng vướng vào vòng hoạn nạn cùng một lúc và bởi một nguyên do (ví dụ tai nạn máy bay rơi, thuyền đắm làm nhiều người chết).

Tử vi đã trở nên nghi vấn trong cách giải thích trường hợp khó khăn và tế nhị này. Tuy nhiên nếu đem đối chiếu với những lá số thiệt mạng hay chỉ mang thương tích trong những tai nạn cộng đồng đã cho ta thấy nét tương đồng như sau : tam hợp cung mệnh có thiên hình thiên riêu địa không địa kiếp hay tam hợp của cung giải ách ; cung ách có thất sát phá quân hay tham lang hoặc cung mệnh có cách này.

Tiểu hạn (1 năm) hay đại hạn (10 năm) vào vòng tam hợp của thiên không (thiếu dương phúc đức tử phù), hầu hết những người có cách này đều nếm qua mùi vị đồng mệnh tương lân. Việc xảy ra có người chết kẻ bị thương là do cung phúc đức chi phối, dù thế nào chẳng nữa cũng bị cộng đồng tai ách. Chắc chắn không ai dám kiểm chứng trường hợp này bằng cách tập hợp lại tất cả những cá nhân có hình riêu không kiếp ở mệnh và ách cung là sát phá tham, nhưng có người sưu tập sẽ thấy ngay cá nhân của bản sắc đều vướng phải chuyện xui xẻo này một lần trong đời họ.

HẠN ĐI THI : muốn thi đậu lá số phải đẹp lẽ tất nhiên là số người nghèo hành khất không thể có chuyện thi đậu. Mạng số kém cỏi hoặc hướng về phía trái ngược với công danh cũng không thể có chuyện thi đậu. Người nào cũng có những sao tốt ứng vào việc thi đậu như khôi việt xương khúc và cứ 12 năm vận hành lại đến tiểu hạn xương khúc hay khôi việt, có khi

ngắn hơn 6 năm, 3 năm hay 2 năm tùy theo cách bố trí của sao. Chẳng lẽ cứ đến hạn sao văn tinh ấy là thi đậu cho nên tất phải có số mạng tốt ứng vào công danh và thi đậu thì mới có thi đậu.

Vậy muốn coi thi đậu không phải coi mạng tốt không ? Cung quan lộc có tốt không ? Đấy cũng là yếu tố đầu tiên. Nên nghĩ rằng cung quan cũng quan trọng như cung mạng trong vấn đề ấn định vận mạng có công danh thi đậu. Thế nào là cung mạng và cung quan lộc đẹp.

Cung mạng và cung quan hành cung dưỡng cho hành mạng.

Chính tinh phải miếu vượng sáng sửa.

Chính tinh sáng sửa phải có hành dưỡng cho hành mạng.

Được các cách tốt ứng về công danh thi đậu.

Các cách tốt như tử vi gia tử hữu, thân quần khánh hội, bạch hổ tấu thư, tiền cái hậu mã, âm dương tinh minh chiếu mạng.

Các sao tốt hạng nhất cho việc thi đậu tại mạng và quan như xương khúc khô viet hóa khoa thêm vài cách tốt có thể đạt đại khoa.

Các sao tốt hạng nhì hỷ thần thiên hỷ đào hoa hồng loan lộc mã giao trì, long phượng, mã ngọ tràng sinh lộc tồn...

Các sao có cách tốt bậc ba : thai tọa quang quý tướng ấn thai phụ phong cáo thanh long lưu hà.

Nếu được nhiều sao nhiều bộ hổ trợ đồng thời càng tốt. Sau đó xét đại hạn vì đại hạn cũng rất quan trọng và cũn phải có những cách và sao ứng vào công danh thi đậu.

CÁCH ĐOÁN ĐẠI VẬN TỐT : hành cung đại vận phải dưỡng cho mạng. Hai yếu tố đó cụ Thiên Lương gọi là địa lợi và nhân hòa và nếu thêm một yếu tố là thiên thời cung của đại vận phải thuộc vào bộ ba có hành dưỡng hay hòa cho hành của bộ ba cung tuổi tức là các cung có thái tuế quan phù bạch hổ.

Ngoài ra cũng có cách tốt sao tốt như đã kể trên để ứng vào công danh sự nghiệp hay sự thi đậu. Nhật nguyệt sáng sửa xương khúc khô viet hóa khoa hóa quyền hóa lộc, mã hỷ, đào hồng hỷ, mã tràng sinh, quang quý thai phụ phong cáo thai tọa. Được nhiều sao tốt lại càng tốt. Tuy nhiên trong yếu tố thiên thời địa lợi nhân hòa ít người có được tất cả. Đại vận mà xấu thì dù tiểu vận có tốt và ứng vào việc thi đậu thì cũng khó lòng thi đậu được. Đại vận nếu tốt và tiểu vận cũng tốt và ứng vào thi đậu thì có thể coi như chắc đậu.

Những cách phá : tuy nhiên gặp những cách tốt cũng có thể gặp những cách phá như gặp những cái tốt mà gặp luôn cả tuần triệt đứng cản mũi kỳ đà thì khó lòng đậu hoặc bị rớt kỳ đầu. Gặp kinh dương lực sĩ chủ về thất bại cũng làm cho khó thi đậu nhưng có nhiều phần tốt thì kinh lực có nghĩa là bị cản trở và rồi cũng có thể đậu được nhất là nếu có đại vận tốt. Gặp không kiếp thì hồng không những thi trượt mà lại còn bị vướng vẩn vào những vận hạn nặng khác.

LÁ SỐ ĐẸP – LÁ SỐ XẤU

Một lá số đẹp toàn mỹ phải có những điểm chính sau :

Năm tháng ngày giờ sinh thuận nhau về âm dương.

Năm tháng ngày giờ sinh thuận nhau về ngũ hành.

Tương sinh giữa cục và mệnh.

Cung an mệnh thuận về âm dương với năm sinh.

Chính tinh thủ mệnh vừa ở nơi đất tốt (miếu vượng đắc địa) vừa có hành sinh cho mệnh.

Đại cương mệnh và thân đều tốt.

Các chính tinh dàn ra trên lá số ở những đất tốt và có ảnh hưởng ích lợi.

Bộ sao tứ hóa ở vị trí thuận lợi.

Một số hung tinh được ở đất tốt (miếu vượng Đắc Địa) hoặc không phá các cách tốt.

Vận hành của các đại hạn đều tốt.

Tuy vậy kể ra như vậy và rồi giải thích sẽ thấy chỉ nhìn sơ qua một lá số 5 – 10 phút thì thấy những cách tốt, sự khó khăn lớn là khám phá những cách tốt có bị những cách xấu nào phá đi không.

Rất hiếm có lá số toàn mỹ, được điểm này nhưng lại hỏng điểm khác. Nhiều người không chú ý đến những điểm đầu vì không dễ gì gặp được lá số toàn mỹ, lá số đế vương mà lại ở được ngôi lâu dài cho đến chết vẫn được nguyên vinh dự, trên đời này có những trường hợp như vậy. Như những người được thân tốt mới làm tới bậc nguyên thủ thế mà có người chỉ được nổi danh vài năm rồi lu mờ, có người không vợ không con chấm dứt cuộc đời bằng cách chết thê thảm, có những người lên thật cao nhưng không có căn bản phúc đức tốt thành ra lên cao mà không được bền hay là trèo cao mà té thật đau, khi xuống dốc là gặp những trường hợp buồn thảm.

Xem đại cương đời sống sướng hay khổ chẳng phải vì công danh (quan lộc) hay tiền bạc (tài bạch) mà thôi, có những người được công danh tiền bạc tốt nhưng lại kém về đường vợ con bạn bè và khả năng giảm các tai ách. Ngược lại người có công danh kém tiền ít nhưng được vợ con tốt, bạn bè khá, đời sống không tai nạn như vậy cũng được kể vào có hạnh phúc tùy theo quan niệm. Bởi vậy tuy gọi là thượng cách trung cách hạ cách mà không thể biết rõ ràng đường hạnh phúc như thế nào. Đúng là hạnh phúc còn tùy ở 12 cung số và cũng còn tùy ở quan niệm mỗi người.

LIÊN HỆ GIỮA TUỔI VÀ NĂM XUNG – NĂM HẠN

Có những tuổi kỵ những năm hạn và năm xung, nếu gặp thường xảy ra chuyện chẳng lành. Như vậy cần phải có sự cứu giúp của những sao sáng sửa tốt đẹp hội chiếu.

Tuổi tí : năm hạn dần thân, năm xung tí ngộ.

Tuổi Sửu : năm hạn Sửu ngộ, rất sợ có sao sát nhập hạn.

Tuổi Dần : năm hạn Tỵ Hợi, năm xung dần thân Mão Dậu.

Tuổi Thìn : năm xung Thìn Tuất, sợ hạn đến cung an thân và Thìn Tuất.

Tuổi Tỵ : năm xung Tỵ Hợi, kỵ đại hạn đến cung Tỵ và cung an thân.

Tuổi Mùi : năm hạn Dậu Hợi, rất lo ngại đến cung Tỵ và cung an thân.

Tuổi Mùi : năm hạn Dậu Hợi, rất lo ngại nếu có kinh dương nhập hạn.

Tuổi Tuất : năm hạn Tỵ, năm xung Thìn Tuất, kỵ hạn đến cung Tuất Thìn và cung an thân.

Tuổi Hợi : năm xung Hợi Tỵ, kỵ gặp kinh Đà nhập hạn.

Ý NGHĨA CÁC SAO NHẬP HẠN 2

Tử vi không có hãm nhưng nếu nhập hạn ở 4 cung Tỵ Hợi Mão Dậu sự tốt đẹp cũng bị suy giảm, danh tài thì bình thường nếu gặp tai ách cũng khó giải trừ nổi.

Đại tiểu hạn trùng phùng có tử vi ngộ tuần triệt thì rất đáng lo ngại.

Tử phủ vũ tướng khoa quyền lộc : nhiều may mắn hoạn phát.

Tử vi khôi việt : có danh giá làm việc gì cũng thắng lợi.

Tử vi kiếp kỵ tam không : đau ốm nặng, mất cửa, phá sản.

Tử vi kiếp kỵ kinh Đà : đau ốm mắc lừa.

Lâm trình miếu gặp nhiều sao đẹp hội chiếu : danh vị cao tài lộc dồi dào.

Liêm trình tham lang Tỵ Hợi gặp hình : khó tránh ngục tù.

Sát phá liên tham : đau ốm bị oán trách.

Liên phá gặp kiếp hình : mắc kiện tụng, khó tránh ngục tù.

Liên trinh kinh đà : gặp nhiều tai nạn rủi ro.

Liên hình kỵ kinh đà : bị tai nạn đao gươm súng đạn có lưu huyết.

Thiên đồng hãm hay miếu, thay đổi chỗ ở hay công việc.

Thiên đồng miếu : công việc hạnh thông danh tài hưng vượng, có hỷ sự.

Thiên đồng hãm : mọi sự trước hạnh thông sau bế tắc.

Thiên đồng kinh linh : toại ý trong việc cầu hôn.

Thiên đồng hóa kỵ : bệnh về bộ phận tiêu hóa.

Vũ khúc miếu gặp tả hữu xương khúc : phát tài chắc chắn nếu thêm quyền chức vụ thăng tiến và được bổ đi xa.

Vũ khúc hãm gặp sao xấu : mọi sự đều bế tắc nếu không mắc tai nạn thì cũng bị giáng chức hay hao tài.

Thái dương miếu : hoành phát danh tài.

Thái dương hãm : đau ốm, có bệnh ở mắt hay ở đầu, hao tán tiền bạc sức khỏe của chồng hay cha (nếu là đàn bà), nếu thêm kỵ đà tang thì chồng hay cha mất.

Thái dương long trì : đau mắt.

Thái dương ngộ long trì thanh long : trong nhà có người mắc tai nạn sông nước.

Thái dương riêu đà kỵ : đau mắt nặng nếu không cũng bị đau yếu tán tài hay đi làm thì bị giáng chức.

Thái dương gặp hỏa linh kinh đà, mọi sự đều trắc trở, sức khỏe của chồng hay cha suy yếu, sản nghiệp tiêu hao.

Thiên cơ miếu gặp nhiều sao tốt đẹp : kinh doanh phát đạt mọi sự hạnh thông, có quyền hành lớn, có thêm lộc ngày càng phát đạt.

Thiên cơ hãm : chẳng được yên tâm vì trong nhà hay bất hòa, bên ngoài bị thị phi khẩu thiệt, nếu gặp thêm cự kinh đà thì khó tránh tai họa. Trường hợp mà gốc đại hạn 10 năm quá xấu thì khó thoát chết trong hạn này.

Nguyệt đồng lương tả hữu sát tinh : làm mưa làm gió một thời.

Cơ nguyệt tước phá tang môn : trong nhà có tang hay có người bị té.

Cơ cự hỏa kinh thương sử : đau ốm nặng tang thương, hao tán tiền bạc hoặc tai nạn khủng khiếp.

Cơ thương sử đau ốm khẩu thiệt có tang.

Cơ tang khốc ngã đau hay có tang.

Cơ khốc hỏa kinh trang chấp, trong nhà thiếu hòa khí.

Cơ khốc hư mắc bệnh lao phổi hay hen suyễn.

Cô quả tước thiếu, nếu mệnh có hao thì có thể bị chết đói.

Thiên phủ không có hãm nhưng gặp tam không thì phá sản, đau yếu, mưu sự khó thành, bị lường gạt.

Thiên phủ khoa quyền lộc : công danh hiển đạt, tài quan song mỹ.

Thái âm miếu tài lộc phong phú, thường mua tậu nhà đất, cưới xin vui vẻ, thêm con cháu, mọi sự hạnh thông.

Thái âm hãm tiền tài hao tán, hay đau ốm, hay bị đau mắt hoặc bị kiện cáo, sức khỏe của mẹ hay vợ suy kém. Nếu có thêm đà tước hổ thì mẹ hay vợ chết.

Thái âm ngộ long trì kiếp sát đau về bộ máy tiêu hóa.

Thái âm hình bị vật nhọn đâm vào mắt.

Tham lang miếu nhập hạn ở tứ mộ hợp với tuổi thìn tuất Sửu : công danh tài lộc phát triển nếu gặp thêm hỏa linh thì hay hoạnh phát danh tài.

Tham lang hãm hao tổn tiền bạc, chơi bởi phóng đảng đến nỗi mang họa, mọi sự bế tắc.

Tham vũ lộc mã có danh chức và tài lộc.

Tham hồng đào hạn lấy vợ lấy chồng.

Tham xương kỵ đồ vật rơi vào người bị thương.

Tham riêu kỵ khẩu thiệt tai nạn sông nước hay có sự lo buồn.

Tham không kiếp mọi sự đều bế tắc, tiền tài hao tổn công danh trở ngại.

Tham hổ bị súc vật cắn nhất là tham nhập hạn ở dần tuất nếu không cùng bị tai nạn xe cộ.

Cự môn miếu gặp trung tinh sáng Sửu sự thành công hoạnh tài công danh đắc lợi. Trường hợp cự môn nhập hạn tại cung hội gặp hóa lộc thì không nên mưu cầu việc gì quá lớn vì chắc chắn sẽ thất bại.

Cự môn hãm gặp sao xấu mắc kiện tụng thị phi, hao tán tiền bạc đau yếu tang tóc mất chức.

Nếu bị nhập hạn ở tứ mộ thì hay mắc tai nạn xe cộ. Nếu gốc đại hạn quá xấu có thể là hạn chết.

Cự kỵ tai nạn sông nước thị phi kiện tụng.

Cự hỏa linh đau ốm tang tóc tán tài hoặc cháy nhà.

Cự tang đại tang hoặc đau nặng.

Thiên tướng miếu vượng đắc gặp trung cát tinh mưu cầu sự việc hạnh thông hoạnh tấn, có người đem tài lộc đến nhà.

Thiên tướng hãm gặp ác sát tinh mắc kiện cáo đau ốm hoặc bị lừa. Trường hợp này nếu gốc đại hạn quá xấu tính mạng có thể lâm nguy.

Thiên tướng ngộ không kiếp hay bị lừa lọc phản trắc rắc rối trong công việc làm ăn nhưng không đáng lo ngại.

Thiên tướng ngộ tuần triệt hay bị tiểu nhân mưu hại, bị tai nạn xe cộ hay súng ống, bị thương ở mặt hay ở đầu khá nặng.

Nếu cung nhập hạn là thiên di thì công danh trắc trở làm ăn lúng củng, binh lính ra trận khó bảo toàn tính mạng.

Thiên lương miếu đắc vượng giải trừ hung họa gặp hạn này tài lộc hưng vượng hay có việc vui mừng, đau ốm cũng qua loa, nếu mắc nạn cũng nhẹ có quý nhân giải cứu.

Thiên lương hãm gặp hung sát tinh sức khỏe suy kém tiền tài hao tổn. Thiên lương nhập hạn tại hội thì đi xa thay đổi công việc, gặp sát tinh thì tán gia bại sản.

Thất sát nhập hạn ở dần thân thì mọi sự thành tựu một cách nhanh chóng. Thất sát hãm hay đau yếu tang tóc làm ăn thất bại, nếu gặp thêm kinh đà thì cẩn thận về tai nạn xe cộ hay súng đạn. Nếu thất sát nhập hạn ở 2 cung thìn tuất vào gốc đại hạn 10 năm cũng rất xấu, có thể là hạn chết.

Sát liêm tham phượng các bị oán trách.

Sát phá hình bị tù.

Sát phá hao mộc kỵ mắc chứng nan y (ung thư hay mụn nhọt).

Sát kinh phục không hao hỏa linh kỵ kiếp tính mạng lâm nguy (xem kỹ gốc đại hạn 10 năm để quyết đoán sự sống chết).

Sát hao có tang đau ốm nặng.

Sát kỵ mang tiếng hay bị lăng mạ nhục nhã hay bị đánh đòn đau.

Phá quân miếu tài lộc hưng vượng công danh hiển đạt nếu gặp xương khúc khô viêt thì phú quý song toàn.

Phá quân hãm hay bị tù tội, đau nặng, có tang hoặc mất việc, vợ con cũng lủng củng. Trong hạn này nếu gốc đại hạn quá xấu thì tính mạng bị lâm nguy. Đàn bà có phá quân nhập hạn thì khó tránh được bệnh máu huyết.

Phá phục tướng riêu thai : đàn bà bị lừa vì tình, đàn ông bị tình yêu rắc rối.

Kinh dương miếu đau yếu đau buồn nhưng mưu sự lại thành công mau chóng nhưng lại bị phá tán ngay, trong cái may có cái rủi, ngoại trừ 4 tuổi thìn tuất Sửu Mùi nếu gặp kinh miếu tại hạn thì lại được hạnh thông mọi việc.

Kinh đà không kiếp tang tóc mất trộm bị lừa đau ốm.

Kinh dương hãm có tang tóc, vợ con chẳng an lành, sản nghiệp hao tán, đau yếu nặng, nếu gặp thêm nhiều sát tinh thì khó tránh tai nạn về đao súng hay tù tội. Riêng tuổi thìn tuất Sửu Mùi gặp kinh dương Hãm Địa cũng không đáng lo ngại.

Kinh đà mã đi xa hoặc thay đổi chỗ ở hay công việc.

Kinh kiếp cái đánh nhau và gây tai vạ.

Kinh riêu ghẻ lở mụn nhọt.

Kinh kiếp lưu hà bị mưu sát.

Kinh kiếp kỵ bị đâm chém.

Kinh lực công danh trắc trở.

Kinh hình bị đánh đập.

Đà la miếu may liên với rủi vì tính chất của đà la, mưu sự thành công nhưng không bền.

Đà la hãm tai nạn khủng khiếp đau ốm nặng tù tội.

Đà la tuế hay mắc thị phi khẩu thiệt.

Đà la linh hỏa mất của trộm cướp tranh chấp đánh nhau.

Đà hình kiện cáo bị tù nếu không cũng đánh nhau có thương tích.

Đà tuế kiếp sát hổ kỵ tai nạn xe cộ súng ống hay đau ốm.

Đà tuế long bị rắn rết cắn hay ong đốt.

Đà tuế kỵ đau ốm nặng có đại tang kiện tụng mất sở làm.

Hỏa linh miếu mưu sự tất thành gia đình có hỷ sự. Chú ý nếu hỏa tinh nhập hạn ở 2 cung mao ngọ thì tuy danh tài hưng vượng nhưng cẩn thận hỏa tai.

Hỏa linh hãm đau yếu thiếu máu hay bệnh thần kinh mắc kiện tụng hay bị lừa gạt mất của.

Hỏa linh mộc phỏng lửa hay phỏng nước sôi.

Hỏa tang nhà cửa bị cháy.

Linh tinh miếu danh tài hưng vượng xa gần biết tiếng.

Linh tinh hãm đau yếu có thể phát điên cuồng hoặc bị tai nạn đao súng sấm sét lửa điện, có tang.

Linh vũ ở 2 cung la vông bị tù hay chết đuối.

Linh sát phá bị tù.

Không kiếp mưu sự thành nhanh chóng, hoành phát cũng hoành phá hay đau yếu vì máu huyết mụn nhọt.

Không kiếp hãm mất của mắc lừa, giáng hay bãi chức hoặc đau yếu vì bệnh máu huyết.

Không kiếp tử phủ khô việt bị mất của mắc lừa.

Không kiếp tham mọi sự đều bế tắc, hao tổn tiền bạc.

Không kiếp sát tuế thiên không phục kình hao : tính mệnh như chỉ mảnh treo chuông khó thoát những tai nạn khủng khiếp.

Nếu hạn gốc 10 năm cũng xấu chắc bị chết thảm.

Không kiếp hỏa linh kỵ tuế hao phục : bị cướp vào nhà, cướp phá nhà, tai nạn nguy hiểm. Nếu đại hạn gốc cũng quá xấu thì nguy hiểm cho tính mạng.

Không kiếp phù bị kiện cáo lo buồn.

Lộc tồn không gặp cát tinh thăng quan tiến chức, ốm đau mau khỏi, sức khỏe dồi dào.

Lộc tồn khoa quyền tả hữu hoạnh phát cả tiền tài lẫn danh vọng, phú quý đều cực điểm.,

Lộc tồn chiếu hoá lộc hay hóa lộc chiếu lộc tồn : đại phát. Nếu lộc tồn nhập hạn đồng cung với hóa lộc : sợ tài lộc bị chiết giảm.

Lộc mã buồn một lái 10, mưu sự thành công dễ dàng.

Lộc tồn không kiếp : mất của mắc lừa đau yếu.

Lộc tồn không kiếp tuế tính mạng lâm nguy. Xem gốc đại hạn 10 năm nếu cũng xấu có thể chết hoặc tù tội.

Tả phù hữu bất hợp nhiều sao sáng trong nhà có hỷ sự, phát danh tài hay có quý nhân phù trợ.

Rực rỡ nhất là tả hữu nhập hạn ở tứ mộ.

Tả hữu gặp nhiều hung sát tinh : buồn phiền, tiền của thất thoát, chia ly xa cách, bị lừa dối khinh rẻ.

Tả hữu khoa quyền lộc : tài lộc sung túc danh vọng cao.

Tả hữu sát tinh mất của mắc lừa đau yếu tang tóc, công việc bế tắc.

Văn xương văn khúc miếu đi thi đỗ cao, mưu sự thành công.

Nếu vũ khúc và văn khúc cùng nhập hạn thì tài quan song mỹ.

Văn xương văn khúc tả hữu tài lộc dồi dào mưu cầu danh lợi dễ dàng.

Xương khúc liêm kinh đà mắc tai nạn khủng khiếp nếu không cũng khó thoát tù, nếu gốc đại hạn quá xấu thì trong hạn nguy hiểm đến tính mạng.

Xương khúc kỵ có tang đau ốm công danh trắc trở.

Xương khúc mộc giấy tờ lầm lẫn, nhiều chuyện buồn phiền.

Xương khúc tuế viết văn nổi tiếng, cầu công danh đắc công danh.

Thiên khôi gặp tử phủ việt xương khúc : phú quý đến cực điểm, kinh doanh hoạnh phát làm việc gì cũng thắng lợi.

Khôi việt gặp tử phủ xương khúc : kinh doanh hoạnh phát làm gì cũng thắng lợi.

Thiên khôi hình bị đánh hoặc bị tai nạn có thương tích ở đầu.

Thiên khôi ngộ tuần triệt mắc tai nạn ở đầu, làm quan bị về vườn.

Hóa lộc giải trừ tai họa tài lộc sung túc quan chức cao sang.

Hóa lộc giáp lộc tồn nhập hạn chiếu thì đại phát tài (chiếu tốt hơn đồng cung).

Hóa lộc tham vũ kinh doanh phát đạt công việc hanh thông.

Hóa quyền miếu mà gặp trung tinh uy quyền hiển hách, thay đổi chức vụ quan trọng hoạnh phát, thân thể khỏe mạnh.

Hóa quyền hãm tai họa liên miên, công danh trắc trở, ốm đau thêm nặng.

Hóa quyền tham vũ mưu sự thành công uy quyền hiển hách.

Hóa khoa mọi sự hanh thông, đau ốm hay mắc tai nạn gặp hạn có hóa khoa thì khỏi.

Hóa khoa khôi việt xương khúc thi cử đậu cao, quan chức cao thăng, mưu sự phát tài.

Hóa kỵ miếu mưu sự thành công danh tài hưng vượng nhưng sức khỏe yếu hay mắc thị phi.

Nếu hóa kỵ gặp nhật nguyệt sáng sửa chiếu thì hỷ sự đầy nhà tài quan song mỹ, đau mất nhẹ.

Hóa kỵ tuế phá cãi nhau đánh lộn.

Hóa kỵ phá kinh đánh nhau có thương tích.

Kỵ sát đà bị làm nhục đau ốm nặng hay tai nạn dọc đường.

Kỵ đà hổ bị tai nạn nặng về gươm súng xe cộ.

Kỵ không kiếp tai nạn liên miên, mất chức vì ăn hối lộ.
Kỵ kinh đà tang chế thị phi mất của.
Kỵ kinh kiếp có tai nạn giải phẫu về gương đao súng đạn.
Kỵ hồng đào đàn bà con gái khó giữ danh tiết, đàn ông tơ duyên rắc rối.
Đại tiểu hao hạn gặp thì hay đi xa thay đổi công việc, đau ốm gặp hạn này thì mau khỏi.
Đại tiểu hao miếu hoạnh phát tiền bạc dễ kiếm.
Đại tiểu hao hãm buồn phiền đau yếu mất của mắc lừa. Nếu gặp vũ phù hay lộc tồn thì buôn bán thua lỗ, bị lừa, mất trộm hay có bệnh về tiêu hóa. Gốc đại hạn 10 năm có đại tiểu hao gặp không kiếp phá toái kỵ tử, tiểu hạn gặp hình phi bệnh mộ xung hợp chiếu là hạn chết trong tù.
Đại tiểu hao phá : túng thiếu hao tán tiền bạc.
Đại tiểu hao hình kiếp giải phẫu trộm cướp.
Đại tiểu hao mộc kỵ có bệnh phải giải phẫu.
Đại tiểu hao ngũ thiên thương đổi chỗ túng thiếu.
Đại tiểu hao ngũ tuyệt phá sản.
Tang môn có tang nếu không cũng đau yếu mất của vào tù.
Tang phá kỵ nhập hạn ở nô làm ơn nên oán.
Tang hổ khốc của cải hao tán, nuôi súc vật không lợi nhà có tang tóc.
Tang hổ khốc hư đau ở phổi (lao hen suyễn) đau yếu buồn phiền.
Tang hổ khốc mã súc vật nuôi trong nhà bị chết nhiều.
Tang khốc không : thay đổi chỗ ở công việc mất của.
Tang hình điều đại tang đau yếu nặng hoặc bị té ngã kiện tụng.
Bạch hổ tham lang tai nạn xe cộ hay thú dữ cắn.
Hổ hình kiếp ngã đau hay tai nạn xe cộ.
Hổ khốc chó cắn.
Hổ khốc riêu chó đại cắn.
Hổ phi hoạnh phát trong nhà có chuyện vui mừng.
Hổ tấu thi đậu cao thăng chức, mưu sự thành công.
Thiên khốc mưu sự trước khó sau dễ, đau yếu buồn phiền.
Thiên hư hay đau nặng sức khỏe suy yếu buồn phiền.
Long trì phượng các nhà có chuyện vui mừng.
Long phượng hổ có hôn nhân mưu sự thành.
Long phượng mã sinh vượng có con.
Long phượng thai mang thai (có bầu).
Long phượng thai phụ thăng quan tiến chức.
Long phượng riêu hỷ hạnh thông gặp thời vận.
Long phượng thanh long mộc đục đàn bà gặp hạn này sinh nở rất nguy hiểm, tai nạn sông nước.
Long không kiếp mắc nạn sông nước rất đáng lo.
Long điều ngã xuống sông hồ.
Phượng không kiếp bị oán trách hay bệnh ở tai.
Đào hoa miếu gặp cát tinh vui vẻ cửa nhà danh tài hưng vượng.
Đào hoa hãm gặp hung tinh có tang đau yếu rắc rối tơ duyên.
Tử phủ vũ tướng đào hồng hạnh thông hưng vượng.
Sát phá liêm tham đào hồng nên vợ nên chồng, nhà có chuyện vui mừng.

Mệnh đàn bà có đào hoa cung phụ mẫu có tang môn hạn đến cung mạng thì phải góa chồng hay bỏ chồng.

Đào hoa cự cơ tả hữu tuế sức khỏe suy yếu tính mạng lâm nguy.

Đào hồng hỷ riêu có nhiều nhân tình.

Hồng loan miếu gặp cát tinh mưu sự tốt lành làm ăn thịnh vượng.

Hồng loan hãm gặp sát tinh buồn phiền tang tóc đau yếu, sức khỏe của mẹ hay của vợ suy yếu.

Hồng loan tả hữu long phượng riêu trong nhà có cưới xin sinh đẻ buôn bán hoạnh phát.

Hồng loan thanh long mắc tai nạn bất ngờ.

An quan thiên quý miếu luôn luôn có quý nhân phù trợ, mọi sự hạnh thông danh tài hưng vượng.

An quang thiên quý hãm gặp bại sát tinh ốm đau cũng chóng khỏi, gặp tai nạn cũng được giải cứu.

Tam thai bát tọa tài lộc dồi dào danh chức cao thăng.

Tướng quân có uy quyền.

Tướng quân thiên tướng có uy quyền lớn.

Tướng bị tuần triệt mắc nạn đao gươm súng ống hay xe cộ đầu và mặt bị thương, nếu không cũng mất chức.

Phục binh miếu hạnh thông nhiều người tin cậy lui tới giúp đỡ.

Phục binh hãm mắc mất trộm bị mưu hại.

Phục binh bạch hổ có tang kiện cáo tù.

Phục hình không kiếp mắc lừa bị đánh.

Phục tuế kỵ kiện cáo tranh chấp.

Phục thai hồng đào đàn bà bị sở Khanh lừa và ôm bầu tâm sự tơ duyên rắc rối.

Phục riêu hồng đào : đàn ông có nhiều đào đàn bà có nhiều kếp.

Quốc ấn nhiều cát tinh thăng quan tiến chức có uy quyền.

Quốc ấn nhiều sao hãm bối rối về công ăn việc làm, mưu sự bất thành.

Quốc ấn tuần triệt công danh trắc trở.

Đường phù nhiều cát tinh hội chiếu mua tậu nhà đất danh tài hưng vượng.

Đường phù long phượng mua tậu được nhiều nhà đất.

Đường phù bạch hổ đau yếu bị tù có tang.

Thiên mã thay đổi chỗ ở đi chơi xa nhà.

Thiên mã tử phú quý cao sang.

Thiên mã đà thai giang hồ lỡ thứ nay đây mai đó thay đổi công việc, bị tai nạn có thương tích ở chân tay.

Thiên mã kiếp không tuế mắc tai nạn lớn đau yếu nặng nếu gốc đại hạn 10 năm xấu là hạn chết.

Thiên mã khốc khách nếu là quan chức có uy quyền danh dự.

Thiên mã hình tai nạn xe cộ hoặc tai nạn đao súng.

Thiên mã tuyệt đau yếu mất của công việc bế tắc.

Thiên mã ngộ tuần triệt mưu sự không thành công danh trắc trở, đau yếu mất của tai nạn xe cộ, ngã đau bị thương ở chân tay (ở hạn này nếu thay đổi chỗ ở cũng đỡ được phần nào những hạn nặng).

Thai phụ phong cáo thăng quan tiến chức.

Thiên giải địa giải giải thân giải trừ một số tai họa nhỏ. Nếu gặp thêm nhiều sao đẹp danh tài hưng vượng. Nếu gặp thêm nhiều sao xấu giải trừ nhiều tai họa đau ốm cũng chóng khỏi, tai nạn cũng có quý nhân giải cứu.

Thiên giải địa giải giải thân gốc đại hạn 10 năm xấu tiểu hạn cũng thế lại có giải thân nhập hạn phải đoán là chết một cách nhanh chóng. Giải thân chỉ có thể giải trừ một số tai nạn bệnh tật nhỏ, nếu gặp những bệnh tật nặng tai họa lớn giải thân không những bất lực mà còn làm cho người ta mau chóng châu Phạt châu Chúa nữa.

Thiên không mưu sự không thành sự nghiệp sa sút mắc lừa mất của bệnh hoạn thua lỗ nếu không cũng bị tù tội. Đaung đau yếu gặp hạn có thiên không chắc qua khỏi nếu gặp tuần triệt thì chưa có thể khỏi bệnh được.

BẢNG TÍNH CHẤT CÁC SAO : âm dương và ngũ hành tinh đầu trong tử vi.

A. Chính tinh

+ Tử vi : nam bắc đầu tinh – dương thổ

Miếu : dần thân tí ngọ. Vượng : thìn tuất. Đắc : Sửu mùi. Hòa : Hợi tí mao dậu.

+ Thiên phủ : nam đầu tinh – dương thủy

Miếu : dần thân. Vượng : thìn tuất tí ngọ. Đắc : tỵ Hợi Sửu mùi. Hãm : mao dậu.

+ Vũ khúc : bắc đầu tinh – âm kim

Miếu : thìn tuất Sửu mùi. Vượng : dần thân tí ngọ. Đắc : mao dậu. Hãm : tỵ Hợi.

+ Liêm trinh : bắc đầu tinh – âm hỏa

Miếu : thìn tuất. Vượng : tí ngọ dần thân. Đắc : Sửu mùi. Hãm : tỵ Hợi mao dậu.

+ Thái dương : nam đầu tinh – dương hỏa

Miếu : tí ngọ. Vượng : dần mao thìn. Đắc : Sửu mùi. Hãm : thân dậu tuất Hợi tí.

+ Thái âm : bắc đầu tinh – âm thủy

Miếu : dậu tuất Hợi. Vượng : tí thân. Đắc : Sửu mùi. Hãm : dần mao thìn tỵ ngọ.

+ Tham lang : bắc đầu tinh – âm mộc

Miếu : Sửu mùi. Vượng : thìn tuất. Đắc : dần thân. Hãm : tỵ Hợi tí ngọ mao dậu.

+ Thất sát : nam đầu tinh – dương kim

Miếu : dần thân tí ngọ. Vượng : tỵ Hợi. Đắc : Sửu mùi. Hãm : thìn tuất mao dậu.

+ Thiên lương : nam đầu tinh – âm mộc

Miếu : ngọ thìn tuất. Vượng : tí mao dần thân. Đắc : Sửu mùi. Hãm : dậu tỵ Hợi.

+ Thiên cơ : nam đầu tinh – âm mộc

Miếu : mao dậu thìn tuất. Vượng : tỵ thân. Đắc : tí ngọ Sửu mùi. Hãm : dần Hợi.

+ Thiên đồng : nam đầu tinh – dương thủy

Miếu : dần thân. Vượng : tí. Đắc mao tỵ Hợi. Hãm : ngọ dậu thìn tuất Sửu mùi.

+ Cự môn : bắc đầu tinh – âm thủy,

Miếu : mao dậu. Vượng : tí ngọ dần. Đắc : thân Hợi. Hãm : thìn tuất Sửu mùi tỵ.

+ Phá quân : bắc đầu tinh – âm thủy

Miếu : tí ngọ. Vượng : Sửu mùi. Đắc : thìn tuất. Hãm : dần thân mao dậu tỵ Hợi.

B. Trung tinh

Văn xương : bắc đầu tinh – kim đới thủy – dương

Miếu : tỵ dậu Sửu. Vượng : thân tí thìn. Đắc : dần Hợi mao mùi. Hãm : ngọ tuất.

Văn khúc : nam đầu tinh – thủy đới hỏa – dương

Miếu : tỵ dậu Sửu. Vượng : Hợi mao mùi. Đắc : tí dần thìn thân. Hãm : ngọ tuất.

Thiên khôi nam đầu tinh dương hỏa đới kim.

Thiên việt nam đấu tinh âm hỏa đối mộc.
 Tả phù bắc đấu tinh dương thổ đối kim.
 Hữu bát bắc đấu tinh dương thủy đối thổ.
 Lộc tồn bắc đấu tinh dương thổ đối thủy.
 Hóa lộc mộc đối thổ. Hóa quyền mộc đối thủy. Hóa khoa mộc đối thủy.
 Thiên mã hỏa. Long trì thủy. Phượng các mộc đối thổ. Tam thai thủy. Bát tọa mộc. An quang
 mộc.
 Thiên quý thổ. Đào hoa mộc. Hồng loan thủy đối kim.
 Giải thần mộc. Thanh long thủy. Tấu thư kim.
 Thiên hỷ thủy. Tràn sinh thủy. Thai phụ hỏa đối thổ.
 Thiếu dương hỏa. Thiếu âm thủy. Phong cáo thổ đối thủy.
 Thiên y thủy. Quốc ấn thổ. Thiên thọ thổ.
 Bác sĩ thủy. Hoa cái kim. Lưu niên văn tinh hỏa.
 Thiên trù thổ. Địa giải thổ. Thiên quang quý nhân hỏa.
 Thiên đức hỏa. Nguyệt đức hỏa. Long đức thủy.
 Phúc đức thổ. Tướng quân mộc. Hỷ thần hỏa. Đế vượng kim.

C. Hung tinh

Kinh dương kim đối hỏa bắc đấu tinh (âm).
 Đà la kim đối hỏa bắc đấu tinh (âm).
 Địa không hỏa. Địa kiếp hỏa.
 Hỏa linh hỏa (nam âm). Linh tinh hỏa (nam âm).
 Thiên không hỏa.
 Hóa kỵ thủy, đắc thần tuất Sửu Mùi.
 Đại hao mộc, đắc dần thân Mão Dậu.
 Thiên khốc thủy, đắc tí ngọ Mão Dậu Sửu Mùi.
 Thiên hư thủy, đắc tí ngọ Mão Dậu Sửu Mùi.
 Thiên hình hỏa, đắc dần thân Mão Dậu.
 Thiên riêu thủy, đắc dần thân Mão Dậu Tuất.
 Đường phù mộc. Cô thần thổ. Quả tú thổ.
 Đấu quân hỏa. Thiên thương thổ. Thiên sứ thủy.
 Kiếp sát hỏa. Lưu hà thủy. Phá toái hỏa đối kim.
 Thái tuế hỏa. Quan phù hỏa. Trực phù hỏa.
 Tử phù hỏa. Tuế phá hỏa. Điều khách hỏa.
 Phi liêm hỏa. Phục binh hỏa. Bệnh phù thổ đối mộc.
 Quan phủ hỏa. Mộc dục thủy. Lực sĩ hỏa.
 Bệnh hỏa. Thai thổ. Mộ thổ.

Ý NGHĨA CÁC CHÍNH TINH

CÁC CHÍNH TINH : được chia ra thành 11 loại :

Đế tinh chủ tế các sao trong khoa tử vi là tử vi.
 Phúc tinh chủ về phúc đức thọ là thiên lương, thiên đồng.
 Quyền tinh chủ uy quyền tài lộc là thiên phủ, thiên tướng, thất sát.
 Quế tinh chủ địa vị là thái dương.
 Phú tinh chủ của cải là thái âm.
 Tài tinh chủ tài lộc là vũ khúc, thiên phủ.

Thiện tinh chủ phúc thọ là thiên cơ.
 Dâm tinh là liêm trinh, tham lang.
 Tù tinh là liêm trinh.
 Âm tinh chủ cản trở là cự môn.
 Hung tinh là tham lang.

TỬ VI :

Người có tử vi thủ mệnh thì tính tình trung hậu, thẳng thắn, khiêm nhường, thông minh, thao lược ở cung dần thân tị ngọ.

Ở những cung thìn tuất Sửu mùi liêu lĩnh và dám làm điều phi pháp, có nhiều sáng kiến, hay làm theo ý mình. Riêng ở 2 cung thìn tuất thì tuy thông minh thao lược nhưng có nhiều sự bất mãn nếu có thêm sao sát thì dám làm điều bất nhân.

Ở các cung tỵ hội mao dậu thì tuy nhân hậu nhưng chậm chạp và điềm tĩnh nhưng kém thông minh hơn ở các cung khác.

Nếu ở các cung miếu vượng Đắc Địa thì mặt đỏ tía, hồng hào, lưng đầy, còn ở các cung bình địa thì thân hình nhỏ thó vừa phải.

Tử vi an ở cung nào thì giáng phúc cho cung đó nhưng ở cung nô bộc và giải ách thì không có lợi.

Tử vi chế ngự được tính hung hãn của hỏa linh tăng quyền cho lộc tồn thiên mã và thất sát. Gặp thiên phủ thêm sung túc.

Cung thân mệnh nếu đồng cung với thiên phủ tràng sinh hay đế vượng là người quảng đại và được hưởng phúc thọ.

Cách tử vi an ở cung tị người sinh năm đinh kỷ canh là quý cách, người sinh năm nhâm quý phú không bền.

Tử vi an ở cung ngọ (nhập miếu) người sinh năm bính mậu thất bại và mang tật, người sinh năm giáp đinh kỷ là tài quan cách.

Tử vi ở mao dậu đồng cung với tham lang người sinh năm ất tân được quý cách. Ở 2 cung dần thân đồng cung với thiên phủ người sinh năm giáp canh đinh kỷ là tài quan cách.

Tử vi ở cung tỵ hội đồng cung với thất sát người sinh năm ất dậu là tài quan cách. Ở cung thìn tuất đồng cung với thiên tướng người sinh năm giáp canh đinh kỷ là tài quan cách. Ở cung Sửu mùi đồng cung với phá quân người sinh năm giáp canh đinh kỷ nhâm là tài quan cách.

Nam mệnh : mệnh thân có tử vi thì phúc tài hưng vượng nếu hội đủ quân thần khánh hội thì uy danh lừng lẫy phú quý song toàn. Thủ mệnh là người trung hậu hiền lương, gặp 2 sao sát (nhị sát) thì không sống lâu, gặp kinh dương đà la hội lại thì xấu. Tử vi ở thìn tuất gặp phá quân là có phú nhưng không quý và hay làm điều kém nhân nghĩa chỉ là hư danh.

Tử vi gặp tham lang ở mao dậu là người ưu thời mẫn thế chỉ muốn đi tu để giữ gìn gia phong nếu lại hội hỏa linh kinh đà và thất sát là người tỵ tiện cô đơn và bị hình thương có tật. Nếu gặp xương khúc tấu thư thì nghiên cứu văn chương triết lý mà được nổi tiếng. Gặp cát tinh miếu vượng địa như vũ khúc thiên tướng xương khúc khôi việt khoa quyền lộc long phượng thì được uy quyền hiển hách thọ song toàn, giàu sang trọn đời (đế tinh gặp nhiều bầy tôi tài giỏi phụ tá).

Gặp tuần triệt án ngữ hay bị kinh đà xung phá thì như vua bị hung đồ vây hãm, kém đi nhiều giảm phú quý, lúc trẻ lặn độn yếu đau, nếu hôn tẩu sống xa nhà thì tránh yếu tử.

Tử vi đơn thủ tại mệnh ở ngọ (nhất là cho người mạng kim và thổ) là tốt nhất vì nguyên một sao tử vi đã kết hợp gần hết những đặc tính của người đàn ông. Những người có sao này đa số

đều cao lớn hiên ngang oai vệ bất thiệp diện mạo khôi ngô và tính tình hay lừa lắt. Nếu có khôi việt hồng đào chiếu thì sự tốt đẹp càng gia tăng và đương số thành công dễ dàng cả về phương diện công danh tiền tài lẫn tình cảm. Trường hợp này nếu lại gặp 2 sao không kiếp xâm nhập hoặc bị tuần triệt án ngữ thì mất hết cách hay để thành gần đỡ ngang bướng và lắm cẩu.

Tử vi thiên phủ đồng cung ở dần thân cũng rất tốt nhưng tử phủ đồng cung ở thân thì tốt hơn về phương diện khác và cũng với điều kiện không gặp không kiếp và tuần triệt mới được. Tử phủ đồng cung thì tính tình đứng đắn đạo mạo nếu có thêm lộc tồn cô quả thì đương số là người ít nói.

Về cách tử vi thất sát đồng cung ở tỵ hội thì cũng có đặc tính tương tự như tử phủ ở dần thân nghĩa là con người đàng hoàng đứng đắn chỉ biết làm ăn nuôi vợ nuôi con mà thôi.

Tử vi đóng ở mệnh thân là thế con trưởng.

Nữ mệnh : về phía nữ mà mệnh có tử vi thiên phủ có cát tinh hội chiếu là số mệnh phụ, vượng phu ích tử. Nếu tử vi ở cung phu tam phương tứ hướng có sao tốt chiếu thì lấy chồng có chức tước vinh hiển. Đàn bà có tử vi tham lang thủ mệnh thì số phong trần. Có tử vi thiên phủ đồng cung ở dần thân thì rất hay, nếu lại thêm hóa khoa đồng cung hoặc khôi việt hội chiếu thì thật là hay. Riêng hóa khoa có đặc điểm là thông minh nhân hậu, tốt từ trong bụng tốt ra chứ không phải là đạo đức giả. Vì vậy theo cách bố cục các sao đào hoa không bao giờ đồng cung với tử phủ ở dần thân vì đào hoa chủ về lăng lợ lăng mạn, còn hồng loan thì cũng có khi đồng cung như tuổi sừ mùi nhưng không đáng ngại vì hồng loan chủ về 2 đời vợ chồng hoặc trắc trở về tình duyên chứ không có nghĩa đa tình như đào hoa nhất là khi hồng loan đã được tử phủ chế hóa đi nhiều.

Nữ mệnh mà có tử vi cư ngộ thì chỉ tốt về công danh sự nghiệp chứ tính tình thì lại kém phần đạo đức vì cung ngộ là một trong 4 vị trí của đào hoa. Và khi đào hoa cư ngộ thì người đàn bà này lại hay giỡn với ái tình và dễ dàng trở thành bạc tình vì có nhiều kếp. Người đàn bà có tử vi cư ngộ thì tính nết cũng kiêu kỳ đài cát. Ở phái nữ cách tử vi thất sát đồng cung cư mệnh cũng khá tốt nhưng đàn bà này lại quá nghiêm nghị và đứng đắn đạo đức đến nỗi mất cả nữ tính khiến cho người chồng người yêu cũng cảm thấy sự thiếu khăng khít của mối tình nhưng bù lại người đàn bà này lại vượng phu ích tử hoặc có tài làm ra tiền một cách dễ dàng. Còn những cách khác như tử tham mao đầu, tử tướng thìn tuất, tử phá sừ mùi đối với người đàn bà cũng như đối với người đàn ông thì không được tốt lắm vì tham lang mao đầu cũng có cách xấu tiêu biểu nhất là khi có đào hoa ở mao hay ở đầu. Tử vi thiên tướng thì lại phạm câu đế tọa la vông hoàn vi phi nghĩa chi nhân. Còn tử vi phá quân tuy khá hơn nhưng lại gần bướng bất cần đời mặc dù cũng đứng đắn.

Nói tóm lại về nữ mệnh tử vi miếu vượng đắc địa thì vượng phu ích tử, đoan trang, giàu sang trọn đời, sớm lấy chồng hiền (tử vi ở dần ngộ thân). Nếu tử vi ở tỵ tỵ đầu hội gặp tứ sát thì như ngọc có vết, về hậu vận không tốt.

Người mạng hỏa kim thì được hưởng danh giá phong lưu phú quý. Người mạng thủy gặp sao xấu thì ương ngạnh hơi gần (mát) và chậm chạp.

Về cả nam lẫn nữ tử vi tọa thủ tại mệnh thì phúc tài hưng vượng dù lâm nhược địa hạn suy cũng không đáng sợ lắm. Mệnh thân có tử vi lộc tồn và tả hữu hội chiếu thì phú quý vô cùng. Tử vi thiên phủ lại có kinh dương đồng cung là cách buôn bán lớn. Có vũ khúc ở thiên di, tử vi thiên phủ ở mệnh thân là người buôn bán trở nên tĩ phú. Mệnh thân có tử vi phá quân không có tả hữu và cát tinh là bọn quan liêu hống hách hung ác hại dân hại nước. Mệnh thân có hóa lộc hóa quyền ngộ kinh đà thì tuy có chức vụ lớn và giàu có lớn nhưng vô đạo và bất lương.

Tử vi ngộ không kiếp hồng đào nhập mệnh là số chết non, nếu có riêu hỏa là người đứng đắn nhưng hay làm việc ngấm ngầm không ai biết nhưng cũng không làm hại ai cả.

Tử vi ngộ lộc tồn hay hóa lộc được nhật nguyệt thì giàu có sang trọng không thể nói được. Tử vi phá quân tham lang hay làm điều dâm ác hoặc nghĩ chuyện tà dâm, nếu có liêm trinh hay vũ khúc thì giải được.

Chú ý : tử vi ở thìn tuất Sửu Mùi là tử mộ thêm cát tinh thì giàu có uy quyền tiếng tăm lừng lẫy. Thêm phá quân phú quý nhưng ở 4 cung thìn tuất Sửu Mùi thành con người xảo quyệt tội bất trung, con bất hiếu, tham hư danh vì sao phá quân xúi giục tử vi làm điều bất chính hay gian ác nhưng dù sao cũng chỉ trong một thời gian thôi, nếu có thiên khôi hoặc sao giải thì lại tốt. Nếu tử vi phá quân không có cát tinh không có tả hữu thì tham quan ô lại hung ác ngu dốt, nếu thêm hung tinh là người phản trắc bất nhân làm điều bất nghĩa.

Tử vi gặp tả hữu hồng đào khôi việt thì quý hiển, không gặp tả hữu là vô dụng, đão nhị hạn giải được hung ác của kinh đà linh hỏa. Hãm Địa thường bị đau dạ dày kiết lỵ.

Giải nghĩa phú : tử vi nam hợp nữ dần cung, nhâm giáp sinh nhân phú quý đồng : trường hợp nam có tử vi cư hợp (có thất sát đồng cung) tức là được cách tử sát đồng cung tỵ hợp nhất triều phú quý song toàn. Nếu tuổi nhâm thì thật là tốt vì có lộc tồn đồng cung thêm cả hóa quyền về cách an sao tử hóa : cung tài có hóa kỵ (kỵ nằm cung này rất đúng chỗ) còn hóa khoa tùy thuộc vào tả hữu nên không thể xét đến, như thế làm gì không quyền quý. Còn tuổi giáp thì kém hẳn vì lộc tồn ở dần chứ không ở mệnh nữa (tử sát mất lộc tồn ở mệnh sẽ kém nhiều) còn hóa lộc hóa quyền chạy sang cung quan gặp liêm phá Hãm Địa cũng không hợp mà nhất lại là xung chiếu với cung thê làm cho vợ lẩn át chồng sẽ trở nên oai quyền hơn nhiều. Nếu tử vi có thiên tướng không thôi như tuổi nhâm thì vợ đảm đang nết na.

Về trường hợp nữ mệnh cũng chỉ áp dụng cho chữ giáp mà thôi. Vì như thế mới có lộc tồn tại mệnh hội tử phủ cư đầu, còn gì phúc hậu cho bằng. Còn về bộ tứ hóa theo câu an giáp : liêm phá vũ dương thì hóa lộc ở cung quan, hóa quyền ở cung phu, hóa khoa cung tài bạch, hóa kỵ cung phụ mẫu. Khi hóa lộc an cung quan lộc thì đương số được hưởng cách song lộc như thế tiền để đâu cho hết nhất là bộ tử phủ là cách vượng phu ích tử lại càng hay cho chồng vì hóa lộc xung chiếu về cung phu có hóa quyền đóng ở đó là chồng có khả năng nuôi vợ và có uy tín với vợ. Đó là cách hay cho người đàn bà, ngoài ra còn hóa khoa cư tài bạch lại càng chứng tỏ tư cách trung hậu của người đàn bà về phương diện tiền bạc.

Giải nghĩa phú : đế tọa thiên la thân cư triệt xứ, giáp kỷ nhân chung thân bất toại chí, đa trái nhân duyên. Nghĩa là nếu tử vi đóng tại cung thìn mà thân cư (chứ không phải là cung thân) lại đóng tại cung có triệt án ngữ và lại là tuổi giáp kỷ thì suốt đời không toại nguyện về công danh sự nghiệp và ngay cả phần vợ con cũng chịu nhiều trở ngại. Khi hiểu ra câu này có nhiều người thắc mắc tại sao chỉ đề cập đến triệt án ngữ tại thân chứ không nói đến triệt án ngữ tại mệnh vì mệnh có 2 chính tinh tử vi thiên tướng là 2 sao sợ triệt nhất. Tại sao chỉ có 2 tuổi giáp kỷ mới bị ảnh hưởng xấu như vậy ? Sau hết là tại sao chính triệt lại gây trở ngại cho chính vợ con ? Mặc dù không ảnh hưởng trực tiếp đến cung thê và cung tử.

Nếu triệt án ngữ tại mệnh thì tuy xấu thật nhưng chỉ cản trở cho tiền vận là thời kỳ chưa có công danh cho nên câu phú chỉ đề cập đến trường hợp triệt án ngữ tại thân là thời gian hợp lý cho công danh (ngoài 30 tuổi trở đi). Hạn nào triệt án ngữ tại cung quan lộc mới hại trực tiếp cho công danh, còn ở mệnh chỉ cản trở chung cho mọi phương diện, ngoài ra 2 tuổi giáp kỷ có triệt án ngữ tại thân đầu là 2 tuổi chịu ảnh hưởng xấu cho nên không thể đặt vấn đề triệt án ngữ tại mệnh vì những điểm xấu khác nêu ra dưới đây không còn nữa.

Còn về điểm 2 và 3 ngoài sự tác hại của tuần triệt án ngữ ngay tại cung quan lộc như đã nói ở trên là tuổi giáp kỷ còn chịu thêm nhiều sự bất lợi khác chứng tỏ sự lận đận trên đường công danh. Như trường hợp tuổi giáp thì phải có lộc tồn cư dần và theo câu phú mệnh cư thìn thì cung thê ở dần có tham lang tọa thủ theo bố cục. Khi cung thê có lộc tồn mà cung quan bị triệt án ngữ thì cách xấu chứng tỏ người chồng phải về xưa gà cho vợ. Ngoài ra cung thê còn có tham lang thu hút hóa lộc ở cung quan, hóa quyền ở cung thiên di chiếu về nói lên sự quán xuyến của bà vợ khiến người chồng phải lệ thuộc quá nhiều về vợ và đáng tiếc là vợ không được đàng hoàng nét na vì tham lang hội lộc tồn chủ về sự ích kỷ tham lam vô bờ bến luôn đặt đồng tiền trên nghĩa vợ chồng và người chồng phải chịu sự ngang trái về vợ hơn là chính người vợ phải chịu lận đận vất vả nuôi chồng. Sau hết nên lưu ý ở điểm đại hạn ở giai đoạn ngoài 40 tuổi ở cung quan lộc bị triệt cho nên càng bị kẹt nhất là mệnh có tử vi thiên tướng tối kỵ hạn có triệt án ngữ. Đối với tuổi kỷ thì tránh được lộc tồn cư thê nhưng lại bị hóa quyền chèn vào thay thế. Hóa quyền mà đồng cung với tham lang thì còn nhục nhã hơn vì tham lang gặp quyền ở thê chứng tỏ người chồng hoàn toàn bị vợ nắm đầu không có quyền bất cứ việc gì. Nếu cung quan không bị triệt thì có thể ở nhà sợ vợ nhưng ra ngoài xã hội vẫn có địa vị và uy quyền. Nói tóm lại tuổi kỷ còn tệ hơn tuổi giáp. Còn về phương diện con cái đa trái ta có thể suy luận là khi người cha đã lận đận công danh thì đương nhiên con cái phải chịu ảnh hưởng nhất là khi cha lại vất vả đúng vào thời kỳ con cái lớn khôn. Nếu nói rằng con cái có thể nhờ mẹ được nhưng trường hợp có tham lang chưa chắc đã hết lòng cho con cái mà còn có thể hướng tâm hồn vào các chuyện ám muội. Riêng về khía cạnh tử vi thì cung tử tức chỉ có nhật nguyệt cư sủu mà không được cách gì khác bổ túc cho thì đương nhiên con cái phải vất vả. Tuổi giáp còn đỡ hơn một chút vì có hóa kỵ đồng cung với nhật nguyệt.

THIÊN PHỦ : nam đầu tinh – dương thổ

Miếu : tí ngọ dần thân. Vượng : thìn tuất. Đắc : tỵ hợi mùi. Bình : mao dậu sủu. Hãm không có tuy nhiên nếu thiên phủ đóng cung nô thì coi như hãm.

Thiên phủ thủ mệnh là một mẫu người thuần hậu khoan nhả độ lượng quyền bính và có mưu cơ giải quyết những sự khó khăn. Bất cứ đóng ở cung nào có thiên phủ thủ mệnh đương số cũng là người đứng đắn khoan dung dù có bị tuần triệt thì cũng chỉ giảm đi phần nào chứ không bị kết quả ngược lại. Nếu có thêm cô quả lộc tồn quan phúc thì chắc chắn đương số sẽ sống như một nhà tu hành.

Thiên phủ tuy là thổ không bị ảnh hưởng các hành của tuần triệt nhưng cũng kỵ 2 sao này án ngữ chung, nếu gặp không kiếp ở mệnh thân thì giảm đi rất nhiều sự tốt đẹp.

Thiên phủ cũng là một sao giải trừ bệnh hoạn và tai nạn nhưng chỉ chế ngự được hung tinh hạng trung chứ gặp các hung tinh chiến lược như kình đà không kiếp tuần triệt thì đích thân thiên phủ cũng không chống lại nổi.

Nam mệnh : như trên đã nói thiên phủ chủ về quyền và lộc. Thủ mệnh ở dần thân tí ngọ thìn tuất là người thanh tú đẹp đẽ từ thiện đôn hậu thâm trầm cuộc đời nhàn hạ giàu sang. Nếu gặp tuần triệt không kiếp thì người hơi cao tính ương ngạnh phóng đảng, hay tính chuyện viễn vông, hay bất mãn, cuộc đời túng thiếu. Nếu gặp nhiều sát tinh thì lại là hạn lưu manh. Bởi vậy thiên phủ cần tránh thiên không địa không địa kiếp tuần triệt... và càng gặp nhiều cát tinh thì phúc lộc càng tăng.

Nữ mệnh : thiên phủ đóng nơi miếu vượng Đắc Địa thì mặt mày tươi tốt vượng phu ích tử. Nếu gặp tuần triệt không kiếp thì lo âu sầu não vì chồng con và cũng không thọ. Nhưng nếu thiên phủ gặp không kiếp mà lại gặp thêm thanh long nữa thì hóa ra lành. Đàn bà có thiên phủ gặp không kiếp thì da ngăm ngăm đen và gầy, không có tuần triệt không kiếp thì là người nhân

hậu hay làm việc từ thiện và đức hạnh đoan chính. Nếu gặp các sao này lại là người ăn hoang mặc rộng, chơi bởi bữa bãi, ương ngạnh gian trá và hay lừa gạt, nói dối và làm những điều bê bối.

Ngoại trừ không kiếp thiên phủ chế ngự được tính cách hung bạo của các hung tinh như hỏa linh kinh đà. Đây là nói một chọi một chứ có cả 4 sao kể trên tụ hội một nơi thì thiên phủ không sao chế ngự nổi. Nếu gặp 4 sao trên lại thành người bông bột nông nổi, phạm nhiều điều lầm lỗi khó nuôi con, có sách khuyên đi tu thì tốt. Thân mệnh có thiên phủ thì kiểu điểm như hoa mùa xuân, tam hợp hay đồng cung có tử vi thì rất quý. Có thiên phủ thiên tướng hay thiên phủ thiên tướng triều viên thì là cách trung bình vì đương số chỉ chăm chú làm ăn nuôi chồng nuôi con không có gì là xuất sắc và cũng không có gì là đáng chê trách. Thường thường những người có cách này hay làm công chức và sống một cuộc đời nề nếp.

Thiên phủ rất tốt cho người có mệnh kim và thổ, mệnh hỏa và mộc thì bình thường, mệnh thủy thì không được tốt.

Thiên phủ giải trừ được hung tai bệnh tật và chế ngự được kinh dương đà la, biến 2 sao hỏa linh thành phúc tinh.

Nếu thiên phủ cùn gmột lúc gặp kinh đà hỏa linh thì uy quyền bị xúc phạm, của cải bị phá thường gây hao tán tiền bạc.

Thiên phủ gặp kinh dương địa kiếp ở tí thì hay ăn nói bữa bãi và phạm nhiều sự sai lầm.

Thiên phủ ngộ kiếp không hay tuần triệt án ngữ thì tính nết thâm trầm chơi bởi phóng đảng, thích phiêu lưu nay đây mai đó, hay mưu toan những sự viển vông không đem lại kết quả.

Thiên phủ ở cung miếu vượng đắc thì cuộc đời giàu sang phú quý, ít tai nạn ít vất vả, nếu có tứ sát thì không quý nhưng lại nhiều tiền bạc ruộng vườn.

Thiên phủ hội cát tinh được phú quý vinh hiển, sự nghiệp hiển hách. Nếu gặp thiên không địa không thì tiền tài tụ tán thất thường không giữ được sản nghiệp.

Thiên phủ ngộ thiên hình nếu có khoa quyền lộc xương khúc tả hữu thì làm những công việc pháp luật như chánh án trạng sư. Nếu có thêm thái tuế tấu thư thì hay làm việc như thanh tra, cảnh sát viên.

Thiên phủ thiên hình gặp không kiếp hay bị người ta ghét và sự nghiệp không bền vững.

Thiên phủ như đã nói ở trên là một sao giải khá mạnh nếu đóng ở cung tật ách thì làm giảm hay né tránh được nhiều tai họa hoặc bệnh tật. Là tài tinh và quyền tinh nên thiên phủ ở 2 cung tài bạch và điền trạch (ở thìn tuất dần thân tí ngọ tỵ hội thì rất đắc cách, đương số vừa có cửa chìm vừa có cửa nổi. Riêng ở 4 cung Sửu Mùi Mão Dậu thì hơi sút giảm. Ở cung quan mà đồng cung với tử vi vũ khúc hoặc liêm trinh thì phú quý song toàn, đồng cung với vũ khúc thì đa số là công chức cao cấp trông nom về tài chánh (quan thuế, thuế vụ ngân hàng...). Nếu thiên phủ ở 4 cung Mão Dậu Sửu Mùi thì làm công chức hoặc tư chức không bền nhưng nếu buôn bán thì thành giàu có lớn.

Thiên phủ an ở dần thân là nhập miếu cùng tử vi đồng cung người sinh năm giáp canh đinh kỷ là tài quan cách.

Thiên phủ an ở tí ngọ là miếu địa gặp vũ khúc người sinh năm đinh kỷ quý là phúc tài quan cách.

Thiên phủ an ở Mão Dậu là bình địa người sinh năm ất bính tân là tài quan cách.

Thiên phủ an ở thìn tuất là vượng địa đồng cung với liêm trinh người sinh năm giáp canh nhâm là tài quan cách.

Thiên phủ ngộ khôi việt xương khúc là tài giỏi văn chương quán thế, tài ba lỗi lạc, thi hay đậu cao, đi làm có địa vị ăn trên ngồi tróc.

Thiên phủ ngộ thiên không địa không nhưng nếu có thanh long thì giảm xấu đi rất nhiều.

Thiên phủ gặp tấu kinh đà riêu y vũ khúc thì là người có tài về kiến trúc hoặc xây cất.

Thiên phủ mộc dục hoa cái ở nữ mệnh là đàn bà đa dâm.

Thiên phủ đồng cung với tử vi ở dần hội khoa quyền lộc thêm kinh dương tả hữu thì làm công việc văn chương kiêm cả võ và uy quyền được nể phục, còn nếu có tuần triệt thì bị giảm đi rất nhiều chỉ còn đứng vào bậc trung thôi.

Phủ tướng triều viên toàn gia thực lộc, tốt nhất ở ngộ tuất, tuổi giáp thì được thêm quý hiển.

Phủ tướng lương đồng rực rỡ tốt đẹp như quân thần khánh hội ở triều đình.

Hạn gặp thiên phủ là gặp kho tài lộc, làm ăn gặp nhiều chuyện may mắn, nhiều sự vừa ý.

Tử vi thiên phủ ở dần thân gặp nhiều sao tốt thì làm nên sự nghiệp lớn. Nếu thiên phủ độc thủ ở Sửu Mùi gặp tuần triệt không kiếp thì cả đời vất vả mới đủ ăn.

Thiên phủ ở dần tuất hội mao gặp cát tinh người tuổi kỷ thì làm nên, người tuổi tỵ Dậu Sửu Mậu Bính Tân thì có văn võ toàn tài và có sự nghiệp khá giả. Người tuổi giáp Canh Thiên Phủ đóng ở Hợi Mão Mùi thì trước khấm khá sau kém và cũng là người xảo quyệt không thật thà.

Thiên phủ lộc tồn xương khúc ở mệnh, tài bạch và điền trạch là người đại phú.

LIÊM TRINH : bắc đầu tinh – âm hỏa

Miếu : thìn tuất. Vượng : tí Ngọ dần thân. Đắc : Sửu Mùi. Hãm : tỵ Hợi Mão Dậu.

Liêm trinh còn gọi là đào hoa tinh thứ hai chủ về quan lộc và hình ngục.

Liêm trinh đắc địa gặp văn xương quan phủ hay liên trinh hãm địa chủ sự kiện cáo tù tội nên còn gọi là tù tinh. Liêm trinh hãm địa gặp nhiều hung sát bại tinh nhất là lục sát tinh và kỵ hình hợp thành một bộ sao tác hại khủng khiếp.

Liêm trinh ở cung miếu vượng đắc địa thủ cung mệnh thân có đặc tính như sao đào hoa nên gọi là sao đào hoa thứ hai. Liêm trinh dù ở cung miếu vượng hay đắc địa và cứ gặp văn xương quan phủ phục binh phi liên và không gặp sao giải hoặc phi liên hãm địa (tỵ Hợi đồng cung với tham lang) là chủ sự kiện cáo tù tội nên gọi là tù tinh.

Liêm trinh hãm địa ở tỵ Hợi Mão Dậu là người ngiệt ngã nham hiểm, có óc kinh doanh và chân tay khéo léo làm về ngành tiểu công nghệ hay buôn bán thì khá giả nhưng tâm địa thì hèn hạ, cả đời bồn tẩu vất vả và hay mắc vòng tù tội.

Liêm trinh hãm địa gặp các sao thuộc lục sát tinh, lục bại tinh thì cả đời nguy khốn ngục tù yểu vong hoặc gặp thiên hình hóa kỵ kết thành một bộ sao hung tinh tác hại rất khủng khiếp (liêm trinh hóa thành sát tinh).

Nếu ở hãm địa mà gặp riêng một hóa kỵ thì giải được hết các tai ách và trở nên khá giả. Song nếu có hóa kỵ mà gặp xương khúc thì lại càng xấu, nhất là tuổi bính không tránh được khỏi sự yểu vong.

Nếu hãm địa ở Mão Dậu mà gặp linh tinh hỏa tinh là hạng người nguy hiểm chỉ chuyên mưu chuyện hại người.

Liêm trinh hợp với mạng hỏa thổ mộc, khắc với mạng thủy mạng kim.

Tướng mạo tính tình : liên trinh tọa thủ ở các cung miếu vượng đắc địa (mệnh hay thân) là một hạng người phi thường mặt ngắn và thường hay có nếp nhăn sớm, mắt hơi to hay nhìn thẳng miệng rộng, xương cốt lộ và sắc mặt khắc khổ. Tính nết ngang bướng phóng khoáng và thích tranh đấu. Ở 2 cung thìn tuất là nhập miếu, theo ngành võ nghiệp là quý cách. Ở dần thân thì có sức khỏe tính nết ngay thẳng, anh hùng dũng mãnh, dám làm chuyện táo bạo hay gan đua, thích hơn người ưa bề ngoài.

Gặp thiên phủ thiên tướng tả hữu là người có thực quyền trong tay. Gặp thêm lộc tồn thì được cả phú lẫn quý. Nếu có khôi việt quang quý là người đứng đắn, vóc dáng xinh tươi đẹp đẽ, tinh thần minh mẫn học 1 biết 10. Gặp thất sát thì được võ công hiển hách. Nếu có phá quân hỏa tinh thì là người lòng dạ lang thú, giao thiệp với họ rất nguy hiểm.

Tuy gọi là đào hoa tinh thứ hai (hay dâm tinh) nhưng liêm trinh không có nghĩa lăng lơ như đào hoa mà chỉ có ý nghĩa là quyến rũ người khác phái. Nếu đi đôi với tham lang lại chủ về dâm dục.

Liêm trinh ở các cung hãm thì người gầy đen và liêm trinh gặp đào hoa số vất vả gian truân. Ngộ hung tinh thì tính tình cay nghiệt ác độc. Ngộ phá quân thì tính nết bất thường.

Nếu liêm trinh ở cung miếu vượng đắc địa ngộ nhiều hung sát tinh thì tính tình cũng giống như tướng mạo đều bị kém đi. Trái lại nếu liêm trinh hãm địa mà gặp nhiều sao cát tinh thì đỡ xấu đi rất nhiều.

Liêm trinh hãm địa thì có máu mê cờ bạc. Đồng cung với tham lang ở tỵ hợi thì luôn luôn có việc lui tới cờ bạc hay vào tù ra khám.

Liêm trinh thủ mệnh ở nhàn cung có tham phá kinh hỏa thì dù cho có địa vị lớn tài lộc dồi dào về sau cũng chán nản và bất mãn. Liêm trinh lạc hãm ở nhàn cung thì dù cho có cát tinh chiếu cũng bị hung tật hoặc hoạn nạn ác hiểm khó thoát nếu lại bồi thêm một vài hung sát tinh thì có thể yếu tử. Gặp không kiếp thì tính tình gần gũi, ham mê tử sắc hoặc cờ bạc mà bị tù tội.

Liêm trinh hãm ngộ hình kỵ thì mắc nhiều chứng bệnh về máu huyết và mụn nhọt.

Mệnh có liêm trinh miếu vượng thì đứng đắn thanh khiết, con cháu được hưởng đức của mình để lại.

Đàn bà nên tránh lấy chồng sớm để khỏi sớm góa bụa.

Liêm trinh đóng ở cung thân mà không gặp sát tinh thì hưởng phú quý đầy đủ.

Liêm trinh cư mệnh hay quan đồng cung với tham lang ngộ triệt thiên đức hay nguyệt đức thì làm nên và được lâu bền, nếu có thay đổi công việc cũng không sợ. Nếu thêm 2 sao thiên quan thiên phúc lại càng tốt chứng tỏ đương số ưa làm việc thiện.

Liêm trinh ở mệnh ám hợp có cự môn và đầu quân là hạng tham quan ô lại.

Liêm trinh đi với thiên tướng thì dũng mãnh uy quyền danh giá. Thiên tướng cặp với liêm trinh thì rất lợi vì chế ngự được cái nóng nảy của liêm trinh.

Liêm trinh hội hồng loan xương khúc thiên khôi là người mưu trí được nhiều người tin cậy.

Liêm trinh ngộ hình ở ngộ có tuần triệt án ngữ thì dễ dàng vào tù ra khám. Nhưng nếu có khoa quyền lộc thì lại làm ngành thẩm phán, cũng như liêm trinh ngộ thiên hình đắc địa thì làm quan tòa nổi tiếng quan võ xuất sắc.

Liêm trinh ngộ văn xương văn khúc thì số bốn ba.

Liêm trinh gặp phá quân hóa kỵ tham lang thì có thể bị chết thảm vì nạn cháy nếu không có sao giải.

Liêm trinh ngộ địa kiếp thì có thể chết trong chốn ngục tù.

Liêm trinh bạch hổ dễ bị tù tội.

Liêm trinh văn khúc đồng cung là một đời bốn ba mặc dầu có nhiều tài sản.

Liêm trinh ngộ kiếp sát (tỵ ngộ) nếu không có sao giải, ở tỵ có thêm thanh logn thì chết trong chốn lao ngục hoặc tự vẫn chết.

Liêm trinh ngộ cự môn kinh dương thì hay bị khẩu thiệt. Tuổi bính ở tí ngộ mao dậu làm ăn chóng lên và cũng chóng xuống.

Liêm trinh kinh dương đà la hỏa linh thì hay bị bắt bớ, lui tới cờ bạc như cơm bữa. Nếu kinh dương đắc địa gia thêm kiếp sát thì có thể bị ám sát chết.

Liêm trình ngộ kinh kiếp ở mao dậu, suốt đời phải lui tới cò bót, đề phòng tù tội.

Liêm hỏa linh lòng lang dạ thú, hay làm việc bất nhân.

Liêm phá hỏa linh hình cũng như mệnh giáp hình việt bị điện giật chết hoặc bị sét đánh, cần phải có tuần hay triệt cứu giải.

Ở cung tử tức nếu đi với bộ sát phá tham thì sát con hoặc khó nuôi con hay con không hiển đạt.

Đi với bộ tử phủ vũ tướng thì còn gỡ gạc được và con cái khá giả thành đạt.

Ở cung phối thì chồng hay vợ nghèo hoặc lập gia đình muộn hay hình khắc gia đạo. Nếu cung phối có sát phá tham tướng gặp thiên phủ đi đôi với Liêm trình thì đỡ, tuy vợ chồng xung khắc nhưng phải lập gia đình trễ mới tốt.

Ở cung quan lộc thì làm ơn nên oán hay bị thị phi gièm pha. Liêm trình phá quân hay thất sát là số chết đường (nếu ở cung thiên di). Liêm trình hợp với cung quan lộc ở dần thân hay Liêm trình đồng cung với thiên phủ hoặc tướng thì thành công về võ nghiệp hay chính trị, có uy quyền lớn. Nếu có thêm sát kinh thì khó tránh ngục tù.

Liêm trình ở cung phụ mẫu nếu có phủ hoặc tướng đồng cung thì cha mẹ giàu có và có địa vị.

Ở giải ách thì có sẹo hoặc có tật ở tứ chi hay ở lưng.

Liêm trình thất sát ở mệnh hay ở cung thiên di : trai phong trần nay đây mai đó, gái bạc tình (nhiều đời chồng) về hậu vận mới khá.

Liêm trình ở sủu ngộ thìn tuất thủ mệnh giàu có phong lưu.

Mệnh hay thân giáp Liêm giáp sát thì công danh sự nghiệp về già mới khá.

Liêm trình ngộ tuần hay triệt ngộ không hay kiếp suốt đời lông bông lêu lổng.

Liêm trình ngộ tướng quân ở thân tài ba bản lãnh làm nên nghiệp võ.

Theo cụ Vân Đằng Thái Thứ Lang thì Liêm trình hãm địa thủ mạng là người ham mê cờ bạc.

Mệnh thân có Liêm trình tọa thủ ở thân mùi, 2 cung không có ác sát tinh là cách phú quý vinh hiển danh tiếng lừng lẫy.

Mệnh có Liêm trình tọa thủ ám hợp với cự môn là những nha lại hống hách tham nhũng hay là người tu hành tham sân si.

Mệnh có Liêm trình thất sát miếu vượng địa là số giàu sang phú quý, nếu ở vào cung hãm địa lại gặp hóa kỵ là người gian tham bần tiện.

HẠN :

Đại tiểu hạn gặp Liêm trình ở miếu vượng gặp cát tinh thì tài lộc tự nhiên đưa đến được khá nhiều. Hạn gặp Liêm trình hóa kỵ kinh dương là bị tai bay vạ gió lưu huyết hay mổ xẻ hoặc bị ám sát hay thanh toán khó tránh khỏi, gặp sát phá ất bị tù. Hạn gặp Liêm tham ở ty hợi hay bị vào tù ra khám, cần gặp hóa kỵ hay tuần triệt hóa giải. Liêm trình ngộ kinh dương đà la cũng nhiều suy tư và nhiều rủi ro.

Mệnh có Liêm trình thất sát ở sủu mùi hạn gặp quyền lộc thì hoạnh phát công danh và tài lộc.

Mệnh có Liêm trình thiên tướng ở tí ngộ hạn ở 2 cung la vông (thìn tuất) gặp tham linh kinh đà hội hợp bị tai nạn bất đắc kỳ tử (hạn của Hàn Tín).

Liêm trình nhập miếu vượng đắc địa ở hạn danh vị to. Ở ty hợi phòng bị hiểm thù hoặc tù tội (nếu có thiên hình thì khó tránh).

Liêm trình nhập hạn gặp cự môn thái tuế cãi nhau sinh kiện.

Liêm vũ hãm nhập hạn bị rắn cắn hay gõ đề.

Mệnh có Liêm trình phá quân nếu đại tiểu hạn trùng phùng lại thêm sát tinh bại tinh phải luôn luôn đề phòng mọi sự nguy hiểm.

Năm Sửu năm Mậu hạn gặp Liêm phủ dễ làm ăn. Năm Sửu tuổi Đinh và Canh gặp sao Liêm trình thiên đồng thì gặp quan tọng khẩu thiệt, công việc luôn luôn thay đổi một cách bất lợi.

Năm dần tuổi Bính Mậu gặp Liêm trình thái tước phòng quan tọng khẩu thiệt, nếu thêm phi Liêm và phục Bính thì có nguy cơ bị trộm cướp lừa đảo.

Năm Mão tuổi Giáp Bính gặp Liêm trình thì tán tài.

Năm Thân tuổi Canh Quý gặp Liêm trình thì phát phúc.

Năm Mậu tuổi Bính Canh gặp Liêm trình thì rất xấu.

Năm Tuất tuổi Bính gặp Liêm trình gặp Liêm trình cũng rất xấu.

Hạn gặp phá sát Liêm tham hư khốc khách bạch hổ kinh đà thiên thương tức là hạn trúc la năm đó rất xấu, tang thương đau ốm.

Mệnh vô chính diệu cần gặp sát phá Liêm tham hoặc các sát tinh hay các bại tinh nhập hạn. Các sao kể trên nhập hạn còn tốt hơn là tử phủ cơ nguyệt đồng lương và cự nhật tốt đẹp nhập hạn.

Mệnh vô chính diệu đại hạn gặp sát phá Liêm tham sát tinh và bại tinh thì mưu sự bao giờ cũng bất lợi, hậu vận mới hạnh thông, các trở ngại ban đầu dần dần sẽ vượt qua rồi thành công.

Trong trường hợp này :

Nếu sát phá Liêm thanh, sát tinh bại tinh được sáng sửa tốt đẹp thì thành danh tài hoạnh phát mọi việc thành công một cách dễ dàng.

Nếu sát phá Liêm tham bị mờ ám xấu xa thì tuy vẫn thành công nhưng phải đoán là may ít rủi nhiều khiến cho mình phải lo lắng buồn phiền vất vả.

Tóm lại : khi có sao Liêm trình tử mệnh hoặc ở cung phúc đức quan lộc thiên di tài bạch hoặc Liêm trình nhập hạn phải xem thật kỹ rồi hãy đoán vì Liêm trình là sao đào hoa là tài tinh quan lộc tinh. Cứ xem đặc tính rồi nhận thấy Liêm trình tùy thuộc các sao phụ.

THIÊN TƯỚNG : nam đầu tinh – dương thủy – quyền tinh

Miếu : dẫn thân. Đắc : Sửu mùi ty hội. Vượng : tí ngọ thì tuất. Hãm : mao dậu.

Thiên tướng chủ về sự phước thiện ngay thẳng và oai nghiêm vì thế nếu đóng ở cung quan lộc thì hợp và tốt hơn cả.

Ở cung mệnh thiên tướng cũng là quyền tinh và dũng tinh. Thiên tướng có đặc tính là có thể chế ngự được sự khắc nghiệt và nóng nảy của Liêm trình khi đồng cung. Nếu thiên tướng cư ở các cung miếu vượng đắc địa có thể hóa giải được sự hung ác cũng các hung sát tinh và coi đó như những sao tùy thuộc. Nếu có thêm tả hữu và các phúc tinh thì có thể ví như ông tướng có đủ các người phụ tá để hành binh.

Thiên tướng rất kỵ tuần và triệt gặp 2 sao này ví như mất đầu hoặc chức vị bị lung lay, mất quyền thế hoặc gặp các tai nạn khủng khiếp.

Thiên tướng cũng sợ gặp kinh dương đồng cung ví như ông tướng lúc nào cũng bị cây gươm kề cổ có thể gây tai họa nhưng kinh dương đây là con dao 2 lưỡi. Nếu kinh dương gặp các sao sát thì mới hại nổi ông tướng. Còn như kinh dương gặp quan phúc đồng cung thì ví như có người vác gươm đứng đầu vì thế nếu gặp thiên tướng kinh dương đồng cung thì chớ vội vàng đoán mà còn tùy thuộc ở sao phụ khác.

Tướng dạng và tính tình : mệnh có thiên tướng tọa thủ ở các cung miếu vượng đắc địa là người cao lớn trắng thông minh oai vệ từ thiện thích ăn ngon mặc đẹp phương phi nở nang. Hãm địa thì người lại thấp mắt sáng và lớn nhưng không lộ bản tính trung trực đôn hậu ưa thích văn nghệ.

Người có thiên tướng miếu vượng đắc thủ mệnh ưa thanh sắc bề ngoài, làm việc cương quyết nhưng tính nết dễ đắm mê.

Ở các cung miếu vượng đắc địa gặp kinh đà thì buôn bán lớn hoặc làm tiểu thủ công nghệ và thành công lớn lao. Gặp các hung tinh khác thì kém hẳn đi, kỵ nhất là 2 sao tuần triệt.

Thiên tướng ở cung hãm địa thì thân hình cũng nở nang nhưng hơi thấp, tính tình vẫn đôn hậu nhưng kém thông minh, không biết lo xa và dễ sa ngã vì hay đắm mê, trong đời gặp nhiều chuyện bất đắc chí nhưng lúc nào cũng đủ cơm ăn áo mặc. Nếu thiên hình đồng cung thì chân tay hay đau mặt có thương tích, gặp nhị hao thì má hơi hóp.

Nam mệnh : thiên tướng miếu vượng đắc thì đẹp trai, có sức thu hút phái nữ. Tính nết thì hiền lành chân thật thông minh can đảm, có tiết khí, dễ dàng đắm mê tửu sắc rượu chè cờ bạc. Lúc nào cũng ưa chuộng bề ngoài, quần áo lúc nào cũng được chỉnh tề, râu tóc lúc nào cũng được chải chuốt rất kỹ.

Ở cung hãm địa thì thành người bất đắc chí bất cần đời, không lo xa và chơi bởi liễu lĩnh đàng điếm. Gặp phục binh quốc ấn tướng quân thì dễ thành công lớn về binh nghiệp. Có thiên hình đồng cung thì nguy hiểm khó tránh và hay bị thương tích ở mặt đầu tay chân. Nếu gặp tuần triệt án ngữ hoặc lục sát tinh thì có thể bị tử trận khi ra trận mạc. Đó là những trường hợp nguy hiểm nhất cho người có thiên tướng thủ mệnh mà hầu hết là những người hy sinh trên chiến trường.

Thiên tướng cư quan lộc là hợp cách nhất.

Thiên tướng thủ mạng hay cư cung điền hay cung tài có cách giáp lương giáp vũ là số giàu có lớn.

Nữ mệnh : có thiên tướng miếu vượng đắc địa thủ mệnh là người nội tướng đảm đang quán xuyến tất cả các công việc của nhà chồng.

Nếu hội được nhiều cát tinh hợp cách là số vượng phu ích tử, nếu gặp tuần triệt thì cô đơn, giàu có thì không thọ. Thiên tướng hãm địa thủ mệnh cũng là người đàn bà có tài đức đảm đang nhưng cả cuộc đời hay gặp những chuyện đầy nước mắt về chồng con. Nếu đã hãm địa mà còn lại gặp thêm hung sát tinh nữa thì thành người đàn bà lăng loàn khắc chồng hại con và cũng không được thọ.

Đàn bà có thiên tướng miếu vượng đắc địa thủ mệnh thì một tay buôn bán nuôi chồng con và chồng phải chịu thụ động đóng vai nội tướng chứ không dám bay bướm vợ nọ con kia vì bà vợ có máu ghen sẽ không để cho chồng qua mặt. Vì thế thiên tướng thủ mệnh không hợp với nữ mạng. Nếu gặp phá quân thất sát lại thêm kinh đà hỏa linh thì tối kỵ người đàn bà sẽ trở nên quả phụ, không người thân thích, thường thường là số của người tội tử.

Nữ mệnh có thiên tướng tọa thủ dù là ở cung hãm địa nhưng với điều kiện là không gặp tuần triệt không kiếp thì cũng được thanh nhàn.

Thiên tướng và các sao khác : thiên tướng miếu vượng đắc địa gặp nhiều sao sáng sửa hội hợp như tử phủ vũ xương khúc khôi việt tam hóa thì được hưởng phú quý tốt bậc uy quyền hiển hách.

Cư ở cung miếu địa sẽ phát quan cách có chức vị tài lộc, ở Sửu Mùi thì số được thọ.

Thiên tướng gặp quốc ấn linh tinh thì cả nước đều biết tiếng và cuộc đời vinh hiển.

Thiên tướng đồng cung phượng các chức vụ cao cả.

Thiên tướng thiên cơ là số của người giỏi cơ khí máy móc, thường thường là số của kỹ sư giám đốc một nhà máy.

Thiên tướng đắc địa ngộ kinh đà đắc địa chuyên về kỹ nghệ và kinh doanh buôn bán trở nên giàu có.

Thiên tướng vũ khúc người có hoa tay khéo léo về tiểu thủ công nghệ.

Thiên tướng miếu vượng đắc địa gặp nhiều sao xấu hãm hội hợp nhất là sát tinh thì giảm mất sự tốt đẹp, hay có bệnh tật ở đầu nhưng vẫn được hưởng giàu sang và sống lâu và những chuyện xảy ra cũng không đáng lo ngại.

Thiên tướng đã hãm địa lại gặp nhiều hung sát bại tinh hội hợp thì trong mình mặt hoặc đầu có tật, tính tình ngang bướng liều lĩnh thiếu suy xét, hay bị nhầm lẫn suốt đời lao khổ về kinh tế, cuộc đời thăng trầm lưu lạc khó tránh được các tai họa làm giảm tuổi thọ.

Thiên tướng liêm trinh đồng cung giáp kinh đà là tự mình chuốc lấy tai họa, cô đơn, gặp nhiều bạn không tốt, ít bạn bè.

Thiên tướng cô quả cư thìn tuất có độ lượng thương người nhưng tính nết khó khăn, ít nói và ít người thích lại gần.

Thiên tướng ngộ kiếp sát chủ chết về súng ống đao gươm.

Thiên tướng ngộ kinh hỏa linh mồ côi sớm cô đơn và nghèo. Đứng tại cung ngộ dễ mắc bệnh nhức đầu, cao áp huyết hoặc dễ mắc bệnh thần kinh. Nếu có thêm phá quân vũ khúc thì làm kỹ nghệ hoặc thủ công nghệ khéo léo và buôn bán cũng phát đạt.

Thiên tướng ngộ thiên mã thêm phụ cáo chiếu là người chỉ huy có bằng cấp thêm tả hữu là người có chức tước coi nhiều người và rất có uy quyền.

Thiên tướng ngộ riêu y và suy là người lảm cẩm chậm chạp yếu đuối nghĩ việc không xa.

Thiên tướng liêm trinh tả hữu làm ngành thuốc có danh tiếng.

Thiên tướng vũ khúc dần thân đại phú quý.

Thiên tướng liêm trinh thiên khốc thiên hình võ công hiển hách.

Thiên tướng ở quan lộc và tài bạch thì thành công về tiền bạc và có sự nghiệp vẻ vang. Nếu cư ở 4 cung ty hội mao dậu chỉ thành công ở mức trung bình.

Nếu thiên tướng đồng cung với liêm trinh hoặc vũ khúc ở cung tử tức ở 2 cung mao dậu thì số muộn và hiếm con.

Thiên tướng ở cung thê thì sợ vợ nhất là lại có hóa quyền đồng cung. Nếu cung thê có cả vũ khúc thiên tướng đồng cung thì người chồng có thể giao hết công việc cùng sản nghiệp cho vợ để đi làm về nghệ thuật.

HẠN :

Có tướng tọa thủ ở mệnh ở mao ngộ tả hữu xương quyền hồng loan tràng sinh đà la là người đẹp trai có oai nhưng hạn gặp phá kiếp kinh thì tất luẩn quẩn vướng vào vòng ái tình, nhiều khi mang lụy vì nữ giới.

Thiên tướng ngộ không kiếp nhập hạn gặp nhiều rắc rối khó khăn bị lường gạt nhưng không đáng lo ngại.

Thiên tướng kinh hỏa linh tai hại đến tính mạng nếu các sao này hãm địa.

Thiên tướng ngộ tuần triệt có tiểu nhân mưu hại công danh trắc trở, đau ốm nặng.

Thiên tướng phá quân quốc ấn tiểu nhân ám hại vu khống.

Ở hạn nếu sáng sủa thì công việc hanh thông có tài lộc công danh bất ngờ, nếu hạn xấu phải cẩn thận và cũng tối kỵ hạn thiên tướng ngộ hình hoặc không kiếp tuần triệt vì đó là hạn rất nặng về tai nạn bệnh tật.

VŨ KHÚC : là sự bảo vệ là phần ngoài, có thể làm vệ sĩ, chủ về sự nuôi nấng bảo vệ.

Miếu : thìn tuất sử mùi. Vượng : dần thân tí ngọ. Đắc : mao dậu. Hãm : ty hội.

Vũ khúc chủ về tiền bạc cũng chủ về công danh tài lộc nên gọi là tài tinh. Nếu đứng ở cung mệnh thân tài bạch và điền trạch lại miếu vượng đắc địa thì rất tốt. Ở các cung khác vì không

đúng chỗ nên kém hay. Vũ khúc còn có đặc tính như sao cô thần quả tú nên thường cách biệt với người thân, nếu không có những sao phụ tốt như quan phúc quang quý thiên giải địa giải giải thần thì thường khắc cha mẹ, anh em, vợ chồng và rất hiếm con.

Vũ khúc đóng ở tú mộ thìn tuất sửu mùi là miếu địa thì tính tình cương nghị, có chí lớn, có óc kinh doanh, có tài tổ chức, hiếu thắng, thẳng thắn, giàu sang và thọ. Nếu gặp tả hữu xương khúc khôi việt tam hóa thì phú quý trọn đời nhưng ngoài 30 tuổi mới phát. Trái lại nếu gặp kiếp sát lại biến ra tiền phú hậu bần, gần về già thì sa sút.

Vũ khúc hãm địa thì kém thông minh, hà tiện, ương ngạnh, tham lam, nếu có riêu y đồng cung thì bị nhiều người ghét. Có phá toái thành người bất đắc chí, công danh trắc trở tiền tài khó kiếm tụ tán thất thường muốn lập nghiệp phải đi thật xa quê hương.

Vũ khúc đóng tại mao dậu thì hay ốm vặt, suốt đời bất mãn về tiền bạc và dễ bị tai nạn. Ở 2 cung tỵ hợi là hãm địa là người tham lam gần dờ cũng bị suốt đời bất mãn vì tiền bạc và công danh. Nếu ở cung hãm địa mà gặp tả hữu khôi việt xương khúc tam hóa thì lại là người khéo léo về tiểu thủ công nghệ hoặc kinh doanh thì khá giả và sống lâu. Hãm địa mà gặp riêu kỵ thì hay mắc tai nạn khủng khiếp và nếu không có sao giải dễ bị bất đắc kỳ tử. Hãm địa mà gặp hỏa linh thì 2 tuổi giáp kỷ có thể trở nên giàu có.

Tính tình và tướng dạng : mệnh có vũ khúc miếu vượng đắc địa người mạng kim mạng thủy hoặc người mạng thổ thì mình dài mặt vuông, thân hình nở nang, cao ráo, tóc râu rậm, tiếng nói oang oang, tính tình mạnh bạo cả quyết thẳng thắn. Nếu có tham lang hóa lộc hay lộc tồn đồng cung hay tam hợp chiếu thì có râu quai nón, hình dáng oai vệ, trong người có nốt ruồi son ở chỗ kín. Đàn ông thì người sinh năm giáp năm kỷ thì hợp. Nhập miếu ngộ xương khúc đồng hành là cách xuất tướng nhập tướng, theo ngành võ thì rất tốt mà về văn chương cũng là hạng xuất sắc. Hội với tham lang ngộ hỏa linh là thượng cách.

Vũ khúc thủ mệnh thì thường cách biệt với người thân, ít bè bạn, nếu không khắc cha mẹ anh em cũng khắc con khắc vợ hoặc hiếm con. Đường số lúc nào cũng cảm thấy lẻ loi dù có đủ vợ đủ chồng.

Vũ khúc miếu vượng có nghĩa là suốt đời giàu sang không túng thiếu và giữ những địa vị tại những cơ quan nắm giữ về tiền bạc (thuế quan, kho bạc, thuế vụ, ngân hàng...) có chí lớn hay mưu to đại sự, có óc kinh tài, mạnh bạo và hiếu thắng.

Vũ khúc hãm địa người mạng mộc mạng hỏa thì bé nhỏ thấp, râu tóc rậm rạp, công danh lận đận, tiền bạc kiếm ra khó khăn, thường hay ly hương và không nhờ vả được người thân. Vũ khúc đồng cung với tham lang ở sửu mùi thì phát về hậu vận, càng về già càng khá giả. Nếu bị hao sát xung phá thì lúc đầu thành công đẹp đẻ giàu sang nhưng về sau thất bại, có tiếng không có miếng.

Về nữ mệnh thì vũ khúc miếu vượng đắc địa thủ mệnh là những người đàn bà tài giỏi đảm đang nhưng bạo tợn hay lấn át chồng và hay suy nghĩ ưu phiền vì chuyện chồng con.

Người đàn bà có vũ khúc thủ mệnh dù miếu hay hãm địa cũng nên lấy chồng muộn hoặc xa quê hương mới tránh được mọi sự ưu phiền về chồng con.

Nếu có vũ khúc đồng cung với thiên phủ thì là người có chí khí cứng cỏi. Nếu thêm tả hữu lộc tồn củng chiếu thì phú quý song toàn. Gặp phải phá quân thì không bị yếu vong cũng bị thất cơ lỡ vận làm lại cuộc đời vài lần. Các bà có vũ khúc thủ mệnh thì hay bắt nạt chồng, bạo ngược và lăng loàn (nếu gặp thêm hung sát tinh). Vũ khúc hãm địa tuy là người đảm đang nhưng lại tham lam, khắc chồng hại con, cô đơn và bất chính. Nếu có cách vũ khúc thất sát ở mao dậu cũng đứng đắn đoan trang vì 2 sao này ghét ái tình bày bạ, nhưng về tình nghĩa vợ chồng thì không được nồng nhiệt vì người đàn bà này chỉ lo toan tần tảo nuôi chồng nuôi con chứ không

được tình cảm ướm át như các sao khác. Người nữ mệnh tránh gặp vũ khúc lộc tồn đồng cung và cô quả ở thân vì cô quả không bao giờ đóng ở mao dậu và tỵ hợi để khỏi trở thành khắc chồng và góa bụa.

Vũ khúc và các sao khác : vũ khúc đắc địa gặp tử phủ tướng tham xương khúc khôi việt tả hữu khoa quyền lộc thì được hưởng giàu sang phú quý quyền uy. Người sinh ở phía tây bắc mà cung mệnh có các sao kể trên thật là toàn mỹ nhất là 2 tuổi giáp kỷ. Vũ khúc đắc địa ở mao được hưởng giàu sang phú quý nhưng trong người thường có tật lại hay mắc bệnh thần kinh hoặc khí huyết hay bị tai nạn về xe cộ đao súng điện lửa.

Vũ khúc đắc địa ở sữu mùi thì lúc thiếu thời lận đận công danh trắc trở, tiền bạc tụ tán thất thường lên voi xuống chó nhiều phen cho đến ngoài 30 tuổi mới đạt công danh, của cải tiền bạc ngày thêm bền vững.

Vũ khúc ở tứ mộ thìn tuất sữu mùi nếu gặp hung sát tinh cũng không sợ, tuy nhiên cũng bị làm giảm bớt tốt đẹp và cũng hay bị tai họa nhưng không nguy hiểm, có tật bệnh ở chân tay vai ngực nhưng vẫn giàu sang và sống lâu.

Vũ khúc hãm địa lẽ cố nhiên là xấu, kém thông minh tính tình ương ngạnh lắm cảm bủn xỉn tham lam. Nếu gặp :

Riêu y kỵ hay ốm đau hoặc ai thấy cũng ghét.

Phá toái công việc làm ăn trắc trở, công danh không đạt.

Cát tinh nếu chuyên về kỹ nghệ hoặc kinh doanh buôn bán sau cũng khá giả và sống lâu.

Hình kỵ là hạng người độc ác, bất nhân cô đơn, dễ mắc tai nạn hung hiểm hoặc bệnh nan y.

Nếu gặp thêm nhiều hung sát tinh và không gặp sao giải thì chết một cách thảm thương.

Kiếp sát kình dương là hạng gian tà bất lương giết người không gớm tay.

Vũ khúc ngộ đà la cô quả kình : keo kiệt biển lận, chết vì tiền hoặc vì tiền mà mang lụy.

Vũ khúc đào hồng nguyệt đắc địa kiếm ra tiền dễ dàng nhưng lợi mình mà hại người.

Vũ khúc hỏa tinh mao dậu tính tình nóng nảy phát võ.

Vũ khúc lộc tồn thiên mã lập nghiệp xa quê hương rất khá giả. Nếu mệnh ở dần thân và vũ khúc tọa thủ cùng lộc tồn đồng cung mã xung chiếu hoặc ngược lại thì chắc chắn lập nên cơ nghiệp lớn lao ở nước ngoài.

Vũ khúc lộc tồn quyền ở dần thân giàu có lớn lại có nhiều uy quyền.

Vũ khúc miếu vượng đắc ngộ văn khúc đồng cung thông minh học rộng văn võ toàn tài.

Vũ khúc khôi việt (miếu vượng đắc) làm nên và giữ chức coi về tài chánh hoặc giữ tiền kho.

Vũ khúc phá quân tỵ hợi là hạng người tham lam bất lương, không giữ được sản nghiệp cha ông, kiếm ăn nơi xa vất vả lao khổ nhưng trường hợp này không áp dụng cho 3 tuổi giáp kỷ nhâm mà mệnh an tại tỵ hợi (3 tuổi này vẫn được phú quý).

Vũ khúc kình đà không kiếp chức vị khiêm tốn, hiếm con.

Vũ khúc hình kỵ cũng hiếm con và bị tàn tật.

Vũ khúc liêm sát tham dâm dật.

Vũ khúc liêm trinh thần giữ cửa bần tiện chi ly.

Vũ phá xương khúc thông minh hoạt bát, khéo tay chuyên về máy móc và kỹ nghệ.

Vũ khúc thiên phủ giàu có lớn và thọ, người mạng kim ở chuyên về máy móc và kỹ nghệ.

Vũ khúc thiên phủ giàu có lớn và thọ, người mạng kim ở tỵ ngộ thì giàu to và hay giữ chức thủ kho.

Vũ khúc thất sát phục binh hỏa tinh bị cướp của.

Vũ sát có thai tọa quyền lộc khôi việt cách của quan võ.

Vũ tham sát kỵ chuyên về kim khí.

Vũ tham sát xương khúc (nữ mệnh) phát võ nhưng cô đơn quá bụa.

Vũ khúc lộc tồn cô quả những sao này khi thủ mệnh người đàn bà chẳng bao giờ có ý nghĩa nhưng những sao đó chủ về cô đơn quá bụa hoặc lạnh lùng khắc khổ là những yếu tố không lợi ích cho cuộc sống vợ chồng. Nhưng ngược lại người đàn bà đó có tay làm ra tiền và càng có nhiều tiền càng dễ sống xa cách chồng con. Cách này hay hoặc dở còn tùy theo cảm nghĩ. Có người chỉ nghĩ đến tiền mà khi vợ kiếm ra tiền nhiều thì đương nhiên được coi là hay. Nhưng có người ưa sống gần vợ mà vợ cứ nay đây mai đó vì hoàn cảnh sự nghiệp thì lại thành ra xấu.

Vũ khúc nhập hạn :

Vũ đắc địa thành công danh tài hưng vượng.

Vũ hãm địa mọi sự bế tắc, tai nạn hao tán của cải, danh tài suy sụp.

Vũ lộc mã hỷ loan hạn thành vợ thành chồng một cách mau lẹ.

Vũ cự quyền tuế du thuyết hoặc làm đại sứ.

Vũ tả hữu xương khúc làm ăn khá giả, có người giúp đỡ.

Vũ tham sừ mùi âm dương đồng cự công danh xán lạn đắc ý.

Chú ý vũ khúc được coi là cái kho cái tủ chỗ chứa đựng của cải tiền bạc vì thế cần có lộc tồn đồng cung hoặc xung chiếu mới tốt. Nếu được thêm các quý tinh như tả hữu quang quý thì có người giúp đỡ thành giàu sang.

Nếu vũ khúc ở cung thủy cần phải có tuần hay thiên không.

Vũ khúc còn chỉ sự khéo léo về chân tay, muốn biết khéo léo về nghề gì cần phải xem các sao đi liền tại đó.

Vũ khúc còn chỉ sự nhảy múa hát xướng. Vũ khúc tấu thư chơi nhạc.

THÁI DƯƠNG : nam đầu tinh – dương hỏa – quan lộc phúc tinh

Miếu : ty ngọ. Vượng : dần mao thìn. Đắc : sừ mùi. Hãm : thân dậu tuất Hợi tị.

Thái dương gọi tắt là nhật và nghi tượng của dương khí để phát ra ánh sáng nuôi dưỡng và sinh hóa muôn loài.

Thái dương là một quý tinh chủ về quan lộc và quý hiển, biểu tượng của mặt trời của cha của ông nội, đối với đàn bà còn là biểu tượng của chồng.

Thái dương cư ở cung quan lộc là hợp cách. Nếu vượng ở cung nào làm sáng tỏ cung ấy.

Thái dương ở miếu vượng Đắc Địa chỉ sự thông minh lòng nhân hậu sự nóng nảy và chỉ người có uy quyền. Thái dương phải đóng từ cung dần đến cung thân thì sáng sủa còn thái âm từ cung dậu đến cung sừ thì mới đẹp. Tuy nhiên có nhiều cách hãm mà tốt rất cần được lưu ý. Đối với đàn ông thái dương sáng sủa thì con người cao ráo, da dẻ hồng hào bề vệ, thông minh nhân hậu, người sinh ban ngày vì là dương nam dương nữ thì độ số tốt được tăng thêm, nếu sinh ban đêm thì bị chiết giảm. Nhật miếu vượng đắc địa hội xương khúc tả hữu khôi việt khoa quyền lộc (cách nào cũng tốt về tài lộc công danh). Nếu gặp tuần triệt thì trọn đời bất đắc chí và hay bị bệnh về tim và máu huyết. Gặp kinh đà riêu hình kỵ không kiếp thì công danh trắc trở và hay gặp tai ách.

Thái dương ở Hãm Địa thì kém thông minh đáng trí hay nhầm lẫn nhưng vẫn có lòng nhân hậu, uy quyền bị giảm sút. Tuy Hãm Địa nhưng thái dương cư ở cung dương như tị thân tuất thì cũng bớt được phần nào sự xấu xa và đỡ lo về bệnh tật. Thái dương Hãm Địa lại gặp kinh đà hình kỵ thì mất và đầu hay có tật. Nếu cung thủy (hợi tị) lại gặp long trì mộc dục và không có tuần triệt thì phải đề phòng nạn sông nước mỗi khi qua đò đi thuyền hay tắm biển. Thái dương Hãm Địa ở cung Hợi tị không gặp các sao kể trên là người có đức độ thích văn chương triết học

hoặc đạo lý và lại là người cao khiết, gặp thời hạn thì lại làm nên. Tuổi bính tuổi đinh vẫn giàu sang và trung hậu.

Hợp cách : thái dương miếu vượng đắc địa, mạng hỏa mạng mộc sinh ban ngày, tuổi dương nam dương nữ là thuận vị, đóng ở cung nào lại gặp khô viêt xương khúc đào hồng khoa quyền lộc thì thật là tuyệt mỹ, quyền cao chức trọng, phú quý tốt bậc phú thọ song toàn uy quyền hiển hách.

Lạc cách : thái dương ở Hãm Địa sinh ban đêm, mạng thủy mạng kim đóng tại cung âm là khắc. Nếu gặp tuần hay triệt thì giảm được cái xấu đi nhiều, nếu lại gặp các sao mờ ám xấu xa như kinh đà kiếp kỵ riêu hình thì chung thân nghèo khổ cô đơn lang thang phiêu bạt, sức khỏe mất rất kém, bệnh thần kinh bệnh khí huyết hay đau đầu, nếu không cũng bị mù lòa và gặp nhiều tai ách, thường thường thì chết non.

Tính tình và tướng dạng : mệnh cư ở miếu vượng Đắc Địa là người bệ vệ hồng hào, thông minh cương nghị sinh ban ngày thì tốt, sinh ban đêm thì độ số bị chiết giảm.

Thái dương miếu vượng gặp trung cát tinh như tả hữu xương khúc khô viêt tam hóa thì vô cùng rực rỡ nhưng nếu gặp tuần triệt án ngữ thì trọn cuộc đời bất đắc chí và thường hay bị đau hoặc nhức đầu. Nhật (thái dương) Đắc Địa ở Sửu Mùi mà gặp riêng hóa kỵ không có sát tinh khác (kinh đà không kiếp hỏa linh) thì cũng rất tốt, được hưởng giàu sang và sống lâu. Nếu mệnh có thái dương Hãm Địa thì thân hình bé nhỏ, mặt choắt tính nết bất bình thường mất kém (cận viễn loạn thị) thiếu kiên nhẫn, cả đời vất vả nhưng nếu gặp tuần triệt thì trở nên khá giả và ly hương lập nghiệp thì có tài sản sự nghiệp để lại cho con cháu. Gặp tam hóa hay xương khúc khô viêt đào hồng hỷ hỏa linh Đắc Địa lại thành tốt đẹp.

Nếu Hãm Địa lại gặp hung sát tinh như kinh đà không kiếp riêu hình thì hay bị tai ách rất nguy hiểm và yếu vong.

Thái dương đóng nơi miếu vượng địa thì được phúc thọ lâu bền, nếu có lưỡng tướng lại gặp quyền lộc khô xương tả hữu củng chiếu thì phước lộc thọ đầy đủ và được giàu có như Vương Khải, Thạch Sùng.

Mệnh có nhật nguyệt ở Sửu Mùi tam phương xung hợp chiếu không có cát tinh củng chiếu thì phúc mỏng, có gặp cát tinh đi nữa cũng không mỹ mãn, nếu gặp hung tinh thì cả đời bần cùng và gặp nhiều tai họa. Gặp hóa kỵ hay phản bội cuộc đời gian truân hay gặp những mờ ám bế tắc bất ngờ phá tán gia sản. Nhưng nếu mệnh ở cường cung và lại có hóa lộc thì có thể giải cứu được.

Nữ mệnh : thái dương cư mệnh miếu vượng địa là người đàn bà có tài năng xuất chúng, nhân từ đoan trang và bệ vệ, tính tình cương nghị máu huyết dồi dào, được nhiều cát tinh củng chiếu là người vượng phu ích tử, có khoa bảng và có địa vị lớn trong xã hội. Ở Hãm Địa nên phòng hung sát tinh chiếu hay thủ mệnh thì làm việc trầm ngâm lúc tiến lúc lui, làm ăn khổ cực để độ nhật thì tránh được việc khuynh gia bại sản.

Thái dương phản bối (không gặp tuần triệt đào hồng hỷ) thì chủ tâm hoang mang không thọ, hại chồng hại con và phải 2, 3 lần lên xe hoa mới yên phận hoặc bị yếu vong hay đi giang hồ để kiếm miếng ăn.

Thái dương Hãm Địa đối với phụ nữ là người đa sầu đa cảm, khéo tay khéo chân nhưng vất vả hay có bệnh tật. Muộn lấy chồng thì tốt, lấy sớm e góa bụa.

Điều nên chú ý là đối với nữ mệnh có thái dương Hãm Địa nhưng cũng không xấu như của đàn ông.

Đàn bà có thái dương thì kém hơn dù miếu đắc hay có nhật nguyệt Đắc Địa ở Sửu Mùi thêm tả hữu song lộc thì là người đàn bà đảm đang có tài kinh doanh buôn bán nhưng nếu gặp hồng

đào riêu mọc cái thì thường thích ăn chơi mặc dầu vẫn làm ăn, buôn bán vì nhật nguyệt bao giờ cũng chủ về người có tâm hồn ướt át lả lướt thích mơ mộng vẫn vợ và thích hưởng lạc.

Bổ túc : thái dương chỉ con mắt trái, độ sáng của thái dương tượng trưng cho mức độ trí tuệ và trí thông minh. Thái dương miếu vượng Đắc Địa có ảnh hưởng cho bộ thần kinh. Ánh sáng mặt trời có thể gây căng thẳng và có thể khiến cho dương số mất ngủ suy tư nhay cảm và tăng áp huyết. Thái dương hãm thì mắt kém trí tuệ kém minh mẫn, về tính tình nếu miếu thì cương trực nóng nảy thông minh hay chuyên quyền nhưng nhân hậu; hãm thì ngu dần khắc nghiệt, riêng đàn bà thì đa sầu đa cảm. Về công danh sự nghiệp thì người có thái dương sáng sủa là người có địa vị lớn trong xã hội, có nhiều tài năng bản lãnh, hội với các sao văn tinh như khôi việt xương khúc khôi việt hóa khoa là hạng khoa bảng xuất thân. Hãm thì công danh trắc trở, học hành dở dang bất đắc chí nhưng dù hãm cũng là con người nhân hậu.

Thái dương gặp đào hồng hỷ hay hỏa linh Đắc Địa thì rất tốt. Nếu gặp không kiếp hay kinh đà kỵ thì độ số tốt bị sút giảm đi rất nhiều ở Hãm Địa mà gặp tuần triệt thì tốt trở lại.

Thái dương có hóa kỵ đồng cung như mặt trời có thêm đám mây ngũ sắc càng tốt càng đẹp thêm.

Thái dương và các sao khác : thái dương ở cung mao (thân) được cách nhật chiếu lồi môn hay nhật xuất phù tang nếu không có ác sát tinh thì chủ phú quý vinh hoa, còn tốt hơn thái dương ở ngọ vì ở mao là mặt trời mới mọc còn hy vọng nhiều. Mặt trời ở ngọ thì gần như đã bộc phát, phát rất nhanh nhưng lại chóng tàn vì không thể lên cao sáng tỏ hơn được nữa vả lại bộc phát thì phải cướp quyền hoặc lấn quyền người khác.

Nhật ở mao tuổi canh tân đỉnh kỷ rất tốt.

Nhật ở mùi thân mặt trời bắt đầu xuống nên bước đầu thì siêng năng hăng hái, sau biếng nhác bỏ dỡ.

Nhật ở dần cũng tốt nhưng tâm trí hoang mang bất thường hay lo nghĩ. Nếu thêm sao thủy lại càng suy tư khắc khoải rối loạn nhưng rất thông minh.

Nhật đào sát hoặc đại tiểu hao mất to mất nhỏ.

Nhật bệnh phù hóa kỵ có bệnh ở lưng.

Nhật đà đa sầu đa cảm.

Nhật riêu kỵ bất hiển công danh.

Nhật đào hồng hỷ hiển đạt dễ dàng nhưng hay chơi bời.

Nhật hình nếu không có sao giải thì yếu hoặc mù mắt hoặc bị vật nhọn đâm vào mắt thêm thiên hình thì khó tránh được mù lòa.

Nhật kỵ đồng đắc địa quý hiển nhưng tính tình hay thay đổi.

Nhật lộc quyền có tiền bạc danh giá nhưng nếu Hãm Địa thì không có thực quyền, có tiếng hoặc không có miếng.

Nhật sát ở Hợi dễ bị ám sát và cần phải có 2 sao quan phúc hoặc tuần triệt giải cứu.

Nhật hỏa tinh ở Tý (2 sao hỏa ở cung thủy) hiểm con.

Nhật mộc dục long trì ở Tý Hợi (2 cung thủy) đề phòng thủy nạn, nếu có sao giải thì tốt nhưng mắt vẫn kém.

Nhật nguyệt chiếu mệnh phải không lạc hãm nếu bị hãm thì mặt trời mặt trăng đều tối suốt đời tối tăm lao khổ, trí óc hẹp hòi, khắc nghiệt ích kỷ, nóng tính, riêng 2 tuổi thìn tuất thì đỡ.

Nhật nguyệt Đắc Địa chiếu mệnh mà mệnh vô chính diện là người thông minh tuyệt đỉnh, học một biết mười, nếu có tuần hay triệt án ngữ thì hưởng hoàn toàn cách nhật nguyệt chiếu hư không chi địa.

Mệnh ở Sửu Mùi mà có nhật nguyệt chiếu là người thông minh xuất chúng phú quý song toàn.

Mệnh ở mùi nhật ở mao nguyệt ở hợi hoặc mệnh ở sửu nhật ở tỵ nguyệt ở dậu là 2 cách có thể gọi là nhật nguyệt tinh minh, thường thường là cột trụ của quốc gia. Nếu có cách này lại thêm đào hồng hỷ cũng tốt nhưng đa thê và các vợ đều là con nhà tử tế.

Nhật nguyệt lạc hãm được khôi việt đồng cung hoặc chiếu về được vị trí thuận lợi.

Nhật nguyệt xương khúc thông

Nhật kinh đà khắc cha mẹ

Nhật hóa kỵ mất mờ, nếu có rieu hình thì mất mù lòa.

Nhập hạn : thái dương thủ mệnh ở ngọ hạn gặp tang hổ hình khốc thì phát đạt khá giả (hình : uy quyền, tang : công môn, hổ : hách dịch uy quyền, khốc đi với hổ là cái nhạc cái chuông).

Nhật sáng sửa nhập hạn hoạnh phát danh tài.

Nhật Hãm Địa tối tăm, sức khỏe của cha ông suy kém (của chôn nếu là nữ mạng), đau đầu đau mắt hao tài.

Nhật kỵ thương (Hãm Địa) cha chết.

Nhật gặp hung tinh ở thân hoặc ở dậu (cung kim) nếu khắc sao nhật tính tình nghiêm khắc, hay cãi cọ khẩu thiệt.

Nhật thái tuế cát tinh ăn nói đanh thép hùng hồn, là nhà ngoại giao giỏi, nếu thêm hoa cái ăn nói kiêu kỳ.

Nhật thái tuế ăn nói giỏi ít người ưa, hay lý luận ít cảm tình.

Nhật hãm long trì mộc dục tai nạn sông nước.

Nhật cự cơ thái tuế, suy nghĩ sắc bén, lý luận hùng hồn nhưng nhiều khi nói sai.

Nhật tấu thư thiên việt lưu niên văn tinh văn chương quán thế.

Nhật đà tuế cự mở miệng ra là có chuyện quan trọng.

Nhật tuế đà hồng kiếp sát + sát phá liên thanh quan tụng tù tội, lắm chuyện bức mình.

Nhật tuế đà rieu kỵ quê mùa ngu dốt nếu thêm long trì là ăn nói hấp tấp hoặc cà lăm.

Nhật tuế đào ở mệnh thân có hồng loan gia đình hạnh phúc.

Nhật tuế kỵ đa ngôn ăn nói hàm hồ và làm chạm đến tự ái của nhiều người.

Nhật tuế phù cự liên phá kỵ khó tránh được quan tụng khẩu thiệt, nếu có cát tinh hoặc lộc tồn thì giải được.

THÁI ÂM : bắc đẩu tinh – âm thủy – phú tài tinh

Miếu : dậu tuất hợi. Vượng : thân tỵ. Đắc : sửu mùi. Hãm : dần mao thìn tỵ ngọ.

Thái âm ở cung âm (thủy) tốt nhất. Thái âm là biểu tượng sự sáng sửa về ban đêm, chủ sự giàu có về nhà cửa ruộng vườn nhà đất tiền bạc. Ở cung miếu địa lại sinh ban đêm là thuận lý nhất, sáng sửa tốt đẹp. Nếu sinh ban đêm trong khoảng mùng 1 đến rằm âm lịch là trăng thượng huyền thì rất đẹp đẽ.

Ở cung miếu vượng Đắc Địa chủ sự khoan hòa nhân hậu hay gặp may mắn có nhiều nhà cửa ruộng vườn tiền bạc. Ở các cung Hãm Địa thì tuy con người nhân hậu từ thiện nhưng hay bị nhầm lẫn và kém sáng suốt ; chủ sự suy bại, phá tán.

Sinh ban đêm những người mạng mộc kim thủy được thuận lý nếu là âm nam âm nữ lại càng tốt.

Thái âm dù miếu đắc hay hãm có thiên hình đồng cung mà không có sao giải thì thế nào cũng có tật ở mắt và thường bị vật bằng kim khí chạm phải gây thương tích.

Thái âm Hãm Địa lại là mạng thổ hay mạng hỏa sinh ban ngày chỉ là người làm thuê hoặc thầy tướng số không tên tuổi kiếm ăn độ nhật. Tuy ở Hãm Địa vẫn nhân hậu nhưng bị kém sáng suốt.

Tướng dạng và tính tình : có thái âm thủ mệnh miếu vượng Đắc Địa là người thông minh, hòa nhã, từ tam, thích văn chương mỹ thuật được hưởng giàu sang phú quý và sống lâu. Thái âm hợp với người âm nam âm nữ nhất là sinh vào ban đêm.

Thái âm thủ mệnh thì mặt mũi tròn trịa, thanh tú. Cung mệnh thân có thái âm tọa thủ là người hay nể vợ và ưa khoa họa huyền bí hoặc đồng bóng. Ở cung Hãm Địa nếu có khoa quyền lộc phản chiếu thì không tốt, nên xuất ngoại kiếm ăn nơi đất khách quê người thì tốt. Nếu gặp kinh đà linh hỏa thì ham mê tửu sắc tà dâm, dễ tiền và bị yếu vong.

An ở 3 cung Dậu Tuất Hợi là người tên tuổi vang lừng, ôn hòa và khiêm nhượng, hay làm những công việc từ thiện và nếu làm việc công thì rất thanh liêm. An ở cung dần mà hội xương khúc thì tuy có cát tinh củng chiếu nhưng cũng không được khá (trai làm đầy tớ, gái làm ca kỹ hoặc gái lầu hồng lầu xanh) nếu có thêm sát tinh thì đến già vẫn nghèo. Nếu loại sát tinh như đà hỏa chiếu thì bị khốn cùng nếu không có sao giải.

Nữ mạng : mệnh có nguyệt hội với đồng lương tam hợp có cát tinh là mệnh phụ phu nhân, có địa vị lớn, không nên gặp hung sát tinh xung hội chiếu thì mới được phú quý song toàn đến tuổi già.

Thân mệnh có thái âm Hãm Địa không nên có hung sát tinh chiếu vào, nếu có thì hại chồng hại con, lại yếu bản và khí huyết hao tổn. Thái âm miếu vượng đắc là người có sắc đẹp thuần hậu đảm đang vượng phu ích tử, nếu gặp cát tinh thì thật là tốt vô cùng. Nếu đóng cung miếu mà có tuần triệt án ngữ thì lại xấu như Hãm Địa, tình duyên bị dở dang và lằm lờ, sống một cuộc đời giang hồ, có thể sống ở lầu xanh hay bị đau tử cung và bộ tiêu hóa tuổi thọ cũng kém. Đại cương bổ túc : thái âm chủ về nhà cửa ruộng vườn tiền bạc, giáp song lộc là đắc cách nhất, gặp thái dương ở miếu địa là cách binh bộ nhập điệu cung. Thái âm hãm ngọ riêu hình kỵ thì hay mắc bệnh về thận hoặc bệnh phù thũng. Ngộ hình linh hư thì tính tình lẳng mạn, mộng mị dâm ô. Nữ mạng ngộ tang hổ phải đề phòng bệnh máu huyết khi sinh đẻ.

Thái âm Hãm Địa bị sát tinh xâm nhập dù là sát tinh miếu như kinh đà không kiếp hình kỵ là cách rất xấu. Ở trường hợp này đương số có thể bị què quặt mù lòa mắc tai nạn nặng về bộ tiêu hóa (gan bao tử thận...) và dễ bị yếu vong. Riêng phụ nữ thì chịu sự muộn, khắc chồng, ế chồng, sống xa cha mẹ.

Trường hợp có âm dương ở Sửu Mùi thì xem thần quang mắt ra sao. Nếu mặt tròn đầy đặn mắt trong là hạng người khá, có thủy chung. Còn nếu mắt sâu mờ cảm khuyết (lún) thì chuyên môn khoe khoang để lừa bịp, lại phải xem nếu có không kiếp hình kỵ thì là hạng người tham lam tàn nhẫn nhiều mưu mẹo hại người.

Nếu người tuổi tân canh mạng có âm dương Sửu Mùi mà mắt ti hí chân tay thô vai nhỏ mặt thâm lấm lấm lỳ lỳ là hạng người tham lam độc ác, cả cuộc đời lo toan làm giàu nhưng rốt cục cũng của thiên trả địa. Trái lại nếu mặt trắng mặt tròn thân hình cân đối có tấu thư hoa cái xương khúc thủ mệnh là người đôn hậu, công danh tài lộc phát triển anh em vợ chồng hòa thuận.

Mệnh lập ở Hợi Mão Mùi người sinh năm nhâm mậu là hợp cục. Ở Hợi người sinh năm ất canh mậu là thượng cách, người sinh năm đinh là thứ cách, người sinh năm ất là hợp cách. Người sinh năm đinh năm mậu có khoa quyền lộc thì rất tốt.

Đàn bà có thái âm thủ mệnh miếu có thái dương chiếu thì được phong tặng danh hiệu phu nhân. Nếu bị lạc hãm là thương phu khắc tử và là vợ lẽ con thêm.

Thái âm không sợ không vong nhưng lại sợ kinh đà.

Thái âm và các sao khác : thái âm cư cung miếu vượng đắc gặp tuần triệt án ngữ coi như mặt trăng bị che lấp ánh sáng.

Thái âm Sửu Mùi cần gặp tuần triệt án ngữ để tăng sức sáng sửa rực rỡ.

Thái âm Sửu Mùi lại được hóa kỵ đồng cung thì tốt ví như mặt trăng tỏa sáng lại có mây ngũ sắc điểm tô thêm rực rỡ.

Thái âm Hãm Địa lại gặp tuần triệt án ngữ để tăng thêm sáng sửa tốt đẹp.

Thái âm là sao thủy, đóng tại cung thủy (tí hợi) có những cách :

Thái âm cư tí là cách thủy đăng quốc ngạc đắc thanh yếu chỉ chức trung gián chi tài nghĩa là giọt nước đọng trên cành quốc có chức vụ thanh cao và quan trọng lại thêm tài can gián bề trên lẽ dĩ nhiên phải là người phú quý vinh hiển.

Thái âm cư tí bính đinh phú quý trùng lưỡng : ở cung mệnh tại tí có thái âm, người sinh năm bính năm đinh là hợp cách nhất, được hưởng phú quý phúc thọ lại là người trung trực lương thiện.

Thái âm tại cung hợi là cách nguyệt lãng thiên môn đăng vân chấp chưởng đại quyền : mặt trăng sáng vắng vặc trên trời. Cung hợi là quả càn là biểu tượng của trời nên gọi là thiên môn, nắm giữ quyền hành rộng lớn.

Thái âm ở dần mao tuy Hãm Địa nhưng vẫn được phong lưu không lo nghèo đói, làm công việc gì cũng chỉ hăng hái lúc đầu.

Thái âm ngộ quốc ấn nhiều cửa chìm cửa nổi.

Thái âm thiên cơ làm việc suy nghĩ hay nghiên cứu có nhiều mưu lược, trước bất đắc chí sau hạnh thông nhưng dễ nản chí.

Nguyệt đồng tại tí có chức cao, vinh hiển phú quý nhưng hay thay đổi công việc. Nữ mệnh là hoa khôi nhưng nếu gặp hổ riêu tang khốc tam hợp chiếu thì bị vất vả về chồng hoặc xa chồng hay suốt đời phải khắc chồng.

Nguyệt cư thích chơi bởi phóng đảng, ăn nói không đứng đắn. Nếu gặp hung sát tinh thì rất nguy hiểm.

Nguyệt đà nữ mệnh là người loạn dâm.

Nguyệt (miếu vượng Đắc Địa) kinh đà sớm phải xa gia đình quê hương, tiền tài hao hụt. Nếu nguyệt hãm thì suốt đời nghèo khổ, lang bạt giang hồ.

Nguyệt miếu vượng đắc gặp hóa lộc ở cung âm và tả hữu chiếu là người giàu có đến tỷ phú, gặp lộc tồn thì làm văn nghệ trở nên giàu có.

Nguyệt gặp xương khúc chiếu văn chương thi phú tuyệt luân.

Nguyệt hãm gặp xương khúc cũng hãm đàn ông chỉ là hầu hạ đầy tớ, đàn bà thì ca kỹ hoặc gái điểm, nếu thêm ác tinh thì suốt đời nghèo khổ.

Nguyệt lương tại dần mao thìn tỵ ngộ là người có tính tà dâm tham lam, đàn bà nếu thêm cô quả là người góa bụa. Nếu được xương khúc miếu vượng ở cung phu thì đỡ và lấy được chồng tử tế.

Nguyệt hãm gặp tam không thì tốt.

Nguyệt miếu vượng gặp tam không thì xấu.

Nguyệt gặp văn khúc vũ khúc nhà ảo thuật nghệ sĩ đi kiếm ăn lang thang nay đây mai đó nhưng đủ ăn.

Nguyệt ngộ tuần triệt ở cung âm mẹ mất sớm.

Nguyệt miếu vượng Đắc Địa gặp sao sáng sửa tốt đẹp như tả hữu xương khúc khôi quyền đào hồng hỷ khoa lộc thì hưởng đầy đủ phúc lộc thọ.

Dù nguyệt hãm địa gặp nhiều cát tinh sáng sửa cũng được hưởng thọ và có danh tài.

Nhập hạn :

Nguyệt tại hợi thủ mệnh, hạn gặp kỵ quyền xương khúc là hạn khá giả làm ăn tăng tiến.

Nguyệt thủ mệnh hạn gặp riêu kỵ đào hồng kinh và văn vũ khúc : nên đề phòng kéo bị vướng lưới tình.

Nguyệt miếu vượng không gặp tuần triệt không kiếp thì tài lộc sung túc, nếu gặp thêm long phượng thì tậu nhà, nếu gặp đào hồng hỷ thì cưới xin vui vẻ, thêm con thêm cháu.

Nguyệt nhập hạn (Hãm Địa) gặp sát tinh như riêu kỵ hình thì mất kém đi và có khi bệnh ở bộ phận tiêu hóa và hay gặp tai nạn.

Nguyệt Hãm Địa gặp sao thai hoặc suy thì mắc chứng tâm thần bất định hay lo âu, lầm lẫn hao tán tiền bạc.

Nguyệt ngộ thiên cơ sinh đẻ khó khăn, nếu có sao bệnh nên đề phòng đau bụng, nếu gặp thêm hung sát tinh có thể chết vì sinh đẻ khó khăn.

Nguyệt đà kỵ đau mắt nặng, nếu gặp thêm phi liêm mất cửa.

Nguyệt đà tuế không mẹ hay bà nội mất.

Nguyệt long trì hao sát bị đau bộ máy tiêu hóa hoặc bệnh về máu huyết.

Nguyệt ngộ hỏa linh quan phủ lâm quan kiện tụng nếu không có sao giải bị thua kiện, có lộc tồn thì tốt.

Nguyệt tuế đà bị vạ miệng.

Nguyệt nhập hạn ngộ thái tuế thì mọi việc đều rắc rối trở ngại. Phải tùy theo các sao đi kèm để đoán việc gì xảy ra. Ví dụ : nguyệt tuế hồng đánh đổi vợ, nguyệt tuế kỵ đa ngôn. Có nhiều trường hợp gặp thái tuế lại tăng ảnh hưởng các sao đi kèm ví dụ : nguyệt xương khúc tuế giỏi văn chương, văn chương trác tuyệt.

Lưu ý : đàn ông nếu có nguyệt miếu vượng (nếu Đắc Địa thì phải có tuần triệt) thủ mệnh gặp nhiều cát tinh thì được hưởng phú quý uy quyền và thọ. Nguyệt Hãm Địa ngộ ác sát tinh thì suốt đời khổ sở đau yếu, có bệnh ở mắt hay bộ phận tiêu hóa, hay đi lang thang dễ mắc tai nạn và thường yếu tử. Thái âm ở mệnh hoặc thân thì tính nết sợ vợ hay nể vợ.

Đàn bà có nguyệt miếu vượng Đắc Địa thì phải có tuần triệt là người đẹp đức độ tài giỏi đảm đang, nếu là âm nữ mệnh đóng cung thủy và gặp quý tinh thì suốt đời gặp sung sướng.

Nguyệt miếu vượng gặp tuần triệt nên lấy chồng muộn để tránh việc làm lẽ làm kế và tránh ưu phiền vì chồng con.

Nguyệt Hãm Địa gặp ác sát tinh là người dâm dật cả đời vất vả nhiều bệnh tật và yếu đuối.

Nguyệt Hãm Địa gặp đào hồng hỷ riêu cái mộc dục là người dâm dật đi điếm.

Hạn gặp thái âm thì tiền bạc địa vị thăng tiến, mọi việc hạnh thông, có việc vui như cưới gả sinh đẻ thêm con thêm cháu nhà cửa thịnh vượng.

Đại tiểu hạn gặp thái âm nhà cửa tăng thêm.

Nếu gặp hỏa linh cung chiếu thì gặp quan tụng khẩu thiệt hoặc đau ốm.

Hạn gặp thái âm ở cung phản bối không có kinh đà tứ sát vì là hạn tối hung nếu không bị quan tụng thì cũng có nhiều sự phá tán.

Thái âm miếu vượng cư thiên di ngộ lộc tồn hay hóa lộc là người xuất ngoại và trở thành phú.

*****HẾT TẬP III*****

TỬ VI NHẬP MÔN TÒAN KHOA

TẬP 4

Ý nghĩa các chính tinh tiếp theo :

THIÊN CƠ : nam đầu tinh – âm mộc – phúc thọ tinh

Miếu : thìn tuất mao dậu. Vượng : tỵ thân. Đắc : tý ngọ Sửu Mùi

Hãm : dần hợi

Chủ sự sáng suốt khéo léo cơ mưu quyền biến, nhân hậu từ thiện.

Nếu đắc địa là sao giải chủ sự phúc thọ.

Thiên cơ là chủ cung huynh đệ, nếu ở cung Bào là tốt nhất vì thiên cơ chủ sự hòa thuận từ thiện phúc hậu.

Thiên cơ đồng cung với Cự môn ở mao dậu là đắc cách, nếu ở cung Bào thì có anh chị em dị bào và gia đình dễ bị xáo trộn.

Thiên cơ có đặc tính chỉ sự khéo léo thông minh về máy móc kỹ nghệ vì thế nếu thiên cơ ở cung Quan Lộc ở tỵ ngọ mùi thì chuyên ngành kỹ nghệ thì trở nên giàu có và có danh vọng.

Thiên cơ ngộ thái âm tại cung Thân (cự) thì làm nghề dạy học thì rất thích hợp và buôn bán phát tài, nếu có hóa lộc thì lúc nào cũng giàu có sung túc và cuộc sống được hạnh phúc.

Thiên cơ cự môn ở mao dậu là người nhiều mưu trí và thích máy móc.

Thiên cơ và thiên lương ở thìn tuất thì có khiếu về quân sự và chính trị, thêm quí tinh phụ là người có chức vụ lớn làm việc ở các ban tham mưu, nếu có riêu y quan phúc thì làm thầy thuốc có danh tiếng.

Thiên cơ miếu vượng đắc địa thủ mệnh là người tháo vát quyền biến đa mưu túc trí, nhân hậu khôn khéo về chân tay, giỏi về các nghề công nghệ kỹ nghệ làm thợ may họa sĩ hay y sĩ giải phẫu thì thành công dễ dàng.

Thiên cơ đắc địa thì được hưởng giàu sang phú quý và sống lâu nhất là khi gặp được nhiều trung cát tinh. Ở hai cung thìn tuất là người có khả năng nghiên cứu tùy theo các sao mà luận giải (quân sự kỹ thuật văn học chính trị hay y dược).

Thiên cơ ở mao dậu bao giờ cũng đồng cung với cự môn là con người học rộng chuyên nghiên cứu và rất tài giỏi suốt đời đầy đủ sung túc.

Thiên cơ đồng cung với thiên lương ở thìn tuất nếu gặp tuần triệt hay kinh đà linh hỏa thì số mệnh gian truân hay gặp nhiều trắc trở để trở nên bất đắc chí mà làm tu sĩ hoặc giang hồ đạo sĩ. Thiên cơ gặp thiên không đồng cung là số đi tu.

Thiên cơ gặp thái âm đồng cung ở thân (cự) thì tự mình dựng nên cơ nghiệp đồ sộ.

Thiên cơ độc thủ ở Sửu Mùi thì phát tài và dễ kiếm tiền.

Tướng dạng tính tình : thiên cơ thủ mệnh là người tầm thường không cao không thấp. Ở miếu vượng đắc địa thì mặt trái xoan da trắng cằm vuông lưng dài xương hơi lộ. Thiên cơ hãm địa thủ mệnh thì thân hình nở nang nhưng hơi thấp da trắng mặt tròn.

Ở miếu vượng đắc địa là hạng người thông minh sáng suốt khéo léo cơ mưu quyền biến, nhân hậu từ thiện, ăn nói khéo léo lễ độ và giỏi về nhiều ngành kỹ thuật.

Ở hãm địa tuy có óc kinh doanh nhưng kém thông minh, tính nết hơi xảo quyết, vất vả và làm ngành tiểu thủ công nghệ để kiếm ăn. Tuy hãm địa nhưng bao giờ cũng đủ ăn.

Người mệnh có cách cơ nguyệt đồng lương đắc địa là cách của người học một biết mười danh tiếng vang lừng về học vấn kỹ thuật cũng như về tư cách giàu có lớn. Gặp khoa quyền lộc thì giữ những chức vụ quan trọng. Nếu ngộ hoá kỵ vào nhân cung thủ mệnh hay đóng ở cung tài cung quan thì gia tài khánh kiệt lại hay chết non.

Nếu có cách cơ nguyệt đồng lương hãm địa và các sao tam hợp chiếu cùn hãm thì chỉ làm đến thư lại chức nhỏ mà thôi.

Thiên cơ hội thiên lương ở thìn tuất là một cách rất hay nhưng chỉ hay cho đàn ông vì có mưu trí kế hoạch. Đàn bà có cách này thì khôn quá có thể lừa dối qua mặt chồng dễ dàng (Nữ mệnh thì là người đàn bà cương trực ương ngạnh nắm hết quyền hành trong gia đình, nội trợ giỏi, khéo xoay trở, nếu có thêm sát tinh thì không có lợi cho chồng con).

Nữ mạng mệnh có thiên cơ lại hội nhiều cát tinh là người đàn bà nhanh nhẩu, hay làm, tính tình quả cảm. Thiên cơ ngộ thái âm thì thành người đàn bà xảo trá, tuy đời sống đầy đủ nhưng không được mỹ mãn, phần nhiều trở thành góa phụ hoặc làm tỳ thiếp và cuộc sống dâm dật.

Thiên cơ hội vũ khúc hồng loan là cách của người đàn bà giỏi về thêu thùa may vá hay những ngành gia chánh. Thiên cơ hãm địa là người thật thà ăn nói khôn ngoan, nếu có sát tinh thì lại trở thành điêu ngoa xảo trá bất lương.

Thiên cơ ở cung :

Thiên cơ và thái âm đồng cung ở cung thân thì gặp nhiều may mắn về buôn bán nhờ sự giúp đỡ của vợ.

Ở cung thiên di nếu cơ đồng cung với cự môn ở mao dậu thì giàu có nhưng hay cãi nhau và to tiếng về vấn đề tiền bạc.

Nếu có tả hữu đồng cung với thiên cơ thì được nhiều người giúp đỡ.

Ở cung nô có thiên cơ thiên lương tả hữu là số được bạn bè tôi tớ giúp đỡ gây dựng cơ nghiệp.

Ở cung bào thiên cơ đồng cung với cự môn là có anh em dị bào. Thiên cơ độc thủ lại ít anh em.

Thiên cơ đồng cung với tướng quân và thiên riêu thì làm thầy thuốc được đông khách và mát tay.

Ở cung điền trạch có cơ lương thìn tuất cơ nguyệt ở thân hay cự cơ ở dậu thì trái lại không có hoặc có ít nhà đất ruộng vườn.

Ở cung phụ mẫu có cơ lương thì cha mẹ giàu có.

Thiên cơ và các sao khác :

Cơ miếu vương đắc địa hội cùng xương khúc khoa quyền lộc, khôi việt thì làm nên sự nghiệp giàu có.

Thiên cơ đóng ở phương đông và phương bắc là cây có rễ thì tốt hơn là ở Tây Nam (đông dần mao thìn, bắc hội tý Sửu, tây thân dậu tuất, nam tỵ Ngọ mùi) ở tây nam thì như cây ít rễ nên không được tốt.

Thiên cơ rất kỵ gặp triệt ví như cây bị khô sẽ bị yếu tử, cần có sao giải mới đỡ.

Thiên cơ đắc địa thủ mệnh làm việc gì cũng dễ thành công.

Cơ lương thông minh oai vệ, gặp tứ sát thì ăn nói có duyên và được mọi người nghe theo và ưa chuộng. Cơ lương thường làm quân sư hay ở bộ tham mưu, thích bàn chuyện chính trị quân sự.

Thiên cơ tọa thủ ở tý là số thọ. Nếu thêm khoa quyền lộc thì được hưởng đầy đủ ba chữ phước lộc thọ.

Thiên cơ ở tỵ Dậu là con người ưa rượu chè, thêm hỏa linh là nghiện á phiện và lại là người nóng nảy cục cằn thiếu thành thật.

Thiên cơ tọa thủ ở cung Sửu là hợp cách vì sao mộc tọa thủ cung âm thổ, nếu có sao thủy ếm trợ lại càng tốt.

Cơ hãm địa gặp tuần triệt cũng khá giả, nên lập nghiệp ở xa quê hương. Nếu có sát hay mắc tai nạn về súng đạn.

Cơ hãm địa lại gặp các sao hãm địa tam hợp chiếu có sát tinh kỵ hình thường bị tàn tật, có những bệnh nan y, hay mắc tai họa cô đơn yếu tử.

Cơ miếu vượng đắc địa hội tả hữu lộc khoa hình riêu y quang quý là được sĩ thầy thuốc hay. Nếu thêm cự môn tuế phá lại là nha sĩ.

Ba tuổi ất bính dinh có cơ ở tý ngộ gặp cát tinh hội hợp thì lập được sự nghiệp được hưởng giàu sang phú quý trọn đời, lúc trẻ thì hơi vất vả.

Cự cơ mao đầu gặp song hao là người hưởng phú quý tốt bậc, rất tốt cho tuổi tân kỷ bính ất.

Thiên cơ miếu vượng đắc địa gặp tả hữu phục binh là người khéo tay chuyên về máy móc kỹ nghệ. Nếu thêm xương khúc hình khoa quyền thì làm kỹ sư (Hóa kỹ, thì làm kỹ sư mỏ, hoặc máy móc; kinh hình thì làm kiến trúc sư).

Ở nữ mệnh có cơ hỏa linh khốc nghèo khổ đa sầu đa cảm hay buồn rầu.

Cơ hồng loan vũ khéo tay chân may vá giỏi.

Cơ kỵ nếu không có sao giải hay bị khánh tận gia sản, yếu tử nên đi tu.

Cơ phá vũ liên mất lúc nào cũng lỡ dở.

Cơ lương thìn tuất văn chương cái thế, ngộ kinh đà hỏa linh là võ sĩ giang hồ hoặc thầy tu nổi tiếng.

Cơ hình vong tư sĩ thầy chùa.

Cơ lộc mã số tử phú.

Cơ hãm địa tang tuế hay bị vợ con bỏ rơi.

Cơ thiên mã làm nghề đồ gỗ (khai thác gỗ, mở xưởng cửa xưởng mộc) thích hợp và phát tài.

Cơ nguyệt đồng tham vì buôn bán mà nay đây mai đó ngày đêm lo nghĩ cực nhọc.

Cơ văn xương riêu y mộc dục thích làm văn thơ khiêu dâm.

Cơ tướng có hoa tai về kỹ thuật.

Đại tiểu hạn :

Thiên cơ ở mệnh cơ nguyệt đồng lương tại mệnh, hạn gặp sát phá liên tham dễ hỏng việc, nếu có hoá khoa thì giải được phần nào, nếu gặp tràng sinh thì hỏng việc cho đến đại hạn mới.

Hư kinh tuế hạn đến cung mệnh có cơ, tuổi ất tân phát võ.

Cơ nguyệt gặp liên hổ linh riêu : khó nuôi con, đàn bà có thai bị sảy.

Cơ kiếp hình hạn ngục tù, nếu có khoa và phượng các thì giải được.

Thiên cơ nhập hạn miếu vượng đắc địa : tốt mọi sự hạnh phúc đại phát tài, nếu là công chức thì có quyền hành lớn, có quý nhân phù trợ.

Cơ hãm địa trong nhà bất hòa, gặp kinh đà cự khó tránh tai họa.

Cơ hãm địa ngộ nhật tử : lênh đèn hồ hải khắp năm châu bốn biển, nếu có sao sát thì tính mạng lâm nguy.

Cơ cự hỏa kinh : hay bị ốm đau khẩu triệt, kiện tụng tang thương.

THẤT SÁT : nam đầu tinh – dương kim – quyền tinh

Miếu : dẫn thân tý ngộ. Đắc : sửu mùi. Vượng : tỵ hợi. Hãm : thìn tuất mao dậu.

Thất sát biểu hiện cho cái sĩ của con người. Đối với nữ giới thất sát thủ mệnh hoàn toàn không thích hợp. Nói chung thân thể ít khoẻ mạnh trong người hay có tật và không được thọ.

Thất sát có tính chất nóng nảy và nóng nảy vì lý do đó mà nhảy qua đồng cung với tử vi để dẫn đường cho đế tinh (tử vi) tuần du ở hai cung tỵ hợi. Trong lúc phá quân bắt đầu hoạt động mãnh liệt trong tam hợp tử sát phá vũ tham thì chẳng khác gì Ngụy Diên ở hàng ngũ quân Tào Tháo nhảy ra đầu hàng Lưu Bị.

Thiên phủ luôn ở thế xung chiếu với thất sát cũng như Khổng Minh không tin cậy Ngụy Diên nên trong trường hợp nào cũng luôn luôn cùng thiên tướng sát cánh trong hàng ngũ tam hợp để ngăn chặn phá quân thất sát (thiên phủ xung thất sát, thiên tướng xung phá quân).

Nhưng nếu cung mạng đóng tại dẫn thân thì những khuyết điểm của thất sát được giảm đi rất nhiều. Nếu đóng tại hai cung thìn tuất thì khuyết điểm gia tăng và đương số hay gặp tai ách, không bình hoạn cũng yếu vọng.

Thất sát là một quyền tinh dũng tinh chủ về uy quyền và sát phạt. Thất sát đồng cung với tử vi (tỵ, hợi) đắc địa trở thành một quyền tinh.

Thất sát thủ mệnh là người thiếu nhẫn nại rất cương cường chỉ muốn thắng mà không muốn thua, trong lúc bình thường không ưa nói chuyện và cũng ít người muốn tiếp xúc.

Thất sát thủ mệnh tại các cung miếu vượng đắc địa là người có uy quyền nóng nảy và dũng mãnh. Ở các cung hãm địa thì hung tổn gian ác và hay gây tai nạn. Nếu thất sát đồng cung với kinh dương nơi hãm địa hoặc ở các cung âm thì hay gây ra các tai họa khủng khiếp.

Thất sát là một hung tin nên khi đóng ở cung giải ách thì hay có những chứng bệnh khó chữa và gây ra những cái chết nhanh chóng. Thất sát gặp không kiếp ở cung giải ách thì phổi yếu hoặc ho lao. Thất sát mộc dục song hao và hóa kỵ thì mắc bệnh ung thư hoặc cổ trướng.

Ở 4 tuổi giáp canh đinh kỷ, thất sát thủ mệnh ở dẫn thân thì được phú quý rất cao, còn ở tuổi khác thì hay gặp thăng trầm và khó khăn về danh vọng.

Thất sát có hai vị trí được đề cao là thất sát triều đầu (thất sát dẫn thân) và ngưỡng đầu (thất sát tý ngộ). Triều có nghĩa là triều kiến. Ngưỡng là ngẩng trông lên một cách kính cẩn. Đầu là sao.

Nếu quan sát trên địa bàn của một lá số tử vi khi thấy thất sát ở ngọ thì tử vi thiên tướng ở thìn, phá quân ở tuất. Hai bên đều dần thế trận để hy vọng khuất phục nhau. Vậy thất sát ở ngọ ngưỡng mộ ai? Tử vi thiên tướng hay phá quân? Chắc chắn phá quân không thể lùi bước mà ôm chân tử vi thiên tướng ở thìn (không ở cùng tam hợp) mà quay đầu về với phá quân cùng đứng trong tam hợp dần ngọ tuất với nhau.

Thất sát triều đầu là thất sát ở cung dần hay thân, lúc đó phá quân ở tý hay ngọ (hiên ngang một mình một cõi sơn hà) thất sát cúi mặt triều kiến là đúng cách. Khi Thất sát ở dần triều kiến phá quân ở với tư cách là một lãnh tụ đơn thương độc mã đến sào huyệt của tử vi. Nếu có triều và ngưỡng tử vi phải danh chính ngôn thuận (ngưỡng triều đế vị) nhưng không thấy có mối liên hệ gì trong nội bộ (tam hợp) và vị trí tử vi đóng cũng không đẹp để gì để mà ngưỡng hay triều cả.

Tướng mạo tính tình :

Cung mệnh có thất sát miếu vượng đắc thì người có thân hình vạm vỡ, người cao vừa phải da đen và xấu, mắt to hơi lồi, tính tình bướng bỉnh ương ngạnh ít chịu phục tùng ai, làm việc gì cũng muốn chống xong.

Người có thất sát thủ mệnh cũng là người thích cho người khác biết đến uy quyền của mình, luôn luôn muốn cho người khác phải nể sợ.

Ở các cung miếu vượng đắc địa lại gặp cát tinh sáng sủa phụ tá thì là người can đảm dũng mãnh thông minh đa mưu túc trí, tính tình cương nghị hiếu thắng, không muốn ai làm trái ý mình nhiều khi hay nói quá nhiều nhưng được nhiều người tin tưởng, được hưởng giàu sang và thọ song cuộc đời hay gặp nhiều bước thăng trầm. Khi đến hạn gặp sát phá tham vẫn là đại hạn thăng trầm chỉ khi nào nhập hạn không có chính tinh thì đỡ hơn.

Thất sát miếu địa ở dần thân thì người đẹp đẽ nhưng nước da lại thô xấu, lạnh lẽo nhiều mưu cơ và được quý hiển, người tuổi giáp đinh kỷ canh thì được tài quan song mỹ.

Thất sát bất lợi cho phụ nữ dù gặp miếu vượng đắc địa cũng gặp nhiều chuyện rắc rối và chuyện không may trong gia đạo. Tóm lại dù thất sát miếu địa cũng không ham vì sao này có nhiều nguy hiểm tiềm tàng nên công danh tài lộc cũng khó vẹn toàn chưa kể đến trường hợp gặp các hung tinh khác.

Thất sát thủ mệnh gặp các hung sát tinh khác thì tính tình tàn nhẫn hay bệnh tật và gặp các tai nạn. Hãm địa ở cung tý ngọ mao dậu là con người thô bạo ăn tục nói khoác thường làm nghề đồ tể hay thợ rèn. Đàn ông tuổi ất thì lại khá giả vì ám hợp đầu số. Thất sát hãm địa gặp thiên hình thì chủ về tai nạn súng đạn đao gươm. Ở 4 vị trí miếu địa là dần thân tý ngọ thì đương số được đảm bảo công danh phú quý.

Thất sát thủ mệnh tại nhàn cung gặp kinh đà cự môn xung hợp chiếu thì nếu không có thương tích ở tứ chi cũng què chân gãy tay.

Thất sát ở hãm địa rất nguy hiểm ví như con hổ đang ngủ.

Nữ mệnh đàn bà có thất sát thủ mệnh (miếu vượng) là người đàn bà có chí khí lớn, thông minh người nom thô kệch và không được hấp dẫn về khía cạnh thẩm mỹ. Nếu lại bị hãm địa thì khó tránh được hình phu khắc tử, khổ sở cay đắng với chồng con.

Thất sát gặp tham lang ngọ đà hỏa thì không quý và do đó người đàn bà lại thành dâm đảng bất lương. Ở miếu địa thì gan góc bạo dạn và hay ghen nếu gặp nhiều cát tinh thì hưởng

nhiều sự may mắn và giàu sang phú quý. Hãm địa là người đàn bà lòng lang dạ thú có nhiều bệnh tật. Nếu gặp thêm hung tin thì chung thân nghèo khổ và không được thọ.

Người đàn bà tuổi tân tuổi đinh mệnh có thất sát (cách sát phá tham) gặp văn xương thì chồng con muộn màng góa bụa làm vợ lẽ hoặc sát chồng. Thất sát ty ngọ ngọ hình riêu là người đàn bà ham mê nhục dục.

Các cách tốt của thất sát

Thất sát ngọ kinh dương ở ngọ là số chết vì gươm đao súng đạn đối với 2 tuổi bính mậu. Trái lại với 2 tuổi giáp kỷ đồng cung ở mao lại là người anh hùng cái thế. Thất sát đóng ở cung an thân thì không được thọ.

Thất sát liêm trinh hoặc thất sát độc thủ ở hai cung thìn tuất là số bạc phước bị giảm thọ.

Thất sát gặp tứ sát (kình đà linh hỏa) thì bị ác tật tai nạn hoặc chết vì súng đạn.

Thất sát hãm ngọ kinh hỏa thì nghèo hèn hoặc làm nghề đồ tể.

Thất sát ở ty ngọ ngọ hình riêu đối với đàn ông thì lại ghét đàn bà và lại thích độc thân.

Thất sát đóng ở cung Tử tức (ngoại trừ hai cung dần thân) thì vất vả vì con còn ở các cung khác gặp các sao xấu thì hiếm muộn và khó nuôi con.

Thất sát và các sao khác : mệnh có thất sát hãm hay gặp tuần triệt là cách thượng lộ mai thi (chết đường) đến hạn đó mà gặp tử vi thiên tướng lộc tồn thì giải được hung họa đó.

Thất sát ngọ văn xương lại có triệt án ngữ là người có đôi mắt ti hí như mắt lươn.

Thất sát đi chung với hung sát tinh báo hiệu những sự bất lợi hung bạo và khó tránh. Nếu thất sát lại hãm địa thì nguy hiểm càng gia tăng và cái chết càng thảm khốc.

Thất sát là sao chỉ tương đối tốt khi ở các cung miếu vượng đắc địa nhưng rất hung ác khi gặp sao xấu và hãm địa.

Thất sát triều đầu là cách anh hùng võ nghiệp nếu không gặp hung sát tinh.

Thất sát ngọ phá quân ở hãm địa thì sự nguy hiểm cũng chẳng khác nào gặp kình địch.

Thất sát liêm trinh đồng cung mà lạc hãm là số chết đờng. Liêm trinh ngọ hao cũng vậy (ở cung thiên di) nếu gặp thêm kinh dương hóa kỵ thì lại càng hung dữ.

Mệnh có thất sát tọa thủ gặp hình kỵ là số gặp tai ách từ đâu mang tới.

Thất sát cư nơi tuyệt địa gặp hình đà kình gặp hạn này là chết như Nhan Hồi.

Thất sát ngọ kinh linh hỏa lạc hãm là số chết trận mạc hay tai nạn hoặc bị còng lưng hay tàn tật.

Thất sát hỏa linh kinh dương ở cung mệnh thân là người bần tiện hoặc làm người đồ tể.

Thân mệnh có thất sát lưu hạn có kinh dương quan phù thì xa quê hương gặp vợ hiền.

Thất sát cư ở cung phúc đức thì không được vinh hiển, con trai còn có chút ít sản nghiệp, còn con gái thì vô duyên không ai ưa. Độc thủ ở cung phúc đức đối với đàn bà là tối kỵ vì là số bần tiện.

Cung mệnh có thất sát hãm địa hay cư ở dần thân gặp tuần triệt thì bôn ba nghèo khổ trầm ngâm ít nói lúc vui lúc buồn, khờ khạo (mát), các cái hay điều trở nên dở hết.

Thất sát ngọ cát tinh thì được vinh hiển phú quý, gặp sát tinh đắc địa thì làm nhà binh cũng được nổi tiếng. Nếu thêm quyền lộc là cấp chỉ huy, ngọ thêm thiên hình ở cung miếu địa là có biệt tài về quân sự và có uy quyền.

Thất sát hãm ngũ ác sát tinh cũng là người hung bạo liều lĩnh xảo quyết ăn nói khoác lác, nếu ngũ kinh đà hãm địa thì làm nghề đồ tể, nếu ngũ hóa kỵ thì làm thợ sắt thợ rèn, ngũ tả hữu long phượng quang quý thì làm thợ vàng thợ bạc thợ khắc dấu thợ đồng hồ, nếu được giàu có thì giảm thọ.

Thất sát ngũ hung sát tinh thì cuộc đời luôn luôn bị cô đơn cùng khổ lang thang nơi đất khách quê người, tai nạn bệnh tật triền miên. Đồng cung với thiên hình ở hãm địa dễ bị ám sát hoặc bị tai nạn xe cộ.

Thất sát miếu vượng đắc địa gặp nhiều cát tinh tốt đẹp sáng sủa như tả hữu xương khúc khô việt khoa quyền lộc tử phù kinh mã thì được hưởng phú quý vào bậc nhất, danh tiếng lừng lẫy uy quyền hiển hách.

Thất sát tuy hãm địa ở Dậu nhưng hợp với 2 tuổi ất tân, nếu không gặp sát tinh lại có cát tinh phò tá thì vẫn được hưởng phú quý và thọ.

Ở hai cung Sửu Mùi gặp liên trinh và cát tinh lại hợp với mệnh cũng làm nên và chết xa quê hương.

Mệnh an tại tỵ có tử vi thất sát đồng cung thì được hưởng phú quý uy quyền và nếu lại có thêm hỏa linh và tuyệt thì là con người tàn nhẫn. Nếu có tả hữu khoa ấn mã hồng trạch sinh thì làm đến hàng tướng.

Thất sát ngũ không kiếp làm đồ tể thì tránh được ngục tù nhưng cũng chết non.

Thất sát kinh đà ở tỵ ngũ mao dậu thì yếu tử.

Thất sát hay vũ khúc ở tỵ (mệnh cũng ở đó) thì làm nên, nếu ở ngũ thì làm lớn.

Thất sát thái tuế mưu trí dũng cảm.

Thất sát quan phù bạch hổ hay lui tới cò bót buồn phiền.

Thất sát phá quân ngũ kinh hãm thêm sự hung nếu có linh tinh miếu vượng chiếu thì đỡ được nhiều tai ách.

Sát phá liên tham là quý cách, tuổi thìn tuất Sửu Mùi mạng kim mạng mộc làm ngành võ khá giả còn các tuổi khác bị oán trách.

Sát phá không kiếp yếu tử nhập hạn là chết.

Sát đào hồng nữ mạng số giết chồng.

Sát kinh đà mạng thổ đắc địa có sự nghiệp phi thường dễ thu phục hung đồ, cư nơi hãm địa là kẻ đầu trộm đuôi cướp. Nếu đắc địa lại gặp tử phủ vũ tướng lại hóa thành xấu.

Sát phá tham nữ mệnh tuổi tân đinh ngũ gặp văn xương là số góa chồng cô đơn, nên muộn lập gia đình hay làm kế làm lẽ mới tránh được tang tóc đau buồn.

Thất sát nữ mệnh miếu vượng đắc địa thôn minh nhưng âm đảng có chí khí đàn ông thích quyền hành hơn người hay ghen nhưng được phú quý, ngũ hung tinh là người tàn nhẫn bạc tình.

Thất sát nữ mệnh hãm là người khát khe độc ác khắc hại chồng con.

Thất sát dần thân nữ mệnh nếu có riêu đào hồng hỷ là người đàn bà âm loạn và bạc tình, nếu gặp quý tinh thì đỡ.

Các cung :

Đàn ông mệnh ở tỵ ngũ có thất sát thì lấy được vợ hiền nhưng nếu có kiếp riêu lại là người ghét đàn bà, thích độc thân.

Cung quan lộc có thất sát là người có quan chức oai nghiêm khiến mọi người phải nể sợ.

Cung an thân có liêm trinh thất sát gặp hỏa tinh thì bị cháy nhà, có thiên riêu hóa kỵ thì bị chết đuối.

Cung tử tức có thất sát ngộ đà la không kiếp là có con điên hoặc ngớ ngẩn.

Cung mệnh ở dậu có thất sát là người tham lam, sẽ gặp tai họa lớn.

Cung mệnh an tại Sửu Mùi có thất sát liêm trinh đồng cung gặp hình kỵ không kiếp thì chết đường hay gặp tai nạn mà chết.

Cung mệnh có thất sát hãm thì sớm xa quê hương và làm ăn, tuy biết nhiều nghề nhưng không tinh xảo.

Cung mệnh hay cung thân gặp thất sát kiếp không linh hỏa thì gù lưng nếu ra trận thì cũng tử trận.

Cung mệnh có thất sát lưu hà kinh dương đồng cung nhị hợp có quan phù là cách đi xa quê hương mà có vợ có chồng.

Cung mệnh có thất sát kinh dương linh tinh đồng cung, hạn gặp bạch hổ thì gian nan vì ngục tù.

Cung mệnh an tại Ngọ có thất sát kinh dương đồng cung, hai tuổi bính mậu tất chết vì tai nạn súng đạn, người có cách này như gươm kề cổ nhưng nếu gặp phượng các giải thần thì không đáng ngại.

Cung mệnh an tại Tý Ngọ có thất sát tọa thủ đàn ông thì nhiều vợ và đều là người hiền thực, gặp kiếp riêu thì lại là người ghét đàn bà chỉ thích độc thân, đàn bà gặp cách này dễ bị vướng vào lưới tình.

Cung tử tức có thất sát độc thủ gặp hình hổ hãm địa hợp chiếu thì hiếm muộn con cái.

Cung phối có sát phá tham hội với khoa quyền lộc, người đàn bà có số này là mệnh phụ phu nhân, nhưng nếu gặp cô quả lại sớm góa chồng.

Cung mệnh an tại Tý Ngọ có thất sát tọa thủ gặp thiên riêu, đàn bà có cách này là người tài giỏi đảm đang nhưng ba chìm bảy nổi, gặp quyền lộc thì có nhiều tài lộc và không bị vướng vào lưới tình.

Cung mệnh có sát phá liêm tham hội tả hữu khoa quyền lộc hồng hình là người hiền đạt về võ nghệ, có danh tiếng trong thiên hạ. Nếu bị hỷ không hay gặp tuần triệt xâm phạm thì cả đời bất đắc chí hoặc nếu thành công cũng không bền.

Thất sát gặp hạn :

Mệnh có thất sát linh tinh, nhập hạn gặp bạch hổ không gặp sao giải hoặc quý tinh thì khó tránh ngục tù mệnh có sát phá liêm tham, năm hạn gặp địa võng (cung tuất) và hình khôi đà kỵ đề phòng tai nạn, hạn gặp tử phù hoặc cự nhật hay cơ nguyệt đồng lương nếu không hãm địa thì khá giả nhưng cũng bất đắc chí nếu bị hãm địa thì mọi sự đều bế tắc.

Thất sát miếu vượng đắc địa nhập hạn gia đình hạnh phúc thịnh vượng nhanh chóng. Ở dần thân thì quan lộc tài bạch đều tốt, mưu sự chóng thành.

Thất sát hãm nhập hạn bị nhiều chuyện bức mình, thất bại đau ốm tang tóc.

Thất sát thìn tuất, hạn gặp kinh đà mà đại tiểu hạn trùng phùng thì chết, nếu gặp tử vi lộc tồn thì không chết.

Thất sát phá quân hao mộc kỵ, hạn bị mỗ xê về mụn nhọt hay ung thư.

Sát kỵ không kiếp hỏa linh kinh phục hạn bị ám sát hoặc gặp tai nạn hung hiểm đến tính mạng.

Sát phục phi liên hạn bị cướp.

Sát ngộ tả hữu nhiều người giúp đỡ.

Hạn có thất sát chiếu ngộ kinh đà, tuổi ngộ mệnh cư ở mao dậu thì nguy hiểm. Ở các cung khác kinh đà chiếu cũng xấu (ốm đau tang tóc tán tài) nếu sát hãm địa mà gặp kinh đà thì số chết non.

Sát linh hỏa số chết non.

PHÚ :

Thất sát tý ngộ dần thân thọ khảo : mệnh an tại các cung tý ngộ dần thân nếu có thất sát thì sống lâu. Nhận xét về phương diện tìm hiểu tử mĩ thì không có gì nhưng về phương diện ứng dụng thì câu phú này là con dao hai lưỡi vì nhiều người đã nghiệm được nhiều lá số có cách này mà chết non hay chết bất đắc kỳ tử. Có thể nói rằng câu phú này sai nhiều hơn đúng. Không những thế lại còn có câu phú trái ngược câu phú này : Thất sát độc thủ mệnh viên vô khả cứu trung lâm chi hạn nghĩa là khi mệnh có thất sát độc thủ khi vào hạn la vọng thì khó cứu nổi, như thế lại càng phải đề dặt khi áp dụng câu phú trên khi mệnh có thất sát lại hội đủ kinh hổ khốc hư tang đà hoặc hạn gặp các sao đó dù cho không phải cung la vọng cũng khó bảo toàn tính mạng. Có người có thất sát độc thủ mà hạn chỉ gặp có một kinh dương thế mà cũng chết. Bởi vậy phải cân nhắc cẩn thận khi áp dụng câu phú trên lá số.

PHÁ QUÂN : bắc đầu tinh – âm thủy – hao sát tinh.

Miếu : tý ngộ. Vượng : sửu mùi. Đắc : thìn tuất. Hãm : mao dậu dần thân tỵ hợi.

Phá quân là sao có tính cách cương trực, có hành động phản kháng những gì bất công tức là hình tượng của cách mạng. Phá quân bị mang tiếng là tàn nhẫn và bất nhân.

Phá quân ứng với can mậu là thổ của tiên thiên nhưng là thủy của hậu thiên.

Phá quân là phục binh của vòng lộc tồn.

Thực chất của phá quân đóng từ cung thân đến cung hợi là tốt là những gì hợp tiến triển nguyện vọng, làm bậc thang đưa đến 2 cung tý ngộ, một ngôi vị miếu chủ được ánh sáng mát dịu của thái âm miếu sáng tỏ.

Có thể cho tử vi là phe chính quyền và phá quân là phe đối nghịch. Tất nhiên là trong hai phe có người có tư cách cao và kẻ gian tà bất nhân, không thể quyết đoán phá quân là bất nhân là tiểu nhân và tử vi lúc nào cũng là quân tử. Muốn biết chắc chắn phải căn cứ vào đâu ? Phần quan hệ là ở 3 vòng tràng sinh thái tuế và lộc tồn.

Phá quân là một sao chủ về hao tán và là một hung tinh chủ về oai quyền, nóng nảy làm hao tán sự nghiệp, tiền bạc, vợ chồng, con cái, bằng hữu, ... tuy nhiên phá quân lại chế ngự được tính hiểm ác của kinh dương. Còn thiên đức nguyệt đức thiên lương lại chế ngự được tính chất hao tán và hung bạo của phá quân.

Ở các cung miếu địa và thủ mạng phá quân rất can đảm và cũng rất nham hiểm. Ở cung hãm địa thì hung tợn, tàn nhẫn, sẵn sàng hại người nhưng hay gặp tai họa. Ở tứ mộ sự phá phách càng thêm dữ dội.

Phá quân thích hợp cho đàn ông hơn là cho đàn bà và cũng thích hợp cho người tính nết ngang tàng bướng bỉnh. Đàn bà có phá quân thủ mệnh thì hay gặp bất lợi trắc trở về tình duyên.

Phá quân thủ mệnh ở hai cung thìn tuất là người dũng cảm nhưng có trái tim sắt đá ít tình cảm nhân nghĩa. Gặp song hao phá quân càng tác động mạnh. Gặp được lương hỷ lộc thì cũng bớt được phần nào.

Tướng dạng và tính hạnh : phá quân miếu vượng thì thân hình cao lớn cân đối, da dẻ hồng hào, mặt mũi đầy đặn, mắt lộ hầu lộ, mi thưa, có dáng oai vệ (nếu thêm liêm trinh lực sĩ) tính tình cương cường ưa tranh đấu thông minh hiểu thấu, tự đắc, nhiều thủ đoạn, thích du lịch săn bắn, thích nghe nịnh hót.

Phá quân hãm địa thân hình cũng đầy đặn, da ngăm đen hơi thấp tính tình hồ đồ, ngỗ nghịch hung tợn, bất nhân xảo trá, gian manh dâm dục và nguy hiểm.

Trong truyện Kiều, Nguyễn Du tả về Từ Hải có 4 câu :

Râu hùm hàm én mày ngài

Vai năm tấc rộng thân mười thước cao

Chọc trời khuấy nước mặc dầu

Dọc ngang nào biết trên đầu có ai

Đúng là cụ Nguyễn Du đã tả người tuổi giáp có phá quân tý ngọ (miếu) đắc hóa quyền. Quyền không những là người giang hồ kiếm khách, còn là một người có tâm hồn nghệ sĩ.

Nữ mạng có phá quân miếu vượng đắc là người đàn bà bạo dạn hay ghen tuông. Có phá quân thủ mệnh nên lập gia đình muộn thì mới được hưởng giàu sang phú quý. Nếu ở cung hãm địa thì là người đàn bà lăng loàn dâm dục và độc ác. Ở cung tý ngọ thủ mệnh là người đàn bà vượng phu ích tử có tư cách hơn người nhưng cũng có tính nết hơi bất thường.

Đàn bà không nên có phá quân hãm thủ mệnh nếu lại gặp thêm kinh dương thì rất hung độc vì có tính chất khắc chồng hại con không phải chỉ một lần.

Nếu phá quân gặp đại hiểu hao dù ở các cung miếu như tý ngọ cũng thường chỉ sự hoang phí bữa bãi ham ăn chơi, cờ bạc nghiện ngập nghĩa là đầy đủ 4 yếu tố tứ đổ tường. Dù người ta có giàu có đến đâu cũng không nên kết hôn với người đàn bà có phá quân ngọ đại tiểu hao vì dù người đàn bà này dù đẹp đến đâu cũng không nên lấy họ về vì chẳng mấy chốc mà tan tành sự nghiệp vì sức phá hoại của phá quân vô cùng mạnh mẽ lại được tăng cường bởi đại tiểu hao.

Mệnh ở tý ngọ có phá quân người sinh năm bính mậu dần thân thì cô đơn và có tật nguyên. Trái lại cũng người sinh năm bính dậu nhưng mệnh tọa ở 4 cung thìn tuất sửu mùi gặp tử vi lại được đại phú đại quý.

Gặp liêm trinh kinh đà linh hỏa ở hãm địa là người thích tranh đấu nhưng lại có nhiều tai họa bệnh tật.

Phá quân ở tý ngọ là nhập miếu nhưng lại không tốt đối với 4 tuổi bính mậu dần thân. Người tuổi giáp gặp phá tại tý là tốt nhất. Phá cư tý không sợ không kiếp nếu là người mạng thủy.

Mệnh có phá quân thất sát hội với tham lang ở cung nhập miếu là người khảng khái và tiền bạc sung túc phong lưu.

Ở các cung mệnh thân gặp liêm hỏa kinh đà là tối hung không gặp tai nạn khủng khiếp cũng bị yếu vong.

Phá tham lộc mã là người đang điểm vô hạnh, hung bạo, dâm dục nhưng lại nhiều tiền.

Tóm lại phá quân là một hung tinh thứ dữ hay giáng tai họa, dù là miếu địa cũng hay giáng thẳng trầm và thất thường về công danh sự nghiệp cũng như tiền tài.

Địa không địa kiếp là hai sát tinh có thành tích dữ dần nhất trong lục sát tinh, phải có phá quân cai trị và điều khiển thì hai sát tinh mới được đặc lực. Ví dụ mệnh có phá quân mà đi đến đại hạn gặp không kiếp thì phải có chuyện sống hết, phát lớn hoặc sạt nghiệp, hay hoặc dở tùy theo phá quân và không kiếp đặc địa hay hãm địa.

Ảnh hưởng xấu tốt của phá quân : phá quân được cát tinh hội chiếu như khoa quyền lộc tả hữu tướng ấn hay là gặp hung tinh đặc địa không hiệp hỏa linh thì công danh lừng lẫy sự nghiệp hiển hách. Nếu gặp các hung sát tinh ở các cung hãm địa như đại tiểu hao bạch hổ hóa kỵ thiên hình thì công danh trắc trở tuổi thọ suy giảm dễ bị vào tù ra khám.

Phá quân hãm địa là người hung ác bất nhân nham hiểm, có đầu óc kinh doanh chuyên về máy móc và điện khí nhưng hay mắc phải những tai ách bệnh hoạn nặng nề.

Phá quân hãm địa ở mao dậu, nếu người tuổi ất tân hay tuổi tý thì lại khá giả vì có ám hợp tinh đầu.

Phá quân hãm địa ở dần thân người tuổi canh đinh kỷ cũng khá giả.

Phá quân hãm địa ở tỵ hợi thì người tuổi mậu tránh được nhiều tai ách.

Phá quân miếu địa gặp không kiếp kinh đà cũng trở nên giàu sang nhưng không bền, nếu gặp lục bại tứ sát ở cung hãm địa thì có nhiều bệnh nan y và chết non.

Phá quân ở tuất người ở 3 tuổi dần ngộ tuất chỉ là người bị mang tiếng bất nhân bất trung, bất nghĩa nhưng đáng được minh oan. Thật ra chỉ vì một cái thế kẹt nào đó mà bị oan tình ngoài ra lòng dạ rất thành thực. Cũng theo cách này người tuổi thân tý thìn mệnh đóng ở thìn có phá quân thủ mệnh thì cũng bị mang tiếng chứ thực ra bị oan, và người tuổi dần ngộ tuất có phá quân ở thìn và người tuổi tý thìn có phá quân ở tuất mới đúng là hạng người bất nhân.

Các sao hợp với phá quân miếu địa là tả hữu xương khúc khoa quyền lộc và các sát tinh nhập miếu.

Các sao phá đi cách phá quân nhập miếu là đại tiểu hao bạch hổ hóa kỵ thiên hình. Ngoại trừ trường hợp phá quân miếu địa được cát tinh hỗ trợ hoặc hung tinh miếu hội chiếu thì mới khá được và trong các cách tốt của phá quân và các sao khác cũng ít.

Toái quân lưỡng phá tức là phá quân phá toái đồng cung thì công danh thành đạt tiếng tăm lừng lẫy hoặc phá quân ở tứ mộ thìn tuất Sửu Mùi gặp thiên hình là người có địa vị cao và uy quyền lớn.

Có phá quân thìn tuất mà báo tốt trắng trẻo người mạng kim thì hậu vận sẽ khá giả. Nếu là người có con mắt lúc dục lúc ngnag, nói năng đạo đức giả thì sự nghiệp sẽ không bền.

Phá quân ở thìn tuất có tuần hay triệt đồng cung với kinh hay đà thì mất lộ nói năng khéo léo nhưng có những hành động phản trắc tức là dấu hiệu của một người bất đắc kỳ tử.

Phá quân ở tứ mộ ngộ hình lộc gặp thời loạn thì danh tiếng bốn phương.

Phá quân miếu địa ngộ long phượng xương khúc thì người cao, mặt trắng môi hồng mắt sáng tai to lông mày rậm.

Với người mạng thủy có phá quân cư tý không có không kiếp, mạng kim mạng thủy lúc hạn gặp thất sát ở cung an thân nếu hội với long phượng xương khúc thì dù có ra vào nơi nguy hiểm cũng không hề hấn gì cả. Trái lại nhờ đó mà có cơ hội gây dựng sự nghiệp được vinh quang hiển hách.

Hãm địa thì hay lấy thiện làm ác, chung thân lãng đãng, ham mê tửu sắc, không tôn trọng thuần phong mỹ tục.

Các sao giảm sự hưng hãn của phá quân gồm có : thiên đức nguyệt đức hóa khoa thiên lương tuần triệt.

Các cách xấu của phá quân :

Phá cái đào là số đàn bà khắc chồng hại con.

Phá liêm hãm (mão dậu) ngộ kinh kỵ : tù.

Phá kinh tả hữu ở mao dậu là người đa sát giết người không gớm tay.

Phá quân tham lang tại mệnh thân ngộ lộc mã thì kiếm tiền rất dễ dàng nhưng trai thì chơi bời nghiện ngập, gái thì đa dâm.

Mệnh thân có phá quân ở dậu cung thìn nhị hợp có cơ lương là cách thủy chung tác trác tức là hòn ngọc trong nước vinh hoa phú quý nhưng ăn chơi không nghĩ đến ngày mai.

Mệnh thân có phá quân độc thủ là người thiếu sáng suốt, không suy xét. Tuổi thìn mà mệnh đóng cung tuất rất ác độc. Nếu phá quân đóng cung đó thì rất gian ác. Tuổi tuất mà có phá quân ở cung thìn cũng vậy.

Phá quân ở các cung khác

Phúc đức có phá quân tý ngộ thì được hưởng phúc sống lâu, ở thìn tuất thì họ hàng lại được hưởng phúc nhưng mình và gia đình lại kém phúc.

Tài bạch phá quân ở dần thân thì lại khó khăn chật vật mới kiếm được ăn. Nếu đồng cung với liêm trinh ở mao dậu hay độc thủ ở thìn tuất thì lúc có tiền lúc không có tiền như nước thủy triều, nếu cư ở tý ngộ thì làm giàu nhanh chóng.

Quan lộc phá quân đồng cung với tử vi thì làm võ quan rất hợp cách vì đa mưu và can đảm, ở tý ngộ cũng thế.

Phối : phá quân chủ về gia đình bất hòa, vợ ghen tuông chồng bất nghĩa, vợ lãng loàn chồng đành điếm.

Điền Trạch : phá quân ở dần thân là số không có nhà cửa ruộng vườn. Phá quân ở tý ngộ cũng khó giữ bền vững điền sản.

Tử tức hiem con hoặc con xung khắc với cha mẹ.

Giải ách máu xấu hay bị các chứng bệnh ngoài da, nếu phá quân ngộ mộc kỵ thì có thể bị ung thư, gặp hỏa linh ở tý ngộ dễ bị bệnh tâm thần.

Bào hiem anh em hoặc bất hòa hay ly tán.

Di nếu ở thìn tuất thì ra ngoài cũng được giúp đỡ nhưng chết xa nhà. Gặp phá vũ liêm đồng hội chiếu ở thiên di thì ra ngoài may ít rủi nhiều, chết xa nhà hay bị tai nạn xe cộ (nếu phá quân độc thủ ở dần thân).

Phá quân và các sao khác : phá quân hợp với tuổi đinh kỷ quý, 3 tuổi này có phá quân miếu vượng đắc địa thì chắc chắn là hưởng đầy đủ phú quý vinh hoa.

Phá quân khắc với các tuổi bính mậu và dần thân. Ở 4 tuổi này nếu có phá quân miếu vượng đắc địa thủ mệnh thì cũng được hưởng giàu sang phú quý nhưng hay có bệnh tật và hay gặp tai họa.

Phá quân hãm địa tại mao dậu cũng hợp với 3 tuổi ất tân quý. 3 tuổi này nếu mệnh ở mao dậu có phá quân vẫn được khá giả không sợ các tai họa xảy ra trong đời.

Phá quân hãm địa tại dần thân hợp với 4 tuổi giáp canh đinh kỷ. Ở 4 tuổi này nếu mệnh ở dần thân có phá quân tọa thủ hãm vẫn khá giả không sợ tai họa xảy đến.

Phá quân hãm địa tỵ hợp với tuổi mậu. Tuổi mậu mệnh đóng tại tỵ hợp có phá quân tọa thủ vẫn khá giả và không sợ tai nạn.

Phá quân miếu vượng đắc địa gặp tả hữu khoa quyền lộc thì được hưởng giàu sang phú quý và sống lâu.

Phá quân gặp các cát tinh đắc địa hội hợp và nếu có các sát tinh đắc địa cũng tốt hoạnh phát lộc làng.

Phá quân liêm trinh đồng cung với người to béo tính nết thật thà.

Phá quân lộc tồn thiếu dương vui tính thích đùa giỡn.

Phá quân tỵ ngộ phú quý chức vị cao, có bổng lộc cao nhưng không được bền, phần đông sống cô đơn hoặc vợ chồng xung khắc hoặc hiếm con. Nếu mạng hỏa thì ăn nói hay cầu nhậu.

Phá cự đồng hay cự cãi nhau.

Phá hình kỵ hay có tật.

Phá hao (hãm) lại thêm sát liêm và cung thiên di có vũ khúc ăn cướp hoặc làm loạn.

Phá cự hình lộc ở tứ mộ uy danh lừng lẫy thời loạn phát lớn.

Phá liêm sát nhập mệnh hoặc ở hạn thân thế sự nghiệp hay suy sụp.

Phá khoa ngộ tuần ở thìn tuất từ trước đến nay đàn ông hay đàn bà mệnh ở thìn tuất có phá quân tọa thủ thường bị cho là trai bất nhân gái bạc tình. Nhưng người có phá quân hóa khoa ngộ tuần ở thìn tuất lại là người làm nên đồ đạt cao nhưng phải vào tuổi trung niên mới khá và lại là người lương thiện đàng hoàng. Tuổi mậu thì hợp và là quý cách được hoạnh phát danh tài. Phần nhiều người có phá quân ở thìn tuất thì không bất nhân vì chữ bất nhân nặng nề quá, họ chỉ xảo trá và có nhiều thủ đoạn để đạt mục đích tới mức thành công mà thôi. Nếu chẳng may gặp thêm hung sát tinh đắc địa thì vẫn làm nên chỉ có tính nết hơi ác hiểm.

Phá ngộ hỏa linh nay đây mai đó dễ bị kiện tụng.

Phá tham liêm đắc địa ngộ tứ sát làm lớn.

Phá xương nghèo túng nhưng ham học.

Phá xương hình sát ở mao dậu người hay lo sợ.

Phá tham lộc mã chơi bởi mà vẫn có tiền.

Phá quân ngộ triệt nếu không có sao giải chết.

Phá quân đồng vinh hoa phú quý nhưng phá của hoang phí.

Phá quân sữu mùi ở tỵ hợp có nghề tiểu công nghệ giỏi. Ở tỵ có tham phụ cáo phượng, tuổi canh nhập cách là có uy quyền nhưng hậu vận kém.

Phá ngộ hỏa hao hình số chết vì súng đạn.

Phá cô quả ngộ triệt bất đắc kỳ tử.

Phá ngộ tử số chết đường.

Hạn :

Hạn gặp phá quân phải suy nghĩ nhiều, miếu vượng thì được phúc lợi, nếu gặp thêm xương khúc khô việt thì cuộc đời rất sung sướng. Hạn gặp phá quân thì phái nữ chủ về máu huyết, hãm địa thì xấu nhiều, sợ có đại tang nếu không cũng sợ tai nạn về sinh đẻ.

Phá quân thủ mệnh dần thân gặp hao việt, hạn gặp mã tuyệt sát tinh khó tránh được tai nạn làm gãy tay gãy chân.

Phá quân nhập hạn sáng sửa tài lộc dồi dào, công danh hiển đạt.

Phát ngộ hình bị đòn.

Phá liêm hỏa phá tán cơ nghiệp.

Phá linh sát bị tù.

Phá phục tướng riêu thai đàn bà bị lừa vì tin trai, đàn ông mất tiền vì tình.

Phá phượng đà bị oán trách.

Phá cô quả lâm nạn dọc đường.

Phá tuế cự cãi nhau kiện tụng.

Tóm lại phá quân là một hung tinh thứ dữ hay giáng những tai họa. Dù miếu địa cũng thăng trầm và thất thường về công danh sự nghiệp cũng như về tiền tài. Còn tai họa do phá quân hãm gây ra do ngộ hung sát tinh thì rất nhiều : tai nạn ngục tù bệnh nay y, cô độc nghèo hèn, giang hồ phiêu bạt và bất đắc kỳ tử.

THAM LANG : bắc đầu tinh – âm mộc – dâm và hung tinh.

Miếu : Sửu Mùi. Vượng : Thìn Tuất. Đắc : dần thân. Hãm : tý Ngọ Mão Dậu Tỵ Hợi.

Tham lang là tham, phá quân là sân còn thất sát tượng trưng cho si.

Tham ứng với con quí là âm thủy nhưn tàng hỏa vì thế tham gặp hỏa linh hay linh tinh thì lại phát mạnh.

Tham lang vừa là dâm tinh vừa là hung tinh chủ về uy quyền và họa phước. Vì vừa là sát vừa là hung tinh nên tham lang có thể nói là gian tướng xảo quyết nhưng khéo léo. Tham lang lại còn là sao đào hoa chủ sự khoái lạc phóng đãng, tính chất gian ác dâm ô cuồng nhiệt, tính cách bất thường, lòng hay tính toán theo chủ nghĩa thực dụng và rất đa tình.

Đàn bà có tham lang thủ ở mệnh thân và phúc đức thì xấu không đứng đắn. Đàn ông có tham lang thủ ở cung miếu vượng đắc địa thì có công danh tiền bạc nhưng dù sao cũng là người ham mê sắc dục hoặc tử đồ tưởng. Nếu lại lâm vào cung hãm địa thì ngoài sự ham mê sắc dục đến vô độ lại tham lam vô bờ bến và công danh tài lộc cũng rất suy kém.

Tham lang chủ về gân mạch máu trong cơ thể và cũng chủ về sự di chuyển.

Tướng dạng và tính hạnh : người có tham lang thủ mệnh ở các cung miếu vượng đắc địa thì cao lớn mập mạp lại da trắng, râu tóc rậm rạp hay có ấn tượng, mặt mũi đầy đặn ăn nói lẹ mồm lẹ miệng, phát ngôn thiếu dè dặt, tính rất cương cường, khi giải quyết công việc thì rất trọng về thực tế, về tình cảm theo chủ quyết hợp lý.

Nếu ở các cung miếu vượng thì hay có nốt ruồi ở chỗ kín, thông minh hiểu thắng tự đắc nhiều tham vọng, vui buồn thương ghét bất thường, có tài tổ chức nhiều mưu lược, làm việc rất tính cực, có đầu óc kinh doanh thích ăn ngon mặc đẹp, thích chơi bởi phóng đãng hơn mức bình thường. Ở cung miếu vượng đắc địa được hưởng giàu sang và sống lâu nhưng nếu độc thủ tại mệnh làm việc gì cũng muốn chóng xong và chỉ hăng hái lúc đầu sau mới sinh trễ nãi. Đặc biệt về mặt luyến ái rất mạnh do đó thương hay có rắc rối về tình ái.

Tham lang đóng tại Thìn Tuất là hai vị trí rất tốt có thể phát huy được đầy đủ các đặc tính tốt của tham lang như hoạt động xông pha mưu lược. Nếu mệnh đóng tại dần thân đã bị các khuyết điểm như bỏ lỡ các cơ hội tốt, ít có cơ may để xuất đầu lộ diện.

Thủ mệnh ở cung hãm địa thì đáng người gây guộc, mặt mũi thô kệch tính tình nham hiểm, ích kỷ đa thô, mặt dài không đầy đặn, cằm nhọn tiếng nói to, dâm dục, kém thông minh tham lam hung bạo và chuyên tác họa nếu có thêm sát tinh hay bại tinh thì thành lảm cẩm hay nhảm lẫn và nhiều khi chán nản muốn đi tu.

Tham lang hãm địa tại tý ngọ tý hợi là người có nhiều tham vọng, có đầu óc kinh doanh nhưng quí quyết, hay tính toán những chuyện lớn thiếu kiên nhẫn, cuộc đời vô cùng vất vả, nếu có cát tinh phù trợ cũng bớt lao khổ, sức khỏe hay suy kém, hay có bệnh ở bộ phận sinh dục tiêu hóa hoặc ở mắt (tùy theo sao đi kèm).

Khi tham lang cư ở tý hợi là bao giờ cũng có một hung sát tinh vô cùng lợi hại là liên trinh đồng cung nên khó tránh được sự ra vào cò bót trại giam. Nếu có tham lang tý hợi hay tý ngọ nên sống cuộc đời ly hương thì đỡ được sự xấu, nhất là tham lang tý ngọ thì sự hoang dâm rất có hại cho âm đức về sau nên lại càng nên đi tu.

Tham lang hãm địa ở mao dậu đồng cung với tử vi là người ưu thời mẫn thế buồn bã chán việc đời, mưu sự chẳng thành hay gặp những sự bất như ý, nếu ẩn dật đi tu thì mới tốt.

Tham lang ở tý ngọ thì có thể chuyên về buôn bán hoặc làm nghề tiểu công nghệ cũng đủ ăn đủ mặc. Dù tham lang ở cung miếu vượng đắc hay hãm địa nếu gặp thiên khốc hay hóa kỵ đồng cung cũng là số hay bị bắt giam đánh đập hoặc bị tai nạn về sông nước.

Tham lang gặp văn xương thì bị lang ben hoặc lở lói.

Tham lang thủ mệnh thường ham mê tửu sắc và đánh bạc rất dễ thành con người đê tiện hèn hạ nếu không biết giữ gìn tư cách.

Tham lang đóng ở tứ mộ thìn tuất Sửu Mùi là có phước gặp thời là có công danh sự nghiệp lớn nếu có hỏa linh hội chiếu thì thành quý cách danh tiếng lừng lẫy.

Mệnh có tham lang đồng cung với kinh đà, sát tinh gia chiếu thì cuộc đời hay bị khốn cùng.

Đàn ông hay đàn bà mệnh có tham lang tý ngọ là hạng người lưu manh đầu trộm đuôi cướp, suốt đời khó làm nên nếu gặp các trường hợp :

Sinh năm thìn tý thìn mệnh ở tý có tham lang.

Sinh năm dần ngọ tuất mệnh ở ngọ có tham lang.

Sinh năm dần mao mùi mệnh ở mao có tham lang.

Sinh năm tý dậu Sửu mệnh ở dậu có tham lang.

Nữ mệnh : Tham lang tọa thủ ở tứ mộ (thìn tuất Sửu Mùi) là tốt nhất, nếu lại gặp tả hữu thì tài lộc phong phú, vượng phu ích tử. Tham lang hãm thì xấu tuy được đầy đủ nhưng lại hay khắc chồng hại con. Đàn bà có tham lang thủ mệnh hội riêu đào kỵ là gái lầu xanh hạ cấp. Nếu có tham lang địa kiếp đồng cung tại mệnh là người bạc tình tàn nhẫn tâm địa xấu xa ích kỷ, tham vọng vô bờ bến về mọi phương diện nhất là tình và tiền.

Tham lang gặp hóa kỵ đồng cung mà không có sao giải cứu thì dễ mắc tai nạn sông nước, gặp thiên riêu thì mắc bệnh phong tình.

Tóm lại về công danh sự nghiệp thì tham lang đóng ở các cung miếu vượng đắc địa thì càng về già càng khá giả nếu có thêm cát tinh hội hợp thì càng về hậu vận càng phát lớn. Nếu tham lang hãm địa thì chuyên về các nghề tiểu công nghệ nhưng cũng lam lũ vất vả mới đủ ăn. Tham lang ở các cung miếu vượng đắc địa gặp hỏa linh lộc tồn hóa lộc khôi việt thì dễ làm giàu ở bất cứ nơi nào bất cứ lúc nào. Gặp trảng sinh đế vượng thì hưởng thọ. Gặp tả hữu hình kỵ thì làm nghề phù thủy có tiếng là cao tay, nếu làm thầy thuốc thì mất tay và đông khách.

Mệnh có tham lang vũ khúc đồng cung ở Sửu Mùi thì phát rất trẻ và càng về già càng khá giả và được nhiều người tin cậy mến phục.

Tham lang hoặc vũ khúc tọa thủ ở 4 cung tứ mộ (thìn Tuất Sửu Mùi) thì tiền vận lao đao vất vả phải ngoài 30 tuổi trở đi mới khá và được hưởng giàu sang phú quý. Trái lại nếu đóng ở cung an thân chứ không phải là cung mệnh thì lại vất vả suốt đời và cũng không được hưởng giàu sang phú quý.

Tham lang và các sao khác :

Cung mệnh an tại dần thân có tham lang tọa thủ gặp văn xương đóng nếu không có sao giải thì chắc chắn trong đời có lần bị tù đầy khổ sở.

Cung mệnh có tham lang văn xương đồng cung (ở những cung khác ngoài dần thân) bị lang ben hoặc lở lói ngoài da.

Tham lang ngộ đà la ở dần là người chơi bởi bữa bãi đến nỗi bị đánh đập tàn nhẫn.

Tham lang ngộ đại tiểu hao ở cung miếu vượng đắc địa là người hào hoa phong nhã, phong lưu hào phóng.

Tham lang vũ khúc ngộ sát tinh hãm địa là hạng côn đồ trộm cắp lưu manh, nếu là đàn bà thì khắc chồng hại con.

Tham lang vũ khúc ngộ linh tinh ở cung miếu vượng văn võ toàn tài, ở 2 tuổi mậu kỷ là tốt nhất (phát võ).

Tham lang ngộ xương khúc đào hồng số gian truân vất vả.

Tham hình riêu kỵ đóng ở các cung mệnh phúc giải ách là người có bệnh điên cuồng bất đắc kỳ tử hoặc chết đuối.

Tham lang ngộ hình việt là số bị sét đánh hay điện giật.

Tham lang ngộ hỏa linh tả hữu giàu sang phú quý danh tiếng lừng lẫy.

Tham lang ở đầu ngộ bạch hổ đề phòng thú dữ cắn, xe cộ cán.

Tham lang không kiếp yếu vong nếu giàu có.

Tham kinh hoặc tham đào ở tý hay hợi (cung thủy) chơi bởi phóng túng bữa bãi. Nếu ngộ hung tinh thì ví như con quỷ dâm dục. Nếu giáp tứ sát thì cả đời khốn khó nghèo túng.

Tham lang hóa kỵ ngộ kinh dương đắc địa đồng cung hay chiếu buồn bán giàu có nhưng không đứng đắn trong việc giao dịch tiền nong và thích chơi bởi.

Tham lang ngộ hóa kỵ kiếp sát ở mao dậu nếu đi tu thì cũng có ngày phá giới.

Tham lang không kiếp mã hử cô đơn bần hàn yếu vong.

Tham ngộ lộc lương giàu sang phú quý.

Tham quyền đế vượng ngộ hóa kỵ ở các cung thủy (tý hợi) tuổi giáp tuổi kỷ thì tốt nhất, giàu sang phú quý đầy đủ.

Tham sát đồng cung nữ mệnh là người đàn bà bạc tình, nếu có quan phúc hay quan quý thì đoan trang phúc hậu.

Tham sát đồng cung có phá quân ở mao chiếu về trộm cướp bắt lương, gái cướp chồng người.

Tham đồng khúc xương Sửu Mùi đề phòng chết đuối.

Tham lang tràng sinh có thêm cát tinh ở dần thân thọ ngoài 80.

Tham lang tý ngộ tuổi đinh kỷ làm nên.

Tham lang dẫn thân tuổi bính dậu canh đào hoa.

Tham lang hãm địa ngọ sát tinh đồ tể.

Tham vũ đồng hành tại mệnh có phá quân chiếu không có cát tinh say mê rượu chè tửu sắc hại đến thân.

Mệnh an tại tứ sinh hay tứ mộ có tham vũ tọa thủ gặp phá kỵ và sát tinh hội hợp biết nhiều nghề.

Mệnh thân có tham lang vũ khúc đồng hành về già được mọi người kính nể, trẻ thì nghèo, về già giàu có.

Mệnh ở cung thân có tham hay vũ là hạ cách.

Mệnh không có cát tinh, thân có tham vũ là số chết non hay nghèo hèn.

Mệnh thân có tham vũ phá không có cát tinh là người ham mê rượu chè đến nỗi vong mạng.

HẠN :

Tham lang ở tứ mộ (thìn tuất Sửu Mùi) nếu đến hạn gặp hỏa linh thì hoạnh phát. Ở các cung hãm địa thì công danh lận đận chơi bởi phóng túng, tai tiếng hao tán tiền bạc.

Hạn gặp tham lang tại miếu vượng đắc địa không gặp hung tinh thì mọi sự tốt đẹp thì cử đỗ đạt làm ăn thịnh vượng dễ được hoạnh phát.

Hạn ở tứ mộ thì những người sinh năm thuộc tứ mộ gặp hỏa tinh đồng cung đồng cung thì hoạnh phát tiền bạc, tự nhiên có cơ hội để lập công danh sự nghiệp và tiền bạc.

Hạn tham lang hãm địa thì rất hung, cần giữ gìn cẩn trọng sự ăn uống, đề phòng tai ách bất ngờ, nếu cờ bạc trai gái bê bối thì tổn hại đến tiền bạc thanh danh. Gặp cát tinh ở tam phương tứ hướng thì đỡ và tránh được tai họa.

Hạn tham lang gặp hồng đào thì gặp được người yêu thành gia thất thì cử may mắn.

Hạn tham lang ngọ hao thì hao tán tiền bạc, thất vọng vì tình.

Tham lang ngọ phục binh phi liêm thì trong hạn bị cướp trộm.

Tham lang ngọ không kiếp hạn xấu mọi sự đều bế tắc, hao tổn sức khỏe tiền bạc.

Tham vũ lộc mã đã lớn thì lập được công danh buôn bán phát tài giải trừ bệnh tật.

Hạn tham lang ngọ long trì hồng kỵ gặp hạn này thì có tai họa bất ngờ.

Tham lang long trì kinh đà không kiếp hỏa khốc kỵ gặp hạn này thì ốm đau nặng hoặc tai nạn khó tránh. Nếu gặp long và kỵ ở tứ mộ thì ví như rồng ẩn trong đám mây ngũ sắc mọi việc đều tốt đẹp.

Tham lang mộc dục có tiếng tăm lừng lẫy.

Tham lang quan đới gặp nguy hiểm nơi cò bót tòa án.

Tham lang long trì lưu hà như rồng vẫy vùng ở biển lớn công việc dễ đạt thì cử dễ đậu.

Tham lang tử phủ vũ tướng hoạnh phát.

Tham lang khôi việt hồng hỷ hạn thì đỗ.

Nếu tham lang nhập hạn gặp thanh long thì phần nào có sự may mắn vui mừng có cơ hội phát triển từ một vài trường hợp như long loan hỷ lại có tai nạn, long kinh đà không kiếp đau yếu nặng.

THIÊN ĐỒNG : nam đấu tinh – dương thủy – thọ phúc tinh.

Miếu : dẫn thân. Vượng : tỵ. Đắc : mao ty Hợi. Hãm : thìn tuất Sửu Mùi ngọ dậu.

Thiên đồng là sự đồng nhất những cái giống nhau lại biến đổi luôn luôn tức là sống theo quy luật của trời đất.

Thiên đồng là sự tự nhiên của vạn vật.

Thiên đồng chủ về phúc và thọ. Ở các cung miếu vượng đắc địa thì có những đặc tính là sao giải và không sợ bị ảnh hưởng của thất sát, biến các sao tang môn bạch hổ phục binh điều khách thành cát tinh. Thiên đồng cũng chủ về máu huyết.

Nếu tử vi thủ mệnh thì thiên đồng sẽ đóng ở cung giải ách có ý nghĩa là dễ mắc các chứng bệnh về máu huyết.

Bất luận mạng kim mạng thủy mạng mộc có thiên đồng thủ mệnh đều tốt.

Mệnh vô chính diệu mà có thiên đồng miếu vượng đắc địa chiếu (xung hay hợp chiếu) cũng được thọ.

Thiên đồng thủ mệnh ở 4 cung thìn tuất sửu mùi thì có đầu óc kinh doanh nhưng đa nghi và tính nết chua ngoa ăn nói hồ đồ thiếu suy nghĩ. Nếu thêm cự môn phi liêm đà la thì hay nói khoác.

Tướng dạng và tính hạnh : thiên đồng nhập miếu thì tính nết nhân hậu, người mập mạp nở nang tuy không cao nhưng vuông vắn đầy đặn da trắng trẻo. Ở hãm địa thì người mập và đen là con người nóng nảy nông nổi, lập trường không vững chắc hay thay đổi ý kiến, không giữ lời hứa chơi bời trác táng dễ đam mê lưu lạc nay đây mai đó, ăn tục nói phét nên ít có sự tín nhiệm của họ hàng bè bạn.

Thiên đồng tọa thủ ở các cung miếu vượng đắc địa là người có tướng ngũ đoản, da trắng mặt vuông, có tâm địa phúc hậu nhưng tính tình thiếu cương quyết hay thay đổi công việc làm ăn nhà cửa làm việc gì cũng hay chóng chán nhưng lại được giàu sang và sống lâu. Người này khó có thể thành chuyên môn bất cứ khoa nào nhưng nói chung thì vận mạng của họ có sự điều hòa giữa vật chất và tinh thần và tương đối có hạnh phúc.

Nếu mệnh thân có thiên đồng cư tại tỵ ngọ mùi thân thì lời nói không đi đôi với việc làm. Nếu mệnh đóng tại tỵ dần thì có thể phát huy được ưu điểm của thiên đồng.

Thiên đồng tỵ hợp thì tính thích phiêu lưu mạo hiểm. Nếu đóng ở hai cung này thì khắc người tuổi đinh tuổi canh, nếu những người này có thiên đồng thủ mệnh ở tỵ hợp thì hay gặp những sự bất mãn nhất là khi gặp những hung sát tinh như hình kỵ linh hỏa kình đà thì suốt đời gian nan lao khổ và dễ mắc các chứng bệnh về bộ phận tiêu hóa. Nếu gặp trung cát tinh như tả hữu, khôi việt, xương khúc, tam hóa thì cũng được hưởng phú quý.

Nói tóm lại thiên đồng là phúc tinh thuộc âm thủy, ở cung âm thủy gặp sao thủy là tốt hơn cả.

Nữ mệnh : có thiên đồng cư ở những cung miếu vượng đắc địa là người trung hậu đảm đang và vượng phu ích tử, gặp các sao lộc tồn xương khúc xung hợp chiếu là người giàu có. Ở hai cung tỵ hợp là người xông pha gánh vác nuôi chồng dạy con. Nếu ở các cung hãm địa thì có nguy cơ trở thành người xung khắc chồng con, thường bị ế chồng, muộn chồng, làm kế hay làm lẽ. Nếu gặp thêm hung sát tinh thì chung thân nghèo khổ, gặp nhiều tai ách hung hiểm và thường hay mắc các bệnh về ruột gan máu huyết, tử cung.

Thiên đồng ngọ thái âm là người đàn bà đẹp nhưng thâm đặng xảo quyệt, có mức sống sung túc nhưng sau lại trung bình và dễ bỏ chồng.

Thiên đồng ở các cung : nữ mạng thiên đồng tọa thủ cung mệnh là người quá hiền ai nói sao cũng nghe bảo gì cũng làm. Người tuổi bính tân mậu mệnh an tại tuất, có cách này thì có ám hợp tinh đầu nên được phú quý.

Cung mệnh có thiên đồng tọa thủ gặp trung cát tinh tam phương hợp chiếu thì sống lâu, nếu gặp không kiếp lại thành xấu và không được thọ.

Cung mệnh có thiên đồng miếu vượng là người tay trắng làm nên sự nghiệp (bạch thủ thành dinh).

Thiên đồng cư ngọ có mệnh đóng tại đó, tuổi bính có kinh dương đồng cung là số tướng lãnh ngoài biên ải.

Cung mệnh an tại ngọ có thiên đồng thái âm tọa thủ thì chuyên về kỹ nghệ tiểu thủ công nghệ tuy không giàu nhưng cũng đủ ăn, không nên làm công việc bàn giấy. Tuổi bính ất được hưởng phú quý giàu sang, nếu gặp long trì thì phải đề phòng đau mắt nặng có thể mù lòa. Còn tuổi mậu quý có cách này thì nghèo khổ góa bụa.

Cung mệnh hay cung điền trạch có thiên đồng hay tham lang cư ngọ thì có nhiều nhà cửa ruộng vườn ở khắp nơi.

Cung mệnh an tại tuất có thiên đồng gặp hóa kỵ đồng cung là cách rất xấu vì cư nơi hãm địa.

Cung mệnh có thiên đồng hay thiên cơ miếu vượng đắc địa tọa thủ là người vui vẻ hiền hậu.

Cung mệnh có thiên đồng thái âm đồng cung tại tý thì ví như mặt trăng lơ lửng giữa trời cao, đàn bà có cách này thì đẹp nảo nùng nhưng nếu gặp phải lang riêu hổ khốc tam phương tứ hướng chiếu về thì suốt đời đau khổ vì tình và hay bị góa bụa sớm.

Cung mệnh cung thê hay cung tử tức an tại thìn tuất Sửu Mùi có thiên đồng tọa thủ và cự môn xung chiếu hay cự tọa thủ đồng xung chiếu hoặc cả hai đồng cung thì tất muộn lập gia đình. Tuy nhiên nếu ở cung mệnh thì ảnh hưởng ít hơn và có thể lập gia đình và có con sớm được.

Cung mệnh an tại dần thân có thiên đồng thiên lương đồng cung thì vô cùng tốt đẹp có cách này thì hưởng giàu sang phú quý. Người tuổi giáp canh là thượng cách.

Cung phúc đức an tại tý mà có đồng âm địa kiếp và sao tử lại bị cả tuần lần triệt là người có học nhưng tâm địa bất chính, nếu không nghèo hèn thì cũng chết non.

Thiên đồng thủ mệnh miếu vượng không gặp hung sát tinh là người tay trắng làm nên giàu có.

Cung phối (phu thê) có đồng lương tọa thủ đồng cung thì vợ chồng có họ với nhau.

Thiên đồng và các sao khác : thiên đồng quan phúc khôi việt là cách phúc thọ song toàn không sợ tai ách.

Thiên đồng thiên lương ở dần tối hỷ, tuổi giáp canh hưởng đầy đủ phú quý.

Thiên đồng đồng cung với lộc tồn là người có đầu óc văn nghệ và biết nhiều môn nghệ thuật (nghệ sĩ).

Thiên đồng hỏa linh không kiếp mẫu người nóng nảy cục cằn nghèo khổ dễ mắc bệnh thần kinh.

Thiên đồng thủ mệnh có kinh đà linh kỵ, chiếu hoặc cô quả đầu quân chiếu là người cô đơn.

Thiên đồng ngộ thiên lương tả hữu người tuổi bính ở tỵ Dậu Hợi thì làm nên giàu sang, ở mùi thì kém hơn, ở ngọ mà tuổi đinh thì cũng khá, ở Hợi mà tuổi canh thì nghèo hèn, gặp kinh đà kỵ thì hiếm con, gặp tướng quân và phá quân thì mất có sẹo.

Thiên đồng ở tứ mộ ngộ kỵ hình thì ho lao hoặc chết đuối.

Thiên đồng thiên lương ngộ khôi quyền có linh hỏa kỵ song lộc chiếu thì kinh doanh buôn bán làm giàu dễ dàng và mau lẹ.

Đồng lương có nguyệt đức đồng cung là người chuyên làm việc từ thiện, có sẵn số đi tu.

Đồng lương tả hữu quang quý giàu sang, ở tỵ Dậu Hợi thượng cách, ở mùi cũng khá.

Thiên đồng hãm địa ở Dậu Ngọ thêm sát tinh hội hợp người chuyên về kỹ nghệ hoặc kinh doanh mua bán nhưng hay đổi nghề.

Thiên đồng thái âm ngộ kinh ở ngọ (tuổi bính tuổi mậu) có cách này mà không có sao giải thì khó tránh tai ách đau thương. Những tuổi ất bính tân thiên đồng dù hãm ở mao cũng vẫn làm nên.

Tuổi nhâm bính mậu thiên đồng ở tỵ Hợi cũng khá giả. Tuổi ất giáp đinh gặp thêm thiên lương thì phúc hậu và được thọ.

Tuổi bính tân ở Thìn Tuất thì chỉ có địa vị tầm thường. Tuổi canh quý tuy thọ nhưng tiền bạc và địa vị không bền.

HẠN : thiên đồng chủ về sự thay đổi canh cải nên khi đến hạn có thiên đồng là có sự thay đổi chỗ ở hay công việc, nếu miếu đắc vượng thì hỷ khí đầy nhà, mọi sự hạnh thông tài lộc phong phú, làm ăn phần chấn.

Hạn thiên đồng ngộ kinh linh thì được đắc ý trong việc cầu hôn.

Người đang có bệnh hoặc suy tư buồn bã chán nản, nếu có thiên đồng nhập hạn ở đó thì là người ốm tương tư.

Thiên đồng hãm nhập hạn gặp sát tinh thì trước tốt sau xấu bị quan tọng triển miên.

PHÚ : đồng nguyệt dương cư ngọ vị bính mậu miêu trấn giữ biên : nghĩa là mệnh ở ngọ có thiên đồng và thái âm đồng cung, tuổi bính tuổi mậu lại thêm kinh dương thì là số của người binh gia trấn giữ ngoài biên ải. Ở hai tuổi bính mậu theo cách bố cục thì đương nhiên khi đồng âm cư ngọ thì cung quan lộc ở tuất có cơ lương đồng cung. Khi cung quan có cách này thì rất có thể đương số cũng có khuynh hướng về văn. Vậy cần phải phối hợp các sao khác ở quan lộc và mệnh. Nếu thấy có các hung sát tinh chiếu mệnh trong khi vắng bóng các sao khác tại cung quan lộc thì lúc đó câu phú mới là đúng. Thí dụ : mệnh thân có thiên đồng thái âm kinh dương, nếu lại có thêm hình tang hổ hội chiếu trong khi cung quan lộc không có thêm khôi việt tả hữu xương khúc (tả hữu chỉ giáp chứ không bao giờ đồng cung tuất được). Còn gặp trường hợp ngược lại thì đương số luôn luôn là tham mưu nghĩa là chỉ ở văn phòng chứ không ra trận. Cũng cần lưu ý đến cung phúc trong trường hợp này có cự nhật đồng cung thì cung thân là một cách văn nhiều hơn võ cho nên môi trường võ chưa nổi bật hoặc chi phối các cung khác. Có người thắc mắc tại sao đồng âm lạc hãm ở ngọ mà lại có thể thành công về võ được : chính là nhờ bộ cơ lương ở tuất (cung quan lộc) khiến cho cách này hay về kinh dương chủ về võ thuần túy nay lại thêm cách đa mưu túc trí tức là cơ lương ở cung quan lộc phối hợp vào nữa thì văn võ kiêm toàn. Ngoài ra tuổi bính còn có hóa lộc tại mệnh, hóa quyền tại quan lộc (yếu tố rất mạnh về công danh) và nếu sinh giờ tỵ có hóa khoa ở cung quan hoặc giờ Thìn có hóa khoa tại mệnh vì khoa đồng cung với văn xương. Riêng tuổi mậu thì có hóa quyền đồng cung với thái âm tại mệnh, như vậy kinh dương tha hồ hét ra lửa chẳng cần yếu tố nào khác nữa. Tóm lại

hai sao đồng âm thủ mệnh chỉ làm bù nhìn hoặc làm chìa khóa cho người ta tìm thấy cách tốt bị ẩn đi.

Thiên đồng hóa kỵ tuất cung, đinh nhâm mệnh ngũ phản vi : nghĩa là mệnh tại tuất có thiên đồng là lạc hãm ngũ hóa kỵ đồng cung thì rất xấu nhưng với hai tuổi đinh nhâm thì lại thành công tốt đẹp. Tại sao ? Thiên đồng ở tuất tuy xấu thật nhưng với tuổi đinh lại hội đủ bộ lộc quyền khoa vì hóa lộc đồng cung với thái âm ở dần, hóa quyền đồng cung với thiên đồng, hóa khoa đồng cung với thiên cơ thái âm ở cung dần, lại có lộc tồn ở ngũ đồng cung với thiên lương tức là cung tài bạch. Khi có lộc tồn ở tài bạch thì có tướng quân ở cung quan lộc vì là âm nam lại có thêm cả quốc ấn ở cung quan lộc nữa, biết bao nhiêu yếu tố đẹp dồn cho tuổi đinh. Trong khi thiên đồng chỉ đóng vai trò phụ có thể bỏ qua cũng được. Nhưng tuổi đinh chỉ tốt về công danh chứ vẫn xấu về tật ách (hóa kỵ ở thiên di đồng cung với cự môn) nhưng may mắn là luôn luôn có thanh long tại thìn (an theo vòng lộc tồn đi nghịch) vì là âm nam nên vấn đề sông nước có thể giải quyết được gần hết trừ khi có những cách xấu nữa như không kiếp linh hỏa văn xương thì không kể.

THIÊN LƯƠNG : nam đầu tinh – âm mộc – phúc thọ tinh.

Miếu : ngũ thìn tuất. Vượng : tý ngũ dần thân. Đắc : sửu mùi. Hãm : dậu ty Hợi.

Thiên lương vốn là phúc tinh nên bao hàm sự khôn ngoan, trung hậu, quân tử, nhẫn nhục. Cư ở cung phúc đức là tốt nhất, giải trừ được các sự hung hãn của bạch hổ, sự phá tán của linh hỏa cùng các sự rắc rối quan tụng của quan phù thái tuế.

Thiên lương cũng là thọ tinh chủ về sống lâu. Nếu đóng ở cung giải ách thiên lương cũng là một sao giải bệnh tật rất hiệu lực gần như là tử vi thiên phủ tuần triệt.

Thiên lương thủ mệnh là người cẩn trọng, nếu là phụ nữ thì thích đóng vai trò chị cả, thích giúp đỡ người khác nhiều khi quên việc của mình. Nói chung thì người có thiên lương

Thủ mệnh thân thể tráng kiện. Đặc biệt nếu đóng tại tí ngũ có thiên lương thì phát huy được nhiều ưu điểm.

Thiên lương dù đóng ở vị trí nào trên 12 cung địa bàn cũng có thái âm hay thái dương bồi đắp soi sáng như mạng đức Khổng Tử có thiên lương ở tí, thái dương ở ngũ bị triệt (tuổi canh), thái âm ở thân ngũ kỵ. Gia Cát Khổng Minh có thiếu dương thiên lương ở mao chỉ vì ân tình với Lưu Bị phải rời thảo lư đi làm quân sư cho một người không có thời. Khổng Tử, Khổng Minh cũng là những bậc thầy đời. Phải chăng thiên lương là lương tâm của trời đất.

Thiên lương hợp mạng hỏa, mạng thủy, mạng mộc và khắc mạng kim, mạng thổ.

Thiên lương miếu vượng thì thông minh, nhiều mưu cơ, rất nhân hậu thích bàn về chiến sự. Ở 2 cung sửu mùi thì có mưu trí và rất phúc hậu.

Ở những cung hãm dậu, ty, Hợi thì cũng nhân hạ nhưng tính tình thích thay đổi, canh cải thất thường, ham chơi bởi, thích hưởng thụ.

Tướng dạng và tính hạnh:

Thiên lương miếu vượng đắc địa tại mệnh thân thì có thân hình trắng trẻo, dong dỏng cao, mặt mũi thanh tú, khôi ngô, thông minh tài ba, lỗi lạc hơn người, tính nết ôn hậu, khôn ngoan, ngay thẳng, hay làm việc phúc đức, bố thí. Thiên lương thủ mệnh ở các cung miếu vượng đắc địa ngũ xương khúc tả hữu khôi việt, khoa quyền lộc thì phú quý, đầy đủ kại được thọ (thiên lương cũng là một thọ tinh). Nếu đóng ở cung hãm địa và mệnh cũng ở đó là người

kém thông minh, nông nổi, thích phiêu lưu, mạo hiểm và hay du lịch, hay bị lầm lẫn trong công việc và cũng là một tay chơi bời, phóng đảng có hạng nếu thêm một vài yếu tố ươt át.

Thiên lương có điều khác với thất sát là lấy tiền nhà ra làm việc cho người khác hoặc bố thí cho người, còn thất sát thì lấy tiền người khác làm việc cho mình hoặc cho nhà mình.

Về công việc làm ăn, nếu thiên lương miếu vượng đắc địa đi với hình riêu quang quý thì là những bác sĩ, y sĩ, dược sĩ rất danh tiếng, chữa bệnh mát tay; nếu hãm địa thì phải tha hương lập nghiệp, lận đận trong sinh kế hàng ngày, hay bị tai ách cô đơn và yếu tử.

Nữ mạng: ở các cung miếu vượng đắc địa đối với đàn bà thiên lương thủ mệnh biểu hiện cho người mệnh phụ phu nhân, vượng phu ích tử, nếu gặp nhiều cát tinh. Gặp tuần triệt thì tình duyên muộn màng mới tốt, nếu lấy chồng sớm thì hay bị lường gạt hoặc nửa đường đứt gánh.

Thiên lương ở những cung hãm địa gặp đào hồng riêu là số của những nàng kỹ nữ thanh lâu, hồng lâu, nếu không cũng là những người đàn bà phóng đảng, ham mê chơi bời, trụy lạc, cờ bạc, sống một cuộc đời bừa bãi, thiếu đạo đức, suốt đời lận đận về đường chồng con. Đã hãm địa lại còn gặp thêm hung sát tinh là người đàn bà hà tiện khắc chồng, hại con.

Thiên lương ở tỵ hội lại thêm thái âm hãm chiếu là số người đàn bà ác nghiệt, dâm đảng, tham lam

Các cách hay của thiên lương: đồng cung với thái dương ở mao dậu là cách lương nhật đồng cung, có cách này thì làm việc gì cũng suốt đời hạnh thông và hưởng phú quý với điều kiện là không gặp tuần triệt không kiếp. Đồng cung với thiên cơ ở 2 cung thìn tất thì 2 sao cơ lương tăng năng khiếu về nghiên cứu, khảo cứu, tìm tòi ở các lĩnh vực văn chương chính trị võ nghiệp.

Đồng cung với thiên đồng ở dần thân là người quân tử nhân hậu lại thường có cả nguyệt và cơ hợp chiếu nên nếu không có hung sát tinh xâm nhập thì hưởng cả phú lẫn quý

Thái dương ở ngọ thiên lương ở tỵ hội xương lộc hay thiên lương ở tỵ chiếu mệnh ngọ nếu gặp xương lộc cũng như cách trên 3 tuổi đình kỷ quý được hưởng phú quý.

Thiên lương miếu vượng đắc địa gặp xương khúc đồng cung là người học thức uyên bác, nhân hậu khoan dung, được thành công về sự nghiệp.

Thiên lương ngọ lộc tồn là con người từ tâm, bác ái hay đem của nhà ra bố thí cho thiên hạ.

Các cách xấu của thiên lương:

Thái âm và thiên lương hãm địa hợp chiếu là số long đong, vất vả phải tha hương cầu thực và lập nghiệp xa quê hương.

Thiên lương hãm địa ở tỵ hội mà đồng cung với thiên mã với phái nữ là một cách xấu xa (dâm đảng, đê tiện). Ở 2 cung sửu, mùi tuy gọi là đắc địa nhưng cũng bị một phần nào hãm địa, nếu gặp riêu đà kỵ hoá khí để nuôi dưỡng cho đại lâm mộc là thiên lương đủ chất thủy thì mới tươi tốt thêm được. Nếu gặp sao mộ cũng đóng ở đó thì lại thành cánh đồng xanh tươi, có cây cao bóng mát và gò đồng đầy rẫy. Ở đây mộ được hiểu là những cái gò đồng để mộc là thiên lương sinh trưởng. Người có cách này là bậc văn tài lỗi lạc dù có gặp đà la. Đà la găm địa là cách thị phi khẩu thiệt song đà la ở đây là đà la đã hoá khí thành khẩu khí văn chương rồi.

Các cung: cung mệnh có thiên lương miếu vượng đắc địa gặp thái dương xương khúc hoa cái hay lộc tồn chiếu là người thông minh, giàu có và có chức tước. Thủ mệnh ở cung ngọ và không bị tuần triệt án ngữ và hỉng sát tinh là người nhân hậu hưởng phúc thọ lộc.

Cung phụ mẫu và phúc đức có thiên lương sủu mùi thì trung bình; ở tỵ hội thì nhiều tai hoạ , họ hàng ly tán, tha phương lập nghiệp, con cái hư hỏng.

Thiên lương cư cung thiên di miếu vượng đắc địa gặp nhiệt cát tinh là người buôn bán lớn, nếu gặp hình kỵ thì chỉ trung bình. Cung thiên di ở tỵ hội có thiên lương thì lãng đãng phiêu lưu nơi đất khách quê người và chết ở đó, có cách cơ nguyệt đồng lương nhật được mọi người kính nể và được phú quý.

Cung quan lộc nếu có thiên lương ở tỵ hội thì hay bị bất mãn và hay thay đổi trong công danh, sự nghiệp ở các cung dần, thân đồng cung với thiên đồng, thìn tuất đồng cung với thiên cơ, mao dậu đồng cung với thiên lương hoặc độc thủ ở tỵ ngọ đều thích hợp với ngành y học, khoa học kỹ thuật và văn chương, công danh sự nghiệp được hiển đạt. Cung tài bạch mà có thiên lương cư ở tỵ hội thì tuy dễ kiếm tiền nhưng cũng đều bị hao tán. Đồng cung với thái dương ở dần lúc trẻ khó kiếm ăn nhưng vào tuổi trung niên lại khá giả. Đồng cung với thái dương ở mao, thiên đồng ở dần thân hoặc độc thủ tỵ ngọ sủu mùi cũng là số giàu có. Cung điền trạch cũng coi như cung tài bạch.

Cung mệnh có thiên lương toạ thủ là người thích lấy tiền của mình ra làm việc phúc đức.

Cung mệnh an tại tỵ có thiên lương là người chơi bởi trác táng, bừa bãi nhưng lại được thọ cách.

Cung mệnh an tại dậu có thiên lương hãm địa thái dương đồng cung gặp thái âm hợp chiếu là người lưu lạc giang hồ ví như bèo trôi nổi trên dòng sông.

Cung mệnh an tại tỵ hội có thiên lương toạ thủ hoặc an tại dần thân có thái âm toạ thủ, đàn bà có cách này rất là dâm đãng, nếu thêm ác sát tinh là người đàn bà nghèo hèn, dễ tiệt.

Cung mệnh an tại tỵ sủu dần mao thìn tỵ ngọ có thiên lương toạ thủ gặp thái âm linh tinh hợp chiếu là người tài giỏi, làm nên vinh hiển vào hàng quý cách.

Cung mệnh an tại tỵ hội có thiên lương toạ thủ, thiên mã ở cùng hay xung chiếu là người đàn bà dâm đãng, bừa bãi nếu không gặp nhiều cát tinh thì nghèo hèn, tỵ tiệt.

Cung mệnh an tại tỵ có thiên lương, thái dương ở ngọ xung chiếu gặp văn xương hoá lộc hội chiếu hay ngược lại an tại ngọ có thiên lương toạ thủ, xương lộc hội chiếu là người rất thông minh làm nên giàu sang phú quý hơn người.

Cung mệnh có thiên lương miếu vượng đắc địa gặp văn xương đồng cung là người có chức cao, giàu có được phú quý, vinh hiển cả đời.

Cung mệnh hay cung tài bạch có thiên lương hay vũ khúc toạ thủ là người giàu có , có tiền bạc chôn cất.

Cung phúc đức có thiên lương toạ thủ gặp văn xương đồng cung thì trong họ nhiều người có biệt tài.

Cung phụ mẫu có thiên lương thì cha mẹ sống lâu.

Cung mệnh có thiên lương miếu địa không nên gặp thái tuế bệnh phù vì rất xấu.

Thiên lương và các sao khác: thiên lương miếu vượng đắc địa gặp nhiều cát tinh như tả hữu hội việc xương khúc khoa quyền lộc chấn sẽ được hưởng phú quý hơn người. Nếu chỉ có xương khúc tả hữu và thái tuế thì rất giỏi về văn chương, thường làm nghề dạy học. Gặp riêu y quang quý quan húc thì giỏi về y dược là số của bác sĩ, y sĩ, dược sĩ, đông y nổi tiếng.

Thiên lương miếu địa ở thìn tuất đồng cung với thiên cơ là người có nhiều mưu trí, ưa nói chuyện chính trị, quân sự. Có cách này có nhiều mưu mẹo tất nhiên là có nhiều mưu lược, tính nết thường hay thay đổi, thường là số của các tay quân sự mưu sĩ.

Lương miếu vượng đắc địa gặp tuần triệt án ngữ thì suốt đời vất vả, xa cách gia đình và hay mắc phải tai vạ bệnh tật, tuổi thọ cũng thường bị suy giảm, thường là số của các bậc tu sĩ.

Thiên lương hãm địa lại gặp các sao xấu nhất là hoả linh tất nhiên trong người có tật tật. Nếu thêm cô quả thường là người cô đơn, thiếu sự săn sóc thường yếu tử.

Thiên lương hãm địa ngộ quyền lộc thường là người có máu hào hiệp hay giúp người, phong lưu mã thượng.

Thiên lương ngộ hoa cái là người thích ăn nhậu, nếu thêm tả hữu lộc tồn hay hoá lộc là người hay được mời đi ăn uống.

Cách cơ nguyệt đồng lương nếu gặp cát tinh thì làm lớn, gặp đại tiểu hao là người bất đắc chí, chỉ thành công nửa vời, tuy làm chức vụ nhỏ mà cũng hay gặp nhiều chuyện khó khăn, tính nết gần gũi, lẫn thẩn.

Thiên lương ở dần thân đồng cung với thiên đồng thì tay trắng làm nên sự nghiệp. Gặp thái âm sáng sủa thì làm nên phú quý, tiếng tăm lừng lẫy.

Thiên lương ở gặp ty, gặp thêm sát tinh thì khó tránh được tai nạn về súng đạn, gươm đao. Nếu gặp hao kinh mà không có sao giải thì khó tránh được tử thần.

Thiên lương ngộ hoả tinh ở nhân cung gặp thêm sát tinh thì không tốt, là người có tật tật hay bị lôi ra cò bót, làm nghề thủ công nghệ thì thành công.

Thiên lương ngộ khôi việc xương khúc khoa quyền lộc số, khoa bảng, nhờ văn học mà nổi danh.

Thiên lương hãm ngộ khôi việc xương khúc hoá khoa, tuy văn hay chữ tốt nhưng lại cỡ thấp (số các nhà văn, nhà báo).

Thiên lương ngộ liêm trinh hoá kỵ là người khờ dại hoặc bệnh tâm thần. Ngộ thiên mã là cách lương mã là tay chơi bởi truy lạc, nếu mệnh xấu hay cư ở ty hội là người dâm dăng.

Thiên lương ngộ đào hồng hỷ xương khúc hoa cái là số bà chủ nhà điểm phòng ngủ hay phòng trà tiệm nhậu.

Lương mã mộc dục số đàn bà cũng là chủ nhà điểm, nhà tắm hơi.

Lương nhật ở mao phương phi đẹp đẽ, gặp thêm cát tinh thì suốt đời nhàn hạ, phú quý.

Thiên lương tí ngộ lộc tồn thông minh, xuất thân khoa bảng, giàu sang trọn đời.

Thiên lương ở dậu, thái âm ở ty lang thang nay đây, mai đó.

Thiên lương ngộ phục binh ở ngộ chức võ.

Thiên lương ngộ tấu thư văn nhân, thi nhân.

Lương tham cự hay có sự vô luân bại lý.

Lương vũ nguyệt linh thông minh, hoạt bát, có địa vị cao trong xã hội.

Tóm tắt có thể nói là bất cứ ở đâu trừ 2 cung ty, hội thiên lương cũng đều được cả về phương diện tính hạnh vì sao này chủ về tư cách đứng đắn. Thiên lương cư ngộ dù gặp đào

hồng cũng không hư hỏng vì thiên lương chế ngự được sự đam mê của 2 sao đào hồng, nhất là lại có hoá quyền hay thiên hình đồng cung.

Nếu đồng cung với thiên đồng thì hay uỷ mị, nhu nhược, cần có hoá quyền đồng cung để tăng cường nghị lực.

Riêng về cơ lương đồng cung thì khỏi cần đến hoá quyền vì lương đồng cung với cơ đã là một con người thông minh, đa mưu túc trí, khôn ngoan đầy quả cảm và nghị lực không ai qua mặt được. Nếu bên ngoài có tỏ ra hiền lành nhu nhược nhưng bên trong đã có cả một pho sách lược để đối phó với đời. Cơ lương là những con người tháo vát, quán xuyến, còn đồng lương có tính cách vui chơi bay bướm, du hí nơi này, nơi khác.

Hạn: ở đại tiểu hạn nếu thiên lương miếu vượng đắc địa mà không bị tuần triệt án ngữ không bị sát tinh xâm phạm thì là hạn tốt, công danh tài lộc hưng thịnh. Nếu hãm địa thì bất lợi. Trong hạn có thiên lương miếu vượng đắc địa thì hay gặp chuyện vui mừng, tai qua nạn khỏi, hay được quý nhân phò trợ.

Hạn lương hãm địa thì tiền tài hao tổn sức khỏe suy sụp. Lương ở ty hợp nhập hạn thì hay phải đi xa hoặc thay đổi công việc.

Thiên lương ngộ hoả tinh trong hạn thì hay đau ốm, tai vạ, nếu gặp thêm nhật nguyệt hãm chiếu thì làm ăn thua lỗ hay bị kiện tụng lôi thôi. Lương ngộ sát gia thêm bại tinh thì bị khuynh gia bại sản.

CỰ MÔN: bắc đẩu tinh – âm thuỷ – âm tinh

Miếu : mao dậu. Vượng : tí ngọ dần. Đắc : thân hợp. Hãm : ty thìn tuất sửu mùi.

Cự môn đoài can bính hành thuỷ như nước phun từ trong lòng đất. Tất cả các khiêu của trời và đất giao nhau còn lại là khoảng không gian giữa 2 sự vật, cần có song hao để nước lưu thông thì cự mới hữu dụng, cần có cả tuần triệt để thông khí bị nghẹt nhưng cần có triệt để hơn vì triệt biến có ra không, càng ngày càng mở. Cự môn ở cung thổ thì những lỗ bị đập bít lại nên hãm.

Cự môn nói ra chân lý của trời đất bằng âm thanh nhưng về phương diện chân lý thì cự môn hơi thấp.

Khi nào gặp hàng can hợp với nó thì nó hoá thuỷ nên bính hợp với tân. Nhưng nếu sinh vào tháng ngày giờ gặp nạp âm hay địa chi thổ thì không thể hoá thuỷ được. Khi đến đại hạn mộc vượng hoặc tiểu hạn mộc nên đi buôn gỗ vì khắc thổ mới khá được một thời gian. Còn gọi là hoá hợp thì chủ về quyền biến, biến đổi.

Khi can năm sinh hay tháng, ngày, giờ mà khắc can bính (cự môn) thì sẽ có hoá quyền còn gọi là hoá khắc như gặp can quý (vì là cục của âm thuỷ khắc hoả) thì có hoá kỵ nghĩa là quả cân của cán cân công lý nên nếu tham những thì sẽ mất chức, quá lắm thì sẽ bị công lý xét xử.

Mệnh có cự môn thì phải có phá quân ở tật ách mà phá quân là đường thuỷ ngầm.

Cự môn chủ ám muội thị phi miệng tiếng, sự thay đổi giới lý sự, hay cãi nhau, chua ngoa.

Cự môn ở các cung miếu vượng địa là người ăn nói đanh thép nhưng nhân hậu và vui vẻ. Ở cung lạc hãm thì ăn nói xảo quyệt hay gặp thị phi kiện cáo, kém sáng suốt hay nhầm lẫn đa nghi, học nhiều biết ít, bôn ba gian nan.

Cự môn bao giờ cũng khắc tử vi.

Cự môn hợp với mạng mộc, mạng kim, mạng thủy, nếu có sao phụ tá tốt đẹp thì làm nên sự nghiệp.

Tuổi quý cung an thân ở tí hay mao có hoá lộc hay lộc tồn ngộ tả hữu thì làm nên sự nghiệp.

Tuổi tân ở 3 cung tí mao dậu thì rất tốt. Tuổi ất cũng tốt nhưng kém tuổi tân.

Các tuổi canh quý tân ở dần thân đồng cung với thái dương thì có chức vụ lớn.

Cự môn không thích hợp với các tuổi canh đinh mà mệnh thân ở thìn tuất thì không tốt, tuổi bính mậu ở tí ngộ cũng không tốt. Cách thạch trung ẩn ngọc không áp dụng cho tuổi bính mậu. Tuổi bính mậu ở mao dậu thì không làm gì được lâu bền. Tuổi giáp ở mao gặp kinh đà nếu được phú quý thì chết non.

Trường hợp đặc biệt: cự môn gặp hoá khoa đã tốt lại càng tốt hơn. Ở bất cứ trường hợp nào cự môn gặp hoá khoa thì được hoá giải. Ví dụ, cự môn hãm gặp hoá kỵ là số chết vì tai nạn sông nước, nếu có hoá khoa đồng cung thì có người cứu thoát.

Đàn bà dù có cách cự cơ mao dậu đắc địa hợp tuổi thì giàu sang nhưng tính nết đa dâm, phải có sao giải như hoá quyền thiên hình thì mới trở thành đoan trang.

Tướng dạng và tính hạnh: cự môn miếu vượng đắc địa thủ mệnh thì người hơi thấp thân hình đầy đặn, da trắng, mặt mũi vuông vắn, đầy đặn, thông minh, vui vẻ, nhân hậu, có trí xét đoán sáng suốt, hay lý sự, ăn nói đanh thép, tính tình thâm trầm, không nóng nảy nhưng nếu thêm thái tuế thì ăn nói chua ngoa, châm biếm. Nếu có thêm xương khúc khô viết khoa là người văn chương lỗi lạc, nếu làm lớn thì ăn nói điệu bộ, kiêu cách. Có những sao này mà làm ở ngành ngoại giao thì tốt. Nếu đủ bộ sao trên lại thêm thiên hình hổ hay tuế phá thì là cách của những người làm luật pháp.

Người có sao cự môn thủ mệnh thì có cặp mắt sắc bén, nói năng rất giỏi và có trí nhớ tốt nhưng có khuyết điểm là hay quá lo xa. Nếu mệnh cung đóng ở thìn tỵ hợp là người lý luận giỏi nhưng nhiều khi lại nguy hiểm. Ở những cung miếu vượng đắc địa thì được hưởng giàu sang và có uy quyền, nếu không gặp nhiều hung tinh thì sống lâu nhưng phải xa cách gia đình, sức khỏe có phần suy kém hay có bệnh ở miệng, ở mắt, ở bộ phận sinh dục hay mắc thị phi.

Cự môn hãm địa thì học nhiều biết ít, suy nghĩ sai lầm cố chấp, tính tình chú ngoa, xảo quyệt, tham lam, khắc nghiệt, đa nghi, ăn nói hồ đồ sinh tiếng thị phi kiện cáo.

Tuổi tân ứng hợp với cự môn và cần có cự môn thủ mệnh và đối với tuổi tân dù bất cứ cự môn thủ mệnh ở bất cứ cung nào cũng không hãm dù ở thìn tuất Sửu Mùi hay ở tỵ (hãm địa). Nếu gặp tả hữu ở đây thành bộ sao cứu mệnh rất hữu hiệu giải trừ được bệnh tật và tai họa. Nếu gặp được nhiều trung cát tinh ở các cung miếu vượng thì danh tiếng lẫy lừng, được hưởng giàu sang, phú quý.

Cự môn ở tí ngộ là cách thạch trung ẩn ngọc cần được tuần triệt án ngữ hay hoá lộc đồng cung thì ngọc mới lộ ra. Nếu không có hoá lộc lại gặp lộc tồn là người đa học, đa năng sống lâu nhưng cả đời bất mãn, sức khỏe suy yếu, thường bị mang tai mang tiếng, làm ơn nên oán hay bị thị phi kiện cáo.

Hãm địa ở thìn tuất đối với 2 tuổi quý tân lại thành sáng suốt và đa nghi khắc nghiệt, ăn nói khoác lác, hồ đồ ít giao thiệp và không sống lâu.

Cự môn hãm ở Sửu Mùi thì đối với 3 tuổi ất bính tân lại thành tốt đẹp vì ám hợp đầu số, được hiển đạt và thành công trong sự nghiệp.

Tuy nhiên nếu ở các cung hãm địa mà gặp tuần triệt thì cũng giải được sự xấu.

Cự môn rất sợ hoá kỵ dù là đắc địa. Nếu 2 sao này đồng cung thì ý nghĩa là tai nạn về trình tiết, về giao thông hoặc về sông nước. Ngoài ra cự môn hãm cũng tối kỵ sát tinh như kinh đà không kiếp hoả linh và thiên hình vì có ý nghĩa tai nạn rất nặng, thường bị tai nạn thảm khốc và yếu vong.

Cự môn thủ mệnh thì ăn nói chua ngoa, gặp đà kỵ thì ăn nói lắ (cà lăm). Gặp thái tuế thì hay cãi nhau, nhiều khi vác chiếu ra toà vì kiện tụng.

Nói tóm lại cự môn chủ về tai tiếng thị phi kiện tụng tai nạn nhưng nếu ở các cung miếu vượng địa và được các cách tốt thì cũng có đầy đủ tiền bạc uy quyền và công danh.

Cự môn hãm địa hay có tai hoạ nhưng gặp hoá khoa đồng cung thì hoá giải được hết các sự nguy hiểm.

Nam mệnh : mệnh an tại tí ngọ có cự môn toạ thủ, có khoa quyền lộc hợp chiếu về là người khoa bảng xuất thân và cuộc đời đầy đủ tiền bạc, uy quyền, hạnh phúc. Nếu cư ở hãm địa thì cự môn không nên gặp các hung sát tinh tứ sát vì sẽ bị thị phi khẩu thiệt. Nếu ngọ kinh đà hoả linh không gặp sát tinh giải vây thì có hung hoạ. Người có cự môn thủ mệnh thì nhanh nhẹn nhưng hay điên đảo nếu gặp thiên tài hay tuần triệt mới giải cứu được sự xấu.

Nữ mệnh : cự môn miếu vượng đắc địa thì tướng mạo thanh tú, nhiều người yêu mến. Cự môn hãm địa là người có tướng khác lạ, ai mới trông thấy cũng quý mến nhưng hay ăn nói hàm hồ, điều ngoa, hay ghen tuông và có tính gian tham, dâm dục, suốt đời hay bị các tai nạn bất ngờ và có tật ở mắt, ở miệng, ở hạ bộ, thường bị yếu vong, nếu sớm xa gia đình thì đỡ được nhiều tai nạn.

Cự môn và các cung: cự môn ở dần thân có mệnh đóng tại đó đồng cung với thái dương, người tuổi giáp tuổi canh cũng phát phúc làm lớn ở cung dần thì hơn ở cung thân và được giàu sang, vinh hiển, tiếng tăm lẫy lừng.

Cung mệnh an tại dần thân có cự môn toạ thủ ví như mặt trời lơ lửng trên cao, nhật lãng thiên môn, trong trường hợp này cự môn lại rất sợ lộc tồn đồng cung nhưng nếu gặp hoá lộc thì rất tốt hoặc gặp quyền phượng thì suốt đời gặp sự đắc ý.

Cung mệnh an tại dần thân có cự môn toạ thủ gặp kiếp sát thiên hình địa kiếp hoá kỵ thì phải đề phòng đau phổi, đau tim vì thái dương thuộc hoả là tâm, cự môn là thuỷ thuộc phổi. Nếu gặp thiên mã thì có thể bị què tay hay gãy chân hoặc bị tê liệt, nếu gặp song hao thì có thể giải cứu được.

Cung mệnh an tại tí ngọ có cự môn toạ thủ gặp khoa quyền lộc hội hợp thì ví như trong đá có ngọc là người tài cao, học rộng, được hưởng giàu sang, phú quý. Người tuổi tân quý là thượng cách, đỉnh kỷ là trung cách các tuổi khác thì bình thường.

Cung mệnh an tại dậu có cự môn đồng cung rất cần có song hao hội hợp nhưng lại kỵ lộc tồn vì cự môn thuộc hành thuỷ và mộc, song hao là thuỷ ví như dòng nước chảy ra biển (chúng thuỷ triều đông) thì rất tốt đẹp nhưng nếu gặp lộc tồn thuộc hành thổ lại rất xấu hổ vì thổ khắc thuỷ hút hết chất nước (thuỷ) là người ăn nói hồ đồ, không thận trọng.

Cung mệnh an tại mao dậu có cự môn đồng cung hay ở tí ngọ cự môn toạ thủ cơ xung chiếu gặp song hao hội hợp thì công thành danh đạt, uy quyền hiển hách có danh tiếng.

Cung mệnh an tại thìn có cự môn toạ thủ hoá kỵ đồng cung, người tuổi tân được cách này là thượng cách vì có sự ám hợp tinh đầu sẽ được hưởng giàu sang, phú quý. Các tuổi khác có cách này thì rất xấu.

Cung mệnh an tại thìn tuất có cự môn toạ thủ thiên đồng xung chiếu hay an toạ tại Sửu, Mùi có cự môn toạ thủ đồng cung, tuy hãm địa nhưng người tuổi tân vẫn quý hiển vì có sự ám hợp tinh đầu và nếu lại có thêm tả hữu hội hợp thì suốt đời không lo gì tai hoạ vì tả hữu ở đây là cứu tinh phò mệnh.

Cung mệnh an tại thìn tuất có cự môn toạ thủ rất xấu nhưng riêng với 2 tuổi tân, quý lại tốt đẹp, tuy nhiên xứ giàu sang, tốt đẹp đó cũng có nhiều sự thăng trầm.

Cung mệnh an tại tỵ Hợi có cự môn toạ thủ kỵ gặp lộc tồn đóng. Nếu thêm quyền lộc là người có chí lớn nhưng không được toại nguyện.

Cung mệnh có cự môn miếu địa toạ thủ là người tài giỏi, đảm đang.

Cung mệnh an tại Sửu Mùi có cự môn thiên đồng đồng cung hoặc tại thìn tuất có cự môn độc thủ đồng xung chiếu hoặc đồng toạ thủ cự môn xung chiếu gặp kỵ hình hội hợp thì khó đề phòng tai nạn sông nước nhưng với tuổi tân đinh quý không sợ gì cả.

Cung mệnh có cự môn toạ thủ gặp hoá kỵ đại hao thì phá hoại tổ nghiệp (tức cơ nghiệp của cha ông để lại).

Cung mệnh có cự môn gặp kinh đà linh hoá hợp chiếu thì suốt đời vất vả và mắc những chứng bệnh nan y, khó tránh được tai nạn máy móc.

Cung mệnh có cự môn gặp lộc tồn thì rất xấu : nếu cung tử tức có cách này thì không có con nối dõi, nếu gặp tuần triệt án ngữ thì hoá giải được.

Cung thê có cự môn thì lúc nào vợ chồng cũng có cảnh khắc khẩu, bất hoà.

Cung điền trạch có cự môn thiên cơ toạ thủ thì giàu có, nhà cao cửa rộng, đẹp đẽ, nguy nga.

Cung giải ách có cự môn thiên đồng toạ thủ hay cự môn toạ thủ đồng xung chiếu hoặc đồng toạ thủ cự môn xung chiếu gặp tang đờ hổ riêu tam phương, tứ hướng chiếu thì hiếm con, sinh nhiều nuôi ít.

Cự môn và các sao khác: cự môn chỉ cái miệng nên khi gặp cự môn ở mệnh thân hay giải ách cần xem xét cự môn gặp các sao nào có thay đổi cái miệng được không? Thí dụ cự môn gặp hoả linh thì miệng méo.

Cự môn gặp lâm quan thì ăn nói kiểu cách.

Đứng về phương diện làm ăn thì xem 3 cung tài quan di để định nghĩa : cự môn còn có nghĩa là cái cửa hoặc cái nhà. Thí dụ: cung quan lộc có cự môn thiên hình kinh dương là nhà thầu khoán kiến trúc. Nếu có tả hữu khoa quyền lộc thì là kiến trúc sư, kỹ sư cầu cống, nếu có thêm thanh long thì càng chắc chắn.

Cự môn thái tuế hay quan phù bạch hổ thì giỏi pháp luật, thường làm quan toà hay trạng sư.

Cự môn ở tỵ than giàu có nhưng không bền.

Cự môn thìn tuất là cách rất xấu, nhu nhược, yếu tử trừ có tuổi tân được hoá cách thành tốt. Cự môn ở thìn tuất rất kỵ 2 tuổi đinh, canh vì ở trường hợp này cự môn trở thành mờ ám, xấu xa, khổ sở, khổ đốn.

Cự môn hãm địa ở Sửu, mùi cũng mờ ám, xấu xa.

Cự môn hãm địa gặp lộc tồn thái tuế buôn bán phát tài.

Cự môn hãm địa gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp như tả hữu xương khúc khô viết khoa quyền lộc là người học nhiều hiểu rộng, ăn nói khôn ngoan, thích hoạt động hay làm ngành giáo dục, được hưởng giàu sang, phú quý.

Cự môn miếu vượng đắc sự gặp hoá kỵ nếu không có sao giải thì khó thoát nạn sông nước.

Cự môn thái dương ở thân, chiếu mệnh ở dần cũng được hưởng giàu sang, phú quý.

Cự nhật ở mệnh miếu lại gặp lộc tồn thì suốt đời không bao giờ được vừa lòng.

Cự môn gặp đà la hay vất vả, đau ốm, cả đời vất vả gian khổ trong người có nốt ruồi lạ và hay nói lắp (cà lăm).

Cự môn thiên đồng ngộ hoá khoa là người có tài diễn thuyết.

Cự môn gặp kinh ty thì dễ mắc tai nạn sông nước trừ 2 tuổi bính tân.

Cự cơ ngộ lộc tồn ăn nói hồ đồ.

Cự môn ngộ hoá khoa thìn tuất có tài ăn nói.

Cự môn toạ thủ tại mệnh ngộ kỵ đà hoả rất xấu nhiều bệnh nan y nhiều tai hoạ yếu vong.

Cự khôi hồng đào tướng ấn khôn ngoan sắc xảo làm nên.

Cự môn hoả linh diên đảo, vất vả, tính hay hoang mang nhưng mau lẹ.

Cự kỵ hay đau ốm và nghèo khó nếu gặp hoá khoa và lộc tồn thì giải được.

Cự môn phá toái nếu không có trung cát tinh phụ chiếu thì tính nết chơi bời, hoang đàng trộm cắp, lộng ngôn yếu tử, đàn bà thì ưa phá gia cang người khác. Nếu lại thêm tả hữu thì chơi và giao dịch với toàn người lười thôi.

Cự môn ở 2 cung hội tí có mệnh hoặc phối vợ chồng thương yêu nhau như đôi chim uyên ương. Nếu tới hạn đó gặp đào hồng thì được người yêu mê như điên đảo.

Cự gặp tử phủ nhân đức, vui vẻ, ngay thật, liêm khiết đàng hoàng, vô tư, người có cách này không nên kinh doanh buôn bán vì chỉ có thiệt cho mình.

Hạn: mệnh có cự môn gặp tuế đà phù thì hay bị kiện tụng.

Cự môn miếu vượng đắc địa nhập hạn là quyền tinh hoành phát danh tài, kiện tụng thắng lợi.

Mệnh ở dần thân, hạn ngộ kiếp kỵ cự sát hình có bệnh về tim phổi, nếu thêm thiên mã thì chân tay bị thương tích.

Cự môn hãm địa nhập hạn lo buồn, hao tán cơ nghiệp, có thể chết.

Cự tang hoả: tán tài tang thương cháy nhà.

Cách thạch trung ân ngọc: ai cũng biết là thái dương, thái âm chủ sự soi sáng, xung chiếu còn mạnh mẽ hơn là tam hợp chiếu. Đại hạn vào ngay cung nhật nguyệt vị trí sáng sửa thì được loé sáng chứ không tốt bằng đại hạn được nhật nguyệt chiếu.

Cự môn đóng ở cung ngộ gọi là ngộ môn, bên trong thường chứa chất ngọc ngà châu báu, đóng ở cung tí luôn luôn có thiên cơ, ở tuất có thái dương và ở thìn có thái âm hợp chiếu

roi sáng (tam hợp chiếu). Đèn chiếu tới cửa nhưng bên trong cửa vẫn đóng, cần phải có những yếu tố để mở cửa (nội công) thì ngoại kích mới có hữu hiệu như tuần triệt song hao kinh dương nó làm cho cửa ngõ môn mở toang ra ở cung có cự môn để phơi bày kho tàng ở bên trong.

Biện chứng này cũng tương tự cho trường hợp cự môn ở ngọ luôn luôn có thái dương, ở tuất hãm nhưng nếu có thái tuế ở tuất gặp hoá kỵ thiên tài hoặc giả được đám đào hồng hoả linh hội nhập (tam hợp hoặc nhị hợp) tiếp sức để soi sáng cung ngọ. Đồng thời cự môn ở ngọ ngọ tuần triệt song hao kinh phá thì đến núi cũng phải lở. Khi mà cửa cung vua đã mở thì chắc chắn thái dương còn được chiếu sáng hơn vì vàng bạc trong cung phản chiếu ra.

TRUNG CÁT TINH

HOÁ KHOA: (thuỷ) hoá khoa là một cát tinh và cũng là một phúc tinh đó là đệ nhất sao giải có khả năng và hiệu lực giải trừ đa số tai nạn bệnh hoạn. Ảnh hưởng cứu giải của hoá khoa còn mạnh hơn là giải thuần, thiên giải, địa giải, thiên đức, nguyệt đức.

Hoá khoa cũng có đủ tư cách để giải trừ tia hoạ của những hung sát tinh như kinh đà không kiếp hoả linh.

Nếu hoá khoa đi cùng hoá lộc, hoá quyền để cùng chiếu vào các cung mệnh thân thì khả năng cứu giải lại càng gia tăng. Nếu 3 sao khoa quyền lộc đi liền 3 cung gọi là tam hoá liên châu, được cách này rất tốt, sự may mắn sẽ liên tiếp miễn là không gặp hung sát tinh kèm theo.

Hoá khoa còn chủ về sự học vấn công danh, thi cử , sự nghiệp bởi vậy mà gặp hoá khoa sẽ dễ đậu, tai nạn mà gặp thoát, đau ốm gặp thì mau khỏi.

Có hoá khoa thủ mệnh thì thường có văn hoá cao. Nếu đi chung với khôi việt xương khúc nhật nguyệt sáng thì đúng là nhà khoa bảng.

Hoá khoa thủ mệnh thì đáng người nho nhã, thông minh , lịch thiệp, thanh tú, ưa văn chương, thi phú, phúc hậu.

Hoá khoa lại giải trừ hung nguy cho cách sát phá liên tham. Nếu lại hội thêm khôi việt xương khúc mà học vấn dở dang thì đi buôn cũng là đại thương gia.

Kết hợp với hoá lộc, hoá quyền ở cung quan (từ đầu đến thân) miếu vượng và đầy đủ uy lực hỗ trợ như gặp tả hữu thai toạ thì đã phú quý và còn có tiếng tăm về văn học.

Khoa quyền lộc tam phương cùng chiếu tới kỵ gặp không kiếp. Nếu gặp 2 sao này thì mất tính cách cát diệu vì sao lộc kỵ địa không, sao quyền kỵ địa kiếp.

Cung mệnh có hoá khoa, nhị hợp có hoá quyền thì quý hiển. Nếu có tam hóa liên châu triều củng thì đại phú quý. Nhưng nếu gặp kinh đà thì tiền tài danh vọng tự tán thất thường.

Nếu hoá khoa bị nhiều hung sát tinh xâm phạm thì công danh tiền bạc vất vả mới đủ ăn.

Mệnh có khoa hoá lộc chiếu thì có danh vọng , 2 cung ty hội có hoá khoa, hoá kỵ đồng cung hay xung chiếu là người cẩn thận từ lời nói đến việc làm được nhiều người tin cậy.

Hai cung ty hội có hoá kỵ toạ thủ gặp thiên lương được hộ chiếu với cát tinh là người có đức độ mọi người quý mến và tin cậy.

Hoá khoa hội với khôi việt tại cung mệnh là thượng cách, hội chiếu là trung cách. Nếu gặp hung sát tinh thì mức độ tốt bị giảm đi một phần nào.

Cung mệnh ở tí, có hoá khoa ở hợi, lộc ở Sửu là cách giáp khoa giáp lộc cũng là quý cách, ở các cung khác cũng vậy.

Hóa khoa hãm địa lại gia kinh đà không kiếp là có mầm mà không được tươi tốt. Hoá khoa gặp sát tinh thì vô hại.

Khoa lộc quyền là một bộ quý tinh rất có ảnh hưởng đến công danh tài lộc.

Hoá khoa khôi việt xương khúc thành một bộ văn tinh tốt nhất trong các số tử vi: đỗ cao, làm nên sự nghiệp, nếu có sát tinh xâm nhập là người có biệt tài về giáo dục và về văn học.

Hoá khoa ngộ hoá kỵ thì lúc đầu thi cử lận đận, lúc sau cũng đậu cao. Hoá khoa ngộ tuần hay triệt thì phải thi cử nhiều kỳ mới đậu hoặc có tuổi cao mới có công danh bằng cấp.

Hoá khoa ngộ âm dương xương khúc quyền lộc, ai hưởng cách này là người đa tài, đa năng, giỏi đủ phương tiện, đủ các ngành nghề.

Hoá khoa chỉ hãm ở cung dậu.

HOÁ LỘC: (dương mộc)

Hóa lộc là một phúc tinh tài tinh. Theo cụ Vân Đẳng Thái Thứ Lang thì hoá lộc được tôn là thần của cung phúc đức là giám quan trông nom cung tài bạch. Hoá lộc cũng là một sạp giải trừ tật ách bệnh hoạn tai nạn, cứu khốn phò nguy, tăng thêm chức vị, uy quyền.

Hoá lộc gặp lộc tồn đồng cung thì hay gặp những sự chẳng lành. Gặp không kiếp thiên không hay song hao thì hay gây tai hoạ, tốn phí tiền bạc. Hoá lộc không nên đồng cung với hoá quyền, hoá khoa, ở các cung khác hợp chiếu về thì hay hơn.

Nhiều người cho rằng hoá lộc đồng cung với lộc tồn thì hay, nhưng khi đó không nên gặp tả hữu, chỉ nên gặp nhật nguyệt miếu vượng, vì khi có cách song lộc là cách đại phú, cách làm việc lớn (khi gặp nhật nguyệt) chứ gặp tả hữu là lớn nhỏ cái gì cũng làm thì không hợp cách và sự giàu sang, phú quý cũng bị giảm.

Hoá lộc là soa chỉ sự phong phú về tiền bạc và khả năng làm ra tiền bạc dễ dàng và hau được hưởng những sự may mắn về tiền bạc. Hoá lộc đóng ở cung tài bạch là người có óc về kinh doanh, làm về ngành thương mại được nhiều sự thuận lợi và giàu có lớn; ở cung quan cóng hĩa là làm nghề liên quan đến tiền bạc như ngân hàng, hải quan, thuế vụ, tài chính....

Nếu có bộ tam hoá liên châu thì dương số sẽ được hưởng phúc lộc thọ liên tiếp vì bộ tam hoá có khả năng cải xấu thành tốt. Nếu có cơ lương đồng cung mao dậu thì là số tử phú, đại tư bản và hay làm việc xã hội. Hoá lộc ngộ không kiếp hãm địa thì có nghĩa là làm giàu bằng cách chiếm đoạt tài sản người khác, ăn cướp, buôn lậu, trốn thuế hoặc gặp thêm một vài sao hoá lộc ngộ không kiếp thì làm giàu một cách nhanh chóng và bất ngờ.

Có cách song lộc thì tiền bạc, nhà cửa sang trọng, chỉ sợ gặp không kiếp và tuần triệt.

Hoá lộc thủ mệnh là người đẹp đẽ, trắng trẻo, phương phi, oai vệ, tính nết dịu dàng, tình cảm, thông minh bén nhạy, nói giỏi, sành ăn uống, được hưởng lộc, hào hoa phong nhã, ăn ngon, mặc đẹp, nhất là gặp nhiều may mắn.

Hoá lộc đóng ở phúc tài điền thì là thần giữ cửa, nếu đóng ở tứ mộ thì thần phú quý bị giảm sút, song nếu gặp tham lang vũ khúc lại hoá ra rục rờ nhưng phát ra hơi trẻ ngoài 30 tuổi giàu có lớn.

Hoá lộc ở dần mao thì tài lộc bền vững, ở tí ngộ thì giỏi về thơ văn.

Hoá lộc tại mệnh nhị hợp với lộc tồn hay ngược lại là người có tài kiêm văn võ. Nếu mệnh có hoá lộc dưỡng thì được hưởng giàu sang phú quý một thời gian nhưng không bền.

Ở nữ mạng hoá lộc thủ mệnh thì là người đàn bà đứng đắn, đàng hoàng, uy nghi, là bậc mệnh phụ phu nhân.

Mệnh có song lộc mà không gặp hung sát tinh thì phú quý song toàn, nếu hội với cự môn văn khúc ở tuất thì danh tiếng lừng lẫy.

Cung thiên di có hoá lộc ở tí ngọ là cách đối diện chiếu đầu. Mệnh có thái dương hoá lộc ở ngọ là số đức Khổng Tử, văn chương quán thông thế hệ.

Hoá lộc mà cư ở 3 cung giải nô bào là nhược địa không ảnh hưởng gì đến mệnh thân nên gọi là mệnh không chủ tài lộc.

Cung tài bạch phúc đức có hoá lộc, hoá quyền thì được hưởng vinh hoa phú quý.

Gặp văn xương đồng cung hoặc tam hợp chiếu là người có cặp mắt sáng. Tính người có hoá lộc thì làm việc rộng rãi và phúc thiện chứ không hà tiện gò bó như lộc tồn.

Hoá lộc và hoá quyền cặp đôi khi gặp thời vận thì như gấm thêu hoa, nhưng chẳng may gặp vận hãm thì hoá quyền chính là cái ống máng để hoá lộc mau mau tụt xuống.

Hoá lộc và các sao khác: hoá lộc ngọ tham lang rậm râu hoặc râu quai nón. Hoá lộc ở dần mao nếu có đầu quân thần giữ cửa keo kiệt, ích kỷ.

Hoá lộc ở tứ mộ (thìn tuất Sửu Mùi) ví như tiền tài của cải bị chôn dưới đất rất xấu, kiếm không ra tiền buồn rầu bất đắc chí.

Hoá lộc ngọ sát tinh hết lộc, có bao nhiêu ăn tiêu hoang phí hết, không giữ được của.

Hoá lộc ngọ hao có tiền nhưng tiêu hết, tán tài lại gặp tai họa

Hoá lộc ngọ thiên đồng hay thái dương (sáng sủa) việc gì cũng tốt, tài tiền hưng vượng, kiếm ra tiền bằng nhiều cách.

Lộc khoa quyền, tam hoá liên châu công danh hoạnh phát, tiền tài bằng cấp, uy quyền đầy đủ.

Lộc ngọ không hoặc kiếp: không giữ được tiền kiếm ra, tiền lại tiêu hết không giữ được tiền bạc, tiền bạc suy sụp.

Lộc mã đồng cung phú thương.

Tuổi dần, mao, thìn và tuất mệnh có hoá lộc công danh sớm đạt.

Lộc ngọ tham vũ ở tứ mộ cũng vẫn giàu sang, thêm trung cát tinh thì phú quý vẹn toàn, công việc làm ăn hanh thông.

Lộc ngọ tuần hay triệt phá tán của cải.

Lộc ở mệnh có lộc tồn nhị hợp với mệnh là cách minh lộc ám lộc phú quý tốt bậc con cái làm nên.

Hoá lộc và lộc tồn chiếu mệnh: song lộc triều nguyên giàu sang trọn đời.

Song lộc ngọ tam không vẫn giàu có.

Song lộc ngọ mã giàu có tự nhiên.

Song lộc đồng cung khắc nhau, khổ vì tiền, có tiền hay phải lo nghĩ, cứ gặp chuyện hao tán khi có tiền.

Song lộc ngọ cơ lương số tử phú, văn chương quán thế có tài về văn chương.

Cung mệnh có hoá khoa nhị hợp có hoá lộc thì rất quý hiển. Người tuổi giáp mệnh an tại hợp có hoá khoa, cung dần có hoá lộc gọi là khoa minh lộc ám:thượng cách.

Mệnh có hoá lộc ở tứ mộ thì có nét mặt buồn rầu.

Cung thê có hoá lộc hoá quyền thì nhờ vợ mà giàu có.

Cung mệnh có hoá lộc gặp quyền chiếu và ngược lại hoặc lộc quyền đồng cung được cát tinh quần tụ là người uy quyền, hiển hách, muôn người khiếp sợ, thường là danh tướng.

Mệnh vô chính diệu có tuần triệt án ngữ thiên địa không hội hợp thêm hoá lộc, lộc tồn chiếu thì được hưởng giàu sang, nhưng tài lộc không bền.

HOÁ QUYỀN: là sao chủ về uy quyền có nghĩa là có địa vị được kính trọng, hoá không phải là sao giải. Khi gặp bệnh hoạn tai ách, gặp nhiều sao giải và có hoá quyền thì qua khỏi nhanh chóng , bất ngờ nhưng nếu gặp nhiều hung tinh mà gặp hoá quyền thì nguy hiểm gia tăng. Hoá quyền đi với hung tinh thì thành hung, đi với cát tinh thì hoá cát; gặp cự môn phá quân thì chủ về vận có quyền hành; gặp kỵ là người mưu trí điều hành công việc có kế hoạch.

Hoá quyền trong cơ thể chỉ về 2 gò má (lưỡng quyền).

Hoá quyền gặp cự môn vũ khúc được mọi người kính nể. Gặp tử vi thiên phủ thì có uy quyền hiển hách. Hoá quyền gặp thiên khốc thiên hư ở tí ngọ thì tiếng tăm lừng lẫy cả đời sung sướng.

Quyền lộc hợp chiếu thì chắc chắn được hưởng cả phú lẫn quý. Hoá quyền gặp sát tinh thì tính hay làm liều, việc gì cũng dễ thất bại và thường gặp những buồn phiền. Hoá quyền gặp tuần triệt thì công danh trắc trở thành ít, bại nhiều.

Hoá quyền và hoá lộc nằm ở 2 cung tài bạch và quan lộc hay hội chiếu 2 cung đó thì giàu có và quyền thế.

Quyền lộc trùng phùng gặp cát tinh thì có tiếng mà không có miếng. Nếu trường hợp này gặp ở cung phúc đức thì mộ không kết.

Cung nô bộc có quyền lộc và cát tinh hội chiếu hay nô bộc nhị hợp với quan lộc thì cũng có chút đỉnh công danh nhưng vất vả, long đong.

Hoá quyền gặp tử vi thì gò má hồng, gặp thiên đồng thì gò má nhọt nhọt, gặp hoá kỵ thì má bị hãm.

Hoá quyền và các sao khác:

Hoá quyền ngộ xương khúc khôi việt khoa lộc khoa bảng xuất thân địa vị cao sang.

Hóa quyền ngộ tử phủ có chức tước cao sang, có quyền làm nhiều người nể sợ, về thể chất thì là người to lớn, bệ vệ.

Hoá quyền gặp cự môn hay vũ khúc là cách xuất tướng, nhập tướng, đây là một cách đại quý, được nhiều sự kính nể của mọi người.

Hoá quyền hoá lộc và các sao tốt ở cung nô bộc thì gây cho đương số nhiều chuyện khó khăn, vất vả vì cung nô quá tốt sẽ kém bạn bè và người dưới mình nên suốt đời bất đắc chí . nhưng nếu mệnh có tử phủ vũ tướng quang quý khôi việt xương khúc thì lại tốt và có nhiều người giúp việc đắc lực.

Hoá quyền gặp không kiếp kinh đà hợp chiếu thì làm việc chỉ thích lấy quyền lẫn át người khác, nóng nảy, liều lĩnh không suy tính hay có tai hoạ buồn phiền.

Hoá quyền hãm ở 3 cung thân, tí, thìn còn các cung khác được tốt.

Hoá quyền ở các cung mệnh thân phúc đức quan lộc thiên di tài bạch đều đắc dụng.

Đại tiểu hạn trùng phùng gặp quyền cự và vũ thì phát phúc 10 năm.

Tam hoá liên châu: khoa quyền lộc ở 3 cung liền nhau thì sẽ ví như 3 viên ngọc, xa cách nhau thì sáng ít nhưng nếu hợp lại thì sẽ toả ánh sáng rực rỡ. Cách tốt nhất gồm đủ văn võ, quyền quý nếu cứ cung quan lộc.

Cách tam hoá liên châu miếu ở những cung ban ngày (dần mao thìn tỵ ngọ mùi) ở 3 cung dần, thìn, ngọ có tam hoá là thượng cách, ở 3 cung mao, tỵ, mùi cách tam hoá kém đi một bậc.

Tam hoá là 3 viên ngọc quý phải bày ra ở nơi cao quý, thanh thiên bạch nhật chứ không bày ra nơi tối tăm và vào lúc ban đêm vì lý do đó thì ở cung dương thì rực rỡ, sáng sủa hơn ở cung âm.

Còn ở các cung thân, dậu, tuất, hợi, tí, Sửu vì thuộc về âm nên đối với tam hoá liên châu cũng kém đẹp hơn là ở dương vị. Có tam hoá liên châu ở các cung toàn âm như dậu, hợi, tí, Sửu thì sự phù trì của tam hoá cũng ảnh hưởng kém đi.

Bộ tam hoá khoa quyền lộc một thủ hai cư ở tam hợp chiếu mới là thượng cách. 3 sao này ở nơi miếu vượng đắc địa thì phù trì đắc lực cho cách tử phủ vũ tướng, sát phá liên tham cơ nguyệt đồng lương và cự nhật ví như quân thần khánh hội cách đôi khi không cần đến khôi việt thai toạ xương khúc vì bộ 3 tam hoá là đủ văn võ, phú quý rồi.

Riêng ở cách vô chính diệu mà có trung tinh nhập miếu ở mệnh và 3 cung tài quan di củng chiếu mới hợp vì nếu có hung tinh đồng thủ hội với tam hoá đồng cung (một thôi) sẽ bị khắc chế và tam hoá sẽ mất rất nhiều hiệu lực, vì vậy tam hoá không nên đồng cung với nhóm hung sát tinh đắc địa mà chỉ nên tam hợp chiếu thôi. Hoá quyền là kẻ phù thịnh đi với cát tinh thành tốt, đi với hung sát tinh thành hung hãn.

Bộ ba khoa quyền lộc vô cùng rực rỡ ở cung miếu vượng địa nhưng lại vô cùng yếu đuối khi gặp các hung sát tinh, ngoại trừ hoá khoa có khả năng giải trừ được các hung tinh nhẹ.

Trên lá số tử vi có bốn sao lấy huy hiệu là tứ hoá: hoá khoa (đức năng), hoá kỵ (hờn ghét), hoá quyền (uy vũ), hoá lộc (phú cường). 3 hoá khoa quyền lộc cần được sự trợ lực cho nhau, có khoa mới dẫn đến quyền rồi mới tạo ra lộc, nối đuôi 3 sao này để sinh ra kỵ, qui tắc cho biết: bộ tứ hoá do hàng can điều động bằng đường lối phụ thuộc cho một hành tinh quan trọng chi phối mỗi hoá. Riêng bộ khoa quyền lộc được coi như 3 viên ngọc quý khi song hành nối tiếp nhau (tam hoá liên châu).

Vậy tam hoá nhập mệnh khác với tam hoá củng mệnh như thế nào? củng mệnh là khoa quyền lộc đứng ở thế chân vạc trong tam hợp mệnh tài quan tức là mệnh này tự tạo lấy tam hoá cho bốn mạng. Còn tam hoá liên châu nhập mệnh gồm ở cung phụ mẫu một hoá cung bào một hoá giáp vào với hoá của mệnh tức là mệnh được hạnh phúc nguyên nhân nhờ gia đình sẵn nề nếp vinh quang, tất nhiên ảnh hưởng rực rỡ hơn là tam hoá củng mệnh.

Vì sao chỉ có tuổi canh mới có tam hoá liên châu? Nếu ta nhìn vào 10 tuổi hàng can kể ra dưới đây trên lá số tử vi ta chỉ thấy có 4 tuổi giáp ất canh tân được hợp cách đúng mức âm dương mà canh tân hơn giáp ất (kim canh tân khắc giáp ất mộc).

Giáp là 1 hợp với kỷ là 6

Ất là 2 hợp với canh là 7

Bính là 3 hợp với tân là 8

Đinh là 4 hợp với nhâm là 9

Mậu là 5 hợp với quý là 10

Cơ là lẻ: sinh

Ngẫu là chẵn: thành.

Năm cặp thiên can ở trên hợp tác cho thấy dương luôn luôn khắc chế âm mà ất cũng được tam hạo liên châu do đặc cách hợp cùng với canh trúng mức âm dương sinh thành từ tứ thế ở ngôi vị đến sự cặp đôi hoàn hảo.

Giáp hợp kỷ: kỷ đứng nghịch lý âm dương

Ất hợp canh: trúng vị trí âm dương

Bính hợp tân: bính đứng nghịch

Mậu hợp quý: cả 2 đều trái nghịch

Trường hợp nào tuổi canh cũng có tam hoá liên châu đầy vẻ dương cường (quyền giáp khoa lộc). Còn tuổi ất thì âm nhu, chỉ khi nào đắc tử vi thiên tướng ở thìn tuất mới xuất hiện khoa giáp quyền lộc. Đặc sắc nhất là 3 tuổi ất sửu, ất ty, ất dậu ở thìn là vị trí thiếu âm. Khoa quyền lộc này được quan phúc quý nhân và thiên ất quý nhân (khôi việt) ủng hộ với tư thế thường nhân giám đảm nhân chức vụ lớn lao. Đối với 3 tuổi Hợi, Mão, Mùi mệnh dương số ở trường hợp thiếu dương thiên không thì nên hiểu rằng đây chỉ là bả danh vọng và nên đem bộ sao tứ đức ra mà xây dựng cả cuộc đời bằng cách vị tha giúp đời. Vì 2 sao thiên tài, thiên thọ là cái cân thăng bằng của số mạng sử báo hiệu cơ biết là kho báu (lộc tồn) tích lũy mấy đời để thiên quan thiên phúc và thiên ất quý nhân tùy nghi sử dụng.

Kiểm điểm lại khả năng của tứ hoá đứng trong thập can: tuổi canh có hoá kỵ là mầm mống gây hấn nằm chung với khoa lộc, có cách này đương số nên khiếm tốn trong sự xử thế thì sẽ được hiển vinh vì khoa sẽ giải được kỵ. Tuổi ất hoá kỵ đứng cùng khoa quyền lộc mà mệnh lại đứng nghịch lý âm dương. Tử vi thiên tướng có đặc hoá khoa cũng cần phải mềm dẻo để lựa chiều mà tiến thoái.

Trong vai trò của tứ hoá thì hoá khoa được công nhận là đặc biệt, đứng giữa dung hoà cho 2 sao hoá lộc và hoá quyền không bị mất thăng bằng với hoá kỵ. Nếu quyền lộc nặng tay tất ghen ghét để hoá kỵ phải căng thẳng, đem lại nguy hiểm gấp bội (trèo cao ngã đau).

Vậy hoá khoa phải được những sao có đủ tư cách thông minh, nhân hậu và từ thiện mới có đủ uy tín dần xếp.

LỘC TỒN: Bắc đẩu tinh dương thổ đối thủy.

Lộc tồn là một phú tinh quý tinh chủ về tiền bạc, tài lộc, phúc thọ, giàu sang và quyền bính. Lộc tồn là một thứ lộc trời cho (thiên lộc) quý nhất trong các sao lộc (lộc tồn hoá lộc thiên tru lưu niên) được gói kỹ trong một cái bao có dây cột ngoài (kính dương đà la), tùy theo hoàn cảnh mà suy tính cho phân minh trước khi tháo dây, mở gói để lấy lộc ra mà hưởng thụ khai thác.

Ngoài những khó khăn về luật âm dương và vị trí tồn lộc còn được bảo vệ đến mức tối đa bằng 2 hàng rào đao phủ thủ để đối phó với thành phần vô kỷ luật không phải là sử hữu chủ có đầy đủ văn kiện chứng minh.

Lộc tồn ở cung nào cũng tốt cho cung đó, lộc tồn cũng có đặc tính là sao giải, cứu khổn phò nguy, giải trừ tai nạn, bệnh tật, tăng gia tài lộc phúc thọ. Lộc tồn còn có giá trị giải trừ được tính chất lẳng lơ, dâm dăng của 2 sao đào hoa và hồng loan.

Vị trí lộc tồn không bao giờ đóng ở tứ mộ, còn ở cung nào cũng đắc địa.

Lộc tồn thủ mệnh là người thông minh, chính trực, nhân hậu, từ thiện, nghiêm chỉnh, hay giúp đỡ người, có tài tổ chức nhưng không thích hoà mình vào với quần chúng, chỉ thích trầm ngâm thui thủi, cô đơn.

Lộc tồn cũng ưa thích văn nghệ (tùy theo phụ tinh mà giải đoán thích bộ môn nào). Ví dụ lộc tồn ngộ xương khúc tấu thư là người thích làm thơ, viết văn. Lộc tồn ngộ đào hồng tả hữu long phượng là họa sĩ. Lộc tồn ngộ tấu thư nguyệt hoá kỳ hay lộc tồn ngộ tấu thư riêu y thiên khốc là nhạc sĩ chơi nhạc cụ bằng sắt hay bằng đồng.

Lộc tồn cặp với các phúc tinh các tài tinh là người giàu có, sức tích tiền của.

Lộc tồn vốn dĩ được nổi tiếng là một chân nhân chi tú, một sao gần như không có điểm gì đáng chê cả, vì toạ thủ ở cung nào thì ban phúc cho cung đó nhất là nếu đóng ở cung phúc đức, cuộc đời của người có số này tha hồ mà hưởng phúc đức của ông bà để lại dù các cung khác có yếu kém.

Nếu lộc tồn toạ thủ ở mệnh hay thân là suốt đời đượ đầy đủ cơm áo. Có nhiều thầy chê cung tử tức có lộc tồn là cách hiếm con hay hình khắc con cái nhưng cũng có nhiều lá số có cách đó mà vẫn đông con cả trai lẫn gái, nhưng chame phải lo cho các con ngay cả khi đã trưởng thành. Cái xấu có lẽ là cha mẹ phải vất vả về con cái mà thôi.

Nếu lộc tồn an theo hàng can năm sinh nằm trong cung tuổi hay cung tam hợp của cung tuổi thì đương số sẽ được hưởng tất cả các ảnh hưởng tốt nhất của lộc tồn được coi như lộc của trời cho (thiên lộc) làm ăn phát triển thịnh vượng do bàn tay mình xây dựng và được hưởng lộc lâu dài không bị cách quãng. Nếu mệnh đóng ở cung có lộc tồn hay cung có tam hợp thì được coi như lọt vào vòng chung kết và được hưởng lộc trọn vẹn.

Khía cạnh xấu của lộc tồn: bất cứ ở vị trí nào ở cung nào, nhất là cung tử tức nếu lộc tồn đồng cung với cự môn là một cách rất xấu vì không những lộc tồn mất hết những tính cách bình thường mà còn tạo ra nguy hiểm, ngay cả khi nhập hạn cũng vậy. Ở trường hợp này cần phải có tuần hay triệt án ngữ thì mới giải trừ được. Có người có 2 sao này đồng cung mà bị đau ốm, cáo kiện, có khi còn tù tội nếu có thêm cách xấu khác.

Lộc tồn theo nghĩa của nó là có lộc mà bị cô đơn, có lộc hưởng một mình thành ích kỷ. Nếu thêm đầu quân cô quả thì tính ích kỷ càng thêm rõ rệt.

Lộc tồn chỉ cứu khổn phò nguy bằng phương tiện sẵn có mà thôi chứ không được tận tình như thiên quang, thiên phúc quý nhân, đã giúp đỡ được ai thì giúp đỡ xả lảng chứ không ngần ngại và lộc tồn cũng không đắc lực như tả phù hữu bật. Vì thế nên lộc tồn thủ mệnh thì cô đơn, ít bạn bè, ích kỷ. Ở các cung an thân tài bạch quan lộc thì chỉ sợ người khác chiếm mất địa vị hoặc lấy mất tiền của. Ở phúc đức nếu không gặp thêm phúc tinh, quý tinh thì hiếm con.

Đàn bà có lộc tồn thủ mệnh thì đáng người đẹp dễ khéo léo, siêng năng và phúc hậu.

Theo sách vở thì lộc tồn kỵ gặp không kiếp và thiên cơ. Gặp không kiếp mà xấu thì không có gì là lạ. Tại sao thiên cơ là một chính tinh cao quý mà lại phá lộc tồn: thiên cơ dịch đúng nghĩa là máy trời, đã là máy thì lúc nào cũng phải chuyển động và đã chuyển động thì tiền bạc khó lòng tụ lại được vì bị hao tán tài lộc vì trong hạn thì thiên cơ chạy thường xuyên và mạnh mẽ hơn tiền bạc không có lối vào cũng không tụ lại được.

Lộc tồn không sợ thiên không vì thiên không chỉ tượng trưng cho sự hao tài, tổn của chứ không có nghĩa là phá hoại. Vì thế lộc tồn gặp thiên không nhiều lại hoá hay vì chứng tỏ được sự ăn tiêu rộng rãi và được hưởng thụ nhiều chứ không bo bo giữ của. Trái lại với trường hợp lộc tồn gặp không kiếp như nhà giàu bị tổng tiền hay bị cướp vào lấy hết tài sản làm cho bị phá sản đau đớn. Trong trường hợp này nếu không có lộc tồn lại càng tốt hơn (vì có lộc tồn dễ bị mang hoạ vào thân) mà còn có thể hoà mình vào không kiếp để phát theo chiều hướng đặc biệt như buôn lậu, chợ đen...

Nếu lộc tồn gặp các tài tinh phú tinh như tử phủ vũ đắc địa, long phượng tả hữu thiên mã tràng sinh đế vượng hoà lộc quan phúc thì tài lộc càng thêm phát đạt và tỉ lệ của sự thành đạt gia tăng tùy theo các sao đó hội tụ nhiều hay ít.

Lộc tồn ngộ hoá lộc đồng cung là người có đầu óc độc tài, độc tôn. Nếu hoá lộc hợp chiếu hay xung chiếu là cách song lộc thì tốt hơn vì dễ kiếm tiền và gặp nhiều may mắn.

Lộc tồn thủ mệnh thì được thọ và cuộc đời được giàu sang, phú quý. Cách song lộc tí ngộ nếu ngộ không kiếp thì học hành dang dở, phải phá ngang đi buôn bán, đi làm hoặc mở tiệm tiểu thủ công nghệ thì mới khá, nếu đi làm công nhân viên chức thì công danh lận đận, nếu gặp thêm hung sát tinh thì trở thành con người yếu hèn.

Nếu lộc tồn đồng cung với hoá lộc ở ty hợi thì suốt đời lo toan tính toán về tiền bạc nhưng giàu có.

Lộc tồn thủ mệnh mà chính chiếu có phá quân thì kinh tế khó khăn, tiền tài như mây nổi (phù vân), thường hay bị túng thiếu và hay mắc nhiều tai hoạ hoặc nhiều sự lo lắng.

Lộc tồn luôn luôn có 2 sao kinh dương và đà la giáp biên. Trong cách này nếu lộc tồn đồng cung nối địa kiếp thì thành ra cái bang chính hiệu (ăn may) chỉ vì kinh đà đi liền 2 bên sẽ hội với địa kiếp mà tác hung. Ngược lại nếu lộc tồn hội chiếu hau giáp khoa quyền lộc là cách xuất thế vinh hoa. lộc tồn giáp hoá lộc, hoá quyền là cách kim ngọc mãn đường (vàng ngọc đầy nhà) vì lúc đó 2 sao kinh đà sẽ trở thành anh lính gác để canh giữ và bảo vệ tài sản cho lộc tồn.

Đàn bà có lộc tồn thủ mệnh thì tính khí như đàn ông. Gặp tử phủ hù một đời phú quý, an lành. Gặp liêm trinh thiên đồng thì là số của mệnh phụ phu nhân.

Lộc tồn đóng ở cung điền trạch day cung tài bạch là người giàu ngậm. An ở cung hãm có không kiếp linh hoá thì có nhiều tai ách, nếu không gặp sao giải hay cấu tinh củng chiếu thì vợ chồng phải chia lìa.

Cung mệnh có lộc tồn toạ thủ mã xung chiếu hay ngược lại không kiếp thái tuế thì suốt đời bất mãn, bất đắc chí công danh lận đận, tiền tài tụ tán thất thường hay bị kiện tụng và hay bị tù tội.

Lộc tồn cư ở tí ngộ mệnh thân hoặc thiên di án ở đó lại có cát tinh hội chiếu thì giàu sang có của dư của để.

Lộc tồn gặp thiên phủ thiên tướng tuổi giáp là thượng cách, các tuổi khác chủ danh giá vinh hiển.

Lộc tồn gặp tuần triệt sự nghiệp hay bị phá tán.

HẠN:

Đại tiểu hạn gặp lộc tồn thì mọi sự hanh thông, tiền bạc dễ kiếm, đau ốm mau khỏi, mưu cầu chuyện gì cũng thành công.

Hạn gặp lộc tồn lại thêm tả hữu khoa quyền thì tiền bạc vào nhiều nhà có hỷ khí, gả cưới thêm con thêm cháu.

Hạn gặp lộc mã giao trì chỉ sợ không kiếp, nếu có thái tuế và bầy hung sát tinh chiếu thì trong hạn sẽ chết.

Hạn gặp lộc tồn thiên mã kinh hoả triệt thì hay có sự lao tâm khổ trí.

Các cung : cung mệnh an tại thìn tuất có cơ lương toạ thủ gặp lộc tông hoá lộc xung chiếu là người giàu có vào hàng tỷ phú .

Cung mệnh có lộc tồn hay hoá lộc gặp phá quân xung chiếu hay gặp cô thần quả tú kỵ kkiếp thì suốt đời bất đắc chí hay phải lo lắng về kinh tế hay lại mắc tai hoạ, khó có thể giàu có được nếu không có tuần triệt án ngữ.

Cung thiên di an tại tí ngọ có lộc tồn tất mạng được lộc tồn xung chiếu nên rất tốt, có cách này thì kiếm tiền dễ dàng, có nhiều tiền để dành lại giàu sang phú quý.

Cung mệnh có lộc tồn, thiên di có hoá lộc hay ngược lại thì từng lấy , vinh hiển hơn người. Nếu lộc tồn ở cung mệnh không có cát tinh phò trợ thì cô đơn.

Cung bào an tại tí có lộc tồn ngọ thái âm đồng cung thì có anh em dị bào.

Cung bào có lộc tồn gặp triệt án ngữ thì anh em mỗi người một nơi, nếu không đến hạn này cũng phải đi xa.

Cung mệnh có lộc tồn , cung thân có thiên không hoặc địa không thì suốt đời chỉ đủ ăn chứ không thể giàu có lớn được.

THIÊN KHÔI – THIÊN VIỆT

(dương hoả) (âm hoả)

còn gọi là thiên ất quý nhân.

Trên đồ biểu chúng ta nhận thấy rằng trên 12 cung của địa bàn từ tí đến hợi. Thiên khôi khởi năm giáp tại Sửu, năm kỷ tại tí, năm bính đinh nghịch sang cung hợi, mậu trở về phía cung Sửu rồi 2 năm canh tân chuyển sang cung ngọ và năm nhâm quý chuyển sang cung Mão. Thiên việt thì khởi năm giáp tại mùi, ất tại thân, bính đinh chuyển sang cung Dậu, mậu nghịch tại mùi, năm kỷ thuận sang cung thân, năm canh tân chuyển qua dần, năm nhâm quý chuyển sang cung tý.

Như vậy sự di chuyển của 2 sao này không tuần tự đều thuận hay nghịch như các bộ sao xương khúc tả hữu quang quý thai hoá.. và hầu hết các sao khác trong tử vi đấu số.

Bốn chữ thiên ất quý nhân cho thấy một phúc tinh ở ngôi vị khiêm nhường (ất : thứ) thế mà lại đảm nhận những trách nhiệm của ngành trưởng (giáp) để nâng những người đã có công xây dựng cuộc đời trong hoàn cảnh đáng được che chở để đền bù người có thiện tâm, thiện chí.

Những vị trí thiên ất quý nhân (khôi việt) thấy có nhiều chỗ khó hiểu như: tuổi giáp mậu khôi ở Sửu, việt ở Thìn; tuổi ất kỷ có khôi ở tí, việt ở Thân. Bốn tuổi đó hoàn toàn ở nghịch âm dương nhất là khôi (dương) của tuổi giáp mậu và việt (âm) của tuổi ất kỷ, còn 6 tuổi khác:

Bính đinh: khôi ở Hợi, việt ở Dậu.

Canh tân: khôi ở Ngọ, việt ở Dần.

Nhâm quý: khô ở mao, việt ở ty.

Có sách lại chép là giáp mậu canh cùng ở Sửu Mùi nhưng đây là phương pháp tìm thiên ất quý nhân của nhâm độn không thể áp dụng vào tử vi, thì còn lại một tân ở Dần Ngọ hoàn toàn ở nghịch địa âm dương. Thật là khó hiểu vậy mà các sách tử vi từ xưa đến nay chưa có sách nào cho biết nguyên do ngay cả những ông thầy bói cũng chịu. Trên 12 cung địa bàn thìn tuất được ghi là thiên la địa võng, thường đem lại sự vất vả chật vật cho đương số ở cảnh sa lưới trời, lưới đất. Tình trngj có đà la nhập 2 cung thìn tuất mới là trùng cách thiên la địa võng: hai cung này sẽ được khô việt sử dụng làm biên địa để phân chia thế đứng.

Thiên ất là ngôi vị thứ (ất) thay mặt trưởng (giáp) làm nhiệm vụ thì đương nhiên khô phải ở hoàn cảnh không thuận tiện mà việt lại ở địa vị vững vàng và có uy lực.

Căn cứ theo 2 tuổi bính đinh (hoả) thì khô (dương) đóng ở Hợi, việt (âm) đóng ở Dậu. Ở 2 tuổi này khô bị sa lầy còn việt thì được thắng thế.

Hai tuổi nhâm quý (thủy) khô ở mao bị tiêu hao, còn việt ở ty lại đắc cách.

Canh tân (kim) để khô ở ngọ bị khắc nhập còn việt ở dần thì bị khắc xuất.

Tại sao thiên khô thiên việt cũng gọi là thiên ất quý nhân? Vậy thiên ất quý nhân là gì? Trong môn nhâm độn giáp độn hay thái ất thần số là những bộ môn của Trung Quốc để quyết đoán cát hung mọi việc . tại sao lại gọi là nhâm độn giáp độn thái ất độn giáp?

Thái ất độn giáp là độn chữ ất lên thay thế cho chữ giáp là địa vị đứng đầu 10 thiên can. Thái ất cũng có 1 ý nghĩa là chữ ất ở ngôi vị thứ nhì lên lãnh vai lãnh tụ của giáp . thiên ất là ngôi vị thứ 2 kế cận ngôi vị tối cao, phụ tá để ban phát phúc lành (quý nhân) để cho những người trong hoàn cảnh đáng thương mà hợp lý.

Những tuổi được thiên ất (khô việt) thủ mệnh là những người đương nhiên không bao giờ có thái tuế cũng như tuế phá. Người có thái tuế sinh ra là để gánh vác một nhiệm vụ gì cao cả phải gặp nhiều may mắn để tiếp nhận trách nhiệm. Như vậy, thái tuế và tuế phá luôn luôn ở trong nghịch tý âm dương. Thiên ất tức khô việt đóng ở dương cung thì tuế phá thái tuế đóng ở âm cung ; nếu thiên ất (khô việt) đóng ở âm cung thì tuế phá thái tuế đóng ở dương cung. Như vậy chỉ có 2 hạng người:

+ Thiếu dương là những người có linh tính nhạy cảm hơn người.

+ Thiếu âm là người chân thật cả tin nên bị thiệt thòi.

Trong tử vi đầu số có nhiều sao bảo thủ đức độ từ thiên đứng đầu là thiên quan thiên phúc quý nhân, thiên đức nguyệt đức long đức phúc đức giải thần là một đoàn thầy tu nhân hậu nhưng không thấy được đầy đủ sức mạnh và uy quyền như thiên ất quý nhân là khô việt là 2 sao ở ngôi vị ngay chính toà trực tiếp ra lệnh cứu khốn phò nguy, giải trừ tai nạn ủng hộ trực tiếp ra lệnh cứu khốn phò nguy, giải trừ tai nạn ủng hộ đắc lực để đương số được dễ dàng thành công hơn.

Nói tóm lại, thiên ất tức khô việt có tính cách lãnh tụ là người có sự đồng ý của định mệnh làm cho nghiêng ngửa rồi mới ra tay cứu vớt.

Khô việt có tính cách nổi bật cao siêu, gặp xương khúc thì có văn học cao để chiếm địa vị trong các khoa trường.

Khô việt đứng với tả hữu là khả năng lãnh tụ, khô việt đứng với long phượng là ngôi vị cao cả của danh nhân chính phái, khô việt ít khi đứng cặp với xương khúc tả hữu mà có cũng bị tuần triệt bề gãy. Theo chỗ đứng như vị trí tả ở trên, thiên khô luôn luôn ở vị trí bị tuần triệt làm cho thất thế.

Thiên khô là âm quý nhân, thiên việt là dương quý nhân. Thiên khô có nghĩa là cái mũ của ông võ quan còn việt là cái búa của ông tướng. Hai sao này chủ về bằng cấp uy quyền chức tước nên gọi là khoa giáp tinh.

Thiên khô và thiên việt không có vị trí miếu hãm, đặc biệt hơn tả hữu là tả hữu gặp ác sát tinh thì vào hùa giúp đỡ hung trung tinh đó làm điều ác một cách dễ dàng. Còn khô việt thì không bao giờ giúp lũ hung tinh, trái lại gặp khô việt lại đỡ được những ảnh hưởng ác hại và khô việt chỉ đặc biệt nặng về khoa giáp và quyền lực mà thôi, ngoại trừ trường hợp khô việt gặp hỏa linh hình thì dễ gây các tai nạn khủng khiếp.

Về ảnh hưởng khô việt có những khác biệt sau đây : khô rất kỵ gặp thiên hình và tuần triệt, còn việt lại kỵ gặp hỏa linh không kiếp thái tuế phục binh.

Thiên khô thủ mệnh thường là con trưởng hay đứng đầu một cơ quan xí nghiệp, gặp cát tinh hội hợp thì mặt mũi khô ngô trắng trẻo tuấn tú.

Còn thiên việt thủ hay chiếu cũng là con lớn trong gia đình nhưng hay có anh hay chị mất sớm. Thiên việt thủ mệnh thì nước da ngăm ngăm đen, ra đời làm ăn có thể là chủ nhân ông song phải có người đỡ đầu thì mới làm nên việc chứ ít khi tự mình điều khiển được những sự việc to tát.

Về cơ thể khô việt chỉ cái đầu, nếu mệnh thân hay hạn có khô việt gặp tuần triệt án ngữ hay thiên hình thì có bệnh rủi ro thương tích ở đầu nếu không gặp sao giải. Thiên việt chỉ hai cái vai, nếu gặp song hao thì so vai rụt cổ.

Mệnh thân hay giải ách có thiên việt gặp phá toái đà la hóa kỵ là người nói lắp hay bị cà lăm.

Mệnh ách hoặc đại tiểu hạn gặp phá linh hình hỏa nếu không có cát tinh giải trừ thì dễ bị điện lửa hoặc súng đạn gươm đao gây ra.

Khô việt mạnh hơn xương khúc nhiều vì khô việt còn chỉ về uy quyền và sự xuất chúng. Có cả khô việt xương khúc hội chiếu là người thông minh quán thế.

Thiên khô thiên việt là hai trung tinh cao quý nhất cho học vấn công danh và phúc thọ, còn có ý nghĩa là thông minh cao thượng học hành xuất sắc và thông minh quyền biến có đầu óc lãnh tụ. Nếu đã có xương khúc khô việt lại gặp thêm thái dương thái âm sáng sửa đi kèm thì là người tài giỏi khét tiếng. Khô việt giáp mệnh hay hợp chiếu không bằng tọa thủ nhưng cũng được đắc thời trong xã hội.

Khô việt có thể hóa giải được số sao hãm địa nếu không bị tuần triệt thiên hình và lục sát tinh xúc phạm, cung phúc đức thì được che chở của đấng thiêng liêng giải trừ được nhiều tai nạn.

Khô việt đóng cung nào ban phước cho cung đó nhưng có nhiều tác giả cho rằng khô việt cũng có cung miếu hãm (miếu ngộ dần, vượng mao tỵ Dậu, đắc dần thân Tuất, hãm lợi tỵ Sửu Thìn Mùi).

Khô việt thủ mệnh là cách tọa quý hưởng quý, tính tình khiếm khuyết không ưa làm điều bất chính. Hội tụ khoa xương khúc thành người có học vấn cao siêu và có đại khoa.

Các cung miếu hay vượng địa rất kỵ sao thiên không địa không và tuần triệt, nếu gặp thì lận đận không thể đậu cao được. Cư ở cung hãm địa (tý Hợi Sửu) cần gặp triệt hay tuần khắc chế mới học hành thi cử đỗ đạt được.

Nữ mệnh có khôi việt gặp cát tinh hội chiếu là bậc hiền phụ vượng phu ích tử, trọn đời giàu sang. Nếu gặp tuần triệt thì hay mắc tai ách, suốt đời lao đao, lao tâm khổ trí và không được thọ.

Nếu khôi việt cư ở hãm địa lại gặp hung sát tinh thì dễ gặp tai ách nhưng có nhiều người có cách đó lại làm nghề thợ rèn, đồ tể, thợ bạc khéo léo.

Cung mệnh thân có khôi việt xương khúc là cách rất quý, làm công chức cao. Nếu ở cung chiếu là thứ cách nhưng nếu gặp hình sát tướng xung lại trở thành bình thường và hay có bệnh nay y.

Khôi việt và các sao khác : khôi việt lương tướng là con dòng cháu giống.

Khôi việt tử phủ tả hữu xương khúc khoa quyền lộc có óc lãnh tụ cấp chỉ huy, văn võ kiêm toàn chỉ huy những công việc lớn, uy quyền hiển hách.

Khôi việt tuần triệt sát tinh (hình kỵ) bị thương nơi đầu.

Khôi việt thủ mệnh ngộ quan phúc quý nhân gặp hung sát tinh : có gặp tai nạn cũng dễ qua khỏi.

Mệnh có khôi việt tọa thủ chiếu là quý cách, hợp tuổi mao mạng thủy hay hỏa là người đa năng đa tài, ra ngoài được nhiều người quý chuộng kính nể.

Khôi việt ngộ đào hoa khôn ngoan ăn nói khéo léo lại có duyên.

Khôi việt ngộ đà la hóa kỵ : nói ngọng hoặc là một ẩn sĩ dật sĩ, thích sống ẩn dật xa lánh mọi người.

Thiên việt ngộ thiên cơ : sợ sấm sét điện.

Khôi việt hình sát có bệnh hay có tật khó chữa.

Khôi việt mã : công danh lừng lẫy.

Khôi việt tướng phá văn khúc : đa mưu túc trí nhưng độc tài, duy uy quyền để ép buộc người khác phải nghe theo, có linh tính hiểu biết bén nhạy.

Khôi việt ngộ tuần triệt : giỏi nhưng không có chỗ để thi thố tài năng, gặp nhiều cản trở.

HẠN :

Khôi việt tại mệnh hạn đến cung mệnh hoạnh phát danh tài, được lui tới người quyền quý.

Hạn khôi việt tử phủ vũ tướng khoa quyền lộc xương khúc hạn đến có thể làm rất lớn nhưng với điều kiện mệnh cục phải tương sinh, cung an mệnh phải sinh mệnh và đại tiểu hạn đều tốt.

Hạn khôi việt xương khúc : thi đỗ cao.

Khôi việt tuần triệt : hạn đến bị giáng chức, tai nạn, buôn bán thua lỗ.

Khôi việt khốc hư tý ngộ : hoạnh phát.

Khôi việt ngộ tuế lãnh tụ làm ngành ngoại giao có lợi.

Cung mệnh thân có khôi việt tất làm con trưởng hoặc phải cáng đáng việc gia đình như con trưởng. Ở trong nhà là người tài giỏi ra ngoài là bậc đàn anh.

Cung bào có khôi việt anh em làm nên danh giá.

Cung quan lộc có khôi việt là người có đường công danh thành đạt lâu bền.

Cung giải ách có khôi việt đốt nát. Khôi ngộ hóa kỵ thì có tật ở đầu hay mặt, gặp để vượng thì trong mình có nhiều nốt ruồi.

Cung tử tức có khôi việt thì sinh con quý tử, thông minh và hợp thành công lớn lao. Đóng ở mao có tử vì gặp khôi việt hội hợp thì có con cầu tự.

Cung mệnh giáp khôi việt giáp lộc thì giàu có vinh hiển hơn người.

VĂN XƯƠNG – VĂN KHÚC

Văn xương : nam bắc đầu tinh – dương kim đối âm thủy : chủ về văn chương mỹ thuật thi cử.

Miếu ty : dậu sửu. Vượng thân tý thìn. Đắc dần mao mùi hợi. Hãm ngọ tuất.

Văn khúc : bắc đầu tinh – thủy

Miếu : ty dậu sửu. Vượng : hợi mao mùi. Đắc : tý dần thìn thân. Hãm : ngọ tuất.

Trong các bộ trung tinh của tử vi đầu số chỉ có 3 bộ sao có tính cách riêng biệt là xương khúc tả hữu và long phượng được coi như chủ về văn học sáng giá nhưng chỉ có xương khúc mới rõ ràng là văn chương mỹ thuật, khác với khôi việt là khoa bảng và uy quyền.

Xương khúc đứng cặp với thái dương thái âm đầu bị lạc hãm cũng được cải tạo thành quang minh chính đại lại thành những bậc học giả uyên bác.

Xương khúc tả hữu long phượng là bộ 3 trung tinh quý cách, tăng giá trị tư cách cá nhân như khoa quyền lộc và những tấm huy chương phản ánh về quyền và lộc.

Bộ xương chủ về tinh thần học hỏi học vấn và thể hiện các sự học ấy là quang quý (tức là bài vở) nên xương khúc mà thiếu quang quý là học nhiều mà đỗ đạt ít, kém thực dụng.

Xương khúc chủ về văn chương mỹ thuật là bộ văn tinh cốt cách thư sinh hiếu học nên đứng với bộ sát phá tham là tối kỵ vì nếu gặp thì không bị chứng nọ cũng hóa tật kia. Nếu bồi thêm sát tinh thì tuổi thọ bị chiết giảm ngay cả khi được đắc ý hãnh diện với đời.

Nhưng xương khúc được rạng danh văn võ toàn tài khi phối hợp với tử phủ vũ tướng hoặc cơ nguyệt đồng lương hay cự nhật là những minh chủ tương đắc đồng tâm nhất trí.

Xương khúc là bộ sao văn học, người nào mệnh thân có một sao đó đều dự phần hãnh diện dòng dõi tri thức nhưng giữa hai chữ văn có cách biệt cần phải phân tích để biết rõ giá trị thực tế.

+ Văn xương là một vị học giả được đề cao là để quân về văn học nghĩa là đầy đủ mọi vẻ thông thái như ý nghĩa của chữ xương trong hán tự.

+ Còn khúc là một đoạn văn hay, một bản đàn, một bài thơ, một vở kịch chứa đựng nhiều tình tiết nghệ thuật.

Trong một lá số nếu là giờ âm thì văn khúc đứng chung theo văn xương trong thế tam hợp thầy trò cùng biểu dương diễn xuất nghệ thuật. Trái lại nếu là giờ dương thì văn khúc đứng ở nghịch địa nên không bao giờ quên để 2 sao phụ thuộc là phụ cáo thay mặt để đề cao văn xương lỗi lạc. Thai phụ và phong cáo xuất phát từ văn khúc lại đến nhập vào tam hợp của văn xương. Đến 2 sao khác cũng tùy thuộc vào quỹ đạo của xương khúc là ân quang và thiên quý cũng có sự khác biệt tính cách. Ân quang là một phần thưởng còn thiên quý là một bảo vật.

Tóm lại văn xương là bao gồm cả một nền văn học còn văn khúc thì gọn hơn chỉ là một ngành khoa học mỹ thuật.

Văn xương văn khúc là 2 sao văn học, thủ mệnh thường ăn nói lưu loát, ưa nghị luận. Xương khúc đi đôi với nhau phối chiếu vào mệnh thì sắc diện đẹp đẽ hơn là xương khúc thủ mệnh. Xương khúc giáp lộc tồn và vũ khúc thì giàu có lớn và danh tiếng lừng lẫy.

Xương khúc giáp mệnh cũng tốt nhưng đặc thời nhờ ngoại cảnh hơn là do tài năng của mình. Gặp xương khúc hãm địa thì có tật bệnh thương tích hay yếu vong.

Xương khúc phụ tá cho nhật nguyệt là đặc cách nhất dù nhật nguyệt hãm địa gặp xương khúc cũng sáng ra và như vậy cũng được phong lưu phú quý. Nếu lại hợp cùng long phượng thì sự tốt càng gia tăng thêm. Nếu không gặp hoá khoa khôi việt mà văn khúc lại cư mệnh với vũ khúc tấu thư long phượng quan phúc thì thường là bác sĩ, kỹ sư, kiến trúc sư, nhạc sĩ hoặc danh ca thượng thặng.

Nếu xương khúc hãm ngũ kinh đà tấu thư vũ khúc cũng là những người làm ngành tiểu công nghệ khéo léo thợ vàng thợ mộc danh tiếng.

Xương khúc rất hợp với người mạng kim, mạng thủy. Đàn bà có xương khúc thủ mệnh là người đàn bà đẹp và đa tình, nếu gặp nhiều sao tốt thì cuộc đời hạnh phúc và phú quý. Nếu hãm địa thì dâm đảng và thường hay đau khổ vì tình duyên. Nếu gặp thêm hung sát tinh chiếu là người khắc chồng, hại con thường là gái giang hồ.

Xương khúc mà giáp mệnh thì không phú cũng quý.

Xương khúc thủ mệnh ở 2 cung Sửu Mùi là hãm địa. Hạn đến năm mao dậu thì được hoạnh phát công danh. Ở 2 cung Tỵ Hợi thì được giàu sang. Xương khúc đặc địa gặp cát tinh ở cung phúc đức thì họ hàng được hưởng phúc.

Xương khúc mà ở cung an thân mà gặp thiên thương thì yếu tử như Nhan Hồi (nhưng trường hợp này hình như không có ai, thân cư nô bộc hay giải ách ngoại trừ cách an thân theo tử vi Đài Loan của Hoàng Tiểu Nga).

Xương khúc miếu vượng giáp lộc tồn là người tài giỏi. Ở dần mao gặp phá quân kinh dương kiếp sát thì phá sản.

Xương khúc ở Sửu Mùi hội tham lang hồng loan lộc tồn tuổi dương nữ thì vượng phu ích tử. Cung mệnh có thái dương xương khúc thì đẹp như tranh. Nếu có cả khôi việt thì là nhà khoa bảng lừng danh, nếu có thêm cả tả hữu thì tài kiêm văn võ.

Xương khúc thủ mệnh là những tâm hồn đa sầu đa cảm đa tình lãng mạn, ham thích yêu đương thiên về những sự nhạy cảm âu sầu, bị ảnh hưởng nhiều vì ngoại cảnh, có đời sống nội tâm mơ mộng dễ xúc động. Ở người đàn bà xương khúc thủ mệnh thì đa tình lãng mạn; nếu đi với các sao dâm như thiên riêu mộc dục thai nhưng nếu có thêm thiên phủ hóa quyền thì là người nghiêm trang đứng đắn.

Xương khúc đi với thiên lương là người có danh vọng lớn và sự nghiệp hiển hách, nếu gặp thiên cơ thì rất khéo về tiểu công nghệ và biết nhiều ngoại văn ngoại ngữ.

Xương khúc ngũ hoá kỵ hay tuần triệt thì công danh chật vật vất vả, tha phương cầu thực hay bị tù ngục hoặc chết non, gặp phá quân đồng cung cũng vậy.

VĂN XƯƠNG: mệnh có văn xương tọa thủ là người có cặp mắt thanh tú vẻ mặt khôi ngô. Đặc địa thì mắt sáng tai thính thông minh thường có nốt ruồi ẩn với quý tướng, hành động hào hoa phong nhã lại thêm có khiếu về âm nhạc. Hội với các sao thái dương thiên lương và lộc tồn ở 2 cung quan lộc và tài bạch hợp chiếu là người khéo léo chân tay, sửa chữa máy móc rất tài tình, làm ngành tiểu thủ công nghệ rất thích hợp và dễ thành công.

Gặp kinh dương hay đà la là người mặt rỗ hay có tật ngưng cũng sống lâu. Ở miếu địa thì có nốt ruồi kín. Ngọ tuần triệt hay ác sát tinh hội chiếu hay xung chiếu thì mất nhiều ảnh hưởng tốt đẹp và còn phải hứng chịu nhiều tai họa nữa, tính tình trở nên nông nổi không suy xét kỹ càng, công danh trắc trở, tai ương liên tiếp. Nếu thêm hoa cái hãm địa thì trong mình có vết sẹo hay rỗ nếu không bị tàn tật thì tuổi thọ cũng giảm. Nếu thân mệnh đồng cung thì cuộc đời ví như hoa trước gió phũ phàng.

Ở nữ mệnh văn xương nhập miếu thì phú quý. Ở hãm địa ngộ hình hỏa cự cơ sát kỵ là người đàn bà dâm đang hạ tiện. Ở 3 cung dần ngộ tuất là hãm địa. Những người sinh năm giáp canh quý thì cũng được hưởng tài quan cách, ở thân tí thìn cũng vậy. Ở 3 cung tỵ dậu Sửu là miếu địa, hợp cho những người sinh năm ất mậu tân. Còn ở 3 cung Hợi Mão Mùi là vượng địa thì hợp cho những người sinh năm ất mậu.

Đàn ông có văn xương thủ mệnh là người có tài cao chí lớn được cách binh bộ đẳng văn (đi bộ lên mây xanh) phát công danh phú quý dễ dàng. Văn xương đắc địa thủ mệnh thì thật là phi thường, hạn đến không sợ tai ách yếu vong mà được phúc thọ lâu bền, chỉ sợ hạn phùng hoá kỵ, thì nếu không bị bệnh tật tai nạn cũng bị thương tật, hạn nặng mà không gặp sao giải thì có thể bị chết. Văn xương thủ mệnh tối kỵ gặp hoá kỵ, gặp là chết non.

Đàn bà có văn xương thì đẹp dễ phúc hậu, tam hợp có tử phủ chiếu thì được phú quý. Văn xương cư mệnh ngộ kinh dương thiên hình hoá kỵ thì không goá chồng sớm cũng bị yếu vong. Gặp tả hữu thì rất tốt phù trì cho người mạng thổ mạng hỏa rất đắc lực.

Văn xương gặp thái tuế trong đại tiểu hạn thì thi đậu cao. Nếu hạn gặp văn xương hãm lại có kinh đà hỏa linh kỵ thì bị quan tụng và phá sản, có thể bị tai ách hình thương.

Mệnh có văn xương bất luận miếu hay hãm gặp long phượng tấu thư thái tuế hợp chiếu là người ăn nói vui vẻ hoạt bát khéo léo hát hay và có khiếu về thi ca nhạc.

Văn xương và các sao khác : văn xương thủ mệnh có thái dương thiên lương hội hợp phú quý song toàn.

Văn xương thủ mệnh ngộ lộc tồn thái dương và thiên tướng đồ cao và giàu có lớn.

Văn xương phượng các vẻ đẹp quý phái.

Văn xương quang quý vẻ đẹp hiền hậu quý phái mọi người phải kính nể.

Văn xương đào hồng đẹp sắc xảo lộng lẫy nhưng đời vất vả.

Văn xương riêu mọc cái tham : đa tình dâm dật ưa thú trăng hoa, gái giang hồ.

Văn xương hãm địa ở ngộ (hỏa : ly cung thuộc dương) vì bị khắc chế nên rất xấu. Nếu có sao thủy tọa thủ đồng cung thì được tốt trở lại (phú : văn xương ngộ cung tất khốn, đắc thủy diệu chung thành đại khí).

Mệnh an tại tỵ hội có xương khúc tọa thủ gặp nhiều cát tinh đắc địa thì công danh quý hiển, nếu không cũng giàu có lớn.

Văn xương thái dương hóa lộc là cách phú quý song toàn cũng như văn khúc hội phá quân ở ngộ hợp cách hơn là ở tỵ thuộc thủy vì ở tỵ thì nhiều thủy quá không như ở ngộ là thiên thượng hỏa có sự xung khắc chế hóa làm cho đẹp hơn.

Văn xương có tính cách hào hoa phong nhã như kim chi cành quế, tuy có tính cách quý phái nhưng yếu ớt vì nếu gặp hung sát tinh hãm địa thì gặp nguy hiểm, gặp cát tinh như hồng đào quang quý tọa thủ thì rất tốt. Vì văn xương là một sao yếu mềm nên không hóa giải được sự hung hại của bất cứ một ác sát hoặc bại tinh nào cả.

Văn xương đóng ở hai cung thiên thương (nô bộc), thiên sứ (giải ách) là hãm số bị chết non.

Cung mệnh có văn xương quả tú đồng cung là người thích cô đơn, lánh việc trần tục kiếm chỗ an tịnh để tu hành hoặc sống ở đó.

Cung mệnh ở ngọ có thái dương và văn xương là người lịch thiệp ít người sánh kịp.

VĂN KHÚC : văn khúc chủ về văn chương nghệ thuật thi cử. Mệnh có văn khúc tọa thủ là người thông minh khôi ngô đẹp đẽ da trắng ưa tìm tòi học hỏi sự hiểu biết rất sâu rộng. Có văn khúc thủ mệnh thì thường thường có nốt ruồi kín. Đa số các người viết văn đều có văn khúc ở mệnh hay thân. Phần lớn các người có chức tước khoa bảng đều có xương khúc nên người ta gán cho sao này những đặc tính như nghiên cứu suy xét tăng thêm sự thông minh.

Văn khúc độc thủ ở thân mệnh nếu có hung sát tinh hội hợp là người vô danh không tên tuổi, chỉ là người đi làm công. Khúc ở hãm địa thủ mệnh thì hay bị chết non. Gặp thiên đồng thiên lương vũ khúc hội ở các cung miếu vượng là người thông minh quả quyết. Gặp kinh đà linh hỏa xung phá thì nên đi tu để tránh những tai ương khủng khiếp.

Văn khúc đồng cung với vũ khúc là cách lưỡng khúc trùng trùng, thường có khiếu về ngành võ, hợp với binh hình tướng ấn và thai phụ phong cáo là cách võ quan lừng danh.

Về nữ giới có văn khúc thủ mệnh thì xinh đẹp lộng lẫy. Ở hãm địa có cự cơ địa hóa kỵ, chiếu hội lại có thêm phá đồng cung hay xung là người cô quả bần tiện và dâm dục.

Đàn ông có văn khúc thủ mệnh là người tính nết hiền ngang nhưng bản chất hiền lành tương mạo rất oai hùng. Nếu gặp tử vi hóa kỵ là người hay nói chuyện tầm phào có khi mang họa vào thân.

Văn khúc tăng thêm sự thông minh học hỏi suy xét nhưng cũng cần quan sát những bộ sao đi kèm. Nếu có đủ ác sát đắc địa nghĩa là có số làm to nhưng không có xương khúc chỉ là số vũ phu hữu dũng vô mưu như Lã Bố sức học nông cạn không biết so sánh phải trái mà chỉ biết có hơn thua.

Riêng về nữ mạng bây giờ có văn xương văn khúc cũng như nam mạng cần phải có quý tinh hay phúc tinh trấn át bớt sự dâm dăng. Nhiều phụ nữ đỗ cao nhà giàu chồng con có địa vị mà vẫn ngoại tình vì cung phúc đức mệnh thân và đi đi với dâm tinh mà không có sao giải như hóa quyền thiên quan thiên phúc ...

Văn khúc nếu đóng một mình lại có sao xấu và hãm thì có học có tài mà không làm lớn được (kình đà không kiếp tuần triệt hỏa linh). Trong trường hợp chỉ có văn khúc văn xương nghĩa là không có tam hợp chiếu hay xung chiếu thì chỉ nên xem cá tính riêng biệt của một trong hai sao này mà thôi.

Văn khúc và các sao khác : văn khúc vũ khúc anh hùng tính trầm lặng mưu cơ có tiếng tăm giàu có. Nếu có tả hữu và người tuổi giáp thì tốt nhất (cách tướng tướng chi tài).

Văn khúc hãm địa bất đắc chí suốt đời không làm nên phải đi theo người khác.

Văn khúc kỵ đà hình sát : thông minh nhưng gian xảo, nhiều mưu mẹo để hại người.

Văn khúc ngọ tham lang ở ngọ, đề phòng tai nạn sông nước.

Văn khúc ngọ liêm trinh kình đà địa kiếp hay kiếp sát gặp tai nạn.

Cung mệnh có khúc hoặc xương tọa thủ là người thanh nhã.

Cung phối ở tỵ hợi có thái âm tọa thủ văn khúc đồng cung là số lấy quận công hay công chúa, người thường thì lấy con nhà trâm anh thế phiệt, đàn bà thì một bước lên quan.

Cung mệnh cung tậ ách cung phúc đức tối kỵ văn khúc và hóa kỵ đồng cung thì sẽ chết non ở các cung khác gặp hạn này sẽ nguy hiểm đến tính mạng.

Văn xương – văn khúc và các sao :

Xương khúc lương chiếu rất quý hiển uy danh lừng lẫy.

Xương khúc cơ lộc nữ thì xinh đẹp khéo léo, nam là kỹ sư cơ khí cử nhân hay làm việc về cơ khí.

Văn xương bất luận hãm hay miếu nếu gặp long phượng thì ăn nói khéo léo bất thiệp hát hay có tâm hồn nghệ sĩ.

Xương khúc hãm địa ngộ lộc tồn kinh kỵ là người làm nghề thầy cúng châu văn hay nhạc sĩ lang thang.

Mệnh an tại ty hợi có xương khúc tọa thủ nếu không gặp sao xấu cản trở thì rất quý hiển giàu sang gọi là cách quế hoa ty hợi phi vinh tắc phú.

Liên tham ty hợi hãm gặp xương khúc vẫn giàu có nhưng luôn luôn gặp các sự rắc rối, thông minh nhưng xảo quyệt và hay khoe khoang thường bị tù tội và yếu tử. Nếu phúc đức tốt thì cũng bất đắc chí.

Cung mệnh có thái dương từ dần đến ngọ lại gặp xương khúc thì không những là người đẹp đẽ mà lại được quý hiển cả đời.

Gặp xương khúc ở cung thiên di thì ra ngoài được nhiều người kính nể hay gặp được nhiều người giúp đỡ.

Giáp tá hữu cũng tốt nhưng không tốt bằng giáp xương khúc vì giáp tá hữu thì được nhiều người giúp đỡ trái lại gặp xương khúc thì giao du với người làm lớn thì tất nhiên mình đã khá rồi.

Xương khúc hội phá quân ở mệnh (hãm hay đắc địa) thì hay bị bắt bớ lúc nào cũng lao tâm khổ trí. Đại tiểu hạn gặp xương khúc khoa hay khôi việt thì đi thi đỗ cao, gặp hóa kỵ lại thì rất.

Hạn gặp xương khúc thì phát phúc, nếu lại có cả thiên đồng và tả hữu hội hợp chiếu thì là thượng cách. Hạn có văn khúc lại có cả liên trinh kinh đà lạc hãm thì hay bị tai nạn. Nếu mệnh ở nhược cung mà không có sao giải thì năm đó là hạn chết.

Xương khúc gặp hỷ thần tính nét vui vẻ.

Xương khúc ngộ song hỷ người vui vẻ tính nét lãng mạn hay chơi bởi du hí.

Xương khúc đủ bộ ở 2 cung phúc đức và mệnh nhô nhả thanh nhàn học rộng biết nhiều suy xét chín chắn.

Xương khúc tham lang nhiều tham vọng ưa làm chính trị ngoại giao nhưng tính nét xảo quyệt không thức thời.

Cung mệnh có xương khúc hợp chiếu là người có sắc đẹp lộng lẫy nhiều người say mê tuy thông minh lanh lợi nhưng đa dâm.

Cung mệnh có xương khúc gặp thái tuế kinh dương hội chiếu thì có tài lý luận nguy biện thường là quan tòa luật sư hay nhân viên ngoại giao.

Cung an thân có xương khúc gặp thiên cơ là người có máu dâm dục cao độ tới già vẫn mơ tưởng chuyện dâm loạn.

Cung mệnh có xương khúc hãm địa nữ mệnh thì tuy được nhiều người ve vãn nhưng cũng bị mang tiếng là gái hư.

Cung phúc đức có xương khúc ngộ thiên lương không kiếp quá quân kinh đà hội chiếu thì suốt đời bất đắc chí bạc phước phải lên xe mới đủ ăn.

Cung mệnh có xương khúc ngộ lộc tồn là người đa tài hiển đạt hơn người.

Cung mệnh có xương khúc gặp nhật nguyệt thanh long long đức là người đàn bà có sắc đẹp khuynh thành nhiều người mê mết.

Cung phúc đức tại ngộ có tử vi tọa thủ, xương khúc ngoại chiếu ví như cây cột chống trời cứu giải được nhiều tai ương và được hưởng phúc lâu dài.

TẢ PHÙ – HỮU BẬT

Tả phù là nam đầu tinh dương thổ chỉ sự giúp đỡ phò trợ, là hiền thần trợ tá trung than2h.

Hữu bật là nam đầu tinh dương thủy chỉ sự giúp đỡ phù trợ nhưng còn có tính cách xảo quyệt và tính toán hơn là tả phù.

Vị trí tả hữu là hai sao mà các cụ gọi là lệnh tinh. Nếu đi với sao tốt thì giúp đỡ cho sao đó làm việc đắc lực hơn. Nếu đi với sát tinh hãm địa hợp chiếu tất nhiên là vào hùa theo lệnh các sát tinh đó mà làm điều tai hại như cô đơn cùng khổ gian trá hiểm độc lừa đảo phản trắc và nhiều mưu kế.

Hai sao tả hữu phải đi đủ bộ mới thật tốt, nếu đứng một mình thì kém đi nhiều lắm. Tả hữu ở cung tử tức nếu gặp sao xấu cũng không hại nhiều.

Hai sao tả hữu đứng ở tứ mộ thìn tuất Sửu Mùi là đắc địa, ở đó tả hữu tốt hơn ở các cung khác.

Sao hữu bật là võ mạnh hơn sao tả phù.

Tả hữu đồng cung hay giáp hoặc hợp chiếu mạnh hơn là tả hữu độc thủ. Hữu bật hội thiên lương là cách lương tướng. Nếu đóng ở cung quan tượng trưng cho sự giúp đỡ của người đời. An quang thiên quý tượng trưng cho sự giúp đỡ của thần linh.

Vì là hai sao chuyên đi theo để phò tá cho tất cả các cách nhất là đối với bộ tử phủ vũ tướng hội thêm cát tinh thì càng tốt lành. Gặp hung tinh thì tả hữu kết bè kết đảng thành hung dữ theo.

Ở thìn tuất tả phù nên đồng cung với tử vi hoặc thiên phủ còn hữu bật nên ở đối cung. Giáp biên phải đúng phương vị không nên hữu sang tả tả sang hữu. Đồng cung thì nên ở cùng cát tinh.

Hữu bật hội với thiên tượng thành cách lương tướng là hợp cách.

Nếu bộ tả hữu ở miếu địa thì sự phò tá mạnh mẽ gần như chính tinh. Lâm mệnh thân là triệu chứng đấu tranh gần như suốt đời phú quý phúc hậu. Hội cùng đào hồng khôi việt thì vinh thân phì gia, sung sướng một đời. Giáp biên hay cư quan lộc cũng hợp cách là sống trong an nhàn thanh thoi.

Những người làm nghề thầy thuốc như bác sĩ dược sĩ đông y sĩ đông dược sĩ, xem bói xem tướng dạy học, nữ hộ sinh nếu thiếu tả hữu thì vô danh không ai biết tên tuổi.

Mệnh có tả hữu là người nhân hậu thích giúp đỡ người cùng khổn và có nhiều mưu trí.

Tả hữu mà gặp tử phủ vũ tướng các trung cát tinh là người có quý tướng và được hưởng đầy đủ phúc lộc thọ.

Tả hữu mà gặp cơ nguyệt đồng lương là số của người làm nghề thầy thuốc.

Mệnh có tả hữu dù gặp cát tinh hung tinh cũng là người sống xa quê hương và tự lập nghiệp nơi tha phương.

Tả hữu gặp khôi việt chủ sự sống lâu. Tả hữu đồng cung tại Sửu Mùi gặp khoa quyền lộc hợp chiếu, biểu hiện cho sự thành công về mọi mặt công danh tiền bạc và hạnh phúc.

Hữu bát mà gặp thiên tướng thì được hưởng phúc nhưng nếu ở cung Mão lại thành bất đắc chí. Tả hữu giáp mệnh thân được nhiều người quý phục và có tiếng tăm. Nếu lại có tử vi là người có uy quyền lớn.

Tả hữu gặp liên trinh kinh dương hãm hay có sát tinh thì có tật hoặc bệnh kinh niên hạn gặp thì chia ly xa cách.

Nữ mệnh có chính tinh đắc địa gặp tả hữu hoặc cát tinh là người hiền hậu vượng phúc ích tử.

Tả hữu gặp chính tinh hãm địa hay gặp các hung tinh là người bất chính khắc chồng hại con dù được hưởng giàu sang phú quý nhưng không bền.

Tính tình : có tả phụ thủ mệnh là người phương phi đôn hậu, tính tình khảng khái ít chịu vào luồn ra cúi. Có hữu bát thủ mệnh cũng là người phương phi, giao thiệp thẳng thắn thông minh và có nhiều mưu kế.

Tả hữu và các sao khác : tả hữu gặp tử tướng khôi việt xương khúc cùng khoa quyền lộc hội chiếu thì được hưởng phú quý trọn đời, tuổi thọ gia tăng và trong mình có nhiều nốt ruồi lạ hợp với quý tướng.

Tả hữu gặp kinh đà linh hỏa thì chỉ bình thường, nếu có giàu sang thì mang tật.

Tả hữu đồng cung ở mệnh cả đời phúc thọ.

Tả hoặc hữu ở mệnh thì hay phải ly hương.

Tả hữu và cát tinh che chở cho khỏi bị chết non (trường hợp đó có nhiều sao chỉ về chết non yếu bản).

Nữ mệnh có tả hay hữu thì lấy chồng sớm, nếu lại có thái âm hoặc khoa thì làm cô đơn (mụ) phát tài.

Tả hữu ngộ thiên quan thiên phúc làm nghề thầy thuốc thì khá.

Tả hữu ngộ tử vi hoạn tài.

Tả hữu ngộ cơ nguyệt đồng lương (sáng sửa tốt đẹp) hoạn phát danh tài.

Tả hữu ngộ liên tham sáng sửa cũng hoạn phát danh tài.

Tả hữu ngộ tử vi tham lang đồng cung thì dâm dục xảo trá.

Tả hữu ngộ kiếp bị lừa.

Tả hữu ở mệnh có liên trinh thái dương hội hợp dễ bị tù tội và hay lo nghĩ âu sầu, suốt đời bất mãn.

Nếu mệnh có tả hữu ở hai cung tỵ Hợi thì tuy có hưởng phú quý nhưng không bền.

Mệnh ở hai cung Mão Dậu là người bất đắc chí, suốt đời bất mãn.

Tả hữu giáp biên : khi tả hữu giáp biên ở hai cung Sửu Mùi mà trong cung có không kiếp thì tả hữu sẽ nhập bọn cùng không kiếp để tác hại và làm tăng sự hung sát. Trái lại tả hữu giáp biên mà trong cung có quyền lộc thì tả hữu sẽ nhập bọn với quyền lộc để tăng thêm sự tốt đẹp cho quyền lộc.

Mệnh thân có tả hữu ngộ văn xương là người có bằng cấp cao chức vụ lớn được quý hiển.

Thân mệnh vô chính diệu có tả hữu là người phải rời bỏ quê hương làm ăn ở phương xa. Thân mệnh có liêm trinh giáp tả hữu kinh dương là người hay bị hình phạt hoặc bị hành hung đến mang bệnh.

Cung quan lộc tài bạch có tả hữu tọa thủ giáp hay chiếu là số được phong lưu sung túc.

Luận về tả hữu : hai sao tả hữu không đáng ham ngoại trừ một vài trường hợp đặc biệt nếu đứng về phương diện chủ quan mà bàn về công danh. Tả hữu chỉ ngon lành khi đồng cung với tử vi hoặc thiên phủ là hai chính tinh có đầy đủ tư cách và uy lực để sử dụng đúng mức và tối đa hai sao đó cho nên mới có câu nhất hô bách nạp (gọi một tiếng cả trăm người theo là vì vậy). Nhưng phải có điều kiện không bị hình kỵ không kiếp hỏa linh xâm nhập mới đúng cách.

Còn các chính tinh khác đồng cung với tả hữu tuy trở thành cách phụ giúp cho người dù có hội thêm nhiều cách tốt khác. Thí dụ như có khoa quyền lộc tuy hay thật nhưng có khi vì thế thêm bất mãn vất vả là bởi vì khi người ta càng giỏi thì ai được ta giúp đỡ cũng được ghé phần hưởng thụ do tài năng kết quả của ta, như thế làm cho ta bất mãn. Nếu chẳng may gặp không kiếp hình kỵ thì sự bất mãn ê chề hơn vì lúc đó chỉ có làm cỗ sẵn cho thiên hạ xơi chứ mình không được hưởng thụ gì hết và nhiều khi còn bị vất chanh bỏ vỏ nữa. Đến như Khổng Minh ngày xưa có tả hữu đồng cung tại mùi và lại có cả bộ nhật nguyệt tinh minh nữa mà cũng chỉ đóng được vai trò làm quân sư quạt mo và bôn ba lận đận bao lần.

Nếu có tả hữu ở mệnh hoặc ở tài quan di chiếu về mệnh thì luôn luôn ở thế kẹt là nếu có nhiều cách tốt thì sự bất mãn càng mạnh và tự ái của con người tài ba nên phải khẹp mình dưới quyền kẻ kém mình, tuy khách bằng quang trông vào tướng mình thỏa mãn về công danh. Còn trường hợp không có cách gì tốt mà còn bị thêm hung tinh sát tinh xung phá thì tuy tránh được bất mãn (nghĩa là mình không có tài cán gì) nhưng lúc nào cũng phải phục vụ đến mức tối đa để phục vụ cho người mà phần hưởng thụ bù lại không tương xứng chút nào.

Nói tóm lại có tả hữu ở trường hợp nào cũng chỉ làm tôi mọi cho kẻ khác chứ đừng mong ngồi mát ăn bát vàng và có thể người có tả hữu luôn luôn giúp đỡ người khác nên được tiếng là phúc hậu nghĩa là tốt bụng đối với người khác chứ khó lòng có nghĩa là thanh nhàn hưởng thụ. Nếu có cách không kiếp phá cách thì lại càng bất mãn dù có đủ bộ khoa quyền lộc.

Cung mệnh thân có tả hữu tọa thủ là người sung sướng ít lo lắng, gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp thì suốt đời gặp may mắn, hưởng phúc và sống lâu. Nếu hội thêm khoa quyền lộc thì ví như người mặc áo gấm tía, rất quý, hưởng đầy đủ phúc lộc thọ.

Cung mệnh thân có tả hữu gặp sát tinh thì không phải là người chết non. Có hữu bật đơn thủ ngộ quả tú thì rất thọ.

Cung mệnh có tả hữu ngộ thiên tướng là thầy thuốc giỏi.

Cung mệnh thân có tả hữu tọa thủ gặp thiên phúc đồng cung thì chức lớn và có danh tiếng.

Cung mệnh có đào hoa gặp tả hữu thì trước xấu sau tốt.

Cung mệnh có tả hữu xương khúc và kinh đà xâm phạm thì là người loạn trí ngổ ngẩn.

Cung mệnh có thiên tướng hữu bật đồng cung tại tỵ hội thì giàu sang nhưng không bền. An tại mao dậu thì gặp nhiều thăng trầm và bất đắc chí, ở các cung khác thì sống lâu.

Cung mệnh an tại thìn tuất có tả phụ và thiên phủ đồng cung thì giàu có bạc tỷ có tiền chôn bạc cất.

Cung mệnh có tử vi gặp tả hữu thì giàu sang sống lâu và làm nên.

Cung tài bạch có tả hữu tọa thủ hoặc giáp thì suốt đời phong lưu, kiếm tiền dễ dàng.

Cung thê có tử hữu gặp xương khúc thì là người có vợ đẹp hiền lành có học thức. Đàn bà có cách này thì lấy được chồng phong lưu danh giá. Lấy vợ lấy chồng khỏi cần mai mối.

Cung tử tức có nhật nguyệt tử hữu hội hợp thì có nhiều sự vui mừng về con cái nhưng trong lòng vẫn phải lo nghĩ.

Cung mệnh an tại tứ mộ thìn tuất sử mùi hay cung quan lộc có tử hữu củng chiếu hoặc tọa thủ là người có quyền cao chức trọng lại hay được thăng tiến về quan chức.

Cung mệnh sáng sửa tốt đẹp giáp tử hữu thì lấy vợ sớm được quý hiển có danh tiếng và giàu sang phú quý.

*****HẾT TẬP IV*****

TỬ VI NHẬP MÔN TOÀN KHOA

TẬP 5

ĐÀO HOA (mộc) – HỒNG LOAN (thủy)

Hai sao đào hoa và hồng loan chủ mọi sự thuộc về đàn bà con gái. Có đặc tính vui vẻ may mắn thì đa tình lãng lờ dâm dăng. Có ảnh hưởng đến vợ hay chồng, có liên quan đến việc cưới hỏi, có lợi ích cho việc mưu cầu công danh thì cứ đem đến hỷ sự vui mừng (cưới xin, sinh con ...).

Đào hồng có đặc tính làm cho bộ nhật nguyệt bộ tử phủ thêm sáng sủa tốt đẹp.

Đào hồng hỷ kết hợp thành bộ tam minh đem sự sáng cho nhật nguyệt.

Cung mệnh có đào hồng tọa thủ gặp nhiều sát tinh thì không thể sống lâu được.

Cung mệnh thân có đào hay hồng tọa thủ thì đàn ông phải có hai đời vợ hay có vợ lẽ, đàn bà thì có hai đời chồng.

Đàn bà cung mệnh thân có đào hoa hay hồng loan gặp riêu đà kỵ hội hợp là người bất chính không giữ được danh tiết. Nếu đào hay hồng gặp binh tướng thai hội hợp tất bị hãm hiếp hay chữa hoang.

Đào hoa có ý nghĩa mạnh hơn hồng loan.

Đào hoa nói đến sự thu hút của nhan sắc bề ngoài. Hồng loan thì hấp dẫn nhờ đức tính bên trong tức là đáng điệu lời nói câu văn hay sự khéo léo về chân tay, nữ công gia chánh.

Trong tất cả các trường hợp hồng loan có ý nghĩa tương đối ít sa đoạ hơn đào hoa. Hai sao này chỉ có một phần nào ý nghĩa tương đồng mà thôi, còn lại tính chất rất đối chọi nhau.

Hồng loan hội với địa kiếp cô quả là cách chết oan nghiệt. Hồng loan địa kiếp cô quả ở cùng phúc đức thì phải 2, 3 lần lấy vợ lấy chồng mới yên.

Hồng loan gặp hóa lộc kinh hay đà là nhà buôn bán hàng vải nổi tiếng.

Hồng loan đóng ở cung phúc đức đem lại sự hưng vượng cho dòng họ.

Đến hạn hồng loan gặp tả hữu long phượng thiên riêu thì hoạn phát cả về công danh lẫn tài lộc.

Hồng loan gặp phải thanh long trái với tướng tượng của mọi người tưởng là đẹp để ai ngờ lại gặp tai nạn bất ngờ.

Hồng loan gặp nhiều sao hãm địa tối tăm ám mờ thì rất đáng ngại cho sức khỏe của mẹ của vợ hay của con gái.

Hồng đào vũ tấu hỷ ở mệnh là nữ ca sĩ vũ nữ nổi danh. Hồng đào tấu vũ là thợ may hay thợ thêu nổi tiếng.

Nữ mệnh mà cung mệnh có đào hay hồng cung phụ mẫu có tang môn thì khi hạn đến cung mệnh chắc bỏ chồng hoặc quá chồng. Đến hạn gặp đào hồng hỷ là mê trai.

Gặp đào thai tướng phục thì khó tránh sự mất trinh tiết vì nhẹ dạ chữa hoang hay bị hãm hiếp.

Hồng đào ngộ không kiếp yếu thọ. Nếu mệnh có tử phủ vũ tướng cũng bị giảm thọ.

Hồng đào xung hay hợp chiếu ở cung thiên di là cách vợ chồng gặp nhau ở nơi đất khách quê người.

Đào hồng chỉ sự vui vẻ đa tình lúc tuổi trẻ nhưng về già lại mang đến sự buồn thương.

Đào hồng cư quan lộc sớm đi làm.

Đào hồng đóng ở cung mệnh thì không đẹp mấy vì sự may mắn nào cũng chóng qua chỉ xung chiếu hay hợp chiếu vào mệnh thân thì mới tốt đẹp.

Đào hoa hồng loan ở nữ mệnh thì hồng nhan đa truân, nhiều người mê mệt nhưng ái tình lại hay dang dở. Nếu gặp riêu đà kỵ là người lăng loàn không giữ được trinh tiết. Gặp quang quý thì có thể chế ngự được phần nào. Nếu gặp tử phủ hoặc thiên hình thì là người đoan trang hiền thực.

Tử vi thiên phủ thái dương sáng có thể chế ngự mạnh mẽ đặc tính dâm dăng của đào hoa hồng loan.

Về phần các trung tinh thì thiên hình lộc tồn ân quang thiên quý tuần triệt cũng có tác dụng khắc chế khá mạnh. Còn bộ tứ đức phúc đức thiên đức nguyệt đức long đức thì sự khắc chế hơi yếu.

Đào hồng ngộ địa kiếp thì dễ đắm thuyền lật bè. Gặp xương khúc khô việt hóa khoa thì dễ đỗ đạt và có công danh. Gặp cự cơ tả hữu thì sức khỏe yếu kém tính mạng như ngọn đèn trước gió.

Đào hoa hay hồng loan ngộ không kiếp bệnh phù hay bệnh thì mắc phong tình.

Các cung đào hồng cư quan lộc là số giàu sang, hội với tử phủ khô việt thì tăng thêm sự rực rỡ.

Ở cung nô bộc đào hồng có ý nghĩa rất quan trọng là hay tán tỉnh lừa dối suông sã, trai gái mè nheo với kẻ ăn người làm, với bạn bè hay với người dưới quyền và có nhiều nhân tình vợ lẽ kép, bất chính với vợ hay chồng người ngoại tình (phá hoại gia cang người khác).

Ở cung thiên di thì rất nhiều đào nhiều kép, có số nhờ vả được nhân tình về cả ba khía cạnh sắc dục công danh tiền bạc.

Ở cung tài thì sẽ có người khác phái rủ buôn bán hùn hạp và giao du thân mật về công ăn việc làm hoặc ép phe mà ra.

Ở cung phối thì có nghi vấn vợ hay chồng ngoại tình nhưng còn tùy theo các sao chiếu hội, nếu có nhiều sao dâm dăng thì có thể thành sự thật, nếu có nhiều sao đứng đắn thì ý nghĩa lại khác.

Về già lưu hạn hồng hỷ ở tứ mộ là chủ về bệnh tật và có sự nguy hiểm đến tính mạng.

Các cách của đào hồng :

Đào hồng hình riêu : phụ nữ có lá số cung mạng và cung thân cư tài có đủ đào hồng hình riêu thêm xương khúc tả hữu thì có nhiều thầy chê là hư thân mất nết vì chạ câu phú :

“Đào riêu số gái ai hay

Chồng ra khỏi cửa dắt trai vào nhà”.

Trên thực tế khi đào hoa hồng loan cư tài bạch (thân cư tài bạch) ứng vào việc mưu sinh bằng ngành mỹ thuật như họa sĩ, giải phẫu thẩm mỹ hay sửa sắc đẹp vì xương khúc chứng tỏ có ăn học đàng hoàng về ngành chuyên môn chứ không phải quen tay. Tả hữu thì chủ sự giúp đỡ cho đời. Riêu y tượng trưng cho thuốc men dùng trong khi sửa sắc đẹp hoặc giải phẫu. Vậy lá số phụ nữ đó là người đàn bà đẹp mưu sinh bằng nghề sửa sắc đẹp cho đời chứ không có gì là bê bối cả.

Đào hồng riêu mộc cái : một hàng năm ngôi sao thuộc sự dâm dăng có hạng. Đàn bà con gái hội đủ năm sao này rất đáng chê cho dù có cả tử vi thiên phủ khôi việt quan phúc chiếu mệnh. Vì năm sao dâm có một năng lực rất mạnh về ái tình nhục dục cho nên các bộ sao đứng gần khó làm mất hiệu lực của chúng nhất là có hỏa linh không kiếp phục tả hữu thì là hạng gái điếm có tài có trí. Chỉ cần hai sao đào riêu cũng là hạng gái trác nết lãng loàn. Hơn nữa hai sao đào hoa hồng loan thủ mệnh cũng đã bất lợi cho người chồng vì hai sao này chủ về hai đời chồng hoặc ít khi sống gần chồng. Đó là chưa kể đến vấn đề yếu tướng khi có không kiếp hội về.

Bộ tam minh (đào hoa hồng loan thiên hỉ) bộ ba đào hồng hỷ được gọi là bộ tam minh có tình trạng hoán cải sự đen tối nhất là bộ âm dương đứng trong tình trạng lạc hãm. Lẽ tất nhiên bộ ba này phải có sự liên lạc để phối hợp hành động cho được dễ dàng. Vậy thiên hỉ đối diện với hỉ như là khác phe chống lại nhau thì phải có sự bí hiểm gì đó cần phải tìm hiểu nguyên nhân : trong 12 cung địa bàn tử vi có 4 tam hợp chia nhau chỗ đứng thì tam hợp kim (tỵ Dậu Sửu) dễ dàng lấn lướt tam hợp mộc (hợi Mão Mùi) và tam hợp thủy (thân Tý Thìn) thường trực làm khó dễ tam hợp hỏa (dần Ngọ Tuất). Sự thật vẫn có những then ngang làm hai bên lực lượng được thăng bằng. Trong tam hợp kim thường xuyên có phá toái làm rời rã khả năng để cho tam hợp mộc sánh đôi ngang ngửa mà tam hợp thủy đặt nằm ở khu vực thái âm phải kém uy danh sáng lạng của tam hợp hỏa thuộc thái dương. Hai chữ ngọ môn chiếm phần chính nghĩa để quyền hơn hẳn cung tí chỉ là bá quyền. Mỗi tuổi số cũng chia làm 4 thế đứng. Thái tuế là danh hiệu tuổi đứng trong tam hợp cung của mình như đầy đủ tư cách và trách nhiệm được bộ long phương tô điểm cho thêm phần oai nghiêm. Với tuổi dương chỉ nhận tuổi long cũng tự hào là đầy đủ ý nghĩa hào hiệp nhường cho đối phương một phương để đối phương có đủ tư cách tranh đấu với mình. Tuổi dương chỉ có một long trong tam hợp thái âm, còn tuổi âm thì đầy đủ cả long phương nên bản tính điềm đạm ít phô trương. Ba thế đứng còn lại dù có những khuyết điểm cần phải có những lá bài phụ để nhắc nhở. Đứng đầu là bộ tam hợp tuế phá tang môn điều khách đồng thế âm dương với thái tuế cũng có thể tự hào, không thể bó tay nhường bước nên được thiên mã bồi đắp nghị lực để đi tới mục đích. Đây là 2 thế tranh đấu (thái tuế – tuế phá) để vào chung kết. Thiên mã chỉ dành riêng cho thế đứng ở tam hợp này. Thiếu dương trong tam hợp (thiếu dương phúc đức tử phù) và thiếu âm trong tam hợp (thiếu âm long đức tử phù) và thiếu âm trong tam hợp (thiếu âm long đức trực phù) là 2 thế nghịch lý âm dương với tuổi. Nhưng trên bước đường đi thiếu dương thường được ưu đãi trong tình trạng được sinh nhập hay khắc xuất nên dễ khinh thường chủ quan mà thành lạm dụng, vì thế bị cả một bộ đào hoa thiên không kiếp sát đứng chắn, chỉ cho dương số làm việc cho hợp lẽ (tử đức : phúc đức thiên đức nguyệt đức long đức) nếu không kịp thức tỉnh từ bỏ thói tục tham sân si thì hối không kịp. Còn lại thiếu âm trong thế thiếu âm long đức trực phù thì bị thua thiệt mọi lẽ nên hồng loan và thiên hỉ chia nhau làm nhiệm vụ an

ủi cho đương số. Vị trí của hồng loan thiên hỉ thì cả hai sao này đều đứng ở thế nghịch lý âm dương với tuổi và hai sao này lại đối xung nhau nghĩa là có phần việc nghĩa vụ khác nhau trong hoàn cảnh phải gánh vác và tùy hoàn cảnh phải liên lạc chặt chẽ với đào hoa là chủ chốt, ở trường hợp nào cũng phải đóng ở 4 cung tứ chính tí ngọ mao dậu để chỉ huy.

Đối với những tuổi dương thì hồng loan không bao giờ liên lạc với đào hoa vì đã đứng vào vị trí thiếu âm để phù trợ nhóm tam hợp này.

Trái lại thiên hỉ đối xung với hồng loan thì sự phù trợ này cho tuổi âm ở vị trí tam hợp thiếu âm để an ủi riêng cho tuổi dương, thiên hỉ an ủi tuổi âm cũng ở trường hợp thiếu âm.

Hồng loan báo hiệu cho người dương bị hãm vào thế âm nhu đừng quên bản ngã của mình để rút cục được đền bù thiệt thòi.

Thiên hỉ thì khuyên răn đương số cố giữ được tính cách hiền lương thì hoàn cảnh nào cũng nên vui vẻ hòa nhã.

Bằng ở 4 yếu tố tinh thần : long phượng thiên mã thiên không và hồng hỉ phân phối cho đương số những gì chính đáng, can đảm nghị lực, cố gắng và cảnh cáo không nên thừa thắng xông lên một cách quá đà và ở trường hợp thiếu may mắn cũng an ủi đương số.

Vậy bộ ba đào hồng hỉ có nghĩa vụ đặt vào hoàn cảnh nghịch lý âm dương, giao phó cho dh ở ngôi vị tứ chính cho có sức tham vọng quyến rũ mãnh liệt, xếp thế thiếu dương bị kẹt cứng bằng tấm lưới tầm sét kiếp sát có khi lại quá nguy hiểm khi hội đủ cả lưu hà là thời gian coi như gần đất xa trời, gần như hầu hết các danh nhân đều lấy đó làm thời gian mãn số.

Về già gặp đào hồng cộng với thiên hỉ thành bộ tam minh. Bộ ba này đem lại tất cả những gì sáng chói cho cặp thái âm thái dương nhất là ở vị trí hãm địa; thời gian gặp được đào hồng cũng có nghĩa là mạnh tiến trên đường đời. Sự thật có phải như vậy không? : Trước hết phải phân tích ý nghĩa hồng loan và dh. Hồng loan là hình dáng của con phượng hoàng cái (phượng loan) một loại chim trong dã sử cũng như thanh long (rồng xanh) để biểu tượng sự uy nghi đẹp đẽ và rực rỡ. Đào hoa là hoa của cây đào có màu tươi thắm và quyến rũ. Hồng loan và đào hoa mỗi thứ có một vẻ đẹp riêng giống như Thúy Vân và Thúy Kiều. Cái đoan chính của hồng loan là đầy đặn phúc hậu, còn vẻ quyến rũ của đào hoa làm hờn ghen khiến cho hồng nhan bạc mệnh.

Trên địa bàn lá số tử vi cả hai sao đào hoa và hồng loan ở trường hợp nào cũng ở vị trí nghịch lý âm dương với tuổi mạng. Ở 6 tuổi dương thì hồng loan đứng một mình xa lánh đào hoa, còn ở 6 tuổi âm thì đều có liên hệ với đào hoa.

Đào hoa chỉ đóng ở tứ chính tí ngọ mao dậu luôn luôn ở thế tam hợp với thiếu dương thiên không kiếp sát.

Hồng loan đứng một mình ở tuổi tí ngọ dần thân để an ủi 4 tuổi này ở thế thua thiệt thiếu âm. Với 4 tuổi thìn tuất sửu mùi thì hồng loan mang lại sự sáng suốt cho đương số sớm tỉnh mộng trần tục mà ráng bước trên đường lương thiện (tứ đức).

Về bộ 3 thiên không đào hoa hồng loan người học tử vi ai cũng biết thiên không thuộc hỏa đào hoa thuộc mộc và hồng loan thuộc thủy. Bản chất của hỏa là đốt phá gieo rắc tai ương nên khi 3 cung mệnh tài quan có thiên không đào hoa có nghĩa là mộc dưỡng

hỏa để tàn phá thêm mạnh dạn khốc liệt, tượng trưng cho sự khôn ngoan quá quắt của dương số, người có cách này lúc nào cũng muốn lấn tới để ăn người.

Thiên không hồng loan có nghĩa là hỏa đã bị thủy trấn át bó tay qui hàng. Nếu cung mệnh có cách này là người theo tĩn chứ không thích động (cách của người đi tu).

Cung mệnh có đào hỉ tử vi thái dương chiếu thì giàu sang phú quý.

Cung mệnh có hồng loan ngộ không kiếp thì nghèo khổ.

Cung mệnh có đào hồng tọa thủ gặp thiên cơ là họa sĩ tài ba danh tiếng.

Cung mệnh có đào hoa ngộ phi liêm thì suốt ngày say sưa chè chén.

Cung mệnh có đào hoa thì ít khi ở nhà với vợ thường để vợ đơn chiếc và thường phải 2, 3 đời vợ.

Nữ số mệnh hồng loan thì có hai đời chồng.

Cung mệnh thân hay tài bạch có hồng loan ngộ không kiếp đồng cung hay chiếu thì không chết non cũng nghèo hèn.

Nữ mệnh có đào hoa tang môn tọa thủ là gái lăng lợ, có thiên riêu thì có ngoại tình.

Cung mệnh có liêm trinh gặp hồng loan thiên khôi văn xương hội hợp là mưu sĩ nổi tiếng và được trọng dụng.

Cung mệnh có đào hoa ngộ thiên đức nguyệt đức hay tham lang miếu vượng thì là người đẹp dễ đoan trang, trai lấy vợ hiền gái lấy chồng giàu sang.

Cung mệnh có đào hoa thân có hồng loan thì là người ong bướm nhưng hạn gặp thái tuế thì chẳng ai chiếu cố.

Cung mệnh có đào hồng thai hỷ hội hợp lại có phục binh đồng cung và tướng quân xung chiếu thì trai gái nguyệt hoa bừa bãi.

Nữ mệnh có hồng loan thì giỏi về may vá nhưng gặp tướng quân phục binh thì hay sinh họa.

Mệnh có đào hồng không kiếp đà linh hội hợp thì chết non như Nhan Hôi.

Cung quan lộc có đào hoa thì đi làm sớm hoặc sớm hiển đạt.

Cung thân có hồng đào tọa thủ lại thêm thai tọa thì có công danh nhưng hơi muộn.

Cung quan lộc gặp đào hồng hỷ thì đường quan lộ nhẹ bước thang mây, nếu ở cung thiên di thì rất sợ không kiếp, có cách này thì sợ bị cướp giết hoặc chết dọc đường.

Cung phối có hồng loan thì khắc vợ khắc chồng. Nếp cung phu an tại thìn tuất sửu mùi có hồng loan tọa thủ là số quả phụ.

Cung phối có đào mã đồng cung là vợ chồng yêu nhau rồi lấy nhau không mối lái.

Cung phối có hồng loan gặp địa kiếp mệnh tốt thì sống với nhau đến già, mệnh xấu thì chỉ sống với nhau một thời gian.

Cung phối có thai đào tọa thủ thì vợ chồng đi lại với nhau rồi mới lấy nhau.

Cung phối có hồng loan ngộ hóa kỵ thì có phen vợ chồng phải bỏ nhau.

THIÊN HỖ (thủy)

Thiên hỉ là một cát tinh có ý nghĩa may mắn vui vẻ hòa nhã, mang lại sự may mắn cho việc cưới xin và sinh đẻ. Hợp với đào hoa và hồng loan thành bộ tam minh, gia tăng sự sáng cho nhật nguyệt và bộ tử phủ vũ tướng thêm sáng sửa tốt đẹp.

Hội với hỷ thần thành người vui tính có óc hài hước, mang lại sự vui vẻ cho các người xung quanh.

Ở mệnh thiên hỷ gặp đào hoa là người ham mê nhục dục, ham chơi bởi trụy lạc. Ở nữ mệnh là người đàn bà hư thân mất nết, tính nết lang chạ thiếu tác phong đạo đức.

Thiên hỷ gặp hồng loan ở mệnh thì sớm lập gia đình. Gặp thiên riêu thì là người hay tự gây ra các tai họa quái đản.

Ở bào hoặc tử tức có riêu hỷ đào gặp phá tướng chiếu thì có chị em hay con gái theo trai chữa hoang. Mệnh có đào hồng thai là có chị em hay con gái ngoại dâm.

Ở phúc đức có song hỷ thì họ hàng hưng vượng.

Ở quan lộc có hỷ đào hồng tấu vũ là cách làm nghề văn nghệ có tiếng tăm.

Ở cung phối có hỷ đào hồng thì lấy được vợ giỏi chồng đẹp để hưng vượng nhưng 2 người có tính dâm dăng. Nếu kèm thêm riêu thai thì chắc chắn có ngoại tình.

THIÊN MÃ (hỏa)

Chủ sự di chuyển thay cũ đổi mới, mọi sự liên quan đến xe cộ chân tay, có tính cách nhanh nhẹn, mau mắn, tháo vát; có ảnh hưởng nhiều đến công danh tài lộc và phúc thọ.

Ở cung mệnh là người cao lớn khỏe mạnh, nhanh nhẹn, ưa hoạt động, thích đi xa, tính rất thẳng thắn nhưng hơi nóng nảy. Những người tuổi thủy tuổi hỏa có thiên mã cư mệnh thì thọ. Về phần hình thể thì thiên mã tượng trưng cho chân tay (nếu thiên mã ngộ thiên hình thì chân tay có tật).

Cung mệnh thân có mã gọi là dịch mã là người tài giỏi. Tọa thủ 2 cung dần thân gặp thiên phủ (gọi là ngựa kéo xe vua) là người tài giỏi có uy quyền, giàu sang phú quý phúc thọ song toàn. Gặp nhật nguyệt sáng sửa thủ chiếu là cách thư hùng mã là cách của người đa tài đa năng giàu sang phú quý.

Thiên mã chiếu lộc tồn là cách lộc mã giao tri chỉ mọi sự hạnh thông. Ở cung quan lộc rất tốt công thành danh toại. Ở cung tài bạch thì phát đạt mọi sự dễ dàng.

Thiên mã ngộ thất sát thiên hình là cách phù thi mã (ngựa chở xác chết) mọi việc đều không tốt, nhất là trong binh nghiệp gặp 3 sao này hội hợp thì nguy hiểm lắm. Cần phải có phúc tinh hoặc sao giải hạn giải cứu. Nếu gặp ngũ hành tương khắc chắc có thể nguy hiểm đến tính mạng.

Thiên mã ngộ hỏa tinh là cách chiến mã hoành phát nếu gặp phúc tinh, hoành phá nếu gặp các sát tinh hoặc các sao mờ ám.

Thiên mã ngộ tử triệt hay tuần là tử mã (ngựa chết) làm ăn bại hoại hay gây tai nạn, hữu tài vô dụng, số vất vả mà không ảnh hưởng gì, chung thân bôn tẩu phải sống xa quê hương mới khá giả.

Thiên mã ngộ đà la là ngựa què bất lợi trong mọi công việc làm ăn suy bại bị cản trở, con người khôn ngoan nhưng xảo trá.

Mã ngộ khốc khách ngựa có nhạc thuộc loại ngựa đã thuần phục, dũng mãnh thao lược có tài, được người biết sử dụng tài năng đó làm nên danh giá lẫy lừng, quân sự gặp cách này rất tốt.

Mã ngộ thiên hình đồng cung gặp tai họa.

Đi tìm ảnh hưởng của thiên mã người ta luận về thiên mã bằng cách lấy hành của cung mệnh. Hành của thiên mã và hành của đương số đem ra so sánh với nhau rồi quyết định sự hay hay dở. Đó là giai đoạn đầu để tìm kinh nghiệm, giai đoạn sau để kiểm chứng.

Áp dụng các kết quả của những suy luận vào những lá số có thiên mã tại mệnh thân xem có đúng không ? Nhưng trước hết phải ghi nhớ rằng thiên mã đây là tại mệnh và thân hoặc thiên mã ở hai cung quan lộc và tài bạch (hai cung này chiếu mệnh). Nếu thiên mã ở cung thiên di thì không kể vào mệnh vì mã tại thiên di là xung chiếu chứ không phải là hợp chiếu.

Thiên mã tại dần : thiên mã hỏa ở cung dần mộc được mộc sinh hỏa. Thiên mã khỏe mạnh và tốt nhưng cái mạnh và tốt này không phải bất cứ mạng nào cũng hưởng, như người mạng kim thì càng bị hỏa khắc không có lợi, người mạng thủy cũng không ảnh hưởng gì và không thắng nổi cái hỏa đang vượng của thiên mã. Mã (hỏa) có lợi cho người mạng hỏa và cũng hợp cho người mạng mộc.

Người ta thường cho rằng mộc mà gặp hỏa thì bị hỏa đốt nhưng mạng là mộc, cung lại ở dần là cung mộc thì không e ngại gì cả, tài năng nhờ chỗ đó được mã nuôi dưỡng càng vượng lớn. Vậy mã tại dần rất tốt cho người mạng mộc, lợi cho người mạng hỏa, không ích gì cho người mạng kim và thủy.

Người mạng hỏa hưởng cái tốt của mã tại ty.

Thiên mã tại thân : thiên mã là hỏa đóng tại cung thân là kim thì mã đã bị suy kém. Thiên mã không bị khắc là thiên mã khỏe và tốt nhưng thiên mã đây lại khắc kim.

Nếu là người mạng mộc thì người này vẫn bị hỏa đốt và bị cung khắc không được lợi lộc gì.

Người mạng thủy đỡ được chút đỉnh nhờ cung kim sinh thủy và mạng thủy của mình còn khá mạnh.

Để chế ngự lại hỏa của thiên mã người mạng kim là ăn nhất vì mã tại cung kim nhưng mã lại khắc kim mạng cho nên tuy được hưởng mã là có tài năng nghị lực nhưng mình lại bị khắc thì sức khỏe sẽ bị hao tổn.

Vậy mã tại thân tốt cho người mạng kim, khá cho người mạng thủy, không tốt cho người mạng hỏa và mộc.

Thiên mã tại Hợi : thiên mã là hỏa ở cung Hợi là thủy thì hỏa bị khắc nên gọi là mã cùng đồ, mã đến bến là hết đường chạy.

Người mạng hỏa mà gặp mã tại cung Hợi thì chẳng được lợi lộc gì cả. Người mạng kim cũng vậy có khi còn mệt hơn vì mệnh mình bị sinh xuất lại còn bị hỏa của thiên mã khắc nhập. Những người mạng thủy thì lại rất khá. Xét ra nếu người mạng thủy có mệnh tại thủy thì thủy này rất mạnh có thể chế ngự được những họa hại do mã gây ra và thắng được mã tức là có tài ba để thắng lợi. Người mạng mộc nhờ có cung thủy sinh mộc cũng được lợi lộc phần nào. Vậy mã tại Hợi tốt cho người mạng thủy, khá cho người mạng mộc, không lợi gì cho người mạng kim và hỏa.

Còn người mạng thổ chỉ được hưởng thiên mã ở cung Hợi (thủy) và cung Tý (hỏa) còn ở các cung khác không được hưởng lợi ích gì cả.

Nói tóm lại thiên mã là nghị lực của người đời và biểu tượng chiếc xe mà đương số đi. Nếu xét ngũ hành của cung mà thiên mã đóng với hành của bản mệnh chiếu ta thấy những tương quan có tính cách cảnh cáo (nặng hay nhẹ cũng là một sự cảnh báo trước) về chiếc xe mà đương số sử dụng trong công việc mưu sinh ở trên đường đời.

Hành mã khắc hành của bản mệnh có thể bị nguy hiểm vì tai nạn xe cộ.

Hành mã sinh hành của bản mệnh xe cộ luôn luôn được an toàn giúp đỡ chủ thật đắc lực.

Hành mã đồng hành với bản mệnh bình thường trong lúc đi xe cộ.

Thiên mã ngộ triệt và tuần : mã ngộ triệt ở ngay cung thì hồng cả, ngộ tuần thì đỡ hơn. Sao tuần được coi như là sao đã đánh dấu một giai đoạn đã chấm dứt để chuyển sang giai đoạn khác. Do đó mã ngộ tuần có thể đoán thêm như sau :

Mã ngộ tuần tại thân : người mạng kim được hưởng thông minh lanh lợi, tài lộc có nhưng hưởng chậm và phải có những khó khăn và cố gắng mới đạt được.

Mã ngộ tuần tại tỵ : người mạng hỏa cũng được hưởng nhưng chậm lúc đầu và cũng phải cố gắng mới đạt được.

Mã ngộ tuần tại dần : người mạng hỏa cũng được hưởng nhưng chậm lúc đầu và cũng phải cố gắng mới đạt được.

Mã ngộ tuần tại hợi : người mạng thổ và thủy cũng được hưởng nhưng chậm và phải cố gắng thật nhiều sau mới đạt được.

Mã ngộ khốc khách : trong đời có kẻ vinh người nhục, trong lá số tử vi cũng vậy đồng sao mà dị nghĩa. Cả hai cung nhe răng mà kẻ này cười người kia khóc. Đó là trường hợp bộ ba mã khốc khách :

Các sách tử vi đều khẳng định hạn gặp mã khốc khách là vận tốt. Theo kinh nghiệm thì thấy không đúng và phải luận thế tương quan giữa thế ngũ hành của thiên mã và ngũ hành của mệnh trước đã. Nếu thấy mã phò người thì mới là ngựa khách vàng reo vang. Còn nếu mã hại người thì đó chỉ là tiếng kèn tiếng trống đám ma mà thôi.

Người tuổi dần mạng thủy thiên mã đóng ở cung thân. Đây là mã phò người, nếu gặp hạn mã khốc khách là đến lúc đời lên hương.

Phương vị và ngũ hành của mã : mã cư dần là hạnh thông mã, trạng nguyên mã, người mạng mộc thiên mã cư dần là hợp cách.

Mã cư thân là bạch mã, tể tướng mã, người mạng kim thiên mã cư cung thân là hợp.

Mã cư tỵ là xích thố mã, người mạng hỏa thiên mã cư cung tỵ là hợp cách.

Mã cư hợi là truy mã, ngự sử mã, người mạng thủy có thiên mã cư cung hợi là hợp cách.

Thiên mã miếu ở mạng hợp với ngũ hành của mạng mới là ngựa của mình. Cũng sao thiên mã ở mạng có người lanh lợi, có người ù lì ngôn bất xuất khẩu.

Thiên mã ở cung mệnh thân bị triệt thì chung thân bôn ba phải xuất ngoại làm ăn mới khá.

Mã ngộ tràng sinh là cách thanh vân đắc lộ.

Thiên mã ngộ tuần hay đà la là ngựa què (bể roi đánh ngựa).

Thiên mã và các sao khác :

Thiên mã ngộ một trong tam không là con nhà tử tế hiền hậu.

Mã ngộ đào hay cô quả nữ mệnh vất vả lao đao, có nhan sắc, có học mà bị cô đơn.

Mã khôi việt tràng sinh : khoa danh lừng lẫy, đi thi gặp bộ sao này chắc chắn đỗ cao, đi làm thăng chức.

Mã ngộ kinh dương ở ngộ : kinh dương ở ngộ thuộc hỏa ly rất xấu, có nghĩa là cái kiếm chỉ sự chém giết. Mã đầu đôi kiếm có uy danh lừng lẫy nhưng không bền và có thể bị bất đắc kỳ tử, riêng tuổi bính tuất thì hợp cách.

Mã ngộ thiên lương chỉ người hào hoa phong nhã.

Mã có tả hữu và lộc chiếu nữ mệnh buôn bán tần tảo giỏi và có nhiều người giúp đỡ nên phát tài.

Mã riêu thai nữ mệnh chủ sự không đứng đắn.

Mã ngộ tuyệt ở hội là cùng đồ mã : ngựa hết đường chạy bế tắc tai nạn thất bại (cung hội thuộc ban đêm hành thủy, ngựa chạy ban đêm đã không tốt lại chạy dưới nước càng thêm xấu).

Mã ngộ tướng và khoa ở cung tí làm nên trong thời loạn (tí thuộc thủy nhưng là bắt đầu một ngày hơn nửa lại có khoa là sao giải).

Mã tại mệnh giáp tướng giáp vũ là quý cách làm nên.

Mã đắc địa làm nên thành đạt, thay đổi công việc đi xa xuất ngoại.

Mã ngộ hình tai nạn xe cộ, tai nạn trong khi di chuyển.

Mã tang : hao tán, nếu có tuần triệt mọi sự thêm bế tắc thêm.

Mã ngộ không kiếp tai nạn ốm nặng, nếu thêm tử phù có thể chết nếu không có cát tinh và phúc tinh cứu giải.

Lộc mã giao trì có nghĩa là ngựa được thả vào đồng cỏ tha hồ mà ăn để chỉ người buôn bán kinh doanh hay người có quyền thế, không phải khó nhọc gì mà vẫn có tiền của đổ vào như nước. Nên nhớ nếu không gặp hành khắc thì lộc mã giao trì thành lận đận bồn ba vì không phải ngựa của mình cũng như ngựa trong chuồng mà bó cỏ để ngoài sân, may mắn lắm mới được vài ba ngọn cỏ ăn đã là may chứ đâu có được ăn cả bó. Cả đời lo nghĩ vì tiền mà tiền không tới tay, có khi vì tiền mà mang họa.

Bộ ba thiên mã đào hoa hoa cái luật âm dương và ngũ hành trên 12 cung số trên địa bàn lá số tử vi được sắp xếp cho ta thấy sự hợp lý và chính xác. Từ chất sơ khai (thủy) cho đến chất khoáng sản (kim) đến cái âm dương xen kẽ (thổ) lập thêm cục diện để làm thế tranh đấu để mà sống của người đời đều vững ở thế chân vạc gồm ba cung ghi dưới danh hiệu sinh chính và mộ.

Vai trò của chính (tí ngộ mao dậu) làm đại diện, sinh thì có dân thân ty hội làm hậu cần phò tá cho chính, mộ là nơi kết cuộc ghi dấu vết để lại.

Trên 100 vì sao tùy thuộc vào năm tháng ngày giờ mà diễn ra khắp nơi. Duy chỉ có bộ ba hoa cái đào hoa thiên mã là không bao giờ chịu xuất hiện nơi đất lạ.

Thiên mã chỉ đóng ở tứ sinh.

Đào hoa chỉ đóng ở tứ chính.

Hoa cái chỉ đóng ở tứ mộ.

Vậy 3 sao thiên mã đào hoa hoa cái phải có một trách nhiệm gì quan trọng nên sự có mặt mới dứt khoát như thế. Đây là cả một bản toán luận lý cần phải phân tích kỹ càng.

Thiên mã chỉ ở tứ sinh, ở trường hợp nào cũng liên lạc cùng tang điều khốc phá. Được sắp xếp hiên ngang đồng thể âm dương ghi chánh danh thái tuế sáng rực rỡ mà bốn mạng mình thì cười đau khóc hận. Vai trò của tứ chính là phải bao dung, hi sinh, thực thi cho lẽ phải, ngược lại không nên quá kiêu hãnh vì sẽ bị vai trò của kinh dương ra tay trừng phạt.

Đào hoa ở tứ chính luôn luôn trong bối cảnh nghịch lý âm dương với tuổi, thường xuyên đảo nghiêng do thiên không kiếp sát cảnh cáo cho đương số biết là dù mệnh có thái tuế cũng chỉ là sự thịnh đạt nhất thời rồi cũng có lúc suy vong như hoa đào sớm nở tối tàn. Điều tất yếu là làm sao ở mộ địa hoa cái được mở rộng ra để lưu truyền mãi mãi.

Tóm lại đầu là sinh chính cũng nên sáng suốt tùy theo địc vị và khả năng mà làm cho đúng tư cách của mình.

Thiên mã thường trực thi cho đúng bốn phận bởi lẽ cuộc đời như hoa trước gió. Vì thế lộc tồn luôn luôn cặp đôi với bác sĩ (thông minh sáng suốt) và có kinh dương mở đường hướng dẫn và trừng phạt nếu lạm dụng nghiệp quả.

Ở những người tuổi giáp dần, giáp ngọ, giáp tuất, canh thân, canh tí, canh thìn dù đã được tuyển lựa để phân chi phối lộc tồn vẫn bị kinh dương xốc nách đào hoa. Còn những tuổi bính mậu nhâm với kinh dương ở tí ngọ rất khó dứt bỏ được tự ái dễ mang lụy. Chẳng may cho người thuộc tuổi âm nam kinh dương thường trực đón đường thiên mã thì sự hi sinh càng thêm lớn lao. Bên phía nữ ở trường hợp nào kinh dương cũng dấu kín nơi mộ địa, mỗi khi bộc phát rất khó tránh được sự bạo hành.

Điển hình là lá số Khổng Minh tuổi tân dậu mừng 4 tháng 10 giờ tuất đã thực thi hoàn hảo tư cách thiên mã. Một người như ông trong thời loạn làm gì không chiếm được một địa phương để mưu bá đồ vương, nhưng Khổng Minh đã cố dẹp tự ái (kinh dương ở thân) chờ ngày Lưu Bị tam cố thảo lư vì ông đã biết thân phận mình nằm trong cảnh khốt hư tang điều và mã kia rất hợp cho ông (mộc mệnh) xây đắp nghĩa khí trong đối phương chỉ toàn là những quân sư hạng đàn em (đồng cự hoa cái bị tuần) nên không qua mặt được gia cát vũ hầu. Khổng Minh có một số mệnh bao gồm cả 3 vòng (thiên) thái tuế, (địa) tràng sinh, (nhân) hợp nhất, tài năng quán thế tuyệt vời chỉ vì bị không kiếp ngăn chặn do tình trạng phá hư nên kết quả sự nghiệp của ông như công dã tràng.

Còn lá số vua Lê Lợi tuổi ất sửu sinh 8 tháng 6 giờ tí. Mệnh thân đều ở thế bạch hổ với giá nào cũng cố gắng đánh đuổi quân Minh ròng rã mười năm trời. Nếu không có kinh dương ở dần (nô) mà biết dẹp tự ái để cùng Nguyễn Trãi chung lo việc lớn thì làm gì có việc Lê Lai tự nguyện đổi áo để lãnh cái chết thay vua lãng xẹt. Minh chứng là cung giải ách ở thìn của tuổi ất sửu là âm nam là đất thiên la trong đó tử tướng ngọ hình được giải thoát bằng tất cả một hành phúc tinh (quan phúc thiên ất và hoá khoa). Nhưng tiếc thay lên ngôi vua đã không kìm hãm nổi một kinh dương quá trớn để giết oan cả một gia tộc công thần (Trần Nguyên Hãn) để rước lấy hai tiếng yếu vong (chết vào năm 49 tuổi).

Đây chỉ là một bài học cho thấy mệnh chỉ là một bản dự thảo mà tạo hóa đã phác họa, còn thân chính đương số có điều hòa gây được chữ đức và hoán cải cho công việc hướng về đường lối có đức mới dứt khoát chứng minh được mạng vận.

Phải chăng bài học quý giá của bộ ba mã đào cái cần để giải quyết lộc tồn mà kinh dương có phận sự canh chừng như bản chất đã ghép để kiểm soát các sự lạm dụng.

Cung mệnh có thiên mã ngộ tam thai là anh hùng vô địch.

Cung mệnh có thiên mã ngộ văn xương nếu cần kiếm thì giàu sang và được hưởng phúc trước 40 tuổi.

Cung mệnh có thiên mã tọa thủ không gặp thiên không địa không, tuần triệt là con nhà gia giáo, trai thì quân tử gái thì đoan trang.

Cung mệnh an tại tỵ có thiên mã hội thiên lương và hóa khoa là người tài ba lỗi lạc, gặp thời loạn thì làm nên việc lớn và thường thành công trong những việc khó khăn không ai làm nổi nhất là về võ.

Cung mệnh hay thiên di có thiên mã gặp hỏa linh thì không nên đi xa vì bất lợi.

Cung thiên di an tại hội và tị có thiên mã tọa thủ thì số long đong vất vả.

Cung thiên di có thiên mã đào hoa đồng cung tọa thủ là người trụy lạc chơi bời nay đây mai đó.

Cung điền tài nếu có thiên mã tọa thủ thì lúc phát tiền của vào nhanh như ngựa chạy.

Cung phúc đức có thiên mã ngộ tràng sinh thì được hưởng phúc lâu bền.

Cung tử tức có thiên mã ngộ không (thiên địa tuần không) lại gặp tả phụ hữu bật thì có con sinh đôi.

Cung mệnh thân có thiên mã ngộ tướng quân hóa lộc thì rất giàu sang và anh hùng.

Cung phối an tại dần thân tỵ hội có thiên mã tọa thủ thì đi xa mà lấy được vợ được chồng và thường là người buôn bán giỏi và giàu, suốt đời được hưởng phú quý.

Cung mệnh thân đồng cung an tại tị hội ngộ và vô chính diệu rất sợ gặp mã hình linh kiếp hội hợp ví như hoa vừa nở đã bị mưa vùi gió dập nên rất xấu vì nếu giàu sang thì yếu, nghèo hèn lại thọ.

ÂN QUANG (mộc) – THIÊN QUÍ (thổ)

Ân quang thiên quý có nghĩa là sự che chở của các đấng tối cao và biểu hiện cho sự giúp đỡ của trời Phật Chúa. Ân quang thiên quý đem lại may mắn và thọ, làm giảm bệnh tật tai họa. Là 2 phúc tinh ân quang thiên quý thủ chiếu mệnh thân thì có hiếu với cha mẹ, thành tín với bạn bè.

Bản tính thuần hậu từ thiện hợp cùng với các sao thiên quan thiên phúc, tả hữu phù bật. Ân quang thiên quý chỉ sự thành công do sự phù trợ của các đấng thiêng liêng của những người khuất mặt của quý nhân trong nhiều việc. 6 sao kể trên kết hợp lại thành một đoàn phúc tinh ban nhiều ân sủng giúp đỡ cho mình.

Vì là phúc tinh cho nên ân quang thiên quý ở cung nào cũng đẹp và 2 sao này không có cung hãm địa.

Người có quang quý là người chính tâm chủ làm lành, không hại ai, không gây gỗ thù oán ai cho nên cũng ít bị người oán kẻ hận. Ở ngoài đời người có quang quý là bậc thiên tử có đức lớn, giáp quang quý cũng tốt nhưng không bằng tọa thủ.

Cung phúc đức có 2 sao này thì có quý nhân phù trợ hoặc giải cứu mọi tai ách, mưu cầu việc gì cũng đắc lợi. Họ hàng và gia đình gặp nhiều sự phẫn chấn và làm ăn khá giả. Nếu ở sủu mùi thì quang quý chỉ sự may mắn, gặp thời, hội với hung tinh cũng không đáng sợ vì quang quý là sao cứu khốn phò nguy.

Quang quý hội với nhật nguyệt là hợp cách làm tăng thêm sự sáng đẹp của âm dương.

Hội với thiên cơ thiên lương, người mạng mộc được cách này thì vô cùng may mắn, đường mây nhẹ bước công danh.

An quang thiên quý thủ mệnh thì đáng người cao ráo thanh nhã, mặt mũi thanh tú và cặp mắt sáng. An quang thiên quý chế ngự được tính cách hoa nguyệt của đào hồng. Quang quý không ngại gặp hung sát tinh.

Nếu mệnh thân hay quan lộc gặp hai sao này xung chiếu hay tam hợp, giáp biên cũng rất quý, phú có câu :

“Quý ân mùi sủu hạn lưu

Đường mây gặp bước cao sâu cứu trùng”.

Gặp hạn quang quý thì đi thi đỗ đạt dễ dàng, đau ốm cũng mau khỏi.

Quang quý gặp thai phụ phong cáo gọi là tứ vinh, rất dễ hiển đạt.

Quang quý gặp thanh long khôi việt tả hữu hoa cái hồng loan là thượng cách, đây là cách của những người làm lớn.

Quang quý ở cung tử tức thì con cái hiếu để hoặc nuôi con nuôi để làm phúc.

Ở cung bào thì có anh em nuôi hay anh em kết nghĩa và anh chị em sống hòa thuận.

Ở phụ mẫu có cha mẹ nuôi hay được cha mẹ thương yêu.

Ở thiên di thì gặp được nhiều sự may mắn trong xã hội hay được xã hội giúp đỡ về tiền bạc hay may mắn về tiền bạc và được hưởng di sản của tổ tiên cha mẹ để lại.

Ở cung nô bộc có đầy tớ đắc lực và trung thành hay bạn bè giúp đỡ tận tình.

Ở phúc đức là được của phát phúc, thần linh che chở, dòng họ thương mến đoàn kết, khi chết được mọi người giúp đỡ tận tình chôn cất.

Ở cung điền Trạch thì được thừa kế gia tài của cô hay của dì.

LONG TRÌ (thủy) – PHƯỢNG CÁC (thủy)

Long trì phượng các là sao đài cát tinh, 2 sao này phụ tá bộ cơ lương và nhật nguyệt rất đắc lực. Người tuổi mao dậu, 2 sao long phượng đồng cung ở sủu mùi gặp quang quý đào hồng là cách đẹp nhất, nhất cử thành danh.

Thủ mệnh là người thông minh điềm đạm nhân hậu, tính tình nho nhã vui vẻ đàng hoàng. Ở nữ mệnh là người có nhan sắc kiều diễm da dẻ hồng hào.

Về công danh sự nghiệp thì nếu long phượng chiếu về, giáp biên hay ở mao dậu thì là hạng khoa bảng hay làm tăng thêm điền sản tiền bạc và luôn luôn có sự may mắn vui vẻ trong đời sống vợ chồng từ lúc mới quen nhau đến lúc cuối và luôn cả việc sinh đẻ (có long phượng thì dễ sinh dễ nuôi).

Về cơ thể thì long trì tượng trưng cho mũi (lại có sách ghi là 2 cái vai), phượng các tượng trưng cho 2 cái tai.

Long phượng cũng là văn tinh.

Long phượng ở mệnh hay ở điền thì nhà cửa nguy nga tráng lệ.

Long phượng gặp riêu hỉ như cá gặp nước, tiền bạc hạnh thông công việc trôi chảy. Gặp phi liêm như cánh cửa rồng phượng, sự may mắn đến mau chóng.

Ở nữ mệnh long phượng gặp thiên lương thì có chồng danh giá và hiền hậu.

Long phượng gặp thai phụ phong cáo thì có bằng cấp cao chức vụ lớn.

Riêng long trì gặp mộc dục thì dễ bị tai nạn sông nước. Đàn bà gặp hạn này rất đáng lo ngại, khi sinh dễ bị băng huyết.

Phượng các gặp không kiếp thì dễ bị thù oán hay giận hờn. Long trì gặp không kiếp lại dễ bị chết đuối.

Hạn gặp tứ linh long phượng hổ cái thì dễ hoạnh phát công danh tài lộc.

Long trì phượng các cư cung tử tức sinh con dễ dàng để nuôi con lại thông minh tuấn tú.

Ở cung phối vợ chồng đẹp dễ hòa thuận cưới nhau dễ dàng.

Ở cung điền trạch có long phượng thì có nhà đất rộng rãi, có di sản tổ tiên để lại. Long phượng thai tọa cũng có nghĩa trên nhưng rộng rãi hơn nghĩa là có thêm ao hồ.

Ở cung phúc đức nghĩa là dòng họ khá giả.

Cung mệnh có long trì phượng các thì mặt mũi xinh đẹp nhưng nếu gặp thiên hình thì mặt mũi bị rỗ.

Cung mệnh có long phượng tả hữu thì giàu sang cả đời.

Cung mệnh hay quan lộc có nhật nguyệt hãm địa gặp long trì thì công việc làm ăn thì cử hay gặp thất bại hay chỉ đem đến cho đương số những sự buồn rầu.

Ở cung mệnh thân an tại mao dậu có long trì phượng các thì thế nào công danh cũng được quý hiển.

Cung quan lộc giáp long giáp phượng, nếu cung mệnh sáng sủa tốt đẹp thì có địa vị xã hội cao sang và được nhiều người mến chuộng.

Phụ nữ mà cung phu có long phượng tả hữu thì phải lên xe hoa 2, 3 chuyến.

Cung tử tức có phượng các tấu thư nhật nguyệt và khoa quyền lộc hội hợp thì sinh quý tử, con trai thì uy quyền hiển hách, con gái lại ca hát nổi tiếng (danh ca).

TAM THAI (THỦY) – BÁT TỌA (MỘC)

Tam thai bát tọa chủ về sự chứng chạc thanh nhàn.

Người có 2 sao tam thai bát tọa chiếu mệnh thân thì không thích hoặc không phải hoạt động nhiều bằng tay chân.

Thai tọa cư quan lộc có nghĩa là lúc nào cũng có công việc địa vị tương xứng với tài của mình và được trọng dụng, giao cho giữ những địa vị quan trọng.

Kén vợ mà gặp người nào mệnh có thai tọa thì không thể là người đảm đang về nội trợ mà lại là người chỉ thích an nhàn ăn rồi lại nằm chứ không thích hoạt động. Nhưng bù lại người chồng lại làm ăn dễ dàng phát đạt để cung phụng vợ cho đúng nghĩa của chữ thai tọa. Hai sao tam thai bát tọa miếu ở tứ mộ (thìn tuất sửu mùi), nếu giáp biên mà trong cung có địa không địa kiếp thì ở nhà tranh vách nát ở nơi thôn dã chứ không thể ở trong nhà cao cửa rộng được.

Cách mộ trung thai tọa chỉ sự phú quý, sự nghiệp thành công nhất là khi cả hai sao đều được tọa thủ ở 4 cung tứ mộ là thìn tuất Sửu Mùi.

Ở cung mệnh cũng phải tùy theo cát tinh hoặc hung tinh tọa thủ mà đoán giải. Cát tinh đồng cung với thai tọa là người mưu lược nhưng trung hậu. Nếu thai tọa đồng cung với không kiếp hoặc hung sát tinh là hạng lưu manh lừa bịp.

Nếu cũng hai sao thai tọa đồng cung hoặc giáp biên tùy theo các sao khác mà phân biệt được người giàu có với kẻ chỉ là người đếm tiền ở các ngân hàng.

Nói tóm lại : tam thai bát tọa là người ưa thanh nhàn hưởng thụ lười biếng, chịu an phận thủ thường, được đến đâu hay đến đó chứ không có chí phấn đấu.

Giáp thai tọa cũng tốt như thai tọa tọa thủ. Cư mệnh là người có trán vuông và cằm nở nang, chủ sự khôn ngoan an nhàn, ăn ở phúc hậu, mang lại sự may mắn, có nhà cao cửa rộng. Nếu gặp thêm tả hữu là người đi đứng oai nghiêm, kẻ hầu người hạ tấp nập. Về cơ thể thì bát tọa là cái cằm, tai thai là cái trán.

Cung mệnh có thái dương gặp bát tọa đồng cung là người phục dịch trong cung cấm.

Cung mệnh thân giáp thai giáp tọa thì ngay từ lúc nhỏ tuổi đã có nhà cửa nguy nga đẹp đẽ và công danh sớm sủa.

Cung tử tức có tam thai và nhiều cát tinh hội chiếu thì con cái sau này làm nên khá giả và tài giỏi.

THAI PHỤ (kim) – PHONG CÁO (thổ)

Thai phụ phong cáo có tính cách uy nghi quân tử.

Khi hai sao này chiếu mệnh và thân còn có ý nghĩa hách dịch, quan trọng hóa bản thân, dù làm chức vụ nhỏ nhưng làm ra vẻ ta đây là quan trọng. Nếu lại có thêm tướng quân và khôi việt lại càng lên mặt hách dịch đến nỗi hét ra lửa.

Thai phụ phong cáo phải đi chung hợp chiếu hay chính chiếu và đóng tại mệnh thân mới đủ mạnh đẹp đẽ. Nếu lại đồng hành với nhiều cát tinh khác thì lại càng đẹp.

Thai phụ phong cáo tạo cho những may mắn về công danh sự nghiệp vì phụ cáo có nghĩa là ấn tín. Thủ mệnh thì tính nét kiêu căng hách dịch, tự phụ, hiếu danh, hiếu thắng, chuộng hình thức bề ngoài.

Phong cáo thủ mệnh gặp hồng loan hoa cái thì ngay tuổi thiếu thời đã hiển đạt, có uy quyền về võ hay về hành chính.

Nếu ngộ hỏa linh hãm hay bạch hổ thiên hình phi liêm lại thành vũ khí bén nhọn giúp cho những sao này tác hại mau lẹ.

Hội với binh hình tướng ấn thì ví như cờ biểu ấn tín của một võ quan cao cấp.

Phụ cáo không thích hợp với bộ sát phá liêm tham.

Tướng quân phong cáo thủ mệnh gặp hồng loan hoa cái thì lúc còn trẻ đã được tin nhiệm giao giữ những nhiệm vụ quan trọng.

Về cơ thể thì thai phụ phong cáo chỉ lông và tóc. Thủ mệnh thường là người có râu tóc rậm rạp.

Hạn gặp phụ cáo ngộ hình kỵ, hãm phải cẩn thận đề phòng tai ách nếu có sẵn phụ cáo ở mệnh hay ở quan lộc.

Cung mệnh có thai phụ phong cáo tọa thủ gặp quốc ấn thiên tướng thì rất kỵ gặp cự môn thiên đồng. Nếu hạn đi thi gặp khô xương hội hợp thì đi thi dễ đậu, làm việc thành công dễ dàng.

THIÊN QUAN (hỏa) – THIÊN PHÚC (hỏa)

Còn gọi là thiên quan quý nhân thiên phúc quý nhân. Cả hai sao này đều là phúc tinh, dù ở cung nào thì hai sao này cũng mang lại sự may mắn tốt lành.

Tọa thủ ở các cung mệnh thân phu di giải ách thì tốt nhất.

Thủ mệnh hù là người nhân đức hay giúp đỡ đồng loại hiền lành, hướng về tu thân dưỡng tánh.

Quan phúc cũng chủ sự cứu giải các tai họa, tăng phúc thọ và giải trừ bệnh tật.

Nếu hai sao này ở cung giải ách thì đương số hay phải uống thuốc hoặc bị đau yếu tai nạn nhỏ và không thể coi là hai sao này cứu giải mạnh như không có chuyện gì xảy ra.

Trong trường hợp này nếu gặp tuần triệt lại tốt gấp mười lần gặp quan phúc vì tuần triệt nhiều khi làm vô hiệu hóa các bệnh tật tai nạn tới mức tối đa.

Nếu hai sao hoặc một trong hai sao này thủ mệnh thì không thể giàu lớn được nhất là có thêm sao thiên phủ thiên lương thai tọa tả hữu vì người đó chỉ lo làm việc xã hội, làm việc từ thiện hoặc quá nhu nhược mềm yếu đến nỗi chẳng dám làm gì cho ra tiền cả.

Hai sao thiên quan và thiên phúc còn có biệt danh là thần chuyên ban phúc cho mọi gia đình. Quan phúc đi chung với hung tinh không có hại, hội với sao này cũng tốt.

Mệnh có quan phúc là người phúc hậu, thương người, thích tôn giáo tín ngưỡng, tin tưởng thần linh và được gia tăng tuổi thọ.

Nữ mệnh có quan phúc gặp hình kỵ là người thích đồng bóng, nếu hội với thiên đồng hãm địa thì tính nết hay thay đổi thất thường.

Nếu gặp nhiều cát tinh quan phúc sẽ đem lại sự tiến triển và sự kết thúc đẹp đẽ cho mọi công việc.

Hạn gặp quan phúc có thể thoát các mối hiểm nguy bệnh tật.

Thiên quan và thiên phúc quý nhân luôn luôn hóa giải các tai ương do hai sao tuần triệt gây ra, hai sao này không sợ sự kềm kẹp của tuần không và triệt lộ, ngược lại nhiều khi chính tuần triệt lại bị chiêu hồi để giải tỏa các hung tinh khác.

Đại tiểu hạn có bộ quý nhân và bộ tứ đức trấn đóng thì yên tâm vì sự xuất hiện của tuần triệt, vì chính tuần triệt sẽ mở đầu cho sự hạnh thông.

THIÊN ĐỨC (hỏa) – NGUYỆT ĐỨC (hỏa)

Hai sao thiên đức và nguyệt đức có giá trị về đức độ cũng như về sự cứu giải bệnh tật cỡ nhỏ, ngoài ra còn có ý nghĩa là mang lại sự vui mừng và may mắn.

Kết hợp với hai sao cũng thuộc loại đức là long đức và phúc đức thành một bộ gọi là tứ đức. Nếu lại kết hợp với những sao có tính chất đồng loại như thiên quan thiên phúc thiên giải địa giải giải thần ân quang thiên quý đế vượng tràng sinh tả phụ hữu bất thì sự cứu giải càng có hiệu lực mạnh mẽ và mau chóng. Ngoài ra riêng nguyệt đức có đầy đủ tư cách để chế giải tính chất hung ác của phá quân ở mao dậu và đà la kiếp sát hội tụ.

Hai sao nguyệt đức và thiên đức tọa thủ tại mệnh thân là người có tính thương người và tâm địa phúc hậu vị tha chứ không vị kỷ.

Thiên đức nguyệt đức cũng hóa giải được tính chất dâm đảng của đào hoa và hồng loan, hội với hai sao này thiên đức nguyệt đức làm cho người đàn bà xinh đẹp lịch sự có tư cách đài hoàng làm cho mọi người mến phục chứ không phải là dâm đảng. Ở cách này (thiên đức nguyệt đức hội đào hồng) tuy có tính cách dâm nhưng là chính diện không phải ngoại tình.

Tứ đức : long đức, phúc đức, thiên đức, nguyệt đức thủ chiếu mệnh thân là phò trợ đắc lực khi lâm họa hại, đổ vỡ cũng không đến nỗi bị hoàn toàn tuyệt vọng và có thể duy trì được tư thế chờ vận hội khác quật khởi. Tứ đức thuộc phúc tinh.

Ở cung phối có thiên nguyệt đức đào hoa là vợ đẹp chồng sang.

Ở phúc đức có thiên nguyệt đức đồng cung thì dòng họ phát phú quý.

Ở cung tử tức nếu có thiên nguyệt đức ngộ thiên đồng thì có con sớm.

Trong hàng ngũ các sao hiền trong tử vi ai cũng biết mà cũng ít lưu tâm đến bộ sao tứ đức. Tính cách của tứ đức là hành động âm thầm chứ không đao to búa lớn như các sao hung tinh kỳ đà không kiếp hỏa linh.

Các sao tứ đức luôn luôn hóa giải các tai họa do tuần triệt gây ra và cũng như thiên quan thiên phúc bộ tứ đức không sợ sự kiềm kẹp của tuần triệt, nhiều khi chính tuần triệt bị chiêu hồi để giải trừ các hung tinh khác.

Đại hạn hay tiểu hạn có bộ tứ đức trấn đóng thì được yên tâm về sự xuất hiện của tuần hay triệt.

THIÊN GIẢI (hỏa) – ĐỊA GIẢI (thổ) – GIẢI THẦN (mộc)

Ba sao này như tính danh đã cho biết là có đặc tính cứu giải và cũng có đặc tính là giải trừ các bệnh tật, tăng phúc tăng thọ, làm cho có cơ hội được may mắn.

Có những sao này thủ mệnh thì là người hiền lành lương thiện vị tha cứu giúp người hoạn nạn và thường hay được cứu nguy một cách lạ lùng và bất ngờ.

Nếu đóng ở các cung thân mệnh giải ách di phúc thì rất tốt. Giáp mệnh thân cũng tốt nhưng nếu đóng ở hai cung điền và tài thì thật là vô tích sự. Các sao giải đã không giúp đỡ gì mà lại còn làm hao hụt tiền tài điền sản và không thể giàu có lớn.

Thiên giải có đặc tính là chế giải sự hung ác của hai hung tinh đà la và kiếp sát.

Đại tiểu hạn có nhiều cát tinh mà gặp giải thần thì sự hưng vượng bị giảm sút. Nhưng nếu gặp hung tinh thì được giải đi phần nào sự hung dữ. Trong trường hợp này nếu gặp cả thiên đức nguyệt đức thiên quan thiên phúc thì sự chế ngự và giải trừ các hung tinh sẽ được tăng cường rất mạnh.

Tuy là những sao nhỏ nhưng lưu đại tiểu hạn mà gặp cũng đỡ lo ngại dù không mạnh để tiêu trừ hẳn các tai họa nhưng cũng giảm thiểu được nhiều hay ít tùy theo các sao hội hợp.

HOA CÁI (kim)

Là một trong bốn sao của bộ tứ linh long phượng hổ cái, chủ về công danh sự nghiệp.

Hoa cái thủ mệnh có nghĩa là người thích chưng diện sang trọng, hay làm dáng, thích người khác để ý đến mình, ham chuộng thời trang, đua đòi vật chất.

Hoa cái còn có nghĩa là âm thầm hay công khai. Hoa cái cũng chủ sự phú quý ngưỡng mộ của người đời.

Mệnh gặp hoa cái phía trước thiên mã phúc sau gọi là tiền cái hậu mã, có nghĩa là phú quý sang trọng, chủ đẹp đẽ bên ngoài lợi ích về công danh.

Tượng trưng cho cái lộng, hoa cái gặp hóa quyền tả hữu sẽ tăng thêm phần rạng rỡ và được mọi quyền hành và được sự ủng hộ giúp đỡ từ mọi phía.

Hoa cái gặp tấu thư đồng cung là người thanh cao. Gặp xương khúc khô liệt khoa quyền thì phát về võ.

Hoa cái thủ mệnh hay đóng ở cung thiên di thì ra ngoài được mọi người mến chuộng và kính nể.

Hoa cái gặp mộc dục thiên riêu thì âm thầm. Gặp kinh đà không kiếp phá tham thì phá tán hương hỏa của ông bà tổ tiên để lại.

Hoa cái miếu ở hai cung thì và mùi.

Hoa cái là cái lộng cái dù, đồ dùng cho giới cao cấp thời xưa khi đi kinh lý cho thêm phần oai vệ, các cuộc kinh lý chỉ thực hiện giữa thanh thiên bạch nhật chứ đi kinh lý ban đêm từ giờ thân đến giờ Sửu thì không thuận lý.

Hoa cái cư cung thiên di thì tốt nên phú có câu : “ Hoa cái cư thiên di xuất ngoại cận quý ” : nếu căn cứ theo phú mà giải đoán thì có thể nói là đương số ra ngoài xã hội được gần người quyền quý nhưng suy luận kỹ thì thấy rằng khi gần người quyền quý thì mình phải giàu sang và nhiều tài năng hoặc có tài luân cú hay có khía cạnh gì hấp dẫn. Chỉ cần cân nhắc một chút ở các cung mệnh tài quan là có thể tìm ra đương số ở trong trường hợp nào. Thí dụ được cách tử phủ vũ tướng hội khô liệt quyền lộc thì đương nhiên cũng là người quyền quý và có địa vị trong xã hội. Trường hợp cung mệnh chẳng có cách gì mà tả hữu thanh long không kiếp đắc địa thì chỉ là người thừa hành nhưng có khả năng nên được trọng dụng. Nếu chỉ có đào hồng riêu tấu vũ thì thường là nghệ sĩ có tài hoặc có nhan sắc duyên dáng được lòng quần chúng. Ngoài ra vấn đề quyền quý cũng rất linh động và cũng tùy theo mạng mình tốt hay xấu cao thấp ra sao, do đó người quyền quý mà mình được gần gũi có thể là một vị nguyên thủ hay trưởng cơ quan chứ ít khi phải gần cấp thừa hành. Thí dụ một tư chức có hoa cái cư thiên di thì thường thường người đó làm việc với ban giám đốc hoặc một tiểu công chức, nếu có hoa cái thiên di mà làm việc ở một bộ thì được gần ông bộ trưởng mặc dầu người đó chỉ là một thư ký đánh máy.

Cung thê có hoa cái phượng các đào hoa hồng loan thì tuy đã có vợ nhưng lúc nào cũng tính toán để bỏ vợ.

QUỐC ẤN

Quốc ấn tượng trưng cho ấn tín, có lợi ích cho việc cầu công danh thi cử, giữ gìn cho quyền hành địa vị.

Có quốc ấn thủ mệnh mà có thêm hóa khoa hoặc khô liệt hội chiếu là những người có bằng cấp đại học trở lên, có địa vị lớn trong xã hội và có nhiều huy chương nếu không gặp ám tinh hoặc tuần triệt.

Quốc ấn cũng tượng trưng cho người trưởng phụ quân tử.

Đồng cung hay hội chiếu với tướng quân phục binh thiên hình là cách binh hình tướng ấn là chức võ cao cấp có uy quyền lớn và được sự kính nể của mọi người.

Quốc ấn gặp phong cáo thì được thăng quan tiến chức hoặc được thưởng huy chương.

Quốc ấn gặp tam hóa và tướng quân là có vận tốt, may mắn về công danh sự nghiệp.

Ở ba cung mệnh phúc quan là có dòng dõi con nhà quan, phát công danh phú quý và có nhiều huy chương.

LƯU NIÊN VĂN TINH : (hỏa)

Lưu niên văn tinh chỉ là một sao nhỏ về văn học cũng như khôi việt hóa khoa xương khúx nhưng ý nghĩa và ảnh hưởng kém hơn nhiều. Nếu đi cùng các sao đó và đóng ở các cung mệnh thân quan thì trình độ học vấn càng cao và càng nhiều bằng cấp hơn.

Đóng ở các cung giải ách điền trạch tài bạch thì thật là vô dụng không những không gây được một ảnh hưởng nào lại chẳng có tác dụng gì ở trong cung đó cả, chẳng khác nào như bị lạc hãm.

Người có lưu niên văn tinh thủ mệnh thì thông minh ưa chuộng bằng sắc.

Lưu nhị hạn (đại tiểu hạn) mà gặp lưu niên văn tinh thì thi cử công danh nhiều may mắn. Nếu hạn gặp lại có thêm hóa khoa thì đi thi chắc chắn có kim bằng đề danh và công danh thì hưng vượng.

ĐƯỜNG PHÙ : (mộc)

Đường phù lợi ích cho việc cầu công danh, lợi ích cho việc mua bán nhà đất dễ dàng hoặc làm cho nhà đất thêm cao rộng rãi.

Đường phù thủ mệnh có tính cách đường bộ uy nghi, điềm đạm khiêm nhường, thích an nhàn may mắn.

Nếu đường phù đóng ở hai cung điền trạch và tài bạch thì sự may mắn về tiền của nhà đất được tính như có thai tọa. Đường phù đóng ở cung điền trạch thường có nhà cửa rộng rãi khang trang.

Gặp bạch hổ và tùy theo ảnh hưởng của đại tiểu hạn có thể bị bắt bớ.

Đường phù gặp tấu thư long trì phượng các là cách của các thầy tu thầy cúng hay thầy phù thủy có danh tiếng.

THIÊN TRỪ : (thổ)

Vài chục năm trở lại thiên trừ ít được các thầy tử vi an vào lá số.

Thiên trừ có nghĩa là chỉ sự ăn uống, cách ăn uống, thích nhậu nhẹt.

Thiên trừ thủ mệnh là người ăn nhậu rất khỏe, thích ăn nhậu, ham ăn. Nếu đi với lực sĩ đồng cung thì càng ăn khỏe.

Đồng cung với hóa lộc là người sành ăn sành uống. Đi với cát tinh thiên trừ có ý nghĩa là công danh sự nghiệp tiền bạc gia tăng (vận tốt). Nhưng nếu đi với đại tiểu hao thì chỉ vì miếng ăn mà tán gia bại sản, không những thế mà còn mắc bệnh về bộ phận tiêu hóa như ruột gan bao tử hoặc bị trúng thực thổ tả do ăn nhậu gây ra.

Thiên trừ ngộ không kiếp thì bị những chứng bệnh do ăn uống gây ra như đau gan đau bao tử và có thể bị giải phẫu.

Cung nô có được thiên trừ thì tha hồ nhậu nhẹt ca hát.

Thiên trù ngô hóa lộc tấu thư là người ăn uống sành sỏi và biết thưởng thức những món ăn ngon rượu ngon.

Thiên trù ngô hồng loan là đầu bếp nổi tiếng.

THIÊN TÀI : (thổ)

Sao thiên tài có vai trò độc đáo trong tử vi đầu số, nó luôn luôn làm điều trái ngược lại tinh thần của cung nó đóng. Thiên tài giống như một vị thiên sứ có nhiệm vụ là đảo ngược tình hình ở cung mà thiên tài hiện diện. Nhiều sao đẹp mà gặp thiên tài đồng cung thì kể như vô dụng, nhiều sao xấu mà gặp thiên tài lại hóa ra đắc dụng.

Đặc biệt ở những cung tiềm ẩn tính cách lượng số như cung huynh đệ tử tức và tài bạch thì sự hiệu nghiệm của thiên tài quả nhiên không sai lệch.

Thiên tài có tác dụng như một cái thang giống như tuần triệt. Vì giống tuần triệt về đặc tính nên đồng cung với tuần triệt thì thiên tài sẽ phối hợp làm gia tăng giá trị của tuần triệt đối với các sao khác.

Thiên tài gặp sao mờ ám thì làm bớt ảnh hưởng xấu, nếu gặp sao sáng đẹp sẽ làm bớt đi độ số tốt.

Thiên tài nếu hội với thái dương là người không tin tưởng ở các đấng tối cao, không có tín ngưỡng là con người vô thần, nhạo báng thần thánh, ăn nói bừa bãi.

Gặp các sao thái âm thái dương miếu vượng thì che mất sự sáng sủa. Nhưng nếu hai sao đó hãm lại thì lại làm cho hai sao ấy sáng sủa trở ra (phải đồng cung chứ không phải là hợp chiếu hay chính chiếu).

Thiên tài đồng cung với nhật nguyệt ở Sửu Mùi thì làm cho nhật nguyệt rực rỡ.

THIÊN THỌ : (thổ)

Thiên thọ thủ mệnh có nghĩa là con người điếm đăm từ thiện làm tăng sự phúc thọ, ở cung nào cũng tốt, nhất là ở cung phúc đức.

Đồng cung hay hội hợp với thiên lương thì càng tăng thêm phần phúc thọ.

THIÊN Y : (thủy)

Bao giờ thiên y cũng đồng cung với thiên riêu. Thiên y cũng như thiên riêu đắc địa ở Mão Dậu. Nếu có thiên y đi cùng bộ cơ nguyệt đồng lương ở Mão Dậu là cách làm thầy thuốc, đông y hay bác sĩ mát tay và có tiếng tăm.

Mệnh có thiên y thì hay đau yếu và hay phải dùng thuốc.

Cách tướng phục quan y là cách của những bác sĩ chuyên môn, thầy lang giỏi.

Nhật hay nguyệt y quan phúc là bác sĩ chuyên về khoa thần kinh.

Tướng y thai là bác sĩ chuyên về thai sản.

Thiên y hội với tả hữu quan quý thiên hình ở mệnh cung là cách của những bác sĩ, thầy lang giỏi và có tiếng tăm lừng lẫy.

Thiên y cũng có nghĩa là cứu giải bệnh tật, gặp thầy gặp thuốc, chủ về ngành thuốc men y dược. Thiên y cũng có nghĩa là mát tay và cần thiết cho các người làm nghề có liên quan đến ngành y dược.

TRÀNG SINH : (thủy)

Tràng sinh tuy là trung tính nhưng được coi như quý tính, có ý nghĩa là quảng đại nhân hậu, làm tăng phúc thọ lộc, làm cho sự sinh đẻ được thuận lợi. Tràng sinh thủ mệnh là người cao lớn mập mạp, có triển vọng để sống lâu.

Tràng sinh làm tăng ý nghĩa các sao xấu cũng như các sao đẹp.

Hợp với vòng thái tuế và vòng lộc tồn vòng tràng sinh cho biết sự thịnh suy của đương số.

Tràng sinh hội với các sao tốt gia tăng tài lộc phúc thọ.

Hợp với tham lang thì đặc cách nhất vì tràng sinh là một vị sao nhân hậu, từ thiện, có độ lượng. Tràng sinh cũng chủ sự bền vững và lâu dài.

Muốn xem tràng sinh tốt hay xấu thì xem các sao đồng cung với tràng sinh. Nếu các sao đó xấu thì kéo dài cái xấu cho đến hết hạn đó, nếu tốt thì cũng tốt cho đến hết hạn.

Thí dụ 1 : tràng sinh ở cung dậu ngộ kiếp sát thiên hình và thiên di đóng ở cung đó có ý nghĩa là ra ngoài hay mắc tai nạn xe cộ súng ống gươm dao. Đã có hai sao như vậy cộng thêm tràng sinh nữa thì trong hạn đó mắc nhiều lần tai nạn xe cộ hoặc bị thương nhiều lần thành có tật.

Thí dụ 2 : tràng sinh cũng ở cung dần có thiên mã phượng các và cung thiên di cũng đóng ở đó thì có hai cách đoán : phượng các là nhà cao cửa lớn đẹp để lại có ý nghĩa là chim phượng, thiên mã là con ngựa bây giờ là xe hơi máy bay. Như vậy sẽ đoán là đi ra ngoài được ở nhà lâu đi xe hơi máy bay. Cách đoán trái lại là chủ sự di chuyển sự xuất ngoại vì hai sao đều chủ sự di chuyển, nếu không có tuần triệt và địa không thì sự xuất ngoại dễ dàng.

Thí dụ 3 : tiểu hạn đến cung tỵ và cung tý là cung giải ách có hóa kỵ kiếp sát thiên mã thì phải đoán là năm đó làm ăn buôn bán cũng khá tuy gặp nhiều gian nan trở ngại (mã ngộ tràng sinh hóa kỵ), chân tay hay bị đau hoặc bị tai nạn phải mổ (kiếp sát hóa kỵ) kể cả bệnh ruột dư. Nói tóm lại đến hạn này thì công việc dễ thành tựu (công danh tiền bạc) nhưng thế nào chân tay và bộ máy tiêu hóa cũng phải mổ và tai nạn xảy ra không chỉ một lần.

Tràng sinh đóng ở cung giải ách gặp sao xấu thì bệnh tật nhiều và lâu khỏi. Còn ở các cung khác thì tràng sinh mang lại may mắn về công danh cũng như tài lộc.

Gặp không vong ác sát thì phải đề phòng tai biến gia đình tổn hại, vợ có thể không có con.

Đóng ở cung mệnh cung phúc đức thì tăng thêm phúc thêm lộc.

Tràng sinh đóng ở cung hợi là hãm. Nếu đóng tại hợi lại đồng cung với thiên mã (nhất là người mạng hỏa) thì cuộc đời thăng trầm lên xuống như nước thủy triều, cuộc đời lận đận, công danh trắc trở. Đóng ở dần thân gặp thiên mã đồng cung thì gặp nhiều may mắn.

Ở cung bào thì đông anh em.

Ở cung tử tức thì đông con.

Ở cung phúc đức thì thọ.

Ở cung tài thì nhiều tiền bạc.

Mệnh có tử phủ tràng sinh là người quảng đại, bao dung, ban ân đức nếu làm chức vụ cao.

Tràng sinh nhập hạn nếu gặp cát tinh miếu vượng thì sự may mắn tốt đẹp sẽ được kéo dài, gặp hung sát tinh thì sự không may cũng kéo dài. Cả hai cách trên hên hay xui được kéo dài cho đến khi hết hạn (đại hay tiểu hạn).

CÁC HUNG TINH

HÓA KỶ : (thủy)

Đắc địa ở tứ mộ : thìn tuất sửu mùi.

Hóa kỷ là một hung ác tinh. Trong mười hai cung chỉ an được ở cung điền trạch và cung tài bạch là tốt vì có ý nghĩa giữ gìn được nhà cửa ruộng vườn tiền bạc.

Hóa kỷ có ý nghĩa là ích kỷ gan ghét gây bệnh tật kiện cáo thị phi và cũng có đặc tính như cô thân quả tú đầu quân. Để cư ở những cung kể trên có nghĩa là giữ gìn được của cải bền chặt, nếu hóa kỷ không có quý tinh đi kèm thì có thể nói là người keo kiệt bần tiện, chi tiền quá kỹ.

Về cơ thể thì hóa kỷ tượng trưng cho cái lưỡi.

Hóa kỷ đóng tại mệnh thì gần như luôn luôn không tốt vì làm việc gì cũng bị cản trở, dễ bị hiểu lầm gan ghét, đổ kỷ; duy chỉ có ở cung thìn gặp thanh long thì hay nhất, nhất là nếu được người âm nam và tuổi đinh tuổi kỷ.

Hóa kỷ miếu địa thì tượng trưng là con kỳ lân hay là con rồng tha hồ vùng vẫy, đám mây ngũ sắc che hết ảnh hưởng của các sao khác. Nếu hóa kỷ hãm địa thì thành con rắn đất hay chén thuốc đắng. Hóa kỷ nhập mệnh không tránh được thị phi, đơn thủ ở hãm địa rất xấu. Đi với bộ phận nào của cơ thể gây ra sự thương tổn cho bộ phận đó. Thí dụ hóa kỷ đồng cung với nhật hay nguyệt ở bất cứ cung nào thì mắt cũng kém hoặc cận thị viễn thị hay đau mắt quanh năm.

Hóa kỷ gặp cự môn thì miệng méo. hóa kỷ gặp kinh đà thì bị điếc hay có tật ở chân tay. Hóa kỷ ngộ thai là bào thai yếu dễ bị sảy thai.

Hoá kỷ ngộ thiên riêu thì đàn ông bị thận yếu kém. Ở đàn bà hóa kỷ ngộ thái âm là máu huyết xấu. Hóa kỷ gặp đại tiểu hao thì bệnh ở đường tiêu hóa ruột gan bao tử.

Cư ở cung miếu địa thì làm ăn phát đạt tăng thêm quyền quý.

Ở cung mùi mà nhật nguyệt chiếu lên hay ở cung sửu mà nhật nguyệt ở cung mùi chiếu xuống là cách tương vãn áp nguyệt. Cách này giống như mặt trăng mặt trời tỏa ánh sáng thành mây ngũ sắc nhưng cũng cần có xương khúc nữa thì mới hoàn toàn quý.

Hóa kỷ hãm địa ở mệnh là người oan nghiệt làm ơn nên oán hình khắc cô đơn. Ngộ thiên riêu là người ham mê tử sắc, thích an nhàn. Ngộ song hao thì ham mê cờ bạc. Nếu ngộ thiên hình thì chỉ vì đam mê mà vào tù ra khám.

Các cách xấu của hóa kỷ :

Hóa kỷ và nhật nguyệt cùng hãm địa là cách rất xấu, có tính cách cô đơn khổ cực và hay bị tai nạn sông nước hoặc bất bớ. Phụ nữ gặp sao này thì sẽ bất lợi vì bị xâm phạm trinh tiết : hiếp dâm thất tiết hoặc hôn nhân trắc trở hay buồn vì gia đình.

Hóa kỷ gặp xương khúc khôi việt thì thi cử lận đận, có đỗ đạt cũng không thành danh.

Hóa kỵ gặp sát tinh đắc địa thì hoạnh phát nhưng cũng hoạnh phá. Nếu sát tinh hãm địa thì sự nguy hiểm gia tăng, giảm thọ, bạc phước.

Các cách tốt của hóa kỵ :

Hóa kỵ ở cung tỵ hợp có khoa hội chiếu là người khôn ngoan cẩn thận từng chút, không mất lòng ai và được sự quý mến của mọi người.

Hóa kỵ đắc địa ở thìn tuất Sửu Mùi, nếu gặp nhật nguyệt sáng đồng cung thì trong trường hợp này hóa kỵ như đám mây ngũ sắc. Có cách này được hưởng phú quý lâu dài. Riêng ở Sửu Mùi đồng cung với nhật nguyệt, nếu được thêm tuần triệt án ngữ thì rất rục rờ nhưng đương số lại hay đau mắt và suy nhược thần kinh.

Nếu hóa kỵ đồng cung với liêm trinh tham lang ở tỵ hợp thì hóa giải được nhiều hung họa do cặp sao này gây ra. Có hóa kỵ ở tỵ hợp cũng đỡ lo về bệnh tật hoặc tai họa.

Hóa kỵ ở tỵ có khoa lương hội chiếu nếu có thêm cát tinh hội hay xung chiếu là người có danh vọng có tư cách được nhiều người mến chuộng hậu thuẫn.

Ở cung quan lộc có hóa kỵ miếu thì phát lớn. Nếu gặp tấu thư ở dần mao thân Dậu là người làm việc bàn giấy hay giữ các công việc về hồ sơ mà phát tài.

Hóa kỵ gặp lộc tồn là người buôn bán giỏi.

Hóa kỵ ở các cung :

Ở cung bào thì anh em xung khắc mỗi người một nơi.

Ở tài bạch thì hao tán tiền tài.

Ở quan lộc thì trắc trở công danh.

Ở hai cung quan lộc và tài bạch, hạn gặp hóa kỵ phục binh là cách bị trộm cướp, hao tài tổn của.

Ở cung nô thì bạn bè tôi tớ phản trắc.

Ở cung tử tức thì con cái không hòa thuận nhau và xung khắc.

Ở cung phụ mẫu thì cha mẹ bất hòa.

Ở cung phối thì vợ chồng xung khắc bất hòa. Nếu có đào hồng đồng cung thì vợ chồng lừa dối nhau để ngoại tình hoặc khi vợ hay chồng chết sẽ tục huyền ngay. Gặp kỵ riêu ở cung phối thì hay bất mãn về sinh lý hoặc vợ chồng rất là dâm dăng, ngoại tình bừa bãi.

Hóa kỵ theo một vài tác giả còn tượng trưng cho máu huyết.

Nhập hạn :

Miếu vượng đắc địa (thìn tuất Sửu Mùi) mưu sự thành công danh tài hoạnh phát nhưng sức khỏe hơi suy giảm và hay mắc tai tiếng. Nếu gặp nhật nguyệt sáng sủa hội hợp thì rất tốt nhưng mắt bị đau hoặc cha mẹ bị đau.

Hãm địa quan chức bị truất giáng, đau ốm tang thương, mất của kiện cáo, ra ngoài không được như ý.

Hạn gặp kỵ hình kiếp mắc tai nạn về gươm đao súng ống. Hạn gặp kỵ phá kình đâm nhau bị thương. Kỵ sát đà đau ốm nặng, đi xa bị nạn bị nhục nhã.

Kỵ hao mộc có bệnh phải mổ.

Kỵ tấu thừa kiện.

Kỵ phá tấu đánh nhau rồi kiện.

Kỵ đà hổ mắc tai nạn khủng khiếp.

Kỵ cự chết đuối.

Kỵ đà riêu nhật nguyệt mất bị mù.

THIÊN KHÔNG (hỏa)

Là một sát tinh lúc nào cũng đồng cung với thiếu dương trong vòng thái tuế.

Thiên không có nghĩa là ác hiểm, gian hùng phá tán hoặc không được việc gì, chủ sự thất bại.

Thiên không miếu ở 4 cung dần thân tỵ hợi, hãm ở thìn tuất Sửu Mùi và bình hòa ở tỵ ngọ mao dậu.

Hội tụ với kiếp sát lưu hà phục binh thủ mệnh là hạng trộm cướp, lưu manh, chọc trời khuấy nước.

Phụ nữ có thiên không thì bị lụy vì tình.

Thiên không ở cung nào cũng mang lại sự bế tắc thất bại. Riêng ở cung giải ách thì lại là sao cứu giải, cuộc đời ít bị bệnh tật tai nạn. Thiên không là một hung tinh nguy hiểm, gặp thì công danh trắc trở sự nghiệp đổ vỡ và tính mạng cũng khó toàn vẹn (nếu gặp thêm hung sát tinh và gốc đại hạn quá xấu).

Hội với đào hoa là người có mưu trí và xảo trá. Trái lại nếu hồng loan gặp thiên không thì chỉ thích yên tĩnh, sống cuộc đời ẩn dật hoặc đi tu.

Thiên không ở vị trí nào cũng nên tránh nó. Đó là biến cố đáng sợ của đời người. Ở 4 vị trí dần thân tỵ hợi lúc nào thiên không cũng đồng cung với hồng loan cho nên có ý nghĩa là sâu sắc không không. Ở 4 cung tỵ ngọ mao dậu thiên không bị lôi kéo bởi chủ quyền của đào hoa, biết bao tham vọng thúc đẩy, tham sân si, con người phải chủ động mới thoát được luật nhân quả, nếu không rồi cũng chỉ còn hai bàn tay trắng nếu không thêm cái tiếng là thủ đoạn xảo quyệt thì vẫn trắng tay. Còn ở 4 cung thìn tuất Sửu Mùi thì uy quyền của thiên không thật là vô bờ bến, biết bao anh hùng lừng lẫy khắp đông tây kim cổ phải treo cổ dưới lưỡi gươm oan nghiệt của thiên không, đáo hạn thiên không cũng đem thân thế đến chỗ hư vô. Khi đáo hạn thiên không đóng ở tứ mộ thìn tuất Sửu Mùi nghĩa là không có trường hợp đào hoa thiên không xảo quyệt mưu mẹo, không có trường hợp hồng loan thiên không thì chỉ là một số không tơ tưởng.

Vậy khi nào hạn thiên không (vòng của thiếu dương phúc đức tử phù) nhập mộ cung thì kể như trắng tay sự nghiệp mãi là khi mệnh thân thuộc cách cơ nguyệt đồng lương và đại tiểu hạn trùng phù.

Tóm lại thiên không là hạn phá sản, người đời càng luyến tiếc bao nhiêu, cố níu kéo những gì đang có trong tay mình thì mệnh mình cũng bị lôi kéo luôn với cái gì mà mình cố nắm giữ.

Đối với những người thái tuế quan phù bạch hổ thủ mệnh tư cách thường được hài lòng với hành động luôn luôn có chữ nghĩa, thế mà đến hạn thiên không cũng bị dày vò níu kéo gạt bỏ không chút nương tay.

Những người thiếu dương phúc đức tử phù muốn lấn áp vơ vét nhưng đầu ngõ đang có bộ ba lưu hà kiếp sát thiên không canh chừng để cảnh giác những kẻ thừa thắng xông lên.

Những người có tang môn điều khách tuế phá thủ mạng đến hạn thiên không thì gặp những hoàn cảnh bất ngờ.

Còn những người có thiếu âm long đức trực phù thì khờ dại chỉ vì suy bụng ta ra bụng người, gặp hạn thiên không cũng điều linh vất vả, sự nghiệp như nước thủy triều.

Thiên không không chứa một ai, không kể thời gian tuổi tác, mỗi lần gặp là một lần có nguy cơ phá sản, đến để làm tình làm tội hay để tôi luyện con người tùy theo nhân quả của từng cá nhân.

Đại tiểu hạn của một lá số tử vi đáng sợ nhất nếu đại vận 10 năm đóng ở một trong 3 cung có thiếu dương tử phù phúc đức và tiểu hạn một năm cũng nằm trên cung có sao đó (gọi là hạn thiên không sẽ gặp số không ở cuối đại vận).

Mệnh có thiên tướng đắc địa gặp thiên không là người thành công về võ nghiệp và có uy quyền lớn lao.

Hạn đang đau yếu mà gặp thiên không thì mau khỏi nhưng nếu có tuần triệt đóng thì thiên không trở nên vô dụng.

Thiên không và các sao khác :

Hạn gặp thiên không địa kiếp : gặp nhiều chuyện lời thôi, gặp gian phi trộm cướp. Nếu có thiên giải thì giải được hung tai.

Thiên không hoa cái hóa quyền : gặp hạn này thì không còn được trọng dụng nữa mà lại còn bị hãm hại.

Thiên không ngộ linh tinh đà la ở cung la vông, mệnh lại có tham liêm bị xử tử hoặc tự vẫn hay bị ám sát.

Thiên không tang điều hổ kiếp : chết đuối.

Thiên không hãm ngộ địa không lại gặp hỏa tinh nhập hạn năm đó bị tai nạn liên miên.

Thiên không địa kiếp nhập hạn ở mao dậu gặp tử vi : nếu cô đơn thì được an nhàn tránh được hạn kiếp không. Địa kiếp ngộ thiên không tại tỵ hội tuổi bính mậu tân nhâm sinh giờ tỵ ngộ mệnh lập tại Sửu dậu hội mà gặp nhiều cát tinh phò tá thì hoạnh phát và nếu đại hạn ở tỵ hội thì được hưởng lộc 10 năm.

Người mạng hỏa nếu gặp thiên không tại tỵ hội cũng được hoạnh phát.

ĐỊA KHÔNG (hỏa) – ĐỊA KIẾP (hỏa)

Trong lục sát tinh địa không kiếp kinh dương đà la, hỏa tinh và linh tinh thì hai sao không kiếp là dữ dội nhất, mạnh nhất, nặng nhất trong các sao xấu trong tử vi đầu số. Hai sao này có sức mạnh ngang với chính tinh miếu địa. Chỉ một trong hai sao này cũng đủ hóa giải hầu hết hiệu lực, ngay cả ở trên 4 vị trí đắc địa dần thân tỵ hội thì không kiếp tuy góp công gia tăng tài lộc một cách nhanh chóng nhưng ở hai sao này tiềm ẩn các sự rủi ro, hoạnh phát thì hoạnh phá như một tai biến nặng nề, tang tóc phá sản, tai nạn sẽ xảy ra. Nếu lại gặp thêm một hung tinh khác thì tai họa còn đến mau hơn và dữ dội hơn.

Vị trí tốt nhất của không kiếp là tỵ (cho người sinh giờ ngọ vì cùng hành) nên sự hoạnh phát rất mau lẹ và bất ngờ về vận hội tiền bạc công danh sự nghiệp được phát như trúng số lớn, trúng áp phe, được giao chức vụ lớn, uy quyền lớn. Ở cung hội (cho người sinh giờ tỵ) không kiếp cũng đồng nghĩa như trên nhưng cường độ thì kém hơn vài cung hội là thủy khắc sao hỏa nhưng cũng do đó mà nếu có tai họa diễn tiến sẽ không nhanh

như ở ty. Nhưng không kiếp ở ty hợi thì đồng cung nên lợi và bất lợi bao giờ cũng gia tăng gấp đôi.

Ở dần thân thì không kiếp độc thủ và xung chiếu (sinh giờ mao giờ dậu) nếu sự phát cũng không mạnh và nhanh bằng ở ty hợi. Không kiếp đắc địa gặp tuần triệt coi như hãm địa. Trái lại không kiếp hãm địa gặp tuần triệt sẽ tiêu hủy một phần lớn sức phá hoại dữ dội của hai sao này.

Không kiếp đắc địa ở mệnh ở 4 cung dần thân ty hợi thì trong đời có lúc bộc phát mạnh nhưng bộc phát rồi cũng bị hạ xuống mạnh. Tuy nhiên nếu mạng có sát phá liên tham, nhất là có phá quân thủ mệnh thì được không kiếp mới hay và mới bộc phát mạnh.

Trường hợp anh hùng nhất là không kiếp đắc địa ở ty hợi mà lại là người tuổi ty hợi. Sách thường nói rằng người âm nam mới được hưởng không kiếp ty hợi là thế vì không kiếp đóng tại cung âm thì người âm nam mới được hưởng. Cần phải phân biệt các trường hợp không kiếp ty hợi của mạng và tại đại vận. Người âm nam tuổi ty hợi được hưởng nhiều nhất. Người âm nam các tuổi khác cũng được hưởng nhưng kém hơn. Đàn bà mà gặp không kiếp ở ty hợi thì không được hưởng vì lý rằng : không kiếp phải được bộ sát phá liên tham chế ngự và chỉ huy được không kiếp mới được hưởng. Riêng nam mệnh có sát phá liên tham thì tốt mà nữ mệnh có sát phá liên tham thì xấu (xấu từ bộ chính tinh).

Không kiếp ví như hai tên cướp dữ dằn nhất ác ôn nhất, phải có người chỉ huy giỏi và đứng ngành thì mới tóm được hết khả năng của hai hung tinh này. Chính tinh chỉ huy trực tiếp không phải là phá quân, không được phá quân thì thất sát, cùng lắm là tham lang mới được hưởng nhưng bị giảm sút phần nào.

Nên ghi nhớ là mệnh phải có phá quân đồng cung với không kiếp đắc địa thì mới thật là hay nhưng mà phá quân ở ty hợi lại bị hãm địa. Nhưng riêng phá quân ở ty có vũ khúc đồng cung lại gặp thêm phá toái, có không kiếp đắc địa tại đây lại rất anh hùng, khi bộc phát thì bộc rất mạnh.

Nếu mạng có những sao lành như tử phủ đồng lương thì dù ở ty hợi có không kiếp cũng chẳng hề gì.

Dù mạng có tử vi thất sát đồng cung là cách chiến đấu, có gặp không kiếp tại ty hợi cũng không được ăn.

Vì những đặc tính đó không kiếp tượng trưng cho sự bất khả kháng mà sức người vô phương chế ngự. Ở hãm địa nếu thiếu nhiều sao giải mạnh mẽ thì không kiếp là một hồi chuông báo tử báo hiệu cho một cái chết bất ngờ và thảm khốc.

Về bệnh hoạn không kiếp báo hiệu những bệnh rất nặng gây thương tổn cho các bộ phận cơ thể dù chính chiếu xung chiếu hay hợp chiếu.

Ở vị trí đắc địa không kiếp thủ mệnh là người mưu trí thâm trầm can đảm lợi hại dám nói dám làm, kín đáo hay có những mưu thâm thủ đoạn xảo quyệt và ích kỷ (cả nam lẫn nữ).

Ở hãm địa thì một con người tán tận lương tâm, tàn nhẫn gian ác, bất kể đồng loại, dám làm những điều trái lương tâm đạo lý. Nếu có thêm hung sát tinh thì càng đúng.

Đắc địa thì cuộc đời cũng vất vả cực nhọc và thăng trầm nhưng ít nguy hiểm. Hãm địa thì không kiếp là một nghiệp chướng có những ảnh hưởng nặng nề như tật nguyên bệnh hoạn nhiều tai ách nghèo khổ cô độc. Đàn bà thì hồng nhan bạc mệnh, sát chồng hại

con, bị hãm hiếp ... nói tóm lại gặp không kiếp dù gặp trung tinh bàng tinh tốt đắc địa cũng không cản nổi sự tác họa của sao này, rốt cục cũng bị thiệt hại ê chề vào giờ chót.

Lâm thân mệnh thì bôn ba khổ cực, khó thành công ở đời. Nếu gặp nên đi tu hoặc sống cuộc đời ẩn dật nơi thôn dã thì tránh được tai vạ.

Người tu hành có không kiếp cũng có ngày phá giới.

Nhập miếu ở tỵ thì hoạnh phát rất lớn lao (phát đã như lôi) nhưng chỉ có những tuổi tỵ hội thìn tuất Sửu mới được hưởng bền lâu còn các tuổi khác thì giấc mộng giàu sang tan thành mây khói.

Không kiếp là hung sát tinh không bao giờ tử tế với ai chỉ trừ có một phá quân là chỉ huy được vì bản tính hung bạo chỉ chuyên phá hoại nên chịu hòa hợp với nhau để gây sự chằng lán. Trường hợp phá quân miếu địa hay không kiếp tỵ hội dần thân thì lúc đầu hung sát tinh đưa đương số bốc lên nhưng sau lại quật tàn tã như những vị trí khác.

Không kiếp hãm thủ mệnh là người hung tàn bạo ngược. Đồng cung với tử phủ thành ra con người e dè nhút nhát để lỡ thời cơ. Không kiếp đắc địa mà gặp tử phủ đắc địa cũng trở thành mờ ám xấu xa, tai ách trùng trùng điệp điệp. Nếu gặp tử phủ hãm thì càng thêm nguy hiểm. Nhưng không kiếp hãm địa mà gặp tử phủ đắc địa không đáng sợ lắm.

Mệnh có không kiếp tọa thủ dù hãm hay miếu địa cũng thường mắc bệnh đau phổi hoặc bệnh ngoài da mụn nhọt. Không kiếp hội với nhiều sát tinh thì trai khắc vợ gái khắc chồng. Nếu gặp cát tinh đắc địa thì cũng được hưởng phú quý một thời gian nào đó tùy theo đại hạn tốt xấu.

Không kiếp gặp hồng đào thì tình duyên dang dở phải qua mấy lần đồ mới xong. Mệnh có không kiếp đào hồng đào linh tọa thủ đồng cung thì chết non như Nhan Hồi.

Mệnh có địa kiếp gặp quan phù thiên khốc điệu khách và cự nhật thì suốt đời chịu cô đơn sầu não.

Mệnh có địa kiếp ngộ thiên cơ có hỏa tinh đồng cung hoặc xung chiếu thì hay bị cháy nhà hoặc bị phỏng lửa.

Không kiếp ở cung quan lộc gặp tử phủ khôi việt thì hay bị lừa gạt.

Không kiếp gặp tả hữu là kẻ chuyên môn đi lường gạt.

Không kiếp gặp kiếp sát thái tuế thiên không phục binh song hao thì tính mạng bị đe dọa gặp đại hạn xấu thì chết.

Không kiếp gặp hóa quyền thì công danh trắc trở. Đến hạn không kiếp gặp song hao thì tán gia bại sản, vong gia thất thế.

Đàn bà dù có không kiếp đắc hay hãm hội với hồng đào thì khó giữ được trinh tiết. Nếu không kiếp hãm địa thì khắc chồng hại con.

Nữ mạng có địa kiếp tuy không phải là sao chủ về ái tình nhưng lại có đặc tính mạnh mẽ về gian tà, thủ đoạn tàn nhẫn ác độc. Chỉ một sao này cũng làm cho hồng biết bao cách hay khác. Nếu thêm tham lang thì chẳng làm bạn với ai được. Nếu thêm riêu hỏa linh thì làm gái điếm. Có người cho rằng có mệnh thân lâm địa không còn hơn lâm địa kiếp vì có địa không thì chỉ chủ vất vả thất bại, hôn nhân trắc trở chứ ít khi chủ về gian trá ích kỷ như địa kiếp. Riêng về không kiếp đắc địa ở tỵ hội thì không có liên quan

gì đến cách đoán trên vì đây cũng là một cách tốt cho nam nhiều hơn cho nữ đối với người âm nam dương nữ.

Địa không địa kiếp là cặp bài trùng chung thân phản trắc bất kể đóng ở miếu hay hãm địa. Cung nào mà có bộ mặt không kiếp dù một hay đủ cặp thì cục diện cung đó đã có phần lệch lạc.

Không kiếp đắc địa ở hai cung ty hợi chỉ làm lợi buổi đầu, nó đưa người thụ hưởng lên thật cao rồi hất té xuống hố sâu. Ngoài ra không kiếp còn có một vài tiểu xảo như cung tử tức có không kiếp là có con hoang, con dị bào ; cung bào có không kiếp là có anh chị em không cùng một dòng chính thống, cung phối có không kiếp là duyên nợ nhiều lần chấp nối.

Cung mệnh có địa kiếp thì nghèo nàn, ích kỷ, nếu gặp hóa kỵ và thất sát thì rất xấu, cuộc đời lênhê đênhê như đi trên mặt nước.

Thân mệnh có không kiếp như mệnh không thân kiếp hoặc mệnh kiếp thân không thì như chim bay giữa trời bị gãy cánh.

Tử phủ gặp không kiếp như vua mất ngôi quan mất chức quyền hành. Dù gặp các trung tinh phát tài mà gặp không kiếp cũng bị thất bại vào giờ chót. Lâm thân mệnh thì bốn ba khó thành công quý hiển được. Không kiếp là món nợ của những người làm chính trị cách mạng.

Giải nghĩa phú :

Kiếp không lâm tài phúc chi hương sinh lai bản tiện : có nhiều vị giải là người có kiếp không ở cung tài cung phúc thì không bao giờ giàu có được. Nhưng có nhiều lá số có cách này mà vẫn giàu có nhiều khi còn là triệu phú nữa. Như vậy chữ bản tiện không thể chủ nghèo được mà chỉ có thể đúng nghĩa của nó là chủ keo kiệt bản xỉ bản tiện. Cách sống của những người này tuy giàu có nhưng vẫn có hình bóng của chữ bản nghĩa là nghèo mặc dầu họ có bạc triệu bạc tỷ trong tay mà cách ăn mặc vẫn luộm thuộm bẽ bối, không dám mua sắm một thứ gì thậm chí đau yếu bỏ tiền ra mua thuốc họ cũng tiếc, sợ tốn tiền hay thuốc đắt. Người ngoài cuộc nhìn vào chẳng thấy đương số có vẻ gì giàu có cả.

“Phu thê không kiếp trùng xung

Trái hai ba độ mới xong cửa nhà”

Có nghĩa là cung phu thê của mình có không kiếp đồng cung hay hội chiếu. Nhiều người cứ bị ám ảnh bởi hai hung tinh đó nên lo sợ và thất vọng vì không kiếp hãm địa mà gặp tả hữu thì phải làm lại cuộc đời 2, 3 lần lên xe hoa mới yên bề gia thất. Nhưng nếu không kiếp đắc địa tại ty hợi có bền vững hay không thì còn phải xem lại lá số đối tượng của đương số mới biết được. Nếu thấy cũng có không kiếp nhất là đắc địa thì phải nói rằng đó là một điều may mắn vì đó là cách dĩ độc trị độc nhưng dù sao trước khi lấy nhau thì hai bên cũng phải chịu nhiều cay đắng mới thành công và bền vững được. Nếu trước khi lấy nhau mọi việc đều êm đẹp thì sau khi chung sống một thời gian sẽ có nhiều bất lợi vì hung tinh mà giao thiệp với nhau thì bao giờ cũng ẩu đả nhau khi có dịp. Nói tóm lại không nên ham không kiếp ở cung phối.

Không kiếp với các sao khác :

Mệnh có địa kiếp miếu vượng gặp nhiều cát tinh hội hợp là người quân tử sau này sẽ được vinh hiển.

Mệnh xấu xa mờ ám có không kiếp tọa thủ hay hợp chiếu gặp phục binh kinh dương là hạng côn đồ trộm cướp.

Mệnh có không kiếp hãm địa tọa thủ là người ăn trộm hay ăn cướp, nghèo hèn nếu không cũng chết yểu.

Mệnh thân có không kiếp tọa thủ gặp tuần triệt án ngữ thì không sợ tai nạn nguy hiểm.

Mệnh gặp không gián kiếp không nghèo hèn cũng chết non, suốt đời lam lũ không thể giàu có được.

Mệnh gặp không kiếp suốt đời nghèo hèn, nếu lại bị hình kỵ xâm phạm thì tối độc. Hạn có cách này thì bị phá sản hay bị bệnh nặng.

Cung quan lộc an tại tỵ hội có không kiếp tọa thủ thì lúc phát mạnh như sấm sét.

Cung tử tức có không kiếp thì ba bốn lần sinh con đều bỏ sau mới nuôi được.

Cung phúc đức có không kiếp tọa thủ thì có người đi xa chết.

Cung phúc đức có địa kiếp tọa thì trong họ có tai ương.

Cung bào có không kiếp thì lúc nào cũng chỉ có một mình.

Không kiếp ngộ đào hay bị đắm thuyền.

Không kiếp ngộ quan phù lo buồn bị kiện.

Không kiếp quyền uy quyền suy sụp, công danh trắc trở.

Không kiếp ngộ sát có kẻ trộm rình ở nhà.

Nhập hạn :

Khi không kiếp nhập hạn mà ở miếu vượng địa thì mọi sự gì cũng được như ý, thành công nhanh chóng, hoành phát công danh tài lộc nhưng sức khỏe suy yếu và hay mắc bệnh ngoài da.

Nhập hạn ở cung hãm địa mắc bệnh về khí huyết, mất của mất lửa bị giáng chức mất việc.

Đại tiểu hạn có không kiếp thì lâm đại nạn.

Hạn gặp không kiếp tuế phục hao kinh đà sát tính mạng khó an toàn, nếu đại hạn lại xấu hoặc trái ngũ hành thì chắc chết.

Không kiếp hỏa linh kỵ tuế hao phục bị cướp của và nguy hiểm. Đại hạn xấu bị giết.

Không kiếp tham hao tán tài mọi sự bế tắc. Không kiếp tả hữu chính mình đi lừa người ta.

KINH DƯƠNG (kim) – ĐÀ LA (kim)

(đắc thìn tuất sửu mùi) – (đắc dần thân tỵ hội)

1. Kinh dương : là bắc đẩu tinh và là sát tinh và hình tinh chủ sự sát phạt phá hoại, hữu dũng vô mưu, tuy tác hại nhưng còn chiêu hồi được. Nói cách khác khi nó hãm địa thì là những bộ mặt quỷ dữ chủ trương tiêu diệt phá phách. Nhưng khi chúng đắc địa nhất là ở sửu mùi thì lại là những mẫu hình như Chung Vô Diệm tuy xấu mặt nhưng rất tốt bụng

luôn luôn chủ trương cứu khốn phò nguy chứ không sớm đầu tối đánh, cho phát lên mây xanh rồi chìm xuống bùn lầy như cặp sao không kiếp.

Kinh dương đắc địa ở 4 cung thìn tuất Sửu Mùi, ở 4 cung đó tăng thêm uy lực của những sao cùng thủ một cung, nhất là các đặc tính dũng mãnh cơ mưu can đảm, quả quyết nhanh chóng, vì có những đặc tính đó nên nhiều khi thành thô bạo, sẵn sàng kiên cường tự đắc.

Ở đắc địa thì tuổi Hợi Tý Sửu có cá tính quả quyết mạnh bạo nhiều mưu trí.

Cư ở ba cung tỵ thân Hợi là vượng địa : tính nết cũng mạnh bạo quả quyết, có mưu trí nhưng đã hơi có ảnh hưởng ác sát tinh như độc ác gây tai họa bệnh hoạn. Ở đây kinh dương còn tùy theo ảnh hưởng của các sao đồng cung.

Ở 4 cung tỵ ngọ mao dậu là hãm địa kinh dương tung hoành hết khả năng của một sát tinh với những đặc tính hung bạo giết chóc, gây tai họa bệnh tật liều lĩnh gian trá, ương ngạnh bướng bỉnh.

Vai trò của kinh dương : kinh dương được coi như một sát tinh thường xuyên đi kèm theo lực sĩ có nhiệm vụ ở trường hợp nào cũng đứng trước lộc tồn dù thuận lý hay nghịch lý (xuôi hay ngược).

Kinh dương đứng trước lộc tồn để coi giữ kho tàng nhân đức của đương số đã được định mệnh dồn lại cho đương số vì công quả xây dựng từ bao nhiêu kiếp trước hoặc đã vụng tu mà vụng tay quá trớn nên đến kiếp này chỉ còn là cái mũi nhọn cá bằng danh từ kinh lực (kinh dương – lực sĩ) cho ta thấy ngay một hình ảnh vệ sĩ sẵn sàng chống cự mọi sự lạm dụng không hợp lệ sẽ bị thẳng tay tiêu diệt.

Trong hàng ngũ lực sát tinh kinh dương có một nhiệm vụ đáng kể nhất không như địa không địa kiếp quá rộng rãi. Kinh dương không cần biết đương số là giai cấp nào thái tuế phá thiếu dương thiếu âm mỗi khi gặp mặt kinh dương là có sự chảnh lảnh. Hỏa tinh và linh tinh còn tùy theo tuổi và giờ, nếu đương số chảnh may có hai sao này trong nội bộ (tam hợp) thì không khác gì vi trùng đã xâm nhập vào trong cơ thể làm suy nhược sức khỏe. Cặp lưu hà kiếp sát do thiên can và địa chi phối hợp đã cho thấy biết bao nhiêu trường hợp có thể về với Phật với Chúa do cặp sao này. Bởi tính chất oan nghiệt nên người ta gán cho hạn gặp hai sao này là hạn thiên tru địa diệt (trời tru đất diệt).

Kinh dương trên địa bàn tử vi thi hành phận sự không khác gì thiên không đứng cặp với đào hoa hay hồng loan trên mỗi địa hạt mà quyền hạn đã được giao phó. Ai cũng biết rằng tam hợp có 3 thế dùng phù hợp cho nhau là sinh chính và mộ. Thiên không ở tứ sinh phải tùy thuộc hồng loan hướng dẫn, khi chán cảnh phù vân thì mới tu thân hoặc ẩn dật. Ở tứ chính thiên không tùy thuộc đào hoa nên phát sinh tình trạng tranh đua hơn thiệt với đời. Còn ở tứ mộ thì lâm vào cảnh gần đất xa trời nên chỉ quan tâm đến chuyện lưu truyền tên tuổi.

Tư cách của kinh dương cũng tùy theo chỗ đứng mà thi hành nhiệm vụ. Ở nơi tứ sinh dần thân tỵ Hợi dành riêng cho những tuổi âm nam, kinh dương có tính cách vị tha nên sự bén nhọn có phần ít nguy hại vì kinh dương thuộc kim cũng là một thứ thiên hình sắc bén. Kinh dương ở tứ mộ mở màn cho phe nữ (cả hai phái giáp bính mậu canh nhâm có dương nữ, ất đinh kỷ tân quý có âm nữ được coi là đắc địa hợp với tính nữ giới). Phần còn lại nơi đất tứ chính (tý ngọ mao dậu) đóng vai trò đầu não của mỗi tam hợp tranh đua

chế ngự lẫn nhau giành phần ưu thế được thêm kinh dương bồi đắp hướng dẫn thì đối phương không còn giá trị gì trong vai trò cốt yếu trong thế tam hợp.

Vậy tại sao chỉ thấy các sách đề cao vai trò kinh dương trong hai tuổi mậu và nhâm, còn tuổi bính thì cùng địa vị tuổi mậu lại không được nhắc tới :

Mậu và nhâm là hai thế đứng đối diện nhau. Vì mậu đứng trên sinh địa (hỏa sinh thổ) có thể lấp được nhâm (thổ khắc thủy) còn tuổi bính thì định luật đã ghi phải nhường bước cho nhâm (thủy khắc hỏa) nên mậu và nhâm thành hai thế quan trọng.

Kinh dương nơi đây tạo nên một loại đầy khí phách hiên ngang, cuộc sống kết thúc bằng hai đường lối để vượng và hoa cái.

Còn vị trí mao dậu trong hai tuổi giáp và canh thì kinh dương lâm vào cảnh âm (nghịch lý âm dương) nên phải chịu cộng tác với lưu hà để cảnh báo đương số.

Kinh dương tọa thủ ở mệnh thì da xám mặt choắt lộ hầu. Kinh dương dần thân tai hại nhất đối với hai tuổi giáp và mậu, mang tật bệnh kinh niên trong người, nếu may mắn có trung tình phúc tinh hội chiếu giải thì mới thoát được và lại là người khéo léo về tiểu thủ công nghệ. Kinh dương ở mao dậu thì mắt kém và chân tay hay bị thương tích.

Ngoài ra kinh dương còn biểu tượng cho cây kiếm và cây bút vì thế nên :

+ Văn cách : nhiều khi cũng cần phải có kinh dương thì mới mạnh mẽ nhanh chóng cơ mưu quyền biến. Thí dụ kinh dương ở cung tuất đồng cung với thiên không (thiên không cái trống của trời) chỉ cách văn chương nổi tiếng được nhiều người biết đến, nếu thêm nguyệt đức thì viết văn nổi tiếng và được tôn sùng.

+ Võ cách : nhiều khi cũng cần phải có kinh dương trong thời loạn mới hoành phát. Quân sự cần có kiếm mới làm được việc dù kiếm có dính ít hay nhiều máu. Hung thần càng đắc địa hoành phát (phát dã như lôi) nhưng đến một hạn nào đó thì hoành phát, khi đó đương số sẽ xuống rất nhanh.

Kinh dương và các sao khác :

Kinh dương gặp nhật nguyệt đồng cung thì trai khắc vợ gái khắc chồng.

Kinh dương gặp liêm cự ky đồng cung thì có ám tật. Nếu liêm cự ky lại hãm địa thì có tật nặng (tàn phế, què cụt chân tay) càng về già càng khổ.

Kinh dương ở mao dậu thì có tật ở mắt hay ở chân tay.

Kinh ngộ hỏa linh lưng có tật hay bị gù lưng hoặc bị nhức mỏi.

Kinh dương ở dần thân tuổi giáp mậu thì có tật trong người buồn khổ cả đời, phải ly hương mới sống được phá tán tổ nghiệp, lang thang làm tiểu công nghệ để sống qua ngày.

Kinh đà giáp mệnh tức là mệnh có lộc tồn thủ thì hay phải suy nghĩ lao tâm khổ trí.

Kinh cự chân tay có tật bệnh hoạn.

Kinh đà ngộ đào hoa hay hồng loan chơi bởi trai gái mang họa vào thân.

Kinh dương cư mệnh ngộ diếu khách trai sát vợ gái sát chồng, suốt đời sầu muộn, sống xa gia đình.

Kinh bị mã xung chiếu số vất vả long đong.

Kinh ngộ kiếp giảm thọ.

Kinh dương bạch hổ có không kiếp chiếu số chết non.
 Kinh hỏa tham vũ danh tiếng lẫy lừng, địch ở biên cương phải khiếp sợ.
 Kinh dương thiên đồng thái âm phượng các giàu sang suốt đời.
 Kinh ngộ tả hữu xương khúc trong người có nhiều sẹo hoặc nốt ruồi.
 Kinh dương và tử phủ đồng cung là triệu phú đại thương gia (tức là kinh dương ở dẫn thân).

Kinh ngộ tử vi doanh giàu có nhưng kém cách tử phủ đồng cung.
 Kinh đà ngộ đại tiểu hao đã nghèo mà còn hay gặp tai họa.
 Kinh dương thủ mệnh có kỵ giáp hay hợp mệnh bệnh hoạn khổ sở hay gặp tai nạn.
 Kinh dương giáp mệnh có tướng tọa thủ thì bị tù liên miên.
 Kinh lực có sức khỏe có công lao nhưng không ai biết đến.
 Kinh đà hỏa linh và tứ sát nếu đi cùng nhau ít sao giải nổi, nếu nhiều sao giải cũng chỉ bớt đi chút đỉnh mà thôi, 4 sao này có ảnh hưởng :

- + Kinh dương tọa thủ, 3 sao kia hợp chiếu có tật ở lưng hoặc bị gù lưng.
- + Nếu cả 4 sao cùng hãm địa như người quân tử mất hết quyền lực, kẻ tiểu nhân bị tù tội tai ương, xung khắc gia đình, nữ mệnh thì xung khắc chồng con.
- + Nếu cả 4 sao cùng đắc địa thì phát dã như lôi, nhưng hậu vận cũng không được toàn mỹ.
- + Tứ sát ngộ các tinh phát tài.
- + Tứ sát ngộ hung tinh suốt đời cùng khổ bất nhân.
- + Tứ sát cự dâm đang.
- + Tứ sát phá quân thất sát số của thẩm phán (quan tòa) thích sát phạt, tuyên nhiều án tử hình.
- + Tứ sát kiếp sát chết đường chết chợ hoặc bị người ta giết hay vì tiếc của mà chết.
- + Tứ sát thất sát phá quân riêu kẻ giết người.
- + Tứ sát ngộ tử phủ chết yếu nhưng có danh giá, nếu có thêm hồng đào càng chứng tỏ thêm sự chết yếu.

Cũng như địa không địa kiếp có đắc địa mới có ăn nên, kinh dương và đà la chỉ ăn ở các cung đắc địa và cũng cần phải có chính tinh chỉ huy, kinh đà phải có thất sát mới có ăn to.

Kinh đà bao giờ cũng đóng ở hai bên lộc tồn cho nên không bao giờ có trường hợp đồng cung.

Kinh dương kỵ các tuổi Dậu Tuất Hợi, 3 tuổi đó đến đại hạn có kinh dương là gặp phải họa phải coi chừng.

Đắc địa thủ mệnh thì tính tình nóng nảy táo bạo ngang tàng buốt khuất tự đắc kiêu căng. Ở hãm địa thì gian trá độc ác hay giết chóc phá hoại trộm cướp bị nhiều bệnh tật, đàn bà thì khắc chồng hại con dâm dật lãng loạn, nếu gặp thêm hung sát tinh thì khả năng hung hãn còn mạnh hơn. Kinh dương hãm địa ở ngộ có nghĩa là bất đắc kỳ tử, tai nạn khủng khiếp bất ngờ hay bị tàn tật.

Mệnh giáp kinh đà hay bị chạt vật về sinh kế, kiếm ăn khó khăn, lên xuống như nước thủy triều. Đối với người tuổi tân thì kinh dương được coi như đệ nhất văn tinh, văn chương quán thế, nếu kinh dương cư tuất hoặc kinh dương cư thìn với người tuổi ất.

Ở cung vô chính diệu kinh dương độc thủ là anh hùng biên cương.

Kinh dương ngộ tuế hình riêu kỵ là người ăn nói đanh thép làm mọi người nể phục.

Kinh dương thủ mệnh thì tính nết lạnh lùng, nham hiểm như hóa kỵ và là những luật gia danh tiếng.

Kinh dương gặp hóa lộc thì nhờ buôn bán mà thành tỷ phú.

Kinh dương hãm gặp thất sát thiên hình thì làm nghề đồ tể hoặc bán thịt bò heo chó.

Kinh dương độc thủ ở mệnh thì người cao mặt dài mắt lồi. Ở tý Ngọ Mão Dậu không yếu cũng tàn tật.

Kinh dương tại mệnh hay chiếu mệnh gặp liêm trinh hóa kỵ đồng cung thì trong người có tật. Trường hợp 3 sao đó hãm địa mà gặp thêm hung tinh nữa thì không tránh khỏi tai nạn xe cộ hay tai nạn chiến trận. Nếu gặp tuần triệt án ngữ thì sẽ đỡ đi rất nhiều.

Nữ mệnh có kinh dương thủ ở thìn tuất Sửu Mùi thì vượng phu ích tử đoan trang và thẳng thắn. Nếu kinh hãm là người khắc chồng hại con, hạ tiện dâm dật nếu không gặp tuần triệt cứu giải.

Đối với cả nam lẫn nữ mà cung mệnh an tại Ngọ có kinh dương gặp khoa quyền lộc tả hữu lại có chính tinh đắc địa thì sẽ phát lớn về võ nghiệp nhất là đàn ông tuổi Bính tuổi Mậu thì đẹp vô cùng. Trái lại kinh dương tại Ngọ mà gặp sát tinh thì tàn phế, tai nạn bệnh tật triền miên hoặc yếu vong.

Mệnh tại Ngọ có thiên đồng thái âm kinh dương lại thêm long phượng giải thần thì uy quyền hiển hách, có nhiều công lao giàu sang trọn đời. Mệnh ở thế này cũng tốt nhưng không bằng ở Ngọ.

Mệnh an tại Tứ Mộ (thìn tuất Sửu Mùi) có kinh dương hỏa tinh đồng cung là người có uy quyền khét tiếng, nếu gặp cả tham lang vũ khúc thì là anh hùng cái thế, uy dũng muôn người khiếp sợ.

Kinh dương gặp bạch hổ là người đa mưu.

Kinh đà thủ mệnh gặp kiếp sát thì không thọ.

Kinh dương hay đà la gặp hỏa linh ở mệnh gặp nhiều sao sáng sửa thì tài lộc hưng vượng. Trái lại gặp sao mờ ám thì trọn đời gặp tai ách yếu vong vì thương tích. Cũng cách trên mà đóng ở cung thân là người gù lưng.

Mệnh có lộc tồn tất giáp kinh giáp đà nếu mệnh không có cát tinh là người lang thang sống bằng lời nói.

Nếu giáp kinh đà mà mệnh lại thêm hóa kỵ là người túng thiếu triền miên đi kiếm ăn ở phương xa may ra mới đủ ăn.

Cung mệnh có kinh dương gặp thái tuế thiên hư hay điều khách đồng cung tọa thủ thì suốt đời chịu tang tóc.

Kinh dương chủ hung bạo thường dĩ oán báo ân thân sơ không kể nhưng có tính anh hùng chớ không quá nham hiểm như hóa kỵ.

Kinh dương chủ về thành công về công danh và tài lộc nhưng vẫn có đặc tính của hung tinh là chuyên oán đạt.

2. ĐÀ LA : cũng là một hung tinh trong lục sát tinh. Đà la độc thủ ở mệnh thì thân hình cao, hơi gầy, lông tóc rậm rạp, mặt thô, răng xấu, mắt kém, da đen. Đà la đắc địa là người can đảm thông minh, nhiều cơ mưu là thủ đoạn lại thâm trầm. Đà la hãm địa là người hung tợn dâm dật nham hiểm.

Đà la thủ mệnh gặp riêu cái tuế nói ngọng.

Nếu là hãm địa lại gặp linh hỏa không kiếp kỵ hình thì suốt đời khổ sở đau yếu tật nguyên tù tội và gặp nhiều tai ách khủng khiếp.

Đà la kinh dương thất sát hội hợp nếu gặp tử vi thiên tướng thì có thể hóa giải được.

Đà la gặp không kiếp kỵ hình thì cô đơn cùng khổ, giang hồ phiêu bạt cả đời hoặc bị móm, mắt kém có thể bị lừa hay thông minh và hay bị kiện cáo tù tội, nếu không có tật trong người thì không thể sống lâu được.

Đà la đắc địa ở 4 cung dần thân tỵ hội và cũng như không kiếp có đắc địa mới ăn đà la, chỉ ăn ở các cung đắc địa và cũng phải có chính tinh chỉ huy. Đà la và kinh dương phải có thất sát mới ăn được.

Ở cung mệnh vô chính diệu không có tuần triệt là cách đà la độc thủ, rất oai hùng đương số sẽ phát mạnh về võ nghiệp nhưng phải là người mạng kim hay mạng thủy mới ăn được chứ mạng hỏa lại không ăn. Trong trường hợp đó đà la đã thành chính tinh rực rỡ cho nên không cần tuần triệt tại đó, nếu có lại hỏng hết các cách hay.

Đà la ở thìn tuất đóng vai trò la võng chi địa. Không phải cứ hai cung thìn tuất mà là thiên la địa võng tức là lưới trời ràng buộc đương số, phải có đà la tại đó mới thành lưới trời ràng buộc. Mạng ở thìn tuất có đà la thì mới bị ràng buộc, ngay ở cung mạng mới sợ chứ nếu chiếu cũng không sợ. Ở cung thìn tuất có tuần triệt án ngữ cũng không sao vì tuần triệt đã chế ngự các họa tại cửa đà la.

Đà la ngộ bạch hổ, các cụ giỏi tử vi thường nói hổ tàng phong vi linh vật và khen cách này hay lắm (hổ tức là bạch hổ, phong tức là đà la), cách này giúp cho người có lá số thành người độc đáo khác thường nhưng với điều kiện là không gặp cách hiểm khác thì mới gọi là linh vật cũng như bạch hổ gặp thiên hình.

Hạn đà la mà gặp thái tuế cùng sát tinh như tang hổ kỵ kiếp sát thì có tang nếu không cũng bị nạn cò bót hay thị phi miệng tiếng.

Hạn gặp đà la thiên hình hãm thì dễ sinh ra kiện cáo, đánh nhau có thương tích. Nếu gặp hỏa linh thì dễ đau yếu hoặc bị tai nạn ẩu đả.

Nếu gặp long trì và thái tuế phải đề phòng súc vật cắn.

Đà la hội với tuế hình riêu kỵ ở thìn tuất là người ăn nói đanh thép, thủ mệnh là luật gia nổi tiếng.

Đà la thủ mệnh thì tánh nết kiêu ngạo hay làm chuyện bất chính và phóng dăng vô định, hay phản trắc, không giữ được tổ nghiệp và không cư ngụ nhất định ở một nơi nào.

Đặc tính đà la là ăn nói ngang bướng gây khó chịu cho mọi người, ưa sự ngang tàng. Nếu đắc địa thì lại tốt công việc làm ăn hạnh thông bất ngờ, nói có người nghe.

Đà la đắc địa sáng sửa tốt đẹp thì thành công nhanh chóng dễ dàng nếu nhập hạn cùng tử vi thiên phủ tại tứ mộ.

Đà la hãm địa gặp nhiều sát tinh thì yếu vong, cô đơn, bần tiện, gặp nhiều tai ách, đau yếu nặng, tang tóc, tù tội.

Đà la gặp hỏa linh dễ bị bệnh thần kinh hoặc đau ốm liên miên, bất lợi tranh chấp nhau, thiệt hại của cải.

Đà tuế hổ kỵ kiếp sát tai nạn xe cộ hoặc bị thương do súng đạn, có tang, vào tù.

Thiên lương và nguyệt đức có thể chế giảm bớt sự độc hại xấu xa của đà la.

HỎA TINH (dương hỏa) – LINH TINH (dương hỏa)

Hỏa tinh và linh tinh là hai sát tinh chủ về sự sát phạt bạo tàn. Hai sao này đắc địa tại những cung sáng (dần mao thìn tỵ ngọ). Là hai trong lục sát tinh có đặc tính nham hiểm, thâm trầm hay đốt phá giết chóc, gây ra tai họa bệnh tật và giảm thọ, nên người ta còn gọi hai sao này là đoản thọ sát tinh.

Cung mệnh có hỏa tinh hay linh tinh đơn thủ thì lông tóc đỏ vàng thân hình thô lậ, hay có thương tích ở mặt miệng chân tay.

Mệnh có hỏa linh miếu địa thì ít khi mắc tai nạn.

Những người sinh năm dần mao tỵ ngọ có hỏa linh đắc địa độc thủ thì có sức khỏe ít khi mắc tai nạn bệnh tật nguy hiểm lại can đảm, có chí khí nếu được nhiều trung tinh đắc cách hợp chiếu thì được hưởng giàu sang phú quý trọn đời.

Nếu hỏa linh hãm địa thì là người nham hiểm, liều lĩnh hay mắc bệnh thần kinh hoặc khí huyết, sức khỏe càng về già càng yếu kém hay gặp tai nạn và trong nhiều trường hợp bị yếu vong (cho đúng nghĩa là yếu thọ sát tinh).

Hỏa linh có lối an sao khiến cho tuổi nào cũng có thể gặp hỏa linh nhưng linh hay hỏa mạnh chỉ cần gặp một linh hay một hỏa cũng đủ để gây ảnh hưởng. Gặp một hay hai sao hỏa linh tại mệnh hay tại đại vận thì những người tuổi tân tuổi canh tuổi thân và mạng kim phải coi chừng. Gặp tại đại vận hay gặp những rắc rối khó khăn nên phải cố gắng rất nhiều mới thành đạt.

Sao nào mới trị được hỏa linh : tuy nhiên hỏa linh không hoàn toàn xấu. Hỏa linh là một sức mạnh nếu để yên không có hướng dẫn thì sức mạnh đó sẽ tác hại vô cùng, nhưng nếu có hướng dẫn thì sức mạnh đó sẽ tác hại vô cùng, nhưng nếu được hướng dẫn thì sẽ phụ giúp cho đường số rất nhiều. Cũng như cặp sát tinh không kiếp gặp phá quân mới tốt và kình đà gặp thất sát mới hay, các sát tinh đó không có chỉ huy mạnh và sáng suốt thì sự hung hãn đó sẽ trở nên rất đáng sợ.

Hỏa tinh và linh tinh gặp được tham lang thì mới tốt vì chỉ có tham lang mới vận dụng tài năng ra để điều khiển hỏa linh.

Cần phân biệt là tham lang gặp hỏa hay linh, mỗi đáng có một nét riêng biệt. Tham lang ngộ hỏa thì được phú hơn là quý. Còn nếu tham lang ngộ linh tinh ở mệnh thì chỉ có chức vụ lớn chứ không giàu có.

Những trường hợp hỏa linh tác hại :

Hỏa hay linh hoặc cả hai sao hỏa linh tại mệnh hay ở đại vận làm cho bốc cháy phá tán, tuổi canh tân tuổi thân người mạng kim thì bị nặng, ngoài ra mệnh có cơ lương gặp hỏa linh cũng bị nặng.

Phải có cách sát phá tham mới chỉ huy được hỏa linh, như vậy sát phá tham gặp hỏa linh tại đại vận thì tốt mà người mệnh sát phá tham đến đại vận gặp hỏa linh cũng tốt.

Mệnh có tử phủ gặp hỏa linh tại mệnh hay tại đại vận thì bị trở ngại, nếu đựng thêm không kiếp lại càng không yên.

Mệnh vũ khúc thiên lương gặp hỏa linh thì không sao.

Thiên tướng không sợ hỏa linh. Nữ mệnh có thiên tướng gặp hỏa linh cũng không sợ và đến đại vận gặp sát tinh đó cũng không bị ảnh hưởng.

Thiên tướng chỉ sợ hình kinh đà (nên nhớ kinh đà ở thìn Tuất mới có ảnh hưởng là lưới trời) ngăn cản công danh tiền tài của đương số.

Tử vi thiên phủ có đủ khả năng chế giải được tính hung ác của hỏa linh.

Thiên cơ và thiên lương đều thuộc hành mộc nên gặp hỏa linh cũng rất kỵ.

Mệnh có hỏa hay linh gặp hình riêu thì trong giấc ngủ hay có mộng mị quái đản. Gặp kinh hình ở mệnh hay ở giải ách thì hay mắc bệnh phong thấp. Hỏa linh tại tỵ hợi thì hay bị đau tim.

Hỏa linh gặp kiếp sát thì hay bị thương vì súng đạn hoặc gươm đao.

Hỏa linh ngộ triệt ở cung hợi có tham lang thiên hình đồng cung thì nổi danh.

Hỏa linh ngộ khoa quyền thì tài kiêm văn võ.

Hỏa linh gặp kinh hãm thì hay bị thương vì bỏng cháy.

Hỏa linh gặp hình việt thì bị sét đánh hay bị điện giật.

Hỏa linh gặp mộc dục thì hay bị bỏng nước sôi.

Hỏa linh gặp liêm phá hình ở mao dậu mà không có tuần triệt án ngữ thì cũng bị sét đánh hay điện giật.

Cung điền có hỏa linh mà không có sao thủy thì hay bị cháy nhà.

Hỏa linh đóng ở tài bạch thì bị tán tài.

Hỏa linh giáp mệnh hay gây nhiều trắc trở và dễ bị thù oán hao tổn tiền bạc.

Về phía nữ mệnh hỏa linh đắc địa là con nhà khuê các nhưng nóng nảy bướng bỉnh gan dạ, trọn đời được giàu sang phú quý. Nếu ở cung hãm địa thì là gái dâm đẳng khắc chồng hại con.

Hỏa linh gặp mã kinh đà thì có tật ở chân tay.

Hỏa linh gặp không kiếp hãm và tuần triệt thì nghèo khó và hay bị tai ách.

Hỏa linh hãm ngộ thất sát cũng hãm là số yếu vong.

Hỏa linh hãm gặp phá quân cũng hãm là số phá tán tài sản.

Hỏa linh gặp xương khúc và vũ khúc ở thìn phải đề phòng nạn sông nước hay tù tội.

Mệnh thân có hỏa linh miếu vượng địa là hung tinh đắc địa phát dã như lôi : có chức vụ lớn hoặc giàu có lớn.

Mệnh thân có hỏa linh miếu vượng là cách quý và phải luận là phúc chứ không phải là hung họa.

Mệnh thân đàn bà có 3 sao hỏa linh kinh hãm thì chết non hay hạ tiện, nếu ở cung miếu thì khá giả.

* Hỏa tinh miếu ở 3 cung dần ngọ tuất, vượng ở mao tỵ mùi, đắc ở sửu dậu hợi và hãm ở 3 cung thân tý thìn.

Hỏa tinh miếu vượng nhập hạn thì trong nhà có sự vui mừng, tiền tài danh vọng tiến triển.

Hỏa tinh hãm địa nhập hạn thì bị bệnh thần kinh, bệnh máu huyết, bị lừa đảo, kiện tụng giáng chức, hao tán tiền tài mau lẹ.

Hỏa tinh mộc dục phỏng nước hay lửa.

Hỏa tang nhà cửa bị cháy, nếu đóng ở cung thủy thì đỡ.

Hỏa kinh đà tai nạn ẩu đả.

Nữ mệnh có hỏa tham là dâm phụ ác phụ đổ gãy gia cang hao tán tiền bạc.

Linh tinh : hỏa tinh và linh tinh thường đi cặp đôi với nhau, nếu ở hãm địa thì gây nhiều bệnh tật, tai họa rất kinh khủng. Thí dụ mạng hỏa hạn đến cung gặp linh hỏa thêm ác sát tinh lại không gặp sao giải đương số có thể mắc bệnh thần kinh hoặc phát điên khùng một cách nhanh chóng. Trong các cung nếu về tuổi già gặp sao này cùng ác sát tinh tụ hợp thì rất xấu, nếu gặp nhiều cát tinh quý tinh thì độ xấu được giảm thiểu.

Linh tinh cũng như hỏa tinh chủ sự phá hoại hao tán, tính tình độc ác, hoặc ác ngầm và nhiều mưu kế.

Linh tinh nhập hạn miếu vượng nhập hạn thì danh tài hưng vượng, công việc làm ăn nổi tiếng. Hãm địa thì đau yếu có thể điên cuồng, tai nạn súng ống đau thương kiện tụng tang tóc.

Linh tinh văn xương vũ khúc nếu ở cung thiên la (thìn) thì bị tù tội hoặc chết đuối.

Linh thai lú lẫn mù người.

Linh hao tiền của danh vọng tiêu tán, thua bạc.

TANG MÔN (mộc) – BẠCH HỔ (kim)

Tang môn bạch hổ là một cặp bạo tinh có tính cách dững mãnh bạo tợn.

Tang môn bạch hổ thủ mệnh thì nét mặt không được vui phảng phất nét buồn. Người có tang môn thủ mệnh thì phổi không được khỏe, hay mắc các chứng bệnh về phổi và ruột, nhất là bệnh lao và còn mắc các chứng bệnh về áp huyết cao và đàm nhiệt.

Về tính nết thì người có tang môn bạch hổ thuộc loại người tế nhị, kín đáo biết lo xa, không làm điều gì liều lĩnh hoặc bất hợp pháp, không hấp tấp vội vàng do đó các sự thành công thường hay chậm trễ. Người tang môn bạch hổ sở dĩ có khuôn mặt buồn sở dĩ họ không nói hết các tâm sự của mình để cho với bớt nỗi sầu lúc nào cũng ở đáy lòng, bởi vậy họ kín đáo. Nếu họ có thanh long hoặc song hỷ ở mệnh thì họ mới chịu thổ lộ tâm can một phần nào cho với bớt nỗi u hoài. Nếu họ lại có thiên phủ lộc tồn đồng cung hay xung chiếu nữa thì họ càng kín đáo dè dặt hơn. Ngoài ra người có tang môn bạch hổ thủ mạng vì hay buồn nên thường lộ mọi điều gì làm cho họ suy nghĩ cho nên họ càng thận trọng trong việc giao tế hay hành động cho nên rủ một người mà có tang hổ thủ mệnh đi buôn lậu hoặc làm bất cứ việc gì bất hợp pháp là chắc chắn không được họ hưởng ứng trừ khi mệnh họ có thêm nhật nguyệt không kiếp hỏa linh thì may ra họ mới dám làm nhưng vẫn dè dặt thận trọng. Vì vậy hợp tác kinh doanh với người có tang môn bạch hổ thì có thể yên tâm là tuy không bộc phát mau lẹ nhưng sự thành công phải chắc chắn. Kết giao

với người có tang môn bạch hổ về phương diện tâm tính mà mình lại có tính bộc trực thẳng thắn quá thì mình sẽ thất bại nặng nề.

Tuy gọi là hai bại tinh nhưng tang hổ có hồi chánh được, nghĩa là đang xấu lại có thể trở thành tốt khi gặp trường hợp : tang môn gặp thái dương ở mệnh hay ở thân cũng tốt cũng như nhập hạn vì mặt trời chiếu qua cửa ngõ môn tức là có công dụng đúng lúc và đúng chỗ do đó công danh sự nghiệp được tiến triển. Còn gặp thái âm thì không hợp các vì tang môn không hợp với đêm tối.

Khi có bạch hổ tọa thủ tại mệnh lại có thiên hình đồng cung hoặc xung chiếu thì đó là cách oai phong凛冽 như ông tướng (bạch hổ) có kiếm báu (thiên hình), nhất là khi bạch hổ cư cung dần hoặc cung thân nhưng với điều kiện là không có sao hiền kèm theo. Ví dụ như quan phúc tai tọa tứ đức ... vì các sao này làm giảm nghĩa khí của ông tướng như vậy khó thành công và khó có uy quyền thực sự.

Tang hổ tuy chủ về lo buồn phiền muộn nhưng cũng có nghĩa là làm cho người khác lo buồn phiền muộn đau khổ khai hai sao đó đóng tại cung mệnh hay quan lộc vì mình có khả năng làm cho kẻ khác lo buồn thì mình phải có uy quyền sinh sát tức là có chức phận cao ở các ngành công an tư pháp thuế vụ thì mới có thể gây thất điên bát đảo cho thiên hạ được. Lễ tất nhiên cần phải có một số sao khác bổ túc thì uy quyền mới đạt được nhất là có các sai khoa quyền lộc và khốc hử. Hai sao khốc hử thì cũng chủ về đau buồn rơi nước mắt nhưng khi đóng đúng chỗ thì chính người khác phải chia sự đau buồn rơi nước mắt chứ không phải là chính mình.

Tuy vậy hai sao tang hổ và khốc hử không nên tọa thủ mệnh thân vì như thế chính mình cũng phải chịu ảnh hưởng của các sao đó tức là cũng đau khổ trong lòng mặc dù cũng gây được điều đó cho người khác.

Tang môn bạch hổ đắc địa có nghĩa là tài giỏi quyền biến mưu lược can đảm ứng phó giỏi với nghịch cảnh, có nghị lực giỏi xét đoán lý luận hùng biện. Đó là bộ sao của các luật sư thẩm phán chính trị gia có khả năng thành công về các ngành đó.

Tang môn nhập miếu là cách tứ phương củng phúc anh hùng văn võ toàn tài và lập võ nghiệp hiển hách. Cũng như song hao tang môn bạch hổ bao giờ cũng đóng ở đối cung với nhau.

Tang hổ dù đắc hay hãm địa mà gặp nhiều sát tinh là người bạo ngược tàn ác nhưng lại hay bị tai ách khắc vợ khắc chồng hoặc bị tù tội.

Tang hổ hãm địa là người ngoan cố bướng bỉnh hay ưu tư phiền muộn thích chơi bời say sưa, thích ăn ngon mặc đẹp.

Mệnh có bạch hổ sinh ban đêm rất quý hiếm nếu gặp thiên hình xung chiếu hay đồng cung là người có chí lớn. Bạch hổ ngộ tấu thư là người hiền đạt về văn chương nghệ thuật. Bạch hổ ngộ phi liêm là hổ mọc cách công danh thẳng tiến dễ dàng.

1. Bạch hổ : bại tinh căn cứ vào ngũ hành để luận giải. Nếu mệnh kim là hợp với bạch hổ. Bạch hổ ngộ tham lang kỵ nhất là đồng cung ở hai cung thìn và tuất vì dễ bị tai nạn xe cộ hay ác thú cắn.

Bạch hổ ngộ thất sát đến hạn xấu nếu gặp thêm hung sát tinh dễ bị đao thương súng đạn hay tù tội.

Bạch hổ ngộ hình kiếp thì bị té nặng hoặc bị tai nạn xe cộ.

Bạch hổ tang môn đóng ở cung tài bạch hay cung điền trạch dễ bị hỏa hoạn nhưng nếu điền trạch đóng tại cung ngộ thì lại bền vững và nhà cửa khang trang đẹp đẽ.

Hạn gặp :

Hổ cự điều tang có tang.

Hổ đà cự nhật đề phòng chó cắn, nếu ở trong rừng đề phòng thú dữ cắn.

Hổ hình kiếp tai nạn xe cộ hoặc té ngã đau.

Hổ tham tai nạn xe cộ hoặc thú dữ cắn (nếu nhập hạn ở hai cung thìn tuất thì khó tránh).

Hổ sát tai nạn đau thương tù tội.

Hổ phục binh kiện tụng về nhà cửa.

Hổ phi liêm hổ mọc cách mọi việc đều hạnh thông, hoành phát danh tài, trong nhà luôn có sự vui mừng.

Hổ tấu mọi sự dễ dàng thăng quan tiến chức đi thi dễ đậu.

Về phúc thọ thì tang môn bạch hổ thủ chỗ mờ tối thì chia ly xung khắc. Về bệnh tật thì hai sao này tượng trưng cho bệnh máu huyết và gân cốt, phụ nữ thì hay bệnh về kinh nguyệt và sinh đẻ. Nếu đóng ở mệnh thì phụ nữ có thể bị nguy hiểm đến tính mạng vì sinh đẻ đau tử cung hư thai hoặc khó nuôi con. Đi với sát tinh thì tai họa xảy ra rất nhiều có thể gây sự yếu vong. Phải cần có sao giải mới giải được cách xấu đó.

2. Tang môn : đến hạn chỉ sự tang tóc nếu không cũng đau yếu mất của tù tội. Tang môn cũng chỉ sự xây cất nhà nếu gặp các sao tốt hợp chiếu thì có lợi cho việc xây cất nhà cửa.

Trong sách có nói là tang môn chủ sự thất bại tang tóc nhưng nếu có tang môn lâm quan hóa quyền nhập hạn thì được tốt, có quyền hành và hoành phát.

Hạn gặp tang điều có tang.

Tang điều khốc hư cháy nhà, nếu ở cung thủy thì đỡ.

Tang khốc không thay đổi công việc (bất lợi) hoặc thay đổi chỗ ở.

Tang hổ khốc hư của cải hao tán, đau phổi ho nếu thêm sao thủy thì hen suyễn, công việc không thành, đau ốm buồn phiền.

Tang phá kỵ nhập hạn tại cung nô làm nên oán.

Tang môn gặp điều khách thiên hình thì có đại tang hoặc gây nên tai nạn xe cộ.

Tang môn gặp hỏa linh thì dễ bị ho lao hoặc phỏng.

Tang gặp thái tuế điều khách thì có thể bị té từ trên cao xuống hoặc bị kiện tụng.

Bạch hổ cư cung dậu là cách bạch hổ khiếu tây phương. Hổ ở dậu ví như đã ăn no về hang nghỉ nên không còn hung nguy vì dậu được coi như thâm sơn cùng cốc, không có ai dám đặt chân tới, bạch hổ là kim, dậu là âm kim nên bạch hổ miếu là ở chỗ đó.

Bạch hổ kết hợp với tấu thư đường phù là mang bằng cấp đi đường xa nên có những văn bằng về văn chương nghệ thuật.

Bạch hổ kết hợp với long trì phượng các hoa cái thành bộ tứ linh có thể hóa giải được hung tinh nên lưu hạn mà gặp tứ linh thì không sợ hung họa. Thi cử cầu tài cầu hôn cầu công danh mà gặp tứ linh thì đắc cách.

Bạch hổ cư ở hai cung dần mao là hổ xuất sơn lâm. Ở đây ví như hổ đã ra bìa rừng có thể nguy hiểm, ví dụ gặp thợ săn. Nếu bạch hổ cư cùng với đẩu tinh nào đó thì xem chính tinh đó thuộc hành nào để luận đoán. Thí dụ bạch hổ đồng cung với tham lang ở cung mao thì trên nguyên tắc thì hai sao này cùng vượng địa cả, tham lang cư mao giới tử vi thường cho là hổ xuất sơn lâm nên trong cung mao có nhiều sao mộc lại có sao hỏa nữa thì có nghĩa là mộc của tham lang đủ sức hợp lực mà khống chế bạch hổ (kim) vì kim sẽ bị khống chế, ngược lại bạch hổ có nhiều sao kim đồng cung như mộc thêm vây cánh để khống chế tham lang (mộc), như vậy tham lang khó cự quấy được vì lý do kim khắc mộc, cũng như một nước không thể có hai vua, vậy một phải bị tiêu diệt đó là cái lý của một chính tinh khi đồng cung với bạch hổ. Còn căn cứ vào ngũ hành của mệnh để luận : nếu mệnh kim thì hợp với bạch hổ, gia tăng thêm sao kim thì thắng được tham lang, ngược lại mệnh mộc hội với nhiều sao mộc sao hỏa thì bạch hổ sẽ bị diệt. Trong tử vi có khi chỉ nhìn vào lá số mà thấy người này có thể bị cọp ăn, người kia phơi thây nơi chiến địa là thế. Còn một cách khác giải trường hợp bạch hổ ngộ tham lang : ai cũng biết tham lang bạch hổ đều là những con thú (tham lang là con beo, bạch hổ là con cọp) cho nên nhất chung chuồng tức là đồng cung thì thế nào chúng cũng cắn xé nhau tức là lúc đó cuộc đời mình bị xáo trộn (dù cho con nào được con nào thua cũng vậy), cần phải chú ý đến hành của mình vì mình thuộc hành kim thì bạch hổ về phe ta, còn nếu mình mạng mộc thì tham lang về phe ta. Cũng có người cho rằng tham lang là hành thủy nhưng đa số các sách ghi là hành mộc. Cho nên khi ta thắng thì bao giờ cũng có lợi hơn là phe địch thắng, tuy không nguy khốn nhưng ta phải chịu môi trường trái ngược bất mãn. Muốn biết con thú nào thắng thì ta phải biết kết hợp các yếu tố khác.

Thí dụ tham lang có đủ bộ sát phá liên tham sẽ mạnh hơn và khi bạch hổ có đủ cả long phượng cái thì sẽ thắng tham lang dễ dàng nếu tham lang cô đơn. Sau phải xét đến ngũ hành của cung xem sinh sao nào thì sao đó mạnh đồng thời ta phải đếm xem cung đó có bao nhiêu sao kim bao nhiêu sao mộc. Nếu sao kim nhiều thì lợi cho bạch hổ, nếu sao mộc nhiều thì lợi cho tham lang.

Nói tóm lại bao giờ tham lang đồng cung với bạch hổ thì cũng bất lợi. Nếu tham lang không đồng cách với bạch hổ lại còn thêm phi liên tức là hai con thú ấy di chuyển mau lẹ mỗi khi cần đến và không ở chung chuồng cho nên không cắn xé nhau do đó đương số có cuộc sống suông sẻ và có hậu thuẫn vững vàng và hữu hiệu nhất là về địa hạt về chính trị. Nếu được cả thanh long có thể coi như hội đủ tất cả các con linh thú trong tử vi tại mệnh thì cuộc đời được phú quý tột đỉnh.

THIÊN KHỐC (thủy) – THIÊN HƯ (thủy)

Khốc hư cũng là hai bại tinh như tang hổ. Khốc hư đắc địa ở hai cung tý ngọ, ở các cung khác khốc hư tượng trưng cho sự phiền não, âu sầu hốt hoảng hay đáng trí. Ngoài hai cung tý ngọ khốc hư còn đắc địa ở Sửu Mùi Mão Dậu.

Khốc hay hư thủ mệnh thì sắc diện âu sầu buồn bã, thiếu sắc khí, mắt kém thần và có quầng đen. Riêng ở hai cung tý ngọ thì ý nghĩa lại thành tốt đẹp lại là người có tài hùng biện, ăn nói hùng hồn, có khiếu về các hoạt động xã hội, có chí lớn hưởng thụ. Nếu đi kèm với cát tinh thì ý nghĩa tốt càng tăng thêm.

Cư ở hãm địa khốc hư tượng trưng cho sự kém may mắn, đau buồn trong tâm hồn (nội tâm) và sự yếu tử.

Khốc hư ở tý ngọ thì tài lộc công danh phải muộn mới tốt và người có khốc hư thủ mệnh ở tý ngọ thì hay bị hình khắc hoặc thất bại về công danh sự nghiệp lúc trẻ và trung niên nhưng lại phát về hậu vận và phát bền bỉ lại tránh cho đương số các sâu thâm thị phi.

Nếu mệnh hãm là người nói trước quên sau, có thể mắc bệnh mất trí nhớ, hình khắc lục thân và quầng mắt bị đen và hay hốt hoảng hoang mang như người mắc bệnh thần kinh.

Khốc hư ở ngọ thì lời ăn tiếng nói đanh thép có cân lượng, lúc trẻ hay gặp bước phong trần, gần 40 tuổi thì phát và phong lưu khá giả. Nếu gặp thất sát hay phá quân thì có quyền chức lớn. Khốc hư gặp hình mã là võ cách lừng danh.

Khốc hư gặp hóa lộc hay lộc tồn thì hậu vận giàu có lớn, gặp khoa quyền thì phát công danh lúc về già. Khốc hư ở thìn tuất thì hay gặp tai ách, giảm thọ, cuộc đời khốc nhiều hơn cười. Khốc hư gặp thiên cơ đồng cung hay xung chiếu thì hay mắc bệnh lao.

Mệnh có thiên hư tọa thủ thì răng bị hư. Khi đắc địa gặp hóa lộc hay lộc tồn đồng cung thì nổi tiếng giàu sang. Nếu hãm địa là người bất chính ăn không nói có điều ngoa giả dối, không có tín nhiệm.

Khốc đồng cung với hình mã ở cung dần thì thành công lớn lao về nghiệp võ.

Khốc hình tuế khách là bị tang tóc triển miên.

Khốc kiếp phù khách là cả một cuộc đời buồn khổ.

Ngoài các cung đắc địa thì khốc hư ở cung nào xấu cung đó. Ở phúc đức thì bị tổn thọ, nếu đắc địa thì con cháu hiển đạt. Ở tài bạch thì lo âu về tiền bạc, hao tài tổn của khó kiếm tiền, ở tý ngọ thì trước nghèo sau giàu. Ở tử tức thì hữu sinh vô dưỡng, sinh nhiều nuôi ít. Ở phối thì tình duyên trắc trở, sống với nhau trong nước mắt hoặc xung khắc nếu có kinh đà.

Thiên khốc cư tại tuất thành hãm địa rất hung bạo cần phải có cát tinh xung chiếu hay có tuần triệt mới giải được.

Khốc hư gặp hóa quyền ở mao dậu là cách khốc quyền minh danh vu thế là cách của người có sự nghiệp ghi danh.

Ở hạn nếu hãm thì hay có tang tóc, nếu đắc địa thì được may mắn về công danh sự nghiệp tiền bạc nhưng không bao giờ được trọn vẹn và chỉ ăn trong 5 năm sau (nếu là đại hạn) hoặc 6 tháng sau (nếu là tiểu hạn) mà thôi.

Cung mệnh an tại tý ngọ có khốc hư là người đảm lược anh hùng, tiền vận nghèo, hậu vận mới giàu.

Cung mệnh thân hoặc cung phối gặp hư hình tuế khách thì nữ mệnh suốt đời mang hận vì tình phải cưỡi ngựa tang hoặc góa bụa đơn côi.

Cung mệnh có thiên khốc bệnh phù điều khách kiếp sát tọa thủ gặp cự môn kinh đà hội chiếu thì suốt đời gặp những chuyện phiền lòng, khổ sở vì chuyện vợ chồng con cái và hay gặp chuyện đau thương.

Nữ mệnh có khốc hay hư là người đàn bà gan dạ táo bạo.

Cung mệnh có khốc hãm địa tọa thủ thì rất xấu, có khôi việt mà gặp thiên không địa không tuần triệt thì chẳng làm nên sự việc gì.

Cung tử tức có khốc hư tọa thủ lại gặp đường và cô thần thì sinh nhiều nuôi ít vất vả vì đường con cái.

Cung quan lộc có khốc hư tọa thủ ở tý ngọ là người có tiếng tăm lừng lẫy.

Cung phối có khốc tang hỏa tọa thủ thì chồng hay vợ bị mù lòa hay có tật ở mắt nếu không cũng quá sớm.

Đại hạn hay tiểu hạn gặp khốc hư tang mã là hạn rất hung : hại người hại của.

Hạn gặp khốc kinh hình nổ người tuổi tân tuổi quý gặp hạn này khó lòng thoát chết, nhưng nếu gặp khoa lương hội hợp thì có thể cứu giải được.

ĐẠI HAO (hỏa hay thủy) – TIỂU HAO (hỏa hay thủy)

Đại hao và tiểu hao là hai bại tinh có tính chất chỉ sự hao hụt, ly tán, xa cách thay đổi chỗ ở hay công việc, thất bại. Đang đau ốm gặp đại tiểu hao thì chóng hết bệnh.

Đại tiểu hao miếu địa ở hai cung mao dậu và vượng địa ở hai cung tý ngọ. Nhập hạn ở hai cung mao dậu thì hoành phát danh tài, dễ kiếm tiền nếu gặp lộc thì tiền bạc dư dả tiêu xài. Ở hai cung tý ngọ thì kém hơn.

Đại tiểu hao hãm địa thì hay bị lường gạt xỏ xiên, mất của đau yếu buồn phiền.

Đại tiểu hao tọa thủ mệnh hay giải ách thì hay mắc các bệnh về bộ máy tiêu hóa (gan ruột mật bao tử), về cơ thể thì đại tiểu hao chỉ bộ máy tiêu hóa.

Về tính tình thì đại tiểu hao chỉ người không kiên nhẫn, không bền chí say mê rượu chè tửu sắc, phung phí suốt đời chịu túng thiếu.

Đại tiểu hao tọa thủ ở mệnh mà bị hãm địa là người nhỏ bé và dễ đam mê rượu chè cờ bạc tửu sắc. Tọa thủ mệnh ở hai cung mao dậu thì thông minh lanh lợi, có tài tháo vát, lập nên nghiệp lớn. Đại tiểu hao ở cung quan lộc đặc cách hơn ở mệnh thân.

Đại tiểu hao gặp thiên riêu thì tính nết chơi bời trụy lạc đến nỗi mất nhà mất của thân thế suy sụp.

Cách song hao mao dậu chúng thủy triều đông là các dòng nước đều chảy về hướng đông, ví như 4 đại dương đều chảy về thái bình dương và đại dương này tương quan địa cầu là hướng đông. Nước thủy triều lên và xuống mỗi ngày là do ảnh hưởng mặt trăng thu hút. Vị trí của trái đất tương quan với mặt trăng, đồng hành trên quỹ đạo mà mặt trăng trực tiếp ảnh hưởng đến trái đất, như vậy các ngọn nước phải hướng về đông là hướng về phía mặt trăng do ảnh hưởng vị trí mặt trăng.

Vả chăng mao dậu tý ngọ là tứ chính (thủy) nên song hao miếu vượng ở các cung đó là chính lý. Bốn cung mao dậu tý ngọ là tứ chính thủy, gọi song hao là chúng thủy là các dòng nước. Vậy song hao là thủy chứ không phải là hỏa như nhiều sách đã ghi.

Người mạng thủy mệnh tại mao, người mạng kim mạng lập tại dậu là hợp cách song hao mao dậu.

Song hao miếu địa ở cung quan thì đẹp vô cùng, đẹp hơn cả cung mệnh. Nếu hãm địa và gặp hung sát tinh thì nghèo hèn.

Song hao mao dậu là song hao tọa thủ mà cung mệnh vô chính diệu, bên phía dậu thân có triệt án ngữ, nếu mệnh ở mao là thượng cách vì triệt đáo kim cung sẽ khắc khối kim ra thành nước là song hao chảy mãi mãi bất tuyệt. Cũng do lẽ đó mà cự cơ mao dậu là dòng nước chảy ra bất tận nuôi dưỡng thiên cơ (đại lâm mộc) nếu chỉ được cự môn thủy hợp với thiên cơ thì thủy của cự môn không đủ để nuôi mãi mãi cây gỗ lớn trong rừng được.

Những người tuổi bính tân có cự cơ mao đầu là thượng cách. Song hao hợp với cự cơ vì có sự tương quan về ngũ hành nhưng lại tối kỵ hóa lộc là chí lý vì gặp hóa lộc thì cái chất thổ của hóa lộc sẽ khắc chế và hút hết song hao rồi. Hơn nữa thổ của hóa lộc chẳng những hút hết nước của cự môn (thủy) ngay cả mộc của thiên cơ cũng khắc chết thổ của hóa lộc, thành ra cả một chùm sao song hao cự cơ đều kỵ hóa lộc là vì lý do đó.

Đại tiêu hao gặp phủ vũ lộc thì buồn bán dễ bị lường gạt mất trộm hoặc bị bệnh ở bộ phận tiêu hóa.

Đại tiểu hạn có đại tiểu hao không kiếp suy tử phá kỵ, tiểu hạn lại gặp hình phi phù bệnh mộ phục hổ hội hợp thì là bệnh chết trong tù.

Đại tiểu hao ngộ phá quân hao tài túng thiếu. Ngộ kinh kỵ kiếp đau yếu bị mổ hay bị trộm cướp.

Đại tiểu hao ngộ mộc kỵ nhập hạn năm nào thì năm đó bị mổ xẻ.

Đại tiểu hao ở hai cung thương sứ hạn kiếm không ra tiền, bị đói. Nếu gặp tử và cơ thì năm đó bị chết đói hoặc vì nhịn đói mà chết.

Cung mệnh an tại tỵ hợi có đại hay tiểu hao tọa thủ gặp kinh đà không kiếp thiên hình hội hợp, đàn bà 2 tuổi giáp canh suốt đời nghèo hèn sẽ phải đi ở mướn, nếu không cũng bị yếu tử.

Cung mệnh có đại hay tiểu hao gặp quan phù thì bị ăn đòn vì ẩu đả.

Cung mệnh có đại tiểu hao ngộ tham lang đồng cung là hạng người tham tình hiếu sắc hạ tiện và dâm dật.

Thân cư tài bạch gặp song hao lộc quyền hội hợp thì nhờ buôn bán mà giàu có. Nếu bị kinh dương và phục binh chiếu thì không nên buôn thóc gạo và phải đề phòng nạn lửa cháy.

Cung tài bạch hay điền trạch có đại tiểu hao thì kiếm ít tiêu nhiều, suốt đời mang nợ chẳng thể giàu có được.

Cung mệnh hay quan lộc có đại tiểu hao tọa thủ gặp cự môn vũ khúc hay hóa quyền hội chiếu thì hay đóng đồn nơi biên giới.

Cung phúc đức hay tài bạch có đại tiểu hao kiếp sát tọa thủ đồng cung là người cô độc và nghèo. Nếu mệnh có nhiều quý tinh thì vẫn làm nên sự nghiệp phi thường và song hao địa kiếp kiếp sát chỉ sự không bền hoạnh phát hoạnh phá.

CÔ THẦN (thổ) – QUẢ TÚ (thổ)

Cô quả không bao giờ đồng cung với thái tuế hay trong tam hợp.

Cô thần quả tú là hai bại tinh. Cô quả có đặc tính giống như đầu quân có nghĩa là giữ gìn chặt chẽ. Cô quả giữ gìn nhà cửa tiền bạc ruộng vườn được bền vững nếu đóng ở hai cung tài bạch và điền trạch thì rất tốt vì tính cách hà tiện, tính toán hơn thua trước khi mua bán hay làm gì. Nếu cô thần quả tú đi cùng đầu quân thì sự kỷ lưỡng càng gia tăng.

Cô thần quả tú cũng chỉ sự cô đơn, không thích giao thiệp ít bạn bè, tính nết cố chấp ích kỷ, là người chồng không biết chiều vợ, vợ không biết chiều chồng, cha không chiều con.

Nam kỵ cô (thần) nữ kỵ quả (tú) khi cư mệnh.

Cô quả đóng ở thìn tuất Sửu Mùi vô chính diệu thì riêng người mệnh hỏa hay thổ hợp cùng thai tọa tả hữu và tùy theo các văn tinh hội chiếu mà luận phú hay là quý. Hội

với các tôn tinh hay quý tinh thì là bậc học thức uyên bác tính nết nghiêm cẩn. Gặp phú tinh và quyền tinh là người có địa vị cao chức vụ lớn.

Về mạng nữ thì tối kỵ cô quả ngộ vũ khúc nếu gặp thì chồng bị yếu vong và con cái bị hình khắc thế nào cũng không tránh khỏi rơi lệ vì chồng chết sớm hoặc con cái bất hiếu.

Gặp tử vi thiên phủ là cách vượng tướng quả cô, phải có cát tinh phù trì mới tốt. Cô quả cũng giống như tả hữu hội với cát thì phù cát, hội với hung sẽ vào hùa với hung mà tác hại. Đối với phụ nữ thì cô quả tượng trưng cho sự góa bụa lẻ loi chiếc bóng lạnh lùng. Cô quả rất tai hại cho sự chung sống lứa đôi, sự đoàn tụ.

Người đời thường dùng chữ cô quả để chỉ sự khắc nghiệt cô đơn.

Cô thần chỉ đóng ở dần thân tỵ hội. Quả tú chỉ đóng ở thìn tuất Sửu Mùi.

Như vậy cô thần quả tú luôn luôn ở thế tam hợp với nhau. Ở vào những vị trí này cô quả rất thua thiệt nên hai sao đó mới thành cô đơn và khắc nghiệt.

Ở cung tử tức phúc đức bào thì cô thần quả tú chỉ sự hiếm hoi con cái, ít anh em hoặc lấy vợ lấy chồng muộn.

Ở các cung thiên di nô bộc thì ít bạn hữu, không thích nghi với các sự giao thiệp tha nhân.

Ở các cung phối thì cô đơn không vợ không chồng hoặc góa vợ góa chồng, cô đơn vì bị hiểu lầm hoặc bị bỏ rơi hoặc đã có vợ có chồng nhưng vẫn cảm thấy cô đơn lẻ loi thiếu tình thương, thiếu sự đầm ấm trong gia đình.

Cô thần quả tú gặp xương khúc là người học thức uyên bác, tính nết nghiêm trang khắc khổ.

Cô quả ngộ đào hoa thiên mã là người đàn ông hay người đàn bà có nhiều đào nhiều kép nhưng không ở chung với người nào.

Cô quả phục binh thì hay bị gièm pha nói xấu người khác hay bị tiểu nhân nói xấu.

Cô quả ngộ hóa kỵ tuế phá thì bị ghen ghét hay bị nhân tình bỏ rơi.

KIỆP SÁT (hỏa)

Kiếp sát là một sao địa kiếp thứ hai, một loại hung tinh có hạng. Kiếp sát chủ sát phạt gây giết chóc tai họa hung hiểm, chủ sự hình thương đâm chém mổ cắt. Tại mệnh thì tính tình độc ác tàn nhẫn bất nhân bất nghĩa, gây chết chóc tai họa, nóng nảy không nhẫn nhục dễ tức giận.

Kiếp sát là sao hỏa an theo hàng chi của tuổi vì luôn luôn có thể nghịch địa âm dương.

Kiếp sát có ý nghĩa tai quái như thiên không lưu hà không kiếp hỏa linh.

Giống như thiên hình kiếp sát cũng chỉ sự mổ cắt. Vì tính chất tàn nhẫn nên kiếp sát hay gây thù oán và có hậu quả trả thù đi trả thù lại, đi với hung sát tinh kiếp sát có khả năng tác hại nhấn mạnh.

Tuần triệt và hóa khoa có đủ sức mạnh để chế giải sự hung hãn của kiếp sát. Thiên giải cũng chế ngự được nhưng yếu hơn.

Nếu mệnh có kiếp sát lại thêm hung tinh hợp chiếu thì sự nghiệp nghèo hèn nhiều tai ách và thường chết non. Gặp cát tinh thì cũng chế giải được sự hung hại phần nào.

Kiếp sát hội tứ sát (đồng cung hội chiếu hay xung chiếu) ở giải ách thì chết vì bệnh nan y.

Kiếp sát hội với thất sát (đồng cung hội chiếu hay xung chiếu) ở mệnh thì liễu lĩnh can đảm không sợ chết.

Kiếp sát lưu hà kinh dương thì chết vì tai nạn súng đạn hay gươm đao của bọn trộm cướp.

Kiếp sát hội với phá quân thất sát gia lộc tồn và kinh đà là người làm nghề mổ heo mổ bò hoặc chài lưới mà phát tài.

Nữ mệnh lâm hạn khi sinh đẻ gặp kiếp sát phá toái thì khó tránh khỏi mổ xẻ.

PHÁ TOÁI (hỏa)

Vị trí của phá toái chỉ hạn chế ở 3 cung tỵ dậu sửu. Đó là một sao ít chỗ đóng nhất trong các sao trong tử vi đẩu số nhưng hành động lại mạnh mẽ. Cũng như đa số sao hỏa phá toái là một hung tinh chủ về phá tán hao tổn gây trở ngại. Phá toái còn tượng trưng cho sự ương ngạnh thích làm điều phá tán đổ vỡ. Một vài tác giả coi phá toái như là con đẻ của phá quân.

Phá toái thủ mệnh là hạng người cứng đầu cứng cổ ương ngạnh tàn bạo, thiếu kiên nhẫn hay bỏ bê công việc đang làm dở.

Mệnh có phá toái phá quân lưu hà là cách toái quân lưỡng phá, rất oai hùng chẳng khác nào vũ khúc gặp văn khúc thành công về võ nghiệp.

Mệnh có phá toái lưu hà là người dũng mãnh có oai quyền. Nếu không có lưu hà thì tán tài. Gặp thiên riêu vũ khúc thì nói ngọng, nếu riêu vũ gặp hóa kỵ hay thiên việt thì mắc bệnh câm.

Tuy là một ngôi sao nhỏ nhưng nếu phá toái kết hợp với không kiếp hỏa linh thì lại giúp cho đám sao này hung ác nguy hiểm thêm hơn.

Ở cung giải ách thì phá toái lại làm cho ít bệnh vì tính chất hao tán giống đại tiểu hao, nhưng nếu gặp bạch hổ thiên hình đồng cung ở mệnh thân hay giải ách thì cuống họng ắt phải mổ.

Phá toái hoạt động riêng trong vòng giang sơn của nó là vòng kim (tỵ dậu sửu). Ai cũng biết là phá toái chỉ khuất phục phá quân, do đó người mạng kim mà cung mệnh đóng ở một trong ba cung tỵ dậu sửu thuộc cách phá liêm tham thì rất anh hùng (số làm tướng bách chiến bách thắng) thế cỡi cạp lúc nào cũng có nguy cơ bị cạp vồ.

Những người tỵ dậu sửu thuộc cách cơ nguyệt đồng lương mà cung mệnh thân hạn gặp phá toái thì kể như lọt vào vòng kiềm tỏa và chịu ảnh hưởng trực tiếp của hung tinh này. Về bệnh lý thì phá toái chỉ cuống họng.

Phá toái là hành hỏa đới kim nên 3 vị trí tỵ dậu sửu được coi như là thuận lợi cho nhiệm vụ, không có gì cản trở.

THIÊN HÌNH

Thiên hình là hình phạt và hành kim nên gọi là kiếm sắc dễ sát phạt. Người mệnh kim cung mệnh có thất sát gặp ngay thiên hình ở đó là người uy dũng ít ai bì. Trái lại người mệnh mộc gặp thất sát ở thìn tuất có hình đồng cung kể như là có bản án giảm thọ (bất đắc kỳ tử). Hình ở thìn tuất thì thiên riêu phải ở dần thân là nơi đắc địa. Nếu hãm địa

và gặp thêm hung sát tinh thì hình có nghĩa là dao súng, nhẹ thì cò bót tù tội, nếu đại tiểu hạn đều xấu thì có thể mất mạng.

Thiên hình thủ mệnh là người có tài phán xét phân biệt rất tỉ mỉ và công bình, tính nết nóng nảy và cương trực không cần dấu giếm. Nếu là thẩm phán sẽ là một vị quan tòa công minh liêm chính, không bán rẻ lương tâm vì đồng tiền.

Nữ mệnh có thiên hình thủ mệnh là một người đàn bà rất đứng đắn đoan trang tiết hạnh ngay thẳng dù có đào riêu hồng chiếu cũng không thành lẳng lơ dâm đãng.

Ở các vị trí đặc địa khác là thân mao đậu thì là cách võ quan thẩm phán. Còn ở dần thân đa số là bác sĩ giải phẫu nếu có đủ cơ lương y.

Cũng ở 4 vị trí dần thân mao đậu thiên hình hóa thành hỷ thần thứ hai, nếu gặp văn tinh là người có học và thành đạt về văn học.

Cung mệnh tại dần có thiên hình tọa thủ thì đặc cách hổ hàm kiếm (hổ ngậm kiếm) là người hiển đạt về võ nghiệp.

Thiên hình gặp sát tinh thì gây tai họa khủng khiếp như tù đầy đâm chém chết chóc.

Cung giải ách có thiên hình mà không có sao giải thì có thể mắc bệnh cần đến sự can thiệp bằng mổ xẻ nếu như hạn cũng xấu.

Cung mệnh hay thân có thiên hình hay kiếp sát tọa thủ đồng cung là người tính nết quá nóng nảy không ai dám đến gần cô đơn ít bạn bè, thường sát vợ sát chồng và hiếm con.

Cung mệnh ở 4 cung dần thân mao đậu có thiên hình tọa thủ là người anh hùng đảm lược.

Cung mệnh thân có thiên hình thiên riêu tấu thư vũ khúc hội hợp thì là người thợ mộc giỏi có tiếng.

Cung mệnh có thiên hình tọa thủ đã là người hung bạo gặp thêm đà la hóa kỵ thành hạng người chuyên gây gỗ kiếm chuyện với người khác.

Cung mệnh an tại dần có thiên hình bạch hổ tọa thủ đồng cung gặp tử vi thiên phủ hội hợp. Ở hai tuổi giáp và kỷ là người có biệt tài điều khiển ba quân hiển đạt về võ nghiệp và có uy danh lừng lẫy.

Cung mệnh an tại dần thân có thiên hình thất sát đồng cung hay xung chiếu là người oai phong lẫm liệt như một vị thần giáng thế.

Cung tử tức có thiên hình hay phi liêm là người hiếm con nhưng nếu có thiên khôi thiên việt thì sinh con quý tử.

Cung giải ách có thiên hình hóa kỵ đồng cung ngộ đại tiểu hao bệnh phù và sát tinh hội chiếu tất bị bệnh phong hoặc mang ác tật.

Nữ mệnh mà cung mệnh thân có thiên hình thiên riêu đồng cung thì có số khắc chồng hại con.

Hạn đến cung ngộ có thiên hình kinh dương lại gặp thất sát thế nào cũng bị tù đầy.

Hạn gặp quan phù thiên hình không kiếp thì có nhiều người thù oán phải cẩn thận coi chừng. Hạn có thiên hình gặp thiên mã hỏa tinh rất nguy hiểm.

LƯU HÀ (thủy)

Lưu hà có tính cách thâm trầm sát phát độc ác nhâm hiểm gây tai nạn.

Lưu hà cũng chỉ những người làm việc trên sông trên biển như lính thủy thuyền chài Về tính chất tai họa thì ngoài những tai nạn sông nước lưu hà cũng rất độc cho phụ nữ khi gặp hạn xấu mà sinh nở thì cũng dễ chết nếu như hạn cùng xấu mà không có sao giải.

Cung mệnh có lưu hà hãm địa nếu không có sao giải thì dễ bị chết đuối và cũng dễ bị tai nạn đắm thuyền hay tai nạn sông nước.

Vì tính cách thủy nếu lưu hà đóng ở cung thủy thì được đặc cách hơn các cung khác.

Tuy có tính chất thâm hiểm gian ác giết chóc và có thủ đoạn khi đi với kiếp sát kình dương phá toái tuyệt song hao nhưng lưu hà cũng có những tính chất tốt như ăn nói lưu loát, có tài thuyết phục và diễn thuyết, ăn nói đanh thép. Nếu có tấu thư hội chiếu hay đồng cung thì có tài tranh cãi và hùng biện.

Lưu hà hội với thanh long có nghĩa là rồng xanh vẫy vùng trên sông lớn, ngụ ý cầu tài lộc hay danh vọng thì dễ dàng thành công.

Nếu lưu hà đóng ở hai cung tý hợi (thủy) mà thiếu thanh long thì sự may mắn giảm đi nhiều.

Gặp kiếp sát đồng cung khi hạn đến gặp 2 sao này thì gây tai họa một cách khủng khiếp. Nếu gặp cả 3 sao lưu hà hóa kỵ cự môn thì khó lòng thoát nạn chết đuối nếu không có sao giải.

Lưu hà và thanh long vì thành kiến nên khi xem số tử vi nghe ông thầy ca tụng vận thanh long lưu hà là một dịp rất may mắn như rồng gặp biển cả, con người gặp cơ hội thuận tiện dễ dàng đạt nguyện vọng. Hẳn đây là một linh đơn mà ta phải thử phân chất xem đây có phải là những chất đem lại kết quả tốt đẹp cho người đời được hưởng thụ.

LƯU HÀ : chuyên đứng một mình cô đơn không có cặp bài trùng như tả hữu, long phượng xương khúc hay không kiếp hỏa linh. Lưu hà cũng không phụ thuộc trong một vòng tràng sinh thái tử lộc tồn nào cả. Lưu hà được can ấn định chỗ đứng, ở trường hợp nào cũng nghịch lý âm dương với tuổi mạng, thường hay hợp tác với kiếp sát và thiên không, trường hợp gay go do hàng chi đặt ngôi vị cũng nghịch lý âm dương để cảnh cáo người đã được lộc tồn lại lợi dụng quá mức do đào hoa thúc đẩy tham vọng trong những tuổi sau đây : Giáp thân tý thìn, Ất tỵ dậu sửu, Bính dần ngọ tuất, Đinh hợi mão mùi, Mậu thân tý thìn, Nhâm dần ngọ tuất và Quý tỵ dậu sửu. Tham vọng của đào hoa sẽ bị lưỡi gươm của trời tức là lưu hà (thủy) đất tức là kiếp sát (hỏa) trừng trị nhất là ở 4 tuổi mậu nhâm ất tân nên thận trọng vì các sao quý nhân như thiên quan thiên phúc thiên ất (tức là thiên khôi thiên việt) đã hội hợp còn đứng bao vây vào một vị trí có liên hệ với đời sống quan trọng của đương số.

Sau sự phân chất đó thì ta thấy rằng lưu hà và thanh long không có gì là sáng giá trong sự liên lạc bổ sung cho nhau vì lưu hà chấp hành lệnh thi hành hình phạt mà không xây dựng. Vậy tại sao cổ nhân lại nêu đề tài thanh long lưu hà ra ? Như vậy hẳn đã có sự trùng hợp vì tam sao thất bản làm lệch định hướng cho rằng thanh long lưu hà là tốt đẹp như rồng vùng vẫy ngoài biển khơi. Theo kinh nghiệm thì chỉ có 3 tuổi bính thân tý thìn, đinh hợi mão mùi và quý tỵ dậu sửu mới có thanh long gặp lưu hà và không phải lưu hà đã đứng lên để đem lại sự thuận tiện cho thanh long. Chính hồng loan hoặc thiên hỷ đã tô

điểm cho thanh long được thêm rực rỡ. Thanh long là rồng xanh đứng cặp với hồng loan là phượng đỏ chẳng khác gì long trì sinh đôi với phượng cách. Tư cách của hồng loan thì hoàn toàn chính đáng, dù ở cung nào cũng mang lại sự may mắn an ủi về những sự thiệt thòi của đương số. Sự tốt đẹp do thanh long mang lại chỉ trong hình thức mà vẫn phải chịu sự gay go và một khi gặp lưu hà hay hồng loan cũng là một trường hợp nghịch lý âm dương. Khi hội với hồng loan thanh long đem lại sớm tỉnh ngộ giấc mộng phù hoa, may hơn người là tránh được bước tuột dốc nguy hiểm.

Vậy cặp thanh long lưu hà chỉ là một sự ngộ nhận trong trường hợp xảy ra ở 3 tuổi bính đinh và quý, còn ở các tuổi khác thì không bao giờ có.

Vậy kết quả của sự phân tích cho thấy là lưu hà thanh long chỉ là một điềm báo trước chứ không phải là một sự phù trợ. Thanh long không thể tự coi mình như là bác sĩ để hưởng trọn vẹn. Sự tốt đẹp mà thanh long được hưởng chỉ là danh dự do hoa cái đền đáp cho những đương số ở vị trí tam hợp phá hỷ; thanh long có nhiều liên lạc khi tiếp thụ với hồng loan, lúc phối hợp với hoa cái để thấy sự thật về hoàn cảnh của thái tuế và đường phù.

Như người tuổi giáp tý sự thụ hưởng của đương số có thể so với bác sĩ nhưng thanh long đã bù đắp cho thái tuế bằng một cái danh dự lâu dài là hoa cái như đức Khổng Tử cả một cuộc đời long đong nay đây mai đó chỉ được đền bù bằng thanh long và hoa cái là một danh dự đặc biệt là danh tiếng được lưu truyền.

Thanh long : là một sao trong vòng lộc tồn được hợp cách âm dương cùng lộc tồn tuy không được chính thức xác nhận bằng sao bác sĩ có tam hợp tướng quân. Bệnh phù bác sĩ (cộng lộc tồn đồng cung) nghĩa là hoàn toàn sáng suốt đầu có gặp trở ngại cũng chỉ là qua loa. Thanh long thì đứng chung trong tam hợp với phi liêm và phục binh có ý nghĩa là tuy được may mắn nhưng nếu không khiêm nhường thì chỉ là một phường lưu manh.

THIÊN RIÊU (thủy)

Thiên riêu nặng về ý nghĩa dâm dục hơn là mê tín dị đoan và có giá trị tương đương với các sao dâm khác như tham lang đào hoa hồng loan mộc dục thai

Thiên riêu đắc địa ở 4 cung dần mao dậu tuất. Nếu ở hai cung mao dậu thì dù có sắc dục cũng không bị trụy lạc. Ở 4 cung dần mao dậu tuất là người có biệt tài về văn chương thông thái khảo cứu rất sâu rộng các môn học và thuần phong mỹ tục.

Người có thiên riêu thủ mệnh là người có tín ngưỡng, tư tưởng thần thánh.

Nếu thiên riêu thủ mệnh mà không có sao ngăn chặn thì tính nết ham mê nhục dục, chơi bời trụy lạc, dễ sa ngã, dễ trở thành bất chính.

Thiên riêu hội với hồng loan cư mệnh thì y phục lúc nào cũng sang trọng.

Hội với cơ lương tả hữu bác sĩ là số của một bác sĩ có danh tiếng.

Hội với tả hữu hình quan phù trực (lưỡng phù) là thầy phù thủy cao tay.

Thiên riêu đắc địa gặp tràng sinh đế vượng là người giữ gìn tư cách, quần áo lúc nào cũng thơm tất. Gặp long phượng thì tài lộc hưng vượng. Thiên riêu đóng tại cung mệnh thì hay đau răng. Thiên riêu gặp lưu hà thì công việc trôi chảy.

Thiên riêu gặp xương khúc là người dâm tục, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến thú vui về xác thịt.

Thiên riêu thủ mệnh gặp đào hồng là người dâm đẳng bất chính, tính nết lăng lơ.

Riêu hãm địa mà không gặp cát tinh như tử phủ khoa hình tuần triệt là người dâm dăng ham mê tử sắc, bị yếu tử.

Riêu đào là cách ngoại tình nặng như câu phú :

“Đào riêu số gái ai hay

Chồng ra khỏi cửa dắt trai vào nhà”

Thiên riêu ngộ thai tăng thêm cường độ dâm dục, có con riêng.

Ở cung phối, cung nô thì cả hai vợ chồng đều ăn chơi đàng điếm dâm dục. Nếu gặp thêm đào hay hồng thiên đồng tấu thư thì có thể ngoại tình với kẻ ăn người ở.

Ở tử tức và bào có anh chị em hay con chơi bởi lăng loạn, thêm sao thai thì chữa hoang.

Nữ mệnh mà hồng riêu hội kinh đà là người buôn bán ngành vải hoặc chủ tiệm may có tiếng tăm và giàu có.

Nữ mệnh mà có riêu hội với tấu vũ hỷ hồng là cách ca sĩ tài tử nổi danh tài sắc.

Ở đại tiểu hạn gặp thì thường có nhân tình đi đến chỗ say mê mẫn nồng và cũng trong hạn đó hay đi xem bói xem tướng hoặc hay cúng bái. Cung mệnh an tại hội có thiên riêu tọa thủ là người thông minh sáng suốt.

Riêu đà kỵ ở liền ba cung tỵ ngộ mùi mà cung mệnh thân an ở một trong ba cung ấy thì gặp hoạn nạn liên miên.

Cung tài bạch có thiên riêu thiên hỷ tọa thủ đồng cung hay xung chiếu là người bị nhiều tai vạ quái ác.

Riêu ngộ mã ở di hay mệnh là người lông bông. Mệnh có hình riêu, cung quan vô chính diệu thì không có công danh sự nghiệp.

Hạn gặp thiên riêu bạch hổ phải đề phòng ác thú.

Hạn gặp đào hồng riêu hỷ thì trai hay gái cũng chỉ nghĩ đến đam mê nhục dục.

Về già hạn gặp thiên riêu tướng quân hay thiên tướng mộc dục kinh dương hóa khoa và sát tinh hội hợp thì lòng xuân chưa dứt, lúc nào cũng tơ tưởng đến chuyện trai gái dâm dăng.

HẾT